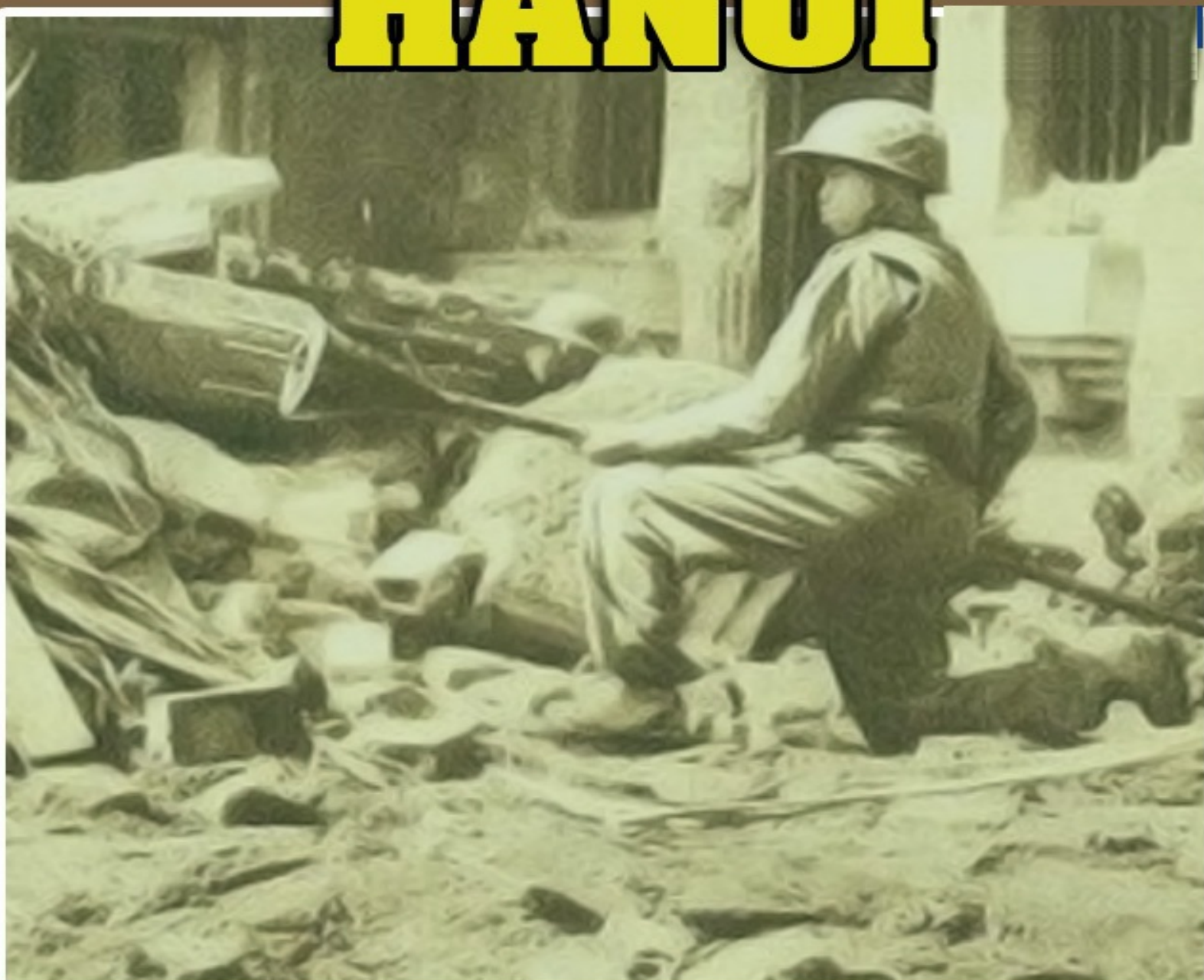


**PHILIPPE
DEVILLERS**

**HOÀNG
HỮU
ĐÀN**
DỊCH

PARIS SAIGON HANOI



Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

Paris – Saigon - Hanoi

Philippe Devillers

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[PARIS - SAIGON - HANOI](#)

[LỜI NHÀ XUẤT BẢN](#)

[LỜI TỰA](#)

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[NHẬN THỨC MUỘN MÀNG VỀ MỘT CUỘC CHIẾN TRANH](#)

[I. VIỆT NAM MỘT NỖI HỜI KHÔNG CÓ XU-PAP \(CHO ĐẾN 1930\)](#)

[II. MỘT CHÍNH QUYỀN MONG MANH, NHỮNG KẺ KẾ THỪA SỐT RUỘT \(2/1930 - 9/3/1945\)](#)

[III. NƯỚC VIỆT NAM GIÀNH LẠI QUYỀN ĐỘC LẬP \(10/3 - 2/9/1945\)](#)

[IV. ĐỐI ĐẦU VÀ ĐỀ NGHỊ \(2/9 - 30/10/1945\)](#)

[V. HÀ NỘI VÀ SÀI GÒN BỊ DỒN VÀO THẾ PHẢI LỰA CHỌN \(8/10/1945 - 13/02/1946\)](#)

[VI. MỘT SỰ UỐN NẮN ĐIỀU KỲ: HIỆP ĐỊNH 6/3/1946 \(14/2 - 18/3/1946\)](#)

[VII. SÀI GÒN, ĐIỂM THẮT NÚT CỦA VẤN ĐỀ \(7/3 - 19/6/1946\)](#)

[VIII. FONTAINEBLEAU HAY LÀ CUỘC TRƯỜNG KỲ THƯƠNG LƯỢNG \(22/6 - 19/9/1946\)](#)

[IX. LÀM SAO VÔ HIỆU HÓA ĐƯỢC HÀ NỘI? \(21/9 - 13/11/1946\)](#)

[X. HẢI PHÒNG: MỘT KHÚC NHẠC DẠO ĐẦU \(8 - 30/11/1946\)](#)

[XI. HỒ CHÍ MINH CHỜ THỜI \(30/11 - 12/12/1946\)](#)

[XII. ĐẢO CHÍNH HỤT TẠI HÀ NỘI \(10 - 25/12/1946\)](#)

[XIII. CUỘC ĐOẠN GIAO VÀ HUYỀN THOẠI CỦA NÓ \(20/12/1946 - 16/1/1947\)](#)

[XIV. VIỆT NAM - TỪ CẤM \(4/1 - 23/3/1947\)](#)

[XV. VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH \(23/3/1947 - 4/1956\)](#)

[LỜI BẠT CỦA DỊCH GIẢ](#)

[NGUỒN TƯ LIỆU GỐC VÀ THƯ MỤC](#)

[Chú Thích](#)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Philippe Devillers là một nhà sử học Pháp có uy tín, chuyên nghiên cứu lịch sử hiện đại khu vực Đông Nam Á. Ông đã có mặt ở Việt Nam vào lúc cuộc chiến tranh Việt - Pháp xảy ra và đã viết nhiều cuốn sử về Việt Nam.

Cuốn Paris - Saigon - Hanoi, nhà xuất bản Gallimard, Paris, in năm 1988, là kết quả của hàng chục năm nghiên cứu tìm tòi của ông, nhằm xác định nguyên nhân chính xác của cuộc chiến tranh Đông Dương là do đâu? Nếu từ những năm đầu của cuộc chiến tranh này, ông đã có những giả thiết sắc sảo, nhưng chưa đủ tư liệu để chứng minh, thì năm 1987, những kho lưu trữ tư liệu mật của các Bộ Ngoại giao, Pháp quốc Hải ngoại, Quốc phòng... của Pháp, khép kín ba mươi năm liền, nay đã được mở cửa. Những tư liệu quý giá này đã xác minh những giả thiết của ông là đúng: Cuộc chiến tranh Đông Dương đã xảy ra “không phải do ngẫu nhiên, mà do tội lỗi, do sự “vụng về” hoặc “tính toán sai lầm” của một vài người mà sự xảo trá hai mặt và cái nhãn quan “cận thị” chưa từng có trong lịch sử nước Pháp. Một cánh nhỏ những quan chức và nhà quân sự cao cấp Pháp đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh giữa nước Việt Nam và nước Pháp”.

Ngoài sự phong phú và chính xác về tư liệu, cuốn sách được trình bày rõ ràng, logic và gọn, phản ánh một mức độ hiểu biết sâu rộng, một ý thức tích cực bảo vệ sự công bằng, chân lý lịch sử, đồng thời sự trung thực thẳng thắn trong những mối bang giao quốc tế Việt - Pháp. Cuốn sách còn thể hiện một tinh thần nhân đạo, sáng suốt đấu tranh chống chiến tranh, củng cố hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước Pháp và Việt Nam...

Những việc làm của chính phủ và nhân dân Pháp ngót ba mươi năm nay nhằm giúp Việt Nam xây dựng lại đất nước và đặc biệt là cuộc đi thăm “xóa bỏ hận thù” của Tổng thống Pháp Fr. Mitterrand đến Việt Nam tháng 2/1993 phải chăng đã là sự diễn đạt cụ thể cái ước vọng lớn và đẹp mà tác giả đã kín đáo gửi gắm vào trong cuốn sách của mình, đồng thời là ước vọng lớn và đẹp của nhân dân hai nước Pháp và Việt Nam từ bấy lâu nay?

Paris - Saigon - Hanoi là cuốn sách của một tác giả người nước ngoài viết, căn cứ trên những nguồn tư liệu mà tác giả thu thập được trong 40 năm, và những tư liệu chính thức của các Kho Lưu trữ của nước Pháp. Những lời lẽ, những nhận định - in chữ nghiêng trong ngoặc kép - nhiều chỗ mang tính chất vu khống và xuyên tạc, là trích nguyên văn từ các bản báo cáo, các bức điện, các chỉ thị, các mệnh lệnh và kế hoạch, các biên bản những cuộc đối thoại... của những D'Argenlieu, Pignon, Valluy nhằm biện hộ cho những âm mưu và hành động chiến tranh xảo quyệt của chính họ.

Những tư liệu được sử dụng trong sách nói chung là mới, phong phú, chính xác, tuy nhiên, có thể cũng còn những chỗ bị hạn chế về tính khách quan. Ở mỗi chương trong sách đều có nhiều ghi chú, nhưng theo đề nghị của tác giả, dịch giả chỉ dịch một số ghi chú quan trọng nhất. Những ghi chú còn lại được để nguyên bằng tiếng Pháp ở cuối sách. Xuất bản cuốn sách này, chúng tôi mong muốn cung cấp cho bạn đọc những thông tin tham khảo trong việc nghiên cứu về cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đã gây ra cho nhân dân ta biết bao tổn thất máu xương, nhưng cuối cùng, bằng chính nghĩa, nhân dân ta đã chiến thắng vẻ vang.

Cuốn sách đã được xuất bản lần đầu, năm 1993, với sự hỗ trợ tài chính đáng quý của Tổng Lãnh sự quán Pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được sự đón tiếp rất nồng nhiệt của các bạn đọc. Theo đề nghị của nhiều đối tượng bạn đọc, đặc biệt ở miền Bắc - mà lần đầu sách không kịp tới nơi - chúng tôi cho tái bản cuốn

Paris - Saigon - Hanoi nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và giảng dạy của các bạn giáo viên, sinh viên và những bạn đọc quan tâm đến lịch sử nước nhà. Ngoài mục đích đó ra, cuốn sách

tái bản còn mang một ý nghĩa đẹp khác là phát huy và củng cố tinh thần hiếu biết, hữu nghị và hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa hai nước Pháp và Việt Nam trong bối cảnh hòa bình ngày càng được củng cố.

Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM

LỜI TỰA

(Cho lần xuất bản thứ nhất)

Bản thảo giữa một bên là ý thức tôn trọng sự thật và một bên là những tình cảm yêu nước thúc đẩy mình phải đồng tâm nhất trí với đồng bào, một nhà sử học Pháp làm sao có thể phân tích được một cách khách quan và sâu sắc một cuộc chiến tranh đã đối lập, từ 1945 đến 1954, hai đất nước mà với mình đều rất thân yêu, là nước Pháp và nước Việt Nam.

- Độc giả sẽ là người phán xử.

Mặc dầu trải qua một quá khứ nặng nề được đánh dấu bởi một cuộc chinh phục tàn nhẫn, rồi sau đó là một nền thống trị thực dân, hai dân tộc chúng ta, mà số phận đã đi ngược chiều nhau như vậy, vẫn có một vài lý do chính đáng để tin rằng chúng ta vẫn có những điểm rất tương đồng và mối quan hệ giữa hai bên một ngày kia có thể là mối quan hệ có nhiều chất lượng. Sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, đã xuất hiện một cơ hội rất thuận lợi cho một sự khởi đầu mới, vì nước Pháp vừa tự giải phóng khỏi ách xâm lược Đức chắc chắn có thể hiểu đúng đắn hơn nguyện vọng tự do và độc lập lúc này đang làm sôi động cả dân tộc Việt Nam.

Năm 1946, chúng ta suýt nữa đã hiểu nhau và thỏa thuận được với nhau. Chỉ cần một chút nữa thôi là chúng ta đã có thể có được không phải một “thỏa hiệp” hay một “tam ước” mà vẫn bản một sự liên kết, hơn thế nữa, một sự đồng minh giữa hai dân tộc tự hào và tự do, trong khuôn khổ một tổng thể mà hai bên sẽ cùng nhau quy định. Lỡ mất bao nhiêu cơ hội tốt. Độc giả sẽ không quên nêu lên những cơ hội bị bỏ lỡ đó: tháng 8, tháng 9, tháng 12/1945, tháng 3-4 rồi tháng 9-1946. Sự thỏa thuận đã ở ngang tầm tay rồi, bởi vì những điểm bất đồng lúc đó nếu ta lùi lại một chút trong thời gian mà nhìn, thì về căn bản hoàn toàn không đáng kể. Sau cuộc nổi bùng cuối 1946 mà khâu ráp lại thì khó khăn hơn nhiều, có thể nói là bất khả; nhưng những cơ hội khác để ngăn cản cuộc chiến tranh xảy ra đã bị mất đi, đó là chưa kể cơ hội để nối lại quan hệ đôi bên vào cuối năm 1954.

Chính là vào tháng 11/1945 bắt đầu mối quan hệ cá nhân tôi với nước Việt Nam, một đất nước mà dù đã 25 tuổi tròn thực tế tôi chưa hề hiểu biết gì về nó cả. Phải mất vài tháng tôi mới bắt đầu tìm hiểu được phong cảnh (sông núi, ruộng đồng), những con người và nguyện vọng của họ. Quả đây là một “tiếng sét” có tác dụng thay đổi hoàn toàn cuộc đời tôi. Nhưng chỉ dần dần tôi mới hiểu được lịch sử của nó và những gốc rễ của cuộc chiến tranh đã một lần nữa đối lập hai nước chúng ta và chỉ có thể hiểu đúng một khi nó được đặt lại vào một hướng nhìn thông suốt.

Tôi về Pháp được ít lâu thì chiến tranh xảy ra. Từ đó, tôi luôn luôn tìm cách làm sáng tỏ những nguyên nhân nào đã dẫn chúng ta, người Pháp và người Việt Nam, đến cuộc chiến tranh ngay giữa thế kỷ XX này và sau những cuộc hội đàm đầy hứa hẹn như vậy.

Tôi đã may mắn có mặt tại Việt Nam trong cái năm thắt nút của tấn bi kịch và ở những chức vị cho phép người ta có được một cái nhìn tổng quát và những thông tin từ mọi nguồn quy về. Đến Sài Gòn với tướng Leclerc và nhóm cộng sự của ông mà thiện chí hòa bình thực tình là gương mẫu, tôi đã tiếp thu được cái phương pháp và cái tính hợp lý trong cách họ hành động và kết luận: đối với cả hai bên, hòa bình là giả thiết duy nhất có giá trị. Tất cả những điều đã được nói lên tại cuộc Hội nghị Đà Lạt lần thứ nhất ngay sau Hiệp định mong 6 tháng 3/1946, đã chứng minh khả năng thực tế của một sự thỏa hiệp, miễn là hai bên đều chứng tỏ thiện chí và hiểu biết của mình, dĩ nhiên, nhưng trước tiên là có óc thực tế và cái nhìn khoáng đạt về tương lai. Và nếu Fontainebleau không cụ thể hóa được những niềm hy vọng ấy thì đó là do những nguyên nhân riêng của người Pháp: lúc này điều lo lắng mang tính chất duy lý của họ là phải hoàn thành trước tiên trên giấy trắng mực đen, một lâu đài hoàn hảo về mặt pháp lý đã,

lâu dài đó là Liên hiệp Pháp. Nhưng một khi chân trời phía đó đã sáng sủa lên rồi thì phải nổi lại những cuộc đàm phán chỉ tạm ngừng, vào tháng giêng năm 1947.

Chẳng bao lâu sau đã xảy ra những sự kiện Hải Phòng (tháng 11), rồi Hà Nội (tháng 12). Thế là chiến tranh, và chiến tranh bảy năm ròng. Tại sao?

Tại sao Việt Minh đã tấn công ngày 19 tháng 12? Tại sao quân Pháp đã chuẩn bị một cuộc “đảo chính”? Tại sao họ đã tạo điều kiện cho Việt Minh tấn công mình để họ có thể trả đũa một cách quyết định? Trong lịch sử gần gũi của nền Đệ tứ Cộng hòa, ít có vấn đề nào đè nặng lên hơn là vấn đề chiến tranh Đông Dương. Cuộc xung đột nảy sinh từ trong tình huống lập lờ hai mặt và đã hoàn toàn có khả năng tránh được, đã phát triển lên sau 1946 như một bệnh ung thư gặm mòn dần cơ thể của nước Pháp đang trong thời kỳ dưỡng bệnh.

Về mặt tài chính, nước Pháp đã ngốn vào đó số tiền tương đương với số tiền Hoa Kỳ viện trợ cho nó (trong khuôn khổ Kế hoạch Marshall) và do đó mà ngay tức thời bị chậm trễ so với các nước láng giềng châu Âu của mình. Nó đã bị thiệt hại nặng nề về người, về của và cuộc sống chính trị của nó đã bị đầu độc vì những vụ “xăng đan” vang dội gắn liền với cuộc chiến tranh này. Sau đó nền Đệ tứ Cộng hòa đã không hồi phục nổi.

Đối với người Pháp, cần phải biết rõ ai là người phải chịu trách nhiệm gây ra tai họa này. Kể cả dù khi cuộc tấn công của tự vệ quân ở Hà Nội có là một sai lầm khủng khiếp của Việt Nam đi chăng nữa, thì đó đâu phải là một trong những hành động vô phương cứu chữa dẫn đến sự cắt đứt hoàn toàn các quan hệ ngoại giao giữa hai dân tộc chúng ta? Từ đó, người ta còn thấy những cuộc tấn công khác. Thế nhưng toàn bộ cuộc chiến tranh lại được trình bày như một sự “trả đũa lại một cuộc tấn công quý quyết của Việt Minh” và cuộc trả đũa đó đã được tiến hành một cách thích đáng. Vậy mà, mặc dù ngay từ đầu, người ta đã thấy lời giải thích chính thức này quả đáng nghi ngờ, nó vẫn cứ được giới chính trị và dư luận công chúng chấp nhận chẳng gặp chút gì gọi là khó khăn.

Những điều nghi ngờ mà tôi đã phát biểu về cuộc chiến tranh ngay từ 1947 đến năm 1953 đã biến thành “giả thuyết nghiên cứu”. Tôi tự hứa với mình sẽ thu xếp sao cho mình đừng vội chết trước khi rọi được ánh sáng vào cái năm 1946 ấy. Tôi đã phải đợi chờ rất lâu ngày mở cửa các kho lưu trữ công cộng của nước Pháp và một vài bộ sưu tập giấy tờ ghi chép của tư nhân để tiếp tục cuộc tìm tòi tra cứu của tôi. Nhưng từ hàng ngàn tư liệu tôi tham khảo, tản mạn trong nhiều kho sách và từ hàng trăm bộ hồ sơ, cũng không thể làm bật ra được sự thật của lịch sử nếu cái trí nhớ của một chứng nhân nho nhỏ là tôi lúc đó không mang đến cho một sợi dây dẫn điện, một thứ trực giác nào đó về cái thực chất màn kịch mà các diễn viên đã đóng trước đây. Thực tình, sự đối chứng nhiều nguồn như vậy chỉ có thể thực hiện được bởi một người đã từng sống qua toàn bộ sự việc từ bên trong của nó. Và cứ thế, một cách kiên trì và nhẫn nại, lịch sử đã được tái hiện lên gần như trọn vẹn, ít ra về phía Pháp. Độc giả sẽ thấy được liên kết lại trong một bản tường thuật những văn bản thiết yếu biểu hiện chính sách của nước Pháp tại Việt Nam và khẳng định giả thuyết nghiên cứu của tôi là đúng; đó là: cái bộ ba D’Argenlieu - Pignon - Valluy sau khi đã cân nhắc dẫn đo kỹ lưỡng, đã cố tình gây ra cuộc xung đột nhằm loại bỏ ông Hồ Chí Minh và Việt Minh trước khi nối tiếp lại những cuộc đàm phán đã dự định; vì họ sợ kết quả sẽ “tồi tệ” hơn nữa: sợ Chính phủ Pháp bỏ Đông Dương.

Và kết quả là chiến tranh, cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp (7 năm), rồi đến cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ (13 năm), bởi vì Washington và phương Tây đã chấp nhận quan điểm của Pháp. Trường hợp bất thường về việc thông tin bị xuyên tạc ấy cũng là một trong những trường hợp mang lại những hậu quả nghiêm trọng bậc nhất.

Quá khứ là quá khứ và vẫn mãi mãi là quá khứ; nhưng người ta không thể không biết đến nó, cũng không thể quên nó hoặc che giấu nó được.

Ngày nay trên toàn thế giới cái “nhiệm vụ nhớ lại” được coi như là một đòi hỏi cấp bách. Và phải viết để cho các dân tộc và để tránh dùng để cho những bản “in thử”, từ thể hệ này qua thế

hệ khác bị chìm đi trong quên lãng. Trong hoàn cảnh này, điều tôi quan tâm chỉ là làm sáng tỏ sự thực dù rằng đối với một số người nó không lấy gì làm mát dạ và êm tai cho lắm. Phải làm sao để nhờ những tài liệu đích xác và chân thực mà, người Pháp và cả những người khác nữa cùng hiểu được “sự việc đã xảy ra như thế nào”, và xác định đúng những ai giữa chúng ta đã biết nhìn sáng suốt và những ai đã dẫn nước Pháp đi vào con đường tai họa.

Một bản tường thuật như vậy liệu có đánh thức dậy trở lại những con quỷ dữ và những mối hận thù xưa chẳng? Độc giả hẳn đã thừa biết rằng trong chính trị chẳng có điều gì là giản đơn và trước tiên là nên thận trọng, đừng khái quát hóa. Trong bất cứ công đồng nào cũng đều song song tồn tại những con người ưu tiên dùng đối thoại, thảo luận, thỏa thuận và những kẻ thiên về dùng sức mạnh để giải quyết nói chung mọi vấn đề. (“Quyền lực ở đầu mũi súng” - có người nào đó đã nói như vậy).

Ngay từ cuối năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu nhân dân Việt Nam phải tập phân biệt giữa những người Pháp: một bên là thực dân đế quốc và một bên là những người dân chủ tin tưởng một cách chân thành vào các giá trị của tự do, công bằng, bác ái và hành động đi đôi với lòng tin. Người ta biết sự quý trọng của Hồ Chủ tịch đối với tướng Leclerc và không bao giờ Người nghi ngờ đến tấm lòng chân thực của ông. Nhưng giữa năm 1946, ngay lúc tình hình đang căng thẳng, làm sao người ta có thể thực hiện được sự phân biệt nói trên?

Vả lại thời kỳ đó Việt Minh đang gọi lên cho người Pháp một hình ảnh như thế nào về nước Việt Nam?

Bất hạnh đã đến, không phải do “nước Pháp”, mà do một nhóm nhỏ khá xảo quyết hành động trong “bóng tối và bí mật” và không được kiểm soát cẩn thận. Sau đó, Chính phủ Pháp không muốn lên án chúng nên đã thi hành trong nhiều năm, vẫn trong bí mật, một chính sách mà lịch sử ngày nay lên án. Nhưng trong thực tế, dư luận công chúng Pháp, do thiếu phương tiện truyền thông mà chưa bao giờ được thông tin đầy đủ về những dữ kiện có thực của vấn đề Việt Nam, đã bị lừa phỉnh và bị uốn nắn một cách có hệ thống; chỉ đến khi thất bại đã gần kề rồi nó mới được thức tỉnh đôi chút.

Bóng tối của quá khứ không nên đầu độc cuộc sống. Giữa người Pháp và người Việt Nam, xưa kia là thù địch của nhau, vẫn có một tương lai cho tình hữu nghị và cho những cuộc trao đổi về mọi mặt, kể cả sự hợp tác. Không lẽ hai dân tộc lại cứ phải trả giá vô thời hạn cho những lỗi lầm của một vài người cách đây nửa thế kỷ hay sao?

Nhưng mà tương lai chỉ có thể xây dựng trên cơ sở sự thật. Để chúng ta có thể đi một cách lành mạnh, thẳng thắn và không có ẩn ý, vào những cuộc trao đổi có hiệu quả, cả hai bên chúng ta cần phải hiểu biết kỹ càng lịch sử các mối quan hệ bang giao của chúng ta và, muốn làm được như vậy, phải khắc phục những nỗi ân hận đắng cay, nhận lấy không tránh né những trách nhiệm đối với nhau.

Lịch sử chân thực là kết quả của một sự đối thoại. Cuốn sách này giới thiệu với nhân dân Việt Nam bản “thuật lại bằng tiếng Pháp có sửa chữa” về những căn nguyên của cuộc chiến tranh của chúng ta. Giờ đây là lúc các nhà sử học Việt Nam - mà tôi chân tình cảm ơn đã có sáng kiến dịch và xuất bản cuốn sách này - có nhiệm vụ đóng góp phần mình vào để cho chân lý được biểu hiện một cách hoàn toàn trọn vẹn.

Chúng ta, những nhà sử học, ai cũng phải “xứng đáng với lòng tin cậy” của nhân dân, và giúp đỡ nhân dân làm cái “nhiệm vụ nhớ lại” của mình, để hiểu rõ cha ông ta đã sống như thế nào, nhưng cũng để hiểu thêm lịch sử, những động cơ, những quan điểm của người khác nữa.

Ngày 16 tháng 7 năm 1993

Ph. Devillers^[1]

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho lần xuất bản thứ nhất)

Quyển Paris - Saigon - Hanoi. Tài liệu lưu trữ về cuộc chiến tranh 1944-1947, xuất bản tại Paris năm 1988, của nhà nghiên cứu sử học Philippe Devillers^[2], do nhà khảo cứu văn học Hoàng Hữu Đản, người có nhiều cống hiến trong việc dịch những tác phẩm từ tiếng Pháp sang tiếng Việt để giới thiệu nền văn học Pháp, đã công phu biên dịch để giúp các nhà nghiên cứu sử học nhìn trở lại, về phía Pháp, những năm trước và sau cách mạng tháng Tám năm 1945, dẫn đến cuộc chiến tranh mà giờ đây ai cũng hối tiếc. Đúng như lời tướng De Gaulle sau này trong bức thư ngày 8/2/1966 viết cho Hồ Chủ tịch có nói: “Giá có một sự hiểu biết nhau tốt hơn giữa người Việt Nam và người Pháp ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ hai thì đã có thể tránh được những sự biến tai hại đang giáng xé đất nước Ngài hôm nay”.

Nhưng dù sao cũng phải nhấn mạnh rằng đối với mọi người hôm nay, như tác giả đã viết: “Việt Nam là một trong những tấn bi kịch lớn của thế kỷ XX” và giờ đây “các tài liệu lưu trữ đã chứng minh cuộc chiến tranh Đông Dương... không phải do ngẫu nhiên, mà do tội lỗi, do sự “vung về” hoặc “tính toán sai” của một vài người mà sự xảo trá hai mặt và cái nhãn quan “cận thị” chưa hề có trong lịch sử nước Pháp. Một cánh nhỏ những quan chức và nhà quân sự cao cấp Pháp đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh giữa nước Việt Nam và nước Pháp và đây thực tế quả nhiên là “một hành động vũ lực đã được mưu tính từ nhiều tháng...”, thất bại đã biến tướng thành một cuộc chiến tranh dai dẳng mà chính những kẻ gây ra đã làm đủ mọi cách để ngăn cản sự chấm dứt”.

Philippe Devillers là một nhà sử học, một chuyên gia của Pháp về lịch sử hiện đại Việt Nam, là người với nhiều chức vụ đã có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với những sự việc trước và sau chiến tranh Pháp - Việt. Ông vừa là một nhà báo, một nhà sử học nên không thể làm ngơ trước những sự kiện lớn lao đang diễn ra trước mắt ông, trước tiên là đối với bọn giả mạo, nói theo lời của nhà văn hóa Peguy, và đặc biệt là những trò giả dối đối với một dân tộc và những người đại diện của nó mà ông rất có cảm tình và kính phục.

Tất nhiên, đối với nhà sử học dân thân, trước tiên ông đã mạnh dạn đi vào “hậu cung” - phía sau sân khấu chính trị chính thức - để viết và cho xuất bản từ năm 1952 quyển sách đầu tiên về cuộc chiến tranh với tựa đề “Lịch sử Việt Nam 1940-1952”, nhưng tất nhiên những điều kiện lúc bấy giờ chưa cho phép một nhà sử học phân tích rõ ràng trách nhiệm của những người cố tình gây chiến vì lý do mà ông đã giải bày: “Lúc bấy giờ, không thể nào đi thêm một bước nữa mà không gặp nguy cơ bị nghiền nát một cách vô ích”. Và đến nay thì hoàn cảnh và môi trường đã cho phép để “Tìm ra những người chịu trách nhiệm” về cuộc chiến tranh.

Và đúng như tác giả đã viết để phân minh về sự “nhận thức muộn màng về một cuộc chiến tranh” là kết quả của “một công trình kiên trì tìm tòi bất chấp mọi trở ngại, bốn mươi năm sau mới cho phép có được cái nhìn tổng quát về sự kiện, nêu được những manh mối thực và thực hiện được những tiếp cận cần thiết”.

Quyển sách chia làm 15 chương (hay đề mục) với khối lượng lớn về tư liệu lưu trữ và trong bản tiếng Pháp, tư liệu lưu trữ được in bằng chữ “đứng” và lời bình của tác giả in bằng chữ “nghiêng”. Để giúp thêm cho người đọc, trong bài giới thiệu này, chúng tôi chỉ lấy những mốc quen thuộc với chúng ta, liên quan tới thời cuộc từ trước năm 1945 đến khi cuộc chiến bùng nổ; 1945: Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; 1946: Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3; Tháng 12, chiến tranh bùng nổ.

Trong các chương 1 và 2, thời gian trước Cách mạng tháng Tám 1945, tác giả gọi lại quan điểm của những người Pháp thuộc địa về cái gọi là “bản anh hùng ca thuộc địa”, với một nước Việt

Nam “đẹp, bình yên, hiền hòa”, nơi mà “người Pháp có thể đi dạo chơi một mình không cần mang vũ khí, suốt từ đầu nọ tới đầu kia của đất nước”, họ hãnh diện với “một sứ mệnh khai hóa văn minh”. Tất nhiên cũng có một vài vụ “lộn xộn”, những cuộc bạo động, nhưng họ xem đó là những “cuộc nổi dậy của nông dân”, loại như kiểu ở Pháp gọi là jacqueries, tất nhiên cũng có những vụ bạo động từ năm 1930, nhưng rồi đều bị dập tắt. Nhưng với cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nước Pháp bại trận và nước Nhật “bước vào sân khấu” ở Đông Dương, các nước Đông Dương rơi vào quỹ đạo của Nhật cho đến ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật làm đảo chính và trong một đêm, trên “toàn cõi Đông Dương, quân đội Nhật hành động..., các doanh trại Pháp đều bị tiến công và phần lớn đều bị vô hiệu hóa”. Và ngày 10 tháng 3 năm 1945, tức là ngày hôm sau, “quân Nhật nhận lấy trách nhiệm điều hành công việc hành chính cả nước”.

Ngay trong chiến tranh, tác giả có nói đến “một tín hiệu” do lãnh sự Pháp tại Côn Minh (Trung Quốc) gửi cho đại sứ Pháp bấy giờ ở Trùng Khánh báo cáo chi tiết về cuộc tiếp xúc vào ngày 29/4/1944 với hai đại diện tự xưng là đại diện của Đông Dương độc lập đồng minh và sự kiện này được báo ngay về Alger cho đại diện của chính phủ kháng chiến Pháp De Gaulle.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai đi vào giai đoạn kết thúc, chính phủ kháng chiến De Gaulle được chuyển về Paris và ngày 24/3/1944 Paris tuyên bố khẳng định quyền lực của Pháp ở Đông Dương, đồng thời chuẩn bị về chính trị và quân sự cho việc trở lại Việt Nam. Từ đó những nơi tập trung, những cứ điểm có đại diện của Pháp gần với Đông Dương như Calcutta (nơi có đại diện của Pháp) và Côn Minh (nơi có đội đặc nhiệm 5) lại nhộn nhịp lên, nhưng giữa hai nơi này có những bất đồng với Paris. Ở Côn Minh, những nhân vật như Sainteny, Alessandri đã nhìn thấy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc, và thấy có khả năng để thương thuyết, nhưng những người cầm quyền ở Pháp lại nghĩ đến việc dùng vũ lực để chiếm lại Đông Dương, và khi Sainteny theo phái bộ Mỹ vào Hà Nội (từ 22/8/1945) thì cũng được chỉ thị: “Không được tiến hành thương lượng, nhưng phải thu thập những tin tức cần thiết có thể làm căn cứ cho việc mở ra những cuộc thương lượng trong tương lai”.

Cũng cần nhắc lại rằng trước đó, từ ngày 26/7/1945, cùng với việc tìm cách giải quyết số phận của nước Đức, ba cường quốc Mỹ, Liên Xô và Anh cuối cùng đã đi đến thỏa hiệp để cho Trung Hoa Dân Quốc giải giáp quân Nhật ở miền Bắc Đông Dương, từ vĩ tuyến 16 trở ra, và Anh đảm nhiệm việc ấy từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Nhưng ở Việt Nam, những sự kiện đã diễn ra dồn dập: Cách mạng tháng Tám đã bùng nổ và cùng theo đó, “vào ngày 2/9, trong lúc tại vịnh Tokyo, nước Nhật ký văn bản đầu hàng thì ông Hồ Chí Minh cùng một lúc tuyên bố nền cộng hòa và nền độc lập, với một bản tuyên ngôn chuẩn bị rất cẩn thận”.

Ba chương kế tiếp: Đối đầu và đề nghị - Hà Nội và Sài Gòn bị dồn vào tình thế phải lựa chọn - Một sự uốn nắn diệukỳ: Hiệp định mong 6/3/1946, nói lên những cuộc tiếp xúc và thương thuyết với nhiều khó khăn đã nảy sinh, nhưng cuối cùng đã đi đến việc ký kết hiệp định sơ bộ mong 6/3/1946 mà tác giả cho đây là “Một uốn nắn diệukỳ”.

Mặc dù sau này De Gaulle có tỏ ra hối tiếc về cuộc chiến tranh này, nhưng chính ông ta cũng đã từng phê phán ông Laurentie, vụ trưởng vụ các vấn đề chính trị của Bộ thuộc địa Pháp bấy giờ, khi ông này giải thích lập trường của tướng De Gaulle cho rằng “những mối quan hệ giữa Pháp và Đông Dương sẽ không phải đơn giản là giữa chính quốc và thuộc địa mà tiến tới là quan hệ bình đẳng”. Và lập trường của De Gaulle trước sau như một vẫn là: “dùng sức mạnh để khôi phục lại toàn bộ quyền lực của Pháp... không thương thuyết, liên kết gì với chính quyền bản địa, chừng nào chính quyền ấy chưa được Pháp tạo ra”. Trong khi đó, như tác giả đã nêu, “vụ bạo động ngày 23/9/1945” ở Sài Gòn đã bùng nổ, tức là nhân dân Nam Bộ đã dùng vũ khí đấu tranh chống lại quân Pháp theo gót quân Anh để chiếm lại các tỉnh Nam Bộ. Ngoài ra, chỉ thị còn thêm rằng, có thể tính tới một chính quyền do Bảo Đại cầm đầu, nhưng nhất thiết không được cho bất cứ nước thứ ba nào chen vào, dù cho đó là Anh, Trung Hoa hoặc Mỹ.

Chính với sự giúp đỡ của Anh mà Pháp đã trở lại Sài Gòn, chiếm các tỉnh phía Nam, rồi tiến lên Campuchia, ký với chính phủ Sihanouk tạm ước 7/1/1946, rồi thỏa hiệp với Trung Hoa để thay thế quân đội Trung Hoa tại Lào. Như vậy, đối với Việt Nam, quân Pháp đã chiếm Nam Bộ, còn phần Bắc Việt Nam thì còn nằm ngoài sự khống chế của Pháp.

Kể từ ngày 15/8, D'Argenlieu và Leclerc đã được cử làm Cao ủy và Tư lệnh tối cao các lực lượng Pháp và chỉ thị bổ nhiệm ngày 1/8 cũng đã ghi rõ:

"1. Cao ủy Pháp tại Đông Dương sử dụng những quyền hạn của mình là Toàn quyền Đông Dương và là Tổng tư lệnh các lực lượng không quân có căn cứ trên đất Đông Dương hoặc đã được chỉ định để đến Đông Dương...". Đến lúc phải giải quyết "vấn đề Bắc Việt Nam" thì De Gaulle phải rời khỏi chức vụ thủ tướng vào cuối tháng 1/1946, và sự kiện này làm cho D'Argenlieu bàng hoàng nhưng vẫn không hề bỏ mục tiêu đưa quân Pháp vào Bắc Việt Nam. Nhưng đưa quân vào tức là sẽ gây bùng nổ quân sự không những giữa Pháp và Bắc Việt Nam, mà còn cả với quân của Trung Hoa. Có thể xảy ra một cuộc hỗn chiến, và tất nhiên, muốn tránh chiến tranh phải có những bước chuẩn bị, dàn xếp. Theo cách nhìn của Pháp, đối tượng chính phải là Trung Hoa, còn phía Việt Nam là "thứ yếu" (secondaire). Và Pháp tiến tới ký với Trung Hoa hiệp ước ngày 28/2/1946, theo đó, Pháp trả lại cho Trung Hoa các nhượng địa mà trước kia Pháp đã chiếm. Còn đối với chính phủ Hồ Chí Minh, thì qua thư từ giữa các nhân vật như D'Argenlieu, Leclerc, Pignon, Salan, Sainteny, chúng ta cũng thấy sự lo ngại của Pháp trước sự bùng nổ chiến tranh, và vào thời điểm quyết định, những con người ấy tác động lẫn nhau để tìm sự thỏa thuận của chính phủ Việt Nam.

Ở đây, phải nói đến lập trường cứng rắn về nguyên tắc và mềm dẻo về sách lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã hiện lên như là một trung tâm để giải quyết vấn đề, và các báo cáo của những người như Pignon, Sainteny... lược thuật về những cuộc tiếp xúc của Người với các nhà báo và các chính khách Pháp, đặc biệt là lời phát biểu của Người với Salan: "Ngay dù cho cả thế giới chống lại chúng tôi, chúng tôi cũng không thể chấp nhận trở thành những người nô lệ. Pháp là xứ sở của tự do, nước Pháp mới hãy để lại cho chúng tôi sự tự do ấy".

Có đọc lại Hiệp định sơ bộ mùng 6 tháng 3 mới thấy hết ý nghĩa thắng lợi của chúng ta và giúp chúng ta hình dung được khoảng cách khác xa giữa những tham vọng của Pháp với những gì có thể tạo ra một sự ổn định đối với đất nước. Được ký vào chiều ngày 6/3 trước các đại diện của Trung Hoa, Anh, Mỹ, hiệp định ghi nhận: "Nước Pháp thừa nhận nước Cộng hòa Việt Nam là một quốc gia tự do có chính phủ riêng, quốc hội riêng, quân đội và tài chánh riêng, nằm trong liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Và về vấn đề thống nhất ba kỳ, chính phủ Pháp cam kết công nhận chính thức quyết định của nhân dân qua cuộc trưng cầu dân ý".

Nhưng quan trọng hơn cả có lẽ là bản thỏa thuận phụ ký cùng lúc ghi rõ quân đội Pháp đổ bộ lên Bắc Việt Nam với số lượng là 15.000 quân và "sẽ được quân đội Việt Nam thay thế mỗi năm 1/5 trong vòng 5 năm". Chính hai nội dung cơ bản trên: trưng cầu dân ý để thống nhất Việt Nam và thay thế quân đội Pháp, là hai điều khoản mà Pháp ra sức ngăn cản việc thực hiện.

Qua nhiều tư liệu lưu trữ, nhà nghiên cứu Ph. Devillers đã chứng minh những thủ đoạn lật lọng mà các người Pháp thực dân đã dùng để phá hoại hiệp định. D'Argenlieu, với nhiều hành động chống đối, đã để lại một bản bị vong lục ngày 26/4/1946 gửi về Paris, theo đó, ông ta trình bày những quan điểm và những thủ đoạn trong đó có dự tính tới việc âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn ở Nam Kỳ. Và đến ngày 1/6/1946, tức là ngày mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội lên đường sang Pháp theo lời mời của chính phủ Pháp để cùng với phái đoàn Việt Nam tiếp tục thương lượng, thì D'Argenlieu công bố việc thành lập Cộng hòa tự trị Nam Kỳ.

Ba chương kế tiếp: Sài Gòn, điểm nút của vấn đề - Fontainebleau hay là cuộc trường kỳ thương lượng, - làm sao vô hiệu hóa được Hà Nội? Nói lên quá trình tiến tới để phá hoại hiệp định sơ bộ với hai Hội nghị Đà Lạt và sự thất bại của hội nghị Fontainebleau. D'Argenlieu ngày càng lộ rõ là một kẻ nhiều âm mưu, một thực dân cáo già, và ngay sau khi Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai

khai mạc và hội nghị Fontainebleau đang tiếp tục cuộc tranh cãi, thì ông ta đã điện về Pháp: “Nếu chính phủ thấy không có khả năng đảo ngược... thì tốt hơn hết là đình chỉ mọi công việc ở Fontainebleau”.

Vào cuối năm 1946, tình hình ở Pháp lại có những thay đổi, Léon Blum, lãnh tụ của đảng xã hội, thay thế Bidault, của phong trào Cộng hòa bình dân, chính phủ Pháp nhích sang phía tả, bộ ba D'Argenlieu-Valluy-Pignon lại khẩn trương hoạt động phá hoại hiệp định hơn trước và D'Argenlieu cho rằng:

“Phải nhanh chóng gây ra sự tan vỡ, nhưng bằng cách khiến cho Việt Minh phải chịu trách nhiệm về sự tan vỡ đó. Phải quấy phá Việt Minh đến mức khiến họ mất kiên nhẫn, lao vào hành động bạo lực và do đấy tạo ra một duyên cớ cần thiết. Lại còn phải chuẩn bị chính trị bằng cách chứng minh rằng không còn cách nào khác”.

Chương “Cuộc đoạn giao và huyền thoại về nó” (20/12/1946 - 16/1/1947) nói về những thủ đoạn xuyên tạc sự thật, tiếp tục đầu độc quan hệ Pháp - Việt của D'Argenlieu và Valluy. Và trong đoạn nói về “Đồ độc vút bỏ mặt nạ”, Ph. Devillers kể lại những “ý kiến và những hành động” của D'Argenlieu ngay sau khi trở lại Sài Gòn ngày 23/12/1946 nhằm ngăn cản mọi sự tiếp xúc giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp.

Chương XIV “Việt Nam, từ cấm” (4/1 - 23/3/1947), trong mười chín trang sách (bản tiếng Pháp) có đến 16 trang tư liệu chỉ ra hướng đi tiếp theo của Pháp, vừa tiếp tục chiến tranh, vừa tính toán đến âm mưu chính trị, gọi ra giải pháp Bảo Đại với việc khôi phục lại chế độ quân chủ hay thiết lập một chế độ quân chủ lập hiến.

Giai đoạn này, sau khi chiến tranh bùng nổ, lộ ra bộ mặt khá sáng sủa của một vị tướng đã tham gia vào việc lập lại trật tự ở Đông Dương thời gian đầu, đó là tướng Leclerc, đã về Pháp vào tháng 6/1946, vì ông đã nhận thấy sự giả dối và trá trở của một nhóm người có ý thức đi nô dịch người khác, nên đã từng thổ lộ với viên sĩ quan hầu cận của mình rằng: “Có quá nhiều người ở đây tưởng tượng rằng bằng cách lấp một cái hố với những xác chết người ta sẽ lập lại được chiếc cầu giữa Việt Nam và Pháp”, và cũng vì sự bất đồng đó mà Leclerc đã khước từ một nhiệm kỳ mới ở Đông Dương[3].

Chúng ta cảm ơn nhà nghiên cứu Ph. Devillers đã có nhiệt tâm và bỏ nhiều công sức để làm sáng tỏ - qua tư liệu chính xác - nguyên nhân của cuộc chiến tranh Pháp - Việt 1946-1954, và chắc chắn mọi người Việt Nam - trong những thế hệ khác nhau - đều đồng tình đón chào tác phẩm này như một cống hiến góp phần làm sáng tỏ lịch sử trong một giai đoạn gay go và ác liệt. Cũng cần cảm ơn nhà khảo cứu văn học

Hoàng Hữu Đản, đã có “can đảm và kiên trì trước việc dịch quyển sách này” [4] ra tiếng Việt để phổ biến rộng rãi trong độc giả và đặc biệt trong những người làm công tác nghiên cứu lịch sử Việt Nam.

Tháng 5-1993

Giáo sư Lê Văn Sáu, Hội nghiên cứu lịch sử TP.HCM

NHẬN THỨC MUỘN MÀNG VỀ MỘT CUỘC CHIẾN TRANH

“Giá có một sự hiểu biết nhau tốt hơn giữa người Việt Nam và người Pháp ngay sau đại chiến thế giới thì đã có thể tránh được những sự biến tai ác đang giằng xé đất nước Ngài hôm nay”.

Thư của Charles de Gaulle gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, 8/2/1966.

Hơn 40 năm nay, nước Việt Nam vẫn kéo dài cái cảnh tượng nghèo nàn và đổ nát. Chiến tranh đã diễn ra liên tục, bởi cuộc chiến tranh giải phóng ở đây mang hình thái tương tự một cuộc nội chiến. Các gia đình đã bị phân chia, ly tán; thay vào sự thuận hòa theo tư tưởng Nho giáo, là những hận thù và hiềm khích một mất, một còn. Đó là một đất nước mà nhiều người muốn tránh đi... Không còn nghi ngờ gì nữa, Việt Nam là một trong những tấn bi kịch lớn của thế kỷ XX.

Điều đó có thật sự là không thể nào tránh được hay không? Đã có bao giờ người ta xác định những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng này chưa?

Người ta nói: Tất cả đều xuất phát từ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, từ cuộc xâm lăng và chiếm đóng của quân đội Nhật, từ cuộc bao vây và những cuộc oanh tạc của phe đồng minh. Nhưng những nước như Philippine, Malaysia, và gần chúng ta hơn, như nước Bỉ hay Hòa Lan, phải đâu đã không trải qua những số phận tồi tệ hơn Việt Nam nhiều trong những năm 1939-1945? Vậy nhưng hậu quả chiến tranh tại những nước này không đến nỗi kéo dài như thế.

Tại Đông Dương, những di hại có tính chất chính trị - ngoại giao của cuộc đại chiến thế giới đã được nhanh chóng vượt qua, và vượt qua một cách choáng mắt là khác. Ngay từ tháng 3/1946, nước Pháp đã phục hồi nền thống trị của mình trên những thuộc địa cũ ở châu Á và ký một hiệp định được đánh giá là có mang nhiều hứa hẹn với Chính phủ Quốc gia Hà Nội. Trong khi nước Anh, nước Hòa Lan và cả nước Hoa Kỳ cũng chưa có thể tiến tới một bước tiến bộ như vậy ngay đối với dân mình. Có nghĩa là cái bất hạnh của Việt Nam chỉ là hậu quả rất gián tiếp của những hành vi của quân Nhật, quân Trung Hoa hoặc quân Mỹ trong thời gian từ 1940-1945. Chính là sau khi đã được đặt lại “sợi dây xiềng” của Pháp thì cuộc chiến tranh mới nổ ra, khi đó chỉ còn lại hai bên, người Pháp và người Việt Nam gặp lại nhau, đương đầu với nhau.

Nguyên nhân chính xác của cuộc chiến tranh vẫn bị giấu kín. Và quả là như thế. Ở Sài Gòn cũng như ở Paris, người ta chỉ “hăm hở” tố cáo Việt Minh gây hấn trong ngày 19/12/1946. Nhưng hồi đó, và cả bây giờ, có thể nào quan niệm được rằng: sau hội nghị Fontainebleau với triển vọng đầy hứa hẹn của nó và trước sự diễn biến chính trị của nước Pháp lúc giờ, ông Hồ Chí Minh có thể gây hấn cho đành? Trong sự kiện này, có một cái gì đó hơn cả kỳ quặc nữa kia, nhất là khi luận điệu ấy đã được các phương tiện truyền thông và dư luận tiếp nhận, “đóp” luôn, theo cách nói ngày nay.

Câu hỏi này, bốn mươi năm nay, đã đặng đặng theo hoài tác giả.

Ngay từ tháng 9/1945, được ông Giám đốc, đồng thời là người sáng lập của tờ báo Le Monde, Hubert Beuve-Méry, giao trách nhiệm điều tra về vấn đề Việt Nam, tác giả đã làm những gì có thể làm được với cương vị rất khiêm tốn của mình ở Sài Gòn, nhằm khơi ra được những manh mối chính trị rất phức tạp liên quan đến vấn đề này và thông tin lại cho độc giả tờ báo. Tác giả đã sống trong không khí của tấn bi kịch ấy và đã có dịp tiếp xúc từ những năm 1945-1946 và từ đó đến nay - với những nhân vật nhiều vô kể đã từng đóng một vai trong tấn bi kịch nói trên. Sau một đợt điều tra đầu “lần mò ở chốn hậu cung điện Matignon^[5]” tác giả đã xuất bản một cuốn “Lịch sử Việt Nam từ 1940-1952”, trong đó tác giả đã cung cấp được cho độc giả cái kết cấu cơ bản của cuộc chiến tranh. Có thể sau cuốn sách ấy, một số văn bản chính thức nói về những sự kiện trước đây đã bị phơi bày tính chất lừa bịp của nó ra và không ai còn chấp nhận

được nữa.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ, không thể nào đi thêm một bước nữa mà không gặp nguy cơ bị nghiền nát một cách vô ích. đành cứ phải như Simon Wiesenthal, tiếp tục cuộc điều tra, tìm kiếm cho ra những người chịu trách nhiệm “về tội gây chiến tranh”. Cuộc săn lùng tài liệu và bằng chứng vẫn tiếp tục tiến hành không ngừng lúc nào, tuy rằng có lúc phải dừng lại một thời gian dài chờ đợi.

Ba mươi năm sau, những cái lười vẫn hoàn toàn im lặng, những cái miệng vẫn không hé mở chút nào, nhưng mà các cục lưu trữ đã mở ra: Lưu trữ của Cục Lịch sử Lục quân tại Vincennes trước tiên, rồi của Bộ Pháp quốc Hải ngoại (ở đường Oudinot, Paris và ở Aix-en-Provence), của Phủ Thủ tướng, và sau cùng là của Bộ Ngoại giao; đó là chưa kể việc người ta cho phép những kẻ đi tìm kiếm những giấy tờ bút tích cá nhân có tầm quan trọng hàng đầu, được vào cả những phòng lưu trữ riêng của các ông Moutet, de Laurentie, Bidault, Mandès France, Leclerc, Sainteny và nhiều phòng lưu trữ khác[6].

Như vậy là bằng sự nhẫn nại và thận trọng một cách tỉ mỉ, lịch sử đã có thể tái hiện được gần như đầy đủ hoàn toàn, chẳng khác gì một công trình phục chế đồ sộ, nhờ có những mối liên quan qua lại giữa các kho lưu trữ, qua hàng ngàn tài liệu, hàng trăm tập hồ sơ. Không một kho nào lưu trữ được toàn bộ hoặc một phần lớn tài liệu. Mỗi bộ chỉ có một cái nhìn phiến diện về tấn bi kịch lớn ấy, và chỉ có một công trình tìm tòi kiên trì, bất chấp mọi trở ngại, từ bốn mươi năm nay mới cho phép có được một cái nhìn tổng quát về sự kiện, hiểu được những manh mối thực sự của nó và thực hiện được những sự tiếp cận cần thiết.

Các tư liệu lưu trữ đã khẳng định những điều xấu xa nhất mà người ta đã giả thiết. Nó bóc trần ra một trong những trường hợp kỳ quặc nhất của chính sách thông tin xuyên tạc và cả chính sách dối trá nữa của thời đại hiện nay, dẫn đến những hậu quả chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế và xã hội không thể nào lường hết được, nhưng chắc chắn là nhiều và tai hại vô cùng. Nó cũng chứng minh một điều là các phương tiện thông tin đã chịu một trách nhiệm nặng nề đáng sợ khi mà, ngay giữa một chế độ dân chủ, nó đã không tìm cách làm sáng tỏ cái nguyên nhân của một sự kiện tự nó đã là một tấn bi kịch quốc gia rồi và đã làm nên bao nhiêu nạn nhân.

Các tư liệu lưu trữ đã chứng minh cuộc chiến tranh Đông Dương đã xảy ra như thế nào. Không phải do ngẫu nhiên, mà do tội lỗi, do sự “vụng về” hoặc “tính toán sai” của một vài người mà sự xảo trá hai mặt và cái nhãn quan “cận thị” chưa hề có trong lịch sử nước Pháp. Một cánh nhỏ những quan chức và nhà quân sự cao cấp Pháp đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh giữa nước Việt Nam và nước Pháp chỉ đơn giản vì họ không đồng tình với chính sách của chính phủ họ, và đặc biệt vì họ muốn đặt ông Léon Blum và đảng Xã hội trước “một việc đã rồi” trước khi bắt đầu nền Đệ Tứ Cộng hòa. Một “cuộc đảo chính không thành” (của Pháp!) đã được biến dạng thành cuộc “tấn công của Việt Minh”, cho phép thực hiện cuộc “trả đũa”, thực tế là một “hành động vũ lực” đã được mưu tính từ nhiều tháng nay; thất bại, nó đã biến tướng thành một cuộc chiến tranh dai dẳng mà chính những kẻ gây ra đã làm đủ mọi cách để ngăn cản sự chấm dứt.

Ba vạn người Pháp chết; một số nhiều vô kể người Việt Nam là nạn nhân; một đất nước bị tàn phá, đổ nát mà rồi ngay sau đó quân Mỹ và đồng minh của Mỹ đã vội vàng xông vào tiếp tục tàn phá đến tan hoang. Nước Pháp, nhân dân Pháp có chịu trách nhiệm về những vị “thủ lĩnh quân đội đánh thuê rêu rao là chúng hành động nhân danh nước Pháp và nhân dân Pháp” hay không? Độc giả sẽ phán xét. Nhưng “kẻ nào không lớn tiếng gào lên sự thật khi mình biết rõ sự thật là đã đồng tình với bọn nói dối và bọn giả mạo”. Péguy đã viết như vậy, trong dịp khai trương “Những cuốn sách bán nguyệt san”. Cho nên, về phần liên quan đến mình, tác giả đã nhận thấy cần thiết phải “giao nộp” lại ở đây, câu chuyện nói trên, đã được làm sáng tỏ và viết lại trên cơ sở những văn bản gốc chân xác và có thể kiểm nghiệm được, để lịch sử minh oan cho sự thật.

Đây là một trong những điều bí mật lớn nhất và nặng nề nhất của lịch sử nước Pháp hiện đại mà những kho lưu trữ mới mở cửa không lâu vừa mới tiết lộ.

Ngày 19/8/1987

Philippe Devillers

- Những ký hiệu và chữ viết tắt có trong cuốn sách này:
 - BEDOC: Phòng Điều tra Liên bang
 - CFLN: Ủy ban Giải phóng Dân tộc Pháp
 - CABINFOR: Phòng Thông tin Cao ủy, Sài Gòn
 - CED: Cộng đồng Quốc phòng châu Âu
 - COMININDO: Ủy ban Liên bộ Đông Dương
 - COMREP: Ủy viên Cộng hòa
 - CORORIENT: Bộ chỉ huy tối cao của đội quân viễn chinh tại Viễn Đông
 - DGER: Cơ quan Tổng Chỉ đạo Nghiên cứu và Tìm tòi
 - EMGDN: Bộ Tổng Tham mưu Quốc phòng
 - FOM: Bộ Pháp quốc Hải ngoại
 - GPRF: Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp
 - GRA: Chính phủ Cách mạng Việt Nam
 - HAUSSAIRE: Cao ủy (Pháp)
 - MRP: Phong trào Cộng hòa Bình dân
 - OSS: Office of Strategic Services (Cơ quan Cục Chiến lược)
 - PCI: Đảng Cộng sản Đông Dương
 - RDVN: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
 - SDECE: Cơ quan điều tra ngoại vụ và phản gián
 - SEHAN: Cơ quan nghiên cứu lịch sử Hà Nội
 - SFIO: Bộ phận Quốc tế Lao động Pháp
 - SLFEO: Ban Liên lạc Pháp tại Viễn Đông
 - SR: Sở tình báo
 - TFIN: Lực lượng quân sự Pháp ở phía Bắc
 - TỰ VỆ: Đội quân tự vệ Việt Nam

I. VIỆT NAM MỘT NỒI HƠI KHÔNG CÓ XU-PAP (CHO ĐẾN 1930)

Đông Dương là bộ phận giàu có nhất, đẹp dễ nhất và đông dân cư nhất của đế quốc thuộc địa Pháp, một trong những “đóa hoa diễm lệ” nhất của Pháp. Nếu về mặt đất đai, nó chỉ chiếm có 6% tổng diện tích thuộc địa, thì về mặt dân cư, vào năm 1939, nó chiếm khoảng trên dưới một phần ba dân số, với 24 triệu. Nó là xứ đông dân cư nhất trong “các thuộc địa của chúng ta”, trong sách người ta đã nói như vậy.

Vô số những kỷ niệm lịch sử, phần lớn liên quan đến “bản anh hùng ca thuộc địa” thoáng hiện lên trong tâm trí: Francis Garnier, đội trưởng Bobillot, Auguste Pavie, Galliéni, Lyautey (và “Những bức thư từ Bắc Kỳ” của họ), Paul Bert và Paul Doumer, Albert Sarraut, bao nhiêu nhân vật khác nữa... cả những hình ảnh thần tiên, gọi lại “những đêm ở tận cùng thế giới”, những cung đền Angkor với những nàng vũ nữ tươi duyên, nền dân ca Lào với cuộc sống vô tư thắm đẹp mà nó biểu hiện, những tà áo lụa dài tha thướt, những chiếc nón lá hình chóp và những văng khăn đen của người Annam, chưa kể “Cô Ton-ki-ki - Cô gái Bắc Kỳ - của tôi”. Lúa gạo Đông Dương, chè (trà), hạt tiêu, cao su, than mỡ Bắc Kỳ, tất cả đã đóng góp vào sức mạnh, cho sự vững bền kinh tế, cho sự tự cung cấp đầy đủ của cả đế quốc 100 triệu sinh linh. Nhờ đó mà nước Pháp có một “hành lang trên Thái Bình Dương”.

Người Pháp lấy làm tự hào về cách thức họ đã dùng để khai thác giá trị và phát triển xứ thuộc địa này. Họ đã xây dựng những thành phố xinh đẹp, thực hiện những công trình công cộng quy mô (hệ thống nông giang, công trình nghệ thuật, cảng...); họ đã thiết lập được một hệ thống y tế và trường học, khai hoang rừng núi và thành lập những đồn điền, mở rộng canh tác, khai thác hầm mỏ ngày càng nhiều, v.v... Hơn 40.000 người Pháp bao gồm công chức, quân nhân, thực dân và gia đình họ, sinh sống trên mảnh đất Đông Dương mà mua bán thì tại Pháp. Đông Dương chiếm khoảng 4% tổng sản lượng xuất khẩu của Pháp và cung cấp cho Pháp - tính bằng francs - những sản phẩm hoặc sản vật thuộc địa. Ngay trước Đại chiến thế giới thứ hai, Đông Dương là một trong những nước xuất khẩu nhiều gạo - 1.500.000 tấn bán ra mỗi năm và cao su - 60.000 tấn mỗi năm - nhất hoàn cầu.

Cái xứ sở Đông Dương ấy! Nó đẹp và cũng đã được bình định, yên hòa. Người Pháp có thể đi dạo chơi một mình, không cần mang vũ khí, suốt từ đầu nọ đến cuối kia đất nước, ngủ một mình trên chiếc xe con đỗ lại ven đường, vào trong các thôn xóm. Hoàn toàn bảo đảm về an ninh.

• Một sứ mệnh khai hóa văn minh

Nước Pháp ý thức rất đúng đắn về vấn đề Đông Dương. Dĩ nhiên không phải mọi mặt đều hoàn hảo cả. Chắc chắn có nhiều khó khăn về kinh tế, nhiều vấn đề xã hội nghiêm trọng (nghèo khổ, nợ nần, tăng dân số quá nhanh, v.v...), và cả những vấn đề thực phẩm, những mối đe dọa chính trị, quân sự nữa. Nước Pháp nghĩ rằng mình có bốn phân giải quyết những vấn đề trên, bởi nó nằm trong sứ mệnh khai hóa văn minh mà nó đảm nhiệm, ở châu Á, cũng như ở những nơi khác.

Ở Paris, người ta luôn luôn lấy làm thỏa mãn về lòng trung thực của các vua chúa được bảo hộ và lòng trung thành của nhân dân - những người dân thường ngày “dưới bóng cờ ba sắc” đi về chăm lo công việc của mình một cách êm ả trong sự an toàn của nền hòa bình nước Pháp. Nước Pháp có nhiệm vụ lãnh đạo những dân cư đó một cách khôn ngoan, để dần dần tiến tới một quy chế chính trị dân chủ hơn, nhưng cũng có nhiệm vụ bảo hộ họ chống những kẻ “chăn chiên” không tốt. Nhưng nếu như còn phải làm nhiều nữa để nâng cao và bảo vệ các “quyền con người” (như một cánh tả duy tâm chủ nghĩa đòi hỏi), thì chính là bộ máy hành chính Pháp

- và chỉ một mình nó - phải gánh vác công việc này và trách nhiệm này.

Dĩ nhiên là xứ thuộc địa này, trong thập niên vừa qua, đã có một vài vụ lộn xộn nghiêm trọng, như cuộc khởi nghĩa Yên Bái và những cuộc “bạo động” [7] cộng sản năm 1930, nhưng những vụ đó đã bị dập tắt nhanh chóng; chẳng có gì đáng lo ngại, người ta đánh giá như vậy. Nói chung dư luận công chúng ở Pháp cũng y hệt như trong phần lớn các giới chính trị và báo chí, người ta nghĩ rằng ở Đông Dương chỉ có một nhóm trí thức bất mãn và bị tước đoạt quyền lợi là căm ghét (có lẽ) người Pháp; trái lại quần chúng lao động tử tế thì yêu mến người Pháp và sống hạnh phúc dưới bàn tay đỡ đầu của họ (bởi họ bảo vệ cho dân chống lại bọn quan lại tham nhũng), tin tưởng và phó thác cho công cuộc cải thiện điều kiện vật chất cũng như quy chế chính trị, xã hội cho mình. Đối với những lớp người nhỏ bé ấy, người Pháp có một bốn phận tinh thần: họ không thể bỏ mặc những người dân bảo hộ của họ cho bọn cầm đầu lỗ mãng, cũng như không thể không bảo đảm cho những dân tộc ít người (Lào, Miên, người Thượng...) chống lại sự bành trướng của người Annam - là những người cần cù lao động thật, nhưng mà thiếu thốn đói khổ, sinh đẻ nhiều và tham lam.

Dù thế nào đi chăng nữa thì những “cuộc vận động chống Pháp” (như người ta nói) bao giờ cũng được quy vào những nguyên nhân ngoại lai, chẳng hạn như là “hoạt động của tình báo” Đức, Trung Quốc, Nga hay Nhật. Năm 1938-1939, cái nguy cơ chính ở châu Á cũng như châu Âu đã được bộc lộ rõ ràng: đó là sự bành trướng của ba cường quốc đã ký hiệp định chống Quốc tế Cộng sản năm 1937, tức là nước Đức quốc xã, nước Ý phát xít và nước Nhật quân phiệt. Từ 1937, Nhật lao vào cuộc chiến tranh chinh phục Trung Hoa; không đạt được một chiến thắng chớp nhoáng, nó đã cố gắng làm cho Trung Hoa chết ngạt bằng cách cắt các con đường tiếp tế. Về mặt này, Tokyo nhìn bằng con mắt không thiện cảm chút nào cái đường dây buôn bán giữa cảng Hải Phòng và Bắc Kỳ với chính phủ Tưởng Giới Thạch tại Trùng Khánh.

• Nước Nhật bước vào sân khấu

Tháng 9/1939, chiến tranh nổ ra; rồi tháng 6/1940 là bại trận. Quả tình trong thời kỳ 1939-1940, cũng như trước đó trong những năm 1914-1918, người dân Đông Dương đã tỏ rõ ràng: trong những trường hợp như vậy, họ trung thành và gắn bó với nước Pháp. Nhưng từ 6/1940 người Nhật lợi dụng lúc Pháp đang suy yếu để đòi hỏi cắt đứt đường thông thương qua Vân Nam (và nước Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch). Pháp cự tuyệt. Tokyo làm áp lực và đe dọa, nếu Pháp không thỏa mãn những yêu cầu của họ và không để họ lập sân bay tại Bắc Bộ thì họ sẽ dùng lực lượng quân sự can thiệp vào Đông Dương. Pháp không thể đơn độc chống lại được. Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ là tướng Catroux được sự đồng ý của chính phủ Bordeaux, bèn kêu gọi Hoa Kỳ giúp. Nhưng Hoa Kỳ từ chối. Pháp đành phải cúi đầu chấp nhận: bằng một hiệp nghị giữa Tokyo và Vichy ngày 30/7/1940, Nhật thừa nhận chủ quyền của Pháp trên đất Đông Dương; nhưng được thiết lập các sân bay trên đất Bắc Bộ làm căn cứ đi ném bom Trung Hoa và dùng đất Bắc Bộ làm địa điểm chuyển quân qua cảng Hải Phòng. Tháng 7/1941, một hiệp định mới (Darlan-Kato) cho Nhật được quyền đóng quân và sử dụng các căn cứ và các hệ thống giao thông tại phía Nam Đông Dương, từ đó chỉ vài tháng sau họ sẽ hành quân chống lại đế quốc Anh. Như vậy, tuy chủ quyền của Pháp không thực sự bị xâm phạm, cả xứ Đông Dương đã nghiêm nhiên bị bao gồm vào bộ máy quân sự (và kinh tế) của Nhật Bản tại khu vực Đông Á.

Nhưng cái chuyện xứ Đông Dương năm 1940 rơi vào quỹ đạo của Nhật Bản trong khi vẫn nằm dưới sự quản lý hành chính của Pháp, đã góp phần tạo nên một hình ảnh khá giả dối về đất nước này và không thay đổi bao nhiêu về cách nhìn trước của các giới liên quan tại chính quốc (dưới Chính phủ Vichy) cũng như tại Luân Đôn dưới cái nhìn của tướng De Gaulle.

Lời kêu gọi của De Gaulle ngày 18/6/1940 không được hưởng ứng tại Đông Dương: Đông Dương vẫn trung thành với chính phủ của Thống chế Pétain. Tướng Catroux bị cách chức toàn quyền Đông Dương và thay chân ông là Đô đốc Decoux. Catroux qua Singapore và đứng về phía

De Gaulle, phía “Nước Pháp tự do”. Vậy là ngay từ đầu, những người lãnh đạo của “Nước Pháp tự do” đã đặc biệt “quan tâm tới vấn đề Đông Dương”. Trong số họ, có một ủy viên trong những ủy viên lãnh đạo đầu tiên là ông Langlade, một nhà kinh doanh đồn điền ở Malaysia đã có thể thiết lập được một “đầu mối tiền tiêu” tại khu vực Đông Nam Á cho đến cuối năm 1941.

Tuy nhiên, nước Pháp tự do bị lôi cuốn vào những vấn đề khác cấp bách hơn đã hoãn mọi hoạt động cho Đông Dương một ngày sáng sủa hơn. Bởi vì vấn đề cần chú ý ưu tiên lúc này là các quan hệ với phe Đồng minh, việc thiết lập và vũ trang lực lượng quân sự Pháp tự do và việc thu hồi các lãnh thổ Phi châu có thể dùng làm căn cứ địa v.v... ở Thái Bình Dương, vấn đề là giữ vững cho được Nouvelle-Calédonie và Polynésie, còn đối với Đông Dương đang bị nguy cơ đe dọa thì nói chung là họ giữ một thái độ quan sát.

Nhưng De Gaulle có chỉ rõ rằng, nếu Nhật Bản tiến công nước Anh thì nước Pháp tự do sẽ tức thời đứng bên cạnh nước Anh^[8]. Quả vậy, việc quân Nhật tiến công Pearl Harbour (Trần Châu Cảng) sắp tạo nên một khe hở cơ bản: ngày 8/12/1941 trong khi Đồng Dương phải ký với Nhật một thỏa hiệp phòng thủ chung, thì nước Pháp tự do qua miệng tướng De Gaulle tuyên chiến với Nhật.

Tuy nhiên, chỉ trong ba tháng, Nhật đã xâm chiếm gọn cả miền Đông Nam Á và quét sạch hết các hệ thống cai trị của Mỹ (tại Philippines), Anh (tại Malaysia, Singapour, Bornéo, Miến Điện) và Hòa Lan (Ấn Độ thuộc Hòa Lan). Trong tất cả các thuộc địa của người da trắng chỉ còn sót lại một mình Đông Dương vẫn dưới quyền cai trị của Pháp.

Vậy là số phận Đông Dương từ đây phụ thuộc vào kết quả cuộc chiến tranh Anh - Nhật. Và, để giải phóng Đông Dương, chắc chắn là phải kết hợp với Anh trong cuộc chiến tranh Thái Bình Dương. Tân - Calédonie sắp sửa đóng một vai trò chủ chốt trong chiến lược của Đồng minh tại vùng Tây Nam Thái Bình Dương và cho phép dựng lên một hàng rào phòng thủ ven Australia chống lại quân Nhật.

Nhưng tại chỗ, ở Đông Dương, thì Chính phủ Vichy của đô đốc Decoux vẫn giữ nguyên mọi cơ cấu cai trị của Pháp (“chủ lại quyền”) trong những điều kiện hoàn toàn khác với những điều kiện người ta thấy ở chính quốc bị chiếm hoặc ngay cả ở những “vùng tự do”. Nhật Bản chỉ cần những “dịch vụ” mà bộ máy cai trị của Pháp làm giúp họ (giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, trưng thu sản phẩm cho họ...).

Họ không mấy can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước. Và người Pháp quen dần với sự có mặt của Nhật mà họ cho là có thể chấp nhận trong tình thế trước mắt.

Nhưng bước ngoặt của chiến tranh xảy ra trong mùa đông 1942-1943 (trận El-Alaméin và trận Stalingrat, cuộc đổ bộ của quân Đồng minh lên Bắc Phi và sự chiếm đóng toàn lãnh thổ Pháp) sẽ thay đổi tất cả. Ngay từ đầu năm 1943, Ủy ban Pháp tại Luân Đôn đã chuẩn bị tham gia vào mặt trận Thái Bình Dương. Và tháng 6/1943, khi tại Alger Ủy ban giải phóng dân tộc Pháp thành lập, thì công cuộc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Một đường dây liên lạc bí mật được thiết lập với Hà Nội. Từ ngày 21/7, De Gaulle chỉ thị rõ trong một công văn: “Một cuộc vận động quân sự bên ngoài chính quốc nhưng được xếp ưu tiên trước mọi cuộc khác, đó là việc giải phóng Đông Dương”.

Tháng 8/1943, có quyết định xây dựng dần một đạo quân viễn chinh cho Viễn Đông tại Algérie, Madagasca và sau là tại Ceylan. Tướng Blaizot được chỉ định làm chỉ huy đạo quân ấy. Các căn cứ sẽ được thiết lập tại Ấn Độ (cùng với quân Anh) và ở Trung Quốc: tại Trùng Khánh đã có một “phái đoàn quân sự Pháp” với đầy đủ các phương tiện liên lạc. Có những cuộc tiếp xúc giữa các mạng lưới những người Pháp kháng chiến đã hình thành tại Đông Dương - nhất là trong quân đội - với hai mục tiêu hoạt động chính là vừa giúp đỡ Đồng minh tiến hành các cuộc vận động quân sự chống Nhật vừa thông tin với nước Pháp tự do về tình hình diễn biến ở Đông Dương.

Trong hoàn cảnh lúc này, đô đốc Decoux và những người cộng sự của ông dường như hy vọng rằng họ có thể giữ vững tình thế như vậy cho đến ngày kết thúc chiến tranh, với điều kiện là đừng có hành động khiêu khích Nhật Bản. Họ cử phái viên sang Alger qua con đường Trung Quốc để nắm được căn giữ thái độ như thế nào. Nhưng Alger không muốn xét đến những quan điểm ấy. Họ vững vàng trong niềm tin của họ: Nước Pháp chỉ có thể giữ được vai trò của mình và bảo vệ được lập trường của mình trước mặt các Đồng minh đang rình mò sơ hở của Pháp (những dự án bảo trợ của Mỹ, những thèm muốn của Trung Hoa...) nếu Pháp tham gia chiến tranh chống Nhật, lập lại chủ quyền toàn vẹn với tất cả quyền hành của mình trên đất Đông Dương bằng quân sự. Cái xứ Đông Dương xiết bao thân thiết với nó và giờ đây nó muốn lên mặt làm chủ.

- Tuyên bố ngày 8 tháng 12 năm 1943

Ngày 8/12/1943, nhân kỷ niệm lần thứ hai ngày xảy ra cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, chính phủ Alger (CFLN - Ủy ban giải phóng dân tộc Pháp) công bố một bản thông cáo chính phủ về Đông Dương. Bản thông cáo khẳng định những điểm chính sau đây:

“Muru đồ chiến tranh và xâm lược do Nhật Bản tiến hành nhằm đặt nền thống trị của họ lên những vùng tự do của Viễn Đông và Thái Bình Dương, năm 1940 đã đổ ập xuống Đông Dương Thiếu viện trợ từ bên ngoài..., Đông Dương buộc lòng phải chịu đựng các yêu sách của kẻ thù....Trước hành vi xâm chiếm và bạo lực đó, nước Pháp tự do đã không hề chịu cúi đầu. Ngày 8/12/1941, Ủy ban dân tộc Pháp tuyên bố ở trong tình trạng chiến tranh với Nhật sau ngày Nhật tấn công vào Trân Châu Cảng (Pearl Harbour). Nước Pháp trịnh trọng bác bỏ mọi hành vi và mọi nhượng bộ đã được ký kết bất chấp các quyền và lợi ích của nó. Đoàn kết chặt chẽ với Liên hiệp quốc, nước Pháp sẽ tiếp tục chiến đấu bên cạnh Liên hiệp quốc cho đến ngày kẻ xâm lược thất bại và toàn bộ lãnh thổ Đông Dương được giải phóng.

“Đồng thời với việc luôn luôn ghi nhớ thái độ cao thượng và trung thực của các vị Quốc vương đương trị của Đông Dương, nước Pháp cũng sẽ ghi tạc mãi mãi thái độ kiên cường và thẳng thắn của các dân tộc Đông Dương, cuộc kháng chiến mà họ đã tiến hành bên cạnh chúng ta chống Nhật Bản và Thái Lan, cũng như tấm lòng thủy chung gắn bó của họ đối với cộng đồng Pháp. Với các dân tộc đã biết cùng một lúc biểu hiện tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm chính trị của mình, nước Pháp thỏa thuận ban hành, trong nội bộ khối cộng đồng Pháp, một quy chế chính trị mới theo đó, trong khuôn khổ của tổ chức liên bang, những quyền tự do của các nước trong Liên bang sẽ được nới rộng và khẳng định; tính chất tự do rộng rãi của các tổ chức sẽ được nổi bật mà không hề mất đi dấu hiệu của nền văn minh và truyền thống Đông Dương; những người Đông Dương có thể đi vào bất cứ công việc làm nào và chức vụ nào của Nhà nước.

“Phù hợp với sự cải cách quy chế chính trị ấy, sẽ có một cuộc cải cách quy chế kinh tế của cả Liên bang - cuộc cải cách này đặt trên cơ sở chế độ hải quan và thuế khóa tự trị, đảm bảo sự phồn vinh và góp phần vào sự phồn vinh của các nước láng giềng.

“Quan hệ hữu nghị và láng giềng tốt với Trung Hoa và sự phát triển những quan hệ tinh thần và kinh tế của chúng ta cuối cùng cũng sẽ hứa hẹn cho Đông Dương, trong cái vai trò sẽ trở thành của nó, một tương lai vững chắc và thịnh vượng.

“Nước Pháp mong muốn theo đuổi bằng sự liên kết tự do và thân mật với các dân tộc Đông Dương, sứ mệnh mà nó phải gánh vác trong vùng Thái Bình Dương là như vậy”.

Gần như ngay lập tức sau đó, DFLN Alger đã gửi qua con đường Trung Quốc những chỉ thị cho mạng lưới quân sự kháng chiến tại Hà Nội. Nhưng trong bức thư ngày 29/2/1944 gửi tướng Mordant, chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương, De Gaulle đã xử sự như thể Đông Dương cũng giống như nước Pháp chính quốc chỉ cách không bao xa những căn cứ Đồng minh và đẩy dẩy

những con người yêu nước. Những người theophái De Gaulle, cũng như những người theo Chính phủ Vichy, tưởng đâu có thể đặt niềm tin tưởng trọn vẹn vào “sự trung thành của người dân Đông Dương”.

Vậy là cái điểm quán triệt trong toàn bộ các dự kiến “trở lại” Đông Dương, “khôi phục” chủ quyền, các quyền, toàn vẹn đất đai hay toàn vẹn đế quốc Pháp - chính là cái tư tưởng “Nước Pháp là Trung tâm” tuyệt đối, ít nhiều không thích hợp với bối cảnh châu Á. Vụ thuộc địa ở Alger làm việc về Đông Dương với những viên “quan cai trị dân sự” và các sĩ quan “quân đội thuộc địa”, đúng hết cái mà sáu mươi năm qua, từng là chính sách “châu Á” của nước Pháp.

• Một quan niệm đế quốc tự do

Thực ra, cái chính sách trong vùng ấy của Pháp xuất phát từ một quan niệm kỳ cục về thực tế và từ sự máy móc chính trị tại Đông Dương. Cái bề ngoài hào nhoáng, đôi khi dễ dãi và ít nhiều có tính chất lãng mạn được giới thiệu với dư luận Pháp và với dư luận thế giới, cả với giới trẻ Pháp nữa, che giấu một thực tế khác xa; thực tế đó từ nửa thế kỷ nay, chỉ duy nhất những nhà quan sát nào vừa có ý thức lịch sử vừa có một chút tối thiểu tinh thần độ lượng và văn hóa, có can đảm và cả lòng kiên trì để tìm kiếm bên ngoài những hình ảnh Epinal^[9] của sự tuyên truyền thực dân và của chủ nghĩa vọng ngoại, mới phát hiện ra được.

Và trước hết, phải chăng cũng nên tự đặt một câu hỏi về giá trị của quan niệm đế quốc của nước Pháp? Kể từ cuộc cách mạng 1848 (có thể ngay từ cuộc cách mạng 1789) nước Pháp đã hoàn toàn chấp nhận, không một hạn chế nào, cái quan niệm mang tính tư tưởng hệ về một Đế quốc kiểu La Mã và theo tinh thần chỉ dụ Caracalla^[10]. Trong cái ảo tưởng đó, nước Pháp đã thông báo với thế giới “những quyền con người và quyền công dân”, có một sứ mệnh vừa là giải phóng vừa là khai hóa văn minh. Nó là Tự do, theo định nghĩa. Kết quả là một khi hòa nhập vào đế quốc Pháp rồi, một dân tộc không thể nào có lý do chính đáng để mong muốn tách ra khỏi đế quốc, đòi hỏi độc lập dân tộc, bởi vì độc lập sẽ làm cho dân tộc ấy lại rơi vào “những bóng tối của bên ngoài”. Nó chỉ có thể tiến bộ bên trong hệ thống Pháp, ngày càng có nhiều tự do cá nhân, nhiều quyền chính trị, nhiều văn hóa và cuộc sống sung túc hơn. Mỗi cá nhân chỉ còn có thể ước vọng trở thành công dân sung mãn của cộng đồng chính trị Pháp - biểu hiện cao nhất của nền văn minh nhân loại, “Tân La Mã”.

Trong khuôn khổ ấy, sự “giải phóng” chỉ liên quan đến những cá nhân, hoặc những tập thể địa phương cơ sở (xã, tỉnh) mà loại trừ các dân tộc hoặc các quốc gia ra ngoài. Đối với các dân tộc, (người ta thường dùng chữ “các dân cư”) thì người ta chỉ có thể nghĩ tới một sự mở rộng “các quyền tự do” (dân chủ) và một sự “kết hợp” (với cái gì? quyền lực ư?) lại còn “trong những giới hạn sẽ quy định”. Kết quả là, trái với những sự kiện đã xảy ra tại Ấn Độ với người Anh, hoặc tại Philippines với người Mỹ, không có một triển vọng thay đổi hoặc diễn biến chính trị nào ở nước tự trị hoặc khối Liên hiệp... được mở ra tại Đông Dương: ở đây chưa bao giờ đặt ra vấn đề chế độ tự trị hoặc chỉ “quyền tự quyết chính trị” cho người Việt Nam hoặc cho người Campuchia cả. Nhiều lắm là khi cần thì cho họ tham gia vào việc hành chính của Pháp ở các nước Đông Dương và ban cho chính phủ này một ít quyền tự trị hải quan.

Nước Pháp không quy định một thời hạn nào cho “sứ mệnh khai hóa văn minh” của nó và người Annam có thể nếu không có chuyện gì đáng kể xảy ra, chịu đựng cái “sứ mệnh” đó suốt một nghìn năm như họ đã chịu đựng “sứ mệnh khai hóa văn minh” của Trung Hoa ngày xưa đối với họ vậy. Người ta đòi hỏi người Annam phải tin tưởng (một cách mù quáng) vào nước Pháp bởi vì nước Pháp, theo định nghĩa, là chính sự độ lượng, sự trật tự và sự tiến bộ, và người ta chỉ có thể ngưỡng mộ nước Pháp hơn tất cả các nước khác, cố nghĩa là đi với Pháp mãi mãi.

Cũng dễ hiểu rằng, với một quan niệm như vậy, người Pháp rất ít chuẩn bị (và ít sẵn sàng) chờ đón những cuộc đổi thay... nhất là đổi thay chính trị.

- Liên bang Đông Dương

Đông Dương trong các lãnh thổ của đế quốc là một lãnh thổ trên đó chính quyền Pháp được thiết lập bằng những hiệp ước ký với những quốc gia dân tộc có một lịch sử lâu đời. Các vua chúa địa phương (Campuchia, Annam, Luang Prabang) đã nhận nền bảo hộ của Pháp, thường là sau khi đã phải cắt nhượng cho Pháp một phần lãnh thổ của họ. Đó là trường hợp của nước Annam đã phải bỏ, đầu tiên là Nam Kỳ (1862-1867), rồi đến ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng (1888). Cái việc vì lý do hành chính và tài chính mà Pháp đã sát nhập, không thêm hỏi ý kiến họ, tất cả các “nước” ấy lại với nhau (thuộc địa và bảo hộ) trong một “Liên bang Đông Dương” đã góp phần tạo nên giữa một bên là dự luận Pháp và một bên là các vua chúa cùng nhân dân Đông Dương, một bức màn ngăn cách. Ở Pháp, người ta quen chỉ nói đến Đông Dương mà không tìm hiểu cái từ ấy che đậy nội dung gì. Nếu như về mặt pháp lý, những hiệp ước ký kết những năm 1863, 1874, 1884 và 1893, với các nước được bảo hộ vẫn là cơ sở những quan hệ của họ với nước Pháp thì những truyền thống và những nguyện vọng của mỗi dân tộc đó vẫn giữ một tính chất đặc thù. Cuộc triển lãm thuộc địa năm 1931 đã chứng minh điều đó. Đặc biệt người ta không thể không biết rằng người Annam - như người ta thường gọi họ lúc bấy giờ - chiếm đa số tuyệt đối trong dân cư Đông Dương, rằng họ thông minh, cương nghị và chăm chỉ làm việc; thừa kế một lịch sử lâu dài, thành viên một nền văn minh căn bản mang dấu ấn của ảnh hưởng Trung Quốc, thật khó mà nghĩ rằng họ có thể chịu khuôn mình mãi mãi trong cái gông của một Liên bang Đông Dương nằm dưới sự thống trị của một dân tộc da trắng ở cách xa họ 10.000 km. Đó chỉ là cái lương tri thông thường.

Hơn nữa, mặc dù những lời lẽ tuyên truyền che giấu sự thật, cũng không nên quên rằng, nếu như nước Pháp đã dùng ngoại giao để đặt nền đô hộ của nó một cách hòa bình lên Campuchia và các vương quốc Lào (cứu các nước này khỏi sự thôn tính của nước Xiêm), thì chính là bằng bạo lực và duy nhất bằng bạo lực mà nước Pháp đế quốc và cộng hòa cuối cùng đã chinh phục Việt Nam. Và để đạt tới, nó đã phải tiến hành hai cuộc chiến lâu dài và đẫm máu trước tiên là ở miền Nam (1859-1867), rồi sau ở miền Trung và miền Bắc (1882-1895).

Kết thúc hai cuộc chiến tranh được tiến hành với những phương tiện hiện đại hơn hẳn so với những phương tiện của cuộc kháng chiến dân tộc, Việt Nam đã bị bẻ gãy: nó bị chia cắt làm ba phần gần như tương đương với ba miền lớn của nó (kỳ), người Pháp gọi là Cochinchine (Nam Kỳ) - thiết lập thành thuộc địa Pháp năm 1864, Tonkin (Bắc Kỳ) - về lý thuyết là xứ bảo hộ, thực tế là thuộc địa và Annam (Trung Kỳ), miền đất nghèo nhất, đặt dưới chế độ bảo hộ. Ông vua chính thống đã bị truất ngôi và sau khi bị bắt năm 1888 thì bị đi đày tại Algérie. Tầng lớp lãnh đạo, tức tầng lớp sĩ phu, thì bị chiến tranh và đàn áp tàn sát hàng loạt; đồng ruộng bị phá tan hoang. Nhưng dân chúng không hề mất tinh thần và những người yêu nước không bao giờ buông hy vọng; họ chờ đợi một thời cơ thuận tiện để giành lại tự do và khôi phục độc lập đất nước.

Một thời gian dài lo ngại - do chiến tranh du kích kéo dài - cuối cùng người Pháp tự trấn an và nhận xét rằng người Việt Nam đã hết khả năng thực hiện một cuộc nổi dậy nguy hiểm. Trung thành với quan niệm họ tự tạo cho mình về đế quốc và về sứ mệnh khai hóa văn minh của nó, nước Pháp ngay trước cuộc thế giới chiến tranh 1914-1918 đã “chọn” cái phương châm “không biết đến chủ nghĩa dân tộc”. Nó chỉ muốn nhìn thấy phong trào chống đối chính quyền của nó là một sự “phiến động bài Pháp” của những phần tử lạc hậu, lạc đường hoặc có tính chất lật đổ mà cuối cùng - theo như người ta nghĩ - sẽ trở lại “biết điều” mà thôi.

- Quyền lực bị tước đoạt

Cái chế độ do người Pháp thiết lập nên, từ cuối thế kỷ XIX trong thực tế sáu mươi năm, chỉ là một chế độ độc tài quan liêu. Một nền cai trị toàn quyền của Pháp, có sự giúp đỡ của những trợ

lý địa phương thường là kém cỏi và thông đồng với bọn thực dân châu Âu, đã khởi sự và tiến hành một công cuộc khai thác phục vụ trước hết cho lợi ích người Pháp tại chính quốc cũng như tại địa phương, và cho người Hoa cộng sự của họ. Nó tạo nên một cơ sở vật chất tương đối đáng kể (cảng, thành phố, đường giao thông, bệnh viện...) với những nguồn thu từ thuế khóa ấn định theo mức độ của nhu cầu nhưng là một gánh nặng đè lên vai những người dân Đông Dương phải trả thuế. Một số thuế đặt ra cực kỳ trái với lợi ích của quần chúng nhân dân. Trên đất nước 18 triệu dân ấy, chỉ có khoảng 10.000 người châu Âu chiếm giữ hết mọi cương vị lãnh đạo và cả những chức vụ quản lý thông thường, đồng thời liên hệ với các tầng lớp Hoa kiều kiểm soát toàn bộ đời sống kinh tế.

Ngay cả ở những nước bảo hộ, bộ máy cai trị Pháp cũng không cộng tác với các nhà chức trách truyền thống, mà ra lệnh cho họ. Nó rất tự tin, nó quyết định một mình. Bất cứ một sự chống đối nào cũng đều bị trừng phạt, bất cứ một sự sai sót nào cũng đều bị khiển trách.

Độc chiếm toàn bộ quyền lực chính trị, quân sự, kinh tế, người Pháp rất sợ hãi và căm ghét những sự phê bình. Trong cái kim tự tháp quyền lực, họ chỉ chấp nhận những người “Đông Dương” và nhất là người Việt Nam với tư cách là những quan lại nô lệ, những thầy giáo dễ bảo và những viên thư ký không có tính cách với dân chúng cũng như với những “phần tử ưu tú” trong nhân dân, họ từ chối quyền tự do ngôn luận, quyền lập hội, quyền hội họp và cả quyền tự do đi lại nữa. Họ đặt cả cuộc sống xã hội dưới một sự kiểm duyệt đến ngột thở, cấm mọi hoạt động chính trị và công đoàn. Những “hội đồng” địa phương - thành lập giữa những năm 1911-1918, do cuộc bầu cử hạn chế của một nhóm vài nghìn cử tri chọn lọc - chỉ là những hội đồng tư vấn, với một nhiệm vụ duy nhất là biểu quyết một ngân sách đã được chính phủ dự toán sẵn.

Đông Dương từ một nửa thế kỷ nay, là xứ sở của giới cai trị, giới kinh doanh (Ngân hàng Đông Dương...) và khách hàng của họ nhưng không phải là người Đông Dương. Một vực thẳm ngăn cách chính quyền với xã hội bản xứ. Một chế độ cảnh sát chính trị luôn luôn cảnh giác, có mặt khắp mọi nơi và có tác dụng đáng sợ (Sở Mật thám) khép chặt dân chúng Việt Nam trong khuôn khổ sự tuân phục... và im lặng. Báo chí bản xứ bị kiểm duyệt gắt gao. Biểu lộ một ý định đả kích nhỏ nào là lập tức bị tình nghi. Mà sự tố giác nơi nào cũng có và trong cái đất nước nghèo nàn này bọn chỉ điểm đông vô kể. Sở Mật thám truy nã tất cả những cái gì họ gọi là phiến động bài Pháp. Trong lĩnh vực này, ngay từ buổi đầu (những năm 1862...) những người đối lập hay chống đối, hoặc cả những người không cùng ý kiến đều bị bắt giam, bị kết án khổ sai, tù đầy và cả án tử hình.

Rõ ràng là khi họ kinh sợ mọi sự biểu thị tinh thần yêu nước đến mức độ ấy, người Pháp không thể nào bước xa được trên con đường “dân chủ” ở Đông Dương. Các hội đồng địa phương không được quyền đề xuất một nguyện vọng nhỏ nào về chính trị. Tất cả những người “lãnh đạo” bản xứ, dù họ có thuộc hay không thuộc tầng lớp tư sản phương Tây hoặc các giới truyền thống chủ nghĩa... đều đã được Chính phủ Pháp áp đặt hoặc lựa chọn. Không một biểu hiện yêu nước nào được cho phép. Suốt trong tám mươi năm, tại Đông Dương, không hề có một cuộc bầu cử tự do nào với sự tham gia của những người đại diện chân chính của dư luận Việt Nam, của các “Đảng phái chính trị” càng không có. Trừ một vài trăm vị chức sắc ra, người Việt Nam không bao giờ được phép lập những đảng phái chính trị thật sự hoặc những công đoàn có khả năng khai thông cho các nguyện vọng của quần chúng và tạo dần nên cái cơ sở cho một chế độ dân chủ.

Chỉ đơn giản là xã hội thuộc địa không sẵn sàng chia sẻ quyền hành. Nó đã dập tắt ngay từ đầu hoặc rất nhanh chóng mọi ý đồ cải cách, những yêu cầu xây dựng hiến pháp do Bùi Quang Chiêu nhân danh giới tư sản Nam Kỳ đệ trình lên (1923), cũng như những yêu cầu liên quan đến vấn đề tôn trọng nhân cách Việt Nam và tinh thần bảo hộ do nhà trí thức thân Pháp Phạm Quỳnh đề xuất vào những năm 1924-1930. Không một hiến pháp nào được soạn thảo cho các nước Việt Nam cũng như cho Campuchia. Quyền hạn các hội đồng không hề được mở rộng, thể thức bầu cử không hề được sửa đổi, chế độ báo chí lập hội không hề được tự do. Những quyền

“tự do dân chủ” chỉ dành cho các “công dân”, có nghĩa là cho một nhóm nhỏ 5.000 công chức và 10.000 thực dân đã chiếm đoạt quyền bính, cùng với con số vài ba nghìn người Annam theo quốc tịch Pháp. Vậy là chỉ non hai chục ngàn người làm thành cái xã hội thuộc địa và không chấp nhận bất cứ một hành vi nào chống lại quyền lực ấy.

Vấn đề không phải duy nhất là một vấn đề dân tộc. Mà có lẽ là một vấn đề mang tính chất xã hội nhiều hơn. Nghèo đói là tình trạng phổ biến; và mức sống quá thấp, đặc biệt ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam; ở đây mật độ dân số quá cao dẫn tới nguy cơ xảy ra nạn đói hàng năm hoặc ít ra là nạn thiếu ăn. Sự thiếu hụt về lương thực, thực phẩm càng trở nên nghiêm trọng do quan hệ giữa địa chủ và những nông dân cày rẫy cấy mướn hoặc giữa nông dân và bọn cho vay lãi. Chuyện nợ nần ở chốn nông thôn thật là khủng khiếp. Ngoài những gì được lọt vào quỹ đạo người Âu ra, còn lại thì tình trạng kinh tế suy đốn đã thành lệ, vì người ta quá nghèo... Nhưng trong các giới “tân tiến”, giới hành chính và giới công nghiệp và thương mại, sự bất bình đẳng đặt ra một vấn đề có tính chất chính trị - tâm lý hơn là kinh tế. Sự chênh lệch lương bổng trong các cơ quan hành chính và các hãng kinh doanh, sự phân biệt màu da mà có thể chỉ nuôi dưỡng thêm những nỗi hận thù.

Sự hạn chế khả năng có việc làm và các quyền lợi được mở ra cho một lớp trẻ có học thức, chưa kể những điều kiện làm việc của những công nhân công trường, hầm mỏ đồn điền... tất cả những cái đó sẽ tạo nên một loạt những hình thức tước đoạt mới, nhất là đối với những thế hệ trẻ, thế hệ 18-25 tuổi sau những năm 1924-1925.

Vậy nhưng những sự đền bù còn lâu mới gọi là “đáng kể”. Những tiến bộ đạt được tại Đông Dương, trong lĩnh vực y tế và giáo dục thì có thể so sánh được với những điều người ta thấy tại các nước thuộc địa khác ở châu Á, nhưng vẫn bị hạn chế. Năm 1937, sau 60 năm dưới chế độ thống trị của Pháp, chỉ có 10% số trẻ em đến tuổi đi học được học hành, gần 90% dân số vẫn là mù chữ; và trung bình cứ ba đứa trẻ sinh ra thì 1 đứa chết trước 1 tuổi. Nhưng mà việc phê phán chính sách của nhà nước về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội đều bị nghiêm cấm đối với người Đông Dương. Những đồn điền cao su xanh tốt, những tiến bộ trong việc buôn bán gạo và xuất khẩu cao su hay than đá, những ngôi nhà đồ sộ dùng làm cơ quan công cộng ở các thành phố lớn Đông Dương, những công trình kỹ thuật táo bạo ven đường sắt và đường ô tô, sự phát triển của hệ thống y tế hoặc học đường, sự phồn vinh bên ngoài mà từ 1935, sau sáu năm kinh tế khủng hoảng, đã lại xuất hiện... tất cả những cái đó có mang một ý nghĩa thiết thực hay không khi mà, như lời của Phạm Quỳnh, thượng thư đầu triều của chính phủ nhà vua Annam đã nói, “người Annam chẳng khác nào là những người nước ngoài ngay trên đất nước họ”?

- Chống đối ư? Không, cách mạng!

Khoảng những năm 1892-1895, dân tộc Việt Nam đã phải chấm dứt mọi cuộc kháng chiến vũ trang chống bọn xâm lược và chịu nhấn nhục chờ đợi “những sự kiện mới”.

Từ đầu thế kỷ này, Chính phủ Pháp với những lực lượng trật tự của nó đã nhờ một tinh thần cảnh giác không ngừng ngăn cản không cho những hoạt động chống Pháp đạt tới những mức độ nguy hiểm. Trong ba mươi năm, từ 1897-1927, cuộc kháng chiến chống chính quyền thực dân chỉ còn là công việc của những nhóm lẻ tẻ, những cụm con con, những thanh niên trái tráng dũng cảm, độ lượng, lý tưởng, có khi hừng khởi, xuất thân trước hết từ những gia đình trí thức truyền thống, rồi theo nhịp độ tiến dần, từ những môi trường hỗn hợp (nông dân, nhà buôn, thợ thủ công, giáo viên hoặc thư ký hành chính v.v...). Bị Sở Mật thám theo dõi, tất cả hoặc hầu hết họ đều đã bị bắt giam hoặc bị vô hiệu hóa, hoặc nữa bị cưỡng bức thuyết phục bằng những biện pháp khác nhau từ bỏ mọi hoạt động chính trị hay ít ra là chấm dứt phản kháng. Lời hứa của Chính phủ Pháp sẽ cho con cái các gia đình tư sản, được dạy dỗ theo kiểu phương Tây, vào làm việc ở các cơ cấu hành chính hoặc kinh tế, đã có tác dụng làm cho người ta kiên nhẫn đợi chờ... Bản thân chế độ quân chủ cũng bị tước hết quyền lực chính trị, mặc dầu

một ông vua trẻ, Duy Tân, năm 1916, đã phản kháng mãnh liệt tại Huế. Duy Tân lập tức bị truất ngôi và đày sang đảo La Réunion. Bảo Đại, ông vua cuối cùng một ngày kia sẽ nói: “Quyền hành duy nhất của Trẫm là phong sắc cho các vị thành hoàng làng xã”.

Không khí chính trị bắt đầu thay đổi vào những năm 1926-1927 sau khi những mộng đẹp nảy sinh từ thắng lợi của cánh tả trong các cuộc tuyển cử ở Pháp tháng 5/1924, bị vỡ. Mặc dù một nhân vật cánh tả, Alexandre Varenne, được cử làm toàn quyền Đông Dương, sự đổi mới cũng chỉ biểu hiện ở vài cải cách không đáng kể về chi tiết. Những quyền tự do cơ bản (báo chí, họp họp, lập đoàn, đi lại, bầu cử...) vẫn bị từ chối đối với người Việt Nam. Việc theo dõi của mật thám và cảnh sát không một chút nào buông lỏng. Mọi khả năng sửa đổi chính trị từ đây hầu như bị đóng cửa. Không có bóng dáng một cải cách nào sâu sắc; không một triển vọng đổi thay nào bằng con đường nghị trường hoặc bằng con đường nào khác, đã thuyết phục đại bộ phận thanh niên Việt Nam xác định rằng: dưới chế độ thuộc địa, đất nước Việt Nam và bản thân tuổi trẻ Việt Nam cũng sẽ không có một tương lai nào; rằng chế độ thuộc địa tự thân nó không có khả năng cách tân, chỉ có thể thay đổi bằng bạo lực. Vậy là cái ý niệm Cách mạng và cách mạng quyết liệt đã thâm nhập vào ý thức người Việt Nam từ giữa thập niên 20. Và nó sẽ không bao giờ ra khỏi nữa. Tình thế chỉ có thể dẫn tới một sự bùng nổ. Vấn đề là biết nó sẽ nổ ra lúc nào và như thế nào.

II. MỘT CHÍNH QUYỀN MONG MANH, NHỮNG KẼ KẼ THỪA SỐT RUỘT (2/1930 - 9/3/1945)

Bản chất chính quyền thuộc địa Pháp khiến cho không một đảng phái quốc dân nào có thể tham gia đời sống chính trị hoặc có một hoạt động hợp pháp tại Đông Dương. Vì vậy mà những lực lượng chống đối đã phát triển trong bí mật, với nhiều khó khăn lớn. Hai lực lượng chính được xác định là Việt Nam Quốc dân Đảng (VNQDD) - một đảng quốc dân, ra đời năm 1927 do một giáo viên, Nguyễn Thái Học, sáng lập theo khuôn mẫu một chính đảng Trung Quốc và đảng Cộng sản. Đảng này xuất thân từ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Quảng Đông năm 1925. Sau khi tham gia vào đảng Cộng sản Pháp, ông sang Mạc Tư Khoa năm 1923. Từ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, năm 1930, Đảng Cộng sản (CSĐ) ra đời; trước là Đảng Cộng sản Việt Nam rồi sau là Đảng Cộng sản Đông Dương (PCI). Ngay năm đầu tiên, Đảng đã tập hợp được những người mà tên tuổi sẽ được nhiều người biết đến: Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Đặng Xuân Khu.

Hai Đảng bắt đầu hoạt động từ 1930: VNQDD mưu toan thực hiện cuộc khởi nghĩa của các đơn vị lính khố đỏ tại Yên Bái. Đảng Cộng sản thì huy động quần chúng nông dân đang bị nạn đói đe dọa, thành lập tại một vài huyện cái mà người ta sẽ gọi là “những Xôviết Annam”. Các cuộc đàn áp hết sức dã man. Có hàng trăm cuộc bắt bớ. Các trại giam, các nhà tù khổ sai đều chật ních. Nguyễn Thái Học bị bắt và lên máy chém ngày 12/6/1931. Về phía mình, Nguyễn Ái Quốc cũng bị người Anh bắt tại Hồng Kông ngày 6/6/1931, và sẽ bí mật rời khỏi Hồng Kông trong năm 1933 trước khi bị coi là đã chết năm 1934. Trong ba năm, những vụ án các nhà cách mạng trẻ đã thành trò cười cho dư luận. Nhưng rồi chính phủ đã thắng trên toàn tuyến. Trật tự lại trở về trên đất Đông Dương. Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa lúc này là Paul Reynaud, đã thực hiện một chuyến đi nghiên cứu vào mùa thu 1931 (năm Triển lãm thuộc địa tại Vincennes) và đã có thể xác nhận là tình hình đã hoàn toàn trở lại ổn định.

Tuy nhiên ông bộ trưởng cũng kết luận về sự cần thiết phải có một vài cải cách chính trị và đặc biệt phải đổi mới chế độ bảo hộ ở Annam. Tháng 9/1932, ông vua trẻ Bảo Đại trở về nước và được đăng quang một cách long trọng. Quả thực, điều đó có mở đường cho một vài cải cách bề mặt. Nhưng quan trọng hơn là nhà Vua đã chọn nhằm thực hiện những cải cách ấy cho đến nơi đến chốn, là Ngô Đình Diệm, một ông quan trẻ thanh liêm, bỗng từ chức một cách đột ngột, gây một tiếng vang lớn. Rõ ràng là chế độ hiện hành không thể phù hợp với bất cứ một thay đổi nào.

Một số người Pháp sáng suốt linh cảm được những điều nguy hiểm mà chính sách đàn áp hoặc sự mù quáng kia sắp sửa gây nên.

Một trong những luật sư bào chữa cho các bị cáo cộng sản tại vụ xử án ở Sài Gòn - luật sư Cancellieri - đã nêu lên hồi tháng 5/1933: “Nếu các người muốn tránh khỏi một sự bùng nổ thì hãy ban bố các quyền tự do, hãy lập những chính đảng, hãy tổ chức những công đoàn (các người vẫn nắm họ trong tay mà!). Nếu các người nhất định đàn áp bằng mọi giá thì cách mạng sẽ nổ ra dữ dội”.

Bình luận về tình hình và vụ xử án, André Malraux lúc đó có viết trong tờ Tuần báo Marianne ngày 11/10/1933: “Khó quan niệm nổi một người Annam dũng cảm là một cái gì khác ngoài một con người cách mạng?”.

- Đảng Cộng sản, người làm chủ phong trào hoạt động bí mật

Sự kiện “mới mẻ” là việc xâm nhập của Chủ nghĩa cộng sản vào chính trị ở Đông Dương. Sự có mặt tại Quảng Đông của những cán bộ Quốc tế cộng sản, sự phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc, rồi sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương (PCCI) đã tạo nên một tâm lý mới trong xã hội thuộc địa. Từ 1920, chính quyền và bọn thực dân không ngừng lặp đi lặp lại rằng Mạc Tư Khoa và Quốc Tế Cộng sản, thông qua những điệp viên tay sai của họ, đang tìm cách xúi giục các thuộc địa nổi dậy chống lại nước Pháp và như vậy làm yếu phương Tây đi như Lénine đã dặn bảo. Vậy là những người cộng sản được liệt vào hàng những kẻ thù chính của chế độ thực dân, điều này không khỏi có tác dụng thu hút về họ tất cả những người lâu nay tự thấy không biết dựa vào đâu để chống với “chế độ thực dân Pháp”. Những cuộc đàn áp mà đối tượng là Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ có tác dụng làm tăng thêm uy tín của Đảng dưới con mắt của nhiều thanh niên. Cuộc đàn áp ấy và cái cách mà Đảng đã đối phó, cái cách mà Đảng đã dùng để nắm chắc trong tay cả quần chúng tù nhân, thông qua các cán bộ của Đảng, đã khiến cho, từ 1933, Đảng Cộng sản đã trở thành người làm chủ của phong trào hoạt động bí mật, vị lãnh tụ thực sự của phe chống đối và là lực lượng chính trị bản xứ quan trọng nhất về tiềm năng của cả đất nước. Đó là điều sẽ mang lại những hậu quả vô cùng lớn lao cho tương lai.

Người Pháp cố gieo rắc trong dân chúng sự kinh sợ đối với chủ nghĩa cộng sản, họ nhắc đi nhắc lại rằng “không có nước Pháp, chủ nghĩa cộng sản sẽ thắng”. Nhưng luận điệu này chỉ tác động đến tầng lớp tư sản hoặc đặc quyền đặc lợi thôi, chứ không mấy may tác động gì đến quần chúng nông dân. Càng tìm cách thuyết phục họ rằng nếu không có chính quyền thuộc địa thì duy nhất chỉ còn có chủ nghĩa cộng sản, họ càng củng cố thêm trong ý thức quần chúng nông dân niềm tin ở sự chiến thắng tương lai của chủ nghĩa cộng sản. Thực tế là Chính phủ Pháp, bằng lối tuyên truyền ngu ngốc đó đã “trái giường” cho chủ nghĩa cộng sản.

Một vài hoạt động chính trị đã có thể phát triển trong vùng được gọi về mặt pháp lý là “thuộc địa Pháp” (tức Nam Kỳ và ba “nhượng địa”), ở đó các công dân Pháp, kể cả những người được chuyển sang quốc tịch Pháp, được hưởng khá nhiều quyền, chẳng hạn quyền ngôn luận, hội họp và bầu cử. Sài Gòn có dịp trở thành cái sân khấu cạnh tranh giữa những người Việt Nam cánh tả và cánh hữu, trong đó những người Trotskystes đóng một vai trò quan trọng. Trong các xứ “bảo hộ”, tình hình có khác. Từ tháng 7/1936, sau thắng lợi của Mặt trận Bình dân trong tổng tuyển cử, luôn luôn trong những khu vực ấy và mặc dầu vẫn cần nói đến chuyên độc lập, chuyện mở rộng các quyền tự do dân chủ, được bổ sung bằng một lệnh ân xá, đã đưa lại cho một số hình thức - kể cả hình thức tôn giáo - của chủ nghĩa quốc gia cái khả năng được phát biểu công khai và người ta thấy những đảng viên cộng sản, trở thành hợp pháp, hoạt động hết sức mình để thành lập một “Mặt trận dân chủ Đông Dương” với sự tham gia của những người Pháp dân chủ và tiến bộ. Nhưng đến tháng 9/1939 thì mọi sự lại đổ vỡ, sau hiệp định Đức - Xôviết, với một lệnh mới cấm mọi hoạt động cộng sản và sự rút lui hoàn toàn của họ một lần nữa vào phong trào bí mật.

• Sự mong manh về quyền lực của Pháp

Chế độ thuộc địa chỉ mở ra có vài cái nút xả hơi không đáng kể cho những nguyện vọng chính trị và xã hội của nhân dân Việt Nam. Người ta thấy rõ rằng, rất lâu trước chiến tranh thế giới thứ hai, nền độc lập - mục tiêu của tất cả mọi đảng phái quốc gia không trừ đảng phái nào - chỉ có thể giành lại được bằng một sự bùng nổ, một cuộc khủng hoảng có tính chất cách mạng. Hệ thống thuộc địa không dành một chỗ con con nào cho một quá trình diễn biến hòa bình đáng gọi bằng cái tên đó. Bất chấp những thành tựu đáng kể của Chính phủ Pháp (nhất là trong lĩnh vực công chính và công trình đô thị), một vực thẳm thực sự đã tồn tại giữa nhân dân Việt Nam và chính quyền Pháp và người ta chỉ có thể kết luận là do sự quá mong manh của chính quyền này.

Dĩ nhiên trong những năm 1938-1939, chưa có một lực lượng nào có thể làm cho nó bị lung lay hoặc bị lật đổ từ bên trong. Nhưng vì thiếu hẳn một nền tảng nhân dân hoặc dân chủ nên nó có

thể bị lật đổ bởi một sự bất ổn quốc tế, một cuộc khủng hoảng hoặc một cuộc chiến tranh bên ngoài mà một cường quốc khác nào đó như Trung Quốc, Nhật Bản, Đức có thể khai thác và lợi dụng trên đất Đông Dương. Vì nước Pháp tưởng mình sẽ vĩnh viễn là ông chủ của đất nước này, nên đã không nghĩ đến chuyện đào tạo một lớp người bản xứ có khả năng kế tiếp mình và nắm quyền quản lý hành chính cũng như kinh tế, nên rõ ràng là trong trường hợp khủng hoảng nghiêm trọng những người kế tục họ chỉ có thể là những phần tử quốc gia chủ nghĩa thân Nhật, thân Trung Quốc, hoặc những người cộng sản. Tất cả đều chống Pháp. Tất cả đều chỉ đợi chờ một cơ hội thuận lợi để ra khỏi vòng bí mật và với sự ủng hộ của ngoại bang, lật đổ quyền thuộc địa.

Thất bại của Pháp tháng 6/1940, tại châu Âu, dường như có tạo được những điều kiện cho một sự thay đổi. Nhưng người ta đã thấy Tokyo chọn một thái độ - ít nhất cũng là tạm thời - tôn trọng chủ quyền của Pháp trên đất Đông Dương; và thế là những người cộng sản đã hoàn toàn thất bại trong cuộc nổi dậy ở miền Nam, mà họ tưởng có thể phát động từ tháng 11/1940.

Tuy cuộc nổi dậy đã bị đàn áp rất nặng nề này đã khiến cho người ta suy nghĩ, nhưng mọi người vẫn tin là không bao giờ nó có thể tái diễn một lần nữa. Chính phủ Decoux lại còn tăng cường thêm công tác kiểm tra của cảnh sát. Nhiều và khéo đến nỗi suốt trong gần năm năm, cái bề ngoài có vẻ vững vàng của chính quyền Pháp đối với lãnh thổ Đông Dương ấy đã có thể tạm thời che giấu được sự mong manh của một chính quyền đang mặt đối mặt với một nước Nhật Bản đầy sinh lực, và gây cho người Pháp một sự đánh giá sai về lực lượng so sánh và cũng duy trì được một số ảo tưởng về tương lai Đông Dương sau chiến thắng của Đồng minh. Ngay cả ở Alger, dường như người ta không hiểu rằng ở Đông Á, ngày mai đây sẽ không còn cái gì có thể giống như trước ngày người Nhật tới.

Ủy ban Alger biết khi công bố bản “Tuyên ngôn của chính phủ” ngày 8/12/1943, rằng Washington rất dè dặt về vấn đề duy trì một chính quyền Pháp tại Đông Dương (ai cũng rõ những tư tưởng và ý đồ của tổng thống Roosevelt) và rằng người Trung Quốc đã tổ chức những người Quốc dân đảng Việt Nam làm tay sai cho họ hoặc nằm trong vòng ảnh hưởng của họ và như vậy gieo rắc nhiều hoài nghi về thái độ của họ nếu có ngày nào đó Đông Dương lại bị lôi cuốn vào chiến tranh. Mặt khác, những người cộng sản Việt Nam lui vào bí mật năm 1939, đã tập hợp lại thành một bộ phận ở Hoa Nam, ở sát biên giới Đông Dương và tháng 5/1941 đã lập nên một Mặt trận độc lập Đồng minh (Việt Minh).

• Việt Minh gửi một tín hiệu

Tháng 5/1944, Ủy ban Alger tìm hiểu, với một sự quan tâm rất lớn về một bức công hàm mà lãnh sự Pháp tại Côn Minh, Royère đã gửi cho ông đại sứ của Ủy ban Alger tại Trùng Khánh, tướng Pechkoff. Bức công hàm ấy có nội dung như thế này:

“Thứ bảy vừa qua 29/4, tôi có tiếp hai người Annam tên là Phạm Biết Tế và Lê Đức Linh[11]; họ đã đề nghị được gặp tôi với tư cách là phái viên của “Mặt trận Độc lập Đông Dương” mà họ sẽ là những người đại diện Trung Quốc.

“Tôi đã trao đổi ý kiến với hai người Đông Dương ấy trong khoảng một giờ đồng hồ. Họ đã phát biểu với tôi những lời tuyên bố mà nội dung có thể tóm tắt như sau:

“1. Mặt trận Độc lập Đông Dương (mà trong công hàm tôi sẽ viết tắt là LII, tập hợp tất cả các đảng phái có xu hướng dân tộc và dân chủ hiện tồn tại trên lãnh thổ Liên bang và vì thế đại diện cho tuyệt đại đa số nhân dân Đông Dương, đã có dịp tìm hiểu bản tuyên bố của CFLN (Ủy ban giải phóng dân tộc Pháp) liên quan đến quy chế của Đông Dương sau này, công bố tại Alger ngày 8/12/1943. Những người lãnh đạo của LII, đã có lần gửi thư cho những người Pháp tự do ở Đông Dương, đã quyết định một cách thích đáng sẽ gửi sang Trung Quốc hai đại biểu để liên hệ với các đại diện của Alger tại đó nhằm đi đến một thỏa thuận, nếu có thể, về những vấn đề

"2. Mặt trận Độc lập Đông Dương (LII) theo đuổi hai mục đích cơ bản: - Dân chủ hóa Đông Dương ngay sau ngày giải phóng - và khôi phục nền độc lập của nó trong tương lai gần nhất.

"Với những nguyện vọng như vậy, Mặt trận Độc lập Đông Dương (LII) không thể nào nói chuyện này với người Nhật - mà kinh nghiệm đã chứng tỏ những ý đồ thật của họ là gì - hoặc với chính phủ thân Phát xít của Đô đốc Decoux - mặc dù mới đây chính phủ này có thực hiện một vài cải cách trên lĩnh vực xã hội. Trái lại, những người lãnh đạo Mặt trận Độc lập Đông Dương (LII) cho rằng cái hay nhất và lợi nhất cho sự nghiệp chung của nước Pháp và Đông Dương lúc này là ngay từ bây giờ có những cuộc tiếp xúc với CFLN, thông qua những cuộc tiếp xúc ấy mà tiến tới một sự thỏa hiệp Pháp - Đông Dương.

"3. Ủy ban chỉ đạo của LII hy vọng rằng CFLN sẽ vui lòng nghiên cứu một chương trình dân chủ hóa Đông Dương để thực hiện ngay sau khi lãnh thổ này được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của Nhật. Về nền độc lập của đất nước (Đông Dương), Ủy ban thấy rằng vấn đề phức tạp hơn nhiều và công việc trao trả đó nếu thực hiện ngay sẽ vấp phải những khó khăn rất nhiều và quan trọng. Vậy nên Ủy ban đó - mặc dù không quên rằng mục đích chủ yếu của nó là đảm bảo nền độc lập Đông Dương - sẵn sàng thảo luận và chấp nhận tạm thời tất cả mọi công thức chính trị rộng rãi lấy nguyện vọng của dân tộc Đông Dương làm căn cứ.

"4. Xét thấy rằng những cải cách đó chỉ có thể thực hiện được sau ngày giải phóng Liên bang Đông Dương, LII sẵn sàng ngay từ bây giờ cộng tác với CFLN ở bên trong cũng như ở bên ngoài Đông Dương, trong cuộc đấu tranh của nó chống Nhật. Sự hợp tác này có thể tiến hành trên mọi lĩnh vực kể cả lĩnh vực quân sự, vì Mặt trận đã đào tạo và huấn luyện được những nhóm du kích và có thể càng ngày càng có thêm nhiều nhóm như vậy.

"5. Những người lãnh đạo của LII luôn luôn theo sát tình hình quốc tế và thấy rõ rằng một số nước ngoài có ý đồ giành một vị trí lợi thế trong những cuộc hội nghị sẽ họp, sau khi chiến tranh chấm dứt, để bàn về những vấn đề liên quan đến các đế quốc thuộc địa. Thừa biết một số trong các nước đó có những ý đồ đất đai hoặc những ý đồ khác về Đông Dương, những người lãnh đạo LII mong muốn người Pháp và người Đông Dương cùng đứng vào một mặt trận chung và đề xuất một chương trình chính trị và xã hội có thể tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của các cường quốc dân chủ".

"Cuối cùng, các vị khách của tôi đã hàm ý cho tôi hiểu, một cách kín đáo nhưng rành rọt, rằng tuy Mặt trận nhiệt tình mong muốn để đi đến một thỏa thuận với CFLN, nó sẽ không ngần ngại đặt vấn đề với đại diện các nước liên hiệp khác trong trường hợp mà Alger khước từ hợp tác.

"Trong câu trả lời, tôi đã nhấn mạnh cho các vị khách đối thoại của tôi thấy lời tuyên bố của CFLN về vấn đề Đông Dương chứng minh rõ ràng nước Pháp mới đặc biệt quan tâm đến các vấn đề thuộc địa, và những người lãnh đạo ở Alger - mà khuynh hướng tự do đã bao lần bộc lộ - chắc chắn sẽ sẵn sàng nghiên cứu với tinh thần hiểu biết và có thiện ý nhất tất cả những đề nghị hợp lý xuất phát từ những tổ chức đại diện thực sự cho quần chúng nhân dân Đông Dương. Mặc dầu cá nhân tôi rất hứng thú về những ý kiến vừa được nghe - tôi đã tuyên bố sau đó - "Tôi không phải người có quyền quyết định hoặc có quyền bảo đảm gì về cái lập trường mà CFLN có thể có trước những đề nghị bước đầu của LII. Tuy nhiên tôi sẽ không quên báo cáo lại với tướng Pechkoff đại sứ Pháp tại Trùng Khánh, về nội dung cuộc hội đàm của chúng ta".

"Tôi nói thêm rằng tôi thấy cần báo cho các vị khách của tôi ngay bây giờ rằng các nhà chức trách Pháp, khi xem xét những lời tuyên bố của họ (LII), sẽ không quên rằng họ vừa mới bị Việt Nam Quốc dân đảng (Đảng cách mạng Việt Nam tại Trung Hoa tự do) lên án gay gắt và ngoài ra họ sẽ tự hỏi xem LII có phải là đại diện đích thực cho đại đa số nhân dân Đông Dương chứ không phải chỉ là đại diện cho một bộ phận có ít nhiều quan trọng. Để kết thúc, tôi đã thông báo cho các ông Phạm Biệt Tế và Lê Đức Linh rằng nếu sẽ còn phải có những cuộc hội đàm mới, thì họ cần nói rõ thêm - và điều này sẽ rất bổ ích:

a) LII nhận thấy có thể cộng tác với CFLN trên những lĩnh vực nào và trong chừng mực nào; b) Chương trình cùng nguyện vọng chính trị và xã hội của LII như thế nào?

“Ngài có thể thấy rằng tôi đã để cánh cửa ngỏ cho những cuộc hội đàm mới và nhất thời, cho những cuộc thương thuyết về việc thực hiện một vài điểm trong chương trình cộng tác do các đại diện của LII đề xuất, mà không để cho CFLN bị ràng buộc chút gì. Quả thực, tôi đã thấy được là chúng ta cần thận trọng trong tất cả mọi vấn đề có liên quan đến quan hệ của chúng ta với người Annam. Trong trường hợp trước mắt, chúng ta có thể đang liên quan hoặc với những tay chân của VNQDD hay cả của QDD Trung Hoa, hoặc nữa với những đại biểu của một đảng phái An Nam chỉ đại diện cho một nhóm rất nhỏ nào đó của nhân dân Đông Dương. Cho nên, về phần liên quan đến tôi, tôi đã chỉ thị cho ông Ramoin phải tìm đến những khu vực người Annam mà ông ta có khả năng đến được, để điều tra về các ông Phạm Biết Tế và Lê Đức Linh. Có thể về phía phòng Đại diện, họ sẽ thấy cần thiết phải yêu cầu ông Siguret hỏi Hà Nội những chỉ dẫn về những điểm dưới đây, không cần chi tiết nào khác: 1. Tầm quan trọng thực tế của LII. 2. LII tập hợp những đảng phái nào? 3. Những người lãnh đạo LII là ai?

“Trong lúc chờ đợi kết quả của cuộc điều tra này, Ngài có thể có thời giờ nghiên cứu nên tiếp nhận những đề nghị của LII đến chừng mực nào, nếu như, đây là điều chính tôi đang tin tưởng, cái Hội ấy quả là đại diện cho một lực lượng đáng chú ý.

Ký tên: J. ROYÈRE”

Bức thư đó của Royère đã được chuyển đi lập tức cho Pechkoff ở Alger và từ ngày 16/6/1944 Ủy viên phụ trách thuộc địa René Pleven đòi hỏi thêm những chỉ dẫn khác về “Mặt trận”; còn chủ nhiệm các vấn đề chính trị Henri Laurentie thì chỉ ra rằng nhiệm vụ cấp bách nhất là phải tìm hiểu đến mức tối đa về những đảng phái chính trị bản xứ hiện đang tồn tại ở Đông Dương. Vậy nhưng, Royère đã thừa nhận ngày 11/7/1944 khi người ta chất vấn ông: “Chúng tôi chẳng nhận được một chỉ dẫn nào về Mặt trận cả”.

• Sự thay đổi của Đảng Cộng sản Đông Dương

Đã có “điều gì đó” xảy đến cho Việt Minh. Một đại hội do Quốc dân Đảng Trung Hoa tổ chức nhằm áp đặt sự kiểm soát của họ đối với tất cả những người quốc dân đảng Việt Nam, đã diễn ra tại Liễu Châu vào tháng 4/1944 và đã bắt buộc Việt Nam phải chịu những điều kiện Trung Hoa. Người ta có thể hình dung được, sau điều “bức chế” đó, Việt Minh (tức LII) đã thấy nếu tiếp xúc với người Pháp (Royère) để thăm dò thái độ họ và để xem có thể có cách nào đối phó với việc kiểm soát của Trung Hoa thì sẽ là điều bổ ích.

Có khả năng là sự tiếp xúc này đã bị mật thám Trung Hoa phát hiện cho phe quốc gia đối địch với Việt Minh (VNQDD và Đồng minh^[12], phe này lập tức tố cáo Việt Minh có thiện ý với người Pháp. Những người cộng sản Việt Nam lại phải lập tức cứng rắn lên để chứng tỏ họ vẫn là những chiến sĩ chân chính của nền độc lập dân tộc. Do đó mà họ rải truyền đơn đề ngày 4/6/1944: “Vì nền độc lập trọn vẹn của Đông Dương”.

“Vậy là những người Pháp đang đấu tranh chống sự chiếm đóng của Đức lại đòi duy trì sự thống trị của chính họ lên các dân tộc khác! Chúng tôi, những người Cộng sản Đông Dương, chúng tôi phản đối một cách quyết liệt nhất sự thiếu thủy chung bất hợp lý của Ủy ban Alger. Trong khi vận động thành lập một mặt trận chống Phát xít rộng rãi ở Đông Dương, chúng tôi muốn tự giải phóng mình và giải phóng cho cả những người nước ngoài chống phát xít khỏi ách quân phiệt và phát xít Nhật Bản. Nhưng nói rằng như vậy là chúng tôi hy sinh độc lập dân tộc của chúng tôi cho sự thống trị của phe De Gaulle hoặc phe nào khác, thì đó là một điều nguy hiểm hoàn toàn.

“Ủy ban giải phóng Alger đã nhầm khi nghĩ rằng các dân tộc Đông Dương tự bằng lòng với

những lời ninh nọt tăng bốc, cam kết, hứa hẹn Tương lai đất nước chúng tôi là do bàn tay chúng tôi sắp đặt chuẩn bị. Tự do của chúng tôi, chúng tôi muốn nó phải hoàn toàn...

“Những người thuộc phe phái De Gaulle hy vọng sẽ giải quyết gọn vấn đề với sự can thiệp của lực lượng Đồng minh. Nhưng những cường quốc đồng minh vừa tuyên bố tại Téhéran rằng họ là những lực lượng giải phóng không có quyền áp đặt bất cứ một ách thống trị nào lên cổ các dân tộc khác dù cho cái ách ấy có được “nhân đạo hóa” và được giảm nhẹ đi bởi những người theo phái De Gaulle!”

Nhìn bề ngoài thì dường như tờ truyền đơn nhằm phản ứng lại bản tuyên bố ngày 8/12/1943 của Pháp. Tuy nhiên, công việc của Ủy ban Alger trở thành minh bạch hơn trong khi diễn ra trận Normandie - Trong bức điện ngày 16/6/1944 gửi tướng Pechkoff, ông Plevén đã xác định rõ ràng những điều kiện để mở cuộc đàm phán có thể diễn ra với các đảng phái Đông Dương. Các đảng phái này phải:

“1. Chống lại một cách công khai mọi thứ độc lập Annam hoặc Campuchia do người Nhật “ban” cho. [...] Phải ghi rõ là mọi vấn đề Đông Dương chỉ có thể được thảo luận với Pháp.

2. Tham gia cụ thể vào cuộc kháng chiến nội địa”..

Những quan niệm chính trị của Alger vẫn thiếu mạnh dạn. Nếu như trong khuôn khổ châu Phi những khuyến cáo của Brazzaville có tỏ ra mạnh dạn đôi chút, thì tại châu Á trường hợp không phải như vậy.

Trong chỉ thị của ông ta, quả thực Laurentie có nói là “SA cơ quan hành động - DGER (cơ quan tổng chỉ đạo nghiên cứu và tìm tòi) - vừa mới được thành lập ở Ấn Độ] sẽ có thể và phải tiếp xúc với đại diện những đảng phái ấy, nhưng phải hết sức thận trọng trong lời lẽ mà các nhận viên của nó bắt buộc phải nói lên”. Laurentie còn nói thêm rằng điều quan tâm lớn nhất của Ủy ban Alger là mang ra thực thi “một chương trình xã hội và kinh tế đầy sức sống, trong khi một quy chế dân chủ được ban hành rộng rãi sẽ đưa lại cho các đảng phái chính trị sức mạnh và sức cổ kết và buộc chúng ta phải uốn mình theo những đòi hỏi của một chế độ đại nghị... trong các cuộc đối thoại có thể diễn ra. Một điểm cơ bản sẽ dùng làm cột mốc, là Đông Dương sẽ được hưởng một nền tự trị rộng rãi nhất, nhưng nền tự trị ấy sẽ thực hiện trong khuôn khổ một Liên hiệp Pháp thống nhất tất cả các nước thuộc Pháp lại với nhau trên nguyên tắc bình đẳng”.

Vậy là giờ đây, khi “nước mẹ” đang sắp sửa được giải phóng, vấn đề đặt ra là phải chuẩn bị chờ đón cái thời điểm quyết định và trước tiên là đảm bảo quyền lực của “nước Pháp tự do” được tồn tại trên đất Đông Dương bằng cách đưa ông toàn quyền gia nhập vào khối liên hiệp và nắm lấy quyền kiểm soát quân đội và chính phủ. Tư lệnh tối cao quân đội Đông Dương, tướng Mordant, đã được thông báo qua bức thư ngày 29/2/1944 (tới tay người nhận rất chậm trễ) về những quan niệm của Alger. Chỉ cần gửi cho ông ta những chỉ thị cụ thể của chính phủ (CFLN) và nhận được từ phía toàn quyền Decoux (người của Chính phủ Vichy) và là người chịu trách nhiệm về toàn bộ lãnh thổ (Đông Dương) hoặc là một sự buông lỏng (bí mật) hoặc ít nhất là một bề ngoài như vậy. Đây là mục tiêu của chuyến công cán của F. De Langlade (ngày 5-22/7/1944). Langlade nhảy dù xuống Bắc Kỳ, sẽ có thể tìm hiểu và “đo trọng tải” Mordant (Mordant sẽ được cử làm tổng đại diện của “Ủy ban Hành động vì Đông Dương” ngày 3/9), nhưng sẽ không có thể gặp được Decoux. Lúc này, Decoux ý thức được rất rõ mối nguy cơ lớn mà tình thế mới có thể đem lại cho ông. Nếu Nhật Bản lâu nay vẫn tôn trọng chủ quyền của Pháp ở Đông Dương là vì có những thỏa thuận ký với Vichy năm 1940-1941 và vì quan hệ giữa hai bên được ổn định nhờ những thỏa thuận đó. Nhưng nay thì nước Pháp của Vichy đang sụp đổ, thống chế Péteain đã sang Đức, Paris sắp sửa vào tay De Gaulle lúc này đã tuyên chiến với Nhật. Đông Dương từ đây không thể được Nhật nhân nhượng nữa trừ khi nó giữ lập trường “tự trị” đối với chính quyền mới của Pháp, nói cách khác là nếu về phía Pháp không có một “Chính phủ thống nhất”.

• Bức “thông điệp tay ba” (30/8/1944)

Ngày 24/8, Decoux công bố và thực thi một đạo luật bí mật ký ngày 18/2/1943 ban cho ông những quyền hạn đặc biệt trong trường hợp bị đứt liên lạc điện tín với chính quốc. Vài hôm sau đó, ngày 30/8, ông đã gửi qua con đường bí mật cho chính phủ Paris một bức thông điệp có các đại sứ của Vichy tại Tokyo và tại Nam Kinh (hai ông Cosme và Margerie) tiếp ký - vì lý do đó mà bức thông điệp được gọi là “thông điệp tay ba”. Nội dung chủ yếu của nó là:

“Trái với cái ý nghĩ được phổ biến rộng ra quá nhiều lần, chủ quyền của nước Pháp trên xứ thuộc địa này vẫn được giữ gìn trọn vẹn... Chính phủ Pháp (ở đây) vẫn tuyệt đối tự do.... Các chính sách của Pháp tại Trung Quốc và Đông Dương đều phụ thuộc lẫn nhau. Nhờ có bốn năm cố gắng không ngừng và hiệp thương giữa Hà Nội, Bắc Kinh và Tokyo, cái cơ bản của lập trường chúng ta, của chủ quyền chúng ta, của uy tín chúng ta và của sự nghiệp văn minh khai hóa của chúng ta đã được bảo vệ. Vậy sẽ là trái với quyền lợi của Pháp nếu như nước Pháp giữ một lập trường không thân thiện, thậm chí chiến tranh đối với Nhật Bản. Ngược lại, điều quan trọng là nước Pháp và Đông Dương cần phải duy trì lập trường trung lập, có như vậy chúng ta mới hy vọng đạt tới ngày kết thúc chiến tranh mà không bị thiệt hại gì nặng nề. Chúng tôi nhấn mạnh thêm rằng những dân cư Đông Dương được bảo hộ rất trung thực và biết ơn đối với nước Pháp chủ yếu là vì hòa bình được duy trì, họ sẽ không hiểu và không ủng hộ một đường lối chính trị khác đâu. Bất cứ một sự thay đổi quyền hành nào, dù tạm thời chẳng nữa, cũng sẽ đe dọa gây nên những trở ngại lớn cho việc khôi phục chủ quyền của nước Pháp và cá biệt ở Bắc Bộ trong trường hợp mà Trung Quốc can thiệp vào.

“Theo trật tự suy nghĩ ấy, vấn đề cực kỳ quan trọng hiện nay là chính phủ mới của nước Pháp phải xét đến những nguy cơ sẽ xảy ra nếu có bất cứ một cuộc tấn công nào vào Đông Dương. Cuộc tấn công ấy sẽ khơi dậy, đây là điều chắc chắn, cái nguyên tắc phòng thủ chung đã được chính phủ của Thống chế công nhận từ tháng 7/1941 nhằm giữ vững chính quyền của Pháp và bảo vệ chính sự tồn tại của quân đội Đông Dương của chúng ta”.

Sau khi nhấn mạnh rằng “Đô đốc Decoux, cho đến khi có lệnh mới, chỉ tự coi mình duy nhất như người quản lý những lợi ích thường trực của nước Pháp”, bức thông điệp, bằng một yêu cầu bí mật tuyệt đối, kết luận:

“Tóm lại, điều kiện cần thiết và đầy đủ để cho chủ quyền của Pháp ở Đông Dương và những lợi ích của Pháp tại Viễn Đông được ven toàn cho đến ngày kết thúc chiến tranh dường như là thế này: Chính phủ mới của Pháp hãy khuyến cáo Đồng minh đừng mở bất cứ một cuộc tấn công quân sự nào vào Đông Dương và bản thân nó hãy tránh mọi sáng kiến ngoại giao hoặc quân sự có thể xô đẩy Nhật Bản vào tâm trạng nghi kỵ đối với người Pháp”.

Ký tên: DECOUX, MARGERIE, COSME

• Nguy cơ đe dọa từ phía Nhật Bản

Nhưng với sự giải phóng hầu như hoàn toàn của nước Pháp và sự thất bại của chủ nghĩa Nazi đã gần kề, cuộc kháng chiến ở Đông Dương bỗng phát triển lên một tầm cỡ mới. Người ta làm một vài hành động thiếu khôn ngoan khiến quân Nhật bắt đầu cảnh giác. Ngày 20/10/1944, quân Mỹ đổ bộ lên Philippines, tại Leyte và từ Leyte sắp tiến về Manila. Tháng sau, đại sứ Nhật tại Đông Dương K. Yoshizawa, lúc rời nhiệm sở, có nói với ông De Boisanger, cố vấn ngoại giao của Decoux, rằng “Nếu mất Philippines thì nước Nhật sẽ xét lại đường lối chính trị của nó đối với Đông Dương”. Chính là trong khoảng thời gian sáu tuần tiếp theo mà Tokyo quyết định xóa bỏ sự hiện diện quân sự của Pháp tại Đông Dương.

Với Paris, việc giải phóng Đông Dương đã được ghi vào chương trình những chiến dịch sắp tới. Một “Ủy ban hành động vì Đông Dương” đã được thành lập dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng

Thuộc địa. “Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp” (CPRF) thành lập ngày 10/9/1944, xác nhận tức khắc lời tuyên chiến với Nhật Bản. Ngay từ ngày 13/9/1944, Ủy ban quốc phòng đã quyết định tổ chức hai sư đoàn cho một “đạo quân viễn chinh Pháp tại Viễn Đông”. Trang thiết bị xin với Washington, mà ai cũng biết thái độ công khai thù địch với vấn đề Đông Dương lại trở về với Pháp, chỉ ít là dưới hình thức thuộc địa. Nếu sự chuẩn bị quân sự chiếm phần ưu tiên, người ta cũng không kém quan tâm tìm cách xác định một đường lối chính trị mới. Tại Bộ Thuộc địa, một nhóm đặc biệt được thành lập nhằm mục đích này, với người lãnh đạo là H. Laurentie và L. Pignon, trong lúc đó người ta gửi đi Calcutta những nhà cai trị nhằm tăng cường thêm cho “Cơ quan hành động”.

Biết chắc Nhật Bản sẽ không thể không tìm cách thanh toán, trong thời gian rất gần, chính quyền của Pháp tại Đông Dương, De Gaulle muốn tổ chức cuộc kháng cự chống lại hành động bạo lực rất có thể xảy ra ấy, bằng cách khuyến khích Mordant và binh lính ông ta ngay từ bây giờ phải có những biện pháp thích hợp, bằng cách xây dựng cơ sở cho sự viện trợ rất cần thiết của bên ngoài. Để chuẩn bị cái ngày J ấy, một phái đoàn mới lại được giao cho Langlade cầm đầu. Lần này Langlade có thể gặp Decoux, và trao cho ông ta, ngày 28/11, những chỉ thị của Chính phủ Pháp. Chính phủ ghi nhận thái độ tuân phục của ông toàn quyền và ra lệnh cho ông ta hãy giữ chức vị của mình “cho đến khi nào người ta thấy cần phải đổi khác”. Trong lúc chờ đợi, ông ta phải “duy trì tạm thời và bằng chiến thuật đối với kẻ thù một bề ngoài như thế nào đó cho phép bảo vệ và giữ gìn được tất cả những phương tiện của chúng ta”.

Dưới danh nghĩa Decoux - làm chủ tịch trên giấy tờ - một Hội đồng Đông Dương mà Mordant được cử làm phó chủ tịch đã được thành lập và sẽ nắm lấy thực quyền chỉ huy quân sự của cả nước. Nhưng ông Bộ trưởng Thuộc địa trong một thông điệp ngày 29/11, tuyên bố: “Việc giải phóng Đông Dương đòi hỏi phải có những sự chuẩn bị và phải có thời hạn. Giữ nguyên trạng cho đến lúc có lệnh mới là lập trường phù hợp hơn cả với khả năng của nước Pháp”.

Trong bản báo cáo được viết lúc ông trở về và đề ngày 15/12/1944, F. de Langlade rút ra vài kết luận bị quan từ chuyển công cán đó. Bản báo cáo trước hết nhấn mạnh về mối nguy cơ gây nên do “vô số những việc làm lộ liễu” và “những điều vi phạm an ninh... Đặc điểm tiêu biểu của những người Pháp, quân cũng như dân, là khả năng nói những chuyện tạp nham thiếu suy nghĩ. Cái thói xấu ấy dẫn đến một mối nguy hiểm chưa từng thấy... Thời gian ở thuộc địa khá lâu và tuổi trung bình của người Pháp khá cao khiến họ không có thể chịu khó kéo dài. Không nên có ảo tưởng gì về khả năng kháng chiến lâu dài của họ trong hoạt động du kích...” Ông ta viết tiếp:

“... Hiện tại, quân Nhật chưa thấy cần thiết phải thay đổi nguyên trạng, nhưng họ có đủ mọi khả năng để thay đổi vào một thời điểm nhất định nào đấy, và chắc chắn họ nắm được những tin tức cần thiết nếu không phải là ở từng chi tiết thì ít ra cũng trên phương diện tổng quát về một phong trào thù địch với họ.

“Trong sáu tháng nữa cuộc kháng chiến tại Đông Dương không thể hy vọng gì ở bên ngoài và chúng ta cần thiết phải bỏ qua cái hy vọng ấy đi nếu chúng ta không muốn cho cuộc kháng chiến trở thành đối tượng của một cuộc phiên lưu đẫm máu mà không mang lại được kết quả chiến lược nào.

“Cuộc vận động đối với người Annam và người các dân tộc khác của Liên bang (Đông Dương), quan trọng hàng đầu cho tương lai, đến nay chỉ mới làm lướt qua. Đúng ra chúng ta phải tập trung phần lớn những cố gắng trước mắt của chúng ta vào công việc đó”.

Langlade nêu lên rằng: “Những thành viên của khu vực chính trị đã đến quá muộn màng. Người Hà Lan, người Anh đã được chuẩn bị kỹ càng hơn chúng ta để phục hồi ngay những cơ quan dân sự ở các thuộc địa của họ. Chúng ta không thể tính chuyện thu hồi được nhiều công chức trong nước. Họ đã quá mệt mỏi về tinh thần cũng như vật chất; họ đã không biết diễn biến theo chiều hướng những quan điểm thuộc địa được xác định tại Brazzaville.

“Người dân Đông Dương rất thỏa mãn đã tránh được chiến tranh, nhưng họ sẽ không ủng hộ

cuộc kháng chiến một cách tích cực chừng nào họ chưa nhìn thấy trước mắt những thắng lợi quân sự tại địa phương...".

Nhưng quân Nhật nhận xét rằng nước Pháp giờ đây đã có một chính phủ thống nhất và chính phủ này đang tuyên chiến với họ, ngay từ ngày 14/9 đã quyết định ở cấp độ cao nhất, nguyên tắc sẽ dùng vũ lực để loại bỏ quân đội Pháp ở Đông Dương, nhưng cuộc chiến đấu gay go sắp sửa diễn ra tại Philippines đã khiến bộ Tham mưu Nhật nghiêng về phía, hoãn lại một thời gian. Tình huống trở nên cực kỳ nguy hiểm. Ngày 23/1/1945, De Gaulle điện cho Mordant - là người được giao trách nhiệm phát động "phương án A" (trường hợp quân Nhật tấn công): "Lực lượng Pháp tại Đông Dương không được để mất khả năng chiến đấu với bất cứ giá nào".

Tuy nhiên, cuộn khủng hoảng lớn chẳng bao lâu nữa sẽ xảy ra. Đêm 9/3/1945 trên toàn cõi Đông Dương, quân đội Nhật hành động, chỉ ít lâu sau khi đô đốc Decoux khước từ một tối hậu thư của Nhật yêu cầu ông ta, để thực hiện thỏa thuận phòng thủ chung ngày 8/12/1941, phải đặt quân đội Pháp dưới quyền của một bộ chỉ huy hỗn hợp Nhật - Pháp. Tất cả các doanh trại của Pháp đều bị tiến công và phần lớn đều nhanh chóng bị vô hiệu hóa. Hôm sau 10/3, quân Nhật nhận lấy trách nhiệm điều hành công việc hành chính của cả nước. Việc người Pháp mất quyền kiểm soát thực tế đối với xứ sở này sẽ tỏ ra vô cùng tai hại.

III. NƯỚC VIỆT NAM GIÀNH LẠI QUYỀN ĐỘC LẬP (10/3 - 2/9/1945)

Tin tức về cuộc đảo chánh của Nhật truyền đến Paris buổi tối ngày 9/3 tất nhiên có gây ngạc nhiên, nhưng sự kiện xa xôi quá. Báo chí ngày 10/3 trong đó có đăng mục Đông Dương chữ lớn vẫn đầy những tin tức về trận sông Rhin: nào quân Mỹ chiếm Cologne ngày mùng 6 thì ngày mùng 7 đã vượt sông Rhin ở Remagen. Nào trận đánh lớn trên đất Đức đã bắt đầu vì quân Nga của tướng Joukov đã tiến đến bờ sông Oder, trước Stettin. Ở Thái Bình Dương, quân Mỹ đổ bộ lên Iwojima ngày 19/2, đã thực hiện ngày 9/3 một trận ném bom khủng khiếp xuống Tokyo, thiệt hại lớn về người và thiêu cháy bao nhiêu nhà cửa.

• Tuyên bố ngày 24 tháng 3

Chính phủ lâm thời đã bị một cú hoàn toàn đột ngột. Việc xác định lập trường chính trị chuẩn bị mấy tháng nay vẫn chưa sẵn sàng. Ngày 10/3, Chính phủ phải trấn an dân chúng và các binh sĩ Đông Dương bằng một lời chào thân ái, nhưng chốn xa xôi ấy có ai nghe?

Cuối cùng, 12 ngày sau, chính phủ thông qua văn bản, do Laurentie soạn thảo, cái sẽ trở thành “Tuyên bố ngày 24/3/1945 về vấn đề Đông Dương”. Trong một thời gian khá lâu, hàng nhiều tháng, bản tuyên bố này mang một tầm quan trọng rất lớn về chính trị và dùng làm cẩm nang bao lần, cho nên cần phải trích dẫn ra dưới đây những ý chính trong nguyên văn:

“... Liên bang Đông Dương sẽ cùng với nước Pháp và những nước khác của cộng đồng lập thành một “Liên hiệp Pháp” mà lợi ích bên ngoài sẽ do nước Pháp đại diện. Đông Dương sẽ được hưởng, trong phạm vi Liên hiệp, một quyền tự do riêng của nó. Những người thuộc quốc tịch Liên bang Đông Dương sẽ vừa là công dân Đông Dương vừa là công dân Pháp.

“Đông Dương sẽ có riêng một chính phủ Liên bang do toàn quyền đứng đầu và gồm nhiều bộ trưởng chịu trách nhiệm trước chính phủ, chọn hoặc trong số những người Đông Dương hoặc trong số những người Pháp cư trú ở Đông Dương...

“Một quốc hội bầu theo kiểu đầu phiếu nào thích hợp nhất với mỗi nước của Liên bang và trong đó lợi ích của nước Pháp sẽ được đại diện, sẽ biểu quyết những khoản thuế mọi loại cùng ngân sách Liên bang, và thảo luận những dự án luật...

“Quyền tự do báo chí, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do tư tưởng và tín ngưỡng và nói chung những quyền tự do dân chủ sẽ tạo thành nền tảng của luật lệ Đông Dương.

“Năm nước lập thành Liên bang Đông Dương có khác biệt nhau về văn minh, chủng tộc và truyền thống, vẫn giữ bản chất riêng của mình trong Liên bang.

“Ông toàn quyền là người trọng tài của tất cả, trong lợi ích riêng của mỗi nước. Các chính phủ địa phương sẽ được cải tiến hoặc cải tổ. Các trọng trách và chức vụ trong mỗi nước sẽ dành chủ yếu cho những người mang quốc tịch nước đó...

“Liên bang Đông Dương sẽ được hưởng, trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp, một chế độ tự trị kinh tế cho phép nó đạt mức phát triển cao nhất về nông nghiệp, công nghiệp và thương mại...

“Quy chế Đông Dương, như vừa được xem xét, sẽ trở thành chính thức sau khi được các cơ quan của Đông Dương giải phóng góp ý kiến...”

- Thái độ các nước Đồng Minh và những phương tiện hành động

Tuy nhiên, với Chính phủ Pháp, sự ưu tiên từ đây nằm ở những vấn đề khác: các lực lượng quân sự của Pháp ở Đông Dương đã ra sao rồi? Ít lâu sau, người ta được tin là tại Bắc Bộ và Lào, một số đơn vị lui về biên giới Trung Quốc, trong những điều kiện hết sức khó khăn. Quân số còn bao nhiêu? Trong tình trạng nào? Người ta ra lệnh cho các cấp chỉ huy, tướng Sabattier và tướng Alessandri phải bám chắc và cầm cự cho đến cùng trên mảnh đất Đông Dương. Khó khăn đấy.

Người ta bèn đi thăm dò thái độ các nước Đồng minh. Paris yêu cầu người Trung Quốc và người Mỹ giúp đỡ các đội quân đổ của Pháp, bảo vệ cho họ rút lui và sau đó là thu nhận họ, trang bị lại cho họ, đưa họ trở lại sẵn sàng khi có điều kiện là chiến đấu ngay trên vùng biên giới và trên đất Bắc Bộ.

Thực ra, người Trung Quốc và nhất là người Mỹ sắp tỏ ra thiếu nhiệt tình hợp tác, lại còn thù địch nữa là đằng khác. Bộ chỉ huy Trung Quốc thì rất dè dặt, còn Bộ chỉ huy Mỹ, do tướng Wedemeyer lãnh đạo, chịu ảnh hưởng sâu sắc các quan điểm của Roosevelt, thì hoàn toàn thù địch. Ông ta sẽ từ chối mọi sự giúp đỡ. Những người Pháp đến Trung Quốc bị rơi vào giữa một môi trường thù địch và thái độ của họ thường thiên hẳn về Vichy và chống đối De Gaulle chẳng dằn xếp được gì. Dư luận đánh giá họ, dù là dân thường hay quân nhân, cũng đều rất nghiêm khắc^[13]. Những cái đó không ngăn trở việc hình thành một nhóm hạt nhân vũ trang người Pháp đóng tại Vân Nam và người chỉ huy của nó, tướng Sabattier, được Paris giao cho những quyền hạn rất lớn.

Paris trang bị cho những khả năng hành động của mình. Người Anh đã nhận sát nhập vào “lực lượng 136” của họ một trung đội quân Pháp có nhiệm vụ hành động ở Đông Dương. Đặt căn cứ tại Calcutta, trung đội này chỉ có thể hoạt động hữu hiệu bằng cách liên hệ với phái đoàn quân sự Pháp tại Trung Quốc (MMF) đang có một căn cứ tại Côn Minh (M-5). Phái đoàn này được tổ chức lại trong tháng 10-11/1944 và giờ đây đang liên kết cả một hệ thống tình báo trên biên giới Trung Quốc, từ Vịnh Bắc Bộ suốt đến thượng lưu sông Mékong. Nó tập trung và phát những tin tức, và hiệu quả của nó ngày càng tăng lên do một số phần tử SR (tình báo) nội địa, nhất là của chiến khu^[14] (Cao Bằng).

Bây giờ Đông Dương đã là một nước “bị chiếm đóng”, thì chính các cơ quan đặc biệt của Pháp, cơ quan DGER (Cơ quan tổng chỉ đạo nghiên cứu và tìm tòi) của đại tá Passy Dewavrin phải chịu trách nhiệm điều hành hoạt động ở đó 2 DGER đóng ở Calcutta dưới cái tên là SLFEO (Ban Liên lạc Pháp tại Viễn Đông - Section de Liaison Française D' Extrême Orient) và dưới quyền chỉ huy của đại tá Roos, “Vụ Hành động” (SA) hợp nhất với SR. một đài phát thanh được đặt tại Côn Minh. Tháng 4/1945, người ta gửi từ Paris sang để phụ trách vị trí này một người chỉ huy mới, đại úy kỵ binh Jean Sainteny. Chỉ trong thời gian rất ngắn, Sainteny được mọi người thừa nhận là một tay động viên và tổ chức có tài do có một uy tín lớn đối với nhân viên cơ sở của mình, lại nhờ có một quá khứ và nhiều kinh nghiệm kháng chiến.

Biên giới được chia thành từng khu vực, giao cho những chỉ huy vừa có trách nhiệm thu lượm tin tức vừa tổ chức những trận đánh du kích hoặc phá hoại. Chắc chắn là họ có liên hệ với Calcutta (có nghĩa là với quân Anh) nhưng họ vẫn tìm được cách quan hệ cộng tác đứng đắn với cơ quan tình báo bí mật của Trung Hoa và nhất là tình báo Mỹ, đặc biệt với cơ quan OSS (Cục Chiến lược) thẩm nhuần tư tưởng chống thực dân của Roosevelt. Nhưng Roosevelt vừa qua đời (12/4/1945) và mối lo sợ của Paris về các phương án “bảo hộ quốc tế” (trusteeship) của Mỹ đối với Đông Dương được xóa bỏ dần.

Trước mắt, vấn đề là phải liên tục quấy nhiễu người Nhật và tiến hành tại Đông Dương những hành động lật đổ chúng. Chính giữa lúc người ta lấy làm tiếc mà nhận ra rằng cho đến nay chưa có một quan hệ nào với một tổ chức nào của Việt Nam thì bỗng nhiên có những cuộc tiếp xúc,

tại một vài khu vực nào đó với những người lãnh đạo địa phương của Việt Nam [\[15\]](#).

Cùng một lúc, Paris tiếp tục những cuộc chuẩn bị quy mô lớn: thành lập “đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông” (CEFEO). Nó đã có sẵn nhiều yếu tố đóng hoặc ở Ceylan (Srilanka) hoặc ở Algérie hay Madagascar, tất cả dưới quyền chỉ huy của tướng Blaizot; không kể một vài đơn vị tập hợp tại Trung Hoa và vẫn do tướng Sabattier điều khiển và sau đó là tướng Alessandri. Nhưng hiện lúc này, cần phải chuyển ngay sang Viễn Đông bằng con đường Thái Bình Dương và tất nhiên với sự giúp sức của Mỹ, hai sư đoàn quân mà người ta hy vọng có thể trực tiếp tham gia trận đánh cuối cùng chống lại quân Nhật. Với De Gaulle, phải có mặt khắp mọi nơi.

Trong đầu óc ông ta còn một mối nghi ngờ về những ý đồ của các nước Đồng minh và về cách thức người ta còn thừa nhận chủ quyền của Pháp trên Đông Dương. Hội nghị San Francisco vừa khai sinh ra Liên Hiệp Quốc (ONU). Thái độ của Liên Hiệp Quốc đối với các chủ nghĩa dân tộc Á châu sẽ như thế nào? Tuy nhiên, điều suy nghĩ trên đây tiếp diễn trong một tình trạng hầu như hoàn toàn không biết chút gì về thực tế đang diễn ra tại chỗ, ở Đông Dương.

• Nước Việt Nam “giành lại quyền độc lập của mình”

Sáng ngày 10/3, nước Việt Nam đã thức dậy “không có người Pháp”. Một cảm giác lạ lùng: chỉ trong vài giờ, cái quyền lực của nước Pháp tồn tại đã gần một thế kỷ nay, bỗng bị vài ngàn người lính Nhật quét sạch, ai mà tưởng tượng được chuyện ấy có thể xảy ra. Ngay từ ngày 11, theo lời mời của người Nhật, Vua nước Annam, Bảo Đại, đã phát đi một bản tuyên ngôn bắt đầu bằng những câu sau đây:

“Căn cứ trên tình hình thế giới và đặc biệt trên tình hình châu Á, Chính phủ nước Việt Nam tuyên bố công khai rằng kể từ ngày hôm nay, hiệp ước bảo hộ ký kết với nước Pháp bị xóa bỏ và đất nước Việt Nam khôi phục lại quyền độc lập của mình...”.

Nếu tất cả các quân nhân và công chức cao cấp Pháp đều bị bắt giam tức khắc thì đại bộ phận công chức Pháp lúc bấy giờ đều ở lại nguyên tại vị trí của họ. Nhưng các phong trào quốc gia dân tộc được người Nhật khuyến khích, đòi hỏi ngay việc cụ thể hóa quyền độc lập và chuyển sang tay người Việt Nam tất cả các cơ quan. Đồng thời, một chiến dịch tuyên truyền phần nổi bùng ra chống lại “chủ nghĩa thực dân Pháp” cùng những công cụ thoái hóa đồi bại của nó, là chế độ quan liêu và bọn cường hào chức sắc, bọn đầy tớ và tay sai của Pháp mà nhất thiết phải nhổ tận gốc ra khỏi tổ chức quốc dân. Một bộ máy truyền thông mạnh mẽ (báo chí, phát thanh, biểu ngữ, v.v...) được người Nhật trang bị cho các phong trào quốc gia chủ nghĩa trong cả “ba nước Annam”.

Việt Nam từ đây đã “độc lập” thì phải có một “Chính phủ Quốc gia xứng đáng với danh nghĩa này”. Phạm Quỳnh, con người thân Pháp không được thừa nhận đã sớm cáo lui rồi, con người số một mà người ta nhắc đến lúc này là Ngô Đình Diệm. Người ta đi tìm kiếm ông, thăm dò ông, nhưng ông đã lẩn tránh. Cuối cùng, không chờ đợi nữa, Bảo Đại đã chọn làm Thủ tướng, ngày 17/4, một trí thức quốc gia chủ nghĩa, Trần Trọng Kim. Trần Trọng Kim thành lập một nội các gồm những nhân vật trẻ, từng được giáo dục đào tạo theo kiểu phương Tây, và có tài năng.

Chính phủ này tự đặt cho mình ba nhiệm vụ: Nhanh chóng nhận từ tay người Nhật sự chuyển giao quyền lực chính trị và hành chính và thanh toán bộ máy chính quyền thực dân Pháp, trước tiên là bộ máy Phủ Toàn quyền; sau đó là thực hiện sự thống nhất nước Việt Nam, có nghĩa là đặt dưới quyền chính phủ Huế trước hết là Bắc Bộ và sau là Nam Bộ. Từng giai đoạn một, chính phủ sẽ nhận được từ tay người Nhật tất cả những điều họ yêu cầu.

Sau đó, Chính phủ sẽ tìm cách khơi dậy trong toàn dân tinh thần dân tộc, một chủ nghĩa yêu nước xây dựng trên nền tảng một nền giáo dục hoàn toàn mới mẻ.

Những con người ấy, thực tình, rất biết rằng cuộc chiến tranh đã đi tới một bước ngoặt quyết định và nước Nhật chắc chắn không lâu nữa sẽ tự thú nhận thất bại của mình. Phải làm sao trước khi chiến tranh kết thúc, tạo ra được một tình thế “không thể nào đảo ngược”, hồi sinh một nước Việt Nam thống nhất có sẵn trong tay, vào thời điểm giải quyết, những phương tiện đầy đủ để buộc Liên Hiệp Quốc phải tán thành và chấp nhận tiếng nói của mình.

Tuy nhiên, sự tan rã của đất nước về hành chính, chính trị, kinh tế đã bắt đầu. Sự kiểm soát của Chính phủ đối với các miền nông thôn bị xói mòn. Về những sự kiện xảy ra trong nội địa Việt Nam (và ở Campuchia nữa), người Pháp hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn không nắm được chút gì ngoài những điều họ nghe được ở Calcutta qua những buổi phát thanh của Nhật tại Đông Dương. Rõ ràng là bản tuyên bố ngày 24 tháng 3 không có gì phù hợp với tình hình đang tiến triển ở Việt Nam từ ngày 11/3.

• Sự chuẩn bị chính trị cho Pháp “trở lại” Đông Dương

Paris không chỉ sắp đặt những hành động lật đổ tại Đông Dương. Người ta rất quan tâm hiểu biết, ngay khi có cơ hội, về dư luận “các chính đảng Đông Dương”.

Trong một bức điện gửi cho DGER (SLFEO, Bộ phận Liên lạc Pháp tại Viễn Đông) tại Calcutta, Sainteny viết, ngày 19/5:

“Một sự diễn biến lý thú trong trạng thái tinh thần của các chính đảng cách mạng Annam có vẻ đáng được khai thác. Việt Minh lý luận đại khái như sau: “Chúng tôi đang và sẽ còn thù địch với quân đội Pháp ở Đông Dương bởi nó là quân đội của Chính phủ Vichy và có nghĩa là phát xít; nhưng chúng tôi sẵn sàng cộng tác với người của tướng De Gaulle và phe kháng chiến vì những lý do ngược lại”. (Nhớ lại những cuộc đàn áp cực kỳ tàn nhẫn do quân đội Vichy đã thực hiện tại phía Bắc Bắc Bộ).

“Việt Minh cùng các tổ chức song song cũng như các nhân tố cộng sản tuyên bố sẵn sàng cộng tác với những nhân tố của nước Pháp Mới để đuổi quân Nhật ra khỏi Đông Dương. Những tổ chức đó có những phương tiện to lớn. Không giấu giếm rằng việc xâm nhập miền Bắc Bắc Bộ vẫn đặc biệt nguy hiểm, thậm chí là không thể, nếu không có sự giúp đỡ của những yếu tố trên. Cho nên tôi đã tức thời cho khai thác sự hiện diện tại biên giới của những phần tử kháng chiến cũ, và khai thác ngay cả sự hiện diện của tôi ở cương vị là kẻ cầm đầu phái đoàn Pháp tại Trung Quốc, v.v... Rất cần biết chúng tôi có thể theo đuổi con đường này cho đến đâu. Liệu có thể dùng biện pháp hứa hẹn, đối với những người tỏ ra xứng đáng, sẽ có đại xá toàn bộ, sẽ đề bạt vào những chức vụ hành chính hoặc chức vụ khác sau ngày giải phóng, tịch thu và phân phối lại những đất đai của những phần tử thân Nhật, sau nữa và trước mắt là vũ trang cho những tổ chức ấy? Sau khi thỏa thuận với Pignon, tôi đã chấp nhận “nguyên tắc những đòi hỏi đầu tiên” những yêu cầu DGER khẳng định và cho những chỉ thị về việc vũ trang: tôi xin lưu ý DGER về sự việc này là nếu chúng ta không cung cấp vũ khí cho họ thì người Trung Quốc hoặc OSS[\[16\]](#) sẽ cung cấp cho họ ngay thôi. Cần ghi chú rằng Việt Minh và các đảng phái khác đề nghị sự hợp tác hoàn toàn nhằm đánh đuổi Nhật cho đến khi thắng lợi, nhưng không phải là chấp nhận nguyên tắc sẽ khôi phục lại chủ quyền của Pháp. Vẫn có khả năng rằng một sự hợp tác chặt chẽ trong chiến đấu dẫn họ đến chỗ nhìn nhận trạng thái tâm lý mới của Pháp có thể phù hợp với nguyện vọng của họ và giúp cho dự án thể chế mới về Đông Dương của Pháp đứng vững được”...

Dĩ nhiên là Calcutta chuyển bức điện này về Paris. Mà ở Paris giờ đây người ta đã biết rõ thực chất vấn đề như thế nào. Tháng 2/1945, không đầy 3 tuần lễ trước cuộc đảo chính của Nhật ngày 9/3 Tổng giám đốc nha cảnh sát của Decoux, Arnoux đã phái đi công tác tối mật sang Côn Minh hai nhân viên của mình, trong đó thanh tra Yolle phải giao cho “Phái bộ 5” một tập hồ sơ dày về Việt Minh và nguồn gốc của nó. Công văn ấy đề là “Hoạt động lật đổ tại Đông Dương”, và khẳng định một cách tuyệt đối rằng “ông chủ” của Việt Minh hiện nay, ông Hồ Chí Minh, chẳng

ai khác là Nguyễn Ái Quốc, người đã lập ra Đảng Cộng sản Đông Dương, người cổ vũ của nó từ những năm đầu thập niên 30; người ta tưởng ông đã chết, nhưng rồi ông đã lại xuất hiện tại vùng biên giới Trung Quốc - Đông Dương đầu năm 1941. Công văn ấy được chuyển cho Paris, phong bì đóng dấu ngày đến chính thức là 20/5/1945. Vấn đề cần biết là ai đã đọc, ai đã có thể giải thích và nó đã có tiếng vang như thế, với những lời bình luận nào, ở Calcutta.

Giờ đây chiến tranh ở châu Âu đã kết thúc. Mọi nỗ lực chiến tranh của Pháp chuyển về phía Nhật Bản. Việc chuẩn bị cho một đạo quân viễn chinh đang tiến hành rầm rộ. Một quân đoàn (2 sư đoàn) đang được thành lập để đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương và chính Leclerc, người được chỉ định từ hồi tháng năm, chỉ huy quân đoàn ấy.

Tuy nhiên Paris còn có những nỗi lo khác: Vụ nổi loạn tại Algérie hôm 8/5/1945 và cuộc đàn áp vụ nổi loạn đó; nhất là vụ Xyri-Libăng đang gieo vào giữa Paris và Luân Đôn một làn băng giá sâu sắc và khơi sâu thêm ở De Gaulle một mối nghi ngờ nặng nề đối với nước Anh. Thực ra, về Đông Dương, người ta hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào quân Anh, nhất là về các vấn đề căn cứ điểm (Calcutta, Xrilanka), về trang bị và vận chuyển quân sự, về liên lạc không quân và cả về tiếp tế nữa. Đây không phải lúc để xảy chuyện rắc rối với Luân Đôn.

Cũng có nhiều khó khăn cần giải quyết trong vấn đề chỉ huy, đặc biệt trong vấn đề quyền hạn tương ứng của các tướng tá Pháp hành quân trên địa bàn hoạt động “Trung Quốc”, dưới sự lãnh đạo của quân Trung-Mỹ (tướng Sabattier) và trên địa bàn “Đông Nam Á” dưới sự lãnh đạo của quân Anh (tướng Blaizot). Ngày 19 và 21/4, De Gaulle đã ban hành những phương hướng chỉ rõ những trách nhiệm đó. Nhưng DGER mà cơ quan đại diện tại vùng này đặt dưới sự chỉ đạo của đại tá Roos, từ đây sẽ duy nhất là người có quyền gửi các phái đoàn sang Đông Dương, là “lãnh thổ chiếm đóng”. Roos đứng đầu và liên kết hai căn cứ của DGER, Calcutta và Côn Minh. Sainteny lãnh đạo Côn Minh. Tại Calcutta cuối cùng đã thiết lập một “Phái đoàn thuộc địa Pháp” trực thuộc Bộ Thuộc địa mà lãnh đạo là tướng De Raymond cùng với một số nhà cai trị bên cạnh ông ta như Pignon, Messmer, Cédile.

Bức thông điệp của Sainteny đã được trả lời. Bức thư trả lời, do chính Bộ trưởng Thuộc địa Giacobbi ký và đề ngày 12/6 đến Calcutta ngày 18. Sau khi lược kể vụ Xyri, bức thư mang nội dung chủ yếu sau đây:

“Ông có thể... làm cho người ta hiểu rằng bản tuyên bố của Chính phủ (ngày 24/3) là một xuất phát điểm và đáp ứng cho nhu cầu của một thời kỳ quá độ sau ngày giải phóng hơn là cho số phận dứt khoát của Đông Dương. Một thái độ như vậy làm cho chúng ta xích gần lại với quan điểm của người Anh đối với Miến Điện. Chính là trong những điều kiện ấy mà ông có thể mở những cuộc thương thuyết với các đảng phái chính trị. Tất cả mọi người đều phải biết rằng chính phủ mới của Đông Dương nhất thiết phải hoàn toàn tự do để đảm nhiệm công cuộc tái thiết trong những năm đầu thực hiện đường lối chính trị của mình.

“Tôi không thấy có gì trở ngại trong việc ông đặt quan hệ với Đảng Cộng sản... Nhìn chung, đối diện với những người Cộng sản. Vì vậy cho đến khi nào có tin tức đầy đủ hơn, tôi yêu cầu ông đối với họ chỉ nên cam kết những điều hết sức hãn hữu và thông báo ngay cho tôi biết. Với những điều kiện như trên, ông có thể thực hiện một sự ủy quyền cho các đảng phái cách mạng trong trường hợp họ có một quyền hành chắc chắn tại vùng này hay vùng kia. Ông cũng có thể gửi cho họ vũ khí, tiền nong và tạo cho họ những thuận lợi. Đối lại, họ phải có sự cam kết chỉ giúp đỡ cho những người Pháp kháng chiến và tuyệt đối không tiếp tay cho bất cứ một nhà chức trách nào khác của Pháp hay của nước ngoài. Ông phải bảo đảm có phương tiện để bắt buộc họ phải tôn trọng điều cam kết đó”....

Bức thông điệp này đến ngày 3/7 mới được chuyển qua Côn Minh trong khi Sainteny trước sự phát triển hoạt động của Phái đoàn 5 và những khó khăn ngày càng chồng chất trong quan hệ với phía người Trung Hoa và người Mỹ, đang sửa soạn đi Paris, ông ta hy vọng có thể thuyết phục các nhà đương cục chịu trách nhiệm vấn đề Đông Dương về sự cần thiết phải chuẩn bị

sẵn sàng đối phó với những sự kiện trọng đại trong một tương lai sát sườn. Ông ta rời Côn Minh ngày 7/7.

Ngày 30/6, từ khu căn cứ địa Việt Bắc của mình, ông Hồ Chí Minh tiếp xúc với một nhân viên của mạng lưới Anh - Mỹ, Gordon, vừa đồng ý cho phép được nhảy dù xuống tại Đại bản doanh của mình, một phái đoàn quân sự Mỹ OSS/AGAS^[17] nhằm chuẩn bị một chiến dịch chung trong khu vực phía Đông-Bắc Hà Nội.

Đến Paris ngày 13/7, Sainteny nhận xét thấy người ta hoàn toàn chẳng quan tâm gì đến vấn đề Đông Dương, trừ một vài người có trách nhiệm như đại tá Passy, các ông Plevin, De Langlade, Laurentie và tại Bộ Tham mưu thiếu tá hải quân Barjot. Tại Paris thì những công việc nội vụ, và về ngoại giao thì những mối quan hệ với nước Anh, với Hoa Kỳ hoặc với Liên Xô (về vấn đề nước Đức và Địa Trung Hải) được đặt lên hàng đầu mọi sự. Sainteny không gặp được De Gaulle; ông ta quá bận.

Trở về Côn Minh ngày 31/7, ông tỏ ra chán nản, nhưng rồi ông lại chuẩn bị cho một giai đoạn hoạt động mà ông cảm thấy là mang tính chất quyết định. Ngày 26/7 tại Paris, ông ta đã được đại úy hải quân Barjot cho biết rằng tại Hội nghị Potsdam, các tham mưu trưởng Anh và Mỹ đã thuyết phục được Churchill và Truman chấp nhận chia Đông Dương ra làm hai khu vực hoạt động quân sự; như vậy là ngay sau khi Nhật đầu hàng quân Trung Quốc sẽ kéo vào miền Bắc và quân Anh vào miền Nam.

• Cuộc tiếp xúc trượt với Việt Minh

Trong thời gian đó, cơ quan OSS của Mỹ đã tiếp cận nghiêm túc với Việt Minh. Ngày 16/7, một nhóm OSS/AGAS đã nhảy dù xuống vùng Tuyên Quang và một tiểu đội Pháp do trung úy Montfort chỉ huy đã có thể đi theo, nhưng không làm sao đạt được một cuộc tiếp xúc chính trị hàng mong ước từ ngày đầu tháng. Trong khu du kích, hầu như ai cũng thù địch với người Pháp. Tuy nhiên, ông Hồ Chí Minh, ngay trong hoàn cảnh ấy, vẫn muốn có một cuộc tiếp xúc với người Pháp, yêu cầu họ ít ra là nói rõ lập trường của mình. Bằng một cuộc tấn công vào vị trí Tam Đảo, hôm 15/7, ông Hồ đã giải thoát cho 180 thường dân Pháp đã bị quân Nhật bắt giam và cho dẫn họ lên vùng biên giới. Ông cho họ biết rằng ông sẵn sàng qua Côn Minh gặp một đại diện chính thức của Chính phủ Pháp. Nhóm người Mỹ sang Côn Minh báo cáo lại những lời yêu cầu của Việt Minh và trao lại cho Phái đoàn 5 của Sainteny những lời yêu cầu đó.

Dưới đây là bản dịch (tiếng Pháp):

“Chúng tôi, Mặt trận Việt Minh, yêu cầu người Pháp công bố lên những điều sau đây và đưa nó vào nội dung của đường lối chính trị tương lai của Đông Dương thuộc Pháp:

“1. Phải tổ chức một cuộc phổ thông đầu phiếu bầu ra một Quốc hội để lãnh đạo đất nước; phải có một toàn quyền người Pháp làm Chủ tịch cho đến khi nào chúng tôi được thật sự độc lập; vị Chủ tịch ấy phải chọn một nội các hoặc một nhóm cố vấn mà Quốc hội chấp nhận được. Quyền hạn cụ thể của tất cả các chức vụ ấy có thể sẽ được thảo luận trong tương lai.

“2. Nền độc lập phải được trả lại cho đất nước này trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tối đa là 10 năm.

“3. Phải trả lại cho nhân dân xứ sở này những tài nguyên thiên nhiên của đất nước sau khi đã đền bù thỏa đáng cho những người hiện đang cầm giữ những tài nguyên đó. Nước Pháp phải được hưởng những sự nhượng bộ kinh tế.

“4. Tất cả những quyền tự do đã được Liên Hiệp Quốc xác nhận phải được ban bố cho người dân Đông Dương.

“5. Phải cấm việc buôn bán ma túy. Chúng tôi hy vọng rằng những điều kiện trên đây sẽ được Chính phủ Pháp xem như là khả dĩ chấp nhận”.

Trước khi bức thông điệp này đến tay mấy hôm, Sainteny có dịp gặp tại Côn Minh một trong những lãnh tụ chính của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Nguyễn Tường Tam. Ông này không giấu giếm Sainteny rằng đảng của ông ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội tốt để giải phóng Tổ quốc mình. Nếu nước Pháp có tinh thần hợp tác thật sự thì những mối quan hệ có thể thiết lập giữa hai bên. Sainteny trả lời Nguyễn Tường Tam rằng “Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp (GPRF) chưa hề, dù trong một giây đồng hồ, nghĩ tới chuyện từ bỏ bất cứ một cái gì thuộc quyền lợi hợp pháp của nước Pháp tại Đông Dương”; rằng nước Pháp đã hiểu rõ: “cần phải có một vài điều sửa đổi vào quy chế các thuộc địa phát triển nhất, nhưng nước Pháp không công nhận cho các thuộc địa dùng bạo lực để giành giật lấy những điều sửa đổi ấy” Chính phủ Pháp - Sainteny nói thêm - “sẵn sàng thảo luận một cách hợp lý với những người Đông Dương có quyền đại diện cho đất nước mình”.

Tuy vậy, ngay từ ngày 1/8, sau khi tổng kết quá trình diễn tiến những cuộc tiếp xúc với Việt Minh và nhận xét rằng Việt Minh có vẻ “vừa rất mong muốn vừa rất vội vàng có được cuộc gặp gỡ đã dự định với người đại diện nước Pháp”, đồng thời vừa có khả năng cử đại diện sang Côn Minh, Sainteny bèn yêu cầu Calcutta tác động với Paris để “Jupiter[18] cử một đại diện của nước Pháp mới, chỉ định những giới hạn của những nhượng bộ và những cam kết khả dĩ chấp nhận được, và đề nghị thời hạn có thể được cho cuộc hội kiến”.

Ngày 6/8 (ngày Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima), Sainteny lại một lần nữa quay trở lại vấn đề; ông ta nói rõ rằng các nhà lãnh đạo Việt Minh có vẻ như “mong muốn hơn cả là được gặp gỡ những nhà thương thuyết được ủy quyền thảo luận với họ về những nền tảng của một thỏa hiệp mà họ mong sẽ là dứt khoát”. Sainteny nghĩ rằng nên mời họ tới Côn Minh nhưng cuộc đàm phán sẽ do các nhà cai trị của Phái đoàn thuộc địa Calcutta (De Raymond, Pignon hoặc Messmer) điều khiển. Ông kết luận: “Tôi có cảm giác rằng trong một tương lai rất gần một vài vùng đất Bắc Kỳ sẽ tự giải phóng, cho nên chúng ta cần có những quyết định nhanh, kiên quyết và có hiệu quả hơn”.

Chẳng có chuyện gì xảy ra cả; và từ đây tay cầm bức thông điệp của Việt Minh, Sainteny sốt ruột trong chờ đợi. Ngày 11/8, ông thông báo rằng giờ đây khi việc quân Trung Quốc[19] sắp sửa chiếm đóng miền Bắc Đông Dương đã được xác nhận là chắc chắn thì một nguy cơ xuất hiện: có thể là “Mặt Nạ (bí danh của Việt Minh) hoặc một đảng phái bản xứ khác” sẽ cố tìm cách đứng ra nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật và nắm lấy chính quyền. Ông ta nói đã thỏa thuận về việc chọn lấy trong căn cứ du kích những đại diện của Việt Minh - họ có khả năng có mặt ở Côn Minh sau 48 giờ. Ngày 12 ông ta khẳng định ông vẫn chờ đợi và nhấn mạnh một điểm: là ở bên trong, “chúng ta sẽ gặp sự phản đối của Mặt Nạ mà những đề nghị của họ chúng ta bất lực không bao giờ đáp ứng được trong khi đây là vấn đề từng phút từng giờ”. Vậy nên ông ta khẩn thiết yêu cầu, một mặt cử tướng Alessandri đại diện cho nước Pháp trong cuộc đầu hàng của Nhật Bản tại Bắc Đông Dương, và “nhất là cấp bách thực hiện một thỏa thuận với Mặt nạ và với Chính phủ Việt Nam”.

Bây giờ thì Sainteny đã nhận được chỉ thị của Calcutta phải tranh thủ ngay cơ hội để trở lại Hà Nội. Cùng với nhóm của mình, ông ta chuẩn bị trả lời những đề nghị của Việt Minh. Trong một bức điện gửi Calcutta, ngày 13/8, ông ta gợi ý nước Pháp ra “một bản tuyên bố khẳng định sẽ giải phóng Đông Dương trên những nền tảng chúng tôi thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam và đã được chúng ta phê chuẩn - bản tuyên bố này phải thực hiện ngay trước ngày 9/8[20]. Nếu Ngài đồng ý, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể buộc người đại diện của Việt Nam phải chấp thuận mưu mẹo này”.

Với sự có mặt của De Raymond từ Calcutta đến, bức thư trả lời cho Việt Minh đã được hoàn thiện. Đây là toàn văn bức thư từ trước đến nay chưa xuất bản (và chưa ai biết) bao giờ.

“Thư của Tổng Phái đoàn Chính phủ Cộng hòa Pháp về Đông Dương gửi Tổng hành dinh (HQ) Mặt trận Việt Minh tại Bắc Bộ.

“Đã nói rõ rằng những cuộc hội đàm mở ra giữa những người đại diện của Chính phủ Pháp và Tổng hành dinh của Đảng Việt Minh chỉ mới là những điều sơ bộ mở màn cho một sự trung cầu ý kiến rộng rãi hơn của tất cả các đảng phái Đông Dương cũng như nói chung của tất cả các phần tử có tư cách của nhân dân, cuộc trung cầu mà Chính phủ Pháp cho rằng phải được thực hiện trong tinh thần dân chủ cổ truyền của nhân dân Pháp. Các đề nghị của Đảng Việt Minh được lập tức và nguyên văn chuyển tới Paris cho Chính phủ Pháp. Ngay từ bây giờ, Tổng phái đoàn có thể theo những chỉ thị nhận được công bố rằng:

“1. Chính phủ Pháp đã có ý định thiết lập tại Đông Dương một Quốc hội. Quốc hội đó sẽ được bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu hay không, vấn đề sẽ tùy thuộc vào sự quyết định của bản thân người dân Đông Dương. Ngoài ra, có điều rất chắc chắn là ông toàn quyền sẽ thành lập chính phủ của mình bằng cách mời những phần tử tiêu biểu cho dư luận quần chúng Đông Dương tham gia với sự thỏa thuận của Quốc hội.

“2. Chính phủ Pháp có ý định tiến hành một khi hoàn cảnh cho phép có nghĩa là ngay khi cuộc sống trở lại với những điều kiện bình thường và trong mọi trường hợp trước một thời hạn năm năm, mở một cuộc trung cầu dân ý rộng rãi, có sự tham gia, theo nguyên tắc dân chủ, của mọi thành phần nhân dân, nhằm xác định hiến pháp Đông Dương. Bản hiến pháp đó sẽ quy định - có căn cứ sự chuyển biến của tình hình tổ chức quốc tế - hình thức độc lập nào thích hợp nhất để thỏa mãn các nguyện vọng của các dân tộc Đông Dương trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp.

“3. Chính phủ Pháp sẽ công bố quyền của mỗi thành viên Liên hiệp Pháp được đạt tới một sự phồn vinh kinh tế riêng của mình. Đông Dương sẽ tự do quyết định, vì lợi ích của mình, về những tài nguyên thiên nhiên của đất nước theo những phương thức được thảo luận trước Quốc hội Đông Dương.

“4. Nước Pháp đã ký vào Hiến chương San Francisco (Hiến chương Liên Hiệp Quốc -LND). Nó chấp nhận mọi nhiệm vụ, nó sẽ áp dụng mọi nguyên tắc.

“5. Chính phủ Pháp cam đoan, đồng thời với chính phủ Anh sẽ không đặt hoặc duy trì các độc quyền ma túy. Ý định của chính phủ là chiến đấu chống bất cứ cái gì có thể làm suy giảm sức khỏe của nhân dân, việc mua bán và tiêu thụ ma túy sẽ bị cấm và sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

“Một bản chính thức bằng tiếng Pháp của bức điện này sẽ được đưa tay cho một đại diện của Tổng phái đoàn; người đại diện này sẽ tới ngay Hà Nội, sẵn sàng tiếp xúc với một đại diện chính thức của Đảng Việt Minh tại Hà Nội”.

Những trận mưa như trút nước đã ngăn cản mọi sự tiếp xúc với Tổng hành dinh Việt Minh. Nhưng giờ đây, phần ưu tiên đã chuyển qua một vấn đề khác. Ngày 15/8, Nhật Bản đã thông báo đầu hàng. Các đạo quân Trung Quốc chuẩn bị vào miền Bắc Đông Dương. Về phần người Pháp, vấn đề đặt ra cho họ là phải có mặt rất nhanh, có mặt cấp tốc tại Hà Nội.

• Nghị quyết Potsdam và cuộc đầu hàng của Nhật

Những người lãnh đạo của ba cường quốc họp tại Potsdam từ ngày 26/7 không phải chỉ tìm cách giải quyết số phận của nước Đức. Họ cũng chuẩn bị và nhất là chuẩn bị cái giai đoạn quyết định mà theo họ là phải đưa cuộc chiến tranh chống Nhật Bản đi đến kết thúc. Ta đã thấy từ ngày 24, các tổng tham mưu trưởng Anh và Mỹ đã thuyết phục Churchill và Truman chấp nhận một sự phân định mới về các chiến trường Đông Nam Á, nước Anh vẫn hy vọng rằng “toàn bộ” Đông Dương, trong việc Nhật Bản đầu hàng, sẽ gắn liền với chiến trường Đông Nam Á do đó

đốc Mountbatten chỉ huy; nhưng Trung Quốc từ trước đến nay vẫn coi Đông Dương nằm trong khu vực chiến trường của nó (chiến trường Trung - Mỹ), thì đấu tranh quyết liệt để bảo vệ quyền lợi của mình. Cuối cùng, người ta thỏa hiệp với nhau: Trung Quốc sẽ được miền Bắc Đông Dương, từ vĩ tuyến 16 trở ra; Mountbatten được miền Nam Đông Dương, từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Ngày 9/8, trong một bản tuyên bố của chính phủ Trùng Khánh, Trung Quốc thông báo rằng quân đội Trung Quốc chịu trách nhiệm về sự đầu hàng của Nhật Bản tại Bắc Đông Dương^[21].

Là vì chiến tranh rõ ràng đã đến ngày kết thúc: những quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki (6 và 9/8) đã gióng lên hồi chuông báo tử cuộc kháng cự của Nhật Bản; hơn nữa ngày 8/8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản, đánh vào Mãn Châu và thọc thẳng xuống Triều Tiên. Những sự kiện đó không thể không có một tiếng dội mạnh mẽ xuống Đông Dương.

Tại Calcutta và Côn Minh, người ta tích cực chuẩn bị tinh thần. Calcutta đã đề nghị gửi ngay (lúc Nhật đầu hàng) những toán tình báo mật DGER và những toán hỗn hợp Thuộc địa/DGER qua Sài Gòn, Hà Nội, Huế và Phnôm Pênh. Căn cứ vào thái độ của Mỹ, các toán tình báo này phải hoạt động bằng các phương tiện do Lực lượng 136 Anh cung cấp. Nhưng rồi chính do tình trạng giao thoa Trung - Mỹ mà người Pháp bắt buộc phải nhờ đến sự giúp đỡ của Mỹ để “đi Hà Nội”. Quả thực OSS nhận trách nhiệm thăm dò tại chỗ những dư luận và tình cảm của nhân dân Việt Nam đối với những đạo quân sắp đến giải giáp, rồi thay thế quân Nhật trong vấn đề duy trì trật tự. Để thực hiện “cuộc thăm dò” này, OSS cần có sự giúp sức Pháp, ngày 20/8 người ta đã thỏa thuận với nhau rằng Sainteny và bốn nhân viên toán ông sẽ đi theo phái đoàn đầu tiên của OSS, của viên sĩ quan hành chính Patti, đến Hà Nội.

Lúc này, Pháp trong tay không có (trừ một trung đoàn đóng căn cứ ở Xri-Lanka, các tiểu đoàn đóng ở Trung Quốc và vài ba toán com mang đồ) một đơn vị nào sẵn sàng sang Đông Dương; không có một tàu thủy vận tải nào (vì tất cả tàu thủy của Pháp đều nhập vào của Đồng minh), không có một đơn vị không quân nào tự trị. Tuy vậy, Paris đã quyết định: Ngày 16/8, De Gaulle cử đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu làm Cao ủy của Pháp tại Đông Dương và tướng Leclerc làm tổng chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp tại Viễn Đông (thay thế tướng Blaizot) - Leclerc đi ngay từ hôm 18/8. Từ ngày 22, ông ta sẽ có mặt tại Kandy ở đại bản doanh của Mountbatten.

Về phần mình, De Gaulle đến Washington ngày 22; tại đây ông có những cuộc hội đàm quan trọng với Tổng thống Truman, trong đó đáng chú ý nhất là được Hoa Kỳ chính thức thừa nhận bằng văn bản cụ thể chủ quyền của nước Pháp trên xứ Đông Dương. Về phía Anh, De Gaulle còn giành được nhiều thắng lợi hơn nữa: một thỏa hiệp Pháp - Anh về nguyên tắc và cách thức khôi phục lại quyền hành của Pháp tại Đông Dương (24/8). Ngay từ ngày 22/8, những “đội quân” Pháp đầu tiên chịu trách nhiệm khôi phục quyền hành của Pháp tại Sài Gòn, Hà Nội và Huế đã xuất phát từ Bengale. Ngày 22, Cédile nhảy dù xuống Nam Kỳ, Messmer xuống Bắc Kỳ. Họ được chỉ định làm chức vụ “Ủy viên Cộng hòa Pháp” đầu tiên trên những lãnh thổ này.

• Thời điểm quyết định

Trong thời gian đó, ở Đông Dương, những sự kiện xảy ra dồn dập.

Chính phủ Huế, trong tháng 7 và 8, đã được Nhật nhượng bộ nhiều điều quan trọng: tháng 7, giải thể phủ toàn quyền và chuyển giao các cơ quan quốc gia cho Việt Nam; và đầu tháng 8, hoàn trả Nam Bộ lại cho Việt Nam. Các vị Khâm sai Bắc Kỳ và Nam Kỳ được chỉ định. Ngày 8/8, sự thống nhất của Việt Nam được thực hiện.

Đồng thời, quân Nhật thả hết các tù chính trị, kể cả (từ ngày 9/8) những người cộng sản đã bị Pháp bắt giam tại các nhà tù và các nhà ngục khổ sai. Hàng ngàn “cán bộ” hoặc “kẻ gây rối” vội vàng trở về liên hệ với các trung tâm quyết định.

Nhưng sự kiểm soát thực tế cả nước thì đã lọt khỏi tay chính phủ Huế và cả tay quân Nhật rồi. Những trận ném bom của Mỹ phá hoại các đường giao thông sắt, bộ và thủy đã cắt đất nước ra từng vùng, từng mảnh riêng biệt, tại đó từ bao tháng nay, các cán bộ tuyên truyền Việt Minh đã làm công tác tư tưởng chính trị. Dưới sự thúc đẩy của họ, nhân dân các vùng bị nạn đói đã tiến công vào các kho lúa gạo. Quân Nhật vẫn giữ các thành phố và thị trấn cùng những trục giao thông lớn; và những người theo phái quốc gia, cộng tác viên của họ, giúp họ trong những khu vực đó. Nhưng mặc dầu bị cơ quan thông tin Nhật cố tình che đậy, cái tin Mỹ ném “bom nguyên tử” xuống Nhật vẫn lọt đến với các giới chính trị, làm cho tình hình sục sôi lên.

Trong khi tại Huế, chính phủ xin từ chức, viên có bất lực, không thể lãnh đạo được đất nước nữa, thì nhà vua cố gắng tránh một sự sụp đổ và tránh một sự chia cắt Bắc - Nam. Ngày 19/8, Đài phát thanh Việt Nam phát đi ba tư liệu quan trọng:

a. Một chỉ dụ của Bảo Đại gửi cho mọi công chức Việt Nam khuyên tất cả thống nhất một lòng chống lại mọi âm mưu đe dọa nền độc lập của tổ quốc và thông báo những biện pháp cần thực hiện để bảo vệ nền độc lập của mình.

b. Một bản tuyên ngôn kêu gọi nhân dân Việt Nam sẵn sàng chịu đựng những sự hy sinh cần thiết để bảo vệ nền độc lập dân tộc: nhà Vua tuyên bố thà mất ngôi và làm công dân một nước tự do còn hơn là làm vua một nước nô lệ.

c. Một bức thư của Bảo Đại gửi cho tướng De Gaulle; nội dung bức thư như sau:

“Tôi nói chuyện với nhân dân Pháp, với đất nước tuổi thanh xuân của tôi. Tôi cũng nói chuyện với người đứng đầu và là người giải phóng nước Pháp, và tôi muốn nói chuyện với tư cách một người bạn hơn là với tư cách một kẻ đứng đầu một quốc gia.

“Ngài đã trải qua quá nhiều đau khổ trong bốn năm kinh hoàng, không thể không hiểu rằng dân tộc Việt Nam đã có hai ngàn năm lịch sử và một quá khứ nhiều lúc vinh quang, không muốn, không thể nào chịu đựng nổi bất cứ sự thống trị hoặc bất cứ sự cai trị của một ngoại bang nào nữa.

“Chắc chắn Ngài sẽ hiểu hơn nếu như Ngài được trông thấy ở nước chúng tôi chuyện gì đang xảy ra nếu như Ngài cảm nhận được cái ý chí độc lập ấp ủ trong con tim của mọi người dân mà không một sức mạnh trần gian nào ghìm lại nổi. Dù cả khi Ngài có tái lập được ở đây một nền cai trị của Pháp đi chăng nữa thì nó cũng chẳng được một ai tuân phục: mỗi một thôn xóm sẽ là một tổ kháng cự, mỗi một người cộng tác viên cũ của Pháp sẽ là một kẻ thù; và tất cả các viên chức và các tên thực dân của Ngài cũng sẽ tự nguyện xin được thoát ra khỏi cái không khí khó thở này.

“Tôi yêu cầu Ngài hiểu rõ rằng: cái phương sách duy nhất để gìn giữ lấy những quyền lợi và cái ảnh hưởng tinh thần của nước Pháp ở Đông Dương là thẳng thắn công nhận nền độc lập của Việt Nam và từ bỏ mọi ý đồ khôi phục chủ quyền hay bất cứ một hình thức cai trị nào.

“Chúng ta có thể hiểu nhau rất dễ dàng và trở thành những người bạn nếu Ngài chịu gác bỏ ý đồ trở lại làm những người chủ của chúng tôi.

“Kêu gọi tinh thần lý tưởng rất quen thuộc của dân tộc Pháp và sự khôn ngoan sáng suốt của kẻ đứng đầu, chúng tôi hy vọng rằng: nền hòa bình và niềm vui đã bắt đầu đến với tất cả các dân tộc trên thế giới cũng sẽ được đảm bảo cho tất cả mọi người dân bản xứ cũng như ngoại kiều ở Đông Dương”.

Ký tên: BẢO ĐẠI

Tuy nhiên, những sự việc lộn xộn ngày càng xảy ra nhiều. Đúng vào ngày 19/8, qua một cuộc biểu tình của các công nhân viên chức đòi độc lập và thống nhất Tổ quốc, các cán bộ Việt Minh

đã lọt vào thành phố và thuyết phục được vị khâm sai theo họ và chiếm chính quyền. Lập tức họ mở những cuộc tiếp xúc với các đảng phái quốc gia (Đại Việt...) và với các cơ quan của Nhật.

Trong lúc này tại khu du kích, Việt Minh đang chuẩn bị. Họ chuyển cho OSS Mỹ một tư liệu nói rõ rằng: Nếu người Pháp muốn trở lại như những người chủ thì họ sẽ vấp phải một sự kháng cự của toàn dân; ngược lại nếu thái độ của họ là thái độ hữu nghị và không thống trị thì họ sẽ được đối xử thân thiện như tất cả các ngoại kiều khác.

Không thể chờ đợi - vì mưa nhiều quá - một sự đáp ứng của Pháp đối với những đề nghị của họ, Bộ Tham mưu Việt Minh quyết định, ngày 10/8, sẽ triệu tập vào ngày 13 một Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng tại Tân Trào. Mấy chục đại biểu có mặt tại Đại hội ngày 13 đã quyết định thành lập một Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc và ngay tối hôm đó phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Một Đại hội nhân dân toàn quốc họp ngày 16, chuẩn y kế hoạch hành động, mà hiệu quả đầu tiên sẽ là việc cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19; tiếp đó là những hành động quyết định tại Huế rồi tại miền Nam.

Ngày 20, Bảo Đại - mà Việt Minh Hà Nội vừa yêu cầu thoái vị - gửi một công hàm cho tổng thống Truman, nhờ chuyển cho cả Attlee, Tưởng Giới Thạch và Staline. Trong bức công hàm, Bảo Đại khẳng định rằng Việt Nam không thể nào đặt trở lại dưới chế độ thuộc địa mà không có nguy cơ làm phương hại cho hòa bình thế giới và yêu cầu tổng thống Truman vì chính quyền lợi của nước Pháp, nói cho tướng De Gaulle, lúc này đang chuẩn bị sang Washington, hiểu kỹ điều này.

Nhưng các phái viên Việt Minh đang đến Huế và ngày 24, vua Bảo Đại báo cho các cố vấn của ông biết ông đã quyết định thoái vị. Ngày 25 ông thoái vị và trao lại cho đại diện Việt Minh thanh kiếm và chiếc ấn của nhà vua. Văn bản thoái vị đã được ký.

Con người mà từ đây và trong thời gian rất lâu, người ta gọi là “cựu hoàng đế” và chính thức trở thành “công dân Vĩnh Thụy” đã giao lại quyền bính cho chính phủ Cộng hòa mà người ta đã loan báo sẽ thành lập trong một ngày rất gần. Thế cái “mệnh trời” đâu? Những ngày quyết định này thì ai là kẻ “thu mệnh trời”?

Ngày 25/8, tại Sài Gòn, Việt Minh ký một công ước với các đảng phái quốc gia. Sự thống nhất của Việt Nam được hoàn toàn khẳng định, và vài ngày sau, khi các lính com măng đô Pháp mạo hiểm đi về vùng nông thôn hay sang vùng duyên hải Việt Nam, họ sẽ có thể chứng kiến rằng Việt Minh đã nắm chính quyền khắp cả mọi nơi qua các “Ủy ban Nhân dân”.

Điều mà các kho lưu trữ vừa tiết lộ và cho đến ngày hôm đó hoàn toàn không ai biết đến, là Chính phủ Pháp đã biết tất cả những sự kiện nói trên. Chính phủ Pháp đã thông qua hai bức điện quan trọng, xác định lại lập trường chính thức của Pháp trước những yêu sách của nhân dân Đông Dương, theo một chiều hướng kiên quyết hơn, cứng nhắc hơn. Điều ưu tiên dành cho việc gửi cấp tốc quân sang Đông Dương và cho việc thiết lập lại chủ quyền Pháp ở đây. Nhưng bây giờ thì người ta biết rằng ngày 20/8, từ Côn Minh, tướng Alessandri, phái viên chính phủ, đã thông báo cho Paris về ba văn bản vừa phát đi hôm trước qua Đài phát thanh Việt Nam và đặc biệt là bản thông điệp của Bảo Đại gửi tướng De Gaulle, và nhấn mạnh:

“Chúng ta đã tới một thời điểm quyết định mà Tổng phái đoàn không còn có thể tự mình đáp ứng được; nhất là khi chúng tôi bị bó tay vì những bức điện số 1303/1304 xóa bỏ những chỉ thị của các bức điện 1247/1255. Nhiều nhận xét ăn khớp với nhau rút ra từ các lần tiếp xúc với các đảng phái quốc gia và nhất là với Việt Minh mà tôi đã báo cáo lại với Ngài, chứng minh rằng một sự hợp tác vẫn còn có triển vọng, với điều kiện là chúng ta biết nói đến, theo lời văn bức điện 1247 của Ngài, chữ “độc lập” vào lúc nào phù hợp. Không một chữ nào thay thế được chữ này. Ngoài ra, chắc chắn là người Annam thích giấy trắng mực đen hơn là cái “tinh thần” và họ yêu cầu Ngài trước hết là giữ uy tín cho họ; và chắc chắn là chúng ta có thể thêu dệt lên chung quanh chữ độc lập ấy những lời bảo đảm mà kết quả là sẽ dẫn đến trong một thời hạn có thể kéo dài tương đối, sự thiết lập một quy chế tự trị bao gồm những mối liên hệ khá chặt chẽ

với nước Pháp.

“Rất đáng tiếc là chính phủ tư thấy đặt vào cái thế bắt buộc phải phát biểu quan điểm của mình trước khi có điều kiện thiết lập được những mối liên hệ chặt chẽ với bên trong, một thiếu sót gây nên do ác ý của các nước đồng minh. Nếu chính phủ thấy cần phải chờ đợi là một tư thế không phải không bất lợi cho ta - bằng cách lẩn tránh đằng sau sự vắng mặt của tướng De Gaulle, thì phải gợi ý cho tướng De Gaulle thực hiện tại Washington bằng cách nào ông thấy thích thời nhất, một lời tuyên bố có cái giọng cởi mở rộng rãi hơn nhiều so với bản tuyên bố ngày 24/3/1945 vừa qua”....

Trong một bức điện cùng ngày gửi Bộ trưởng thuộc địa, Pignon, lúc này đang ở bên cạnh Alessandri tại Côn Minh, viết thêm:

“Vấn đề cơ bản hiện nay là tới Huế và tiếp xúc với triều đình. Tôi sẽ cố gắng đến Annam một khi tôi vào được Đông Dương. Ngay từ bây giờ, người Pháp đầu tiên được tiếp xúc phải tỏ ra là người dễ tin tưởng và cố gắng để biết thật chính xác triều đình Huế đang mong muốn Chính phủ Pháp nói đến chữ nào trong tuyên bố của chính phủ. Đừng quên rằng với người Annam, giấy trắng mực đen quan trọng hơn là tinh thần

Ký tên: PIGNON”

Ngày 26/8, Pignon sẽ trở lại Calcutta. Ngày 28, đi từ Jessore (Bengale), căn cứ của Lực lượng 136, phái đoàn Lambda (6 người). Mục tiêu: “Đến Huế, tiếp xúc với Vua Bảo Đại nhằm tránh cho ông ta khỏi quyết định điều gì trước khi các nhà chức trách có thẩm quyền tới; đảm nhận lấy việc bảo vệ quyền lợi nước Pháp trong lúc đợi chờ”.

Ngày 28, tên com măng đô nhảy dù xuống cách Huế 20 km và bị bắt ngay; bốn trong số các nhân viên của hãn sắp bị toi mạng. Một trong những tên sống sót là Michel de Bourbon Parme, bị giam ở Vinh, chỉ được phóng thích vào tháng 6/1946. Như vậy cái dự định liên lạc với Huế, tiến hành vào lúc Bảo Đại thoái vị rồi, đã thất bại hoàn toàn.

Những nơi khác cũng đều thất bại. Ngày 22/8, Cédile được cử làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ, đã nhảy dù xuống vùng châu thổ sông Mêkông. Ông ta bị quân Nhật bắt và đưa về Sài Gòn. Phía Bắc, Messmer, được cử làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ, nhảy dù ngày 22 xuống chân núi Tam Đảo (sau khi lượn trên thành phố Hà Nội) cùng với hai đồng đội, cũng bị Việt Minh bắt. Calcutta sẽ không có tin tức gì về ông ta cũng như về phái đoàn “Lambda”.

Nếu nghĩ rằng những tin tức này các cấp tối cao không biết thì quả là không thực tế. Ở đây nữa, các lưu trữ tiết lộ rằng: từ Paris, các bức điện ngày 22/8 của Alessandri/Pignon đã được chuyển ngày 26 qua Washington cho De Gaulle và Bidault và hai ông này đã nắm được bức thông điệp của Bảo Đại gửi nhân dân Pháp.

Trong bức điện Alessandri/Pignon nói thêm:

“Dĩ nhiên chúng ta có thể chỉ ra lối chơi hai mặt của Bảo Đại nhưng làm như vậy sẽ dẫn tới hậu quả tai hại là giảm mất uy tín của nhà vua, và cả ê kíp lãnh đạo từng cộng tác với Nhật Bản sẽ phải “biến” đi.

“Vấn đề độc lập của nước Việt Nam vẫn cứ được đặt ra và điều chúng ta quan sát được ở Trung Quốc không cho phép chúng ta giả thiết rằng có một sự phản ứng có lợi cho Pháp từ phía người Mỹ mà chúng ta đang tiếp xúc ở Côn Minh. Những người Mỹ này thanh minh cho thái độ hiện nay của họ cũng như cho những điều trở ngại đến việc các phái đoàn của ta vào Đông Dương, rằng họ lo ngại sẽ xảy ra những vụ lộn xộn bắt buộc các phái đoàn của ta phải can thiệp. Họ tuyên bố muốn tự họ tìm hiểu lấy tình hình. Lời giải thích này có thể là chân thành, nhưng ta vẫn được phép tin rằng nó không che đậy được hoàn toàn cái thái độ của Mỹ trên đây.

“Trong một chừng mực nào đó, chúng ta đã đi bước đầu, bằng những cuộc hội đàm với Việt Nam, nhưng Việt Nam cũng có thể cải chính dễ dàng những điều họ đã đề nghị nếu tình hình quốc tế có chiều hướng thuận lợi cho nền độc lập toàn vẹn của Việt Nam. Chỉ duy nhất một bản tuyên bố của Chính phủ có thể xác định chỗ đứng của đôi bên.

“Hiện nay, hoạt động của tướng De Gaulle tại Washington và nếu như có thể thì một bản tuyên bố thẳng thắn của tổng thống Truman nữa có thể lật ngược tình thế một cách có lợi cho ta.

“Vả lại, để có thể nói chuyện rõ ràng với những người quốc gia Việt Nam cũng như với người Trung Quốc, thì vấn đề cơ bản là chúng ta phải nắm chắc ngày nào đội quân viễn chinh sẽ đến. Sau sự thiệt hại gây ra cho chúng ta ở Trung Quốc do sự thông báo không có hiệu quả tiếp theo về “đạo quân viễn chinh” của tướng Leczer, chúng ta không thể liều lĩnh đề cao đạo quân viễn chinh ấy khi chưa chắc chắn nó sẽ đến hay không”.

Quai d’Orsay nói thêm:

“Bức điện này đòi hỏi tôi có những nhận xét dưới đây:

“1. Chắc chắn là nhân vật Bảo Đại, bị mất uy tín nhiều tại Annam, đã đi tìm một sự phục hồi uy tín muộn màng bằng cách chơi con bài Nhật Bản. Chỉ sau khi hành động như vậy rồi, ông ta mới tìm đến với người Mỹ nhằm thực hiện một kiểu đe dọa khác. Điểm này thế nào cũng sẽ được nhắc đến trong các cuộc hội đàm.

“2. Tướng Alessandri nhìn đường lối chính trị của Mỹ dưới một góc độ hoàn toàn địa phương. Ngoài ra, rõ ràng là các nhà chức trách quân sự Mỹ tại Trung Quốc chưa nhận được những chỉ thị cụ thể của Washington ủng hộ chúng ta.

“3. Bản tuyên bố của Ngài trong cuộc họp báo đã điểm lại tình hình Đông Dương một cách đúng đắn. Tuy vậy, vấn đề Annam thực sự đáng được nghiên cứu một cách riêng biệt. Có thể là việc duy trì “dân tộc Annam” [\[22\]](#) là thích hợp để mang lại cho chúng ta một giải pháp đúng. Một khi người ta đã nói “dân tộc Annam” thì người ta cũng phải nói “dân tộc Campuchia” và nói “dân tộc Lào” cũng chẳng có gì là tai hại cả.

“4. Điểm nhọn của vấn đề hiện nay là cho phép những nhân vật như Bảo Đại rút lui mà chẳng có gì là mất thể diện. Điều đó không có nghĩa là chúng ta phải tiếp tục dùng ông ta và tôi cũng đồng ý với ông đô đốc d’Argenlieu để nhận xét rằng quả vậy, đã đến lúc nên thôi dùng ông ta. Tuy nhiên, trong cái thời kỳ quá độ này, nó có thể kéo dài bao lâu mà sự có mặt của chúng ta chưa được vững chắc thì sẽ không nên để Bảo Đại và chính phủ Annam tự giam mình vào các công thức không có lối thoát, bởi vì như vậy, cuộc xung đột giữa họ với chúng ta sẽ nổ ra trên một bình diện cực kỳ nguy hiểm cho hoạt động của chúng ta sau này. Vì vậy, tôi tự cho phép gợi ý rằng các lời tuyên bố của Ngài, tuy không đề cập tới chữ độc lập, vẫn phải diễn đạt được sự hiểu biết của nước Pháp về những nguyện vọng tự nhiên của dân tộc Annam và đương nhiên của cả dân tộc Campuchia”...

Ký tên: DIPLO

• Sainteny ở Hà Nội

Ngày 15/8, Ross (DGER, Calcutta) từ Candy về, gửi một thông điệp cho Sainteny tại Côn Minh, chủ yếu nói:

“... Tôi đã báo cáo với Paris rằng mối nguy cơ chính hiện nay, như ông nói, là từ phía người Trung Quốc và do đó chúng tôi cố gắng nhờ một phương tiện của Mỹ để đưa ông đi một mình hoặc với người Mỹ tới Hà Nội”....

Ngày 20, Sainteny nói rõ với Ross rằng ông ta không thể đi Hà Nội bằng máy bay sẵn có của Pháp được, vì đã bị người Trung Quốc niêm phong mất rồi. Ông ta nói thêm:

“Tiếp tục đường lối chính trị mà chúng ta đã cùng nhau quyết định và ông đã cho phép tôi thi hành, tôi đành chơi lá bài OSS, đồng thời vẫn rất thận trọng...

“Theo cách nhìn của phía người Mỹ thì tình hình chắc chắn sẽ như thế này:

“Trước hết, thái độ của người Annam sẽ như thế nào:

“a) Đối với việc người Pháp quay trở lại?

“b) Đối với sự chiếm đóng của Trung Quốc?

“Chuyện “dự báo thời tiết” ấy, hình như một mình OSS chịu trách nhiệm. Để hoàn thành tốt đẹp và nhanh chóng nhiệm vụ của mình, OSS cần có người Pháp tham gia. Nó đã đề nghị tôi hợp tác với nó trong chuyện thăm dò này, cũng như trong những việc chuẩn bị khi quân đội Đồng minh đến. Tôi đã tức thời nắm lấy thời cơ và sẽ lợi dụng thời cơ đưa vào theo cùng với tôi càng nhiều phần tử DGER càng hay.

“Vì rằng trong vấn đề này chúng ta chỉ có lợi, tôi dự kiến sẵn sàng giúp OSS xác định được một khái niệm về tình hình chính trị ở Đông Dương, nhưng cũng để củng cố chỗ đứng của nước Pháp mới tại Đông Dương, bằng cách chống đối lại quyết liệt mọi âm mưu khôi phục quyền lực của những phần tử Vichystes cũ (theo chính phủ Pétain-LND) - là điều không thể tránh khỏi gây phản ứng của các đảng phái cách mạng mà người Mỹ dường như kinh sợ nhất.

“Vây hầu như chắc chắn rằng quân đội Đồng minh chỉ vào Bắc Bộ khi nào OSS đã chỉ rõ cho Trùng Khánh biết việc quân Đồng minh đổ bộ vào Bắc Bộ sẽ gây ra những phản ứng nào. Khi đó mới quyết định quân đội những nước nào sẽ đổ bộ lên, quân Trung - Mỹ ư? Một mình quân Trung Quốc ư? Hay quân Pháp có thể có vị trí xứng đáng của mình trong đó? Tóm lại, có nghĩa là, theo ý tôi, việc quân Đồng minh vào Đông Dương chưa xảy ra ngay đâu.

“Về phần tôi, nếu mọi sự diễn biến bình thường, tôi hy vọng có thể cài vào theo tôi khoảng 300 người trực thuộc M.5. Tôi dự tính, trong một sự bí mật tuyệt đối, làm sao tăng cường được yếu tố chống đối cơ sở đầu tiên ấy. Có thể tôi sẽ bị (điều này không nằm trong thói quen của tôi) theo dõi khá sát sao và bị trói chặt chân tay ở Hà Nội. Tôi sẽ cố gắng bí mật bám chắc lấy Calcutta”...

Cuối cùng, ngày 22/8, sau một loạt những chuyện rắc rối, Sainteny đã có thể cùng với bốn đồng đội theo phái đoàn đầu tiên của OSS, do tiểu đoàn trưởng Patti dẫn đầu, hạ cánh xuống Hà Nội. Toàn thành phố sáng rực màu cờ Việt Minh.

Sau khi tiếp xúc được tại khách sạn Métropole với những người dân Pháp rất kích động trước cái việc ông ta đến Hà Nội, Sainteny cùng những kẻ đồng hành của ông được đưa về phủ Toàn quyền; tại đây, lấy cớ là để tránh những chuyện bất trắc, ông ta bị quân đội Nhật cách ly - thực chất là bị giam - không tài nào bắt liên lạc được với thành phố.

Chính là phái đoàn Mỹ tiếp xúc với Bộ Tham mưu Nhật Bản và với những nhà chức trách mới của Việt Nam. Bộ Tham mưu Nhật Bản hình như đang chuyển giao nhẹ nhàng mọi quyền hành ở Việt Nam sang cho chính phủ mới đó trong khi một luồng gió tuyên truyền chống Pháp đang thổi mạnh tại đô thị này, tạo thành một không khí căng thẳng rất nguy hiểm cho người châu Âu. Những nhân vật khiêu khích tích cực hoạt động, bắt đầu, hình như thế, từ những phần tử quốc gia thân Nhật. Các tù binh chiến tranh, Pháp hay Đồng minh, không thể nào phóng thích nổi.

Ngày 26, Ủy ban Dân tộc Giải phóng (Việt Minh) thành lập ở Tân Trào, ra công khai, và Patti,

sau khi gặp ông Giáp, đã được ông Hồ Chí Minh tiếp, ông Hồ Chí Minh vừa về Hà Nội, ở đây, sự hiện diện của ông hầu như vẫn còn giữ bí mật. Patti nói với ông rằng Sainteny muốn rất nhanh chóng được nói chuyện với Việt Minh. Nhưng ông Hồ tỏ ra rất tiếc là người Pháp đã không hưởng ứng những đề nghị vừa rồi của ông. Ngày 27, ông Võ Nguyên Giáp, mà ông Hồ đã cử làm Bộ trưởng Nội vụ, vào phủ Toàn quyền để thảo luận, trước mặt Patti, với Sainteny. Ông Võ Nguyên Giáp không hề tỏ ra chút gì thù địch cả. Ông chỉ trình bày giản dị rằng Việt Minh hiện nay là người làm chủ nước Việt Nam, rằng Việt Nam vừa thành lập một chính phủ lâm thời và ông hy vọng, nước Pháp sẽ quan tâm, lưu ý đến thực tế đó. Theo Sainteny thì ông Giáp “mong ước có sự tiếp xúc chặt chẽ giữa chúng tôi với nhau và nói rõ rằng các bạn đồng sự của ông và bản thân ông sẽ sung sướng được nhận những lời khuyên bảo và chỉ giáo” (theo nguyên văn). Những nguyện vọng của chính phủ mà ông là thành viên không có gì là quá mức, và ông tin chắc rằng “nước Pháp không những sẽ hiểu những nguyện vọng đó mà còn sẽ coi như đó là nguyện vọng của chính mình”.

Sainteny trách Việt Minh đã thông báo cho thế giới rằng Việt Nam không thích có sự hiện diện của Pháp tại Đông Dương nữa và đã làm dấy lên một làn sóng thù địch với Pháp khắp nước. Ông ta loan báo rằng nước Pháp mới đang lựa chọn một đường lối chính trị rộng rãi đối với Đông Dương, mà người ta sẽ thấy ứng dụng ngay mai sau khi quân Nhật và quân Trung Quốc đã rời khỏi nước Việt Nam. Ông Giáp hỏi các chi tiết và trước mỗi hoài nghi của ông, Sainteny tỏ ra cứng rắn, nhắc lại rằng Đông Dương vẫn nằm dưới quyền của nước Pháp và nước Pháp đợi xem những người lãnh đạo mới hành động ra sao để quyết định họ có xứng đáng được củng cố hay không. Người ta sẽ căn cứ vào cách họ giữ gìn trật tự và an ninh để có những xét đoán về họ. Sainteny báo cho ông Giáp biết quân Trung Quốc sẽ tới để giải giáp quân Nhật và đây là một vấn đề nghiêm trọng bởi vì chắc chắn còn lâu mới mời được họ rút lui.

Theo Sainteny thì cuộc hội kiến đã kết thúc cũng lịch sự như nó đã bắt đầu. Ông Giáp tuyên bố rất hài lòng và mong muốn “những cuộc hội đàm như vậy sẽ còn tiếp diễn càng nhiều càng hay”.

Ông Hồ Chí Minh và ông Võ Nguyên Giáp sắp sửa bộc lộ với Patti nỗi e ngại của mình trước tin phong thanh về những ý đồ của Pháp đã tuyên bố ra và trước những vụ thả dù nhiều nhân viên mật vụ Pháp tại nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam. Nhưng trước hết họ tỏ ra rất lo ngại trước việc quân Trung Quốc đang sắp sửa kéo đến, nhất là các lực lượng quân sự tỉnh Vân Nam và cùng với họ là những phần tử quốc gia cánh hữu và thân Trung Quốc của Đồng Minh Hội và của VNQDD (Việt Nam Quốc dân Đảng).

Việc kiểm soát đất nước giờ đây trên thực tế đã được thực hiện trên toàn lãnh thổ.

Tại Sài Gòn, Việt Minh đã thành lập cùng với những phần tử quốc gia một mặt trận và dựng lên một Ủy ban Hành chính lâm thời của miền Nam. Ngày 30/8, cuối cùng người ta nhận được tin nhà vua đã chính thức thoái vị.

Từ ngày 27/8 Ủy ban Dân tộc giải phóng tại Hà Nội đã đổi thành “Chính phủ Lâm thời”. Ngày 2/9, thành phần Chính phủ Lâm thời được công bố cho mọi người và ông Hồ Chí Minh xuất hiện từ trong bóng tối ra công khai. Ông giữ chức Chủ tịch Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Ông Võ Nguyên Giáp giữ chức Bộ trưởng Nội vụ, ông Trần Huy Liệu - Bộ trưởng Tuyên truyền, ông Chu Văn Tấn - Bộ trưởng Quốc phòng, ông Phạm Văn Đồng - Bộ trưởng Tài chính, ông Nguyễn Mạnh Hà - Bộ trưởng Kinh tế v.v... Ít lâu sau đó, Bảo Đại, bây giờ trở thành công dân Vĩnh Thụy, được phong chức “Cố vấn tối cao của Chính phủ”.

Sainteny vẫn bị “o ép” và không nhận được chỉ thị gì, luôn luôn tấn công Calcutta bằng những bức điện tuyệt vọng. Ngày 28, ông ta đã quả quyết: “Chúng ta đang đứng trước một âm mưu nhiều bên liên hợp lại nhằm tẩy chay người Pháp ở Đông Dương... Đến lúc này, ta phải hiểu rằng miền Bắc Đông Dương không còn là thuộc Pháp nữa”.

Ngày 31, Sainteny nhấn mạnh:

“Tôi không có cách nào duy trì được chỗ đứng hiện tại của tôi nếu Ngài không lợi dụng sự có mặt của tướng Leclerc tại Tokyo, có ngay được cho tôi một cái giấy xác định chính thức rằng tôi là kẻ tiên phong của phái đoàn Pháp. Sự xác nhận này phải do Tokyo trực tiếp thông báo cho Bộ chỉ huy quân đội Nhật tại Bắc Kỳ. Thiếu tờ thông báo ấy, tôi sẽ bắt buộc phải rời bỏ phủ Toàn quyền; mà hiện nay người Pháp còn đang chiếm đóng, mặc dù thực chất họ là những tù nhân, điều này vẫn gây ấn tượng sâu sắc cho người Việt Nam, làm phiền hà cho Việt Minh, và tăng sức mạnh cùng hy vọng cho người Pháp. Ai cũng thấy việc đó mang ý nghĩa khẳng định chủ quyền của chúng ta.

“Tôi yêu cầu Ngài hiểu rằng chúng ta được cái may mắn hiếm có là ở ngay giữa lòng Chính phủ Pháp tại Đông Dương. Chúng ta không nên sai lầm mà thực hiện một “cuộc thoái vị” mới. Chuyển công tác của tôi phải được chính thức hóa chứ không bị lãng quên như cái vế bề ngoài hiện nay của nó, là điều mà cả Việt Minh, quân Nhật cũng như Đồng minh đang gấp rút lợi dụng một cách có hại cho nước Pháp.

“Vấn đề nhân sự không quan trọng: nếu Ngài thấy tôi không đủ tư cách đảm nhiệm, hãy cho tôi biết nên trao quyền chỉ đạo lại cho ai. Chúng ta phải làm tất cả để chỗ đứng mà chúng ta đã tạo được và duy trì được qua bao nhiêu khó khăn gian khổ khỏi bị bỏ rơi”

Tuy nhiên, trong một văn bản có lẽ là chỉ thị đầu tiên của mình, vị Cao ủy mới, đô đốc d’Argenlieu đã ra lệnh: “Đối với các chính phủ mới thành lập của Đông Dương, giữ thái độ quan sát”...

Leclerc là đại diện của ông ta đã nhận chỉ thị.

Nhưng Côn Minh đã chặn bức điện của Sainteny gửi Calcutta, và Alessandri cùng Pignon phản ứng ngay từ 1/9; họ cho Calcutta biết rằng theo ý họ thì nên củng cố chứ không hạ thấp cái vị trí của Sainteny tại Hà Nội. Tiếp theo là Alessandri, với tư cách là “Tổng đại diện của GPRF”, đã gửi luôn ngày hôm ấy cho Sainteny bức điện dưới đây:

“Theo lệnh của Tổng đại diện và phù hợp với những chỉ thị của Chính phủ, ông được chính thức ủy nhiệm bên cạnh Bộ chỉ huy quân sự Nhật Bản và chính phủ Annam đương chức, với tư cách là quan sát viên. Ông không lên mở những cuộc đàm phán mà chỉ nên thu thập mọi tư liệu có thể sử dụng làm cơ sở để mở những cuộc đàm phán tương lai”

Muộn mất rồi! Sainteny không thể tiến hành một cuộc dàn xếp nào có ý nghĩa nữa. Ngày trọng đại của Việt Nam đã đến, cái ngày mà suốt một tuần lễ nay người ta chuẩn bị chào đón khắp mọi nơi. Ngày 2/9, trong lúc tại vịnh Tokyo, nước Nhật kỷ văn bản đầu hàng, thì tại Hà Nội, trước một đám đông dân chúng mà Sainteny ước lượng có đến 500.000 người, ông Hồ Chí Minh cùng một lúc tuyên bố nền Cộng hòa (“Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”) và nền Độc lập.

Một bản Tuyên ngôn Độc lập được chuẩn bị rất cẩn thận, hơi gay gắt một chút thật, nhưng đôi chỗ được dự thảo với những lời lẽ khôn ngoan. Nó được mở đầu bằng những câu sau đây:

“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không ai xâm phạm được, trong đó có quyền sống quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

“Lời bất hủ ấy trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả mọi dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền hạnh phúc và quyền tự do.

“Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nêu lên công khai rằng: “Mọi người được sinh ra tự do và bình đẳng và có quyền sống tự do và bình đẳng”.

“Đó là những sự thật không ai chối cãi được. Vậy mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân

Pháp, lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng và bác ái đã xâm phạm đất nước ta và áp bức đồng bào ta”...

Tiếp đó là một bản cáo trạng quyết liệt đối với nền thống trị Pháp và thái độ của những người Pháp từ 1940. Những người Pháp đó, ông Hồ nói, “chẳng những đã không bảo hộ được cho chúng ta, lại còn hai lần trong vòng năm năm bán đất nước ta cho Nhật”...

“Sau khi Nhật đầu hàng, cả dân tộc chúng ta đã nổi dậy giành lại chủ quyền đất nước và đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

“Sự thật là dân tộc ta đã giành lại quyền độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Nhân dân ta đã bẻ gãy mọi xiềng xích đè nặng lên mình gần một trăm năm nay để biến nước Việt Nam chúng ta thành một nước độc lập. Nhân dân ta đồng thời cũng đã lật đổ chế độ quân chủ đã bao nhiêu thế kỷ để xây dựng lên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

“Chúng tôi, Chính phủ Lâm thời, đại diện cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố hoàn toàn thoát mọi quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ mọi hiệp ước mà Pháp đã ký kết về Việt Nam, hủy bỏ mọi đặc quyền mà người Pháp tự chiếm đoạt lấy cho mình trên lãnh thổ chúng tôi...

“Toàn dân Việt Nam trên dưới một lòng, quyết tâm chiến đấu đến cùng chống lại mọi âm mưu xâm lược của bọn thực dân Pháp...

“Nước Việt Nam có quyền tự do và độc lập và thực tế đã trở thành tự do và độc lập. Toàn dân Việt Nam quyết đem sức lực tinh thần và vật chất, hy sinh tính mạng và tài sản của mình để giữ vững quyền tự do và độc lập của mình

Kể từ đây, trên sân khấu châu Á đã có một nước Việt Nam mới, một Chính phủ Việt Nam cho toàn nước Việt Nam.

IV. ĐỐI ĐẦU VÀ ĐỀ NGHỊ (2/9 - 30/10/1945)

Ở phía Nam, tình hình đã trở nên xấu đi một cách trông thấy. Ngày 2/9, tại Sài Gòn người ta cũng tổ chức mừng Ngày Tuyên bố Độc lập; nhưng các cuộc biểu tình đã bị biến chất đi và do khiêu khích mà có một số người chết. Đại bản doanh Anh của Kandy yêu cầu quân Nhật giữ gìn trật tự và giải phóng tất cả các tù nhân và những người bị giam giữ. Lúc này, Cédile xuất hiện từ trong bí mật và mở đầu những cuộc đối thoại hết sức khó khăn với Ủy ban dân tộc giải phóng miền Nam, bởi vì, trong cái ngày này, tại Việt Nam, người Pháp không còn có một chỗ đứng nào nữa cả. Cédile đưa bản Tuyên bố ngày 24/3 ra “tặng” cho những người đối thoại của mình. Phía Việt Nam xét thấy lời đề nghị đáng buồn cười và chẳng chút nào thích đáng; họ bèn trả lời tóm tắt rằng nước Việt Nam đã tuyên bố độc lập và nước Pháp trước hết phải thừa nhận nền độc lập của nó đã. Mọi sự sẽ tốt đẹp về sau. Một cuộc “đối thoại của những người câm” bắt đầu và kéo dài liền mấy ngày; trong lúc đó bao nhiêu đe dọa đối với người Pháp bộc lộ rõ ràng.

Giờ đây, Pháp đã cho lên đường Đạo quân viễn chinh của nó; những đơn vị đầu tiên của Xri-Lanca (CLI, hay là Đội quân khinh binh can thiệp) đang sắp sửa đến nơi. Ngày 5/9, một phái bộ Anh có vài ba nhân viên của DGER đi theo, đến Sài Gòn, rồi ngày 13, là những đơn vị đầu tiên của Sư đoàn 20 Ấn Độ. Tướng Anh Gracey, chỉ huy sư đoàn, đảm nhận những trách nhiệm “tối cao” của SACSEA (Suprême Allied Command, South-East Asia) (Bộ chỉ huy tối cao Đồng minh tại Đông Nam Á) tại phía Nam Đông Dương: ông ta trước tiên phải tập trung và giải giáp quân Nhật; nhưng ông ta nghĩ cũng có nhiệm vụ cố gắng dung hòa những nghĩa vụ của Luân Đôn đối với Pháp (chính phủ Nữ hoàng Anh vừa khẳng định việc Anh thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương) với những yêu cầu tất yếu của địa phương, tức là những quan hệ với người Việt Nam, chủ của đất nước. Chính phủ Luân Đôn muốn tránh những chuyên căng thẳng giữa Pháp và Anh kiểu như vấn đề Xyri - Libăng, nhưng cũng lại không muốn bị lôi kéo vào những chiến dịch quân sự tại Đông Dương. Sự diễn biến của Ấn Độ thu hút sự chú ý của ông. Những chỉ thị gửi cho Mountbatten vậy là hết sức cụ thể: không được dính líu vào những vấn đề Pháp - Đông Dương.

Ở phía Bắc, vấn đề ở một tầm cỡ khác. Sau khi, từ ngày 11/8, chấp nhận cho các lực lượng Pháp vào cùng với quân Trung Quốc ở miền Bắc Đông Dương, chính phủ Trùng Khánh đã thay đổi ý kiến và trì hoãn mọi quyết định. Trên thực tế, y hệt như Mỹ, Trùng Khánh muốn trước tiên là biết xem sau sáu tháng “độc lập” người đông Dương sẽ phản ứng như thế nào trước sự trở lại của quân Pháp. Chính cơ quan OSS Mỹ chịu trách nhiệm, như người ta đã thấy, về sự thăm dò chính trị này.

Tuy nhiên, từ ngày 24/8, thống chế Tưởng Giới Thạch khẳng định rằng “Trung Quốc không hề có một tham vọng đất đai nào tại Việt Nam”, với hy vọng “dân tộc Việt Nam sẽ từng bước đi đến hoàn toàn độc lập đúng theo tinh thần của Hiến chương Đại Tây Dương”. Chính phủ Trung Quốc bèn công bố đường lối chính trị 14 điểm của mình.

Đường lối chính trị ấy bao gồm chủ yếu những điểm chính sau đây: duy trì một sự tiếp xúc chặt chẽ với các phái đoàn Mỹ và Pháp; duy trì sự hoạt động bình thường của công nghiệp và giao thông tại Việt Nam; ngăn cản không cho những người Pháp thù địch với Trung Quốc trở lại Việt Nam; giữ một thái độ hoàn toàn trung lập trong mối quan hệ Việt - Pháp.

Chính là Tập đoàn quân thứ nhất do tướng Lư Hán chỉ huy, chịu trách nhiệm thực hiện những công việc phân cho Trung Quốc tại miền Bắc Đông Dương theo hiệp ước Postdam. Tập đoàn quân thứ nhất gồm những đạo quân Vân Nam và những đạo quân trung ương. Để trợ lực cho Lư Hán, Chính phủ Trung ương cử một “Hội đồng tư vấn” (Vietnam Advisory Group) bao gồm đại biểu mỗi bộ lớn của Trùng Khánh (Ngoại giao, Tài chính, Kinh tế, Giao thông, Hành chính quân sự, Quốc dân đảng, Tiếp tế). Tướng Chao Pei-Chang đứng đầu hội đồng này. Hội đồng

thực chất là đại diện của Chính phủ Trung ương tại Việt Nam. Hơn nữa, người ta chuyển cho Lư Hán, với tư cách là cố vấn về “các vấn đề Việt Nam”, tướng Giao Wen, một chuyên viên lâu nay là trợ lý của tư lệnh vùng 4, Chang Fa Kwei.

Lực lượng Trung Quốc kéo vào Việt Nam ngày 27/8 và tiến chậm rãi về vùng châu thổ Bắc Kỳ bằng ba trục đường: con đường bộ Lạng Sơn - Hà Nội, con đường sông Lô và con đường lưu vực sông Hồng (Lào Cai - Hà Nội). Ngày 9/9 thì về đến Hà Nội. Stainteny vẫn ở phủ Toàn quyền.

• Sự phủ nhận thực tế

Trong thời gian này, Paris đã gây ra một ấn tượng kỳ quặc la lung, vừa quả quyết vừa không thức thời. Mặc dù đã biết trước, từ cuối tháng 7, về sự phân chia xứ Đông Dương thành 2 vùng và sự đầu hàng sắp sửa đến nơi của quân Nhật, chính phủ vẫn quá muộn màng trong việc thành lập bộ tham mưu “giải phóng”. D’Argenlieu và Leclerc mãi đến 15/8 mới được cử làm Cao ủy và Tư lệnh tối cao các lực lượng Pháp. Những chỉ thị của De Gaulle gửi d’Argenlieu ngày 16/8 có tính chất rộng rãi:

“1. Cao ủy Pháp tại Đông Dương sử dụng những quyền hạn của mình là Toàn quyền Đông Dương và là Tổng tư lệnh các lực lượng thủy, lục, không quân có căn cứ trên đất Đông Dương hoặc đã được chỉ định để đến đóng ở Đông Dương.

“Sứ mệnh đầu tiên của Cao ủy là khôi phục lại chủ quyền của Pháp trên các lãnh thổ của Liên bang Đông Dương.

“2. Tướng chỉ huy tối cao của các lực lượng quân sự tại Viễn Đông chịu trách nhiệm, dưới quyền của Cao ủy, thi hành mọi biện pháp quân sự cần thiết nhằm khôi phục chủ quyền đó”.

Trong khi Leclerc lên đường từ ngày 18, với một toán quân nhỏ để đi qua Viễn Đông, thì De Gaulle bay sang Washington. Tại đây, De Gaulle sẽ hội đàm với Tổng thống Truman và các cộng sự của ông về nhiều vấn đề trong đó có vấn đề Đông Dương. Cũng tại đây, ông ta sẽ được tin về lời kêu gọi của Bảo Đại gửi cho bốn trong năm vị đứng đầu các cường quốc và đặc biệt hơn, là lời kêu gọi của vua Việt Nam gửi cho chính bản thân ông. Các cố vấn của ông bình luận bức thông điệp như là thủ đoạn cuối cùng của một trong các nhân vật do Nhật Bản dựng lên. Nhưng chẳng phải là Calcutta đã có phúc đáp lại những thông điệp này sao? Điều mà De Gaulle sợ là những thủ đoạn của Đồng minh nhằm ngăn cản sự khôi phục chủ quyền của Pháp trên đất Đông Dương. Vì vậy mà ông giục Leclerc phải cấp tốc sang ngay tại Sài Gòn; nhưng muốn đi được, phải đợi Mountbatten cung cấp cho phương tiện.

Dù sao thì về phần đô đốc Thierry d’Argenlieu ông đã rời Paris chiều tối ngày 5/9 và đi, trên chiếc máy bay đưa ông đến Kandy, thành lập “chính phủ Liên bang Đông Dương” đầu tiên dự kiến trong tuyên bố ngày 24/3, và thảo ra những chỉ thị đầu tiên của ông, những chỉ thị vừa mang sắc thái văn chương vừa không thực tế. Người ta có thể thấy chủ yếu những điểm sau đây:

“1. Việc tái lập chính quyền của Pháp trên đất Đông Dương phải được tiến hành bằng cách duy nhất là đi sâu vào thực tế. Chúng ta phải xuất phát từ những căn cứ vững chắc mà ở đó sự hiện diện của chúng ta không bị phản đối.

“2. Những căn cứ ấy theo ý ông ta là Campuchia và Lào một phía, và Nam Kỳ cùng miền Nam Việt Nam một phía khác.

“3. Chúng ta phải... thẳng thắn thảo luận với các đại diện chính thức của nhân dân Đông Dương, miễn là trong không khí yên tĩnh và ngoài mọi áp lực hoặc đe dọa... Chính là chúng ta phải tiếp

xúc với Đảng Việt Minh với tinh thần như vậy thông qua những đại diện của nước Pháp; những người đại diện này phải được coi không phải như những đại sứ toàn quyền mà như những người phát ngôn có nhiệm vụ diễn đạt trung thành những tư tưởng của Chính phủ Pháp cũng như của những người đối thoại với họ. Và lại chúng ta chỉ có thể hội đàm với một chính phủ, mà Việt Minh chỉ là một đảng phái chứ không phải một chính phủ.

“Có thể được là chúng ta cũng sẽ tiếp xúc trong cùng những điều kiện ấy, với các đảng phái chính trị Annam khác mà tổ chức tuy chắc chắn không được chặt chẽ hệ thống cho bằng Việt Minh, nhưng có thể ít ra là đại diện cho nguyện vọng của một số bộ phận quan trọng trong nhân dân”...

Ông đô đốc tìm cách xác định cho cái “chủ nghĩa” sẽ làm kim chỉ nam cho các cuộc đàm phán sau này:

“Vấn đề là thiết lập lại một nền bảo hộ chân chính của nước Pháp đối với nhân dân Đông Dương, tức cho phép nhân dân Đông Dương được chín mùi về chính trị và phát triển về kinh tế bằng cách dựa vào nước Pháp trong sự tôn trọng truyền thống và nguyện vọng riêng của mình. Chế độ đó chính là chế độ bảo hộ. Rủi thay, bản thân chữ “chế độ bảo hộ” sẽ cần phải gạt đi, bởi vì trước mắt nhân dân Đông Dương cái chữ đó đã mất hết nội dung của nó và bị gắn liền vào với chế độ thực dân hay chế độ đồng hóa khiến cho nó mang một ý nghĩa không mấy gì là tốt đẹp.

“Chúng ta cũng không thể nói đến vấn đề độc lập. Và chẳng chúng ta không được chính phủ cho phép nói về vấn đề này. Hơn nữa, độc lập chỉ có thể có khi chính trị đã chín mùi và những phương tiện hoạt động mà chúng ta đang phải tạo ra cho có, đã được thực hiện. Vậy chúng ta phải thi hành một chính sách “giải phóng về mặt hành chính và chính trị”. Chữ thứ nhất (hành chính) chuẩn bị cho việc thực hiện chữ thứ hai (chính trị)...

- Một sự bình đẳng tuyệt đối giữa người Pháp và người Đông Dương phải ngự trị trong hành chính.

“Nhưng sự giải phóng hành chính phải đi xa hơn... Nó phải hướng tới việc tổ chức các chính phủ địa phương thuần túy Đông Dương và bằng cách đó chuẩn bị dần cho người Đông Dương từng bước tiến dần lên những chức vụ cao nhất của chính phủ liên bang. Ngoài ra, quá trình đi lên về chính trị này dường như đáp ứng những điểm cơ bản trong các nguyện vọng do chính đảng Việt Minh phát biểu? Chẳng phải là Việt Minh đã tuyên bố rằng trước mắt Việt Minh chưa có khả năng một mình lãnh đạo Chính phủ Việt Minh và cai trị cả đất nước Đại Nam mà họ đang đòi lại sao? Chẳng phải Việt Minh đã dự kiến một thời kỳ quá độ trong đó một sự giúp đỡ của bên ngoài sẽ là cần thiết; và về các nước bên ngoài thì họ đã ưu tiên chọn nước Pháp đó sao?” [\[23\]](#)

Trước mắt, Cao ủy tiếp tục chỉ thị:

“Không nên nói quá sớm đến vấn đề hòa hợp làm một Bắc Kỳ - Trung Kỳ và Nam Kỳ, vì chưa chắc gì cái quan niệm về một nước Đại Nam ấy đã phù hợp với nguyện vọng của những người Annam tại Nam Kỳ. Vấn đề thống nhất các thành phần nhân dân Việt Nam chỉ có thể xem xét không những sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng khỏi quân Nhật Bản mà cả sau khi các đạo quân chiếm đóng của Đồng minh đã rút đi và trật tự được lập lại trong toàn cõi liên bang. Chỉ lúc đó mới là lúc cần phải thiết lập một Quốc hội tư vấn tiêu biểu rộng rãi cho dư luận của quần chúng nhân dân. Một trong các vai trò cơ bản của Quốc hội tư vấn ấy của Đông Dương chủ yếu sẽ là chỉ rõ các phương thức thiết lập việc trưng cầu dân ý hoàn thiện hơn và dân chủ hơn....

“Chúng ta phải tránh sự chậm trễ cũng như sự vội vàng. Chúng ta sẽ không thể làm được việc gì

lớn lao và lâu dài nếu không có sự tự do trình bày nguyện vọng mình của nhân dân Đông Dương... Chúng ta không thể quyết định về tương lai quá sớm và hy sinh sự tiến bộ của quảng đại quần chúng cho những yêu sách của một phe phái ngổ ngáo nhất cho họ.

Ký tên: D'ARGENLIEU"

Người ta không thấy có trong tài liệu đề ngày 8/9 này bóng dáng một ý kiến nào về sự thành lập một "chính phủ lâm thời" của Việt Nam tại Hà Nội (27/8) hoặc về bản tuyên ngôn của một nước "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" độc lập ngày 2/9 cả, tức là hai sự kiện lớn lao nhất từ đây sẽ chi phối hoàn toàn vấn đề Việt Nam. Việt Minh trước con mắt của ông đô đốc chỉ là một trong các đảng phái Annam và là phe phái "ngổ ngáo nhất của dân chúng".

Sau khi đã hội ý, tại Kandy, với các nhà chức trách Anh, ông đô đốc ngay từ ngày 12/9, đã đến đóng tại Chandernagor (kề Calcutta) và chờ đợi phương tiện đi Sài Gòn ngay khi có cơ hội, như tướng De Gaulle đã khuyến khích ông.

Hôm sau, 13/9, tại Paris, Henri Laurentie[24] vụ trưởng vụ các vấn đề chính trị của bộ Thuộc địa, trong một cuộc họp báo, khuyến cáo nên giải thích một cách rộng rãi hơn lập trường của tướng De Gaulle về vấn đề Đông Dương. "Cái điều ước mong của người dân Đông Dương là cuối cùng nước Pháp coi Đông Dương không phải là một thuộc địa nữa". Ông ta nói rõ rằng

"Chính phủ đã phát biểu quan điểm rõ ràng của mình là những mối quan hệ giữa Pháp và Đông Dương sẽ không phải là mối quan hệ chính quốc với thuộc địa mà tiến tới là quan hệ bình đẳng. Chính sách của Pháp nhằm làm cho ba dân tộc hợp thành Liên bang Đông Dương ngày càng phát triển phồn vinh"...

Ngày 14/9, Laurentie khẳng định với chủ bút các báo: "Điều cơ bản là chúng ta hiểu hoàn toàn đầu là cái nguyện vọng dân tộc chính đáng trong luận thuyết của Việt Minh".

Dầu sao, Đông Dương vẫn không chấp nhận hướng giải thích rộng rãi ấy. Laurentie sẽ kể lại rằng hôm sau, bộ trưởng của ông ta, Giacobbi, đã nói với ông ta: "Nếu De Gaulle đã không cách chức anh là hoàn toàn vì lý do tình bạn và lòng tốt của ông ta; thực ra thì ông ta đã giận điên lên". Quả có như vậy. Ngay từ hôm 16/9, trong một bức thư gửi d'Argenlieu, De Gaulle có viết[25]:

"... Việc đầu tiên cần thực hiện cho được là Alessandri và quân đội biệt phái của ông ta đến Hà Nội. Tôi có cảm giác rằng người Trung Quốc muốn bán cả cái điều đó cho chúng ta để đổi lấy những điều có lợi cho bọn thực dân của họ và những đặc quyền về con đường sắt của chúng ta.

"Tôi chẳng tin tưởng người Anh chút nào. Họ chọn và duy trì một thái độ đạo đức giả. Họ say sưa được đến Đông Dương như những kẻ mạnh và kẻ lãnh đạo, với những người Pháp trong túi hành lý của họ. Vậy Ngài chớ nên một giây phút nào để cho Mountbatten lòn bịp... Tuy nhiên, chúng ta sẽ mang quân đội chúng ta đến, và nhất định sẽ có một lúc nào đó mà Ngài sẽ là kẻ mạnh nhất.

"Trong lúc chờ đợi, phải có mặt ngay tại chỗ ngay khi có điều kiện, nghĩa là Leclerc thì có mặt ngay tức khắc, còn ông thì vào cuối tháng 10.

"Đừng cam kết và đừng để ai cam kết bất cứ một điều gì đối với người của Việt Minh. Ông có thể chấp nhận một vài cuộc hội kiến với điều kiện là những cuộc hội kiến trực tiếp và không cần đến một trung gian nào, cả Anh, Trung Quốc hay Mỹ. Về phía Đồng Minh, người ta sẽ đề nghị "giúp đỡ" ông: hãy từ chối một cách dứt khoát. Chúng ta không xử lý với những người lệ thuộc của ta qua bàn tay trung gian. Nếu không, chúng ta sẽ thấy tái diễn tại Đông Dương cái trò chơi bỉ ổi của Anh tại Xyrie.

"Nội dung lợi ích của nước Pháp là không giải quyết bất cứ chuyện gì liên quan đến các chính

phủ địa phương tại Đông Dương chừng nào mà chúng ta chưa cần giải quyết. Thà một trăm lần cứ để tình hình nguyên vẹn như vậy cho đến lúc đó, dù có bất lợi cho ta, còn hơn là nhận một sự dàn xếp từ ít (tạm thời) đến nhiều, trong đó nước ngoài sẽ là một bên đương sự do đó mà trở thành tai hại.

“Bản thân tôi sẽ làm tất cả để kịp gửi sang cho ông các phương tiện, nhân viên và thiết bị. Nhưng công việc này sẽ kéo dài lâu ngày”...

- Chính phủ Hà Nội và những đề nghị

Trong lúc đó, ở Hà Nội, “Chính phủ Cách mạng Việt Nam”, hay GRA[\[26\]](#) như Sainteny gọi, liên tục đưa ra những đề nghị. Ngày 5/9, trong một bức điện gửi Pignon, tại Côn Minh, Sainteny phản nản về thái độ tấn công của Pháp đối với Hà Nội “khi mà tất cả hy vọng thỏa thuận với nhau chưa phải là đã tiêu tan” và “Việt Minh vẫn mong muốn hợp tác”.

Ngày 10 (ngày mà quân Trung Hoa Dân Quốc vào Hà Nội), trong một bức điện gửi Calcutta, Sainteny nói rõ:

“Việt Minh sẵn sàng cử một đại diện sang Calcutta, nhưng họ nhấn mạnh: nhất là sang Paris. Theo tôi nghĩ, đây là một cơ hội rất tốt cho chúng ta tiết kiệm được thời gian. Ở đây, tôi sẽ cố làm cho Việt Minh không đạt được lợi ích gì ở chuyến đi ấy và không thấy đó là một sự thừa nhận thực tế”.

Từ ngày 11, ngày mà ông ta phải nhượng cho quân Trung Quốc dinh phủ toàn quyền, Sainteny loãn báo:

“Tôi có cảm tưởng rằng GRA (Chính phủ Cách mạng Việt Nam) chắc chắn sẽ phá sản. Nhân dân bắt đầu thấy mệt mỏi, vì họ lường được sự thiếu kinh nghiệm và sự bất lực của các thành viên mình. Một vài nhóm thân Pháp có phản ứng. Với việc quân Nhật rút đi và quân Trung Quốc chiếm đóng, tình trạng đói khổ tiếp theo sự chênh lệch của GRA, phong trào bài Pháp tự nó sẽ lắng xuống. Chúng ta phải chờ đợi... nhưng chỉ được sử dụng các cuộc “vận động chính trị”.

Cuối cùng, sau khi (ngày 18) đã nhấn mạnh rằng tình hình rất căng thẳng trước việc quân Pháp trở lại Sài Gòn, Sainteny viết trong một bức điện ngày 19 gửi Calcutta:

“Chính phủ Cách mạng Việt Nam (GRA) không giấu giếm lòng mong muốn thỏa thuận của họ. Họ đặc biệt muốn có một cuộc hội đàm với đô đốc (d’Argenlieu), cuộc hội đàm này sẽ kéo dài và kết thúc tại Paris. Pignon đã tiếp xúc với họ[\[27\]](#) và nhất trí với tôi rằng nên chấp nhận yêu cầu đó. Tôi đã cố tìm cách để giữ họ luôn luôn ở tư thế đàm phán; làm như vậy thì cái phong trào Việt Nam thân Trung Quốc - đang tìm cách khai thác việc quân Trung Quốc vào Việt Nam và những khó khăn ngày càng tăng của Việt Minh - sẽ mất cơ hội thành công. Đạt được thành công trong tình thế này phải là Pháp”....

Calcutta không trả lời.

- Vụ bạo động ngày 23/9/1945

Vào đầu nửa cuối tháng 9, tấn kịch được thắt nút tại Đông Dương.

Tại Sài Gòn, vẫn còn là một con đường hẻm kéo dài không có lối ra. Quả vậy, Cédile chẳng tranh thủ được gì ngoài một thái độ cứng rắn, nhưng Việt Minh giờ đây đã kiểm soát được cả Ủy ban miền Nam, và tỏ ra sẵn sàng ký một thỏa hiệp với Pháp hơn là các phái quốc gia chủ nghĩa kinh địch; những người này đang dùng nhiều thủ đoạn hứa hẹn hất chân Việt Minh. Ngày 20/9 những cuộc biểu tình yêu nước đã biến thành những cuộc bạo động và Cédile yêu cầu

Gracey vũ trang trở lại cho những cựu tù nhân Pháp. Mặc dù có những chỉ thị cụ thể, đề ngày 21, cấm ông ta không được dính líu vào những sự việc ở Đông Dương, Gracey vẫn nhận lời với Cédile. Ngày 23, nhờ vũ khí của Anh, người Pháp ở Sài Gòn giành lại quyền kiểm soát thành phố. Tất cả cháy bùng lên. Chiến tranh. Ủy ban hành chính miền Nam ra lệnh bao vây Sài Gòn và từ Nam chí Bắc cả nước được huy động đứng lên chống “sự xâm lăng của Pháp”. Cédile và Gracey quyết định đối phó, nhưng trong đêm 24 rạng 25, những vụ tàn sát tại khu phố Heyraud - mà kẻ chủ mưu chắc chắn không phải là Việt Minh - gieo sợ hãi và căm thù vào lòng người Pháp; từ đây, họ luôn luôn bị ám ảnh về vấn đề an ninh và một sự bác bỏ hoàn toàn của phía Việt Nam đối với những đề nghị của phía Pháp.

Tại Hà Nội những sự kiện Sài Gòn làm dấy lên lòng phẫn nộ của các đảng phái và của quần chúng nhân dân. Người Pháp bị lên án, các cuộc biểu tình ngày càng nhiều. Tình hình căng thẳng tới cực độ[28]. Trong tình thế nguy ngập ấy, Sainteny vẫn không nhận được chỉ thị gì của Paris; ông ta bèn quyết định sang Calcutta hỏi ý kiến. Ông ta rời Hà Nội ngày 25 để tướng Alessandri và cố vấn chính trị của ông ta là Léon Pignon ở lại. Nhưng ngay từ ngày 28, tức 5 ngày sau “vụ bạo lực” của Pháp tại Sài Gòn, ông Hồ Chí Minh đã tiếp Alessandri cùng Pignon và tuyên bố với họ rằng theo ý kiến của ông thì Pháp và Việt Nam cần tìm cách thỏa thuận với nhau. Alessandri báo cáo như sau (bức điện do Pignon thảo):

“Ngày 28, tôi cùng với Pignon và Missoffe đã có hội kiến với ông Hồ Chí Minh, với sự có mặt của ông Giám[29]. Tôi đã trình bày rằng Neptune[30] đã nhận sẽ tiếp đại diện Chính phủ cách mạng Việt Nam trong những điều kiện tiên quyết đã thỏa thuận trước. Ông Hồ Chí Minh hẹn phúc đáp vào ngày 1/10. Hội kiến thẳng thắn với tinh thần thân thiện. Ông Hồ chắc chắn là một con người có bản lĩnh kiên cường và đáng kính, tác phong khắc khổ. Thái độ chung của ông là làm cho chúng ta lúng túng với những nguyên lý 89 (tức của Cách mạng pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái - LND) và nước Pháp Chiến đấu. Ông Hồ và ông Giám rất xúc động vì sự kiện Sài Gòn, có hỏi xem tôi có ý định can thiệp để chấm dứt việc đổ máu và có ý định can thiệp hay không. Tôi đáp rằng tôi không có quyền gì đối với khu vực miền Nam và không có một thông tin nào được xác nhận; rằng tôi chỉ có thể báo cáo lại với Neptune về cuộc hội kiến một cách trung thực.

“Khi chúng tôi nhận định rằng người Pháp không thể không hoài nghi về sự chân thật của những lời cam kết mà Việt Minh có thể đưa ra, trước cái chiến dịch tuyên truyền kích động của họ, ông Hồ trả lời rằng chiến dịch tuyên truyền sẽ chấm dứt một khi giành được độc lập. Ông bảo đảm sẽ thỏa thuận về các lợi ích kinh tế, văn hóa và quân sự của chúng ta. Cảm tưởng của tôi là không có giải pháp hữu hảo cho tình hình hiện tại. Ông Hồ bị tràn ngập công việc vì những phần tử cực đoan thúc ép ông phải có một lập trường bất di bất dịch về nguyên lý độc lập. Nhưng chính phủ hiện nay sẽ phải rút lui và chúng ta sẽ giữ được cái lợi do cử chỉ ôn hòa của chúng ta đã mang lại được một tình hình bớt căng thẳng cần thiết cho an ninh của những người châu Âu.

“Chúng tôi có những cuộc gặp gỡ thông qua nhân viên với các phe phái đối lập mà đại diện không đặt vấn đề độc lập làm điều kiện tiên quyết, ngoài ra chúng tôi khó lòng tìm được những người mang xu hướng truyền thống. Một lời tuyên bố Pháp không có ý định thực hiện những vụ trừng phạt sẽ rất có hiệu lực, vì tâm lý chung của quần chúng là lo sợ”.

Từ Côn Minh, Sainteny đã đi Calcutta và Chandernagor; tại đây ngày 01/10, ông ta được đô đốc d’Argenlieu đón tiếp. Sainteny báo cáo tình hình Bắc Bộ với d’Argenlieu và phát biểu nguyện vọng muốn được trở về Pháp và được trút khỏi mọi chức vụ. Trước những lời năn nỉ của d’Argenlieu và của Leclerc mà ông ta mới gặp đây là lần đầu tiên, Sainteny cuối cùng đã nhận sẽ trở về Hà Nội. Ngày 04/10, ông ta được chính thức chỉ định làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Bộ và miền Bắc Việt Nam, đại diện của Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Bây giờ đây, ông đã có trong tay những quyền hành mong muốn.

Ông ta đã chuẩn bị để gửi cho đô đốc d’Argenlieu, đề ngày 2 hay 3/10, một tư liệu chính trị

quan trọng, trong đó chủ yếu ông viết:

1. “Người Việt Nam... Sau khi chiến đấu dưới hình thức du kích chống lại quân đội Nhật Bản, Việt Minh vào hồi tháng 7 chưa phải là ghét Pháp và vẫn tìm cách điều đình với Pháp cho mãi đến ngày 10/8.

“Chính sự diễn biến bất ngờ ngày 09/8 (ngày 06/8 Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima; ngày 08/8 Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản; ngày 09/8 Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nagasaki - Chính phủ Trùng Khánh (Trung Quốc) tuyên bố sẽ đưa quân vào miền Bắc Việt Nam nhận sự đầu hàng của Nhật (LND)) đã tạo cơ hội cho họ lợi dụng sự vắng mặt tinh thần cũng như thực tế của nước Pháp tại Đông Dương và sự chậm trễ của quân đội Trung Quốc (chưa kịp vào miền Bắc Việt Nam)... để cướp chính quyền và tuyên bố độc lập.

“Bây giờ đây, chính phủ cách mạng Việt Nam còn nằm trong tay Việt Minh. Việt Minh sẽ còn giữ đa số trong vài ba ngày hoặc vài ba giờ nữa. Trung Quốc đang xúi giục đảng Đồng Minh chống lại Việt Minh.

“Việt Minh đã biết chính quyền sẽ lọt khỏi tay họ. Từ vài tuần nay, họ không còn làm chủ được những cuộc phản ứng của quần chúng mà họ đã kích động lên và họ cũng nhận biết rằng bộ chỉ huy quân đội Trung Quốc sẽ đập tan quyền bính của Việt Minh một cách không thương xót. Như vậy sự thất bại của Chính phủ cách mạng Việt Nam sẽ có lợi không phải cho Pháp mà cho Trung Quốc - nước láng giềng gần gũi còn đáng sợ cho họ hơn là nước Pháp xa xôi...

“Trong giờ phút hiện tại, thì thắng hay bại theo ý nghĩ của tôi, chỉ tồn tại một đảng Việt Nam duy nhất đáng quan tâm. Các lãnh tụ của nó, dù có thất bại chẳng nữa trong những điều kiện mà chúng ta phải thừa nhận là cực kỳ khó khăn này, trước sau vẫn là những người duy nhất do lòng chân thành, tinh thần liêm khiết và lòng tin của họ, có khả năng theo đuổi một đường lối chính trị. trong tương lai, như họ đã từng làm trong quá khứ. Trong mọi trường hợp, họ là những kẻ duy nhất chiếm được lòng tin sâu sắc của quần chúng. Họ sẽ còn giữ được lâu dài cái tài, cái mắt của những đám đông dân chúng đó.

“Nói tóm lại, những chuyện bạo hành, cướp bóc, cả những vụ tàn sát nữa đã xảy ra dưới Chính phủ Việt Minh không thể quy là do sự tiêu cực của người lãnh đạo, mà phần lớn do cái vũng bùn mà phong trào đã quấy lên, đồng thời cũng do hành động của một số đảng phái khác nhau bị những phần tử khiêu khích của Nhật Bản xúi giục và thoát ra ngoài vòng luật pháp Việt Minh...

4. “Muốn chiếm lại được chỗ đứng của mình tại Đông Dương, nước Pháp phải chọn một trong hai giải pháp: chiếm lại một mình, hay là nhờ sự giúp đỡ của một đồng minh.

“Nếu chọn giải pháp thứ nhất, thì Pháp phải trở lại Đông Dương thật mạnh và với vũ khí trong tay. Kết quả của cuộc tái chinh phục này nếu được mở màn vào thời điểm thuận lợi, thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ trong vài tuần là mọi ý định kháng chiến của những người yêu nước Việt Nam sẽ bị quét sạch bong và nhân dân trở lại phục tùng như cũ. Đông Dương sẽ được tái chinh phục về mặt thực tế, về mặt vật chất, nhưng mà sẽ vĩnh viễn mất đi về mặt tinh thần...

“Vậy thì nếu vũ khí của Pháp vẫn phải thật mạnh trên mảnh đất Đông Dương này, thì trước hết nó cần phải không được sử dụng đến, có nghĩa là ta phải chọn giải pháp thứ hai: trở lại Đông Dương với sự giúp đỡ của một đồng minh”...

Sau khi nghiên cứu lần lượt những cái lợi và cái hại của các đồng minh Mỹ và Trung Quốc, Stainteny kết luận:

“Chỉ còn lại người Việt Nam. Tôi không ngần ngại mà nói rằng chính người Việt Nam phải là các đồng minh tự nhiên của chúng ta trong vấn đề chúng ta trở lại Đông Dương.

“Sự giao hòa Pháp - Việt sẽ đập tan trước con mắt của thế giới tất cả những lý do nhân đạo hoa mỹ bênh vực cho một sự chiếm đóng của Trung Quốc hay một sự xâm nhập của Hoa Kỳ.

“Mặc dù có những thỏa hiệp bề ngoài, hình như mối thù vạ cổ của người Việt Nam ấp ủ trong lòng đối với người Trung Quốc vẫn còn nguyên vẹn. Chỉ cần một vài hành vi quá đáng thông thường của các đội quân chiếm đóng là đủ để thổi bùng ngọn lửa căm thù lên nhanh chóng. Nếu người Pháp biết lợi dụng tình thế này một cách khôn khéo thì không loại trừ khả năng chính người Việt Nam sẽ yêu cầu được sự hỗ trợ của vũ khí Pháp.

“Tôi đã có thể xác nhận, qua nhiều cuộc hội thảo với các nhà lãnh đạo, Chính phủ cách mạng Việt Nam không bỏ lỡ dịp nào để nhấn mạnh rằng họ khâm phục và quý mến những người Pháp của nước Pháp cũng như sự gắn bó của họ đối với nền văn hóa Pháp.

“Nếu như chữ “độc lập” là cái điều kiện sơ bộ của tất cả mọi cuộc đàm phán thì cũng có một thực tế rất thực là những kẻ đi tiên phong đấu tranh cho độc lập đã quên tự hỏi mình nội dung độc lập là gì hay ít ra cũng chưa xác định rõ cái tầm quan trọng của nó. Họ cần nói đến chữ “độc lập” là đủ. Đừng quên là chúng ta đang liên quan đến một dân tộc thi thư. Nếu những người lãnh đạo hiện nay của Chính phủ Việt Nam bị lật đổ và trục xuất khỏi quyền bính thì có lẽ rất nên tiếp tục duy trì với họ một mối quan hệ rất mật thiết lần này, và cũng với họ trong lúc họ bị cách ly, chuẩn bị cho họ trở lại nắm quyền với sự giúp đỡ của Pháp; bởi những con người thanh niên trung thực ấy, tôi tin chắc như vậy sẽ nhanh chóng trở thành những bạn đồng minh tốt nhất của chúng ta”.

Cầm trong tay những chỉ thị của ông đô đốc Pháp mà nội dung chỉ tóm gọn trong một chữ “giữ” và phản ánh những phương châm chỉ đạo mới nhận được tươi rói của De Gaulle đối với Chính phủ cách mạng Việt Nam, Stainteny vòng qua Côn Minh trở về Hà Nội ngày 8/10. Ngày 6, tại Hà Nội, Pignon cũng đã gặp ông Hồ Chí Minh một lần nữa.

• Một vấn đề kép

Tại Paris và Chandernagor, người ta cho rằng tính chất quốc tế của vấn đề Đông Dương chi phối tất cả: trước hết, phải thương lượng với người Anh để họ cho phép người Pháp được đặt chân lên lại ở Nam Kỳ và cung cấp phương tiện vật chất cho họ thiết lập quyền bính trở lại ở phía Nam vĩ tuyến 16. Nhưng ở đây, sự ngờ vực của De Gaulle dường như không có căn cứ. Quân Anh chuyên chở các lực lượng vũ trang của Pháp và đặt vào tay họ những phương tiện mạnh. Họ tập trung, giải giáp rồi chuyển hết quân Nhật đi, nhưng không điều đình với người Việt Nam; cuộc ngưng bắn đã nhanh chóng bị phá vỡ. Leclerc đến Sài Gòn ngày 05/10, không mất thời giờ bàn luận. Những biến đổi của cuộc ngưng chiến ngăn ngui ấy đã thuyết phục được ông ta rằng chừng nào người Việt Nam chưa ý thức được sức mạnh của Pháp thì sẽ chẳng có việc gì thành. Trong một bức thư gửi cho De Gaulle (ngày 13/10) ông ta đã viết:

“Sẽ là một điều sai lầm tuyệt đối nếu chúng ta điều đình với đại diện Việt Minh trước khi chỉ cho họ thấy sức mạnh của chúng ta”.

Và De Gaulle trả lời cho Leclerc (27/10):

“Bạn thân mến, chúng ta chẳng có gì để ký kết với người dân bản xứ, chừng nào chúng ta không có sức mạnh. Cho đến lúc đó, chúng ta có thể thận trọng và tùy thời cơ thuận lợi mà có vài cuộc tiếp xúc với họ; nhưng chỉ vậy thôi”.

Những nhóm đầu tiên của tập đoàn Massu thuộc sư đoàn 2 chiến xa đến ngày 23/10. Với đơn vị ấy, Leclerc sẽ có thể xông trận. Ngày 26, trong một bức thư gửi De Gaulle, d'Argenlieu, vẫn ở Chandernagor, viết:

“Leclerc đã hoàn toàn bị thu hút vào cái mộng “tái chinh phục” của ông ta. Nó mạnh hơn cả ông ta. Tôi nghĩ rằng cần phải gạt cái mộng ấy đi. Chúng ta đến đây không phải để phô trương những cảnh nguyệt quế mới nhờ những trận chiến đấu gay go chống lại quân thù. Chúng ta cần phải lập lại trật tự một cách quả quyết trong lòng những nhân dân bạn bè, mà chỉ một bộ phận quay lưng lại với chúng ta do sự đồng lõa không tốt của quân Nhật và những phần tử quốc gia chủ nghĩa cực đoan Việt Nam”...

Vấn đề ở miền Bắc Đông Dương một ngàn lần không đơn giản như ông đô đốc ngồi tại đại bản doanh của ông ta tại Chandernagor tưởng lầm. Dĩ nhiên phải điều đình với Trung Quốc để thuyết phục họ rút nhanh quân của họ ở Bắc Đông Dương về và để cho quân Pháp trở lại đó [\[31\]](#). Nhưng lúc này tại Bắc Bộ đã hiện lên một mớ bòng bong khó mà tin là có thật. Trước hết, người ta thấy hình như Trung Quốc, với tư cách là một quốc gia, muốn thực hiện một sự trả thù lại nước Pháp với hai duyên cớ: một là từ một thế kỷ nay, nước Pháp đã thành một đế quốc chiếm hữu thuộc địa, là điều mà Trung Quốc khó lòng chấp nhận. Hai là không những Trung Quốc muốn nước Pháp trả lại cho mình những đất đai của Trung Quốc đã nhượng cho Pháp trước đây (Thượng Hải, Hán Khẩu v.v...) và lãnh thổ Quảng Châu Loan, mà Trung Quốc còn muốn Pháp nhượng lại cho mình cả đoạn đường sắt Vân Nam, muốn hủy bỏ quyền lãnh ngoại của Pháp tại Trung Quốc (đặc quyền giảng đạo và tài phán), đòi quyền quá cảnh Bắc Bộ và một chế độ tối huệ quốc cho Trung Hoa tại Đông Dương. Sự có mặt của quân đội Trung Quốc tại Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam tăng sức nặng cho những yêu sách của chính phủ Trùng Khánh trong đó không phải không có những người nuôi tiếc thời xa xưa cho rằng Trung Quốc có thể lập lại ở Việt Nam một hình thức bảo hộ theo kiểu nước chư hầu ngày trước. Các phần tử quốc gia chủ nghĩa Việt Nam (Đồng minh, Việt Nam quốc dân đảng) tỏ ra sẵn sàng thực hiện một sự liên kết chặt chẽ với Trung Quốc - tất nhiên với sự đồng tình của một vài cơ quan của Mỹ - nhằm tránh bất cứ một sự tiến công trở lại nào của “chủ nghĩa thực dân” Pháp.

Rắc rối hơn nữa là quân Trung Quốc tranh giành nhau chiếm đóng đất nước và chiến lợi phẩm. Trong khi Lư Hán - kẻ ngay từ đầu đã tuyên bố bác bỏ 14 điểm của Trùng Khánh - mong muốn có một “trusteeship” (độc quyền buôn bán) của Trung Quốc hay Vân Nam trên đất Việt Nam và Trung Quốc giúp Việt Nam giành lại độc lập, thì chính phủ trung ương chỉ đặt vấn đề kiểm soát, có nghĩa là có thể tổng tiền điều cam kết của mình... Mặt khác, đối đầu với Mao Trạch Đông, Trùng Khánh không ưa gì thấy xuất hiện tại Bắc Bộ, ở hậu phương của mình, bất cứ một chính quyền cộng sản nào. Trong các lực lượng vũ trang Trung Quốc đến chiếm đóng miền Bắc Đông Dương, có những tướng tá, thủ lĩnh và những đơn vị thuộc mọi cơ cấu (trừ cộng sản) rất phức tạp, nhưng tất cả đều nặng đầu óc quyền lợi vật chất. Làm sao người Pháp có thể vận động dễ dàng được trên một bàn cờ phức tạp như vậy?

Tuy vậy, một cuộc điều đình Pháp - Trung vẫn được mở ra ở cấp chính phủ vào tháng 10, tại Trùng Khánh. Cuộc điều đình tiến hành rất chậm chạp; các chi phí sẽ tùy thuộc vào những biện pháp tài chánh và tiền tệ của các nhà chức trách Pháp ở Sài Gòn [\[32\]](#) và phục thuộc vào quá trình diễn biến của tương quan lực lượng giữa các đảng phái Việt Nam. Tính chất “quy tụ đồng chiều” của các quyền lợi của Pháp và Việt Minh mà Sainteny đã nhấn mạnh ngày 03/10, sẽ bộc lộ ngày càng rõ ràng. Ở miền Bắc, ngoài những việc hằng ngày đe dọa và xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người Pháp, điều gì đang đe dọa Đông Dương đã hiện lên một cách rõ ràng, ai cũng trông thấy và cũng cảm nhận một cách cụ thể. Miền Nam không như vậy, yên tĩnh đã trở lại với Sài Gòn.

Ở miền Nam, Leclerc đã chuyển sang tấn công. Trước tiên, và ngay từ giữa tháng 10, ông ta đã nắm chắc được Campuchia, loại trừ ra khỏi Phnôm Pênh chính phủ Sơn Ngọc Thành thù địch, do đó bảo đảm được việc tiếp tế cho Sài Gòn. Với tập đoàn Massu, ông ta đã nhanh chóng làm tan rã bộ máy quân sự non trẻ của Việt Minh tại Nam Bộ và chiếm được tất cả các thành phố ở châu thổ sông Mêkong. Việt Minh bắt buộc phải thực hiện chiến tranh du kích. Chính sách “tiêu thổ kháng chiến” tai hại của họ đã ly gián lòng dân khá nhiều.

Ngày 30/10 đô đốc d'Argenlieu đến Sài Gòn. Tại đây, vài hôm sau, ông ta đặt ra “chính phủ liên bang” như đã dự định trong tuyên bố 24/3 mà chẳng cần phải nói là chính phủ “lâm thời” gì cả. Vậy nhưng cái “chính phủ” ấy chỉ gồm toàn những công chức người Pháp mà chẳng có lấy một mống nào người bản xứ.

Ông đô đốc vội vàng mở ngay những cuộc đàm phán với Canlpuchia của vua Sihanuc; cuộc đàm phán ngày 7/1/1946 đã dẫn tới một “tạm ước” thỏa thuận cho Campuchia được quyền tự trị nội tại.

Cuối tháng 1/1946, Nam Bộ và cả miền Nam Trung Bộ (với Đà Lạt, Ban Mê Thuột và Nha Trang) có vẻ như đã được bình định xong, hay ít ra cũng đã nằm dưới sự kiểm soát của quân Pháp. Người ta bàn chuyện khoác cho Nam Bộ, thuộc địa Pháp, một quy chế chính trị theo tinh thần bản tuyên bố ngày 24/3, nhưng với những người dân Nam Bộ nào?

Như vậy, việc lập lại chủ quyền Pháp trên đất Đông Dương có vẻ thuận chiều.

Tuy nhiên, ở miền Bắc, trái với những dự đoán u ám của Sainteny và Pignon, chính quyền của Việt Minh đã được củng cố. Sợ quân Trung Quốc, họ đã hết sức tránh những chuyện khiêu khích; họ còn tìm cách làm dịu các chỉ huy quân đội Trung Quốc bằng nhiều tặng vật. Để chạy đua thời gian với các đảng quốc gia kinh địch và với ý định tạo cho mình một hình thức dân chủ hợp pháp càng sớm càng hay, Việt Minh đã quyết định ngay từ ngày 08/9, sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu bầu một quốc hội lập hiến và bằng sắc lệnh ngày 17/10, quyết định tổng tuyển cử vào ngày 23/12. Việt Minh đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ chế độ của các giám mục công giáo và các giám mục đã đệ thi lên Giáo hoàng Pie XII xin cầu nguyện cho Việt Nam độc lập. Việt Minh đã xác định một chương trình cải cách chính trị và xã hội. Quả thật là họ đã kiệt quệ sức lực và các ngân khố quốc gia đều rỗng không. Nhưng họ cũng đã biết thực hiện với bộ chỉ huy quân đội Trung Quốc những mối quan hệ tuy “hai mặt” nhưng mà rất bổ ích, và họ cũng đã biết khéo lợi dụng những “sáng kiến” của Pháp ở miền Nam. Bộ trưởng Chiến tranh Trung Quốc Hồ Ying Chín đến thăm Hà Nội từ ngày 13/10 đã quyết định, sau khi đã xem xét cái cách thức quân Pháp tái chiếm Sài Gòn ngày 23/9, sẽ không cho phép quân đội Pháp - mà chỉ huy sẽ là tướng Salan thay chân tướng Alessandri - đặt chân trở lại Bắc Đông Dương, cho đến khi có lệnh mới; cũng không cho phép tái vũ trang những cựu tù nhân cũ của Pháp hiện đang có mặt tại Hà Nội.

V. HÀ NỘI VÀ SÀI GÒN BỊ DỒN VÀO THẾ PHẢI LỰA CHỌN (8/10/1945 - 13/02/1946)

Sainteny trở về Hà Nội, vận dụng những phương châm chỉ đạo của d'Argenlieu; ngày 12 và 15 tháng 10, ông ta gặp lãnh tụ Đồng Minh Hội Nguyễn Hải Thần. Chẳng thấy có kết quả gì bề ngoài.

Các lãnh tụ quốc gia, phần nộ vì cái cách thức Việt Minh cướp chính quyền, chỉ có một ý nghĩ trong đầu giành giật lại chính quyền. Nhưng Siao Wen, cố vấn chính trị của bộ tham mưu Trung Quốc, ra sức thuyết phục họ rằng họ cần thiết phải hợp tác với Việt Minh để thành lập một mặt trận thống nhất chống Pháp. Nguyễn Hải Thần yêu cầu ông Hồ Chí Minh nhường chỗ cho ông ta trong Chính phủ và dọa, nếu ông Hồ không nghe, sẽ dùng bạo lực. Việt Minh bịt tai làm ngơ; một chiến dịch chống Việt Minh nổ ra quyết liệt. Ông Hồ phải nhượng bộ: ngày 23/10, ông Hồ ký với một nhóm của Đồng Minh Hội (mà ông đã thuyết phục được) một thỏa hiệp hợp tác. Nhưng rồi người ta thấy ngay đây chỉ là một “trò giả trang”; Việt Minh đã phỉnh dối phương của họ nhằm mục đích duy nhất là chứng tỏ với quân Trung Quốc thiện chí của mình.

Nói về những sự kiện này, ngày 28/10 Pignon đã báo cáo về Chandernagor như sau:

“... Không nên khinh suất trong vấn đề xử sự với Việt Minh. Việt Minh là một nhóm thiểu số, đúng vậy, nhưng sự ra đời của nó, những biểu hiện của nó lúc ban đầu đã chinh phục được cảm tình của quần chúng nghèo khổ ở thành thị cũng như ở nông thôn...

“Tuy nhiên, trên phương diện thực tế, tình hình vô cùng lộn xộn, đường giao thông bị đứt đoạn, lũ lụt đã làm ngập hàng trăm ngàn héc ta đồng ruộng... nạn đói bắt đầu hoành hành, các công sở đình đốn, công chức không có lương...

“Trong nội bộ Chính phủ cách mạng, có nhiều biểu hiện mất đoàn kết trầm trọng... Sự thống nhất Việt Minh và Đồng Minh, tuy được công bố rùm beng, trước mắt vẫn chỉ giản đơn là một lời đề nghị về nguyên tắc. Cuộc đấu tranh vẫn tiếp tục âm ỉ giữa hai phe và trong thành phần Chính phủ chưa hề có một sự thay đổi nào.

“Đứng trước những yếu tố phức tạp đó, chưa thể nào đánh giá nổi thực chất vấn đề nước Pháp: về mặt công khai - do nỗi kinh hoàng mà các Ủy ban cách mạng gây ra trong nhân dân - chưa một ai ủng hộ chúng ta. Trong thâm tâm thì chắc chắn những tầng lớp khá giả đều cầu mong chúng ta trở lại, để họ được an hưởng cuộc sống giàu sang. Trong đám quần chúng nhân dân từ lâu đời nổi tiếng là không có cá tính, những lời tuyên truyền chống Pháp đã có nhiều tác dụng. Mấy ông thanh niên “Thổ Nhĩ Kỳ” (ý nói thô thiển tàn bạo - LND) chỉ đạo các ủy ban cách mạng xã và huyện... đã lôi cuốn được chủ yếu là các tầng lớp thanh niên và phụ nữ. Họ tiếp tục một cách kiên trì cuộc đấu tranh chống lại ảnh hưởng của chúng ta.

“Mặc dù vậy, và bất chấp tất cả những nhận định bi quan nói trên, rõ ràng là thời gian đã ủng hộ chúng ta. Tính chất giáo điều quá khích của các ủy ban địa phương, sự đàn áp hàng loạt, sự rã rời kinh tế, đã mang lại một sự ác cảm trông thấy của nhiều người đối với phong trào cách mạng. Những biểu hiện đầu tiên của một sự chuyển hướng bắt đầu bộc lộ.

“Mặt khác, sự chiếm đóng của quân Trung Quốc làm tiêu tan hy vọng của bao nhiêu người Việt Nam. Chính sách tiền tệ của bộ chỉ huy Trung Quốc đã thực tình móc sạch túi nhân dân cả nước. Bọn lính Trung Quốc tỏ ra với người Việt Nam một thái độ trịch thượng và thô bạo khiến cho người Việt Nam ngày càng căm ghét chúng.

“Con bài Mỹ mà một số người lãnh đạo (Việt Minh) sẵn sàng sử dụng cũng làm cho người ta thất vọng. Cái lập trường mà Washington đã xác định không củng cố được cái hy vọng mà

người ta đặt vào lời tuyên bố đầy thiện cảm, tại chỗ của tướng Gallagher[33] và một số cấp dưới cha ông ta.

“Những người đứng đầu Chính phủ cách mạng biết rất rõ cái ngõ cụt mà họ đang đi vào. Không đồng minh, không tiền, hầu như không cả vũ khí, họ biết phong trào của họ đang đi vào một sự thất bại chắc chắn. Nhưng những phần tử cực đoan vẫn quyết liệt từ chối bất cứ một sự thỏa ước nào đối với Pháp. Nỗi sợ những trận trừng phạt, nỗi căm thù chông chất trong bao nhiêu năm trong các nhà tù khổ sai chính trị, kích động họ cứng rắn thêm trong một thái độ chiến đấu quá khích và tuyệt vọng. Họ được phục vụ một cách mù quáng bởi tất cả những hang người mà phong trào Việt Minh coi là bộ hạ của mình, những kẻ “chai sạn” thực sự biết mình sẽ bị tù khổ sai hoặc xử tử do những tội ác và những hành vi sai phạm của họ. Vì trót dần thân quá sâu rồi không thể rút lui mà chạy trốn nữa, họ coi thường mọi sự việc đột xuất thực tế và bám chắc lấy một khẩu hiệu thể hiện tư tưởng chủ đạo trong công tác tuyên truyền của họ: “Hai triệu đồng bào ta sẽ còn chết đói trong mùa đông này ư? Không sao! Miễn chúng ta giành được độc lập!”.

“Dù lập trường cuối cùng của Chính phủ cách mạng Việt Nam đối với chúng ta là lập trường nào đi nữa, thì chúng ta có thể tính trước, không suy đoán chút nào, rằng ngày mà chúng ta được kéo quân vào Bắc Đông Dương, chúng ta sẽ phải đương đầu với một bộ phận quyết tâm đánh lại chúng ta bằng mọi phương tiện. Hành động của họ dĩ nhiên sẽ kém hiệu lực và kém nguy hiểm nếu như trước đó những phần tử Việt Minh, mà chắc chắn là các đại biểu của các đảng phái hay xu hướng khác sẽ bám theo, không thừa nhận cánh tả của họ và đồng ý dàn xếp.

“Về phương diện quân sự cũng như về phương diện dư luận quốc tế, có một điều rất cơ bản là làm sao thành lập được một đảng thân Pháp để nó kêu gọi và ủng hộ chúng ta mang vũ khí tới giúp họ. Những yếu tố của một đảng như vậy đã có, nhưng họ hết sức dè dặt. Tâm lý quán xuyến của họ là rất sợ sệt. Cho nên cần bảo đảm cho những người thuộc phe chúng ta được sự giúp đỡ của một số nhân vật đang có quyền hành và sau này có trong tay những phương tiện hành động. Đưa đến sự tan rã của ê kíp cầm quyền, hay đúng hơn của Việt Minh, phải là mục tiêu chính của mọi cố gắng của chúng ta.

“Thái độ chúng ta vẫn giữ lâu nay - tức biểu lộ thiện chí và ước mong điều đình trực tiếp với nhau - đã mang lại kết quả. Không thể hy vọng gì ở một giải pháp hoàn toàn hòa bình, chắc chắn thái độ ấy sẽ dẫn chúng ta - trừ khi nó vấp phải ác ý của phía quân Trung Hoa hoặc một biến cố đẫm máu mà hậu quả không thể hạn chế nổi bằng sự can thiệp của các phần tử ôn hòa trong chính phủ - đến chỗ giảm bớt đi một cách trông thấy số lượng những phần tử bất trị cần phải tiêu diệt bằng vũ lực và khép chúng ngay trước mặt đồng bào chúng vào tội phiến loạn”.

• Sự bất khả thống nhất các phe đối lập

Ngày 02/11, Nguyễn Hải Thần tự thấy mình “bị lu mờ” bèn tố cáo thỏa hiệp 23/10, rồi cùng với lãnh tụ Việt Nam quốc dân đảng vừa tới Hà Nội, ông ta quyết định tăng cường cuộc đấu tranh chống lại Việt Minh. Cả hai đảng (Đồng Minh Hội và Việt Nam quốc dân đảng) ra sức lên án sự bất lực hoàn toàn của Chính phủ Việt Minh cũng như tính chất cộng sản của chính phủ đó. Họ nhấn mạnh rằng Trung Quốc không thể chấp nhận cho thành lập sát sườn mình một nước cộng hòa cộng sản. Ngày 08/11, Nguyễn Hải Thần đòi Việt Minh phải nhường chỗ cho những “phần tử quốc gia chủ nghĩa thật sự”.

Ngày 10/11, từ miền Nam, hai lãnh tụ Việt Minh ở Sài Gòn Trần Văn Giàu và Phạm Ngọc Thạch ra Hà Nội. Rút kinh nghiệm từ sự thất bại của mình, hai người thừa nhận lực lượng quân Pháp hiện đại mạnh lắm, đến mức độ người ta chỉ có thể làm cuộc chiến tranh trường kỳ dưới hình thức du kích. Nhưng muốn thực hiện được du kích chiến (và cuộc “kháng chiến trường kỳ”), cần thiết phải có nền móng vững vàng. Có nghĩa là tuyệt đối phải cứu lấy Hà Nội và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ngày 10 và 11 tháng 11, quyết định giải tán đảng - mà các mục tiêu đều được tuyên bố "thực hiện hoàn thành" và các đảng viên nào muốn tiếp tục theo đuổi việc học tập lý luận thì xin mời gia nhập một "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác". Sự việc này chắc chắn đã trấn an Trung Quốc; ông Hồ đã không ngớt nhắc đi nhắc lại với người Trung Quốc rằng: ông không phải là cộng sản mà ông chỉ theo đuổi thực hiện những lý tưởng và chương trình của Tôn Dật Tiên. Đồng thời, ông Hồ Chí Minh, qua trung gian ông Hoàng Minh Giám, tổng thư ký Chính phủ, đã tiếp xúc với người Pháp. Trong một bản giác thư ngày 12/11, lập trường của Việt Nam được xác định như sau:

"1. Nước Pháp sẽ thừa nhận không chậm trễ nền độc lập toàn vẹn của Việt Nam.

"2. Chính phủ Việt Nam sẽ thực thi những biện pháp nhằm bảo vệ uy tín nước Pháp và sẽ có những nhượng bộ với Pháp về phương diện kinh tế và văn hóa.

"3. Nhằm tạo ra được một không khí thuận lợi cho việc đàm phán, các nhà chức trách Pháp sẽ cho chấm dứt ngay những chiến sự ở Nam Bộ và trong suốt thời gian của cuộc đàm phán, ngưng vận chuyển đến Đông Dương quân đội và vũ khí".

Pignon cho rằng văn kiện này không có cơ sở, không chấp nhận được. Nhưng người ta quyết định vẫn duy trì sự tiếp xúc.

Phía đối lập giờ đây đã kết thành một khối "quốc gia" và tăng cường hoạt động chống Việt Minh. Họ tính toán sẽ dựa thế quân Trung Quốc, đe dọa dùng vũ lực trục xuất những người cộng sản ra khỏi chính quyền. Việt Minh lúc này đã nhận đàm phán; cuộc đàm phán bắt đầu ngày 17/11.

Nhưng cũng ngày hôm đó, với mục đích làm cho tình hình tiền tệ trở nên lành mạnh sáng sủa hơn, (nó trở nên quá tồi tệ vì lạm phát trong thời kỳ Nhật chiếm đóng), Chính phủ Liên bang Sài Gòn đã quyết định hủy bỏ tất cả các tờ giấy bạc 500 đồng - phần lớn, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, đang nằm trong tay người Hoa. Biện pháp này gây ra một cuộc khủng hoảng ngay giữa lúc tại Hà Nội, Pháp và Trung Hoa vừa khó khăn lắm mới đạt được một thỏa thuận về "chi phí lưu trữ" và "bảo dưỡng" của quân đội Trung Quốc. Quả nhiên quân Trung Quốc không chấp nhận quyết định, yêu cầu Pháp phải đổi nguyên xi những giấy bạc năm trăm đồng lấy những giấy bạc nhỏ hơn. Ngân hàng, nhận chỉ thị của Sài Gòn, từ chối! Thế là, tại Hà Nội, hết chuyện ám sát đến chuyện rối ren bất trắc liên tục xảy ra làm cho người Pháp bị hăm vào tình thế hoàn toàn thiếu an ninh. Quan hệ Pháp - Trung đồng thời căng thẳng đến cực độ. Việt Minh tam thời đoàn kết với quân Trung Quốc và ủng hộ chiến dịch chống Pháp quyết liệt đang diễn biến tại miền Bắc. Một lần nữa, người ta đòi hỏi phải thống nhất mọi đảng phái với nhau. Ngày 19/11, Siao Wen triệu tập lãnh tụ các đảng họp và ký kết với nhau một cuộc ngừng bắn và một thỏa ước chính trị. Việt Minh từ chối không chịu bỏ dự án tổng tuyển cử đã chuẩn bị cho ngày 23/12. Nhưng Việt Minh nhận thành lập ngay tức thời một "chính phủ thống nhất quốc gia" và đề xuất nghiên cứu một đường lối chính trị chung và một quân đội chung. Giải pháp này vẫn chưa thỏa mãn được phe chống đối: họ đòi hoãn cuộc bỏ phiếu vô thời hạn. Được tin biết một vụ bạo động đang được chuẩn bị chống lại mình, Việt Minh quyết tâm chiến đấu, vận chuyển về nông thôn các tài liệu lưu trữ của mình và chuẩn bị phát động chiến tranh du kích, dự liệu cả một chiến lược tiêu thổ kháng chiến.

• Một cuộc tiếp xúc mới

Chính trong hoàn cảnh đó, Việt Minh đã chủ động tiếp xúc một lần nữa với người Pháp. Ngày 01/12, ông Hồ Chí Minh, ông Giám, và ông Giáp bí mật gặp Sainteny, Pignon và Caput^[34]. Vấn đề đặt ra là nước Pháp đồng ý thừa nhận hay không nền độc lập của Việt Nam. Chính phủ cách mạng Việt Nam không muốn đoạn tuyệt với Pháp mà họ còn mong có sự giúp đỡ. Ông Hồ còn nói ông mong muốn sẽ sớm được gặp đô đốc d'Argenlieu. Hai bên hẹn sẽ gặp lại nhau, sẽ dự

thảo một đề án hiệp định mà hai bên sẽ cùng thảo luận. Ngày 04, ông Giám nhấn mạnh về sự cần thiết phải đưa cuộc đàm phán đến hiệu quả thực tế vì Trung Quốc đang đe dọa dồn dập và bí mật khó mà giữ kín lâu được, do chính phủ đang bị kiểm soát chặt chẽ. Trên thực tế, khó lòng bố trí được một cuộc tiếp xúc chính thức giữa ông Hồ Chí Minh và d'Argenlieu. Ngày 07/12, phía Pháp trao cho phía Việt Nam một bản dự án. Người Pháp nói họ sẵn sàng "trao cho dân tộc Việt Nam một nền độc lập tương hợp với Việt Nam một mặt có chân trong Liên bang Đông Dương mặt khác vẫn nằm trong Liên hiệp Pháp". Chính phủ cách mạng Việt Nam nói rằng "Những giải pháp đưa ra phải vừa đáp ứng nguyện vọng độc lập chính đáng của dân tộc Việt Nam vừa thừa nhận những quyền cũng như những lợi ích chính đáng của nước Pháp".

Tóm lại, sẵn sàng thừa nhận một nền độc lập thực tế nào đó chứ không phải là đồng ý một cách tổng quát. Pignon không giấu giếm rằng, nếu Chính phủ cách mạng Việt Nam không cố gắng lên chút ít, một cách nghiêm túc, để xích quan điểm hai bên lại gần nhau hơn, thì những cuộc đàm phán nhất định sẽ thất bại. Nhưng ông Giám thì nói rằng: vấn đề cơ bản là "mở" những cuộc đàm phán, và công bố cho mọi người, chẳng hạn bằng một lời tuyên bố của Cao ủy thông báo rằng ông có ý định tìm một giải pháp hòa bình và mong muốn nối lại những quan hệ hữu nghị truyền thống với dân tộc Việt Nam, bằng cách đề nghị mở ngay những cuộc hội đàm trên cơ sở nền độc lập dân tộc. Hà Nội sẽ trả lời ngay tức khắc. Pignon đáp lại: Sài Gòn không thể cam kết khi không có gì làm bảo đảm và cần phải có sự thỏa thuận của Paris trước. Ông Giám thú nhận rằng Chính phủ cách mạng Việt Nam đang sợ một vụ bạo lực từ phía đối lập và quân đội Trung Quốc, rằng muốn tránh vụ bạo lực thì lại phải có những nhượng bộ mới nữa; nhưng ông muốn biết trong trường hợp đó ông có thể tin cậy vào sự ủng hộ của Pháp hay không? Pignon vẫn lẩn tránh câu trả lời, nên ngày 09/12 ông Giám báo cho Pignon biết cuộc đàm phán không thể tiếp tục, tuy nhiên ông vẫn hy vọng có thể đi đến một thỏa hiệp với Pháp miễn có ghi nhận "nguyên lý độc lập". Lúc này tiếng đồn "đang có những cuộc đàm phán với Pháp" được lan truyền ra tại Hà Nội làm cho mọi người ai ai cũng đều vui mừng, dĩ nhiên trừ những kẻ đối lập. Kể từ ngày 08/12, Caput đã gửi thư cho đô đốc d'Argenlieu trình bày rằng chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh và Việt Minh là có đủ tư cách đại diện cho dân tộc Việt Nam; rằng "họ vẫn là những người có đủ khả năng hơn cả để lôi cuốn được mọi người theo một hiệp định Pháp - Việt"; vậy Pháp sẽ có lợi nếu "giúp" Chính phủ cách mạng Việt Nam chống lại phe phái đối lập và quân Trung Quốc - "là những kẻ thù chung của chúng ta". Những cuộc điều đình có thể nhanh chóng đi đến kết quả - Caput nói - với điều kiện là Pháp chấp nhận "nguyên lý độc lập" - Bằng không, Hà Nội sẽ quay trở lại với Trung Quốc, vì người Việt Nam mong muốn có "độc lập từ tay Pháp", nhưng nếu không thể như vậy được thì họ sẽ nhận độc lập từ tay Trung Quốc đã, sau đó có thể nào sẽ liệu.

Về phía mình, Pignon cũng gửi báo cáo cho ông đô đốc.

"Liệu người ta có nên mong cho Việt Minh bị lật đổ dưới sức ép của quân Trung Quốc và sự phân tán của các đảng phái đối lập? Câu hỏi dường như không mang sẵn một câu trả lời chắc chắn. Có điều không ai nghi ngờ nữa là Việt Minh bao gồm những nhân vật nổi bật nhất và vô tư nhất, và như vậy, có thể coi như những nhân vật nguy hiểm nhất nhưng cũng là những kẻ kiên định nhất, do đó, đối với chúng ta, có khả năng sẽ tôn trọng những lời cam kết của họ hơn cả.

"Không ai chối cãi được rằng cái tính cách chân chính duy nhất là tính cách ông Hồ Chí Minh. Một giải pháp cho ông Hồ đưa ra và đi đúng hướng dư luận quần chúng thì chắc chắn được quần chúng chấp nhận ngay. Không một lãnh tụ của một đảng phái nào có khả năng làm như vậy.

"Nhưng điều cần ghi nhớ luôn luôn và mặc dù rất quan trọng, vấn đề Việt Nam vẫn là thứ yếu mà vấn đề Trung Quốc vẫn là vấn đề chủ yếu. Chính là tùy thuộc những giải pháp áp dụng cho vấn đề Trung Quốc mà chúng ta sẽ tìm ra giải pháp cho vấn đề Việt Nam"...

• Con bài Trung Quốc

Không khí căng thẳng ở Hà Nội giảm bớt xuống với việc hôm 06/12, Ngân hàng Đông Dương lại mở cửa và Sài Gòn chấp nhận phương thức chuyển đổi những tờ giấy bạc năm trăm đồng. Sự kiện này sẽ là cơ hội tốt chủ yếu cho người Hoa thực hiện những vụ buôn tiền rất có lãi.

Nhưng ngày 09/12, d'Argenlieu nhận của đại sứ Pháp tại Trung Quốc, Pechkoff gửi, một bức điện báo tin rằng thống chế Tưởng vừa tuyên bố: Trung Quốc sắp sửa rút quân khỏi Bắc Đông Dương. Ông đô đốc rút ra một kết luận là vấn đề Trung Quốc sắp sửa giải quyết xong rồi và không nên cam kết gì với người Việt Nam cả. Sẽ xem xét sau cần phải làm gì đối với người Việt Nam một khi Pháp trở lại miền Bắc Đông Dương bằng quân sự.

Trong lúc tiếp Pignon tại Sài Gòn ngày 16/12, ông đô đốc có nói với Pignon rằng bản dự án ngày 07/12 đã tóm tắt nội dung tư tưởng của ông. "Xuất phát quan điểm của chúng ta... là bản tuyên bố ngày 24/3. Nội dung sứ mệnh của tôi trước tiên là thiết lập lại chủ quyền của Pháp dưới hình thức một Liên bang (đổi mới) của năm nước thành viên, mỗi nước gia nhập một cách hoàn toàn tự nguyện vào Liên hiệp Pháp". D'Argenlieu đồng ý về một "chế độ tự trị nhưng là trong giới hạn cụ thể của Liên bang và Liên hiệp đặt ra". Nước Pháp điều đình với Trung Quốc, và trong lúc này, đó là vấn đề quan trọng hơn hết.

"Ở Bắc Bộ, tôi nghĩ rằng về phần chúng ta, trước khi quyết định về tương lai, nên khôn ngoan xem xét kết quả của cuộc tổng tuyển cử tiến hành vào ngày 23/12"... Pignon cho Việt Minh sẽ thắng lợi, nhất là ông Hồ Chí Minh. Nhưng ông đô đốc thì giữ ý kiến là không nên hấp tấp, vì các đảng phái khác của Việt Nam sẽ bộc lộ lực lượng của họ. Hơn nữa, tình hình đang sáng sủa ra: Leclerc bình định miền Nam; quân đội Anh sắp sửa rút và quân Trung Quốc thì loan báo việc họ sắp đi. D'Argenlieu kết luận rằng Sainteny cần giữ mối tiếp xúc với Chính phủ cách mạng Việt Nam và với các đảng phái Việt Nam. Bản thân ông đô đốc cũng sẵn sàng gặp ông Hồ Chí Minh và yêu cầu bố trí cho ông hội kiến bí mật và chớp nhoáng với ông Hồ Chí Minh khoảng ngày 23 - 25 tháng 12, trên chiếc chiến hạm "Richelieu" sẽ đến đậu trước cửa Đồ Sơn gần Hải Phòng.

Pignon trở về Hà Nội ngày 20/12. Đề nghị đã được chuyển tới ông Hồ. "Chính phủ cách mạng Việt Nam vội vàng nhận lời mời", tuy nhiên, cũng đặt ra điều kiện là ít nhất phải bảo đảm được một kết quả tích cực trong cuộc gặp gỡ ấy. Chính phủ cách mạng Việt Nam cũng lưu ý đề phòng một sự phản đối của Trung Quốc chắc chắn sẽ xảy ra. Dự kiến ấy đành phải bỏ.

Dù thế nào chăng nữa, cái điều kiện quan trọng nhất đối với d'Argenlieu cũng như với Leclerc giờ đây là làm sao có được càng sớm càng hay sự đồng ý của Trung Quốc cho quân đổ bộ vào Bắc Kỳ khoảng cuối tháng 2 đầu tháng 3. Vì lý do đó mà tướng Salan được phái lên phương Bắc và ít lâu nữa sẽ tới Trùng Khánh.

Tuy vậy, cái tin Trung Hoa sắp sửa rút nay mai làm cho Hà Nội có những quyết định dồn dập. Đối với phe đối lập và bạn hữu của họ, họ muốn thôn tính ngay lập tức Việt Minh đi và thành lập một chính phủ thân Trung Quốc có khả năng chống lại Pháp. Trước áp lực của phe kinh địch của mình, Việt Minh nhận định, ngày 19/12, chấp nhận tại chỗ nào còn có thể, hoãn ngày tổng tuyển cử 23/12 đến ngày 06/01/1946 - họ nói vậy - để phe đối kháng có thời giờ để cử người của họ.

Ngày 22/12, một mệnh lệnh của Chính phủ trung ương Trung Quốc chỉ thị cho Bộ tham mưu Hà Nội phải tránh mọi hành vi bạo lực và giải quyết vấn đề ngay lập tức bằng những biện pháp chính trị. Lý do được viện đến: Tại Trung Quốc, cuộc xung đột giữa quốc dân đảng và cộng sản đảng ngày càng quyết liệt; những vụ lộn xộn ở Bắc Bộ sẽ tạo nên một mối nguy cơ lớn, vì người Pháp có thể lợi dụng tình thế để đổ bộ quân lên, và quân đội Trung Quốc hiện nay chưa có thể nào gửi viện trợ qua Bắc Bộ được. Sau nữa, người ta đang chờ đón một phái đoàn Nga tại Hà Nội, và Trùng Khánh không muốn làm căng thẳng mối quan hệ của nó với Liên Xô, khi mà quân Nga vẫn còn chiếm đóng Mãn Châu.

Ngày từ ngày 22, đại bản doanh Trung Quốc yêu cầu Nguyễn Hải Thần thỏa thuận khẩn trương với ông Hồ Chí Minh. Những cuộc thảo luận ngày 23 và 24 đã dẫn đến, tối ngày 24, một sự thỏa thuận giữa ông Hồ Chí Minh (Việt Minh), Nguyễn Hải Thần (Đồng Minh Hội) và Vũ Hồng Khanh (Việt Nam Quốc dân Đảng). Ba bên đã quyết định thành lập ngay một chính phủ đoàn kết dân tộc (các bộ sẽ được phân chia cho các đảng) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Nguyễn Hải Thần làm phó chủ tịch. Chính phủ này sẽ chính thức thực thi nhiệm vụ vào ngày 01/01/1946 và sẽ nghiên cứu không chậm trễ Pháp những điều khoản sẽ tức thời được ký kết với Trung Quốc, chữ ký của chính phủ mới là điều kiện tiên quyết cho mọi sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam. Chính phủ này sẽ là một chính phủ lâm thời. Chính phủ chính thức sẽ thành lập sau tổng tuyển cử, sau khi quốc hội, do tổng tuyển cử bầu ra, khai mạc. Trong quốc hội ấy, căn cứ tình hình thực tế, sẽ có 70 ghế bảo đảm dành cho phe đối lập; đáp lại, phe đối lập hứa hẹn sẽ không tẩy chay hoặc chống phá cuộc bỏ phiếu.

Ông Hồ Chí Minh và Việt Minh đã nhất thời cứu vãn được lập trường của họ; nhưng từ đây họ bị ràng buộc vào chiếc xe Trung Quốc và đi vào quỹ đạo kinh tế, chính trị của Trung Quốc và Mỹ. Chúng ta nên nhớ rằng lúc này, tại Trung Quốc, tướng Marshall đang bắt tay thực hiện những bước đầu sức mệnh làm trung gian của Mỹ.

Trong tình hình đó, phái đoàn Xô Viết (hầu hết các cơ quan của Pháp đều sẽ không biết đến sự tồn tại của phái đoàn này) đến Hà Nội làm hai đợt, đợt đầu ngày 20 và đợt hai ngày 23/12. Tại sân bay, họ được người Trung Quốc, Anh và Việt Nam đón tiếp, nhưng họ chỉ làm việc với một mình Chính phủ cách mạng Việt Nam, và quan hệ của họ với Việt Nam có chiều “rất thân mật”. Người Nga đã nói gì với người Việt Nam? Hình như họ bảo cho Việt Nam biết để đề phòng nguy cơ bị rơi vào quỹ đạo của một đảng quốc dân (Trung Quốc) thân Mỹ. Vì trước mắt, Liên Xô chưa làm gì được cho Việt Nam, nên Việt Nam cần phải nằm trong quỹ đạo của Pháp. Làm sao thực hiện được “bước ngoặt” ấy sau bao nhiêu công sức tuyên truyền chống Pháp? Lời khuyên của phái đoàn Xô Viết sẽ làm cho bước ngoặt đó được những phần tử “cứng rắn” của Việt Minh chấp nhận. Từ đây, không được biểu thị một thái độ chống Pháp có tính hệ thống nữa, mà tìm cách phân biệt, theo phương pháp biện chứng, giữa các người Pháp. Nước Pháp đang có chiều hướng chuyển sang tả. Đảng Cộng sản Pháp ngày càng mạnh hơn lên và De Gaulle sắp sửa thôi chức. Phái dựa vào Pháp để chống lại những phần tử phản động Trung Quốc và Mỹ.

Ngày từ ngày 30/12, Hà Nội công bố một bản thông cáo rất có ý nghĩa:

“Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ hân hạnh được hội đàm với đại diện của nước Pháp; nhưng như vị chủ tịch của chính phủ đã tuyên bố, nếu Chính phủ Pháp muốn trao đổi ý kiến với chúng tôi thì phải thừa nhận nền độc lập của Việt Nam như một thực tế đã có”.

Trong một bản báo cáo đề ngày 24/1/1946, Pignon báo cáo cho Sài Gòn biết rằng Chính phủ cách mạng Việt Nam, qua nhiều trung gian khác nhau:

“Đã bắt đầu, từ cuối tháng 12, có một sự diễn biến thuận lợi cho nước Pháp. Sự diễn biến này có thể coi như một biểu hiện của nguyện vọng cùng nước Pháp nối lại những cuộc điều đình đã bị gián đoạn”...

“Phải đương đầu với một tình hình chính trị, hành chánh kinh tế và tài chính thảm hại, ông Hồ Chí Minh kêu gọi truyền thống tự do và nhân đạo của nước Pháp và lợi dụng những tình cảm đó để lại hướng trở về với nước Pháp và chờ nhận được ở Pháp một sự giúp đỡ tối đa...”

“Vì lẽ ấy mà ít hôm sau ngày 23/12 - ngày đạt được sự thỏa thuận với các đảng thân Trung Quốc sự tuyên truyền của Chính phủ cách mạng Việt Nam đổi giọng, đoạn bắt đầu thêm một chủ đề mới sau đây: cần phải có sự phân biệt về người Pháp, giữa một bên là những người Pháp thực dân và đế quốc còn một bên là những Pháp kiều và những người Pháp lưu vong. Đối với hạng thứ nhất, Việt Nam phải tiếp tục chiến đấu đến cùng, còn đối với hạng thứ hai thì người Việt Nam phải tỏ ra khoan hòa”...

• De Gaulle: “Chúng ta là những kẻ mạnh nhất”

Dù sao thì đô đốc d’Argenlieu tự cho mình đã nắm đủ bằng cứ để có thể, ngay từ ngày 28 tháng 12, gửi cho tướng De Gaulle một “bản tin về các đảng phái Việt Nam” (trong đó ông ta không nói đến bản thỏa hiệp ký kết ngày 23/12 giữa ông Hồ Chí Minh với các đối thủ của ông).

Trong bản tin đó, người ta đọc được như sau:

“1. Chúng ta không thể tìm được một mảnh đất thỏa hiệp giữa Cao ủy với lãnh tụ các đảng lớn của Việt Nam (Hà Nội) nếu không căn cứ vào đường lối chính trị của Trung Quốc... Cái trục xoay của đường lối chính trị ấy - mà chúng ta đã chứng kiến hậu quả tại Đông Dương - là cuộc đấu tranh của chính phủ trung ương Trùng Khánh chống đảng cộng sản”.

Và ông đô đốc nhấn mạnh rằng chính vì lý do ấy mà Bộ chỉ huy quân đội Trung Quốc tại Hà Nội.

“1. Nghi ngờ Việt Minh vì nguồn gốc và những mối liên hệ cộng sản của nó, và thúc ép ủng hộ các đảng phái căn bản thân Trung Quốc là những đảng bài ngoại quyết liệt và chống lại Việt Minh. Trung Quốc có đủ lực lượng tại chỗ.

“2. Chính phủ Cách mạng Việt Nam với lãnh tụ là ông Hồ Chí Minh không mong gì cái việc cắt đứt quan hệ với Chính phủ Cộng hòa (Pháp). Chính phủ cách mạng Việt Nam biết rõ rằng mỗi cảm tình tích cực của một số nhân viên Hoa Kỳ cũng sẽ không đi tới mức độ khiến Hoa Kỳ gửi lực lượng vũ trang tới Đông Dương đâu. Chính phủ đó có tính chất chống Trung Quốc nhưng chưa đến nỗi bài ngoại. Mặc dù họ đã kích mạnh mẽ những người Pháp thực dân đế quốc (lập trường độc đoán của đảng), họ vẫn giữ những mối liên hệ sâu sắc với Pháp. Họ thú nhận trong những cuộc hội đàm không chính thức rằng, để tồn tại, họ cần có sự nâng đỡ của một cường quốc và xét cho cùng thì họ thấy nước Pháp xứng đáng nhất với vai trò cường quốc đó.

“3. Sau nữa, Chính phủ Cách mạng Việt Nam chắc chắn mong muốn tránh một hành động quân sự mãnh liệt và đi đến một hiệp định với nước Pháp mà giờ đây - tôi nói: giờ đây - đã bắt đầu được nhìn bằng một con mắt thiện cảm của một phần nhân dân Bắc Bộ. Do đó mà họ đang tăng cường những cuộc tiếp xúc với người của chúng ta. Nhưng các thành viên của Chính phủ cách mạng Việt Nam đang bị theo dõi sát sao bởi những phần tử cực đoan và những phần tử đối lập. Họ buộc phải hành động giấu giếm. Đó là lý do vì sao trước đây và ngay trong hiện tại vẫn cần giữ hoàn toàn bí mật những quan hệ của họ với các đại diện của Chính phủ Pháp...

“4. Có một chữ “nhưng” khác nhấn mạnh về điều cản trở chúng ta trên con đường tiến tới một thỏa thuận:

“Nếu như, theo bản tính người châu Á, để khỏi mất thể diện, các lãnh tụ Việt Minh sẵn sàng chấp nhận một tạm ước với người Pháp, thì mặt khác họ càng thấy không thể nào bỏ qua được chữ “độc lập”... Chữ “độc lập” mang một ý nghĩa rất rõ ràng - người ta tuyên bố vậy - cái nghĩa đó là “làm chủ tại nhà mình”...

“Dĩ nhiên sẽ rất có lợi cho chúng ta về bình diện quốc gia cũng như quốc tế nếu ký được một hiệp nghị hoặc một cuộc ngưng chiến với các đảng phái chống đối chúng ta tại Bắc Bộ hoặc với đảng mạnh nhất chống lại các đảng phái đối lập bởi vì các đảng phái này chống nhau một cách trắng trợn vô liêm sỉ lắm...

“Nếu khi quân đội ta đến Bắc Bộ mà xảy ra một cuộc xung đột vũ trang đẫm máu nghiêm trọng thì sẽ mang lại một hiệu quả tai hại đối với dư luận nhân dân thế giới và ngay cả đối với dư luận nhân dân Pháp, tôi đoán trước như vậy.

“Để thoát ra khỏi mê cung này một cách xứng đáng, để kết thúc một cách có danh dự những cuộc thương nghị dài dòng, hoặc chúng ta phải tìm ra một công thức mới mẻ, hoặc chúng ta phải tạo ra sự kiện mới để cùng với cái bốc do sự kiện mới gây ra mà tạo nên một sự hòa hoãn bên trong thì sẽ làm dễ dàng cho việc ký kết một tạm ước hay một cuộc ngưng chiến và bên ngoài thì sẽ xoa dịu dư luận quần chúng”.

D’Argenlieu kể ra một vài công thức, ví dụ: “độc lập trong lòng Liên bang Đông Dương”, “độc lập trong lòng Liên hiệp Pháp”, “độc lập tương hợp với sự duy trì Liên bang Đông Dương một bên và Liên hiệp Pháp một bên”, “tự trị trong Liên bang Đông Dương mà Đông Dương lại hưởng nền độc lập rộng rãi nhất trong Liên hiệp Pháp”; và ông tự hỏi: “Liệu những từ ngữ như vậy có bị tiên thiên bác bỏ bởi Chính phủ Pháp hay không?” và ông nói thêm ngay: “Ta hãy nhấn mạnh rằng: không một công thức nào trong các công thức trên đây, dù gần dù xa, có dính dáng gì tới cái thuyết về nước Việt Nam vĩ đại cả”. Ông ta nói tiếp:

“Sự chống đối của nhiều người và không phải là những người bé nhỏ nhất – là: một khi chữ “độc lập” đã buông ra rồi, thì những kẻ ủng hộ sẽ lợi dụng ngay tức khắc bằng cách giả vờ không biết những giới hạn đã được ghi nhận rõ ràng. Chúng ta có thể bác bỏ lập luận này rằng: “Hãy coi chừng, cái cử chỉ bộc lộ quá muộn màng thì như vậy có vẻ không chân thực, không tự nguyện và như vậy các người sẽ mất đi bao nhiêu cái lợi đấy”.

Còn về “sự việc mới, thì đó có thể là sự xuất hiện trên chính trường của một nhân vật Việt Nam có khả năng thay thế cho lãnh tụ Việt Minh mà không làm mất uy tín của Việt Minh - lúc đó đã bị mất tín nhiệm - và, ngoài cái đạo quân cổ điển ô hợp gồm những tên bất mãn, tham lam và ti tiện còn lôi cuốn cả một nhóm, tuy ít mà rất cơ động, những nhân vật lỗi lạc và cuồng tín”. Ông ta không muốn “nhắc đến tên tuổi một ai” (vì lộ một chút xiu bí mật là có thể làm cho mưu đồ này thất bại)[\[35\]](#).

Ông đô đốc gửi kèm theo bản “thông báo tin tức” ấy một bức ủy nhiệm thư gửi cho De Gaulle đề ngày 2/1/1946 trong đó ông ta vừa báo tin rằng có thể ông tạt về Paris vào cuối tháng 1, vừa nhấn mạnh:

“1. Đọc xong bản tin tôi gửi cho Ngài, Ngài sẽ thấy rằng chúng ta đang đi đến một bước ngoặt quan trọng: hoặc những cố gắng kết hợp của chúng ta bên cạnh Bộ chỉ huy quân đội Trung Quốc tại Trùng Khánh và tại Hà Nội và bên cạnh các lãnh tụ Việt Nam tại Bắc Kỳ cho phép chúng ta thay thế quân đội Trung Quốc mà không có vấp vấp gì đáng kể, hoặc chúng ta sẽ phải dùng vũ lực để đưa quân chúng ta vào...

“2. Tôi dự đoán rằng ý định đi thăm Đông Dương của Ngài vẫn nằm trong kế hoạch những công việc Ngài phải quan tâm. Ngài biết chúng tôi sẽ đón tiếp Ngài với một tấm lòng như thế nào. Tuy nhiên, tôi thấy cũng cần lưu ý Ngài rằng một vị Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp đến Đông Dương mà không có một cuộc đón tiếp chính thức tại Hà Nội thì không nên. Hà Nội là trung tâm thực thi chủ quyền của chúng ta. Nếu như người ta có thể hy vọng, chúng ta lại trở về đặt nhiệm sở chúng ta vào cuối tháng 2 tại Hà Nội, thì cái thời điểm thuận lợi nhất cho chuyến đi thăm của Ngài là trong khoảng tháng tư....

Bức thư và bản tin được giao cho thiếu tá Mus[\[36\]](#) (rời Sài Gòn đi Paris ngày 3/1). Mus phải đưa tận tay cho De Gaulle, nhưng có bản sao gửi cho Soustelle, Bidault và Michelet. Nhưng trước khi Mus đến Paris thì ở Sài Gòn ngày 5/1, người ta được tin ông hoàng Vĩnh San bị thiệt mạng ngày 28/12 trong một tai nạn máy bay tại AEF (Châu Phi xích đạo thuộc Pháp) (Oubanghi – Chari) trên đường bay về đảo Réunion. D’Argenlieu sẽ ghi: “Sự việc mới vậy là tan tành mây khói, như một giấc mơ”.

Cuối cùng, Mus đã trao tài liệu cho De Gaulle[\[37\]](#), đang rất buồn phiền vì cái chết của Vĩnh San. Sau này, ông ta kể lại rằng sau khi đã xem các tài liệu ông mang đến, “De Gaulle đã đứng thẳng người lên và tuyên bố giọng rất quả quyết:

Chúng ta sẽ trở lại Đông Dương, vì chúng ta là những kẻ mạnh nhất”.

- Cuộc chia bài mới tại Bắc Bộ

1. Những ngày đầu tháng 1/1946 đánh dấu một bước ngoặt tại Bắc Bộ.

Ngày 1/1, “Chính phủ Liên hiệp dân tộc lâm thời” bắt đầu nhậm chức. Việt Minh sắp sửa phải đối phó với những bộ trưởng mới và cộng tác viên của họ.

Ngày 6/1, cuộc tổng tuyển cử được tiến hành không có chuyện gì nghiêm trọng xảy ra trên toàn bộ lãnh thổ do Chính phủ cách mạng Việt Nam kiểm soát. Dĩ nhiên, các ứng cử viên của Việt Minh đã giành được thắng lợi áp đảo khắp mọi nơi: ông Hồ Chí Minh được 98% số phiếu tại Hà Nội, ông Giáp được 97% số phiếu tại Vinh, Bảo Đại được 90% số phiếu tại Thanh Hóa, v.v... Như người ta có thể đoán trước, Việt Minh sẽ chiếm đa số trong Quốc hội sắp tới. Các đảng phái khác cũng được tham gia nhờ số 70 ghế giành riêng cho họ không phải bầu; nhưng Việt Minh đã có “tính chất hợp pháp dân chủ” của họ.

Trước triển vọng này, và nhất là trước triển vọng một sự xích lại gần nhau giữa Việt Minh với người Pháp, phe đối lập giận điên lên. Do đó hàng loạt những vụ ám hại người Pháp xảy ra, mà đỉnh cao là vụ ám sát ông Baylin, giám đốc địa phương của Ngân hàng Đông Dương, ngày 9/1, do hai tên khủng bố. (Khi bị bắt hai tên này tự khai là “dân buôn” bị tước đoạt). Tiếp đó, ngày 10, 11 và 12/1 nhiều vụ bạo lực ác liệt tiếp tục xảy ra do những phần tử “ngoài vòng kiểm soát”, “tự trị” vừa người Hoa vừa người Việt gây ra. Sự an ninh của người Pháp tại Hà Nội bị đe dọa nghiêm trọng, vì cảnh sát Trung Quốc tỏ ra chẳng có khả năng cũng chẳng nhiệt tình gì trong vấn đề lập lại trật tự. Nhưng trong lúc những biến cố này xảy ra, người ta nhận thấy các nhà đương cục Việt Minh có một thái độ rất ôn hòa đúng mức; phần lớn quần chúng nhân dân Việt Nam cũng có thái độ như vậy. Tại nơi ở của Sainteny, người ta có nêu lên:

“Sau những vụ người Hoa tấn công người Pháp, chính phủ đã thay đổi thái độ đối với người Pháp. Nhân viên cảnh sát thành phố đã nhiều lần can thiệp để giải tỏa và bảo vệ cho họ. Những người đi xe đạp và lái ô tô đi lại các ngã đường yêu cầu quần chúng giải tán đi và để cho người Pháp được yên ổn.

Sự bất an của người Pháp ở Hà Nội từ đây được Sài Gòn quan tâm. Do đó mà có sự phản đối mãnh liệt đối với các nhà chức trách Trung Quốc - những nhà chức trách này bảo đảm một cách cụ thể rằng những chuyện bất trắc ấy sẽ không còn xảy ra nữa và họ sẽ thi hành những biện pháp nghiêm khắc để bảo vệ trật tự an ninh. Về phía người Pháp, tại Sài Gòn, Leclerc cho chuẩn bị “một cuộc can thiệp tức khắc” (của lực lượng com măng đô nhảy dù) nhằm cứu người Pháp tại miền Bắc Đông Dương trong trường hợp cấp bách. Đồng thời ông ta báo cho tướng Juin ở Paris yêu cầu Juin xúc tiến ngay với Trùng Khánh để có một quyết định cứng rắn về việc quân đội Pháp thay chân quân đội Trung Quốc tại Bắc Bộ. Leclerc cho Juin biết rằng tướng Valluy, tư lệnh sư đoàn thứ 9 DIC (sư đoàn Đông Dương) đã được ông đô đốc phái qua Paris nhằm cùng với chính phủ nghiên cứu những việc chuẩn bị quân sự và ngoại giao cho cuộc đổ bộ. Mặt khác, gửi thư cho Salan cũng đang điều đình về vấn đề này tại Trùng Khánh, Leclerc yêu cầu Salan tìm cách thuyết phục Trùng Khánh đồng ý cho người Pháp ở Hà Nội được tái vũ trang để đảm bảo an ninh thành phố. Về điểm này, Salan sẽ vấp phải một sự từ chối rất lịch sự nhưng mà kiên quyết. Người Trung Quốc (và Việt Nam) sợ rằng một khi được tái vũ trang rồi, người Pháp ở Hà Nội cũng sẽ lại “tái bản” một “vụ Sài Gòn”, sẽ tìm cách bắt Chính phủ Việt Minh và gây nên một vụ đảo lộn và một cuộc đối đầu mới nữa. Người Trung Quốc biết rõ rằng Chính phủ cách mạng Việt Nam sẽ chống đối quyết liệt. Leclerc, cũng như Sainteny, nghi ngờ các nhà đương cục Trung Quốc muốn gây không khí căng thẳng “hoặc nhằm bắt buộc chúng ta phải điều đình, hoặc nhằm tạo ra những biến cố nghiêm trọng biện hộ cho sự chiếm đóng của Trung Quốc đối với miền Bắc Đông Dương”.

Nhưng Sainteny dường như có nhận thấy rằng d'Argenlieu quá tin vào lực lượng quân sự của Pháp, không loại trừ một hành động bạo lực trong trường hợp Trung Quốc không sẵn sàng để cho Pháp thế chân như đã dự tính. Ông ta sẽ kín đáo bảo cho ông đô đốc biết mà đề phòng bằng cách làm cho ông đô đốc lóa mắt trước một triển vọng khác. Trong một công hàm khoảng giữa tháng 1, Sainteny thấy cần khẳng định rằng “Bắc Kỳ trở lại dưới chủ quyền của Pháp chỉ có thể thực hiện được với sự đồng ý của Trung Quốc”, vì Trung Quốc giờ đây “đang thực sự là người làm chủ tuyệt đối tình hình”.

“... Trung Quốc sẽ phản đối bất cứ một sự tiếp cận Pháp - Việt nào không được họ chuẩn y và không thực hiện qua trung gian của họ.

“Ngược lại Trung Quốc sẽ sẵn sàng làm người môi giới cho một hiệp định trong đó họ được nhiều cái lợi.

“Chỉ duy nhất một cuộc can thiệp vũ trang được tiến hành với những vũ khí cực kỳ có hiệu lực mới có thể miễn cho chúng ta sự trung gian đó. Thực ra thì chưa có bằng chứng nào khẳng định rằng chúng ta đã có những phương tiện ấy và càng ít hơn nữa rằng chúng ta đã quyết định chấp nhận những nguy cơ mà việc sử dụng những phương tiện ấy sẽ mang lại không thể nào tránh khỏi.

“Cứ cho rằng chúng ta mạo hiểm làm việc ấy đi, liệu có chắc chúng ta sẽ tổn kém ít hơn cuộc mặc cả mà Trung Quốc đang đẩy chúng ta vào?

“Sau nữa không nên tự giấu mình rằng dù cho Trung Quốc có lùi chân trước một cuộc xung đột vũ trang với nước Pháp, thì những đơn vị quân bất thường của họ sẽ dành mọi sự ủng hộ cho các lực lượng cách mạng Việt Nam, qua vùng biên giới mà ai cũng biết là rất dễ dàng xâm nhập.

“Như vậy có nghĩa là, nếu người ta cố khôi phục chủ quyền của Pháp tại Bắc Kỳ bằng sức mạnh của vũ khí thì chúng ta phải sẵn sàng đương đầu với một cuộc xung đột quy mô rất to lớn.

“Trái lại, nếu chúng ta quyết định sẽ sử dụng đường lối hoạt động ngoại giao thì xem ra những cuộc điều đình kinh tế được chỉ đạo một cách khôn khéo có thể:

“1. Trả lại Bắc Kỳ cho chúng ta mà không phải đổ máu; 2. và nhanh chóng hơn là bằng vũ lực; 3. cho phép chúng ta ngay từ bây giờ khai thác trở lại một cách có lợi một đất nước đang mỗi ngày mỗi trượt nhanh vào tình trạng tuyệt đối vô chính phủ; 4. thực hiện một bước đầu xích gần lại với Trung Quốc và chủ yếu với các tỉnh Tây - Nam mà hậu quả và triển vọng có thể vô cùng to lớn.

“Chính cái điểm cuối cùng này phải làm mục tiêu cho toàn bộ những cuộc điều đình sắp sửa mở ra...

“... Thị trường Trung Quốc sẽ không phải là một thị trường độc chiếm của Mỹ như cách đây vài tháng người ta từng lo sợ...

“Dù chúng ta có bắt buộc phải từ bỏ hoặc nhượng bộ gì đi chăng nữa, thì vấn đề Bắc Kỳ cũng không được coi như là một thất bại mà là một dịp bất ngờ không những để nối lại quan hệ kinh tế với Trung Quốc mà còn phát triển những quan hệ đó lên tới những mức độ có thể phong phú vô cùng.

“Bắc Kỳ giờ đây là và về sau sẽ là sợi dây tối cần thiết nối liền vùng Tây - Nam Trung Quốc với thế giới. Sợi dây nối đó dù có trả bằng giá nào đi nữa, chúng ta vẫn cứ phải làm chủ.

“Chính là để theo đuổi mục đích đó, chứ không phải chỉ vì cái ý muốn duy nhất “giữ uy tín” trong giới hạn một lãnh thổ Bắc Kỳ, mà chúng ta phải tiến hành những cuộn đàm phán.

“Ván bài khó đánh, đúng vậy, nhưng khả năng và hy vọng thật là vô biên. Nếu biết nhìn bao quát và mạnh dạn, tôi tin chắc ván bài cứ phải đánh và sẽ thắng”.

Trong lúc đó, không khí hòa dịu giữa người Pháp và người Việt Nam được củng cố.

Ngay từ ngày 6/1, tức ngày tổng tuyển cử, ông Hồ Chí Minh, với những lời lẽ rõ ràng, trong sáng, đã nói rõ, cụ thể lập trường của Việt Nam với nhà báo Pháp P.M. Dessinges:

“Chúng tôi không hề thù ghét gì nước Pháp và nhân dân Pháp. Chúng tôi rất khâm phục họ và chúng tôi không muốn cắt đứt những mối quan hệ chặt chẽ nối liền hai dân tộc chúng ta. Nhưng chúng tôi yêu cầu nước Pháp đi bước đầu chân tình và cụ thể. Chúng tôi càng mong muốn như vậy nhất là khi chúng tôi thấy có nhiều nước tìm cách nhúng tay vào những công việc hoàn toàn nội bộ của chúng tôi. Hai dân tộc chúng ta không nên để các nước kia có dịp lên lớp đạo đức cho chúng ta. Chúng tôi muốn, chúng ta phải thu xếp giữa hai nước chúng ta với nhau. Nhưng ông nên biết rằng: Chúng tôi quyết tâm chiến đấu đến cùng, nếu người ta bắt buộc chúng tôi phải chiến đấu”.

Pignon báo tin là bắt đầu từ ngày 12/1, báo chí đã hạ giọng một cách rõ ràng đối với Pháp. Tờ nhật báo của Việt Minh - Cứu Quốc - nêu lên sự phân biệt giữa “những người Pháp tốt của nước Pháp” với những “người Pháp xấu của Nam Kỳ”, còn ông Hồ thì khuyên nên đối xử “quân tử” với những người Pháp ở Đông Dương.

Giữa tháng 1, một nhà lãnh đạo của MRP (phong trào Cộng hòa bình dân), Max André, cựu thống đốc Ngân hàng Pháp - Hoa, đến Đông Dương. Ông ta gặp ông Hồ tại Hà Nội ngày 16 và 21/1. Ông ta sẽ báo cáo lại với d'Argenlieu rằng theo ý ông ta thì “ông Hồ Chí Minh gần bó với cái vỏ bên ngoài ít hơn là với cái thực chất bên trong của từ “độc lập”, có nghĩa là với cái nội dung của quy chế mới về quan hệ Việt - Pháp. Điều mà ông ta mong muốn thiết tha nhất là một sự hợp tác bình đẳng với nhân dân Pháp. Tóm lại, ông Hồ mong muốn có một Chính phủ Việt Nam làm chủ đất nước của mình và một tổ chức hành chính, một nền kinh tế, một hệ thống tài chính, một quân đội và sau nữa một nền ngoại giao độc lập”. Theo Max André, vậy là đòi hỏi quá nhiều. Ngày 21/1, ông Hồ nhấn mạnh “để nước Pháp ra một bản tuyên bố trịnh trọng có lợi cho nền độc lập của Việt Nam, dĩ nhiên. Không có bản tuyên bố đó thì mọi cuộc đàm phán sẽ giảm bớt uy tín của ông Hồ trước con mắt nhân dân Việt Nam...”.

• Biến chuyển ở Paris và những triển vọng mới

Trong khi d'Argenlieu, điềm tĩnh, vẫn luôn luôn coi “yếu tố Việt Nam là thứ yếu so với yếu tố Trung Quốc” thì sáng ngày 21/1, ông ta được tin De Gaulle đã rời bỏ chính phủ. Ông ta rụng rời. Đây là một cú sốc mạnh đối với ông kể cả khi De Gaulle gửi cho ông một bức điện cá nhân bảo đảm sẽ giành cho ông một tình bạn thân thiết của mình và bảo ông “tiếp tục”, ông dõ dạc không sao giữ nổi xúc động và ông đã ghi trong nhật ký của mình: “Chính là quyền uy của quốc gia vừa mới hồi sinh đã ra đi. Với tôi, sự rút lui này không đánh dấu một cuộc khủng hoảng nội các mà là một sự biến hình của chế độ”.

Từ nay sẽ đi đến đâu? Ông sẽ không nhận được câu trả lời của Paris về bức công hàm ngày 28/12.

Ngày 24/1, chủ tịch Quốc hội Félix Gouin, một đảng viên đảng Xã hội được bầu làm “Chủ tịch chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa”. Gouin thành lập ngày 27 một chính phủ ba phái trong đó phong trào cộng hòa bình dân (MRP) với Bidault và Michelet, giữ bộ Ngoại giao và quân đội, nhưng Bộ pháp quốc Hải ngoại (bộ Thuộc địa cũ) lại về tay một đảng viên xã hội, Marius Moutet. Moutet ngay hôm 26, đảm bảo với d'Argenlieu vẫn tín nhiệm ông ta. Tất nhiên Langlade vẫn là Tổng thư ký của Ủy ban Liên bộ về Đông Dương (Cominindo); nhưng vì ông ta đã được De Gaulle cho thôi chức ngày 15/4 để trở về với công việc riêng tư, cho nên vấn đề

chưa chắc chắn.

Ủy ban Liên bộ về Đông Dương họp đúng vào ngày 26/1 với đại diện các bộ (chính phủ chưa được chính thức thành lập).

Ủy ban nghe tướng Valluy báo cáo về cuộc đổ bộ Bắc Kỳ và nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có ngay một quyết định vì hạn định rất cấp bách (cuối tháng 2 đầu tháng 3). Chiến dịch sẽ chứa đựng nhiều nguy hiểm. Nó phải được thực hiện với sự thỏa thuận của các nhà chức trách Trung Quốc, vì vậy cần phải xúc tiến ngay những cuộc điều đình, nhất là ở Trùng Khánh, cả ở Hà Nội nữa. Cần phải trả giá như thế nào đây để có được sự thỏa thuận ấy? Việc ấy sẽ do Chính phủ quyết định. Theo ý riêng ông, Valluy thảo ra một công hàm đề ngày 3/2, trong đó ông ta viết:

“... Chúng ta không nên tự giấu mình rằng chiến dịch này, về mặt kỹ thuật, sẽ khó khăn. Chúng ta ở trong tình thế phải tiến hành và chỉ đạo chiến dịch một cách rất khẩn trương. Nhưng nhất là đừng để cho nó xuất hiện dưới hình thức một hành động quân sự thuần túy, vì nó có thể:

— Sẽ đồng thời động chạm đến người Trung Quốc và người Việt Nam;

— Sẽ gây ra, trong một thời gian đầu, những vụ sát hại người Pháp tại Hà Nội và Hải Phòng (chưa kể ở Huế và Vinh);

— Sẽ “cầm cổ” một cách nặng nề cả tương lai công cuộc hợp tác của chúng ta với nhân dân Bắc Kỳ;

— Sẽ kéo dài bằng một cuộc chiến tranh du kích trường kỳ và khắc nghiệt mà, giả thiết dù quân chính quy Trung Quốc không công khai cầm súng chống lại chúng ta đi nữa thì những quân không chính quy của họ cũng sẽ tham gia vào tại vùng biên giới;

— Chắc chắn sẽ gây ra, trên bình diện nội địa cũng như trên bình diện quốc tế, những sự phản ứng không hay.

“Chiến dịch ấy bắt buộc phải che giấu.

“Chúng ta có thể có, nếu không phải là những cuộc hội đàm, thì ít nhất cũng là những cuộc tiếp xúc cá nhân với các nhà lãnh đạo Việt Nam nếu đó là ông Hồ Chí Minh và những nhân vật tiến bộ của Việt Minh nói chung, có tinh thần văn hóa Pháp.

“Ông Hồ Chí Minh, là người mà chúng ta có thể tiếp xúc. Giờ đây, ông Hồ đại diện cho toàn thể các đảng phái của Chính phủ Liên hiệp và không tin ở Trung Quốc. Những cuộc tiếp xúc bắt đầu và được duy trì với ông sẽ không tránh khỏi những cuộc chiến đấu với một số băng nhóm khác, nhưng sẽ ngăn chặn được khi chúng ta đến, lời kêu gọi đầu một cuộc chiến tranh thần thánh và sẽ cho phép chúng ta đóng quân tại những điểm cơ yếu từ đó mà tỏa dần ra để bình định cả nước...

“Quân Trung Quốc ở Bắc Kỳ tìm cách vừa bảo vệ lấy “xương sườn” của họ (đặc biệt chống lại cộng sản) vừa mưu đồ những mối lợi vật chất...

“Khẩu hiệu trước mắt của họ hình như là chấp nhận sự trở lại của quân Pháp với điều kiện là Pháp trả cho họ một số tiền bồi thường trước và cam kết sẽ làm việc tối đa cho quyền lợi của họ trong tương lai...

“Điều chúng ta phải tìm kiếm là tạo nên một không khí như thế nào đó, để khi quân ta vào một cách đột ngột sẽ không biến thành một tiếng sét giữa trời xanh... Có thể hy vọng rằng những quyền lợi kinh tế mà chúng ta sẵn sàng chấp nhận cho Trung Quốc để đổi lấy sự chấp nhận của họ đối với các quyền lợi của chúng ta và nguyên lý của việc chúng ta sẽ trở lại Đông Dương sẽ

được chỉ định đủ rõ ràng để họ vui vẻ ra đi.

“Con đường ngoại giao, qua Trùng Khánh, và hoạt động trực tiếp bên cạnh các tướng tá Trung Quốc ở Hà Nội phải lấy những phương thức thay quân làm mục tiêu lý tưởng”... Thời gian hồi hải...

Trong lúc đó, trên bình diện quốc tế, sự việc bắt đầu “đông đầy”. Một mặt, quân Anh hoàn thành xong nhiệm vụ rồi, rút lui cuối tháng 1, có nghĩa là để quân Pháp ở lại hoàn toàn làm chủ miền Nam. Ngoài ra, tại Trùng Khánh, Salan đã được cấp giấy phép cho quân Pháp ở Trung Quốc được trở về Lào thế chân quân đội Trung Quốc (lệnh do chính Tướng Giới Thạch ký ngày 24/1). Nhưng quân Trung Quốc vẫn cứng rắn: không có quân Pháp tại Bắc Kỳ, kể cả ở vùng người Thái.

Trong một bức thư gửi Salan ngày 24, Leclerc yêu cầu Salan giờ đây hãy về Hà Nội để “thúc đẩy thêm một lần nữa” những cuộc hội đàm với ông Hồ Chí Minh đang trì trệ gần như “sắp tới điểm chết”.

D’Argenlieu trong bài diễn văn mừng Tết nguyên đán (1/2) khẳng định trở lại lập trường của ông:

“Chúng tôi cầu chúc rằng không lâu nữa nhân dân Việt Nam sẽ có thể tự quản lý và tự cai trị lấy mình. Bằng một câu, chúng tôi chúc mừng nhân dân Việt Nam trở thành người chủ trên đất nước chỉ với một điều kiện thôi là thực hiện được một trật tự công cộng bảo đảm, không phân biệt dân tộc hay giai cấp, sự tôn trọng cũng như sự an ninh của người và của một cách đầy đủ.

“Chúng ta hãy nói thêm rằng, để thực hiện lý tưởng ấy một cách công bằng và bảo đảm cho nó được ổn định, nước Việt Nam vẫn còn đang cần trong một thời gian nữa và vì lợi ích của chính họ, đến một sự giúp đỡ và một kinh nghiệm của nước ngoài. Nước Pháp tình nguyện cung ứng hai điều ấy cho Việt Nam với tất cả tinh thần hữu nghị...”

Ông đô đốc vừa mới đi Phnôm Pênh về sau khi đã dự lễ mừng tình hữu nghị Pháp - Khơmer tiếp theo việc ký kết bản “tạm ước” ngày 7/1. Ông thông báo sự sắp sửa thiết lập tại Sài Gòn một Hội đồng tư vấn của Nam Kỳ. Sắc lệnh thành lập Hội đồng này được ký ngày 4/2. Hội đồng gồm 4 thành viên người Pháp và tám thành viên người bản xứ sẽ do chính ông đô đốc khai mạc vào ngày 12/2.

• Thị trường Trung Quốc

Để xúc tiến nhanh cuộc điều đình, d’Argenlieu đã gửi qua Trùng Khánh cố vấn ngoại giao của mình là Clarac. Clarac trên đường đi ghé lại Hà Nội và ngày 26, 27/1, tại đây (có Pignon cùng đi) Clarac có hai cuộc hội đàm cơ bản với người đứng đầu công việc hành chính trung ương của Trung Quốc tại Bắc Đông Dương, tướng Chao Pei-chang, và phụ tá của ông ta, đại diện của Wai Kiao Pou, Ling Chi-han. Người ta thấy ngay rằng thái độ của Chính phủ trung ương Trung Quốc đối với Pháp là một thái độ tích cực, khác với thái độ của Lư Hán, sử dụng binh lính Vân Nam để thực hiện chính sách riêng của ông ta. Qua những cuộc hội đàm này (theo d’Argenlieu) thì thấy rằng Chính phủ trung ương Trung Quốc mong muốn trở lại Bắc Kỳ trước rồi sau là cả Đông Dương, với một ý định quả quyết, rằng Trung Quốc rất lo ngại cái tai họa cộng sản lan tràn khắp Nam Á.

“Rõ ràng họ mong muốn thấy ông Hồ Chí Minh và Việt Minh biến khỏi sân khấu chính trị và hành chính của Bắc Kỳ; nhưng để thực hiện việc đó, họ không thể trông cậy vào hai đảng Việt Nam đang “Trung Hoa hóa” ấy. Bây giờ làm sao có thể dựa vào những kẻ cầm đầu bất lực như vậy để chống lại ông Hồ Chí Minh cho nổi?”

Cũng dễ dàng nhận thấy rằng đối với Trung Quốc, chỉ có Pháp mới có thể thực hiện được chiến dịch này. Chẳng lẽ Pháp không làm được tại Hà Nội cái việc họ đã làm thành công tại Phnôm Pênh với Tạm ước 7/1 sao? Nhưng

“Chính phủ Trùng Khánh sợ hơn nữa là, khi quân họ rút đi (ngày đó không xa nữa), nhân dân bản xứ và các đảng phái thân Trung Quốc sẽ coi việc rút quân đó như một hành vi phản bội và phản ứng quyết liệt chống lại những đồng bào của họ”

Bản báo cáo của Pignon về những cuộc hội đàm này (đề ngày 28/1) rất sáng sủa:

“Trong giờ phút này, 28/1, hình như Chính phủ Trung Quốc, qua những đại diện có thẩm quyền hơn cả của họ, đang đề nghị với chúng ta, lần cuối cùng, sẽ thành lập một chính phủ có thể cả họ cả chúng ta đều chấp nhận được, tức một chính phủ nếu không phải là chống cộng sản thì ít ra cũng là phi cộng sản. Chính phủ ấy trước con mắt Trung Quốc phải đảm bảo có tính chất rộng rãi cần thiết, đầy đủ. Họ sẽ buộc chính phủ đó ký kết với chúng ta và tạo mọi dễ dàng cho quân chúng ta đến thay thế quân của họ”.

Pignon đánh giá đề nghị này là hay, đáng lưu ý; nó sẽ đưa chân quân đội chúng ta dễ dàng và không có xung đột đổ máu, đến phía bắc vĩ tuyến 16. Ông ta nhấn mạnh rằng với sự giúp đỡ của quân đội Trung Quốc, VNQDD đang loại trừ Việt Minh khỏi các tỉnh miền Bắc Bắc Kỳ. Nhưng ông ta báo trước:

“Vây là chính phủ tương lai đứng về logic mà nói, sẽ là một chính phủ thân Trung Quốc. VNQDD không đủ về nhân sự sẽ kêu gọi phái thân Nhật là Đại Việt cung cấp người vào chính phủ mới này, và người Pháp chúng ta sẽ đồng ý song song với họ để loại trừ ông Hồ Chí Minh và Đảng Việt Minh”.

Pignon lúc này tự vấn mình về sự chân thực của Trung Quốc và về những nguy cơ có thể xảy đến với cái có thể gọi chính xác là “một cuộc mà cả lừa phỉnh” ấy, rồi kết luận:

“Hình như chúng ta không thể công khai đứng lên chống lại mưu đồ của Trung Quốc được, mà trái lại phải tìm cách ký kết, và ký kết nhanh chóng với họ dù có chịu một vài hy sinh, tại Trùng Khánh.

“Trên bình diện địa phương, trong lúc vẫn cứ phải tiếp tục ra mặt lịch sự trước mặt kẻ đối thoại với chúng ta, nếu chúng ta góp phần làm cho Việt Minh - mà chúng ta không nên để mất liên hệ - tan rã thì e là điều thiếu khôn ngoan. Vừa cố gắng để có một chỗ đứng trong cả hai đảng mạnh, chúng ta vừa phải tìm kiếm thành lập một đảng phái thứ ba mà cả phía Trung Quốc và phía Việt Minh đều chấp nhận được và chúng ta thì có thể tác động đến. Nhưng trên mảnh đất Việt Nam, chúng ta không được phép tham gia một cách thụ động vào cái mưu đồ của Trung Quốc đang ngày càng bộc lộ rõ nét...

Cùng ngày hôm ấy, 28/1, tại Nhà hát thành phố Hà Nội, có một cuộc họp của nhiều nhà lãnh đạo Việt Minh. Một diễn giả đã tuyên bố rằng:

“Nước Pháp là nước dân chủ sớm nhất thế giới, cho nên tin tưởng vào nước Pháp là phải lẽ và nên tìm một điểm gặp gỡ với Pháp. Chính Pháp là nước mà Việt Nam có thể chờ đợi nhiều sự giúp đỡ và thông cảm hơn cả”

Sau khi đọc bản báo cáo của Pignon - có lẽ được chuyển đến ngày 6/2 - d'Argenlieu phát biểu quan điểm của mình: cần phải ký kết nhanh chóng với Trung Quốc về vấn đề thay quân và những vấn đề còn lại (bằng một hiệp định ngoại giao thỏa đáng) và “ký kết một thỏa hiệp ít ra là sơ bộ với Chính phủ Hà Nội”. Còn đề nghị của Trung Quốc sẽ thành lập một chính phủ “nếu không phải là chống cộng sản thì ít ra phải không cộng sản”, nhưng thực chất là một chính phủ bao gồm những “phần tử quốc gia chủ nghĩa Việt Nam Hán hóa tận gốc và thù địch chúng ta, thì về mọi mặt không thể nào chấp nhận. Nhiệm vụ của tôi - ông đồ đốc nói - là giải quyết công

chuyện đó giữa Việt Nam và Pháp”.

Có thể rằng chủ định của ông đồ đốc, như sau này P. Isoart gợi ý, là lợi dụng bản hiệp định với Trung Quốc để đưa quân Pháp vào Bắc Kỳ, rồi sau đó mới “điều đình” với chính phủ Hà Nội “trên lập trường thế mạnh”...

Tại Hà Nội, theo Sainteny và Pignon thì thái độ của ông Hồ Chí Minh ngày càng dung hòa. Ngày 2/2, ông Hồ đến bệnh viện Lanessan (bệnh viện Việt Đức ngày nay) gặp những người Pháp bị thương và nói với họ những câu thăm hỏi ân cần^[38]. Ngày 8, ông Hồ tiếp tướng Salan từ Trùng Khánh sang để cảm ơn ông về “cử chỉ lịch sự” qua việc ông đến thăm bệnh viện. Theo Salan, ông Hồ đã đáp lại:

“Tôi là một người bạn trung thành của nước Pháp. Đây là ngày Tết, và tôi rất vui mừng được nhân dịp này bày tỏ mối cảm kích của tôi với nước ông... Vả lại, ông hãy tin tôi, đại bộ phận những người dân Đông Dương không phải là những người bài Pháp. Nhưng đáng tiếc là những sự việc ở miền Nam và thái độ của các ông đối với chúng tôi ngày càng khơi lên một cái hố sâu giữa các ông với chúng tôi”.

Salan nói với ông rằng sẽ là điều vịnh dự cho ông nếu ông để cho quân Pháp đổ bộ lên yên ổn rồi lập lại trật tự và an ninh ở đây. Ông Hồ trả lời:

“Tôi không thể làm như vậy mà không trở thành phản bội Tổ quốc tôi. Pháp là một dân tộc lớn. Chúng tôi yêu nước Pháp, nhưng chúng tôi không muốn sống nô lệ. Người ta nói với tôi về một nước Pháp mới, nước Pháp ấy hãy cho chúng tôi thấy sự đổi mới của nó. Chữ “độc lập” với tôi không quan trọng. Cái quan trọng là nội dung của nó. Chúng tôi muốn sống tự do. Dĩ nhiên chúng tôi muốn có nhiều cuộc trao đổi kinh tế, những quan hệ văn hóa rộng hơn, những cán bộ, kỹ thuật viên Pháp trong mọi lĩnh vực, nhưng chúng tôi muốn làm chủ nhà mình”.

Ông Hồ cho rằng bản tuyên bố ngày 24/3 đã bị “lạc hậu từ lâu rồi”, và ông trách rằng trong lúc điều đình về Việt Nam với Trung Quốc, nước Pháp không đề nghị “một điều gì thực chất” với chính phủ của ông cả, ông nói vậy.

Salan nói với ông rằng chắc chắn hai bên sẽ có thể thỏa thuận được với nhau nếu Chính phủ cách mạng Việt Nam không cản trở gì tới việc đổ bộ của quân Pháp, đã gần tới ngày. Bị tác động trông thấy trước cái tin này, ông Hồ nhắc lại rằng ông không muốn phản bội Tổ quốc ông, rằng ông sẽ không thể “ngăn cản được cuộc đổ bộ của quân Pháp”, nhưng mà “máu sẽ chảy và sẽ là điều bất hạnh. Tôi không muốn chuyện đó, nhưng rồi sẽ có những phụ nữ và trẻ con Pháp bị giết. Đáng tiếc, nhưng tôi sẽ không thể nào ngăn cản nổi. Đó sẽ là sự phản ứng của những con người không muốn bị xích xiềng trời buột”...

Salan nói với ông về phe chống đối. “Đúng - ông Hồ đáp - và họ chê trách tôi yêu nước Pháp. Họ vẽ hình tôi lên báo chí của họ đang khoác vai một phụ nữ Pháp”.

Salan nhấn mạnh rằng Trung Quốc sẽ làm tròn phận sự của mình theo quyết định của hội nghị Potsdam; ông Hồ đáp: “Tôi nghĩ thế, nhưng tôi giữ vững ý kiến rằng dù cả thế giới có chống lại chúng tôi đi nữa thì chúng tôi cũng không thể chấp nhận trở thành những người nô lệ. Pháp là đất nước của tự do. Nước Pháp mới hãy để cái tự do ấy lại cho chúng tôi!”

Ngày 9, Salan báo cho Sainteny và Pignon biết về những cuộc điều đình ở Trùng Khánh và bảo họ khẩn trương tiến hành điều đình với ông Hồ Chí Minh. Ngày 10, ít hôm trước khi ông ta đi Sài Gòn, Salan tiếp Caput. Caput vừa gặp ông Hồ Chí Minh hôm trước. Ông Hồ rất lo lắng về cái tin quân Pháp sắp đổ bộ. Ông muốn tuyệt đối tránh mọi sự đụng độ với “quân đội của nước Pháp mới”. Ông yêu cầu chúng ta “thông cảm cho ông”. Nguyên vọng của ông là “cho phép đất nước ông, cho phép dân ông và dân bà toàn nước Việt Nam được sống như những người công dân tự do”. Caput yêu cầu Salan ủng hộ cái “nguyên vọng rất tự nhiên đó” và tác động với Sài Gòn, với những người có thẩm quyền. Ngày 10, Salan trở lại Sài Gòn.

Ngày từ ngày 11, trước mặt Leclerc, ông ta báo cáo lại với d'Argenlieu về tất cả các cuộc điều đình của ông tại Trùng Khánh, cuộc hội đàm với ông Hồ Chí Minh và những lời Caput đã nói với ông. D'Argenlieu nói: phải dùng ngoại giao với Trung Quốc, nhưng ông Hồ tuyệt đối phải hiểu rằng Pháp có nhiệm vụ phải trở lại Bắc Kỳ. Salan nhấn mạnh về trạng thái tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về sự ủng hộ gần như hoàn toàn của nhân dân Việt Nam đối với đường lối chính trị của ông, về việc ông Hồ chấp nhận cho quân đội chúng ta trở lại với điều kiện là "Pháp để cho nhân dân ông được tự do". Và hôm sau, lúc từ biệt d'Argenlieu, Salan còn nhắc lại với d'Argenlieu lần nữa rằng, muốn đạt tới thành công, phải quyết định đi những bước mạo hiểm cả về ngoại giao cũng như chính trị.

• Phương hướng của D'Argenlieu

Trái với suy nghĩ của Salan, d'Argenlieu đã hành động một cách tích cực. Hôm sau, ngày 12, ông ta gửi cho Sainteny - ngày 6, Sainteny có hỏi d'Argenlieu cho biết ông ta được phép giải quyết công việc đến mức độ nào - những chỉ thị chỉ rõ phương hướng của ông:

"Sau khi xem xét những báo cáo mới nhất của Hà Nội và căn cứ vào những cuộc trao đổi ý kiến của tôi với tướng Salan, tôi thấy các dữ kiện của vấn đề chính trị ở Bắc Kỳ có ý nghĩa như sau:

"1. Yếu tố Trung Quốc vẫn tiếp tục đè nặng lên việc giải quyết mối bất đồng giữa người Pháp và người Việt Nam của Việt Minh. Chúng ta biết rằng: tại trung ương cũng như ở vòng ngoại vi các nhà đương cục Trung Quốc mong muốn có một hiệp định Pháp - Việt trước khi họ rút quân. Họ sợ một đợt sóng đột khởi của cộng sản chạm vào khía cạnh xung yếu nhất trong đường lối chính trị hiện nay của Trùng Khánh. Vậy Hồ Chí Minh không phải là nhân vật mà họ ưa thích. Nhà đương cục Trung Quốc cũng lo ngại sẽ có thể có những sự trừng phạt trả đũa của các tầng lớp nhân dân bị áp bức năm tháng trời nay đối với những người thuộc quốc tịch Trung Quốc.

"2. Nhân vật ấy, tức ông Hồ Chí Minh - mặc dù gặp nhiều khó khăn trở ngại, đã ngày càng được khẳng định là một chính khách có đủ phẩm chất và vững vàng trước mắt các tầng lớp nhân dân Việt Nam, và những người Việt Minh ly khai. Nếu không có yếu tố Trung Quốc chen vào thì không còn nghi ngờ gì nữa: chính là phải điều đình với ông Hồ để đi đến một sự chấp nhận.

"3. Kết luận của tôi là phải đi theo phương hướng đó. Quả như vậy, về những sự phản đối thuộc phạm trù tư tưởng được nhắc lại trên đây, có thể trả lời Trung Quốc như sau:..."

Ở đây ông đã gợi ý cụ thể: Chính các người duy trì liên hệ với nhân vật đó (ông Hồ Chí Minh - LND). Chúng tôi sẽ làm như các người. Trong chừng mực mà với tư cách là những người đồng minh tốt, các người tạo sự dễ dàng cho chúng tôi trở lại, thì cái lo ngại "cộng sản thâm nhập" của các người sẽ được giảm bớt đi thôi, vì rằng nước Pháp không muốn thấy mọc lên ở Bắc Kỳ một chính phủ mác-xít. Nguyên vọng của chúng tôi là duy trì lại trong Chính phủ Hà Nội những khuynh hướng khác không bị nghi là có ác tâm với Trung Quốc. Sau nữa, nếu các người đồng ý và không nhúng tay vào công việc nội bộ của chúng tôi, thì các người hãy nói những lời khuyên đúng đắn với kẻ thù của chúng ta...

"4. Cuối cùng, tôi gửi kèm theo đây hai tài liệu: tài liệu thứ nhất, dưới hình thức một giác thư, chỉ rõ ông có thể đi đến chừng mực nào trong việc tìm kiếm một hiệp định cơ bản với ông Hồ Chí Minh. Tài liệu thứ hai, mà ông sẽ đọc kỹ và giữ hoàn toàn bí mật, sẽ chỉ được trao cho người nhận nó sau khi đã cầm trong tay bức điện của tôi mang nội dung sau đây: "Yêu cầu trao thư cá nhân cho đương sự".

Bức giác thư ngày 12/2 có nội dung như sau:

"I - Chính phủ Cộng hòa Pháp mong muốn có một sự thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam tại Hà Nội trên nền tảng dưới đây:

1. Chính phủ Hà Nội không muốn cắt đứt quan hệ với Pháp, cũng không muốn phủ nhận những quyền và lợi chính đáng của Pháp tại Đông Dương.

2. Chính phủ Cộng hòa về phía mình ghê tởm việc dùng thế mạnh quân sự của mình để bảo vệ những quyền và lợi cũng như sự an ninh của những người dân Pháp ở đây.

3. Chính phủ Cộng hòa mong muốn thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam và tuyên bố rằng Chính phủ Hà Nội và cái chính quyền mà nhân dân tuân phục đó phải được tự do và làm chủ trên đất nước mình.

4. Chính phủ đó tự nguyện kêu gọi tới nước Pháp và được nước Pháp giúp đỡ cho mình cố vấn và nhân viên kỹ thuật trên bình diện chính phủ cũng như trên bình diện quản lý. Pháp đề cử người và nhận sự đồng ý của Chính phủ Hà Nội.

5. Chính phủ Hà Nội tham gia cùng với Pháp vào công cuộc tổ chức của Liên bang về những vấn đề có liên quan đến quyền đại diện ngoại giao, tài chính, kinh tế, luật pháp lao động và an ninh của Đông Dương.

6. Chính phủ Hà Nội bảo đảm cho những người Pháp cư trú trên lãnh thổ mình được thực hiện một quyền tư pháp riêng.

“II - Nếu nước Pháp sẵn sàng đàm phán chính thức và ngay từ bây giờ với Chính phủ Việt Nam tại Hà Nội, Pháp sẽ không độc đoán xác định lập trường của mình trên nguyên tắc nước Việt Nam thống nhất cả ba kỳ về mặt lãnh thổ cũng như chính trị. Pháp sẽ nhân danh tự do dành cho Nam Kỳ cái quyền nói lên tiếng nói của mình lúc cần.

“Pháp càng không thừa nhận cho Chính phủ Hà Nội cái quyền được phát biểu ý kiến thay cho toàn thể Đông Dương.

“Việc dùng chữ “độc Lập” đã bị hạn chế, không phải vì nước Pháp tuyệt đối ghê tởm chữ đó, mà nó nghĩ rằng vấn đề tìm kiếm một từ ngữ thích hợp sẽ rất dễ dàng sau khi đã trình bày cụ thể như trên đây. “Làm chủ tại nhà mình, được tự do” là những từ ngữ không mang hai ý nghĩa, không thể hiểu lầm chút nào: “Độc lập, Self – government” nói lên rất cụ thể cái điều nó muốn nói. Những từ ấy không có từ tương hợp thật chính xác trong tiếng Pháp.

“Nếu chính phủ ghê tởm chuyện dùng vũ lực bảo vệ các quyền lợi của mình trên đất Đông Dương, điều ấy có nghĩa là chính phủ muốn làm tất cả để tránh dùng vũ lực, nhưng nó lại bị ràng buộc bởi những nhiệm vụ quốc tế phải thay chân quân đội Trung Quốc và đưa quân của nó vào Bắc Đông Dương như chính phủ Trung Quốc đã bị ràng buộc bởi các hiệp định Potsdam”

Ngay từ ngày 11, d'Argenlieu đã giải quyết xong những điều kiện cho Leclerc tạm giữ quyền Cao ủy thay ông ta. Leclerc sẽ phải theo dõi tiến trình cuộc đàm phán Sainteny - Hồ Chí Minh tại Hà Nội và báo cáo về Paris cho ông đô đốc. Do một trục trặc kỹ thuật, máy bay chở d'Argenlieu mãi đến tối ngày 17/2 mới về đến được Paris.

VI. MỘT SỰ UỐN NẮN ĐIỀU KỲ: HIỆP ĐỊNH 6/3/1946 (14/2 - 18/3/1946)

Ông đô đốc vừa đi, Leclerc chủ động tiến hành ngay công việc. Trong buổi tối ngày 13/2, ông ta ăn cơm tối với Salan và nói với Salan rằng: căn cứ vào những tin tức nhận được từ Hà Nội, ông ta thấy cần phải ngay hôm sau nhắc nhở Paris về sự cần kíp phải có một quyết định chính trị. Ông ta gửi bức điện sau đây:

“Những tin tức cuối cùng nhận được từ Hà Nội khẳng định rằng người Việt Nam càng ngày càng sẵn sàng hoặc nhượng bộ nếu họ được thỏa mãn về chữ “độc lập” hoặc lại lao vào một cuộc chiến tranh kiểu như cuộc kháng chiến của Pháp vừa qua và có thể kéo dài nhiều năm, ngăn cản thực hiện các ý đồ chính trị và hành chính có giá trị và giảm mất uy tín của quân đội Pháp vừa mới được củng cố lại hôm nay. Tôi cho rằng đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta ra một bản tuyên bố theo hướng đó. Quả như vậy, cách đây bốn tháng mà nhượng bộ đúng là một sự đầu hàng và một lời thú nhận bất lực. Nhưng giờ đây chúng ta đã củng cố lại chủ quyền và sức mạnh của Pháp, ổn định lại trật tự ở Nam Kỳ, Campuchia và một phần ở Lào và ở Trung Kỳ và chúng ta sắp sửa vào cửa ngõ Bắc Kỳ, tràn trề sức sống. Chúng ta có thể với tư thế hoàn toàn làm chủ và với một cái giá rẻ nhất nói chuyện với người Việt Nam và nhân nhượng nhau.

“Người Việt Nam chấp nhận dưới từ “độc lập” cái điều là chúng ta đề xuất dưới từ “autonomie” - tự trị. Quyền độc lập ấy sẽ được trao trả theo hạn trong nội bộ Liên hiệp Pháp và không phải chỉ cho Trung Kỳ, Bắc Kỳ mà cả Nam Kỳ, Lào và Campuchia. Tôi nghĩ rằng chỉ cần nêu từ ấy lên là cái phần lớn của vấn đề đã được giải quyết. Người Việt Nam sẽ cứu vãn được thể diện của mình mà uy tín và ảnh hưởng của chúng ta cũng chẳng bị giảm sút chút nào. Trên bình diện quốc tế, với sự thực hiện khẩn trương công việc bình định, chúng ta sẽ cung cấp một bằng chứng về lòng mong muốn tiến bộ của chúng ta trong lĩnh vực chính trị thuộc địa và tránh được khỏi phải trình bày vấn đề Đông Dương trước Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc. Nếu người Việt Nam từ chối tức là lập trường quốc tế của chúng ta là không ai có thể chê trách được.

“Để kết luận, tôi cho rằng chính bây giờ đây, trước khi quân ta đổ bộ vào Bắc Kỳ, là thời điểm thuận lợi nhất cho sự ra đời của một bản Tuyên bố của chính phủ cụ thể và có nói đến từ “độc lập”

Ngay từ khi trở lại Hà Nội, ngày 14, Salan báo cho Sainteny biết sự việc. Trong lúc ông ta đi thông báo cho Lữ Hán, ngày 16, rằng quân đội Pháp sẽ thực hiện cuộc đổ bộ vào đầu tháng 3, thì về phần mình Sainteny đến gặp ông Hồ Chí Minh, cũng vào ngày 16 và tiến hành cùng với ông Hồ một cuộc hội đàm quan trọng đến nỗi hôm sau ông ta phải đáp máy bay đi Sài Gòn. Leclerc nhận biết ngay là trong cuộc hội đàm này, Sainteny đã thực hiện được một điểm đột phá thật sự và ngay tối hôm đó điện sang Paris một bản điện “tối mật” cho đô đốc d’Argenlieu và tướng Juin như sau:

“Sainteny đã từ Hà Nội vào và trình bày vấn đề dưới đây: Ngày 16, ông ta đã gặp ông Hồ Chí Minh và tiến hành một cuộc hội đàm rất lâu và có tính chất quyết định; sau đó ông Hồ Chí Minh tuyên bố đồng ý điều đình theo những quy ước chính tiếp theo:

1. Chính phủ Pháp thừa nhận cho Việt Nam nguyên tắc một self government - chính phủ tự trị - nhưng đặt ra cho sự thừa nhận đó những điều kiện nêu lên sau đây: Việt Nam sẽ nằm trong Liên hiệp Pháp, sẽ tiếp nhận những cố vấn và nhân viên kỹ thuật Pháp, sẽ bảo đảm cho Pháp được duy trì và cả phát triển những lợi thế kinh tế của họ, sẽ chấp nhận một lập trường chung trên bình diện văn hóa, sẽ yêu cầu quân đội Pháp thay thế không chậm trễ quân đội Trung Quốc tại Bắc Kỳ.

2. Vậy ông Hồ Chí Minh yêu cầu được nhận một cách khẩn trương, qua trung gian ông Sainteny, một bức điện chứa đựng những điều cơ bản làm nền tảng cho bản hiệp định nói trên. Ông Hồ Chí Minh đã hứa sẽ chấp nhận ngay lập tức.
3. Saillteny cũng có báo cho tướng Lư Hán biết đặc biệt để chuẩn bị sẵn sàng và ủng hộ hành động của Pháp bù vào sự thừa nhận của chúng ta.
4. Ngoài bản tường trình đó ra, Sainteny nói rõ những điểm dưới đây:
- a) Ông Hồ Chí Minh thôi hẳn không dùng từ “độc lập” nữa.
 - b) Từ Self - government đã được bản thân ông Hồ lựa chọn, theo đề nghị của Sainteny, hơn là từ ngữ “tự do chính phủ” và “tự do trong khối Liên hiệp Pháp”.
 - c) Ông Hồ Chí Minh chấp nhận Việt Nam gia nhập Liên bang Đông Dương
 - d) Ông Hồ Chí Minh dường như từ bỏ ý định về quyền đại diện tại Liên Hiệp Quốc.
 - e) Sainteny đã đặt ra nguyên tắc: Nam Kỳ sẽ tự mình quyết định lấy lập trường của mình trong tương lai.
5. Ông Hồ Chí Minh mong muốn Pháp ra ngay bản tuyên bố để cho phép ông trả lời nhanh chóng. Nếu không, ông sợ sẽ bị tràn ngập vì bao nhiêu chuyện, nào phe đối lập trong nước, nào hoạt động của Trung Quốc.
6. Tôi hoàn toàn nhất trí với Sainteny và Longeaux, mà nhận xét rằng việc cơ bản hàng đầu là phải có ngay một bản tuyên bố của Paris. Thực vậy, lời tuyên bố ấy của ông Hồ Chí Minh củng cố thêm cái cảm tưởng của chúng ta rằng về phía Chính phủ Pháp đã đến lúc nên đưa ra những đề nghị cụ thể bí mật; càng nên làm ngay vì có một cái lợi đáng kể là không cần phải nhắc tới từ “độc lập” nữa. Tất cả chúng ta hãy cầu mong chính phủ không bỏ lỡ một cơ hội như vậy. Nhận được thư phúc đáp của Ngài, tôi sẽ gửi người đưa tin sang, mang đầy đủ mọi tin tức, chỉ dẫn và chi tiết bổ sung. Ngoài ra, tôi xin báo cáo Ngài biết rằng ông Hồ Chí Minh, lần đầu tiên mong muốn cuộc hội đàm giữa ông với Sainteny được giữ bí mật. Trong trường hợp này, cần phải có những biện pháp thích hợp.
7. Tôi xin nhắc lại rằng điều cơ yếu số một giờ đây là phải gửi ngay những đề nghị bí mật của Chính phủ Pháp sang, nếu không thời cơ có thể mất đi.
8. Yêu cầu chuyển ngay tức khắc cho người nhận, dù là ban đêm. Gửi biên lai tiếp nhận.

Ký tên: LECLERC”

• Paris chuẩn y

Ngày 20, tại lầu đài Matignon, Hội đồng Liên bộ về Đông Dương họp. Chương trình nghị sự đã được điều chỉnh, thêm vào một mục mới là nghiên cứu trả lời của Cao ủy nhân danh Chính phủ Pháp về một hiệp định “với Chính phủ Việt Nam tại Hà Nội”.

Trong trích yếu của bản nghị quyết đó, người ta đọc thấy như sau:

- “1. Ủy ban duyệt y dự thảo bức điện của Cao ủy gửi cho ủy viên Cộng hòa Pháp tại Hà Nội.
- “2. Ủy ban đồng ý với bản dự thảo bức điện trong đó Vụ ngoại giao quy định những điểm cuối cùng liên quan đến hiệp định Pháp - Trung.

“3. Ủy ban đồng ý với Cao ủy về chương trình đưa quân đội Pháp vào thay thế quân đội Trung Quốc...

Trong bức điện gửi Sainteny, d'Argenlieu nêu rõ:

* Phần thứ nhất

“Qua cuộc hội đàm của ông ngày 16/2 với Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể rút ra nhận định rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng ký kết trên những cơ sở sau đây:

Thứ nhất: Chính phủ Cộng hòa Pháp thừa nhận cho Việt Nam có quyền thành lập một chính phủ tự trị (Self - Government) trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

Thứ hai: Đáp ứng nguyện vọng của Chính phủ Việt Nam đã được trình bày với Pháp, nước Pháp sẽ cung cấp những cố vấn và nhân viên kỹ thuật cần thiết cho Việt Nam trên bình diện chính phủ cũng như trên bình diện hành chính.

Thứ ba: Nước Việt Nam bảo đảm với nước Pháp quyền được duy trì và phát triển nếu có thể những ưu thế thuộc lĩnh vực kinh tế mà Pháp đã tạo dựng được trên đất nước Việt Nam.

Thứ tư: Việt Nam cũng sẽ có một lập trường tương tự về lĩnh vực văn hóa.

Thứ năm: Nam Kỳ sẽ được tự do tự mình định đoạt lấy chỗ đứng tương lai của nó đối với Việt Nam.

Thứ sáu.: Chính phủ Hà Nội tuyên bố sẵn sàng tiếp đón một cách hữu nghị quân đội Pháp khi nó đến thay chân cho quân đội Trung Quốc, theo đúng các thỏa thuận quốc tế.

“Được sự ủy nhiệm của Chính phủ Cộng hòa, ông Cao ủy Pháp tại Đông Dương sẵn sàng đứng tên mình ký kết một ban hiệp định trên những cơ sở đó; theo văn bản của hiệp định này, Chính phủ Hà Nội sẽ hết sức giúp đỡ quân đội Pháp về vấn đề ăn ở và dùng uy tín của mình để ngăn chặn những chuyện bất trắc có thể xảy ra.

Hiệp định này sẽ có hiệu lực tức thời. Thể thức của nó là những nguyên tắc cơ bản của một hiệp ước mới sẽ được hai bên cộng tác thảo ra.

Tôi yêu cầu ông đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định với ông bằng văn bản viết, sự chấp thuận của mình. Nếu mọi sự đều ổn thỏa, thì văn bản bức điện trên đây và lời chấp thuận của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể công bố cùng một lúc vào một ngày sẽ quy định cho ông gần đây.

* Phần thứ hai (dành riêng cho Sainteny)

“Vì cũng quan tâm như ông cho việc đàm phán đi đến kết quả không chậm trễ nữa, cho nên tôi chỉ nhắc lại trong bức điện của tôi, không bổ sung điều gì cụ thể, những điều khoản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thỏa thuận. Tuy nhiên, tôi lưu ý ông về mấy điểm dưới đây:

Thứ nhất: Việc sát nhập Việt Nam vào Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chấp thuận, đặc biệt có bao hàm cái ý nghĩa là nước Pháp sẽ đại diện cho Việt Nam tại nước ngoài và chịu trách nhiệm bảo vệ cho quyền lợi Pháp và nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Và lại tôi cũng đã có ý định đề nghị với Chính phủ Pháp cử vào một số phái đoàn ngoại giao Pháp tại Viễn Đông những đại diện của Đông Dương có nhiệm vụ cộng tác tại chỗ để giải quyết những vấn đề liên quan đến Đông Dương.

Thứ hai: Nếu nước Pháp chấp nhận ký kết chính thức với Hà Nội, nó sẽ không vì thế mà tự ý xác định lập trường của mình theo nguyên tắc Việt Nam thống nhất cả ba kỳ lại thành một đơn vị lãnh thổ và chính trị duy nhất. Cái điều kiện cụ thể đặt ra trong phần đầu bức điện liên quan

đến vấn đề Nam Kỳ không bao hàm ý nghĩa rằng chúng ta dứt khoát thừa nhận sự hợp nhất Trung Kỳ với Bắc Kỳ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ thừa nhận là trái với nguyên tắc dân chủ nếu chấp thuận một giải pháp về điểm này mà không để cho nhân dân miền đó (Nam Kỳ) được bày tỏ ý kiến nguyện vọng của mình một cách hoàn toàn tự do và hoàn toàn độc lập.

Ký tên: D'ARGENLIEU”

- Ở đó - người ta lại nói đến Bảo Đại

Cùng lúc với bức điện ấy gửi Sainteny ở Hà Nội, d'Argenlieu điện cho Leclerc rằng “mọi cuộc tiếp xúc tại đây và những thông tin nhận được từ Trùng Khánh và Hà Nội đã tạo ra một không khí thuận lợi, cho nên Chính phủ đã thông qua “chương trình H” (tức cuộc đổ bộ lên Bắc Kỳ). Vì vậy “ông có thể chuyển qua khâu thi hành”. Leclerc nhận bức điện ngày 22. Lập tức Leclerc ra những mệnh lệnh cần thiết và viết cho Sainteny:

“Ông sẽ đọc được trong thư này văn bản bức điện nhận được từ Paris (hình như đài Reuter đã nói đến bức điện này, theo lối ngoại giao nơi công cộng!) Vậy tôi hy vọng rằng ông sẽ có đủ mọi yếu tố để yêu cầu ông Hồ Chí Minh viết cho một văn bản chấp thuận.

“Những điều kiện cuối cùng đã được ghi vào phần điện văn gửi riêng cho ông, theo tôi, không nên nêu lên, sợ làm hỏng kết quả bao nhiêu công sức của chúng ta.

“Ngoài ra tôi đã nhận được sự đồng ý của Paris để đưa quân đội chúng ta sang Bắc Kỳ vào ngày 1 như đã quy định; điều đó càng có tác dụng khẳng định những suy nghĩ của tôi. Quả thực là cùng với việc ngưng chiến, cần phải làm cho chữ ký của ông Hồ Chí Minh được mọi người đánh giá như một thắng lợi của nước Pháp. Để đạt được điều này, chỉ có một biện pháp: phải được đặt lại vị trí cũ của nó ở Bắc Kỳ những lá cờ của Pháp, các nhà chức trách của Pháp và quân đội Pháp. Vậy là ông còn phải nghiên cứu cùng với tướng Salan, ông Hồ Chí Minh và “sau cùng” là những người Trung Quốc, những biện pháp cần thực hiện để tránh mọi bất trắc. Vấn đề chính là làm sao không có quân đội Việt Minh trên con đường chúng ta từ Hải Phòng đến Hà Nội và giữa hai thành phố đó. Hãy yêu cầu họ tập lại trong các doanh trại hoặc bên ngoài các con đường chúng ta sẽ đi.

“Ông Hồ Chí Minh cần ra lệnh cho những toán quân nào của ông còn đang hoạt động chống lại chúng ta hãy ngừng bắn. Như vậy sẽ cho phép chúng ta xúc tiến cuộc đàm phán một cách tích cực hơn, theo ý tôi thì buộc họ phải tập trung quân đội Việt Nam lại là một công việc khó khăn phức tạp. Nhưng một sự phiên chế lại thì rất nên, bằng cách làm cho họ thấy khả năng một mặt là được quân đội Pháp tiếp tế cho nếu được và mặt khác để sau này gia nhập vào quân đội Liên bang. Dĩ nhiên hãy hứa sẽ thực hiện mọi cuộc ân xá tùy ý ông muốn, trừ những ca đặc biệt...

“Còn người Trung Quốc thì sao? Ông sẽ hỏi tôi như vậy. Tôi hy vọng rằng ông đã ít nhiều vận động thuyết phục Lư Hán rồi. Dù cuộc đàm phán ở trong tình trạng nào đi nữa thì tôi vẫn ra đúng hạn đã dự tính trước.

“Tôi định trước hết là đến Hải Phòng. Hãy cho tôi biết, để đánh dấu sự kiện mới, có nên đến thẳng Hà Nội?...”

Trong lúc này tại Hà Nội, cái tin có cuộc hội đàm Hồ Chí Minh - Sainteny đã lọt ra ngoài. Trước hết là ông Hồ Chí Minh đã vấp phải một sự phản ứng mãnh liệt trong nội bộ Tổng Bộ Việt Minh (Ban chấp hành Việt Minh); đối với Việt Minh thì đàm phán với Pháp có nghĩa là đầu hàng. Ngoài ra, các phe phái đối lập hoành hành. VNQDD và bạn hữu của họ tiến công mãnh liệt cái “Chính phủ của những tên phản bội” nhằm đòi hỏi một chính phủ liên hiệp và kháng chiến mà đứng đầu là Vĩnh Thụy (Bảo Đại). Họ triệu tập một cuộc biểu tình lớn ngày 19/2 nhằm đòi cho Bảo Đại lên cầm quyền.

- Một cuộc mặc cả khó khăn

Chỉ có hai sự kiện xảy ra. Một mặt, Sainteny đã thông báo cho ông Hồ biết Paris đã chấp nhận và tướng Leclerc mong ước được thấy quân đội Pháp được tiếp đón tại Hà Nội bởi một Chính phủ Việt Nam Liên hiệp đại diện mọi khuynh hướng chính trị trong nước và, nếu có thể, sẵn sàng thực hiện và tôn trọng những điều đã cam kết. Mặt khác, Bộ tham mưu Trung Quốc đòi hỏi phải thành lập ngay trong một thời hạn tối thiểu chính phủ Liên hiệp của Việt Nam, trong đó những đảng phái thân Trung Quốc sẽ có một ảnh hưởng quyết định. Ông Hồ đã thấy đó là một cơ hội tốt nếu không phải để kết hợp họ vào những quyết định sắp sửa xảy ra thì ít nhất cũng là để bắt họ hứng lấy trách nhiệm. Ngày 24/2, giữa những nghi thức long trọng, thỏa hiệp đã được ký kết giữa Việt Minh, đảng Dân chủ, Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng Minh Hội. Việc thành lập Chính phủ “chính thức” Liên hiệp và Kháng chiến đã được quyết định và các đảng chia nhau các bộ. Quốc hội được triệu tập họp ngày 3/3: Tân chính phủ sẽ ra mắt Quốc hội. Ngày 25/2, ông Hồ thông báo cho Sainteny biết quyết định trên và ngày 26 công bố một bản thông cáo về cuộc gặp gỡ giữa hai bên, nói cho công chúng biết rằng:

“Hồ Chủ tịch đã nhắc lại rằng lập trường của Việt Nam là “độc lập và hợp tác” và Ngài Sainteny đã cho biết là nước Pháp đồng ý thừa nhận cái quyền của Việt Nam có một chính phủ, một quốc hội, một quân đội và một nền tài chính riêng trong lòng của Liên hiệp Pháp. Hai bên đối thoại đã trao đổi quan điểm về vấn đề đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Hai bên nhất trí thừa nhận sự cần thiết phải tạo ra một không khí hòa hoãn và hòa hợp thuận lợi cho việc mở những cuộc điều đình có khả năng đi đến kết quả. Điều kiện thứ hai cho việc điều đình mở đầu là thực hiện ngay tức thời cuộc ngưng chiến trên mọi mặt trận”.

Trên thực tế, ông Hồ Chí Minh, giờ đây đang củng cố về mặt nội vụ và yên tâm về sự giúp đỡ của Trung Quốc, bắt đầu tiến hành cùng với Sainteny một cuộc “mặc cả” hết sức gay go.

Cùng lúc này, một bộ phận khác của cánh tay sắt đang đối lập Pháp với Trung Quốc. Hiệp ước Pháp - Trung sắp sửa đạt kết quả tại Trùng Khánh. Tuy vậy, Paris có chỉ rõ rằng điều được thỏa thuận giờ đây về vấn đề lãnh ngoại, về con đường sắt Vân Nam, về quy chế người Hoa ở Đông Dương, quyền quá cảnh Bắc Kỳ v.v... đã bị cắt lại khi Trùng Khánh chấp nhận hiệp ước về việc quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Quốc tại Bắc Đông Dương. Vì khó khăn vẫn còn và tình thế ngày càng cấp bách, Leclerc đã phái đi Trùng Khánh, ngày 22/2, một trong những cộng tác viên thân tín nhất của mình là đại tá Repiton - Preneuf nhằm xúc tiến công việc.

Ngày 27/2 vào buổi chiều, đô đốc d'Argenlieu trở lại Sài Gòn. Leclerc khẳng định với d'Argenlieu rằng chiến dịch H (Bến Tre) đã được phát động: hạm đội đã bắt đầu đi ra Bắc với các lực lượng đổ bộ gồm: tập đoàn quân Massu của 2e DB và 9e DIC của tướng Valluy. Nó sẽ đến ngoài khơi Hải Phòng vào lúc rạng ngày 5/3.

Chẳng bao lâu người ta được tin là hiệp ước Trung - Pháp đã được ký kết ngày 28/2 tại Trùng Khánh. Vậy là cái thời điểm quyết định đang đến gần. Hiệp ước có ghi là việc thay thế quân đội Trung Quốc bằng quân đội Pháp sẽ diễn ra giữa ngày 1 và 15/3 và phải hoàn tất chậm nhất là ngày 31/3. Một thỏa thuận tham mưu sẽ quy định thể thức của việc thay quân.

Tại Hà Nội, Sainteny giờ đây ngày ngày tiếp tục hội đàm với ông Hồ Chí Minh. Cuộc hội đàm tỏ ra khó khăn. Ông Hồ từ chối không chấp nhận việc quân đội Pháp đến Hà Nội, cuộc thay quân Pháp vào quân Trung Quốc mà không có giới hạn thời gian. Ông khẳng định Nam Bộ là của Việt Nam, là bộ phận máu thịt của Việt Nam. Các đảng phái Việt Nam đều nhất trí về điểm này và người ta không thể chấp nhận bất cứ một điều gì hàm ý tách rời miền Nam. Từng giờ từng ngày qua đi mà không sao thực hiện được hiệp định, một hiệp định mà vì những lý do khác nhau cả Pháp lẫn Trung Quốc đều tha thiết trông chờ.

Trên bình diện chính sách nội trị, ông Hồ Chí Minh đã thành công trong cuộc vận động của

mình. Ngày 2/3, Chính phủ Liên hiệp và Kháng chiến được thành lập và ra mắt Quốc hội; Quốc hội đã chuẩn y. Ông Hồ Chí Minh vẫn giữ chức Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần phó Chủ tịch, nhưng Vũ Hồng Khanh, lãnh tụ VNQDD trở thành đặc phái viên Hội đồng Bộ trưởng. Chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao lọt khỏi tay ông Hồ đã vào tay một đảng viên VNQDD, Nguyễn Tường Tam (tức nhà văn Nhất Linh - LND). Còn Bộ Quốc phòng được trao vào tay một người “không đảng phái”, Phan Anh, thực tế rất gần gũi với Việt Minh. Vĩnh Thụy (Bảo Đại) vẫn là “Cố vấn tối cao”.

Hà Nội vẫn căng thẳng. Người ta biết cuộc đàm phán với Pháp đã đi đến một vấn đề mấu chốt, nhưng kẻ thì mong một tam ước, người thì tính đến một cuộc kháng chiến không nhân nhượng. Tiếng đồn một cuộc đổ bộ của quân Pháp đang sắp sửa xảy ra và cần phải chuẩn bị đối phó. Nhưng người ta hỏi nhau: thái độ người Trung Quốc sẽ như thế nào? Một bộ phận có uy tín trong Bộ Tham mưu Trung Quốc tại Hà Nội khuyến khích kháng chiến, triệt để ủng hộ phe quốc gia đối lập đang tố cáo sự mềm yếu của Việt Minh.

Trong lúc này, những cuộc tiếp xúc ngoại giao và quân sự được tăng cường một cách sôi động giữa Trung Quốc và Pháp. Phía người Pháp, tất cả đều đã được chuẩn bị đầy đủ trước cho cuộc đổ bộ ngày 5/3 tại Hải Phòng và Hòn Gai trên Vịnh Hạ Long. Nhưng trước ngày đó, Bộ Tham mưu Trung Quốc phải trao cho các chỉ huy quân địa phương những mệnh lệnh cần thiết để cuộc thay quân được diễn biến một cách hòa bình và để tổ chức cuộc “chung sống” của hai quân đội. Leclerc đã đến trên một chiếc tuần dương hạm ngoài khơi Hải Phòng, thì có tin ngày 4/3, các chỉ huy quân Trung Quốc tại các địa phương vẫn chưa nhận được mệnh lệnh gì cho nên họ sẽ chống cự lại cuộc đổ bộ đã dự kiến. Về phía Trung Quốc, ở cấp cao nhất, người ta viện lý không thể nào để cho quân Pháp đổ bộ vào được khi họ chưa có một hiệp nghị với Chính phủ Việt Nam. Mà ông Hồ Chí Minh vẫn chống lại sự thúc ép của Sainteny.

Trong khi tướng Salan, chỉ huy lực lượng quân sự Pháp tại Bắc Đông Dương, nhấn mạnh nhằm mục đích cho các tướng tá Trung Quốc hiểu về trách nhiệm mà họ sẽ phải chịu trong cuộc xung đột có thể xảy ra trong phút giây giữa Pháp và Trung Quốc nếu bằng cách này hoặc cách khác họ không chịu ra các mệnh lệnh thích đáng và đã được thỏa mãn chiều ngày 4/3. Đại tá Lecomte, trong Ban tham mưu Leclerc, phải đến Hải Phòng để giải quyết với Bộ chỉ huy Trung Quốc vấn đề thể thức của việc đổ bộ, bỗng nhận được tin, trưa ngày 5/3, quân đội Trung Quốc đã thay đổi ý kiến. Ông ta vội biên cho Sainteny bức thư dưới đây:

“Sau hiệp định mà khó khăn lắm chúng ta mới đạt được đêm nay, quân Trung Quốc vừa mới rút lui ý kiến của họ. Họ vừa nhận được một bức điện của Trùng Khánh khiến họ không chấp nhận cuộc đổ bộ vào ngày 6/3.

“Nguồn gốc sự thay đổi thái độ này là Trung Quốc sợ xảy ra cuộc chiến tranh giữa chúng ta với Việt Nam^[39].

“Vì chúng ta hiện nay đứng về phía vật chất mà nói không còn có thể nào thay đổi kế hoạch được nữa, chúng ta có nguy cơ sẽ vướng phải những chuyện đổ máu với quân Trung Quốc và những hậu quả quốc tế mà sự kiện đó đưa lại.

“Hy vọng duy nhất mà chúng ta có được để thay đổi thái độ của Trung Quốc là thông báo cho họ biết việc ký kết một hiệp nghị giữa chúng ta với Chính phủ Việt Nam.

“Trước tình hình nghiêm trọng và quy mô rộng lớn của cuộc xung đột có thể xảy ra, tôi khẩn khoản yêu cầu ông, nhân danh tướng Leclerc là người đã ủy quyền cho tôi nói lại điều này với ông, là ông hãy làm bất cứ cái gì thuộc thẩm quyền mình để nhanh chóng đi tới một hiệp định dù có phải đề xuất những ý kiến mà sau này người ta sẽ phủ nhận...

Sainteny nhận được mấy dòng trên đây vào lúc ông ta sửa soạn thảo luận những điều khoản cuối cùng của hiệp định với ông Hồ Chí Minh. Một văn bản coi như khả dĩ chấp nhận cho cả hai phía, đã hình thành trên thực tế. Nó được chuyển bằng điện cho đô đốc d'Argenlieu; d'Argenlieu đồng ý.

Trong đêm mùng 5 rạng ngày mùng 6, Bộ Tham mưu Trung Quốc lo sợ trước cuộc đổ bộ của quân đội Pháp và những đụng độ có thể xảy ra do cuộc đổ bộ ấy, bèn làm áp lực mạnh mẽ với ông Hồ Chí Minh để đi đến một hiệp định ngay tức khắc với Pháp. Ông Hồ trả lời rằng ông đang chuẩn bị ký kết trên cơ sở những điều mà ông đã gửi văn bản cho Trung Quốc và tin chắc nội ngày mai tất cả sẽ được thông qua.

Nhưng để tránh một cuộc đụng chạm giữa quân Pháp và Trung Quốc thì đã quá muộn rồi. Vừa đến ngoài khơi Hải Phòng, sáng mùng 6 tháng 3, hạm đội Pháp vấp phải lưới lửa của các đơn vị Trung Quốc. Nó bắn trả, gây cho quân Trung Quốc những thiệt hại vật chất khá nặng nề. Cuối cùng có lệnh ngừng bắn. Nhưng điều quan trọng nằm ở chỗ khác.

• Hiệp định sơ bộ

Chiều ngày 6/3, trước mặt các đại diện của các nước Trung Quốc, Anh và Mỹ, Sainteny ký với ông Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh bản “Hiệp định sơ bộ” sau đây:

“Giữa hai bên ký kết ở cấp cao ghi rõ sau đây: - Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, mà đại diện là ông Sainteny, phái viên của Cao ủy Pháp, được đô đốc d’Argenlieu, Cao ủy Pháp và là người được trao quyền hành của nước Cộng hòa Pháp, chính thức ủy nhiệm, một bên; và Chính phủ Việt Nam, mà đại diện là Chủ tịch Hồ Chí Minh và đặc phái viên của Hội đồng Bộ trưởng Vũ Hồng Khanh, một bên.

Đã thỏa thuận với nhau những điều dưới đây:

“1. Chính phủ Pháp thừa nhận nước Cộng hòa Việt Nam là một Quốc gia tự do có chính phủ riêng, quốc hội riêng, quân đội và tài chính riêng, nằm trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

Về vấn đề thống nhất ba kỳ, Chính phủ Pháp cam kết công nhận chính thức quyết định của nhân dân qua cuộc trưng cầu dân ý.

“2. Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón thân mật quân đội Pháp khi nó đến thay thế quân đội Trung Quốc theo đúng các hiệp định quốc tế.

Một thỏa thuận phụ kèm theo hiệp định này sẽ quy định những thể thức của cuộc thay quân.

“3. Những điều khoản trên đây sẽ có hiệu lực ngay tức khắc. Ngay sau khi trao đổi chữ ký, mỗi bên ký kết ở cấp cao sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để đình chỉ ngay mọi hoạt động thù địch, giữ nguyên các đội quân của mình bên nào tại vị trí bên ấy và tạo ra một không khí thuận lợi cần thiết cho việc mở kịp thời những cuộc đàm phán thân thiện và thẳng thắn.

“Những cuộc đàm phán này sẽ bàn chủ yếu về mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các quốc gia ngoài, về quy chế tương lai của Đông Dương, những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp tại Việt Nam.

“Hà Nội, Sài Gòn hoặc Paris có thể chọn làm nơi họp.

Làm tại Hà Nội, ngày 6/3/1946.

Ký tên: SAINTENY

HỒ CHÍ MINH, VŨ HỒNG KHANH”.

Bản thỏa thuận phụ, ký cùng một lúc, ghi rõ:

“Giữa hai bên ký kết ở cấp cao đã chỉ rõ trong Hiệp định sơ bộ, đã thỏa thuận với nhau những điều sau đây:

1. Lực lượng thay quân sẽ gồm có:

a) 10.000 quân Việt Nam với cán bộ chỉ huy Việt Nam của họ, trực thuộc các cơ quan quân sự Việt Nam.

b) 15.000 quân Pháp, trong đó kể cả những lực lượng Pháp hiện đang ở trên lãnh thổ Việt Nam phía Bắc vĩ tuyến 16. Những yếu tố này chỉ được bao gồm những người Pháp gốc Pháp chính quốc, trừ những đội quân có trách nhiệm canh giữ tù binh Nhật Bản.

“Toàn bộ các lực lượng đó sẽ đặt dưới quyền chỉ huy tối cao của Pháp, có trợ lý Việt Nam. Việc vận động, lưu trú và sử dụng các lực lượng ấy sẽ được xác định trong một cuộc Hội nghị của đại diện tham mưu Pháp và Việt Nam, sẽ tiến hành ngay sau khi quân đội Pháp đổ bộ lên.

2. Những người Pháp của lực lượng thay quân sẽ được phân làm ba hạng:

a) Những đơn vị chịu trách nhiệm canh giữ tù binh chiến tranh Nhật. Các đơn vị này sẽ được hồi hương ngay khi nhiệm vụ của họ không còn đối tượng nữa vì tù binh Nhật đã được chuyển đi hết và trong mọi trường hợp, chậm nhất là 10 tháng.

b) Những đơn vị có trách nhiệm, cộng tác với quân đội Việt Nam, giữ gìn trật tự công cộng và an ninh của lãnh thổ Việt Nam; những đơn vị này sẽ được quân đội Việt Nam thay thế mỗi năm 1/5 trong vòng 5 năm.

c) Những đơn vị có trách nhiệm bảo vệ các căn cứ Việt Nam thì ở trại. Họ sẽ được giao trách nhiệm đóng tại những vùng này hay vùng kia được quy định chi tiết.

3. Chính phủ Pháp cam đoan sẽ không dùng tù binh Nhật vào các mục đích quân sự

Làm tại Hà Nội, ngày 6/3/1946.

Ký tên: SAINTENY, SALAN, VÕ NGUYỄN GIÁP

• “Chúng ta đã chọn con đường thương lượng”

Khi ở Hà Nội người ta biết về chuyện ký hiệp định, dân chúng sửng sốt, nhưng phe đối lập tức gào lên, tố cáo Việt Minh phản bội. Họ bảo: Sau khi đã thành lập một “Chính phủ kháng chiến”, Việt Minh nộp đất nước cho kẻ địch không chiến đấu. Họ động viên. Nhưng ngay hôm sau, 7/3, trong một cuộc mít tinh lớn, các ông Giáp, Vũ Hồng Khanh và ông Hồ Chí Minh đứng lên bảo vệ, giải thích và chứng minh cho quyết định của họ.

Ông Giáp đã tuyên bố chủ yếu như sau:

“... Dù chúng ta có muốn hay không muốn, vẫn phải đi đến chỗ chấm dứt mọi hành động chiến tranh...

“Trong bản hiệp định này, có những điều khoản thỏa mãn chúng ta và những điều khoản khác không thỏa mãn. Những điều khoản thỏa mãn chúng ta tuy chưa làm chúng ta thật sự phấn khởi là nước Pháp thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do. Tự do không phải là tự trị, mà hơn tự trị, nhưng chưa phải là độc lập. Một khi đạt được tự do rồi, chúng ta sẽ đi đến độc lập, đến hoàn toàn độc lập (Vỗ tay nhiệt liệt).

Nước Pháp muốn giữ lại Nam Bộ, nhưng Chính phủ đã tuyên bố sắt đá: nếu người ta chia cắt

Nam Bộ, Trung Bộ và Bắc Bộ thì chúng tôi quyết chiến đấu đến cùng... Kết quả cuộc trưng cầu dân ý sẽ như thế nào, chúng ta biết trước. Hỡi có người dân Việt Nam nào mà không mong muốn Trung Bộ, Nam Bộ và Bắc Bộ là một nước duy nhất (Vỗ tay như sấm).

Vì sao Chính phủ đã cho phép quân đội Pháp vào? Trước hết là vì không cho phép họ cũng vẫn cứ vào. Trung Quốc đã ký với Pháp một hiệp ước cho phép quân đội Pháp vào thay thế cho quân đội Trung Quốc. Hơn nữa, Pháp cũng đã nhân nhượng chúng ta nhiều điểm. Vì vậy mà chúng ta đã cho phép quân Pháp vào. Bằng không thì không thể có được hiệp định...

“Những người không thỏa mãn chỉ hiểu độc lập hoàn toàn như một khẩu hiệu, một nhật lệnh, trên giấy tờ hoặc ngoài cửa miệng. Họ không thấy rằng độc lập của đất nước là kết quả những điều kiện khách quan và trong cuộc chiến đấu giành độc lập của chúng ta, phải biết cương, nhu tùy lúc[40]...”

Sau đó, ông Giáp phân tích những lý do vì sao “chúng ta không chọn cuộc kháng chiến lâu dài”... và ngay một cuộc kháng chiến “vài ba tháng cũng không”.

“Chúng ta đã chọn con đường thương lượng nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho công cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn, nhằm có thể đợi chờ cơ hội đi đến một nền độc lập nguyên vẹn.

“Các cuộc hội đàm đã dẫn đến sự chấm dứt chiến tranh và tránh được một sự đổ máu. Nhưng chúng ta đã đàm phán chủ yếu nhằm bảo vệ và củng cố lập trường chính trị quân sự và kinh tế của chúng ta. Nước ta là một nước tự do và tất cả mọi quyền tự do đều trong tay chúng ta. Chúng ta có đủ quyền lực và đủ thời gian để tổ chức công cuộc nội trị của chúng ta, để tăng cường các phương tiện quân sự của chúng ta, để phát triển nền kinh tế của chúng ta và nâng cao mức sống của nhân dân. Chẳng bao lâu, ba kỳ sẽ thống nhất. Gạo Nam Kỳ sẽ ra tận Bắc Kỳ, cái ám ảnh của nạn đói sẽ tiêu tan.

“Xem lịch sử thế giới, người ta thấy có nhiều nước gặp tình thế bất lợi đã biết khắc phục được khó khăn vì biết chờ đợi một cơ hội thuận lợi hơn cho sự tiến bộ của mình. Nước Nga chẳng hạn năm 1918 đã ký hiệp ước Brest - Litovsh nhằm ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Đức, để nhờ có thời gian hòa hoãn mà có thể củng cố quân đội và quyền lực chính trị của mình. Chẳng phải nhờ hiệp ước ấy mà nước Nga đã trở thành một nước rất mạnh sao?

“Tư tưởng chỉ đạo, mục đích của Chính phủ là hòa bình vì tiến bộ. Con đường mở ra với hiệp định chính là con đường dẫn chúng ta đến độc lập trong một ngày gần đây, thật sự và hoàn toàn. Đó là mục đích của chúng ta”.

Vũ Hồng Khanh đại khái cũng chỉ nói lại điều ông Giáp vừa nói:

“Mục đích cuối cùng của chúng ta là độc lập hoàn toàn. Mục đích đó, chúng ta không thể chỉ bằng một bước mà đạt được”.

Chính là ông Hồ Chí Minh đã giải bày vấn đề bằng những lập luận vừa lý trí vừa tình cảm:

“Chúng ta trên thực tế đã độc lập từ tháng 8/1945, nhưng cho đến nay chưa có cường quốc nào công nhận nền độc lập của chúng ta. Bản hiệp định ký với nước Pháp này mở đường cho sự công nhận của quốc tế. Bản hiệp định sẽ dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao. Quân đội Pháp sẽ đến, theo lệnh của các nước Đồng minh. Họ chỉ có 15.000 người và chỉ ở lại trên thế giới và trong năm năm nữa, họ sẽ rút khỏi nước ta. Chọn thương lượng thay vì đánh nhau chính là bằng chứng hiểu biết về chính trị. Thực vậy, vì sao lại đi hy sinh 50 hoặc 100 ngàn người trong khi chúng ta có khả năng bằng con đường thương lượng mà đi đến độc lập có thể trong năm năm?

“Đồng bào hãy giữ thái độ ôn hòa và tinh thần kỷ luật. Đừng có thất vọng. Nhưng chúng ta phải

cảnh giác và sẵn sàng. Vả lại chúng ta có bạn có bè. Chúng ta biết có thể tin tưởng vào tình hữu nghị của nhân dân Trung Quốc. Trung Quốc với ta như môi với răng. Và nhất là chúng ta có một chính phủ được toàn dân ủng hộ.

“Tôi, Hồ Chí Minh, tôi vẫn luôn luôn dẫn dắt đồng bào đi trên con đường của Tự do, tôi đã một đời đấu tranh cho độc lập của Tổ quốc chúng ta. Đồng bào biết rằng tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước. Tôi thề với đồng bào rằng tôi đã không phản bội đồng bào!”.

Nói xong, ông đã thắng cuộc.

Cùng ngày hôm ấy, 7/3, ông Hồ Chí Minh thông qua Tổng Bộ một “bài học” mới thể hiện qua một “chỉ thị về quan hệ với Pháp” sẽ được truyền thanh đi cho toàn Mặt trận Việt Minh. Trong văn bản, Tổng Bộ khẳng định rằng: Trước mắt, cần phải chấm dứt sự thù địch có hệ thống đối với Pháp. “Cuộc đấu tranh của dân tộc chúng ta hiện nay đi đôi với cuộc đấu tranh của dân tộc Pháp, cũng như trước đây nó phải đi đôi với cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc”. Bởi vì nước Việt Nam quá yếu không thể một mình mà tự khẳng định mình được. Tuy nhiên sự quá độ cũng đòi hỏi phải có những cách đối xử khéo léo. Chỉ thị nói thêm: “phải tránh khiêu khích chủ nghĩa quân phiệt của người Trung Quốc, nó sẽ gây nhiều khó khăn cho nước Cộng hòa chúng ta”.

Để hòa hiếu với người Pháp, Tổng Bộ Việt Minh phân biệt người Pháp ra từng hạng và nêu cao cảnh giác:

“Kẻ thù chính của chúng ta là phe “phản động” của Pháp... Phải lôi kéo quần chúng đấu tranh bằng biểu tình, tổng bãi công mỗi khi có những hành vi bất hợp pháp của phe phản động Pháp..., vô hiệu hóa tất cả các tổ chức thực dân, thanh toán những người Việt Nam phản bội làm tay sai cho họ..., hợp tác không hạn chế với những người Pháp thực tình dân chủ..., tuân thủ đúng các điều khoản của Hiệp định sơ bộ và trước mắt, tuy rằng chúng ta có thảo ra một kế hoạch chiến lược tổng quát, phải cố gắng thực hiện được càng nhiều càng hay một mặt trận dân chủ Pháp - Việt”...

Như vậy rõ ràng tại Việt Nam hiệp định ký kết với nước Pháp là sự nghiệp của ông Hồ Chí Minh, sự nghiệp cá nhân mà chưa được người ta hiểu đúng, nhất là ở các cán bộ trung cấp và hạ cấp của Việt Minh; và cũng là một sự nghiệp ít được nhân dân biết đến, được chấp nhận (mặc dù ai ai cũng đều thấy mỗi mết) chỉ vì nhân dân tin tưởng vào Hồ Chủ tịch và chỉ trong chừng mực mà hiệp định rõ ràng không phải là một điều lừa bịp.

Vậy Việt Minh chỉ đi một cách dè dặt vào con đường do ông Hồ Chí Minh vạch ra. Về phần phe đối lập, khuynh hữu, họ nhìn sang phía khác. Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam (VNQDD) đã thu xếp để khỏi phải đến ký vào hiệp định 6/3, tuyên bố hôm 12/3 rằng: “Trung Quốc và Mỹ có nhiệm vụ bảo vệ cho hòa bình ở Viễn Đông.....Trong lúc chờ đợi nước Pháp và nước Việt Nam lập lại được một nền hòa bình vững chắc, nước Mỹ phải giúp đỡ chúng ta về mọi phương diện hoàn toàn như Trung Quốc”.

Do Tam gợi ý, Chính phủ Trung Quốc cử ngay sang Trùng Khánh, bên cạnh Tưởng Giới Thạch, một phái đoàn hữu nghị gồm đại biểu các đảng chính. Mục đích phái đoàn là giải thích cho Quốc dân Đảng Trung Quốc rõ vì sao Việt Nam có thái độ như vậy và xác định với họ về lòng trung thành của Việt Nam với tình hữu nghị Trung - Việt. Theo yêu cầu của Nguyễn Tường Tam, ông Hồ đề nghị Vĩnh Thụy (Bảo Đại), ngày 16/3, đi theo phái đoàn “những người độc lập”, Bảo Đại chấp nhận. Ngày 18/3, ông ta cùng với các (đồng sự) rời Hà Nội đi Trung Quốc trên một chiếc máy bay Mỹ. VNQDD đang hướng về Bảo Đại, tuy nhiên vẫn nuôi hy vọng rằng tình thế chuyển biến sẽ cho phép họ, trong một tương lai rất gần, sẽ lật đổ Chính phủ Việt Minh và thay thế Việt Minh đứng đầu cả nước.

• Quân Pháp trở lại

Tuy vậy, cuối cùng thì các Bộ Tham mưu của Pháp, Trung Quốc và Việt Nam đã ký thỏa hiệp với nhau và ngay ngày 8/3, các đơn vị Pháp đổ bộ lên Hải Phòng và Hòn Gai. Ngày hôm đó, ông Giáp gặp Leclerc tại Hải Phòng. Leclerc nhấn mạnh rằng quân của ông ta đến thay thế quân Trung Quốc nhưng trong việc thay quân này quân đội Việt Nam được mời tham gia vào. Các cách thức thực hiện chung những nhiệm vụ đầu tiên chắc chắn sẽ quan hệ đến cả tương lai. Leclerc sau cùng có nói với ông Giáp: “Ngài hãy nói với nhân dân Việt Nam rằng họ có thể tin tưởng ở tôi. Nhưng tôi là người Pháp và trong sự tôn trọng nguyên vọng của nhân dân các ngài, tôi sẽ hành động với tư cách là người Pháp, trước tiên là người Pháp”.

Chỉ đến ngày 15/3, sau hơn một tuần lễ điều đình kiên nhẫn, Bộ Tham mưu Trung Quốc và nhất là tướng Lư Hán mới đồng ý để cho Leclerc và quân đội của ông lên Hà Nội.

Một đạo quân mạnh 1.000 người và 200 xe, từ tờ mờ sáng ngày 18 xuất phát từ Hải Phòng, lên đường đi về phía Tây. 11 giờ thì đến cầu Doumer (Long Biên), trước cửa ngõ của Hà Nội. Khoảng 15 giờ, Leclerc sẽ có thể, dưới một ánh nắng tung bừng và giữa đám đông người Pháp phấn khởi, thực hiện cuộc vào thành phố của mình. Ngay phút tiếp xúc đầu ông ta cố làm cho ông Hồ Chí Minh yên tâm tin tưởng: “Thưa Ngài Chủ tịch, vậy là bây giờ chúng ta thỏa thuận với nhau rồi chứ?” [\[41\]](#)

Ngày hôm sau, Leclerc ở trong thành để duyệt những cựu binh lính Pháp ở Đông Dương được vũ trang lại và đầy niềm tự hào. “Việc vây thành vậy là xong” - ông ta nói. Nhưng điều lo lắng của ông bây giờ là cấp tốc liên kết người Pháp lại với người Việt Nam xung quanh những giá trị chung. Cũng như ông đã cho gắn lên tất cả xe cộ của ông cả hai lá cờ Pháp và Việt Nam, ông cũng đề nghị cho đội quân bảo vệ ngôi biệt thự ông ở gồm 15 người Pháp và 15 người Việt Nam. Và ngày 22, cùng với ông Giáp, ông đặt vòng hoa trước đài kỷ niệm của những người Pháp đã chết, rồi trước đài kỷ niệm của những người Việt đã chết, trước khi vẫn cùng với ông Giáp duyệt đội quân Pháp và Việt Nam trong lúc dân chúng vỗ tay, xen kẽ và một cách khác nhau tùy chỗ đám người vỗ tay là da vàng hay da trắng.

Vài ngày sau, 27/3, trong một báo cáo gửi cho Chính phủ mà ông nghĩ là không nắm được những thông tin chính xác, Leclerc phân tích, biện hộ cho chính sách của mình. Ông ta viết chủ yếu như sau:

“Để có thể trở lại được Bắc Kỳ, điều cần thiết không thể thiếu là được thấy có một Chính phủ Việt Nam, dù là không hoàn hảo chút nào, yên vị tại Hà Nội và chưa từng ở chiến khu du kích.

“Thực tình là, mặc dù đã có hiệp ước Trùng Khánh, chúng ta vẫn cảm chắc là trong trường hợp có xung đột quân sự nghiêm trọng với người Việt Nam, thì quân Trung Quốc sẽ lập tức khai thác tình thế khó khăn đó của chúng ta để ngăn cản chúng ta chiếm lại Bắc Kỳ...

“Lúc ấy, nếu chúng ta gặp, ngoài người Trung Quốc, ZAR cả một nước nổi lên chống lại chúng ta hoặc chỉ trong tình trạng lộn xộn mà thôi, thì dĩ nhiên chúng ta vẫn có thể đổ bộ lên Hải Phòng, nhưng - tôi khẳng định một cách dứt thoát như vậy - việc tái chiếm Bắc Kỳ sẽ hoàn toàn là không thể thực hiện được. Không phải với một sư đoàn nhỏ nhỏ - và vào năm 1946 - mà người ta chinh phục được cả một nước đang sôi sục đấu tranh, được vũ trang và rộng lớn bằng 2/3 nước Pháp. Ngoài ra, vấn đề chỉ trong nháy mắt là có thể trở thành quy mô quốc tế. Cho nên người ta sẽ không bao giờ nhấn mạnh quá mức tầm quan trọng của những hiệp định vừa được ký kết.

“Tôi càng mạnh dạn khẳng định vấn đề này, bởi chính tôi đã trình bày cho ông Sainteny và tướng Salan sự cấp thiết bắt buộc phải giới thiệu cho tôi một Chính phủ Việt Nam cái ngày mà quân ta sẽ đổ bộ. Ngược lại, tôi hoàn toàn không tham gia gì vào việc soạn thảo các hiệp định đó.

“Nhưng tôi không ngần ngại khẳng định rằng: dù cho những hiệp định đó mang những sai sót nào đi chăng nữa thì việc ký kết, trong điều kiện của nó lúc ấy, đã thực sự là một thành tựu khôn khéo của nghị lực. Riêng cái nhân cách của ông Sainteny mà tôi không quen lắm và cũng chẳng có quan hệ gì đặc biệt, được sự trợ lực của tướng Salan, đã cho phép ông ta “đánh lừa” được đối thủ và ký kết một cách có lợi. Bây giờ thì họ biết rất rõ điều đó rồi. Nhờ những hiệp định đó mà bất chấp sự phản kháng quyết liệt của Trung Quốc, chúng ta đã trở lại được Hà Nội mà không một tiếng súng nổ...

“Trong lúc Trung Quốc không che giấu nỗi bức mình của họ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thì bạn giải bày với cấp dưới của mình về chuyện bị “lừa phỉnh”, Chính phủ Pháp phải đo được những khó khăn của cái công việc đã hoàn thành.

“Giờ đây, khi chúng ta đang chiếm đóng một cách vững vàng, tuy chưa hoàn thiện, cả xứ Nam Kỳ, Campuchia, miền Nam Trung Bộ Việt Nam, một phần lớn nước Lào và vài ba căn cứ vững chắc tại Bắc Kỳ, chúng ta được phép khẳng định rằng chúng ta đã thắng khâu đầu. Còn khâu thứ hai, trước hết là trên cơ sở chính trị và đàm phán...

“Nhưng một lần nữa - tôi vẫn cứ nhấn mạnh đến điểm này - nếu nước Pháp thật sự muốn giải phóng Bắc Kỳ khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc và đích thân mình trở lại đó, mà những bản hiệp định 6/3 không được ký kết, thì nhiệm vụ ấy cũng không thể hoàn thành. Chúng ta đổ bộ lên, nhưng chúng ta chắc chắn phải đụng chạm với Trung Quốc - có nghĩa là sẽ gặp những khó khăn quốc tế - và trước mặt chúng ta là cả một đất nước nổi loạn còn gay go ác liệt hơn cả Nam Kỳ.

“Đây chính là cái lý do đã thúc đẩy tôi, hôm 14/2 phải điện về cho Paris rằng chúng ta cần đi cho đến cùng, ngay cả đến chữ “độc lập” may ra mới mong tránh khỏi được một sự thất bại quá nặng nề...

Tư lệnh quân đoàn LECLERC

Chỉ huy tối cao quân đội Pháp tại Viễn Đông

VII. SÀI GÒN, ĐIỂM THẮT NÚT CỦA VẤN ĐỀ (7/3 - 19/6/1946)

Cơn khủng hoảng gay gắt nhất đã qua. Quân đội Pháp đã ở Hà Nội. Paris đã điện:

“Được khởi đầu ngày 18/6/1940, sự nghiệp giải phóng toàn bộ Liên hiệp Pháp đã hoàn tất ngày 7/3/1946”.

Tuy nhiên đâu phải đã là sự sáng khoái hoàn toàn. Ngay lúc nhận được tin ký hiệp định phụ, đô đốc d'Argenlieu đã ghi vào nhật ký của mình:

“Hiệp định sơ bộ: ấn tượng tốt. Trái lại hết sức dè dặt về hiệp định phụ...”

“Hiệp định này, đến cuối cùng tôi coi như chứa chất bao nhiêu ràng buộc quân sự đè nặng lên nước Pháp và có lợi cho cái “Quốc gia tự do” trẻ tuổi. Nhưng nó đã được tiếp ký. Chúng ta đứng trước một “việc đã rồi”. Làm sao chúng ta lại lâm vào tình trạng này nhỉ? Sự việc khá nghiêm trọng... Tôi đã quyết định:

“Hiệp định sơ bộ nhằm đúng thực chất của các vấn đề chính trị giữa Pháp và Việt Nam, sẽ phải đệ trình nguyên vẹn và không chậm trễ lên Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa. Còn hiệp định phụ là một văn bản quân sự, một sự dàn xếp bình thường giữa hai bộ tham mưu, đòi hỏi phải qua một cuộc điều tra cấp tốc trước khi nó được phổ biến.

Và d'Argenlieu yêu cầu Sainteny cấp bách nói rõ cho ông biết hiệp định phụ ấy đã được quyết định trong những điều kiện như thế nào, do ai chuẩn bị soạn thảo và ông mong muốn “đừng công bố nó”. Đồng thời ông điện sang Paris và lưu ý thủ tướng chính phủ Félix Gouin về văn bản Hiệp định sơ bộ với những nhận định sau đây:

“... Chúng tôi đã ký kết với Chính phủ Hà Nội, với sự quan tâm không bỏ lỡ mất một cơ hội thuận tiện, một bản hiệp định đã được chuẩn bị từ bốn tháng nay và ngày càng trở nên cần thiết.

“Cân nhắc kỹ, tôi thấy đây là một hiệp định tốt nếu nó được đánh giá về cả ba phương diện quốc tế..., khu vực... và quốc gia... Sau khi tiếp cận cái nguy cơ Trung và Bắc Kỳ vĩnh viễn bị chia cắt, hiệp định này đã giữ hai xứ đó lại một cách tự do trong một cái khuôn khổ hẹp của Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

“Hiệp định này quy định việc thống nhất ba kỳ sẽ thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, bảo đảm quân đội ta sẽ được đón tiếp một cách hữu nghị và như vậy ngăn chặn được mọi lời chê trách chúng ta mở đầu những hành động chiến tranh vì mục đích tái chinh phục, đồng thời bảo đảm, trong hiện tại cũng như trong tương lai, những quyền lợi chính trị và văn hóa Pháp...”

Ngay từ 7/3, ông đô đốc được Sainteny báo cho biết rằng bản hiệp định phụ đã được đích thân ông ta cùng Pignon bàn bạc và soạn thảo, hoàn toàn nhất trí với tướng Salan. Tướng Salan đã thông qua từng điều khoản một. Sainteny lại nói cụ thể thêm rằng “nguyên tắc thay quân chỉ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng ý vào phút cuối cùng với điều kiện phải cụ thể hóa một số chi tiết” được đưa vào nội dung hiệp định phụ. “Không thể nào xét lại vấn đề này mà không đặt lại vấn đề toàn bộ việc ký kết”. Về việc công bố thì ông Hồ Chí Minh đã để cho báo chí công bố rồi.

Còn Leclerc thì sau khi được thông báo, đã điện cho ông đô đốc ngày 8/3.

“... Tôi không nói đến Hiệp định sơ bộ, nó chẳng phải là trách nhiệm của tôi. Ngược lại, hiệp định phụ về các vấn đề quân sự thì rõ ràng là chưa hoàn hảo chút nào. Nhưng sau khi suy nghĩ lại, tôi tưởng nó cũng có thể dùng làm cơ sở cho những cuộc thảo luận có ích...”

“Nếu chúng ta biết giữ lấy gạo và cao su Nam Kỳ, cảng Sài Gòn và các cảng Bắc Kỳ thì những người cách mạng Việt Nam nhất định sẽ bắt buộc phải dần dần dịu giọng mà thôi...”.

Trước những ý kiến đó, d’Argenlieu yên tâm và quyết định chuyển sang Paris văn bản hiệp định phụ, có thêm lời bình luận dưới đây, cho Bộ Quốc phòng.

“Nếu hiệp định này không được ký vào buổi tối ngày 6/3 thì những hậu quả nghiêm trọng có thể đã xảy ra sau sự kiện Hải Phòng. Tướng Leclerc cũng có một phản ứng như tôi; nhưng xét kỹ mọi mặt, chúng tôi nhất trí cho rằng, chúng ta có thể dựa trên những điều căn bản của hiệp định để tổ chức các lực lượng của chúng ta ở Đông Dương cho thật sự hoàn hảo”.

Tuy nhiên, ông Cao ủy và tướng Leclerc cũng đã giữ một thái độ chung về vấn đề ngưng chiến tại Nam Kỳ.

Ngay từ ngày 7/3, Sainteny đã chỉ rõ:

“Ông Hồ muốn cử vào Sài Gòn ngay ngày mai những phái viên có trách nhiệm mang lệnh ngừng bắn tới mọi nhóm du kích còn đang hoạt động tại miền Nam. Tôi đã yêu cầu tướng Leclerc đồng ý”.

Nhưng cả Leclerc lẫn d’Argenlieu chẳng ai đồng ý, vì vậy ông đô đốc trả lời Sainteny rằng:

“Tôi đồng ý với câu trả lời hôm qua của tướng Leclerc về vấn đề các phái viên mà chúng ta chẳng biết sử dụng họ làm gì ở Nam Kỳ cả. Chính quyền “thực tế” của chính phủ Hà Nội cho đến hôm nay chỉ có tác dụng ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Về “pháp lý”, từ đây về sau, chính phủ đó chỉ có tính chất tạm thời tại Trung Kỳ...”.

Ngày 8/3, trong một bức điện mới gửi Paris, ông đô đốc tố cáo ý đồ của ông Hồ Chí Minh:

“Ông Hồ Chí Minh định cử ngay những phái viên của mình vào Nam Kỳ để ra lệnh cho người của Việt Minh hạ súng. Rõ ràng đây là một biện pháp khéo léo để tuyên truyền cho cuộc trưng cầu dân ý liên quan mật thiết đến tương lai xứ Nam Kỳ. Người ta đã trả lời ông Hồ, đúng với sự việc thực, là hầu hết mọi băng nhóm đang hoạt động ở miền Nam đều là những băng cướp bóc chứ không phải bộ đội chính quy. Chúng tôi đã bắt đầu hành động hòa bình với những tổ chức rất hiếm hoi của Việt Minh. Chúng tôi sẽ bắt các tổ chức khác hạ vũ khí không cần sự hỗ trợ của các phái viên của ông Hồ. Chỉ nói riêng ở miền Bắc, ông Hồ cũng đã có quá nhiều việc phải làm nhằm thực hiện đúng tinh thần và văn bản các hiệp định đã được ký kết”.

Tuy vậy, mặc dù ông đã an tâm biết rằng Chính phủ đã chuẩn y ngay bản hiệp định sơ bộ qua một bức điện ngày 9/3, ông Cao ủy vẫn phản ứng lại một cách bất lợi với bản thông báo của Paris dự định sẽ cử một số đại diện các bộ hữu quan làm trợ lý cho ông trong các cuộc đàm phán. Và ông thấy cần thiết phải nói rõ thêm không chậm trễ cái tầm quan trọng đúng đắn mà ông gán cho bản hiệp định vừa ký kết. Do đó mà có lời “hiệu chính nghiêm túc” ông điện về cho Paris ngày 12/3 sau đây:

“Trước hết, tôi thấy cần phải nói rõ tính chất của bản hiệp định sơ bộ 6/3/1946.

1. Mục tiêu cơ bản của văn kiện này là tạo nên cái không khí thuận lợi cho việc mở những cuộc đàm phán nhằm đi đến chỗ hoàn toàn nhất trí và ngăn chặn trùng chùng mực có thể một sự phản kháng vũ trang của phía Việt Nam đối với việc quân đội chúng ta vào thay thế quân đội Trung Quốc.

2. Hiệp định này bị hạn chế trong thời gian thì cũng bị hạn chế trong không gian. Nó mang tính chất địa phương. Nó được ký bởi ông Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ với Chính phủ Việt Nam đóng tại Hà Nội; nó ghi rõ ràng bằng văn bản là việc thống nhất ba kỳ sẽ do nhân dân Nam Kỳ và Trung Kỳ quyết định. Do bản chất của nó, nó chẳng khác biệt gì so với bản hiệp

định đã ký kết với Campuchia (trong tháng 1)...

"Tôi thấy... cần đặc biệt lưu ý Chính phủ Pháp về sự cần thiết phải tránh tất cả những cái gì mà trước con mắt của một dư luận địa phương không được thông tin đầy đủ, có vẻ khoác cho hiệp định 6/3 và cho những cuộc đàm phán tiếp theo một tầm cỡ mà nó không có. Quyền lợi hiển nhiên của các đảng phái tạo thành Chính phủ Hà Nội là rút ra từ những cuộc đàm phán này một uy tín càng lớn càng hay và lợi dụng uy tín đó để mở rộng ảnh hưởng của mình bằng cách tự đặt mình làm "người bảo vệ" của cả nước Việt Nam và của toàn thể nhân dân ba nước này.

"Càng làm theo mưu đồ của họ, càng khoác cho cuộc hội đàm của chúng ta với Chính phủ Hà Nội một tầm quan trọng và một tính chất mà chúng ta không đặt ra cho những cuộc đàm phán với Campuchia, chúng ta sẽ làm phật lòng nước Campuchia bây giờ và cả nước Lào sau này nữa và chúng ta có vẻ như đã đoán trước được cách giải quyết vấn đề mà việc thống nhất ba kỳ đặt ra...

Ông đô đốc nhấn mạnh rằng trong những tháng gần đây mục đích cơ bản của ông là thuyết phục cho Chính phủ Hà Nội chấp nhận làm một thành viên của Liên bang Đông Dương. Kết quả thu được có thể "bị xét lại nếu như Chính phủ Hà Nội có ý nghĩ rằng từ đây về sau họ có thể điều đình thẳng với đại diện các cơ quan cấp bộ mà Chính phủ chính quốc cử tới"...

Ông đô đốc quyết ngăn chặn chủ yếu không để cho Hà Nội điều đình thẳng với Paris. Ngay từ ngày 11/3, trước Hội đồng về Đông Dương, ông ta đã nêu lên những mối nguy hiểm có thể xảy ra trước cái khuynh hướng của Paris muốn dính dáng vào cuộc đối thoại Sài Gòn - Hà Nội và do đó tạo điều kiện cho "các nước thành viên của Liên bang dễ dàng ra khỏi khuôn khổ của Liên bang, mà đã không có Liên bang thì cũng chẳng còn có Đông Dương nữa".

Vậy là ngay từ ngày 12/3, ý đồ của ông đô đốc đã bộc lộ rất rõ ràng.

• Những nổi ngạc nhiên của Paris

Tuy vậy, khi gửi bức điện này đi, ông Cao ủy đâu có dự đoán trước được những phản ứng và những ngạc nhiên của Paris.

Những phản ứng và ngạc nhiên đó được diễn đạt một cách rất rõ ràng trong một công hàm đề ngày 13/3, soạn thảo tại Quai d'Orsay để "đề trình bộ trưởng" (Georges Bidault) do ông Philippe Baudet, Vụ trưởng Vụ Á - Úc chấp bút:

"Hiệp định sơ bộ ngày 6/3 được ký vào phút cuối cùng, giữa ông Sainteny, Ủy viên Cộng hòa tại Hà Nội, với tư cách là đại diện của đô đốc d'Argenlieu và ông Hồ Chí Minh (sic), chứa đựng những điều khoản rất chung chung về ba điểm mà khi Chính phủ Pháp biết thì liền được Chính phủ chuẩn y...

"Các cơ quan của Chính phủ đã áp dụng những biện pháp cần thiết để thực hiện điểm thứ ba (mở đàm phán) thì mãi ngày 12/3 mới có tin điện của đô đốc d'Argenlieu gửi tới cho biết ông Sainteny cũng đã ký một hiệp định phụ về quân sự. Chính phủ Pháp đã rất ngạc nhiên về việc đưa tin quá chậm trễ, càng sửng sốt và xúc động rất nhiều khi đọc đến các điều khoản của hiệp định này, quy định rút quân đội Pháp ra khỏi các miền của Việt Nam mỗi năm là 1/5, liền trong thời hạn năm năm thì hết.

"Việc gạt bỏ quân ta dần dần như vậy đã đặt ra một thời hạn chưa bao giờ chúng ta nghĩ tới cho mọi sự hiện diện của nước Pháp tại Bắc Kỳ, Trung Kỳ và có thể cả ở Nam Kỳ nữa. Cùng một lúc, mọi hệ thống xây dựng trên nguyên tắc "một nước Việt Nam được coi như một bộ phận hữu cơ của Liên bang Đông Dương" có nguy cơ đổ vỡ. Vị trí của chúng ta tại Campuchia và tại Lào cũng vì đó mà sẽ bị giảm sút một cách nghiêm trọng. Hơn nữa dưới áp lực của mọi thứ chủ

nghĩa quốc gia bản địa được cả người Việt Nam lẫn người Thái Lan khuyến khích, chúng ta cũng có thể nhanh chóng rơi vào nguy cơ mất hết ảnh hưởng chính trị tại hai nước này. Mới nhìn qua, vấn đề này mang tính chất như một vấn đề Xyri - Libăng mới.

“Ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, sau khi đã gửi, ngày 9/3 một bức điện chuẩn y và khen ngợi cho đô đốc d’Argenlieu, đã gửi thêm cho ông ngày 13/3, sau khi đã nhất trí với ông Félix Gouin, một bức điện mới nhấn mạnh rằng Chính phủ đang bị đặt trước một việc đã rồi liên quan đến những điểm mà Chính phủ chưa bao giờ được hỏi ý kiến. Ông bộ trưởng còn dặn ông phải “hết sức dè dặt về vấn đề thay quân trong trường hợp mà sự an ninh của Liên bang cũng như những người Pháp và tài sản của họ tỏ ra không được bảo đảm do một sự rút lui quá vội vàng về quân số”.

“Thực ra, trước điều khoản quân sự bất ngờ ấy Chính phủ có quyền tự hỏi xem mình đã đặt lòng tin cậy vào các đại diện của mình tại Đông Dương một cách sáng suốt hay không và Chính phủ phải xem xét đến mức có thể phủ nhận lòng tin cậy đó nếu cần. Quả tình không những địa vị của chúng ta tại Đông Dương bị lung lay một cách nghiêm trọng vì sự kiện đó, sự hy sinh lớn lao mà những hiệp định này biểu hiện về phía nước Pháp cũng tỏ ra là vô hiệu.

“Chính phủ có trách nhiệm trước khi phát biểu quan điểm của mình về vấn đề nghiêm trọng này, phải nghiên cứu những phương tiện chúng ta còn nắm trong tay nhằm duy trì ảnh hưởng của chúng ta và bảo vệ quyền lợi của chúng ta tại Đông Dương trong giả thuyết mà chúng ta tự coi mình như bị ràng buộc bởi chữ ký của ông Sainteny”.

Quả nhiên Moutet đã đánh điện sang cho d’Argenlieu ngày 13/3 như sau:

“... Bức điện của ông thỏa thuận với những hiệp định phụ ngày 6/3 tận ngày 12/3 mới đến tay chúng tôi. Chính phủ giờ đây bị đặt trước một sự đã rồi liên quan đến những điểm mà Chính phủ không bao giờ được hỏi ý kiến. Tôi yêu cầu ông từ rà về sau đừng ký một hiệp định nào với bất cứ tính chất nào khi văn bản của nó chưa được trình lên cho Chính phủ duyệt. Hãy dè dặt cân nhắc trong vấn đề thay quân...

“Người ta báo cho tôi rằng với những con người hiểu biết xứ Nam Kỳ một cách sâu sắc, chúng ta có thể tổ chức một chiến dịch tuyên truyền nhằm cản trở không cho nó sát nhập với Bắc Kỳ, dưới khẩu hiệu “Nam Kỳ của người Nam Kỳ”. Chúng ta có thể đạt một thắng lợi chính đáng kể về phương diện đó”.

Ủy ban Liên bộ Đông Dương trong phiên họp 13/3 đã nghiên cứu tình hình:

“... Bộc lộ ngạc nhiên của mình về việc hiệp định phụ đã có thể thông qua. Nhưng vì không thể phủ nhận việc ký kết của các đại diện toàn quyền của mình, Chính phủ đã quyết định chấp nhận hiệp định ấy làm xuất phát điểm cho một sự điều đình giải quyết thuận lợi hơn.

“Vì vậy Ủy ban sẽ yêu cầu ông Cao ủy cố gắng điều chỉnh ngay lại tình hình mà việc ký kết hiệp định 6/3/1946 đã dẫn đến, đặc biệt là đừng giới hạn quân số của Pháp ở 15.000 người. Ủy ban sẽ chỉ rõ những biện pháp cần phải thi hành để quyền lực quân sự khỏi bị loại trừ ra khỏi lãnh thổ Việt Nam phía Bắc vĩ tuyến 16 trong vòng 5 năm. Những biện pháp ấy chủ yếu là dự định xây dựng và duy trì thường xuyên những căn cứ không quân và hải quân đã được ghi trong bản hiệp định sơ bộ Hồ Chí Minh - Sainteny và bảo vệ chúng bằng những căn cứ lục quân...”.

Những chỉ thị của ông Moutet trở nên rất cụ thể:

“... Để quyền lực cần thiết của nước Pháp được đặt vững trên một cơ sở lãnh thổ, tất yếu chúng ta phải giành lấy:

a) Phía Bắc vĩ tuyến 16: căn cứ Hòn Gai với khả năng xây dựng một sân bay cùng với một khu vực ở xứ Thái.

b) Phía Nam vĩ tuyến 16: các căn cứ Cam Ranh, Sài Gòn - Vũng Tàu với sân bay.

c) Nói chung, cả vùng Tây Nguyên với sân bay”.

Trong một bức điện mới, Moutet nói rõ cho ông đô đốc, ngày 18/3:

“Tại Ủy ban Liên bộ về Đông Dương, chính ông bộ trưởng Ngoại giao đã phản đối kịch liệt bản hiệp định quân sự. Về phần tôi, tôi nhận chịu trách nhiệm về các hiệp định của ông và tôi sẽ bảo vệ trước Quốc hội tất cả những việc gì ông đã làm mà tôi là người liên đới.

Tôi vui mừng được tin quân ta đã vào Hà Nội”.

Ký tên: MOUTET

• Hồ Chí Minh muốn đi Paris

Từ ngày ký hiệp định sơ bộ, Hồ Chí Minh đã tỏ ý muốn đi Paris càng sớm càng hay. Một bức điện ngày 7/3 của Sainteny gửi d’Argenlieu kể lại.

“Trong cuộc gặp gỡ chiều hôm nay, ông Hồ Chí Minh báo cho tôi biết rằng ông sẽ đề nghị với chính phủ ông chọn Paris làm nơi đàm phán sắp tới. Để chứng tỏ cho nhân dân biết rằng hiệp định sơ bộ không phải là một thủ đoạn của Pháp nhằm đưa quân đội Pháp trở lại Đông Dương một cách dễ dàng, ông mong muốn những cuộc điều đình này sẽ tiến hành trong thời gian sớm nhất. Ông dự định sẽ đích thân dẫn đầu phái đoàn Việt Nam và dĩ nhiên ông mong muốn ông đô đốc sẽ có mặt. Đồng thời ông cũng thiết tha muốn được gặp ông đô đốc trong một ngày gần nhất và gợi ý rằng cuộc gặp gỡ ấy sẽ diễn ra tại Sài Gòn trên đường đi Paris. Tôi chỉ hứa chuyển ngay những đề nghị trên cho ông đô đốc. Theo ý tôi và cũng là ý của Salan, Pignon và của tất cả những người đã theo dõi các cuộc hội đàm và biết rõ không khí ở Hà Nội, là chúng ta không nên để bị lôi cuốn mà tiến hành các cuộc đàm phán tại Hà Nội vì Chính phủ cách mạng Việt Nam vẫn nắm trong tay nhiều phương tiện áp lực và ảnh hưởng của Trung Quốc vẫn còn rất lớn trong một thời gian dài nữa...”

D’Argenlieu không chuyển bức điện này về Paris. Ông ta “chế biến” lại và ngày 18/3 đã điện về Paris như sau:

“Ông Hồ Chí Minh có tham vọng muốn nhìn thấy trong thời gian gần nhất cuộc hội đàm dự định được khai mạc tại Paris. Về mọi mặt, chọn Paris làm địa điểm hội đàm sẽ là một sự sai lầm nghiêm trọng. Vì chính phủ của ông ta đã cùng với ông ta quyết định sẽ là thành viên của Liên bang Đông Dương cho nên cần thiết phải giữ ông ta lại trong khuôn khổ này suốt cả giai đoạn sơ bộ. Sẽ là một điều bất công trắng trợn đối với các nhà vua Campuchia và Lào. Vua Campuchia đã giúp đỡ chúng ta những điều tốt đẹp với một tấm lòng rất chân thành từ bao nhiêu tháng nay và vẫn đợi chờ sự đồng ý của chúng ta để sang thăm Paris... Vả lại chắc Ngài cũng đã thấy rằng đây là một mưu đồ rõ rệt để loại trừ quyền hành của ông Cao ủy, đại diện của Chính phủ. Sau cùng thì uy tín mà ông Hồ Chí Minh sẽ đạt được sẽ giúp ông ta củng cố những yêu sách của mình về mặt đại diện ngoại giao...”.

D’Argenlieu yêu cầu Chính phủ nói rằng địa điểm tốt nhất cho cuộc hội nghị đã dự tính là Đà Lạt. Tại đây “hội nghị có thể làm việc trong bầu không khí yên tĩnh và thanh thản, xa mọi cuộc biểu tình tự phát có tổ chức của quần chúng”.

Ông đô đốc ngay lập tức nhận được điện cho biết địa điểm Paris đã bị loại trừ, cuộc hội nghị sẽ không tiến hành ở đó nhưng Ủy ban Liên bộ về Đông Dương lưu ý ông rằng trong hiệp định sơ bộ người ta không dự tính chọn Đà Lạt làm địa điểm hội đàm. Chính phủ dự định gửi những đặc phái viên của các bộ sang Đông Dương để giúp cho ông Cao ủy trong các giai đoạn của cuộc

đàm phán. Đây là điều đã gây nên sự phản ứng của ông đô đốc mà chúng tôi đã nói đến trên đây, trước sự can thiệp của quyền lực chính quốc vào công việc nội bộ của Liên bang. Trong bức điện trả lời ngày 12/3, d'Argenlieu khẳng định:

“Điều quan trọng là không nên hấp tấp. Chừng nào mà sự ổn định vị trí của quân đội ta chưa bảo đảm được cho sự an ninh và quyền lợi của người Pháp tại Bắc Kỳ và Nam Kỳ thì Chính phủ Hà Nội vẫn có những dễ dàng để gây áp lực và chúng ta chỉ có thể đàm phán trong điều kiện bất bình đẳng...”.

Ông ta chứng minh cho đề nghị của mình:

“Việc lựa chọn Đà Lạt làm địa điểm đàm phán tỏ ra là tốt hơn cả bởi vì nơi này đã được dự trù sẽ trở thành kinh đô của Liên bang Đông Dương. Tôi mong sẽ có khả năng làm cho Chính phủ Hà Nội chấp nhận điểm đặc biệt này”.

Trong thời gian này, tại Hải Phòng Leclerc đang sốt ruột; trong 2 bức điện liền, ông ta nhấn mạnh rằng cần thiết phải nhượng bộ Việt Nam và chấp nhận mở cuộc hội nghị tại Paris. Trong bức công hàm ngày 15/3, ông ta đã viết: “Việc chúng ta tiến quân về Hà Nội có thể gây ra sự bỏ chạy của Chính phủ Việt Nam và gây ra chiến tranh mà phía Trung Quốc dường như đang mong chờ điều này. Tôi chỉ có thể làm đảo lộn ý đồ đó bằng cách phá vỡ mối liên kết Trung-Việt... Vì vậy sẽ là có lợi nếu mời Chính phủ Việt Nam hội đàm ngay tức khắc tại một địa điểm ngoài Đông Dương, tốt hơn cả là Paris”.

Trong một bức điện gửi d'Argenlieu ngày 14/3, Sainteny đã vạch ra “tình hình Hà Nội rất lộn xộn từ 24 giờ nay do một chiến dịch báo chí và những tin đồn đại. Người Việt Nam họ chê trách chúng ta kịch liệt: 1. việc trưng cầu dân ý về vấn đề Nam Bộ; 2. việc rải truyền đơn xuống Nam Bộ kêu gọi quân đội Việt Nam nộp khí giới cho chúng ta, 3. thủ đoạn co dãn nhằm kéo lùi đàm phán; 4. việc đài phát thanh Sài Gòn thông báo cả Đông Dương trở lại dưới chủ quyền của Pháp; 5. việc Pháp đã ký hiệp định chỉ nhằm mục đích đổ bộ quân lên một cách dễ dàng. Cuối cùng, lý do chính vẫn là việc chúng ta không chấp nhận Paris làm địa điểm đàm phán. Báo chí Trung Quốc tiếp tục một chiến dịch khiêu khích mạnh mẽ nói là để “mở mắt cho người Việt Nam thấy họ đã bị người Pháp lừa phỉnh...”

Ngày 15/3, sau một cuộc hội kiến với Hồ Chí Minh, Sainteny kể lại rằng “ông Hồ rất lấy làm tiếc về tình hình căng thẳng hiện nay. Ông đang ở trong một tình thế khó khăn do quan điểm của ông. Trước hết vì ông rơi vào thế bị động và bất ngờ khi ký hiệp định, sau nữa bị phe đối lập và báo chí Trung Quốc xúi giục và kích động... Vì mục đích làm dịu tình hình căng thẳng hiện tại, ông Hồ Chí Minh yêu cầu có được khả năng thông báo chính thức chuyển đi của phái đoàn Việt Nam. Tôi nghĩ rằng Chính phủ Việt Nam tha thiết muốn thông báo chính thức ngày đi của phái đoàn hơn là ngày khai mạc cuộc đàm phán đó - chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Dĩ nhiên ông Hồ Chí Minh và các cộng sự của mình tin tưởng vững vàng vào Paris...”.

Nhưng d'Argenlieu không chuyển về Paris một bản nào nguyên vẹn trong số những kiến nghị đó.

Tuy nhiên ông ta vẫn căn cứ vào những báo cáo đó, vì ngày 17/3, chắc vì sợ do sai sót của mình mà việc Leclerc đưa quân vào Hà Nội sẽ gặp nhiều rắc rối, ông đã điện sang Paris:

“Tình hình ở Hà Nội rất căng thẳng và thế đứng của ông Hồ Chí Minh đang bị lung lay đến mức độ người ta thúc ép tôi đánh lạc hướng dư luận bằng cách thông báo cuộc đàm phán sẽ khai mạc nay mai tại Paris: về vấn đề này có lẽ Sainteny đã đi quá xa. Đối với tôi điều này luôn luôn và hoàn toàn trái với chỉ định của tôi. Nhưng sẽ rất có ích cho tôi nếu được phép nói rằng: theo tinh thần văn bản những cuộc đàm phán sẽ tiến hành tại Đông Dương với sự tham gia của các đại diện các cơ quan cấp bộ, thì Chính phủ Cộng hòa sẵn sàng mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Paris. Vì vấn đề rất cấp bách nên tôi yêu cầu Ngài trả lời cho tôi sớm nhất”.

Moutet đã trả lời ngay tức khắc:

...“Đồng ý. Như thế càng hay vì tôi tin chắc rằng ở đây chúng ta có thể có nhiều cái lợi hơn, vì nhân vật chính sẽ được tách rời khỏi ảnh hưởng môi trường của mình. Như thế tất cả đều sẵn sàng chuẩn bị theo dự định của ngài và các đại diện của cơ quan cán bộ, cách giải quyết dứt khoát có thể được tiến hành ngay tại đây”

• Hồ Chí Minh và D'Argenlieu: Cuộc gặp gỡ

Trong thời gian đó, ông đô đốc đã hành động. Ông ta đã yêu cầu Sainteny chuyển cho ông Hồ Chí Minh một bức giác thư đề ngày 17/3 trong đó ông ta khẳng định với Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng ông ta sẽ rất sung sướng được trực tiếp gặp Người với tất cả nghi thức long trọng cần thiết. Ông ta đề nghị cuộc gặp gỡ diễn ra “trên chiếc tuần dương hạm Emile-Bertin cảng gần cảng Hải Phòng càng tốt”. Ông ta nói rõ thêm: “Tất nhiên Ngài sẽ được đón tiếp với tất cả những nghi thức long trọng xứng đáng, có đại bác bắn chào mừng, có hàng rào danh dự, có những tiếng tung hô v.v... D'Argenlieu còn nói thêm rằng ông ta vẫn “luôn luôn lưu ý đến nguyện của Chủ tịch muốn được sang Paris. Chính phủ Cộng hòa đã được thông báo và tỏ ra rất sẵn sàng”. Nhưng ông ta nghĩ rằng một cuộc thăm viếng như vậy cần phải được chuẩn bị và trước tiên nên có những cuộc hội đàm đầu tiên ngay tại Đông Dương. Tuy vậy tham dự những cuộc hội đàm này vẫn sẽ là những vị đại diện của các bộ từ Paris sang. Theo nội dung những cuộc hội đàm này, “Chính phủ Pháp sẽ rất vinh dự được đích thân mời Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Pháp một cách chính thức nhằm thiết lập trên một nền móng vững vàng những mối quan hệ hữu nghị với Chính phủ nước Cộng hòa Việt Nam, những quan hệ mà ông cảm nhận trước tất cả giá trị cùng chờ đợi những điều có lợi nhất cho cả hai bên”. Cuộc gặp gỡ đầu tiên này, d'Argenlieu đề nghị vào ngày 24/3.

Ông đô đốc không nhận được thư trả lời sớm sửa như ông mong muốn. Đúng thế, Leclerc và Sainteny quyết định không trao ngay bức giác thư, họ cho rằng: do tình hình căng thẳng, có thể xảy ra một sự đoạn tuyệt hẳn giữa hai bên vào đúng cái ngày mà Leclerc đưa quân tiến vào Hà Nội. Dù sao thì rồi ông Hồ Chí Minh cũng biết được bức giác thư. Ngày 20, ông chấp nhận nguyên tắc của cuộc gặp gỡ. Ông giữ ý kiến phải có Sainteny cùng đi với ông.

Đô đốc d'Argenlieu báo cáo về Paris bằng điện, đồng thời cũng ghi nhật ký về cuộc đối thoại tay đôi của ông ta với Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau:

“Cuộc tiếp xúc tâm lý và tinh thần được thiết lập. Đây là thời kỳ cả hai bên đều chinh phục nhau bằng những lời hoa mỹ. Khi tôi nói lên niềm vui của tôi được thấy mối tình bạn truyền thống giữa nước Pháp và nước Việt Nam phục hồi, ông Hồ Chí Minh đáp lại ngay: “Những mối quan hệ bạn bè giữa hai dân tộc, thưa ông Cao ủy, vâng, nhưng mà nó sẽ phải trở thành quan hệ anh em”. Tôi đã gạt đầu một cách lịch sự và mỉm cười”.

D'Argenlieu nhận thấy cái dự kiến đi Paris của ông Hồ Chí Minh đã chuyển thành ám ảnh. Ông Hồ trình bày với ông ta những khó khăn chính trị và sự cần thiết ông “phải đi ngay Paris với một phái đoàn để ký kết những hiệp định một cách dứt điểm”. Ông đô đốc chứng minh cho ông Hồ thấy người ta không đi Paris theo kiểu ấy được. Dự kiến này “trái hẳn với những chỉ thị rất cụ thể của Chính phủ tôi. Paris giữ vững ý kiến là một cuộc hội nghị chuẩn bị kiểu này cần phải họp không chậm trễ tại Đông Dương”... Cần phải thoát ra khỏi ngõ cụt này và d'Argenlieu đề nghị cho một “phái đoàn Quốc hội Việt Nam đi Paris nhằm mang tới cho Quốc hội Lập hiến Pháp lời chào thân ái của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện này tại thủ đô sẽ làm nổi bật lên, trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế, tầm quan trọng mà cả Hà Nội lẫn Paris đặt vào cho những hiệp định chúng ta vừa ký kết và ý muốn của hai bên đi đến một thỏa thuận dứt khoát lâu dài với nhau”.

Hồ Chí Minh, sửng sốt một cách thú vị, đã chấp nhận lời đề nghị trên, nhưng phải vài hôm nữa

để bàn nhất trí với nhau về lời văn của bản thông cáo. Hai bên thỏa thuận rằng trong nửa đầu tháng tư, một phái đoàn hữu nghị (good will) gồm 10 đại biểu Quốc hội Việt Nam sẽ lên đường đi Paris và cùng trong thời gian đó khai mạc tại Đông Dương một “cuộc hội nghị trù bị tập hợp lại trong một tiểu ban hỗn hợp gồm một phái đoàn Pháp 12 người... và một phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 12 người...”

“Cuộc hội nghị trù bị sẽ lãnh đạo công việc chu đáo sao cho một phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể được lên đường trong thời hạn ngắn nhất, tức trong nửa sau tháng 5, nhằm khai mạc tại Paris những cuộc đàm phán chính thức và dứt điểm”.

Cuối cùng và không phải là không có nhiều khó khăn, ông Hồ Chí Minh đã đồng ý cho cuộc hội nghị trù bị họp tại Đà Lạt.

- Nam Kỳ: một sự bố trí lực lượng an ninh

Vậy là ngày 29/3, trong một bức điện dài gửi Paris, d'Argenlieu muốn “rút ra một nhận định tổng quát” và bộc lộ những cảm tưởng của mình trong đó có pha vào đôi chút nọc độc:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh có một bản lĩnh rất vững vàng và có một đội ngũ những cộng tác viên trong đó nhiều người khá thông minh. Ông biết mình muốn điều gì và chỉ đạo hoạt động của mình một cách kiên nhẫn.

“Rõ ràng cái mục đích cuối cùng của ông - cái mà suốt bao tháng nay tất cả công tác tuyên truyền của ông nhằm yêu sách cho kỳ được - chính là độc lập. Tuy vậy, khi ký hiệp định 6/3 ông đã một mặt tìm đáp ứng, như chúng ta, nỗi lo lắng tránh cho nhân dân Việt Nam những hậu quả tai hại kéo theo hành động chiến tranh, mặt khác là nhằm củng cố uy thế của đảng mà ông lãnh đạo đối với Chính phủ Hà Nội và nếu có thể thì đối với tất cả các đảng phái khác ở Việt Nam. Cho nên lập trường của ông là một lập trường chiến thuật.

“Chủ tịch có được cái kỹ thuật của một lãnh tụ cách mạng, cũng là cái kỹ thuật của đảng đã đào tạo nên ông.

“Chính trị của ông giờ đây sẽ là lẩn tránh một cách khéo léo những điều khoản phân biệt cái quy chế quy định trong hiệp định 6/3 (nước tự do có chân trong Liên bang Đông Dương và trong Liên hiệp Pháp) với nền “độc lập”, ngăn gọn thế thôi.

“Điều cam kết đầu tiên mà ông muốn loại trừ là điều khoản ràng buộc ông vào Liên bang Đông Dương. Về điểm này, không những ông có cả một lập trường tư tưởng mà ông còn có nỗi lo sợ khách quan rằng dưới cái từ ngữ này, người ta sẽ khôi phục lại một phương tiện cai trị của nước Pháp đối với các nước liên bang - nỗi lo sợ, mà tôi đã cố gắng xóa đi.

“Phương pháp chiến thuật của ông là không muốn đàm phán tại Đông Dương nữa, mà phải sang Paris nhằm mục đích đó trong thời gian sớm nhất. Ông hy vọng một khi đến Paris với cả một đội ngũ vững vàng những người đồng chí đồng sự, trở thành một đối tượng cho mọi người tò mò và lưu ý đến mình, làm dấy lên vấn đề quyền lợi của các đảng phái và tiến tới gây áp lực ngay với Chính phủ^[42].

“Tôi đã phải quan tâm đề phòng (những nguy cơ bắt bớ cho ông) nhưng hành động cực đoan và do một số các nhân vật dân sự và quân sự đã trót hứa hẹn những điều thiếu thận trọng xung quanh chuyến ông Hồ đi Paris giữa lúc khủng hoảng đang ở điểm cao trào, nhằm đưa được quân ta vào đóng trên miền Bắc. Vì vậy mà tôi đã đề xuất cái giải pháp thỏa hiệp đã nói trên đây...”

Ông đô đốc nói đến việc cử đi Paris phái đoàn good will (chính ông đang đề nghị Chính phủ

chấp nhận phái đoàn này) và tiến hành khai mạc cuộc hội nghị trừ bị mà ông nhấn mạnh cái mục tiêu hạn chế. Paris đã đồng ý chuẩn y, ngày 3/4, tất cả những cái gì ông đề nghị. Dĩ nhiên là ông Cao ủy sẽ chỉ đạo những cuộc đàm phán trừ bị. Nhưng Chính phủ nói rõ thêm là “phải hoãn nó lại được chừng nào hay chừng đó ngày lên đường của phái đoàn Việt Nam đi Paris”.

Giờ đây, công việc chuẩn bị đã chạy đều. Tuy nhiên, tình hình vẫn còn căng thẳng. Ngay ngày hôm sau cuộc hội kiến tại Vinh Hạ Long, tức ngày 27/3, lực lượng quân sự của Pháp tại Hà Nội đã làm chủ được cơ quan Bộ Tài chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với những lý do không rõ ràng, gây nên những mối xúc động lớn và những phản ứng sôi sục. Cuối cùng, tướng Valluy, từ đây là tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương, quyết định trả lại ngôi nhà cho Chính phủ Việt Nam, nhưng hai bên thỏa thuận đặt một đội bảo vệ hỗn hợp.

Tuy nhiên, những người Pháp ở Hà Nội vừa thấy khó chịu trước cuộc duyệt binh hỗn hợp tổ chức ngày 22/3, có tướng Leclerc và tướng Giáp dự; lần này, họ tưởng chừng đâu sẽ “quét một nhát” Chính phủ Việt Minh đi. Họ đã thất vọng. Ngày 30/3, tướng Valluy sẽ giải thích vì sao một vụ bạo lực sẽ hết sức nguy hiểm và nhất thiết không nên nghĩ đến. “Chúng ta không đủ sức”. Thế nhưng cái sức hấp dẫn của một vụ bạo lực từ đây sẽ cứ tồn tại bất chấp tất cả.

Từ cuộc hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Sài Gòn, ông đề đốc đã quyết định: tại Nam Kỳ, cứ phải tiến mạnh lên phía trước, nhằm xóa mọi sự lập lờ. Ngày 26/3, Hội đồng tư vấn Nam Kỳ đã chỉ định với 8 phiếu thuận và hai phiếu trắng, bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh đứng đầu một “Chính phủ lâm thời Cộng hòa Nam Kỳ” và ngày 30, Cao ủy đã thông báo cho Hội đồng Liên bang biết về dự án thành lập một Chính phủ lâm thời Nam Kỳ gồm những thành viên người bản xứ. Nhưng ngày 29, một trong các thành viên của Hội đồng tư vấn là ông Phát bị những kẻ khủng bố mưu sát. Người chỉ huy phong trào kháng chiến Việt Minh tại Nam Kỳ, Nguyễn Bình, đứng trước thái độ của Bộ chỉ huy quân sự Pháp, đã quyết định sẽ trở lại thi hành sáng kiến chính trị quân sự lấy sự phân lập làm mục tiêu chính yếu.

Ngày 3/4, Cao ủy điện cho Cominindo:

“Giờ đây, chúng ta đã sắp sửa đi tới đích Sài Gòn và một chính phủ cho Nam Kỳ đã sẵn sàng được thành lập.

“Một cuộc mưu sát trượt và một cuộc mưu sát khác đạt kết quả đối với hai thành viên xuất sắc nhất của Hội đồng tư vấn đã củng cố thêm ý định của một bộ phận dư luận công chúng Nam Kỳ về vấn đề tự trị của đất nước này...

“Cái khó khăn chính đang cản trở chúng ta thực hiện ý định này là ở sự phản ứng gay gắt gần như chắc chắn của Chính phủ Hà Nội.

“Vậy thì cần phải chọn thời điểm thuận lợi để đưa ra thi hành; thời điểm đó là lúc mà những phản ứng nói trên đây tỏ ra ít hữu hiệu nhất. Giờ đây, tôi cho rằng cái thời điểm thuận lợi ấy là khi phái đoàn Việt Nam lên đường đi Paris. Tôi cũng dự kiến sẽ có một phái đoàn Nam Kỳ đi Paris cùng một lúc”...

• Sửa soạn một cuộc đảo chính

Đã thỏa thuận là Sainteny sẽ đi Paris cùng với phái đoàn Quốc hội Việt Nam. Trong lúc Sainteny đi vắng, tướng Valluy sẽ tạm quyền thay cho ông ta. Công việc bàn giao sẽ diễn ra ngày 11/4. Đồng thời viên cố vấn chính trị của Sainteny là Pignon ngày 6/4 đã được bổ nhiệm làm cố vấn chính trị của Cao ủy Pháp thay cho De Raymond, ông này được bổ nhiệm làm Ủy viên Cộng hòa tại Lào. Ngay ngày hôm sau, 7/4, ông đề đốc đã nói rõ thêm, trong một chỉ thị, thái độ mà tướng Valluy cần phải tuân thủ:

“Trong một tương lai gần kề, một chính phủ lâm thời của Nam Kỳ sẽ được thành lập... Tôi đã dự đoán trước một tình hình phản kháng quyết liệt sẽ xảy ra ở Bắc Kỳ, một sự phản kháng do Chính phủ Việt Nam dàn dựng.

“Dứt thoát không thể nào tránh khỏi một sự lên án gắt gao việc vi phạm Hiệp định của chúng ta...”

Tiếp đó, ông đô đốc gợi ý cho tướng Valluy một vài luận diện để đối phó với Hà Nội, nhưng rõ ràng là ông ta chẳng có ảo tưởng nào về hiệu quả của những luận điểm đó. Ông ta viết tiếp:

“Điều quan trọng trong cuộc khủng hoảng mà chúng ta có thể dự kiến trước là, một mặt sự khôn khéo của ngài trong việc thuyết phục cho Chính phủ Việt Nam thấy rõ rằng: họ sẽ phạm một điều đại dột và chịu một trách nhiệm nặng nề nếu họ để mất đi, trong một cuộc đảo chính, cái vị trí thuận lợi mà Hiệp định 6/3 đã đưa đến cho họ, mặt khác và là mặt chủ yếu, là sự kiên quyết của những biện pháp đề phòng mà ngài chuẩn bị sẵn sàng nếu như sự bất đồng có nguy cơ trở thành quyết liệt...”

“Tôi đã suy nghĩ kỹ trước khi cho phép tiến hành cuộc biểu tình[\[43\]](#) mà tôi đã thông báo cho ngài[\[44\]](#), nhưng tất cả các quan sát viên đều nói rằng đã đến lúc phải thỏa mãn những đòi hỏi của dư luận Nam Kỳ...”

“Để giảm bớt khó khăn cho ngài, tôi nghĩ nên dời ngày họp hội nghị trù bị tại Đà Lạt hoặc ngày các nhà đàm phán lên đường đi Paris để cho phép tuyên bố ra mắt Chính phủ lâm thời Nam Kỳ...”

“Ngài hiểu chắc chắn rằng đã đến lúc chúng ta giành lại sự tự do hành động của chúng ta, khả năng hành quân của chúng ta, ý chí tiến thủ của chúng ta. Tại chính quốc cũng như ở đây, tại Đông Dương, người Pháp sẽ ngạc nhiên một cách có lý là sự việc đã diễn biến theo cách khác, vì ngày nay lực lượng quân sự của ta đã cầm chắc chắc chắn lắm rồi.

“Chúng ta hiên quyết chủ trương hòa bình, chúng ta luôn luôn thấm đượm tinh thần hòa giải và chúng ta đã chứng minh điều đó. Cấm chúng ta, như là một nguyên tắc, không được vận dụng cái “lý lẽ cuối cùng”[\[45\]](#) có thể dẫn tới nguy cơ chúng ta mất Đông Pháp và làm trở ngại nghiêm trọng cho mục đích đầu tiên của sứ mệnh chúng ta là lập lại quyền hành của nước Pháp, không chỉ trên lý thuyết mà trên thực tế.

“Tôi biết rõ sự chuẩn xác của Ngài trong suy nghĩ, sức mạnh của Ngài trong tính cách. Tôi tin tưởng ở Ngài”

Tướng Valluy không phải đợi ông đô đốc yêu cầu. Ông ta hành động trong một bối cảnh mới. Ngày 1/4, trách nhiệm giữ gìn trật tự tại miền Bắc Đông Dương thực tế đã chuyển từ tay các nhà đương cục Trung Quốc qua tay các nhà đương cục Pháp. Ngày 3/4, một hiệp định quân sự mới lại được ký kết giữa tướng Salan và bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Võ Nguyên Giáp. Theo hiệp định này, “quân số của Pháp ở phía bắc vĩ tuyến 16 không được vượt quá 15.000 người, trong đó 500 người được dùng vào việc coi tù binh Nhật. Chỗ trú quân tạm thời của quân đội Pháp được ấn định: có tám doanh trại (Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Nam Định, Huế, Đà Nẵng, Hải Dương, Điện Biên Phủ + vùng biên giới với sáu đồn dự kiến: Móng Cái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu. Tại mỗi doanh trại đó, số quân đồn trú được ấn định cụ thể).

Hiệp định còn ghi rõ rằng: mỗi lần có những việc hành quân đối phiên, về phía quân Pháp cũng như quân Việt Nam thì ngày tháng, hành trình cũng như phương thức hành quân phải được báo trước cho Chính phủ Việt Nam ít nhất 48 giờ Chính phủ sẽ loan báo cho nhân dân biết trước để tránh xảy ra những chuyện bất trắc được chừng nào hay chừng ấy.

“Những đội quân Pháp và Việt Nam đối phiên, dưới quyền của bộ tư lệnh tối cao Pháp có sự

trợ lực của các đại diện Việt Nam, sẽ cộng tác với quân đội Việt Nam để giữ gìn trật tự và an ninh”.

Một ủy ban liên lạc và kiểm soát hỗn hợp trung ương được thành lập, có trụ sở ở Hà Nội. Ủy ban này sẽ kiểm soát việc thi hành hiệp định.

Sau nữa, một ủy ban đình chiến Việt Nam có thể sẽ đến miền Nam Trung Bộ. Nhưng vấn đề đình chiến ở Nam Bộ thì không bàn đến.

Với tư cách là tướng chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương và vận dụng một “phương án số 1” rất chung về an ninh, do Đông Dương ký ngày 5/4, Valluy đã ký và ban hành ngày 10/4, một “phương án số 2”, nhận định rằng:

“Tình hình hiện nay... hết sức bấp bênh. Chúng ta có thể bị tấn công bất cứ lúc nào nếu có một chuyện bất trắc nào đó bề ngoài có vẻ ngẫu nhiên và chẳng quan trọng gì xảy ra...

Trong trường hợp như vậy, cần nhất là chúng ta đừng để lâm sự với hai bàn tay trắng. Mục đích những chỉ thị này là nghiên cứu trong tổng thể những phương tiện nào có khả năng mang đến hiệu quả mong muốn đó...

... “Trong mỗi doanh trại, ngay từ khi bước chân tới, người chỉ huy phải bắt tay ngay vào việc thiết lập một kế hoạch an ninh đầu tiên: kế hoạch này phải bao gồm, một mặt là kế hoạch bảo vệ địa điểm trú quân một cách thường xuyên và nhất là một kế hoạch hành động nhằm thực hành trên thành phố đang đóng... Một khi kế hoạch đó đã được đặt ra và hoàn chỉnh trên những nét lớn rồi, cần bổ sung ngay bằng những biện pháp hữu hiệu có tác dụng thay đổi dần và biến dần cái màn kịch của một hành vi thuần túy quân sự lúc đầu thành màn kịch của một cuộc đảo chính...[\[46\]](#)

“Rất cần thiết phải tập hợp ngay mọi văn kiện có thể có được về các tổ chức người Hoa và người Việt trong thành phố, cũng như về các thủ lĩnh địa phương (lý lịch, thói quen, những chỗ nghỉ đêm thông lệ của họ v. v...)

“Đồng thời những toán đặc vụ được thành lập có thể cải trang để làm việc (như tại Nam Kỳ). Các toán đặc vụ này có trách nhiệm vô hiệu hóa một cách kín đáo các thủ lĩnh và những người cầm đầu ngay khi nào Bộ tư lệnh xét thấy đã đến lúc phải thiết lập một hệ thống an ninh. Chúng phải bao gồm những thành viên đặc biệt và phải được vũ trang đặc biệt và phải luôn luôn được thông tin đầy đủ về hoạt động và lối sống của những cá nhân “cần phải gạt ra một bên”.

“Đối với những cơ quan chiến đấu hợp pháp và không hợp pháp cần phải áp dụng một phương pháp hành động tương tự... Bao giờ những tin tức cho biết đã “khu biệt” được những cơ quan ấy, đồng thời cho biết rõ những tập quán của các thành viên rồi, thì những toán quân “commandos” đặc trách sửa soạn thực hiện vô hiệu hóa chúng một cách bất ngờ”.

Ngày 12/4, Sainteny rời Hà Nội đi Sài Gòn, để Valluy tạm quyền chức vụ ủy viên Cộng hòa và ngày 16/4, phái đoàn Quốc hội Việt Nam đáp máy bay đi Paris, ngày 25 thì đến nơi. Ngày 17, các phái đoàn đàm phán đến Đà Lạt.

• Thủ đoạn Trung Quốc

Phía Trung Quốc rất lo ngại trước sự giao hảo Việt - Pháp nhờ Hiệp định sơ bộ mà đang bước vào một giai đoạn mới. Họ định làm cho tình hình thêm phức tạp bằng cách gây ra những vụ rắc rối và ủng hộ những hành vi khủng bố. Nếu xảy ra xung đột thì quả tình phía Việt Nam buộc lòng phải quay sang với Trung Quốc và hai đảng Việt Nam Quốc dân và Đồng Minh Hội là

những đảng luôn luôn tố cáo Việt Minh hợp tác với Pháp để phản bội Tổ quốc mình, chắc chắn sẽ là người hưởng lợi.

Ngày lễ Phục sinh, 21/4, một sự kiện rất quan trọng đã khiến cho quân Pháp và quân Trung Quốc đối đầu với nhau; nhưng đối lại với sự khiêu khích của Trung Quốc, quân Pháp đã trả lời bằng sự can thiệp tức thời và rất quyết liệt. Bị thất bại, quân Trung Quốc mất cả thể diện và người dân Việt Nam bây giờ đã thấy rõ sức mạnh thuộc về ai. Tiếp theo sự phản đối tại chỗ của quân đội Pháp, là ngày 25/4, tướng Juin tổng tham mưu trưởng của quân đội Pháp, đến thăm Hà Nội; sự kiện này tạo ra một sức ép mới. Juin vừa từ Trung Quốc đến. Chính phủ Trung Quốc đã tỏ ra tán thành việc rút lui nhanh chóng quân đội Trung Quốc ra khỏi Bắc Kỳ. Do Juin thúc ép, tướng Trung Quốc Lư Hán cuối cùng đành phải chấp nhận rút khỏi Hà Nội trong một ngày rất gần và triệu hồi quân đội về nước. Đồng thời, d'Argenlieu yêu cầu Leclerc chỉ thị cho Valluy phải yêu sách: từ đây quân đội Pháp tại Bắc Kỳ sẽ tham gia vào việc giữ gìn trật tự công cộng vì "cảnh sát Việt Nam vừa tỏ ra quá bất lực" ..

Đây sẽ là bước đầu của một sự hợp tác.

- Đà Lạt: chủ quyền có giới hạn "kiểu Bidault"

Hội nghị trù bị khai mạc tại Đà Lạt ngày 19/4 và ngày 20/4, giữa phiên họp toàn thể, ông Cao ủy phát biểu với các đại biểu Chính phủ Hà Nội một bài thuyết minh hùng hồn ca ngợi chính sách liên bang.

Một khi nhận thấy từ "Liên bang Đông Dương" gây điều lo ngại cho những kẻ đối thoại của mình, ông ta tìm cách khéo léo để trấn an họ:

"Chính sách Liên bang là một điều đã có từ xa xưa trên thế giới. Thực chất nó là gì? Một hệ thống chính trị trong đó một số nước tự trị... vui lòng hy sinh một cách tự nguyện, vì quyền lợi chung, một mảnh nhỏ chủ quyền của mình. Cái lợi ích chung ở đây đã và thông thường là nền an ninh chống lại những nước láng giềng quá mạnh. Cái lợi ích chung đó tự khẳng định ngay một rõ ràng thêm đó là sự an ninh kinh tế trước những mối đe dọa quen thuộc. Cái lợi ích chung đó có thể là sự bảo vệ một lý tưởng chính trị, xã hội, thậm chí tôn giáo"...

Ông đồ đốc khó lòng thuyết phục nổi người Việt Nam, vì người Việt Nam, về phía họ, muốn có một nền tự trị rất gần với độc lập và muốn chính mình thực hiện chủ quyền của mình, nhưng về mặt kinh tế, họ lại tỏ ra khá mềm dẻo. Như vậy, theo biên bản, tiểu ban kinh tế và tài chính sẽ nhất trí với nhau về sự cần thiết phải có một sự thống nhất thuế quan, sự lưu thông hàng hóa và sự đi lại của dân chúng tự do giữa các nước của liên bang, sự phối hợp và tương đồng hóa chính sách thuế quan, còn có điểm bất đồng ở mặt phân chia thu nhập về quan thuế. Nhưng về chế độ những tài sản của Pháp và ngay cả về vấn đề "hợp tác văn hóa" thì khó mà tìm được một tiếng nói chung. Các chủ tịch của hai tiểu ban, Max André và Nguyễn Tường Tam (Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam CHDC) sẽ không tìm được nổi cái tiếng nói đó và nhân vật chủ chốt của cuộc hội nghị rõ ràng sẽ là Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng của Chính phủ Hà Nội.

Vấn đề Liên bang (quyền lực của các quốc gia thành viên và của Chính phủ Liên bang, vấn đề các dân tộc ít người v.v...) không dẫn đến được một thỏa ước nào; và người ta đành quyết định sẽ bàn về vấn đề này trong hội nghị Paris. Đúng là về phía Pháp, trong lãnh vực này, người ta bị ràng buộc bởi nhiều chỉ thị rất cụ thể, trong đó những chỉ thị của Bộ trưởng Ngoại giao đề ngày 29/3 không phải là những chỉ thị kém kiên quyết nhất:

"Mục đích là làm sao thuyết phục được Chính phủ Việt Nam chấp nhận sát nhập Việt Nam (bất kể dưới hình thức định nghĩa địa lý nào về nó) vào một Liên bang Đông Dương và vào Liên hiệp Pháp.

“Quyền tự do thiết lập quan hệ ngoại giao riêng biệt với các nước ngoài, dù là nước láng giềng, của một nước bất kỳ nào của Liên bang sẽ là trái với bản thân nguyên lý Liên bang. Vậy sẽ không có vấn đề dành cho Việt Nam cái quyền tự do đó. Việc xin gia nhập Liên Hiệp Quốc là không thể đi đôi với ý niệm một Liên bang và cần phải gặt đi một cách kiên quyết”.

Tuy nhiên, trong phiên họp ngày 8/5, một hiệp nghị căn bản đã thực hiện được trên nguyên tắc:

“Việt Nam gia nhập Liên hiệp Pháp với tư cách là một nước hội viên”.

Nhưng những điểm bàn nẩy lửa tại hội nghị Đà Lạt là vấn đề thống nhất của Việt Nam, nẩy lửa vì phái đoàn Pháp khước từ mọi thảo luận về Nam Kỳ dưới bất cứ hình thức nào. Phái đoàn Hà Nội bị xúc động cao độ.

Còn về phái đoàn Pháp, dường như nó đã cảm nhận cuộc đấu tranh mặt đối mặt ấy với một thái độ định kiến điên cuồng. Trong các bản tổng kết hoặc biên bản, người ta đọc thấy:

“Tất cả đều cho thấy rõ ràng: cái văn bản tư tưởng chính trị của Chính phủ Hà Nội là ý niệm độc lập hoàn toàn và tuyệt đối. Tất cả mọi đề nghị trong cuộc họp đều khẳng định ý chí loại bỏ nước Pháp (38)... Phải thẩm nhून cái điều này, là kẻ thù của ta muốn đuổi chúng ta ra khỏi xứ sở này (Nam Kỳ)”.

Tuy vậy, ngày 11/5, đô đốc d’Argenlieu sẽ kết thúc công việc với một lời ghi chú có vẻ lạc quan:

“Cuộc hội nghị... đã làm việc trong trật tự, với tinh thần ngay thẳng, thân ái; nó đã cho phép nói rõ lên và chi tiết rất nhiều điểm mà quan điểm của hai bên có vẻ như còn trái nhau. Tôi nói “trái nhau” chứ không nói “mâu thuẫn” nhau. Sẽ là thiếu thận trọng thật sự nếu chúng ta kết luận rằng những điều bất đồng ấy sẽ không được san bằng đi một ngày nào đó. Đây là vấn đề thiện chí, vấn đề kiên trì và vấn đề thời gian...”.

Hôm sau ngày bế mạc hội nghị, tức ngày 14/5, ông đô đốc đến Ban Mê Thuột để tiếp nhận “Lời Thề Lớn” (sẽ trung thành với nước Pháp) của các lãnh tụ các bộ tộc người Thượng Tây Nguyên. Ngày 8/5 (tức ngày trước hôm bế mạc hội nghị), trong một bức thư gửi Leclerc, ông ta đã yêu cầu Leclerc dự kiến trong một tương lai gần sẽ “tăng cường một cách quả quyết công cuộc Bắc Tiến của chúng ta theo hướng Pleiku và Kontum”, bởi “chúng ta phải mở rộng quyền lực của chúng ta ở Trung Bộ theo hướng vĩ tuyến 16, đặc biệt là lên vùng người Thượng”. Nhưng Leclerc ghi chú: “Chúng ta có thể làm việc này lúc nào chúng ta muốn; nhưng vấn đề là phải biết chúng ta sẽ có ích lợi gì không khi chúng ta tăng thêm những khó khăn của chúng ta đối với Việt Nam”. Vấn đề cấp thiết đối với ông ta (Leclerc) là làm sao buộc được người Trung Quốc phải ra đi.

Vả lại d’Argenlieu, ngày 14/5, sẽ thừa nhận rằng những cuộc hành quân lên Pleiku và Kontum, dĩ nhiên là sẽ “được chỉ đạo một cách quả quyết và nhanh chóng, chỉ có thể tăng thêm những nỗi khó khăn của chúng ta đối với Chính phủ Việt Nam và gây nên một cuộc khủng hoảng gay gắt tại miền Bắc Đông Dương”...

• Quy chế “nước Nam Kỳ”

Bản dự án về Nam Bộ của ông đô đốc đã được trình bày ở Paris qua bức điện của ông ta ngày 3/4. Bức điện này đã “chạm trán” với một công hàm của Moutet nói rõ cho Cao ủy về vấn đề Nam Bộ như sau:

“Cần nói rõ ra rằng: sẽ không có cách gì để trưng cầu được dân ý chừng nào chưa lập lại được trật tự, những nhóm vũ trang còn tồn tại ở các tỉnh và những hành động khủng bố vẫn còn tiếp

tục. Sẽ cần thiết là trước tiên phải chỉnh đốn lại các tổ chức địa phương, xã và tổng”.

Một bức điện ngày 15/4, vẫn của Moutet, có xen vào một lời ghi chú thận trọng. Ông Bộ trưởng cho rằng “dĩ nhiên chúng ta phải khéo léo để đừng lộ mặt là những người chủ trương tuyên truyền cho chế độ tự trị của Nam Kỳ mà chủ trương ấy xuất phát từ chính những người Nam Kỳ”.

Chỉ sau đó ít lâu, khi Hội nghị Đà Lạt đã khai mạc rồi, ông đô đốc mới nhận được bức điện ngày 21/4, càng làm cho ông quả tình là khó xử:

“Tôi không giấu Ngài rằng vấn đề Nam Kỳ hiện nay là một trong những mối lo ngại bản khoản của Bộ. Không còn nghi ngờ gì nữa, việc thống nhất ba kỳ là một yêu sách cơ bản của Việt Nam.

“... Ngày 6/3, chúng ta đã cam đoan sẽ “công nhận những nghị quyết của nhân dân thông qua các cuộc trưng cầu dân ý”. Mọi sáng kiến chính thức sau thời hạn này có thể coi như một sự tuyên truyền cho chế độ tự trị của Nam Kỳ đều cần thiết phải tránh. Chúng ta phải đứng trên cuộc bàn cãi và phải đóng vai trọng tài. Chính là theo hướng đó mà qua bức điện của tôi ngày 15/4, tôi dự định có những cuộc tiếp xúc giữa những phần tử có trách nhiệm ở Nam Kỳ và ông Hồ Chí Minh để họ thảo luận với nhau về những vấn đề nội bộ của họ.

“Việc thành lập một chính phủ Nam Kỳ trung lập, dĩ nhiên, hiện nay không thể bị coi như là một thủ đoạn, nhất là khi chính phủ này sẽ đứng ra tổ chức cuộc trưng cầu dân ý đã dự định nói trên.

“Việc cử một phái đoàn Nam Kỳ cũng sẽ làm nảy sinh những sự phản kháng của Việt Nam và chắc chắn cả những sự phản ứng có thể đặt chúng ta vào tình thế khó khăn. Tôi không nghĩ rằng người dân Nam Kỳ có thể buồn phiền gì về quan điểm của chúng ta: cuộc trưng cầu dân ý vẫn để cho họ hoàn toàn tự do bày tỏ nguyện vọng của mình và chính là chúng ta sẽ phải căn cứ vào sự phát biểu đúng đắn những ý muốn của họ để mà giới hạn hành vi của chúng ta. Chúng ta không nên tỏ ra là những kẻ bảo vệ cho một xu hướng nào.

“Bất cứ một sự xác định lập trường nào cũng sẽ đặt chúng ta vào một tình thế mà hoặc lòng trung thực của chúng ta, hoặc ý thức chính trị của chúng ta sẽ bị liên can, tùy theo kết quả của cuộc trưng cầu dân ý”.

Ký tên: LABROUQUÈRE

Ông Labrouquère, cựu giáo sư đại học tại Đông Dương (và là Đảng viên Đảng Xã hội) ngày 15/4 đã thay Francois de Langlade là người mà đô đốc d'Argenlieu vẫn có những mối quan hệ tin cậy.

• Bức giác thư ngày 26/4

Sự đổi thay đó khích lệ ông đô đốc gửi về Paris ngay từ ngày 26/4, một bức giác thư: “Bước ngoặt chính trị tại Đông Dương”, mà ông cho là cơ bản bậc nhất và sẽ trở thành “văn kiện gốc” hoặc văn kiện tham khảo của ông trong nhiều tháng. Sau đây là một vài trích đoạn có ý nghĩa.

“Mục đích chính sách của chúng ta, mục tiêu đầu tiên và xác định của sứ mệnh của tôi là lập lại chủ quyền nước Pháp...

“Trách nhiệm đầu tiên đổ lên đầu chúng ta là duy trì và củng cố quyền lực của chúng ta tại những nơi mà tám tháng hoạt động vừa qua đã thiết lập được... Đối với Campuchia và Lào, trước mắt không có căn cứ gì để hoài nghi về tương lai.

“Đối với Nam Kỳ, thì nguy cơ của cuộc trưng cầu dân ý đang đè nặng.

“Khả năng may mắn đạt được đa số tán thành chế độ tự trị - chủ yếu sẽ phụ thuộc, tại xứ sở này vào sự minh bạch trong đường lối chính trị của chúng ta. Sự minh bạch ấy đã có cho đến ngày 6/3... Một chính phủ lâm thời sẽ được thành lập một cách tự do và Nam Kỳ sẽ trở thành một nước tự trị trong lòng Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

“Từ ngày 6/3, sự minh bạch ấy không còn nữa. Những văn bản đã được ký cuối cùng đã đem vào, ở giây phút cuối cùng, cái điều khoản quy định khả năng thống nhất ba kỳ sau một cuộc trưng cầu dân ý.

“Vậy là từ đây chúng ta cứ phải đi theo cái quá trình tiến triển ấy. Nó sẽ không thiếu gì chuyện bất ngờ...”

Ông đô đốc giải thích rằng Sài Gòn đang sửa soạn các cuộc bầu cử và hệ thống bầu cử sẽ hoàn thành trong vòng tháng sáu.

“Tuy không trực tiếp nhúng tay vào chiến dịch bầu cử, nhưng do bản chất những quyền lợi liên quan, nước Pháp buộc phải có một tư tưởng chính trị. Nó có thể ủng hộ sự tự trị của Nam Kỳ, trước sự bất bình quyết liệt của Chính phủ Hà Nội. Ngược lại, nó có thể ủng hộ sự thống nhất ba kỳ một cách bất lợi cho quyền lực của Pháp. Nó cũng có quyền từ chối.

“Chỉ một lập trường có tính chất tư tưởng hệ và giáo điều mới nghiêng về ủng hộ sự hợp nhất ba kỳ và đưa chúng ta lẽo đẽo theo gót Chính phủ Hà Nội”.

Và ông đô đốc ra sức “chứng minh” rằng yêu sách đó của Hà Nội chẳng có một căn cứ nào cả, về địa lý không, về lịch sử không, về kinh tế cũng không.

“Còn cái luận cứ về ngôn ngữ thống nhất thì hoặc nó rất trẻ con, hoặc nó bị “ô nhiễm” vì một chút hơi hướng chủng tộc chủ nghĩa. Luận cứ về ngôn ngữ thống nhất ấy chẳng phải đã từng là cái luận cứ của Hitler để cưỡng bách các dân tộc thiểu số Đức phải biến tan đi trong Đại Đế quốc Đức sao?

“Thực ra ở Đông Dương, sứ mệnh của nước Pháp đã và vẫn còn là bảo vệ các dân tộc ít người chống lại xu hướng Đế quốc chủ nghĩa của người An Nam (tức người Kinh - LND). Xu hướng này đã được “Đạo thập tự quân” Việt Minh đang cầm quyền tăng cường và củng cố. Ở đâu có chính quyền Việt Minh là ở đó có kỹ thuật và chiến thuật du kích sẽ còn ngự trị lâu dài với chính sách khủng bố và hận thù của họ.

“Để thu được vài lợi ích nhất thời trong việc liên kết ba kỳ, nước Pháp đã phải dâng tất cả một cách độ lượng ngày 6/3/1946, cho lợi ích riêng một Chính phủ Hà Nội. Làm như vậy, chẳng hóa ra là nước Pháp đã phạm một điều bất công đáng kể đối với những con người trung thành nhất với chúng ta ở Lào, ở Campuchia và nhất là ở Nam Kỳ sao?

“Nếu như sau một cuộc trưng cầu dân ý không được chuẩn bị cẩn thận theo một chính sách rõ ràng, quyền lực của nước Pháp bị loại bỏ ra khỏi Nam Kỳ, thì thế là cả Liên bang Đông Dương và nói gọn là Đông Dương “đi đời”. Sớm muộn gì rồi nước Đại Nam cũng sẽ xâm nhập và thôn tính Lào và Campuchia. Nhưng cho đến khi có lệnh mới, chúng ta giữ vững Nam Kỳ và đây sẽ là một con bài tốt nhất của chúng ta trong lúc cuộc đàm phán được tiến hành tại Paris vào khoảng cuối tháng năm sang đầu tháng sáu...”

Đến đây ông đô đốc nghiên cứu xem chuyện gì sẽ có thể xảy ra trong trường hợp cuộc đàm phán với Việt Nam thất bại.

“Sự thất bại đó không nhất thiết sẽ kéo theo một sự đoạn giao quyết liệt và sự rút quân của chúng ta ở miền Bắc Đông Dương. Chúng ta sẽ tiếp tục một cách bình thường cái công việc mà chúng ta đã bắt đầu.

“Trong giai đoạn một, Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ có thể vẫn tồn tại như một quốc gia tự trị nằm trong Liên hiệp Pháp, chúng ta sẽ cố gắng duy trì những mối dây liên hệ đó. Bên rìa quốc gia tự trị đó, chúng ta cứ hoàn tất tổ chức Liên bang các quốc gia gia mà không tỏ chút gì thù địch với miền Bắc cả. Sang giai đoạn hai, Quốc gia tự do miền Bắc - nơi đó các Đảng phái cạnh tranh nhau thống trị - có thể sẽ trở về với Liên bang, ít thất vọng về phương diện quân sự kinh tế và văn hóa.

“Chỉ còn việc là Chính phủ Cộng hòa (Pháp) nhận lấy phần trách nhiệm riêng của mình và quyết định kịp thời nên theo hướng này hay hướng khác trong đường lối chính trị của mình. Đây là điều tối cần để cho công việc có hiệu quả”

Đã ký: D'ARGENLIEU

Ông đô đốc đã gửi sang Pháp một phái đoàn của “Nam Kỳ” do Đốc phủ sứ Chấn lãnh đạo, cùng với Đại tá Xuân. Phái đoàn đã rời Sài Gòn ngày 23/4. Nó sẽ tới Paris cùng một lúc với phái đoàn Hà Nội, mà Quốc hội Pháp đón tiếp ngày 26/4.

Nhưng nước Pháp đang giữa chiến dịch bầu cử, sẽ không gửi thêm chỉ thị nào cho ông đô đốc. Ủy ban Liên bộ về Đông Dương chỉ đến ngày 7/5 mới họp. Trong lúc chờ đợi, bằng cuộc trưng cầu dân ý, ngày 5/5, các cử tri Pháp đã bác bỏ dự án Hiến pháp do Quốc hội trong đó Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản chiếm đa số, soạn thảo ra. Một Quốc hội mới phải được bầu ra, lần này vào ngày 2 tháng 6... Ông Moutet và ông Labrouquère đều là ứng cử viên Quốc hội và họ phải tiến hành cuộc vận động bầu cử.

• Hồ Chí Minh lên đường đi Paris và tuyên bố của Sài Gòn

Ngay ngày hôm sau cuộc Hội nghị Đà Lạt, d'Argenlieu đi Lào (chúc mừng Nhà Vua ở Luang Prabang vừa mới được giải phóng) rồi bay qua Hà Nội, ở đây ông được đón tiếp nồng nhiệt trong hai ngày 18 và 19 tháng năm. Mọi cái đều cho phép người ta nghĩ rằng hai ông Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Tường Tam đã báo cáo kỹ về Hội nghị Đà Lạt và kết luận của hai ông là cần đề cao cảnh giác vì người Pháp không hề nhân nhượng chút nào và ý đồ của họ chẳng có gì là minh bạch. Phái đoàn Quốc hội đã rời Paris ngày 16/5, vừa trở về lúc đó, lòng phấn khởi vì đã được tiếp đón tử tế. Phái đoàn này nghĩ rằng những triển vọng chính trị ở Pháp có phần thuận lợi cho Việt Nam.

Ông đô đốc cố thuyết phục ông Hồ Chí Minh không nên đi Pháp trước ngày 01/6 như đã thỏa thuận trước: Do gần sát ngày Tổng tuyển cử rồi cho nên nước Pháp có thể không có Chính phủ. Nhấn mạnh về sự “bỉ ối” của những hành vi khủng bố tại Nam Kỳ, ông ta báo cho ông Hồ biết rằng trong những điều kiện như vậy, ông Hồ không thể từ chối người Nam Kỳ muốn có một Chính phủ tự trị của mình; sau đó ông ta viện dẫn “Lời Thề Lớn” của Ban Mê Thuột để đặt trở lại vấn đề Tây Nguyên (các Cao nguyên Mọi, trong nguyên văn - LND) “Đó là vấn đề các dân tộc thiểu số, một vấn đề rất nghiêm trọng - ông Hồ đáp. Chúng ta sẽ thảo luận vấn đề này tại Paris”.

Từ đây, xác định được về ý đồ của ông Hồ cũng như công việc mà phái đoàn Nam Kỳ làm tại Paris (phái đoàn này đã tìm cách gặp được Gouin, Varenne, v.v...), ông đô đốc thấy thời cơ đã đến và trong khi Pariss đang hầu như bị tê liệt mọi cảm giác, ông ta để yên cho cái tiến trình đã dự tính, cái màn kịch đã sắp đặt trước được nổ bùng ra.

Ông chủ tịch Hội đồng Tư vấn, Luật sư Béziat, một người Pháp, gửi cho Cao ủy Pháp hôm 25/5, một bức thư chính thức xin thành lập một chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Nam Kỳ. Ngày 27, ông đô đốc[\[47\]](#) trả lời Béziat: “chấp nhận” thỉnh cầu, nhưng vẫn nhấn mạnh đến tính chất tạm thời của chính phủ đó, cũng nói rõ thêm rằng vì Nam Kỳ là một mảnh đất của “di sản Quốc gia Pháp”, cho nên một cuộc bỏ phiếu của Quốc hội Pháp sẽ cần thiết để phê chuẩn quyết

định này.

Và thế là ngày 01 tháng 6 năm 1946, nước Cộng hòa tự trị Nam Kỳ tuyên bố ra đời và một Chính phủ lâm thời do Bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh làm Thủ tướng và Đại tá Xuân làm Phó Thủ tướng được thành lập.

Cùng ngày hôm ấy, ông đô đốc quyết định thông báo cho ông Hồ Chí Minh, đang trên đường đi Paris biết bằng một bức điện ông ta gửi Đại sứ Pháp tại Le Caire (Ai Cập). Nhưng, theo lệnh của Bộ Ngoại giao, bức điện ấy sẽ không giao cho người nhận (ông Hồ Chí Minh), mà người nhận sẽ được thông báo qua đài phát thanh và qua các bạn cùng đi của ông là tướng Salan và Jean D'Arcy, Chánh văn phòng của E. Michelet, Bộ trưởng quân đội. Còn ông Hồ Chí Minh thì lúc rời Hà Nội ngày 31 tháng 5, đã gửi cho ông đô đốc bức điện như sau:

“Trước lúc tôi lên đường đi Paris, tôi xin chân thành cảm ơn Ngài về tất cả những gì Ngài đã làm cho chuyển đi của tôi và những lời Ngài đã chúc mừng tôi trong thư trước. Tôi hy vọng và tin chắc rằng những cuộc đàm phán ở Paris sẽ có thể dẫn đến một sự hợp tác nghiêm túc và vững bền giữa hai nước chúng ta”.

Một bức điện của Moutet ngày 5/6 làm cho ông đô đốc yên tâm:

“1. Ủy ban Liên bộ (Cominindo) họp hôm 4/6 duyệt y các quyết định của Ngài về chính sách đối với Nam Kỳ. Ủy ban tích cực mong muốn một chính phủ Nam Kỳ tự trị được thành lập nhằm bảo vệ những lợi ích của nhân dân Nam Kỳ; nhưng chính phủ ấy cần thiết phải gồm những yếu tố rất tiêu biểu của các tầng lớp nhân dân và từ các tầng lớp nhân dân ấy mà ra. Nó không được, trong bất cứ trường hợp nào, xuất hiện như một sản phẩm của các nhà chức trách Pháp nặn ra và như một chiếc bình phong của họ. Tôi lưu ý Ngài về nhiệm vụ giao cho các nhà chức trách Pháp là phải luôn luôn thi hành một sự trung lập tuyệt đối trong cuộc tranh luận đang ngăn cách Chính phủ Hà Nội và Chính phủ Nam Kỳ, để chúng ta khỏi bị lên án là vi phạm lời văn và tinh thần của các hiệp định mong 6 tháng 3; những hiệp định này đã ghi rõ trên giấy trắng mực đen sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề ba kỳ. Việc bầu cử tự do và chân thành sẽ càng được bảo đảm khi mà Chính phủ Nam Kỳ càng có uy tín nhiều hơn trong tư cách là người đại diện của nhân dân và an ninh trật tự xã hội được lập lại một cách toàn vẹn.

“2. Trong trường hợp xuất hiện những phản ứng tại Hà Nội thì người đại diện nước Pháp sẽ lưu ý Chính phủ Việt Nam rằng tình hình thực tế ở Nam Kỳ không có ảnh hưởng gì đáng ngại đến giải pháp cuối cùng cả. Rằng ngoài ra, chính những hành động khủng bố và sự tuyên truyền quốc gia chủ nghĩa là nguyên nhân gây ra sự phản ứng này của dân chúng Nam Kỳ; dân chúng Nam Kỳ sẽ tự mình định đoạt lấy số phận của mình”.

Trong lúc nước Pháp tiến hành bầu cử (và những cuộc bỏ phiếu ngày 2/6 đánh dấu một sự tiến bộ của MRP (Phong trào Cộng hòa bình dân) và một sự thụt lùi của Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản), Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam lên đường đi Paris. Sau khi đỗ lại Le Caire và Tripoli, họ được phép hạ cánh ở Biskra tại Algérie. Nhưng phải quyết định về những chặng đường tiếp theo. Đúng thế, Paris đề nghị trong lúc chờ đợi thành lập chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các bạn đồng hành của Người sẽ lưu lại ở một địa điểm nào đó trên đất Pháp: người ta đề nghị Cannes và ông Hồ đã chấp nhận ngay; nhưng cuối cùng, một cách khá đột ngột, máy bay của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn của Người lại hạ cánh xuống Biarritz ngày 12/6. Lưu trú tại khách sạn Carlton, họ sẽ phải ở lại đó gần hai tuần lễ, đi tham quan một vài nơi (Gavarnie, Lourdes, v. v...) và tiếp xúc với các thị trấn và với nhân dân.

Đô đốc d'Argenlieu cũng trở về Pháp dự buổi khai mạc Hội nghị Pháp - Việt. Rời Sài Gòn ngày 13/6, ông ta đến sân bay Orly ngày 14 lúc 17h (một thời gian kỷ lục!). Ngày 16 ông ở Bayeux, nghe tướng De Gaulle nói chuyện, rồi được De Gaulle tiếp lần cuối cùng, ngày 20, tại Colombey-lesdeux-Eglises...

Ngày 19/6, Quốc hội lập hiến chỉ định một Thủ tướng mới của Chính phủ lâm thời Cộng hòa

Pháp: Georges Bidault, lãnh tụ của phong trào Cộng hòa bình dân.

VIII. FONTAINEBLEAU HAY LÀ CUỘC TRƯỜNG KỲ THƯƠNG LƯỢNG (22/6 - 19/9/1946)

Georges Bidault, ngày 19/6/1946, được bầu làm thủ tướng chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp; ngày 24, đã chọn các bộ trưởng của mình. Từ đây Paris đã có thể bắt đầu cuộc đàm phán đã dự định trước với Việt Nam và Hồ Chí Minh sắp sửa được rời Biarritz để đến Paris. Ông hạ cánh ở sân bay Bourget chiều hôm 22 tháng 6.

Vừa đặt chân tới thủ đô nước Pháp, ông nắm được những tin tức dồn dập: từ ngày 21, trong một chiến dịch “chớp nhoáng”, quân đội Pháp theo lệnh của đô đốc d’Argenlieu và tướng Leclerc đã chiếm đóng cả vùng cao nguyên Nam Việt Nam (gọi là “Cao nguyên Mọi”) và đặc biệt là Pleiku và Kontum. Rồi ngày 23, tại Hà Nội, quân Pháp đã chiếm đóng phủ Toàn quyền mà cách đây chưa bao lâu viên tổng chỉ huy quân đội Trung Quốc vừa rút khỏi. Hai “sự việc đã rồi” không mang tính chất gây không khí thuận lợi cho cuộc đàm phán chút nào, nhưng lại được đô đốc d’Argenlieu sắp sửa “bào chữa” cho trong một bức công hàm dài dòng gửi Georges Bidault...

Nhưng vấn đề bây giờ đây là “nắm lấy vấn đề Việt Nam trong toàn bộ của nó” và tìm cách giải quyết. Cuộc hội nghị Việt - Pháp sẽ diễn ra không phải ở Paris như Hà Nội đề nghị, cũng không phải ở Compiègne (nơi đây gọi lại những vấn đề chưa chát) mà là ở Fontainebleau, cách Paris khá xa để lẩn tránh những áp lực của dư luận báo chí và của những giới khác mà Sài Gòn, các cơ quan dân sự và bạn bè của họ hết sức kinh sợ. Phái đoàn Pháp được chỉ định nhanh chóng (cũng giống như phái đoàn tại hội nghị Đà Lạt) và các chỉ thị được giao cho nó ngày 29/6. Phái đoàn vẫn sẽ do Max André, cố vấn thành phố Paris, chỉ đạo. Tiếp đó, bắt đầu “cuộc đi thăm chính thức” của Hồ Chí Minh (ngày 2, 3 và 4 tháng 7). Thăm thủ tướng chính phủ, dự chiêu đãi trọng thể, đặt vòng hoa trước tượng đài Người Lính Vô Danh tại Khải Hoàn Môn; rồi thăm các nơi khác như Cung điện Versailles, Đồi Valérien^[48], Tòa đô sảnh, đi xem hát tại nhà hát Opéra, v.v... và những bài diễn văn nồng nàn. Cũng có ít nhiều thoải mái.

• Một sự mở đầu khó khăn

Sau một sự chuẩn bị kéo dài như vậy, ngày 6/7 hội nghị Fontainebleau khai mạc. Bắt đầu đã có vẻ trục trặc rồi. Quả nhiên sau lời chào mừng của Max André, Phạm Văn Đồng, trưởng phái đoàn Việt Nam đã đáp lại bằng một bài diễn văn hùng hồn, dùng những từ ngữ mãnh liệt để lên án chính sách “việc đã rồi” của đô đốc d’Argenlieu, đặc biệt là việc tuyên bố thành lập chính phủ Nam Kỳ và việc chiếm đóng vùng Tây Nguyên mới đây.

Tuy nhiên ông vẫn khẳng định ý chí quyết tâm của Việt Nam sẽ đi đến.

“Một thỏa hiệp vĩnh viễn với nước Pháp; bao nhiêu sợi dây đang buộc chặt nước Pháp lại với chúng tôi trong tình đoàn kết và chúng tôi đang mong muốn giữ vị trí của chúng tôi bên cạnh nước Pháp trong đại gia đình các nước dân chủ và tự do”.

“Mặc dù liên tục có những điều làm trái lẽ mà chính sách Việt - pháp thân thiện của chúng tôi phải chịu đựng từ ngày 6/3 đến nay, chúng tôi vẫn tin chắc rằng chính sách ấy của chúng tôi là đúng, rằng chỉ duy nhất nó mới có khả năng thỏa mãn những nguyện vọng sâu sắc của dân tộc Việt Nam hướng về độc lập mà vẫn song song củng cố trên những nền tảng mới, những lợi ích và uy tín của nước Pháp tại Viễn Đông. Chính là trên tinh thần ấy mà chúng tôi đi vào Hội nghị với ý đạt cho kỳ được mục đích đề ra...”

“Nhưng trên hết, chúng tôi quyết chí phản đối đến cùng, với tất cả sức mạnh của một dân tộc

20 triệu người đứng lên trong một hành động tự vệ cuối cùng, chống lại sự chia cắt đất nước chúng tôi, chống lại sự thành lập một quốc gia tự do Nam Kỳ”.

Những lời phản ứng của d’Argenlieu[49] trước những lời chỉ trích đối với bản thân và chính sách của ông ta sẽ không ngăn cản cuộc hội nghị nhanh chóng chuyển sang phần công việc. Bất kể cái không khí lạnh lẽo tạo nên do bài diễn văn của Phạm Văn Đồng, cuộc hội nghị cứ khởi hành. Chương trình nghị sự của hội nghị đã được thông qua ngay từ ngày 9/7. Nó bao gồm 5 điểm:

1. Sự gia nhập của Việt Nam vào khối Liên hiệp Pháp và những mối quan hệ ngoại giao của nó với nước ngoài.
2. Dự thảo thành lập Liên bang Đông Dương.
3. Vấn đề thống nhất 3 kỳ và trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ.
4. Những vấn đề kinh tế.
5. Soạn thảo dự án hiệp ước.

Công việc tiến hành ngay và ngay từ lúc bắt đầu, hai phái đoàn lại đứng trước những mâu thuẫn đã đối lập họ tại Đà Lạt.

• Hai quan niệm

Bức công hàm cơ bản của phái đoàn Pháp trao cho phái đoàn Việt Nam ngày 11/7 trình bày những quan niệm của nó về vị trí của Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp. Bức công hàm viết: “Liên hiệp Pháp không phải là một sự hết hợp quyền lợi đơn thuần. Nó cần phải có một lý tưởng chung, lý tưởng dân chủ và xã hội, là di sản quý báu của hai dân tộc chúng ta”.

Nhưng, từ đó, người ta đã suy diễn ra: “với việc kết hợp làm một cả tiềm năng quân sự và kinh tế của chúng ta lại”. Vậy quốc phòng và ngoại giao chỉ có thể “thực hiện thông qua những cơ quan có thẩm quyền của Liên hiệp Pháp, mỗi một thành viên của LHP có khả năng trong nội bộ khối Liên hiệp này, nói lên tiếng nói của mình...”

Luận điểm của Pháp về nội dung chẳng qua cũng vẫn là một văn bản của cái luận điểm “đồng hóa chủ nghĩa” ngày xưa. Nó chỉ quan niệm sự biến chuyển trong một hệ thống duy nhất, trong đó sự kết hợp thực ra mang tính chất của một “hợp đồng gia nhập” (tức là gia nhập bắt buộc), với những sự nhấn mạnh về khía cạnh thể chế của các mối quan hệ giữa hai dân tộc mà thôi. Max André nói thêm, ngày 17/7:

“Quan niệm của chúng tôi về khối Liên hiệp Pháp không phải là quan niệm về một đồng minh mà là quan niệm về những quốc gia đoàn kết chặt chẽ với nhau bởi những cơ quan chung” (trong đó dĩ nhiên các cơ quan của Pháp chiếm ưu thế).

Trái lại, quan niệm của phái đoàn Việt Nam căn cứ trên ý niệm đồng minh, hòa hợp quyền lợi, quan hệ song phương giữa các quốc gia độc lập. Công hàm của phái đoàn Việt Nam trao cho phái đoàn Pháp ngày 12/7 là một bằng chứng:

“Những mối quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp là những quan hệ hợp đồng được xác định qua con đường hiệp ước. Những quan hệ ấy được thiết lập trên những nền tảng sau đây:

a. Tự do gia nhập

b. Quy chế bình đẳng

c. Đoàn kết bảo vệ quyền lợi chung”.

Vậy là phái đoàn Việt Nam chấp nhận nguyên tắc về một Đại hội của Liên hiệp Pháp, về những cuộc hội nghị thường kỳ giữa các người lãnh đạo và về những quyền đại diện ngoại giao (thuộc quyền các bộ ngoại giao các nước).

Hồ Chí Minh bổ sung thêm vào bản danh mục này trong kỳ họp báo ngày 12/7 như sau:

“Trên phương diện chính trị, những mối quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam phải xuất phát từ một hiệp ước. Hiệp ước này phải dựa trên nguyên tắc cơ bản cái quyền của mỗi dân tộc được tự mình quyết định lấy số phận của mình. Trên-phương diện kinh tế và văn hóa chúng tôi tán thành hợp tác với nước Pháp trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp. Bất cứ lúc nào mà quyền lợi chung được đề cập tới thì lúc đó sẽ có sự đoàn kết, liên hệ với nhau.

“Sự tồn tại của Liên bang Đông Dương được xác nhận bởi sự cần thiết phải phối hợp các hoạt động của Việt Nam, Lào và Campuchia. Căn bản nó phải mang nội dung kinh tế. Về phần mình, nước Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi hơn hai nước láng giềng, sẵn sàng giúp đỡ họ nếu họ yêu cầu. Nhưng Việt Nam kiên quyết ngăn chặn không cho Liên bang trở thành một thứ Chính phủ Toàn quyền giả hiệu.

Còn về những lợi ích của Pháp ở Việt Nam, Hồ Chí Minh nói rõ rằng: Những lợi ích đó sẽ được bảo đảm hẳn hoi.

“Nước Việt Nam sẵn sàng bảo đảm an toàn cho các số vốn của Pháp đầu tư vào trong lãnh thổ của mình. Mặt khác, người Pháp vẫn có thể tiếp tục xây dựng đủ mọi loại xí nghiệp. Quyền tự do của họ cũng sẽ phải tuân thủ những hạn chế như quyền tự do của người Việt Nam, đặc biệt là một khi liên quan đến những công nghiệp then chốt mà việc quốc hữu hóa là bắt buộc. Chúng tôi sẽ ưu tiên kêu gọi sự giúp đỡ của các kỹ thuật viên Pháp hơn kỹ thuật viên mọi nước khác. Đối với những công chức người Pháp hiện còn đang ở lại Việt Nam thì, hoặc họ sẽ được sử dụng để làm việc trong các công sở của chúng tôi, hoặc nếu không còn khả năng làm việc nữa thì họ sẽ được trợ cấp...

“Tôi tin tưởng ở sự thành công cuối cùng của cuộc hội nghị Việt - Pháp. Cả hai dân tộc chúng ta đang kêu gọi chúng ta nêu lên một tấm gương đẹp nhất cho thế giới noi theo”

Các tiểu ban, họp từ ngày 13 đến 30/7, chỉ còn có thể lặp lại hầu như nguyên văn những cuộc tranh luận tại Đà Lạt. Quan điểm mỗi bên chỉ tiến triển một cách ít ỏi.

Phái đoàn Việt Nam nhấn mạnh rằng Liên bang Đông Dương sẽ chẳng bao giờ là một quốc gia. Cho nên họ từ chối không chấp nhận cho một luật lệ Liên bang có thể vượt lên trên luật lệ của các quốc gia dân tộc. Liên bang chỉ nên có một vai trò riêng của nó là quản lý và liên kết kinh tế, nhưng trong số rất nhiều quyền hạn mà phái đoàn Pháp muốn khoác vào cho Liên bang Đông Dương, phía Việt Nam chỉ chấp thuận có hai: Viện Phát hành và Sở Hối đoái. Họ cũng không chấp nhận cho những thu nhập thuế quan nhập vào quỹ Liên bang. Họ bảo: Liên bang sẽ sống nhờ vào sự đóng góp tài chính của các nước thành viên của Liên bang. Tuy vậy, họ vẫn khẳng định điều thỏa thuận ở Đà Lạt về nguyên tắc thống nhất thuế quan, về thống nhất tiền tệ.

Về vấn đề quân đội và ngoại giao, họ cũng phản đối tương tự. Phái đoàn Việt Nam dứt khoát bác bỏ nguyên tắc một bộ chỉ huy duy nhất trong thời bình và mọi ý đồ “tập thể hóa” tiềm năng quân sự. Nhưng sau cùng, họ chấp nhận, với điều kiện xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của chúng, nguyên tắc có một bộ tham mưu hỗn hợp trong thời bình. Họ đồng ý về điều chỉnh tổ chức quân sự của mình một cách hòa hợp với tổ chức quân sự của nước Pháp, nhưng với điều kiện là quân đội Việt Nam vẫn dưới sự chỉ huy của Việt Nam và dưới quyền của Bộ trưởng

hữu trách.

Còn về các căn cứ, để có thể tương trợ nhau trong trường hợp bị tấn công, Việt Nam sẵn sàng để cho quân đội Pháp sử dụng “trong một số năm nhất định”, nhiều căn cứ hải quân và không quân. Quân số Pháp đóng ở các căn cứ quân sự đó sẽ được ấn định qua những hiệp ước song phương. Ngược lại, Pháp phải rút khỏi những căn cứ trên bộ mà hiệp định 3/4 đã quy định cho Pháp được đóng quân vào ngày 6/3/1951. Cho đến ngày ấy, quân đội Pháp sẽ được tự do đi lại.

Đây là những hạn chế mà Bộ Tham mưu Pháp không thể nào đồng ý. Theo Bộ Tham mưu Pháp, thì một sự nghiệp giữ nước (họ không nói rõ “chống ai”) không thể có hiệu quả nếu ngay trong thời bình không thực hiện sự chỉ huy thống nhất và nếu các căn cứ quân sự bị hạn định theo kiểu đó.

Trên bình diện ngoại giao, cũng như ở hội nghị Đà Lạt, đoàn Việt Nam yêu cầu có một nền ngoại giao riêng, có quyền trao đổi đại diện ngoại giao với nước ngoài, có quyền cử đại diện riêng ở Liên Hiệp Quốc, có một hệ thống tham khảo lẫn nhau nhằm điều hòa đường lối ngoại giao cho phù hợp. Phái đoàn Pháp vẫn giữ quan niệm của mình về một nền ngoại giao duy nhất, luôn luôn chỉ chấp nhận sự tham gia của người Việt Nam vào các chức vụ ngoại giao của Liên hiệp Pháp. Nhưng giờ đây, họ chấp nhận nguyên tắc tự quyết về mặt đại diện ngoại giao cấp lãnh sự.

- Và bất đồng nữa trên lãnh vực kinh tế.

Phạm Văn Đồng sẽ nói rằng Việt Nam không thể nào đối xử với người Pháp như công dân của mình được. “Các ngài đến đất nước chúng tôi trong khi chúng tôi ở trên đất nước của mình. Sự khác biệt là cơ bản”. Nhưng ông chấp nhận cho người Pháp được hưởng một chế độ ưu tiên và bảo đảm sẽ không có một luật lệ phân biệt nào được ban hành ra nhằm chống lại họ. Người Pháp sẽ được hưởng quyền cư trú tự do miễn là họ tuân theo pháp luật của đất nước. Nhưng ở điểm này, Chính phủ Pháp mong muốn Việt Nam cam kết sẽ không thay đổi gì trong chế độ sản của người Pháp khi chưa được sự đồng ý của Chính phủ Pháp. Phái đoàn Việt Nam, đã chứng kiến việc nước Pháp những năm gần đây đã quốc hữu hóa các hầm mỏ, điện, khí đốt, các ngân hàng và các công ty bảo hiểm và bản thân họ (phái đoàn Việt Nam) cũng xét thấy cần thiết Nhà nước phải nắm lấy quyền kiểm soát hoặc quyền sở hữu những xí nghiệp công ích, chỉ cam kết không hành động đơn phương cho đến khi hiệp ước được ký kết. Đây là một điểm mà hai bên đối đầu rất căng thẳng vì phái đoàn Pháp không chấp nhận cả việc Chính phủ Việt Nam mua lại những xí nghiệp của Pháp.

Sau nữa, về vấn đề viện trợ kỹ thuật, các đại diện của Pháp nhấn mạnh về việc dành ưu tiên tuyệt đối cho kỹ thuật viên Pháp. Phía Việt Nam sẽ chấp nhận vấn đề này trên nguyên tắc nhưng sẽ nói thêm rằng sự ưu tiên đó chỉ được thực hiện với những điều kiện và chất lượng bình đẳng và ngang nhau. Họ sẽ khẳng định nguyện vọng là: trong việc tiếp xúc và tuyển dụng những kỹ thuật viên tư nhân mà họ thấy cần thiết, họ không phải thông qua trung gian của Chính phủ Pháp. Một thỏa thuận sẽ được thực hiện về điểm này.

Nhưng, cũng như ở Đà Lạt, vấn đề Nam Kỳ sẽ trở thành hòn đá cản của hội nghị. Ngay từ ngày 12/7, Hồ Chí Minh cũng đã nói:

“Nam Bộ là đất Việt Nam. Nó là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi... Trước khi đảo Corse trở thành đất của Pháp, thì Nam Bộ đã là đất Việt Nam... Về điểm này, tôi khẳng định rằng tôi tin tưởng ở nước Pháp mới... Một cuộc trưng cầu dân ý tốn kém lắm. Nếu chúng ta thỏa thuận được với nhau mà không cần phải tổ chức trưng cầu dân ý, thì tốt hơn... Nếu không chúng ta sẽ cứ tổ chức một cách chân thành và thẳng thắn và kết quả sẽ vẫn như vậy mà thôi”.

Tại tiểu ban, vấn đề Nam Bộ hầu như không tiến triển được chút nào. Đến nỗi một đại biểu

Việt Nam (Nam Bộ), Dương Bạch Mai, nói công khai ngay tại phiên họp toàn thể ngày 26/7:

“Số phận của cuộc hội nghị này phụ thuộc chặt chẽ vào vấn đề ba kỳ. Chừng nào mà Nam Kỳ, bằng cách này hay cách khác, còn bị tách ra khỏi Việt Nam, thì việc thỏa thuận giữa nước Pháp và nước Việt Nam sẽ không bao giờ có được. Mọi sự đều tùy thuộc vấn đề Nam Kỳ: tình hữu nghị Pháp - Việt, hòa bình cũng như trật tự ở Việt Nam, tương lai những quan hệ của chúng ta. Phải giải quyết vấn đề này càng sớm càng hay”.

• Cuộc hội nghị Đà Lạt lần thứ hai

Trong thời gian này, đô đốc d'Argenlieu nhức nhối tâm can về cái cách thức mà Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của ông được Chính phủ đón tiếp tại Paris, cũng như về những sự đả kích mãnh liệt mà đường lối chính trị của ông ta là đối tượng, cố làm sao cơ bản “tương đối hóa” cuộc thương thuyết Pháp - Việt, tránh sao cho nó đừng giải quyết số phận xứ Đông Dương ngoài cái “Chính phủ liên bang” mà ông ta là người đứng đầu. “Nước Cộng hòa Việt Nam” - ông ta nhấn mạnh - chỉ là “một trong những thành viên” của Liên bang Đông Dương mà ông ta là người lãnh đạo. Phải làm cho ông Hồ hiểu điều đó.

Từ ngày 4/7, trong một bức thư gửi Georges Bidault, ông ta bắt đầu bằng một sự liên hệ tới cái “trách nhiệm vô cùng to lớn đối với toàn thể nhân dân An Nam đang đổ xuống đầu chúng ta. Nước Pháp không thể bằng một nét bút mà bỏ rơi cả 20 triệu sinh linh, trong đó một số quan trọng và là phần đông ở tại một số vùng rất ghê tởm cái ý thức hệ và những phương pháp cai trị của đảng cầm quyền, chỉ vì một mục đích là cứu vớt lấy những lợi ích kinh tế và tài chánh của nó tại Việt Nam... Sự mệnh của chúng ta tại Đông Dương vượt xa cái khuôn khổ chật hẹp của những dữ kiện vật chất ấy”...

Cũng ngày 4/7, ông ta lại nói rõ trong một chỉ thị cho Sài Gòn rằng “tất cả những quốc gia thành viên đều phải được mời cộng tác trên quan hệ bình đẳng với tổ chức Liên bang Đông Dương”. Vì vậy ông ta dự kiến “một cuộc hội nghị trù bị tại Đà Lạt trong đó sẽ mời đại diện các chính phủ Campuchia, Lào, Nam Kỳ và có thể cả miền Nam Trung Kỳ. Mục tiêu của hội nghị là đi tìm những nền tảng cho những hiệp định mà người ta sẽ hoàn tất dưới hình thức cuối cùng, chính thức của nó tại Paris”.

Ông đô đốc đã rời Paris ngày 10/7 trước khi Chính phủ Paris, vừa tuyên bố tín nhiệm ông ta, chưa kịp quan tâm đến những điều ông ta gợi ý, thậm chí cả chưa kịp hiểu.

Ông ta về đến Sài Gòn. Giờ đây, ông ta được hoàn toàn tự do. Quả thế, ngày 19/7 tướng Leclerc vĩnh viễn rời Sài Gòn (cùng với đoàn tùy tùng của ông ta), chuyển giao bộ chỉ huy quân đội lại cho tướng Valluy; tướng Valluy lại bàn giao chức vụ tạm Quyền ủy viên của nước Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ sang cho đại tá Crépin. Còn Sainteny thì đã về Paris từ ngày 18/4 cùng với các đồng sự trực tiếp của mình. Vậy là d'Argenlieu đã thấy rời bỏ “khu vực tác chiến” của ông ta những người đã bắt tán thành cả sự tiếp cận cũng như chính sách của ông ta.

Ngày 22/7, tại Sài Gòn, ông ta khẳng định rằng “Hội nghị trù bị và nghiên cứu quy chế của Liên bang” sẽ khai mạc vào ngày 1/8 tại Đà Lạt. Báo chí đăng cái tin này lên; bề ngoài, có vẻ như Chính phủ Pháp bị bất ngờ. Từ ngày 20/7, tại phiên họp toàn thể, phái đoàn Việt Nam chính thức phản đối. Đến nỗi Chính phủ đâm bối rối. Ngày 28/7, Moutet yêu cầu ông đô đốc giải thích:

“Công hàm ngày 24 vừa qua của ngài thông báo về cuộc hội nghị mới ở Đà Lạt ngày 1/8 về phương án Liên bang làm tôi hết sức ngạc nhiên. Chính phủ chưa bao giờ được hỏi ý kiến xem cuộc hội nghị này có đúng lúc hay không, trong khi cuộc hội nghị Fontainebleau còn đang tiếp diễn. Tôi mới được thông báo ngày thứ tư, nhưng ngay từ hôm thứ hai báo chí và đài phát thanh đã đưa tin. Ông Hồ Chí Minh phản đối tôi kịch liệt. Tôi không có cách nào trả lời được

cho ông ta, bởi vì chưa hề được thông báo.

“Theo ý nghĩ riêng tôi thì cuộc hội nghị đó phạm hai sai lầm: Nó đặt Chính phủ trước một sự việc đã rồi. Nó tạo nên một không khí kém thuận lợi cho công cuộc đàm phán Fontainebleau. Từ hôm lên đường đi Paris, phái đoàn Việt Nam đã nhận được dồn dập tin tức: thành lập chính phủ Nam Kỳ, vấn đề các cao nguyên Mọi, việc chiếm đóng phủ Toàn quyền, hội nghị Liên bang tại Đà Lạt. Hành vi này có thể là có ích, nhưng do điều kiện thực hiện và thời điểm đã chọn nên có thể gây cảm tưởng rằng Chính phủ Pháp không thi hành nghiêm túc hiệp định 6/3. Tôi còn rất dè dặt vì chưa có thể báo cáo Chính phủ được.

Ký tên: MOUTET”

D’Argenlieu, bằng bức điện ngày 30/7, trả lời Moutet rằng ông ta đã báo cáo cho Chính phủ biết trước rồi. Nhưng ngày ngày 27, tức trước ngày nhận được bức điện của Moutet, ông ta đã viết thư cho tướng De Gaulle để bộc lộ nỗi bất bình vì ông nhận thấy các giới cao cấp ở Paris “thiếu tính cách”. Ông ta còn nói thêm rằng cuộc “khủng hoảng quyền lực” mà dường như ông ta thoáng thấy đang xảy ra ở Paris làm cho ông hết hoảng “thật sự”.

“Tôi nói “thật sự” bởi vì quả thực lập trường của chúng ta đã khá vững vàng, đủ cho phép chúng ta thực hiện ý đồ của Pháp trên toàn bộ đất nước và khi cần thì áp đặt cho họ. Việc này có thể dễ dàng hoàn thành về căn bản trong vòng ba tháng, nếu biết hành động kiên trì, quả quyết và ngọt ngào...”

Dù nói gì đi nữa thì khi có tin bay đến Paris rằng cuộc hội nghị Đà Lạt đã khai mạc thực ngày 01/8 dưới sự chủ tọa của tướng Alessandri, ông Phạm Văn Đồng đã đóng sập cửa cái rầm theo tác phong mãnh liệt quen thuộc của ông. Cùng ngày hôm ấy, 1/8, ông đọc và trao lại một bức công hàm cho phái đoàn Pháp:

“Chúng ta ở trong cái thế “hai đường chọn một” sau đây: - Hoặc là các nhà chức trách Pháp tại Nam Bộ quyết định số phận của Nam Bộ, của miền Nam Trung Bộ, của vùng Tây Nguyên và quy chế của Liên bang Đông Dương. Trong trường hợp này, thì hiệp định 6/3 sẽ trở thành không nội dung và cuộc hội nghị Fontainebleau mà chúng ta đang họp cũng không có lý do tồn tại. - Hoặc hiệp định 6/3 phải được thi hành, trong trường hợp này, chỉ có hội nghị Fontainebleau là có thẩm quyền bàn bạc về những vấn đề đó. Phẩm cách của chúng ta đặt ra cho chúng ta cái trách nhiệm phải thoát ra khỏi tình huống lập lờ này và do đó, phải hoàn công việc chúng ta lại cho đến khi tình huống lập lờ ấy biến tan đi”.

Việc trì hoãn cũng không cải thiện nổi một không khí vốn đã đầy khó khăn. Bidault, bối rối, bèn “chất vấn” ông đô đốc trong một bức điện ngày 3/8:

“Nhu ông bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại (FOM) đã điện cho ngài, việc triệu tập hội nghị Đà Lạt đã mang đến những kết quả đáng tiếc. Phái đoàn Việt Nam đã chộp ngay cơ hội để cố gây ra một sự bất tín nhiệm của Chính phủ đối với ngài. Điều đó không được dự kiến. Để cho phép hội nghị Fontainebleau tái họp, cần thiết phải làm sáng tỏ tình hình. Sẽ chỉ ra rằng cuộc hội nghị Đà Lạt này là trù bị và ngài làm như vậy là nhằm tham khảo ý kiến rộng rãi về vấn đề Liên bang, tức không trái gì với tinh thần hiệp định 6/3. Để luận cứ này có sức thuyết phục, nên tránh quan trọng hóa công việc của hội nghị Đà Lạt, do đó phải rút gọn thời gian càng ngắn càng tốt bằng cách chỉ khoắc một tính chất tư vấn cho những nghị quyết hoặc nguyện vọng có thể được đề bạt và thông qua một sự kiểm soát hết sức chặt chẽ của ngài. Tôi sẽ theo phương hướng này để trả lời bản tuyên bố của phái đoàn Việt Nam và yêu cầu họ nổi lại cuộc đàm phán càng sớm càng hay. Sự bảo đảm cho những cuộc hội kiến và tham khảo thông tin đó được chấm dứt trong một ngày rất gần chắc chắn sẽ có tác dụng tốt để xúc tiến nổi lại những cuộc điều đình”.

Ký tên: BIDAULT

D'Argenlieu trả lời Bidault bằng cách bảo đảm rằng các phái đoàn sẽ hoàn thành công việc bình thường vào ngày 10 hoặc 11/8. Mọi việc đều diễn biến tốt đẹp - ông ta nói. Quả thực người ta sẽ thấy các phái đoàn Campuchia, Nam Kỳ và Lào đều thông qua những luận điểm của ông đồ đốc về “một Liên bang mạnh và vững bền”. Trên thực tế, cuộc hội nghị đã kết thúc ngày 13/8.

Trưởng phái đoàn Nam Kỳ tại Đà Lạt, Đại tá Xuân đã “tiết lộ bí mật” trong một bữa tiệc cocktail ngày 4/8 khi ông ta tuyên bố rằng sự chia cắt Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ chẳng phù hợp với một thực thể dân tộc nào và “chẳng có gì trở ngại cho việc thống nhất ba Kỳ lại với nhau nếu như Chính phủ Hà Nội hướng về phe tả ít hơn”.

• D'Argenlieu: tạm ngừng Fontainebleau?

Bức điện của Bidault gửi ông đồ đốc đã “gặp nhau” dọc đường với một bản báo cáo quan trọng mà ông đồ đốc gửi cho Chính phủ ngày 2/8 và cho một vài nhân vật khác, trong đó ông bắt đầu bộc lộ những mưu kế của mình. Trong bản báo cáo, ông đồ đốc đã tổng kết lại toàn bộ chính sách của ông, tìm được mọi lời biện bạch và đặt Chính phủ trước các trách nhiệm của mình.

Ông nhấn mạnh rằng ông đã trang bị cho Nam Kỳ một chính phủ lâm thời mà chẳng bao lâu nữa, qua những cuộc bỏ phiếu, sẽ có được cái nền tảng dân chủ của nó. Sau nữa, rằng ông phải củng cố thêm lòng tin tưởng ở nước Pháp của “những đám dân chúng người Pháp và thổ dân Đông Dương... những người bạn rất chân thành của nước Pháp”, bởi vì “một khi lòng tin tưởng đó bị lung lay hoặc mất đi, thì chúng ta chỉ còn việc là sửa soạn cuốn gói hoặc nghĩ đến một cuộc chinh phục mới bằng vũ lực![\[50\]](#)”. Ông đồ đốc nói rằng ông có “cảm giác rằng về vấn đề tương lai của Nam Kỳ Chính phủ do dự và lẩn tránh trước những yêu sách của phái đoàn Hà Nội. Nếu Chính phủ thấy không thể nào đảo ngược một cách cương quyết tiến trình sự việc thì tốt hơn là nên tạm ngưng công việc của Hội nghị Fontainebleau. Tương lai của nước Pháp ở Đông Dương lại một lần nữa bị đe dọa ngay giữa khi chúng ta còn có sẵn trong tay mọi phương tiện để thành công...

“Trước một sự náo động có tính chất địa phương, khơi lên trên báo chí và trong một vài giới ở Paris do sự tuyên truyền khéo léo của các phái viên Hà Nội, cái tốt nhất, để ngăn ngừa những sự nhượng bộ không những không hợp thời, mà vô phương cứu vãn sau này, theo ý tôi là lưu ý đúng mức đến tình hình hiện tại và đưa ra cho Quốc hội lập hiến dự thảo định nghĩa khái niệm Liên hiệp Pháp. Theo ý nghĩ của tôi, tình hình thực tại đòi hỏi phải tạm ngưng các cuộc đàm phán cho đến ngày mà nhân dân Pháp được trưng cầu ý kiến, Hiến pháp được công bố, những cuộc tuyển cử thực hiện xong xuôi và Chính phủ được chính thức thành lập, nước Pháp, thoát khỏi tình trạng “lâm thời”, sẽ có trong tay mọi yếu tố để đi đến một kết luận thật sự về tất cả những cái mà giờ đây, đúng lý mà nói, chỉ mới là những cuộc trao đổi quan điểm mà thôi...

“Quả vậy, những cuộc đàm phán Pháp - Việt đang giẫm chân lên công việc của Quốc hội lập hiến; người ta có thể đi đến những điều khoản trái ngược với những quan niệm riêng của Quốc hội. Vả lại người ta sợ, trong trường hợp trái lại, dư luận cả nước sẽ nghiêm khắc lên án những cuộc đàm phán ở Fontainebleau, đã nhân một vấn đề cá biệt khó khăn mà bắt cả chính Quốc hội phải làm theo ý hội nghị...”

Cuối cùng, ông đồ đốc “cảnh giác” Chính phủ trước “những sự nhượng bộ vô phương cứu vãn” sẽ làm rung chuyển toàn bộ cơ cấu Liên hiệp Pháp và che giấu đi “sự suy tàn chắc chắn là không thể nào đảo ngược được nữa của nước Pháp”.

Những sự gợi ý đó, ngay từ khi được chuyển đến Paris, đã chinh phục được sự tán đồng của nhiều lãnh tụ chính trị (nhất là của phong trào Cộng hòa Bình dân - MRP), tuy họ không muốn nghĩ đến chuyện “định chỉ” đàm phán. Nhưng các phái viên của ông đồ đốc ở Hội nghị đã lợi dụng thời gian ngừng hội nghị để ngầm tiến hành một cuộc vận động tinh vi hơn.

Ủy ban Đông Dương (Cominindo) có một bộ phận thường trực đặc biệt, là “tiểu ban tư vấn”, trong đó các phái viên các bộ hữu quan cùng các “chuyên gia” trao đổi thông tin cho nhau và dự kiến tổng hợp, kết luận và đề nghị. Tiểu ban tư vấn họp ngày 5/8, chủ yếu để nghe A. Torel, cố vấn pháp luật của ông đô đốc, đọc một bản báo cáo của L. Pignon, cố vấn chính trị của ông ta, về việc “Cướp chính quyền của Việt Minh ở Đông Dương”. Bản báo cáo đó nói rằng Việt Minh đã nắm chính quyền bằng một vụ bạo lực, một cuộc đảo chính nên chẳng phải là một chính quyền hợp pháp, rằng Việt Minh đã thiết lập một chế độ độc tài bất chấp cả tự do và dân chủ; rằng như vậy là trái hẳn với nguyện vọng của các dân tộc Đông Dương (mà nước Pháp đỡ đầu) và đồng thời cũng trái với lợi ích của nước Pháp. Để củng cố địa vị còn bấp bênh của họ và thực hiện cuộc chinh phục tinh thần và vật chất của cả nước, Việt Minh thi hành một chính sách chống Pháp mãnh liệt, tìm mọi cách làm Pháp ngã lòng và bỏ rơi Việt Nam. Điều toát ra từ văn kiện ấy, cũng như từ những văn kiện mà Pignon kèm theo nó (đặc biệt là tiểu sử của Hồ Chí Minh, nó chứng minh rằng ông Hồ là một cán bộ tuyên truyền lão thành của Komintern (Quốc tế Cộng sản) [\[51\]](#) là: Việt Minh, chuyển thành Chính phủ Hà Nội, không phải là một người đối thoại đủ tầm cỡ và nên giữ gìn, không được cam kết gì với họ.

Đầu tháng 8, trong lúc tranh luận với một người trong phái đoàn Việt Nam - ông Nguyễn Đệ, một công chức Pháp cũ là De Tarragon tuyên bố với ông Đệ rằng Chính phủ Hà Nội sẽ chẳng còn tồn tại được bao lâu nữa; chắc chắn nó sẽ bị quét đi: “Đến Noel này, tất cả sẽ kết thúc!”. Hầu như cùng một lúc, tại Đà Lạt, tác giả cuốn sách này (Ph. Devillers - LND) trong lúc nói chuyện với một trong những người cộng tác của ông đô đốc là ông ủy viên Hải quân Gaignard, cũng được nghe ông này nói rằng đã gần đến cái giờ mà Chính phủ Hà Nội và Việt Minh sắp sửa bị nghiền nát giữa hai gọng kìm, vị ủy viên vừa cười vừa chỉ tay trên tấm bản đồ Bắc Bộ quá trình diễn biến của hai gọng kìm khép lại như thế nào.

Về phần ông đô đốc thì ông suy nghĩ công khai đến một “chính phủ thay thế”.

• Đàm phán lại tiếp tục

Chính phủ Pháp không để cho các gợi ý của ông đô đốc lôi cuốn được mình. Trong khi điện cho d’Argenlieu, Bidault viết thư cho Phạm Văn Đồng rằng việc tạm ngưng hội nghị Fontainebleau mà ông đã gây ra không thể được biện bạch với lý do là việc tổ chức một cuộc “hội nghị sơ bộ” mà chỉ một mình Chính phủ Pháp phải đánh giá những điều nó đề xuất.

Nhưng ngày 7/8, khi bức giắc thư của ông đô đốc đề ngày 2 đến Paris, thì dư luận bỗng sôi lên trước một sự việc bất trắc xảy ra tại Bắc Bộ: một đoàn quân Pháp hành quân lên Lạng Sơn bị tấn công tại Bắc Ninh: có những người chết và bị thương. Báo chí hăng tiết, lên án Việt Minh là phản bội và ác ý. Nhưng sự việc được giải quyết nhanh chóng tại Hà Nội giữa các nhà chức trách địa phương (đại tá Crépin và ông Giáp) và tại Paris, Chính phủ Pháp cũng đã nhanh chóng nắm được tình hình, không bị kích hóa vấn đề chút nào.

Về phía mình, đô đốc d’Argenlieu, ngày 9/8, gửi một bức điện “sôi động hùng hồn” cho tướng Valluy, trong đó vừa tố cáo “cuộc tấn công bỉ ổi” ấy, vừa bộc lộ một “nỗi bất bình có suy nghĩ của mình vì vụ mưu sát kia là một kế hoạch có chuẩn bị sẵn và ngay trong cái phút giây mà tại Paris phái đoàn Việt Nam yêu cầu nước Pháp hãy tin tưởng ở họ, thì những hành động tội ác như vậy của một quân đội gọi là chính quy quả là bỉ ổi”.

Chính phủ xét thấy cần phải tiến lên phía trước. Trái với Nha Dân sự, Chính phủ muốn nhanh chóng đạt tới một hiệp định với ông Hồ Chí Minh; và, bởi rõ ràng hiện nay không thể nào giải quyết được tất cả mọi vấn đề, thì phải cố gắng ổn định quan hệ với Việt Nam trên những nền tảng tạm thời. Vả chẳng đây cũng là nghị trình của Ủy ban Liên bộ Đông Dương được triệu tập họp ngày 10/8, công văn giấy tờ đã được chuẩn bị cuộc họp này. Ngày 9/8, Max André thông báo cho phái đoàn Việt Nam biết rằng cuộc Hội nghị Đà Lạt không tạo nên một trở ngại gì đối với việc nối tiếp lại cuộc đàm phán Fontainebleau cả. Phái đoàn Việt Nam tỏ thái độ sẵn sàng

và Hồ Chí Minh, đã ấn định ngày về nước là ngày 14/8, nay quyết định lưu lại.

Ủy ban Liên bộ, họp ngày 10 và 12/8 để xem xét tình hình Đông Dương, đã phân tích bức giác thư của d'Argenlieu, gạt những kết luận của ông đồ đốc ra và cũng thảo luận một dự án ghi nhớ về quan điểm của Pháp và một dự án về tuyên bố chung. Hai văn kiện này đã được sự duyệt ý của Hội đồng Bộ trưởng ngày 14/8 và sẽ thể hiện cơ sở lập trường của Pháp. Bản tuyên bố chủ yếu nói rằng, do hoàn cảnh, cần phải làm dịu bớt những cuộc tranh luận.

“Cho nên Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp nhiệt tình mong muốn nối lại cuộc đàm phán càng sớm càng hay... Mặc dầu có những trở ngại nhưng với một niềm tin vững chắc Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp (GPRF) nhận thấy có khả năng tìm ra cùng với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những nền tảng của một sự thỏa thuận giới hạn, nhưng sẽ đánh dấu một giai đoạn mới và quan trọng trên con đường đã được mở ra với hiệp định sơ bộ 6/3 và cho phép, thông qua một sự cải thiện không ngừng những quan hệ giữa hai nước, đạt đến thành công trong những cuộc đàm phán sau này.

“Nhằm kết quả đó, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp luôn luôn tôn trọng những điều đã cam kết đối với nhân dân Đông Dương và đặc biệt, đối với nước Việt Nam DCH, tôn trọng hiệp định 6/3, nhận thấy cần thiết phải định nghĩa rõ ràng ngắn gọn những điểm cơ bản cho một hiệp định công bằng và lâu dài”.

Tiếp theo: Sự bảo đảm và tôn trọng những quyền và những lợi ích chính đáng của nước Pháp; việc bảo vệ các “dân tộc ít người và các thiểu số chính trị”; hiệu quả của một Liên bang Đông Dương, mà không ngăn cản các nước thành viên hưởng “chủ quyền quốc gia” của họ. Trên cơ sở những nguyên tắc ấy, Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp đã dự thảo một bản tóm tắt cho “có thể dùng cho hội nghị làm chương trình nghị sự”. Văn bản này gồm 12 điều khoản trong hai trang; nó nêu lên cái quan niệm của nước Pháp về những mối quan hệ của Pháp với Việt Nam. Trong điều 11, nó diễn đạt như sau về vấn đề Nam Bộ:

“Cuộc trưng cầu dân ý đã được dự kiến trong hiệp định sơ bộ 6/3/1946 sẽ được tiến hành ngay khi trật tự được lập lại. Nó bao hàm cái quyền tự quyết tuyệt đối của nhân dân trên cơ sở ý muốn của quần chúng”.

“Những cuộc thương lượng sau này sẽ chỉ rõ những điều kiện trong đó cuộc trưng cầu dân ý này sẽ được tổ chức với đầy đủ những bảo đảm về tự do, chân thực và thẳng thắn cần thiết”.

Được Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp thông qua, những văn kiện đó đã được Sainteny chuyển cho Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam ngày 19/8. Phái đoàn Việt Nam vừa khẳng định những lời nhận xét riêng của mình, vừa trả lời ngày 20 bằng một bản “chống dự án” thành văn.

• Moutet phân trần

Trong một bức thư đề ngày 19/8 (dường như trả lời một công hàm của Cao ủy), Bộ trưởng Marius Moutet giải thích quan điểm của mình cho ông đồ đốc:

“Vấn đề cơ bản là chúng ta nhất trí với nhau về nội dung và nội dung đó tôi quan niệm nó như sau:

“Ngày 6/3 vừa qua, Ngài đã ký kết với ông Hồ Chí Minh một bản hiệp định, bản hiệp định đó là cơ sở của chính sách chúng ta. Chúng ta đòi phải triệt để tôn trọng nó như chính chúng ta cũng phải tôn trọng...

“Đương nhiên là bảng kê khai vô số những vụ vi phạm nguyên tắc về phía người dân Việt Nam,

nếu không phải là chính những người lãnh đạo, có thể là rất dài; và sẽ là rất tốt nếu kèm theo những hồ sơ có đầy đủ những chứng cứ làm bằng. Nhưng phải nắm chắc xem có phải là chúng ta đang tìm những lý do để cắt đứt hay chúng ta tin tưởng thật sự rằng chính sách căn cứ trên những hiệp định đã thỏa thuận là cái chính sách mà chúng ta phải thi hành.

“Dĩ nhiên, với những sự đổi thay trong tương quan lực lượng, chúng ta rất có thể khôi phục lại một cách đơn thuần và giản đơn chủ quyền toàn vẹn của Pháp ở Đông Dương; nhưng chúng ta đã chọn một con đường khác và tôi nghĩ rằng chúng ta nên kiên trì con đường đó, vì lợi ích dân tộc và quốc tế. Bắt tay vào công việc và thực hiện bằng con đường hợp tác sẽ không phải chuyện dễ dàng; tuy nhiên, những khó khăn này nhất định sẽ nhỏ hơn so với những khó khăn nảy sinh do một cuộc chinh phục mới dai dẳng, tổn kém về mọi mặt, luôn luôn phải đương đầu với quân du kích khi ẩn khi hiện.

“Người ta cũng có thể nghĩ đến việc thay thế một chính phủ khác. Giải pháp này sẽ không kém bề nguy hiểm. Cả thế giới đã hiểu được qua bài học của Hitler và quân Nhật thế nào là các chính phủ bù nhìn và đã vĩnh viễn lột trần bộ mặt của chúng.

“Chúng ta đã lựa chọn Hồ Chí Minh để điều đình và tôi tin chắc ông Hồ là người duy nhất đại diện cho một quyền lực dù có hạn chế đi chăng nữa, vẫn là một quyền lực đang tồn tại. Ngày nào mà ông ta khẳng định rằng chính là từ chúng ta mà ông ta rút ra được cái sức mạnh cơ bản của mình, thì ông ta sẽ bắt buộc phải hành động thẳng thắn và nghiêm túc.

“Tôi biết chắc chắn rằng về tất cả những điểm này chúng ta chưa hoàn toàn nhất trí. Tôi chưa bao giờ tin vào những câu chuyện bép xép của những kẻ lên án Ngài, trên báo chí hoặc những nơi khác, là đã theo đuổi một chính sách cá nhân...

“Dù các đại biểu Việt Nam có mạnh dạn lên, vì cảm thấy mình được một bộ phận dư luận công chúng ủng hộ và tìm cách áp đặt những giải pháp của họ cho chúng ta chăng nữa, thì đó cũng là chuyện tất nhiên thôi; và chính đó sẽ là cơ hội để chỉ ra cho họ thấy được giới hạn của các nhượng bộ của chúng ta và có thể nói là để dồn họ vào chân tường; chúng ta sẽ nói rõ cho họ hiểu rằng chúng ta không sẵn sàng lùi bước trước những thủ đoạn của họ hoặc trước một chính sách hăm dọa mà một vài sự kiện bất trắc ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ^[52] có thể là một trong những yếu tố. Cái chính sách ấy có thể dẫn tới sự đoạn giao và chúng ta cần phải tránh.

“Trong bầu không khí như vậy, chúng ta có thể nào quan niệm đi đến được một hiệp định trọn vẹn với phái đoàn Việt Nam? Tôi nghĩ rằng không và chúng ta đành phải bằng lòng với những kết quả khiêm tốn nhưng nó đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt và nghiêm túc trong sự triển khai hiệp định mùng 6 tháng 3. Rồi chúng ta khởi động sự hợp tác chung và để cho thời gian làm công việc của nó và nếu sự hợp tác tiến hành đúng mức thì lúc đó chúng ta có thể soạn thảo những hiệp định. Nhưng trước hết, phải tạo ra một bầu không khí hòa dịu, có nghĩa là, ở Pháp và nhất là ở Đông Dương, chấm dứt những lời tuyên truyền và những hành động bạo lực; Chủ tịch Hồ Chí Minh phải bằng những lời tuyên bố công khai xác nhận sự cần thiết phải tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho sự hợp tác, đòi chấm dứt ngay mọi kiểu tuyên truyền chống Pháp và tuyên bố rằng mọi hành vi bạo lực chống người Pháp hoặc chống những người thân Pháp phải được coi như những hành vi chống bản thân Chính phủ Việt Nam.

“Trên cơ sở đó, Chính phủ đã chấp nhận văn bản một lời tuyên bố sẽ đọc, có thể chính tôi đọc, tại Hội nghị Fontainebleau đã được họp lại; về phía ông Hồ Chí Minh cũng vậy, ông cũng sẽ phải đọc một lời tuyên bố đã được chấp nhận trước và công việc đàm phán sẽ tiếp tục trên cơ sở một bản ghi nhớ xác định quan điểm căn bản của chúng ta.

“Dĩ nhiên, sẽ còn tồn tại hai điều chướng ngại đáng kể là, một mặt, sự cần thiết phải nói đến chữ “độc lập” và mặt khác, phải quy định ngày giờ cùng điều kiện tiến hành trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ...

“Tôi phải gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi biết rằng chính là vì hai điểm cơ bản này mà ông sẽ

bàn bạc lại với tôi. Ông Hồ muốn có một Ủy ban liên kiểm hỗn hợp - là điều, mà theo suy nghĩ của tôi, có ý nghĩa là sự từ bỏ một nửa chủ quyền của chúng ta và tất nhiên trước mắt chúng ta không thể nào chấp nhận... Ngay từ hôm đầu, tôi đã chỉ ra công khai rằng, về điểm mấu chốt của việc trưng cầu dân ý, tôi chỉ có thể chấp nhận bao giờ nhân dân được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến của mình, có nghĩa là bao giờ trật tự đã được lập lại chính sách khủng bố đã chấm dứt và các cơ quan quyền lực hợp pháp đã được ổn định trở lại. Tôi đã nói và tôi kiên trì ý kiến của tôi...

“Tôi cho rằng điều tốt nhất rõ ràng là làm sao lập lại được những cơ quan chính quyền địa phương và để cho chính nhân dân Nam Kỳ sẽ bỏ phiếu thừa nhận Chính phủ Nam Kỳ. Bởi vậy tôi không vội vàng ấn định thời hạn trưng cầu dân ý, mà ngược lại thì có. Ta phải tìm ra một công thức nào mà chúng ta vừa không từ bỏ chủ quyền lại vừa làm cho nhân dân có được cái cảm tưởng là mình có thể phát biểu nguyện vọng một cách hoàn toàn tự do, không như vậy thì không còn nghi ngờ gì nữa, tôi tin rằng họ sẽ bỏ phiếu tán thành sự thống nhất Nam Kỳ vào Việt Nam, không hơn không kém.

“Cần phải làm rất nhiều để có được một cuộc trưng cầu dân ý phù hợp với chế độ tự trị...”

• Đi đến một tạm ước

Những nhận xét của phái đoàn Việt Nam đưa ra cũng như bản “chống dự thảo” ngày 20/8, đánh dấu một sự cố gắng hòa hợp, một sự tìm kiếm, một sự thỏa hiệp, nhưng trước sau vẫn bị chi phối bởi một ý chí độc lập không ai chối cãi được. Họ nêu gương các nước tự trị trong khối Liên hiệp Anh để làm một căn cứ chứng minh rằng lợi ích của nước Pháp nằm trong sự công nhận nền độc lập của Việt Nam. Bức công hàm của Việt Nam cũng đề cập tới sự cần thiết phải quy định thời hạn cho cuộc trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ.

Vậy là phái đoàn Việt Nam đưa ra một bản ghi nhớ “trên cơ sở bản dự án của Pháp” và đề cập đến một “nghị định thư giải quyết những quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam trong lúc chờ đợi việc ký kết một hiệp ước vĩnh viễn”.

“Để kết luận, vì Việt Nam và Pháp đã từng chịu đựng nhiều đau thương rồi, hai bên cần thiết phải trở lại với công việc. Muốn vậy, hai chính phủ cần phải làm dịu bớt tinh thần dân chúng bằng một hiệp định mà theo ý chúng tôi, phải được thực hiện trên ba mục tiêu:

1. Cứu vãn lấy những lợi ích kinh tế, văn hóa và quân sự của Pháp tại Việt Nam
2. Bảo đảm nền độc lập của Việt Nam trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp.
3. Giải quyết vấn đề Nam Kỳ bằng cách ấn định thời hạn cuộc trưng cầu dân ý, cũng như những thể thức thành lập và làm việc của một Ủy ban hỗn hợp phụ trách cuộc trưng cầu dân ý.

“Bởi vì nếu mỗi bên, Pháp cũng như Việt Nam, biết và biết đúng, cái gì có thể thuộc về mình trên thực tế cũng như trên pháp lý, thì thế cân bằng sẽ thực hiện được, trật tự xã hội sẽ nhanh chóng và tất yếu sẽ được ổn định trên toàn lãnh thổ... Hai dân tộc chúng ta cần hợp tác thân ái với nhau như anh em để bình phục trở lại sau bao nhiêu năm đau khổ.

“Nói tóm lại, nước Pháp và nước Việt Nam phải nhanh chóng đi đến ký kết một bản hiệp định cụ thể và chính xác về những vấn đề sống còn đã được định nghĩa trên đây. Những lời hứa hẹn chung chung và những bản tuyên bố vô hiệu đều là những lời nói suông và lâu ngày nó sẽ làm nản lòng nhân dân cả hai dân tộc”.

Bản ghi nhớ của Việt Nam gồm 14 điều, bắt đầu như sau:

“1. Chính phủ Pháp thừa nhận nước Cộng hòa Việt Nam là một nước tự do mà nền độc lập sẽ được tuyên bố trong thời hạn ba năm kể từ ngày ký bản hiệp định này.

2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ tham gia vào các tổ chức của Liên bang Đông Dương trong những điều kiện sẽ được quy định nhất trí giữa nước Pháp, nước Việt Nam và những thành viên khác của Liên bang. Liên bang sẽ quản lý và phối hợp những lợi ích có tính chất kinh tế, tài chính hoặc kỹ thuật...”

Ngay từ ngày 21/8, tổng thư ký mới của Ủy ban Liên bộ Đông Dương (Cominindo) [\[53\]](#) Pierre Messmer, chuyển cho Bidault bức giắc thư của Việt Nam. Quan điểm hai bên, Messmer nói, vẫn rất khác nhau và bây giờ đây phải đặt Chủ tịch Hồ Chí Minh trước trách nhiệm của mình. Ngày 22, một bản báo cáo của Max André gửi Bidault cũng tán dương quan điểm dùng sức mạnh [\[54\]](#).

Hai công hàm này khẳng định rằng ông Hồ phải chấp nhận bức giắc thư của Pháp. Nếu ông Hồ từ chối thì theo Max André, đó sẽ là lý do để bế mạc cuộc hội nghị “bằng một bản thông báo chỉ rõ những quan điểm của hai bên và nguyên nhân bất đồng”. Về phía Pignon, cũng xác định, trong một công hàm gửi cho bộ trưởng của mình:

“Những đề nghị chứa đựng trong bản ghi nhớ của phái đoàn Việt Nam hoàn toàn không thể chấp nhận. Nó là một bước lùi so với những quan điểm đã đưa ra tại Đà Lạt và cả ở Fontainebleau của phái đoàn Việt Nam...

“Nếu Chính phủ Pháp thừa nhận, mặc dầu có thời hạn, nền độc lập của Việt Nam, thì sau này Chính phủ không còn được phép bảo vệ, trong lĩnh vực kinh tế cũng như trong các lĩnh vực ngoại giao, quân sự và văn hóa cho những quan điểm cơ bản của nước Pháp mà chúng ta muốn đưa vào văn bản hiệp ước nhằm bảo đảm cho sự trường cửu của sự nghiệp nước Pháp tại Viễn Đông”...

Với Pignon, quyền ngoại giao tự do của Việt Nam sẽ “rất nguy hiểm cho tương lai,... không thể ăn khớp với tổ chức Liên hiệp Pháp theo như khuôn khổ mà chúng ta có thể hy vọng thành lập”. Pignon chỉ trích “ý định của Việt Nam muốn giữ lấy việc quản lý thuế quan, có nghĩa là chống lại việc thành lập một Liên bang Đông Dương vững chắc”; ông ta chỉ trích còn nặng nề hơn nữa cái dự án của Việt Nam giao việc tổ chức cuộc trưng cầu dân ý cho một tiểu ban hỗn hợp và ông kết thúc:

“Một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lại thiết kế một cảnh trí sân khấu cho chúng ta sử dụng. Hình như vẫn cần thiết phải làm cho ông biết một cách thật cụ thể rằng chúng ta không có ý định chấp nhận một thứ thị trường lừa bịp như vậy

• Những bản khoản hoài nghi

Dù sau, Chính phủ Pháp cũng không thống nhất ý kiến và do dự. Tối ngày 23/8, Bidault cử chính Pignon đến gặp ông Hồ Chí Minh để trình bày quan điểm không chính thức của Chính phủ. Lúc trở về, Pignon không thể nêu lên được “một dấu hiệu cụ thể nào về những ý định đích thực của người đối ngoại với mình”.

Sau đó, nghỉ hợp vài hôm. Người ta cảm thấy cả hai bên đều có chút phân vân, tự hỏi mình nên theo con đường nào và nên có những quyết định nào. Hay che giấu sự thất bại dưới một bản “tuyên bố thân thiện chung” mang tính chất xoa dịu và trấn an dư luận quần chúng của nhân dân hai nước?

Pignon không nghĩ thế. Ngày 28/8, trong một công hàm gửi J. Boissier, cố vấn về các vấn đề Đông Dương của Georges Bidault, ông ta gợi ý đề nghị với Hồ Chí Minh ký kết những hiệp định

hạn chế giải quyết một vài vấn đề cấp bách. Gợi ý được Bidault và Moutet chấp nhận; rồi ngày 31, phái đoàn Việt Nam cũng chấp nhận trên nguyên tắc.

Moutet bèn thông báo cho đô đốc d'Argenlieu bằng một bức thư cá nhân:

"Vì những sự bất trắc nghiêm trọng vừa xảy ra tại Nam Kỳ cũng như ở Bắc Kỳ và cũng vì sự chống đối có hệ thống của bọn khủng bố đối với việc thiết lập các kỳ hào địa phương, chúng tôi đã quyết định thay đổi quan điểm và đặt Chủ tịch Hồ Chí Minh trước một ngã ba đường: Hoặc ký kết một hiệp định đánh dấu một bước tiến so với hiệp định 6/3 và chuẩn bị cho một sự hợp tác Việt - Pháp trên những cơ sở mới; hoặc là đình chỉ hội nghị với tất cả mọi hậu quả đi kèm.

"Để tránh khỏi một chuyện bất trắc có thể xảy ra như vậy tôi mong muốn chúng ta sẽ có thể kiên trì đến cùng chính sách thỏa thuận đã được bắt đầu ngày 6/3 và cuộc hội nghị Fontainebleau (tuy không phải là người có sáng kiến tổ chức, nhưng tôi luôn luôn bảo vệ cho hội nghị này) trở lại bàn đàm phán của nó. Hơn nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh mặc dầu có những quan điểm chính trị khác, đối với tôi vẫn là con người mang đầy đủ tư cách hơn cả để lãnh đạo một Chính phủ.

"Chúng tôi đã cử ông Pignon và ông Laurentie tới gặp ông Hồ để điều đình về một công hàm mới mà chúng tôi đã chuyển miệng đến cho ông.

"Một sự đình chỉ hội nghị có thể mang lại những hậu quả đáng sợ trong tình hình hiện nay. Mọi tin tức đều chỉ ra cho tôi thấy tình thế của chúng ta hiện nay chẳng sáng sủa gì cho lắm... Tại Nam Kỳ, những nhóm khủng bố tổ chức rất có chiều sâu, đang tạo ra một bầu không khí hoàn toàn bất ổn định sau cuộc xâm nhập rồi lại rút lui của quân đội ta. Tất cả những chuyện đó yêu cầu chúng ta phải có một chính sách khôn khéo.

"Quân đội Đông Dương, 85.000 người, phải được tăng cường nếu tình thế trở nên nghiêm trọng. Điều này sẽ không khỏi gây khó khăn tại Hội đồng Quốc phòng tối cao và tại tiểu ban Quân đội.

"Hình như đúng là Việt Nam đang đầu cơ những khó khăn này của chúng ta... Dù Việt Nam có tự gây ảo ảnh cho mình chẳng nữa, thì tôi cho rằng luôn luôn kiên trì con đường hiệp định vẫn là điều khôn ngoan.

"Trong mọi trường hợp, hãy kịp thời báo cáo cho tôi biết về sự an ninh của tình thế của ngài trong trường hợp cuộc hội nghị có thể bị đình chỉ. Chúng ta sẽ làm tất cả để tránh điều không hay xảy ra và tôi không nghĩ rằng Việt Nam mong muốn chuyện đó. Tuy nhiên Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể có những người thân cận hoặc do hoàn cảnh mà trở thành không thức thời".

Bức công hàm Pháp, do Pignon soạn thảo ngày 1/9 và được Moutet duyệt y, bày tỏ nguyện vọng rằng những cuộc trao đổi quan điểm sẽ dẫn tới "việc ký kết những hiệp định giới hạn và tạm thời về những vấn đề đòi hỏi, vì quyền lợi cả hai bên, phải có một giải pháp cấp bách" và phải "bình thường hóa những quan hệ của người Pháp sống tại Việt Nam với các nhà chức trách và nhân dân Việt Nam". Về việc ký kết một hiệp ước vĩnh cửu, nước Pháp chỉ đặt ra một điều kiện tiên quyết: chấm dứt "tình trạng đang thi hành đối với những người và những tài sản của Pháp trong những vùng lãnh thổ do nước Việt Nam ĐCCH kiểm soát... Tình trạng này giờ đây không cho phép Chính phủ Pháp tiếp tục một cách bổ ích việc nghiên cứu sâu vào nội dung những yêu cầu của nước Việt Nam ĐCCH đưa ra". Bức công hàm này được chuyển cho phái đoàn Việt Nam ngày 2; và chính phái đoàn Việt Nam, để tránh một sự đình chỉ hội nghị, cũng đang đi vào con đường ấy.

Ngày 3/9, Moutet và Pignon được Hồ Chí Minh tiếp, họ trao cho ông Hồ bức công hàm đề ngày 2/9; sau khi tóm tắt lại "phương pháp biện chứng", bức công hàm kết luận:

"Mặc dù có những ý kiến bất đồng, dường như nổi bật lên, qua những cuộc hội kiến mà mấy

ngày gần đây, Ngài Chủ tịch nước Việt Nam DCCH đã có nhã ý trao đổi với phái đoàn Chính phủ Pháp, cái khả năng có thể có một mảnh đất thỏa thuận, cho phép nối lại cuộc đàm phán Fontainebleau mà cả hai bên đều mong muốn, trên những cơ sở sau đây:

"a) Đã thỏa thuận rằng hai bên ký kết phải tránh không được làm trở ngại tiến trình cuộc đàm phán bằng cách coi việc giải quyết vấn đề này hay vấn đề kia như một điều kiện tiên quyết, có nghĩa là nó sẽ chi phối cách giải quyết toàn bộ các vấn đề đặt ra cho các nhà đàm phán nghiên cứu.

"b) Từ đó, cũng thỏa thuận rằng, hai bên đều phải chấp nhận những cố gắng song song để đi đến một sự hiểu biết và hòa hợp.

"Trên cơ sở đó, Chính phủ Pháp sẵn sàng nối lại những cuộc đàm phán Fontainebleau. Cùng với những vấn đề được đề nghị đưa ra xem xét trong bản ghi nhớ của phái đoàn Pháp (ngày 14/8, sẽ ghi thêm, đúng như mong muốn của Ngài Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc tổ chức cuộc trưng cầu dân ý đã được dự kiến trong hiệp định sơ bộ 6/3; dĩ nhiên phía Chính phủ Pháp vẫn dứt khoát kiên trì một đòi hỏi mà Chính phủ đã nhiều lần đặt ra là ổn định trước trật tự công cộng, và sẽ không cam kết gì về ngày tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

"Nếu những đề nghị này được Ngài Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp thuận thì có thể bàn đến việc công bố cho công chúng biết rằng Hội nghị Fontainebleau đã được nối lại, bằng một bản tuyên bố chung của hai chính phủ.

"Trong mọi tình huống, Ngài Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ không thể không thấy được rằng tình thế hiện nay không thể kéo dài và Chính phủ Pháp đã từng góp nhiều công sức vào việc làm cho hai bên hiểu biết lẫn nhau, giờ đây đang chờ đợi một câu trả lời cụ thể".

• Cuộc điều đình

Đọc bức công hàm xong, Hồ Chí Minh đã hiểu rằng một cuộc thảo luận về vấn đề trưng cầu dân ý có thể sẽ được tiến hành không chậm trễ. Đối với phái đoàn Việt Nam, việc lập lại hòa bình trong dân chúng tại Nam Kỳ sẽ tiếp theo sau việc áp dụng những biện pháp, dự kiến cho cuộc trưng cầu dân ý, trong bản ghi nhớ của họ ngày 20/8. Ngày 4/9, một tiểu ban hạn chế Pháp - Việt (đoàn Pháp từ đây bao gồm 3 cố vấn của d'Argenlieu: Pignon, Torel và Gonon) tìm cách làm cho quan điểm hai bên xích lại gần nhau. Pignon đã báo cáo như sau:

"Bắt đầu cuộc họp, ông Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ là một bản thỏa hiệp đã được xác nhận trong phiên họp trước, ngày 3/9, về những đề nghị của Pháp liên quan đến việc bàn luận ngay một số vấn đề có giới hạn: tình hình con người và tài sản của Pháp, chế độ tiền tệ, chế độ hải quan và ngoại thương, cho nên hôm nay nên đề cập đến vấn đề trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ.

"Tôi bèn phát biểu ý kiến, nói rõ rằng vấn đề này đã được nhắc tới hôm trước giữa ông bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại (FOM) và Chủ tịch Hồ Chí Minh, rằng sau cuộc họp đó tôi đã được giao trách nhiệm cùng với ông Messmer soạn thảo một công hàm tóm tắt lại quan điểm của Pháp. Tôi đã nói thêm rằng văn bản bức công hàm chưa có thể được coi là chính thức trước khi được sự chuẩn y của bộ trưởng và thủ tướng Nội các, tuy nhiên tôi cũng được phép đọc lên.

"Sau khi tôi đọc bức công hàm xong, ông Phạm Văn Đồng đã chỉ ra rằng nếu đó là quan điểm của Chính phủ Pháp, thì chúng ta phải nghĩ đến chuyện hoãn cuộc hội nghị Fontainebleau, cho dù có nặng nề đến mấy, thêm vài ba tháng nữa. Ông hy vọng rằng chúng ta sẽ chia tay nhau như những người bạn tốt và cả hai bên chúng ta sẽ tránh đừng làm cho sự tạm hoãn này mang hình thức một cuộc tuyệt giao.

"Chúng tôi đã khẳng định rằng đấy cũng là tâm tư tình cảm của chúng ta, rằng nếu quyết định

là quyền của Chính phủ, thì nhiệm vụ của chúng ta là cùng nhau tìm cách cải thiện các mối quan hệ qua lại giữa chúng ta trong thời gian đàm phán tạm hoãn.

“Tiếp theo là một cuộc nói chuyện khá dài với một giọng rất thân tình... về tình hình ở Nam Kỳ và những biện pháp chấm dứt chiến sự ở đây... Đoàn đại biểu Việt Nam và đoàn đại biểu Pháp đã chia tay nhau lúc 19 giờ và có bày tỏ hy vọng rằng trước ngày 10/9, là thời hạn ông Phạm Văn Đồng quy định, chúng ta có thể đã tìm ra được một mảnh đất thỏa thuận, dù rất hạn chế” ...

Cùng lúc, về phía Pháp, một suy nghĩ mới nảy sinh, dẫn đến việc soạn thảo (do Messmer) một bức công hàm rất đậm đà ý nghĩa, đề ngày 6/9 và trao luôn cùng ngày hôm ấy cho phái đoàn Việt Nam. Ngày 7, phái đoàn Việt Nam đề nghị hoãn việc giải quyết những điểm bất đồng cơ bản lại để ký một cách bình thường một thỏa thuận riêng lẻ về các vấn đề kinh tế và tài chính đang tranh chấp, tức là chỉ riêng điểm 4 trong chương trình nghị sự đã được chấp thuận ngày 9/7. Những người tham gia hội nghị đã gặp lại nhau gần như trong một phiên họp toàn thể, ngày 9/9, để cùng nghiên cứu hai bản dự thảo nghị định thư. Nhưng vì phần lớn các vấn đề đều để lại, cho nên cuộc thảo luận kết thúc luôn. Đêm mùng 9 sang sáng mùng 10, hai phái đoàn đã đi đến một dự án tạm ước thể hiện một sự cố gắng của hai bên nhằm đi đến hòa hợp. Sáng ngày 10, một văn bản được thông qua; nhưng buổi chiều hôm đó, khi tất cả đều có vẻ sẵn sàng để tiến hành ký kết, thì Phạm Văn Đồng đặt lại vấn đề tất cả. Ông yêu cầu thảo luận lại về toàn bộ bản dự án, hoặc loại bỏ ra ngoài nghị định như một vài điều khoản có ý nghĩa lấy chủ quyền của Việt Nam làm vật thế chấp. Ngoài ra, ông yêu cầu một lời cam kết cụ thể, về phía nước Pháp, về thời hạn và phương thức trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ. Ông nhấn mạnh rằng về phía mình, phái đoàn Việt Nam sẽ không ký bản tạm ước nếu nó không bao hàm lời cam kết đó.

Max André ngạc nhiên trước cái thái độ mới đó và theo yêu cầu của ông ta, buổi họp liền giải tán. Trên thực tế, hai phái đoàn sẽ không còn gặp nhau nữa.

• Cuộc dàn xếp

Ngày 11, Hồ Chí Minh gặp các nhà báo. Một lần nữa, ông lại nhấn mạnh rằng ông rất mong muốn có một sự thỏa thuận với nước Pháp. Ông nói với phóng viên Associated Press: “Giữa chúng tôi, không có sự bất hòa thực sự. Những bất đồng của chúng tôi là những mối bất đồng thường gặp trong nội bộ mỗi gia đình”. Ông tuyên bố vẫn lạc quan tin tưởng ở sự giải quyết cuối cùng về mối bất đồng đó, ông khẳng định rằng không thể ký kết một hiệp ước trước tháng giêng (1947) và đảm bảo rằng khi trở về nước ông sẽ cố gắng chấm dứt cuộc chiến tranh du kích. Ông nói thêm rằng ông hy vọng phía Pháp cũng sẽ có những cố gắng như vậy. Nhưng Hồ Chí Minh chỉ trích đề nghị của Pháp đòi “tước vũ khí và rút về nước những đội quân Việt Nam đang đóng tại Nam Bộ. Chúng tôi thấy việc thực hiện giải pháp này có ý nghĩa là một sự đầu hàng không hơn không kém... Chúng tôi đã yêu cầu: 1. Chấm dứt ngay mọi thứ tuyên truyền bất thân thiện tại Nam Bộ; 2. Các tù chính trị Việt Nam được phóng thích ngay khỏi các nhà tù Nam Bộ. Nhưng lời đề nghị đó không được phía Pháp chấp nhận. Về phần tôi, tôi vẫn tin chắc rằng những cuộc đàm phán có thể lại nối tiếp trong một bầu không khí hữu nghị trong năm hoặc sáu tháng nữa”.

Một lần nữa, lại phải suy nghĩ. Chính Pignon, trong một bức điện gửi d'Argenlieu, đã kể những điều dưới đây:

“Trong bữa ăn trưa ngày thứ tư 11/9 với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông Moutet có tuyên bố với ông Hồ không chịu để cuộc đàm phán thất bại và đã tổ chức tối hôm ấy, tại nhà Sainteny, một cuộc họp giữa G. Moutet, Messmer, Pignon và hai đại diện Việt Nam. Họ đã xem xét những điểm bất đồng của bản tạm ước và tìm cách xích lại gần nhau. (Ngày 12, Moutet đã thông báo kết quả).

“Tiếp theo cuộc nói chuyện đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 13/9, đã trao cho ông Moutet một

bản dự án mới tron ven bao gồm nhiều sửa đổi chi tiết so với bản đã được bàn cãi trước đó và những điều sửa đổi nội dung những điều khoản về tiền tệ và quan thuế và những điều khoản liên quan đến vấn đề Nam Kỳ; đặc biệt là sự khước từ việc hồi hương quân đội về Bắc Kỳ và giao trả cho nhà chức trách Pháp những người dân (Pháp) nguyên là kẻ thù (của Việt Nam). Một dự án cuối cùng của Pháp đánh dấu một sự cố gắng hòa hợp mới, đặt vào mục những hiệp định tham mưu địa phương, những điều khoản về việc chấm dứt chiến sự tại Nam Kỳ. Dự án này sẽ được thảo luận giữa các vị đứng đầu hai chính phủ và đã được ông Moutet trao cho Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 14. Dự án ấy đã được thảo luận ngay hôm nay (ngày 14/9) giữa Thủ tướng Chính phủ (Pháp) và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Phái đoàn Việt Nam đã rời Paris trong buổi tối ngày 13, sau khi đã trao đổi những lời chúc mừng rất thân tình với các đại diện Pháp... Ngày rời Paris của Chủ tịch được dự định vào thứ hai 16 và ngày rời Toulon là thứ tư 18”.

Lúc rời nước Pháp, phái đoàn Việt Nam đã tuyên bố như sau:

“Chúng tôi rất ân hận là cuộc Hội đàm Pháp - Việt tại Fontainebleau không đạt kết quả mong muốn. Chúng tôi vẫn giữ lòng tin nó sẽ được nói lại trong những điều kiện tốt hơn để đi đến kết quả.

“Trong lúc chờ đợi, chúng tôi trở về Việt Nam với ý chí quyết tâm sẽ ký kết tại chỗ với đại diện các nhà đương cục Pháp những hiệp định bộ phận về các vấn đề nhất định và chứng minh bằng hành động ý chí hiểu biết nhau và cộng tác với nước Pháp của chúng tôi. Đó cũng là phương pháp tốt nhất để tạo ra bầu không khí thuận lợi cho sự nối lại cuộc Hội đàm Fontainebleau”.

Phái đoàn Việt Nam xuống tàu “Pasteur” ngày 14/9 tại cảng Marseille.

Vậy là Hồ Chí Minh và Moutet đã gặp nhau ngày 13. Một dự án mới của Pháp đã được trao cho ông Hồ ngày 14. Trong đêm 14 rạng ngày 15, Hồ Chí Minh đến chỗ ở của Moutet và ký tại nhà riêng Moutet, bản Tạm ước. Sáng hôm sau, Messmer điện cho d’Argenlieu:

“Gửi đô đốc d’Argenlieu. Tạm ước Pháp - Việt đã được ký hôm nay, chủ nhật 15/9, hồi 1 giờ 00 sáng. Văn bản đã được điện cho ngài”.

Messmer điện đi ngày 15 văn bản của Tạm ước và của “Lời tuyên bố kèm theo của các chính phủ nước Cộng hòa Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” mà nguyên văn như sau:

“Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết tâm theo đuổi, trong tinh thần tin cậy lẫn nhau, một chính sách hòa hợp và cộng tác đã được thiết lập với Hiệp định Sơ bộ mong 6 tháng 3 năm 1946 và nói rõ trong các cuộc đàm phán Pháp - Việt tại Đà Lạt và Fontainebleau.

“Hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ có đường lối chính trị này là phù hợp với lợi ích lâu dài của hai nước và với truyền thống dân chủ lâu đời của họ, hai chính phủ, căn cứ theo Hiệp định 6/3 vẫn giữ nguyên hiệu lực, nhận thấy đã đến lúc phải ghi thêm một tiến bộ mới trong sự phát triển các quan hệ Pháp - Việt, trong khi chờ đợi hoàn cảnh thuận tiện cho phép ký kết một hiệp ước trọn vẹn và vĩnh viễn.

“Trong tinh thần hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau, Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành ký kết một bản tạm ước, mang lại trong khuôn khổ những hiệp định hạn chế, những giải pháp tạm thời cho những vấn đề chính yếu có lợi ích tức thời đang đặt ra giữa nước Pháp và nước Việt Nam.

“Về những điểm liên quan đến cuộc trưng cầu dân ý đã được dự kiến trong hiệp định 6/3, hai chính phủ sẽ cùng nhau ấn định ngày giờ và thể thức tổ chức sau này.

“Hai bên tin chắc rằng những biện pháp đề cập đến trong bản Tạm ước này sẽ góp phần thiết lập lại trong tương lai rất gần một bầu không khí yên tĩnh và tin cậy lẫn nhau cho phép nối lại trong một ngày không xa những cuộc đàm phán dứt điểm.

“Hai bên tin rằng có thể dự tính vào tháng giêng 1947 việc nối tiếp lại những cuộc đàm phán vừa diễn ra tại hội nghị Pháp - Việt Fontainebleau.

“Paris ngày 14 tháng 9 năm 1946”.

Cơ bản nhất là điều khoản 9 của Tạm ước.

“Điều 9: Vì muốn bảo đảm, tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ Việt Nam, sự văn hồi trật tự công cộng cần thiết cho sự phát triển các quyền tự do dân chủ cũng như việc nối lại những cuộc trao đổi buôn bán, và ý thức được những tác động đáng mừng của việc chấm dứt mọi hành vi chiến tranh hoặc bạo lực của cả hai bên trên lĩnh vực vừa nói đó, Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng nhau quyết định những biện pháp sau đây:

- a) Hai bên chấm dứt mọi hành động chiến tranh và bạo lực.
- b) Những hiệp định giữa các ban Tham mưu Pháp và Việt Nam sẽ đề ra những điều kiện áp dụng và kiểm soát những biện pháp mà hai bên cùng nhau quyết định.
- c) Tạm ước nói rõ rằng những tù nhân hiện đang bị giam giữ vì những lý do chính trị sẽ được phóng thích, trừ những kẻ bị kết án vì tội phạm hình sự hoặc vi phạm pháp luật thông thường. Đối với những tù nhân bị bắt trong các chiến dịch cũng vậy.

Việt Nam cam kết sẽ không cho phép truy tố hoặc dùng bất cứ hình thức bạo lực nào đối với bất cứ người nào vì lý do người đó gắn bó hoặc trung thành với nước Pháp. Đáp lại, Chính phủ Pháp cũng cam kết sẽ không cho phép truy tố hoặc dùng bất cứ một hình thức bạo lực nào đối với bất kỳ ai vì người đó gắn bó với Việt Nam.

d) Việc hưởng những quyền tự do dân chủ định nghĩa ở điều 1 được hai bên cam kết đảm bảo.

e) Sẽ chấm dứt những việc tuyên truyền bất thân thiện ở cả hai bên.

f) Chính phủ Pháp và Chính phủ Việt Nam DCCH sẽ cộng tác với nhau để loại trừ khả năng tác hại của những người thuộc quốc tịch các nước nguyên là thù địch.

g) Một nhân vật do Chính phủ nước Việt Nam DCCH chỉ định và được Chính phủ Pháp chấp nhận sẽ được ủy nhiệm bên cạnh Cao ủy (Pháp) để tổ chức sự cộng tác cần thiết nhằm thi hành những điều thỏa thuận này.”

Cùng ngày, Hồ Chí Minh ra một bản tuyên bố:

“Chúng tôi cam kết sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc phục hồi những quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp tại Việt Nam. Đáp lại, chúng tôi đã được phía Pháp cam kết thực hiện những quyền tự do dân chủ tại Nam Bộ. Chúng tôi hy vọng rằng những quyền tự do đó sẽ được thực hiện nhanh chóng và thẳng thắn. Chúng tôi nghĩ rằng, bằng mọi cách, những cuộc đàm phán sẽ được nối lại vào tháng giêng 1947”.

Giờ đây, Hồ Chí Minh không ở lại thêm nữa. Ông để lại ở Paris một phái đoàn mà ông coi là chính thức, với Hoàng Minh Giám, Trần Ngọc Danh và Dương Bạch Mai, rời Paris ngày 18/9 bằng xe lửa; và ngày 19, ông xuống chiếu tàu hộ tống “Dumont d’Urville” tại Toulon về Hải Phòng. Trước mắt, ông có một tháng để vượt biển và suy tư.

IX. LÀM SAO VÔ HIỆU HÓA ĐƯỢC HÀ NỘI? (21/9 - 13/11/1946)

Nhìn chung, bản Tạm ước đã đáp ứng những yêu cầu chính của Pháp: Việt Nam đã chấp nhận nguyên tắc một Liên bang Đông Dương, do đó chấp nhận cả sự thống nhất quan thuế, sự thống nhất tiền tệ, sự phối hợp giao thông v.v... Việt Nam dành ưu tiên cho Pháp (về việc mời cố vấn và chuyên gia); họ sẽ trả lại tài sản cho người Pháp và dành cho họ sự dễ dàng trong việc làm và tự do lập nghiệp. Như vậy cuộc sống kinh tế có thể khôi phục lại. Về phía mình, nước Pháp đã cam kết lại sẽ tổ chức trưng cầu dân ý tại Nam Kỳ và những hoạt động chiến tranh phải chấm dứt vào ngày 30/10.

Vậy là hai chính phủ đã kết thúc cuộc hội nghị Fontainebleau trong một triển vọng hòa dịu dần dần chứ không phải triển vọng đối đầu; ý định công khai của hai bên sẽ nối lại cuộc đàm phán vào tháng giêng 1947 đã khẳng định điều đó. Mặc cho đô đốc d'Argenlieu la hét lên trước việc ký kết "vội vàng" của bản thỏa ước mà ông ta coi như là một thảm họa vì cái điều 9 kia, ông bộ trưởng vẫn bộc trực rõ ràng, một tuần lễ sau, trong những "chỉ thị chính trị" gửi cho Cao ủy, đề ngày 21/9:

"Tạm ước Pháp - Việt ngày 14/9... chắc chắn là một tiến bộ đáng kể so với hiệp định sơ bộ mỏng 6/3. Tuy nhiên, chúng ta không thể coi bản thỏa ước tạm thời ấy như là cơ sở xuất phát có khả năng để cho chúng ta hé thấy một sự giải quyết tận gốc của vấn đề Đông Dương.

"Nếu phải thực hiện nó một cách trung thực về phía chúng ta, chính là để trước tiên khuyến khích một sự hòa dịu, nhờ có nó mà chúng ta cần thiết phải xem xét lại toàn bộ chính sách của chúng ta. Chúng ta cần cố gắng khơi dòng cho sự hòa dịu đó ngay từ bây giờ và tránh mọi biện pháp có thể đầu độc những mối quan hệ Pháp - Việt trước ngày bản Tạm ước bắt đầu có hiệu lực, tức 30/10/1946".

• Nam Kỳ - cái trục quay của chính sách nước Pháp

"Chính phủ đã rút ra được một điều khẳng định rằng Nam Kỳ là cái trục quay đích thực của toàn bộ chính sách của chúng ta về Đông Dương. Chúng ta phải thành công và thành công nhanh chóng tại Nam Kỳ, bởi vì tương lai sự hiện diện của nước Pháp tại Đông Dương hầu như hoàn toàn tùy thuộc vào thành công hay thất bại của chúng ta.

"Trước mắt chúng ta có hai phương pháp: hoặc là tăng cường những cố gắng quân sự, cùng với tất cả những hậu quả mà một thái độ như thế có thể mang lại ở Đông Dương, ở Pháp và trước dư luận quốc tế, hoặc ngược lại, điều đình với các chính phủ có một cơ sở đại diện đủ rộng rãi để làm việc một cách có hiệu quả nhằm lập lại trật tự dựa trên sự ủng hộ của chúng ta.

"Trên thực tế, chúng ta không thể nào nghĩ tới vận dụng chính sách sức mạnh một cách có hiệu quả được, bởi vì những phương tiện quân sự đang còn và sẽ còn bị hạn chế.

"Chính phủ đã dứt khoát chọn giải pháp thứ hai. Chính phủ đã quyết định thi hành tại Nam Kỳ một chính sách có tính chất dân chủ thực sự, theo ý Chính phủ thì chỉ có một chính sách như vậy mới có khả năng cải thiện tình hình các địa phương Nam Kỳ, nhưng cũng cần thiết để giải quyết vấn đề Việt Nam (trong nguyên bản: vấn đề Annam) về tổng thể.

"Nhiệm vụ của Ngài là cho thi hành càng nhanh chóng càng hay điều 9 của Tạm ước, là điều khoản nhằm thiết lập những quyền tự do dân chủ tại Nam Kỳ. Chúng ta không nên sợ đi bước đầu trên lãnh vực này. Lập trường của chúng ta khi đó lại càng được củng cố thêm một cách

đặc biệt nếu như Chính phủ Hà Nội vẫn cứ duy trì chính sách độc tài và chúng ta sẽ rút ra khi cần tất cả các hậu quả một cách dễ dàng hơn. Tất nhiên các nhà chức trách Pháp cũng sẽ kiên quyết lưu ý cho những điều cam kết tương tự được áp dụng một cách nghiêm túc trong những vùng lãnh thổ thuộc chủ quyền của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

“Một trong những biện pháp đầu tiên cần khơi lên tại Nam Kỳ phải là sự mở rộng Chính phủ của bác sĩ Thinh. Chắc chắn là sẽ phải tiến hành từng bước, nhưng không được một giây phút nào quên rằng chúng ta phải tìm cách thiết lập một chính phủ thật sự dân chủ, đại diện cho phần đông nhân dân Nam Kỳ. Hoàn toàn không loại trừ sự tham gia của những nhân vật không che giấu sự đồng tình của họ đối với sự thống nhất ba Kỳ. Chính phủ Pháp không sợ sự phát triển của một nền dân chủ thực tình tại Nam Kỳ, ngay cả khi một chế độ tự do như vậy sớm muộn sẽ dẫn đến sự thống nhất ba Kỳ, dưới hình thức này hay hình thức nọ.

“Chính sách ấy hẳn là táo bạo; nó có thể dẫn đến những phản ứng quyết liệt ở các địa phương: dù sao đi nữa vẫn là chính sách duy nhất có khả năng cho chúng ta một lối thoát ra khỏi tình trạng lập lờ hiện nay và nghĩ đến một sự trấn an lòng ngài nhanh chóng, có thể nuôi hy vọng phục hồi được kinh tế và nền kinh tế phục hồi không bao lâu sẽ liên kết được những người Pháp ở Đông Dương và đại bộ phận những người dân Việt Nam (trong nguyên bản: Annam).

“Chính sách này hoàn toàn không phải là một chính sách bỏ rơi. Dư luận công chúng Pháp cũng như các giới chính phủ ngày càng quyết tâm củng cố địa vị của Pháp trên đất Đông Dương.

“Địa vị của chúng ta ở phía Bắc vĩ tuyến 16 thực ra đã được vững vàng hơn nhờ Tạm ước này. Nhiệm vụ của Ngài là sử dụng hết quyền lực của mình để buộc Chính phủ Việt Nam và các đại diện của họ thực hiện đúng dẫn đến mức tối đa những điều khoản liên quan đặc biệt đến tình hình tài sản của Pháp (tại Đông Dương) và đến những cam kết về văn hóa”.

Chỉ thị của Bộ Quốc phòng cũng được gửi tới sau đó không bao lâu. Nó nằm cả trong bức điện ngày 1/10 gửi Bộ Tổng Tham mưu của Cao ủy. Người ta đọc được chủ yếu những điều sau đây:

“Bản Tạm ước này nhằm tạo nên một không khí thuận lợi cho một chính sách bình định ở Nam Kỳ với sự hỗ trợ của quyền lực Hồ Chí Minh, bằng cách cho phép giải giáp những phần tử cực đoan bất trị, nhưng với sự lo lắng làm cho tất cả mọi người được yên tâm và ngăn ngừa đến mức tối đa mọi nguyên cơ phản ứng...

“Cần coi điều 9 như một tổng thể mà sự vận dụng phụ thuộc vào việc ký kết những hiệp định tham mưu. Nói tóm lại mục đích tìm kiếm là tước vũ khí những tên phiến loạn gốc Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ và đưa trở ra Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ những phần tử gốc ở ngoài đó. Mục đích ấy phải đạt được nếu cần thì dần dần và từng bước...

“Việc cử tới bên cạnh Cao ủy một quan chức của Chính phủ Việt Nam phải xem như một sự nhân nhượng quan trọng của Chính phủ Pháp và hoạt động của vị quan chức ấy cùng với những người thân cận của ông ta phải hướng vào mục đích làm yên lòng người. Mọi việc hỗ trợ đối với phái viên Việt Nam theo tinh thần đó đều phải được thực hiện dưới sự kiểm soát của Ngài, bởi mục đích ta theo đuổi là giúp cho ông ta phát huy ảnh hưởng của mình để chấm dứt mọi hành động chiến tranh. Chính phủ đã chấp nhận vị đại diện này, nhưng lại từ chối sự thành lập một tiểu ban hỗn hợp mà ông Hồ Chí Minh, cũng xuất phát từ nhu cầu đó, đã đề nghị thành lập”...

Vậy là Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp coi như đã được rảnh tay, ít nhất là trong một thời gian, với tập hồ sơ nóng bỏng về Việt Nam và giao phó cho Cao ủy việc áp dụng tại địa phương các điều khoản của Tạm ước mà việc ký kết cho được đã phải trải qua bao khó khăn, nhưng ký được rồi nó cũng cho phép nghỉ ngơi một chút để lấy lại hơi sức. Ngày 25/9, Bidault điện cho d'Argenlieu, ngoài những lời khen ngợi: “Tôi cầu mong cho việc thực hiện bản tạm ước này, với sự quan tâm lo lắng của Ngài, sẽ đánh dấu những tiến bộ mới trong quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam. Hãy yên tâm về lòng tin cậy và tình bạn của tôi”.

Điều mà Paris đã quyết tuy vậy vẫn không hợp với ý muốn của đô đốc d'Argenlieu. Nếu một mặt, ông “dự kiến sẽ gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay khi Chủ tịch về đến vùng biển Đông Dương”, thì mặt khác ông ta cũng tính toán về một sự thay đổi sắp tới trong chính sách nội trị của nước Pháp và dĩ nhiên bao hàm trong đó, là sự trở lại một thái độ cứng rắn hơn của Paris. Cuộc trưng cầu dân ý về Hiến pháp đã gần đến ngày. Tướng De Gaulle và phong trào Cộng hòa Bình dân (MRP) đã đề nghị bác bỏ dự án, trong khi phe xã hội và cộng sản yêu cầu phê chuẩn nó. Cũng dễ thấy được mong muốn của ông đô đốc đang đi về hướng nào. Thế nhưng ngày 13/10, đại đa số các cử tri Pháp tán thành bản Hiến pháp, còn đa số áp đảo các cử tri Đông Dương lại bác bỏ nó. Đã rõ ràng là từ đây, nước Pháp sẽ theo một chế độ nghị trường và yếu về cơ quan hành pháp. Đô đốc d'Argenlieu càng ngày càng ít tin tưởng ở hậu phương của mình. Liệu về phía ông, ông sẽ biểu thị tinh thần cứng rắn hay không?

- “Trả đũa” Hà Nội thế nào đây?

Ngày 18/10, tại vịnh Cam Ranh, ông Cao ủy gặp ông Hồ Chí Minh vừa ở Pháp về trên chiếc tàu “Dumont d'Urville”. Bề ngoài, cuộc hội kiến ra chiều suôn sẻ. D'Argenlieu báo cáo lại cho ông bộ trưởng:

“Sau cuộc hội kiến ấy, mà... theo ý tôi có mang lại kết quả, tôi có cảm giác rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh rất lo ngại về tình hình thực tế mà ông ta sẽ gặp khi bước chân về nước... Dù sao tôi vẫn có cảm tưởng rằng ông Hồ chân thành mong muốn, ít ra là trong một thời gian, sẽ tìm thấy ở sự giao hòa với Pháp một sự củng cố lại các kết quả đã giành được và bước đầu của những tiến bộ mới... Tôi cũng tin chắc rằng ông Hồ sẽ cố gắng, bằng cách kết hợp những lời tuyên bố thân thiện với những lời dọa dẫm tố cáo, giành được tại Nam Kỳ những lợi ích tối đa nhờ những lợi ích cụ thể mà điều 9 của Tạm ước đã mang lại cho ông”.

Ngày 20/10, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Hải Phòng và trở về Hà Nội, ở đó ông có mời thủy thủ đoàn chiếc “Dumont d'Urville” (tới chiều đi). Thật là một “ngày về chiến thắng”. Được mọi người, mọi nơi nhiệt liệt hoan nghênh; ông đã đồng thời kêu gọi mọi người hoan nghênh tình hữu nghị Pháp - Việt.

Từ khi cuộc hội nghị Fontainebleau có vẻ bị sa lầy, hồi tháng 8, điều làm cho các nhà đương cục Pháp quan tâm suy nghĩ hơn cả là tình hình Nam Kỳ. Thực tình Việt Minh lúc này đã phát động một chiến dịch tấn công tâm lý, chính trị và quân sự (kèm khủng bố), đánh những đòn nặng nề vào tổ chức cai trị của nước Cộng hòa tự trị Nam Kỳ mà vất vả lắm người ta mới hình thành nổi: các chức sắc địa phương, bị khủng bố hoặc bị hăm dọa, sẽ “cam kết” với kẻ thù (tức Việt Minh - LND) và cứ như thế, dần dần, Việt Minh đã nắm được quyền kiểm soát “thực tế” toàn bộ vùng nông thôn. Sài Gòn cảm thấy đất sụt ở dưới chân mình mà không tìm ra phương cách nào chống đỡ cái mà Moutet gọi là “trục quay của chính sách nước Pháp ở Đông Dương” đang trên đường sụp đổ từ bên trong: Việt Minh đang thắng, nếu người ta không phản ứng. Ngày 22/9, Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ đã ra công khai và phát đi một lời tuyên cáo trong đó họ khẳng định chỉ duy nhất họ là chính quyền hợp pháp của Nam Bộ và ngày 5/10 trong công báo Hà Nội đã đăng một sắc lệnh số 182 ngày 13/9 tổ chức lại Ủy ban kháng chiến Nam Bộ. Hà Nội đã nói rõ (ngày 13/10) là vì muốn dễ dàng cho “việc áp dụng, đối với phía nước Pháp, những hiệp định mong 6/3 và Tạm ước (ngày 14/9)”.

Ngay lúc hội kiến với Hồ Chí Minh tại Cam Ranh, d'Argenlieu đã phản đối quyết liệt quyết định này. Đối với ông đô đốc, thì đây là một sự can thiệp không thể chấp nhận được của Hà Nội vào một lãnh thổ thuộc chủ quyền của Pháp từ đây đã có “một chính phủ hợp pháp”, một thủ đoạn nhằm dựng lên tại đó “một chính phủ song hành” và áp đặt cho dân bằng cách phổ biến hóa sự lật đổ và sự khủng bố. Vậy ưu tiên phải dành cho việc khôi phục lại trật tự, mà không có nó - người ta đã nói và nhắc đi nhắc lại - thì không thể nào có được cuộc trưng cầu dân ý. Sự lo lắng bao trùm lên người châu Âu cũng như những người theo đảng ly khai ở Nam Bộ.

Nhưng, về mặt quân sự, với sự khước từ mà Hồ Chí Minh đã phát biểu ngay khi còn ở Paris, không chịu cho quân đội mình ở miền Nam trở về miền Bắc, bây giờ người ta nhận thức được rằng không thể nào tính đến chuyện “bình định” Nam Kỳ chỉ trong khuôn khổ địa phương. Phải tìm cho ra một “giải pháp toàn bộ”; và đây là điều mà tướng Valluy đề nghị, ngày 14/10, trong một bản báo cáo gửi d’Argenlieu:

“Tôi nghĩ đến một hình thức có thể phù hợp cho chính sách hiện nay của chúng ta là: dừng bằng lòng với việc chế ngự các cuộc tấn công của bọn phiến loạn, mà trái lại phải thực hiện một áp lực thật căn bản đối với bọn phiến loạn ấy bằng cách chủ động mở những chiến dịch quy mô tại Hà Nội và tại Trung Kỳ”...

“Việc vận dụng đến cái lý lẽ cuối cùng[55] này hiện lên trước mắt tôi như một điều tiền định. Nó được “ghi nhận” sau một loạt dài thất vọng mà vẫn có thể, một cách nghịch lý, là cái bước mở đầu một giai đoạn hòa dịu cho mọi người và một giai đoạn thỏa thuận cho phía chúng ta.

“Thực hiện thì tế nhị, khó khăn mà hậu quả tức thời thì nặng trĩu. Nếu chính phủ mới[56] chịu chấp nhận thì phải tính đến chuyện đưa ra thi hành sớm nhất là vào tháng 2-3/1947.

“Nhưng phải với điều kiện là nó có thể thực hiện được và một khi vấn đề đã được quyết thì chúng ta phải có trong tay những phương tiện thích hợp và có ngay bên cạnh.

“Tôi đã nhấn mạnh đến tình trạng khủng hoảng, về số quân cũng như tổ chức, mà đội quân viễn chinh sẽ trải qua trong ba tháng đầu năm 1947. Không phải với cái mớ quân bát nháo của chính quốc gửi sang cho tôi - trong số đó một phần lớn cần phải đưa vào khuôn khổ, thậm chí cần phải huấn luyện lại - mà tôi có thể chiếm lấy một cách gọn gàng nhất Hà Nội và Huế và cùng một lúc chế ngự được những lực lượng vũ trang Việt Nam, mà phải có những đơn vị tổ chức thuần nhất và thiện chiến.

“Thiếu công cụ đó, chúng tôi không thể nào thi hành được những mệnh lệnh mà Chính phủ có thể giao cho chúng tôi”...

Vậy là Valluy yêu cầu ông Cao ủy bất cứ bằng giá nào cũng xin cho được Chính phủ Paris duy trì đạo quân viễn chinh ở quân số 75.000 người - con số này chắc sẽ còn phải tăng cường thêm “trong giả thiết mà ngài bắt buộc phải đề nghị với Chính phủ mở những chiến dịch mới và dưới một hình thức hơi đặc biệt một chút”...

• Một hành vi bạo lực tại miền Bắc

Đô đốc d’Argenlieu nắm được những tin tức này, sau khi vừa báo cáo về Paris cuộc hội kiến của ông ta tại Cam Ranh với Hồ Chí Minh qua bức điện nói trên, liền gửi ngay, cũng cùng ngày 19/10, cho Georges Bidault và tướng Juin một bức điện mật trong đó ông lập luận như sau:

“Trong lúc những cuộc điều đình Pháp - Việt nhằm chuẩn bị cho việc thực hiện Tạm ước sắp sửa tiến hành, tôi nhất trí với tướng Valluy thấy phải lưu ý Chính phủ về những điểm sau đây:

1. Như chúng ta cần dự tính trước, nếu việc trở về nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh không lôi cuốn theo được một bước ngoặt thực sự trong xu hướng của Chính phủ Hà Nội, thì chắc chắn ông Hồ sẽ lợi dụng thời gian áp dụng Tạm ước không những để tìm kiếm những ưu thế chính trị quyết định ở miền Nam mà còn để bảo đảm cho mình một vị trí quân sự mạnh hơn...

2. Trong khi tiềm năng quân sự của Chính phủ Hà Nội được tăng cường, ít ra trong tương lai trước mắt, thì tiềm năng quân sự của chúng ta, do việc thay quân, lại chuyển sang một giai đoạn khủng hoảng ngày càng sâu sắc. Việc duy trì quân số ở mức 75.000 người không được bảo đảm cho năm 1947...

3. Việc tái chiếm các tỉnh của Campuchia sẽ đòi hỏi sự bố trí lực lượng quân sự ở miền Nam của chúng ta phải tăng cường hiệu lực trong khi nó đang bị dần mỏng ra nhiều rồi.

4.... Tôi cho rằng chúng ta không nên loại trừ giả thiết một hành động bạo lực của Chính phủ Hà Nội với đủ mọi duyên cớ khác nhau để ra từ việc khai thác bản Tạm ước. Tôi không sợ những tác động đầu tiên của hành vi quân sự đó; lực lượng của chúng ta sẽ đủ sức đối phó. Nhưng, nếu như chúng ta phải bị động mà chấp nhận, thì chắc chắn là tinh thần quân đội ta và từ đó cả dư luận công chúng Pháp sẽ bị tổn thương.

5. Nếu Chính phủ thừa nhận khả năng có thể xảy ra của giả thiết này, thì Chính phủ cần phải chuẩn bị phương tiện đối phó ngay từ bây giờ. Quả vậy, lúc đó, một sự “trả đũa” tức thời sẽ là cần thiết tại Hà Nội cũng như tại Trung Kỳ. Tôi yêu cầu Chính quốc sẽ tổ chức sẵn sàng cho tháng 3/1947 những đơn vị hoàn bị, những đại đội bộ binh, thiết giáp... cần thiết để thành lập một sư đoàn 10.000 người trang bị nhẹ nhàng và không có trọng pháo; ngoài ra Chính phủ sẽ có những biện pháp cần thiết để duy trì con số 75.000 người của đội quân viễn chinh. Những lực lượng này là tối cần thiết để giữ vững vị trí lãnh thổ hiện nay của chúng ta, chiếm đóng các tỉnh Campuchia đã được cắt nhượng (ngay sau cuộc dàn xếp ngoại giao) và bằng cuộc trả đũa của chúng ta tại Hà Nội và Trung Kỳ, vô hiệu hóa những nhân tố lãnh đạo các cuộc biến động lật đổ và khủng bố tại miền Nam.

“Tôi được biết rõ những khó khăn đủ thứ mà Chính phủ phải trải qua để nâng đỡ những cố gắng quân sự của mình tại Đông Dương, nhưng tôi nghĩ rằng tôi có bổn phận phải báo trước cho Chính phủ biết những nguy cơ mà một tình huống như vậy sẽ có thể đưa đến.

Ký tên: D'ARGENLIEU

Việc xin viện trợ này sẽ được xem xét trong một phiên họp liên bộ tại Paris, ngày 23/10. Nó sẽ được tướng Juin ủng hộ; mấy hôm sau, tướng Juin viết:

... “Việc duy trì sự cố gắng đó sẽ là điều kiện cần yếu để thành công trong chính sách hòa hợp của chúng ta với Chính phủ Việt Nam. Nếu như chúng ta tỏ ra yếu đi, thì chỗ đứng của chúng ta sẽ nhanh chóng bị lung lay và vô phương cứu vãn”.

Vững lòng ở sự ủng hộ của ông đô đốc, tướng Valluy phải hành động cấp tốc với các cấp dưới của ông ta để sửa soạn cú “trả đũa” dự định. Quả nhiên, ngày 13/10, có tin đồn ở Hải Phòng rằng Pháp sắp mở một cuộc tấn công tức thời (ngày 15); quân đội Việt Nam được lệnh “đề phòng để tránh khiêu khích”, và ngày 21, một mệnh lệnh số 380 của tư vệ khu vực 4 Hải Phòng khẳng định: “Quân Pháp, lợi dụng buổi tiếp đón Hồ Chủ tịch và sự lo là cảnh giác của ta, đã bất ngờ chiếm đóng các công sở”. Do đó, lại cần có những biện pháp mới để đối phó với mọi bất trắc.

Chắc hẳn là để vận dụng một chỉ thị của tướng Valluy nên đại tá Dèbes, chỉ huy quân sự Hải Phòng, ngày 21/10 đã ra mệnh lệnh số 13706-R/3S; đại úy Dercourt, chỉ huy các nhóm quân RICM đóng tại Bắc Kỳ, chắc chắn đã căn cứ vào mệnh lệnh nói trên để ra một “đặc lệnh” số 938-TC, ngày 30/10, bắt đầu bằng những câu sau đây:

“Vì tình hình vẫn không ổn định, nên chúng ta có thể bắt buộc phải can thiệp một cách khẩn trương và chủ động bất cứ lúc nào. Đi theo giả thiết đó phải có một kế hoạch tiến công phù hợp.

Kế hoạch này nhằm mục đích:

a) Làm chủ các khu phố người Pháp bằng cách loại trừ các đồn bót Việt Nam;

b) Chiếm đóng những nơi cơ yếu nhất cho phép chúng ta làm chủ được cả thành phố;

c) Giải tòa con đường bộ Lạch Tray”...

Tiếp theo, bản “đặc lệnh” trình bày chi tiết nhiệm vụ của tập đoàn xe thiết giáp của RICM và các trục hành quân, chủ yếu là mở rộng ra theo kiểu “vết dầu loang” đến khu vực Duyên Hải. Dĩ nhiên, mệnh lệnh chỉ thị: “tuyệt đối mật”.

Hai ngày trước, ngày 28, tại Hà Nội, bộ chỉ huy Pháp đã ban hành một “lệnh hành quân số 1” và hai “đặc lệnh” xuống các đơn vị, chủ yếu là các đơn vị biệt động xe bọc thép.

Dĩ nhiên là một số dự án đều “trên mây”. Trong một bức thư ngày 25/10 (tức trước ngày Tạm ước bắt đầu có hiệu lực), gửi nhiều nhà lãnh đạo Pháp tại Đông Dương, đô đốc d’Argenlieu đã nói không che giấu:

“Chúng ta hãy chuẩn bị sẵn sàng để đối phó khi cần, kể từ tháng giêng 1947, với một sự tái diễn chiến sự, bằng một hành động bạo lực nhằm vô hiệu hóa Chính phủ Hà Nội về chính trị cũng như về tinh thần, và nhờ đó tạo thuận lợi cho công cuộc bình định miền Nam” [\[57\]](#)...

Một văn bản mang dấu vết lo âu do cuộc tấn công quân sự của Việt Minh lúc ấy tại miền Nam. Sài Gòn có khuynh hướng coi tình hình Nam Kỳ từ đây như vô vọng nếu người ta không đánh vào cái đầu, tức vào Hà Nội.

• Vấn đề kiểm soát thuế quan

Chính phủ Pháp, qua ngòi bút của Moutet, đã chỉ thị rằng trong giai đoạn khó xử này không được chủ động làm một điều gì có thể làm cho tình hình đột nhiên thêm căng thẳng, gây khó khăn trở ngại cho việc ký kết những hiệp định vĩnh viễn. Thế nhưng, ngay trước khi ký Tạm ước, các nhà chức trách Pháp ở Đông Dương phụ trách các vấn đề kinh tế, đã hết sức lo sợ trước tình hình buôn lậu ở miền Bắc; họ tình nghi về nội dung hàng lậu đó: đồ gao (hoặc những thực phẩm hiếm thiếu) lấy vũ khí mà Chính phủ Hà Nội mua sắm ở Trung Quốc, bằng mọi thủ đoạn, nhằm nhanh chóng củng cố quân đội của mình. Các nhà chức trách Pháp bèn quyết định thành lập một hệ thống kiểm soát thuế quan. Họ cho rằng nên cách ly nước Việt Nam ĐCCH với Trung Quốc bằng cách kiểm soát chủ yếu Lạng Sơn và nhất là Hải Phòng.

Vậy là ngày 10 tháng 9 và một cách bí mật (vì Paris cũng đến nửa tháng 11 mới được thông báo về sự việc này), viên cố vấn kinh tế Davée và tướng Morlière, ủy viên mới (quyền) của Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ, đã quyết định thiết lập một hệ thống kiểm soát thuế quan ở các vùng duyên hải Việt Nam và đặc biệt xung quanh Hải Phòng, bắt đầu từ ngày 15/10. Quyết định này gây nên một sự náo động tâm lý sâu sắc trong các giới chính trị Việt Nam; họ coi đó là một sự vi phạm Tạm ước.

Giả sử Việt Nam có chấp nhận “nguyên tắc” thống nhất thuế quan đi nữa thì ít nhất cũng còn phải thông qua những tiểu ban hỗn hợp mà thảo luận nhất trí với nhau về các thể thức kiểm soát thuế quan và những vấn đề tài chánh mà nó bao gồm (việc phân định thu nhập là một vấn đề chính phủ, chưa được giải quyết tại các cuộc đàm phán Paris). Chính phủ Hà Nội đã tức thời phản đối với tướng Morlière về cái gọi là “sự vi phạm trắng trợn chủ quyền của Việt Nam” và ngày 20/10, Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh kêu gọi người Pháp “xem xét lại thái độ của họ”.

Trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho rằng vấn đề này phải được giải quyết do những tiểu ban hỗn hợp mà ông Hồ đã quyết định cùng với đô đốc d’Argenlieu tại Cam Ranh phải nhanh chóng thành lập và ngay ngày 29/10, ông Hồ đề nghị với Sài Gòn cho họp ngay không chậm trễ tiểu ban hỗn hợp thuế quan và thương mại nhằm nghiên cứu những vấn đề chưa được giải quyết tại Hải Phòng. Đây là ngày hôm trước của ngày mà Tạm ước bắt đầu có hiệu lực và cũng là ngày hôm trước của ngày ngừng bắn ở Nam Bộ.

- Giờ khắc lựa chọn

Tại Sài Gòn, giờ ngừng bắn càng tới gần càng làm cho mọi người lo âu, vì Việt Minh đã tăng cường hoạt động. Ngày 26/10, d'Argenlieu báo động Paris bằng những lời lẽ hùng hồn về các nguy cơ của tình hình. Ông ta tố cáo “trò chơi hai mặt mà Hà Nội tiết hành với một phương pháp ngoan cố... sự hoạt động chỉ đạo từ các đường ngầm dưới mặt đất, sự quyết liệt của những cơ quan họ thiết lập nên, những mệnh lệnh được ban ra và đang trên con đường thực hiện... Một hệ thống chính trị hoàn toàn đầy đủ đã được hình thành dần với mệnh lệnh giành nắm chính quyền ở khắp mọi nơi... Đồng thời, các lực lượng vũ trang đang di chuyển chú ý tránh mọi đụng độ sao cho tới ngày 30/10 họ sẽ chiếm được những vị trí thuận lợi, càng gần các trung tâm lớn càng hay, hòng biến những vị trí ấy thành tuyến đầu đồn bót của họ” ... Ông ta cáo giác điều 9 của tam ước: “Tam ước... mai đây sẽ biến những con người mà chúng ta có thể coi một cách hợp pháp và chính đáng là những người lính chính quy của một nước bạn, thành viên của Liên hiệp Pháp, như những kẻ phiến loạn. Có thể là cần phải phá tan đi cái kế hoạch mà một kẻ thù bất cộng đái thiên (không đội trời chung) đã xây dựng lên một cách tỉ mỉ ấy”. Ông đồ đốc đã biết và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định với ông ta tại Cam Ranh, rằng Hà Nội từ chối không bàn (thậm chí cả không nghĩ đến) về việc rút quân đội Nam tiến của Việt Nam ra Bắc.

Đến ngày quy định, 30/10, lúc 0 giờ, chiến sự đã hoàn toàn chấm dứt tại Nam Kỳ, chứng tỏ Hà Nội kiểm soát hoàn toàn các du kích miền Nam và là người chỉ đạo hoạt động của họ.

Tam ước bắt đầu chính thức có hiệu lực. Bây giờ chỉ còn phải bàn cãi, theo như dự kiến, về việc bình thường hóa tình hình trong các lĩnh vực bao gồm trong hiệp định.

Ngày 29/10, ông đồ đốc báo cho Paris biết rằng Hà Nội vừa đề nghị Chính phủ Pháp thừa nhận Phạm Văn Bạch là người được ủy nhiệm bên cạnh Cao ủy để thiết lập sự cộng tác hai bên trong việc thi hành các hiệp định. Phạm Văn Bạch là chủ tịch Ủy ban hành chánh Nam Bộ. Ông Cao ủy liền lập tức yêu cầu Paris từ chối, nhưng Paris không phản ứng gì.

Việc ngừng bắn và sự yên tĩnh trở về sau chuyện ngừng bắn, đã mang lại cho Sài Gòn - cũng như cho cả Paris - một chút khoan khoái. Ngày 1/11, ông đồ đốc báo cho Paris biết rằng chiến sự đã ngừng đúng vào hồi nửa đêm ngày 29/10 và một tiểu ban quân sự Pháp, do tướng Nyo chỉ đạo, đi Hà Nội để “ấn định những nguyên tắc sẽ theo đó mà ký kết các hiệp định tham mưu”. Ngoài ra, “150 chính trị phạm đã được phóng thích ngày 3/10”.

Từ mấy hôm nay, ông đồ đốc chuẩn bị chuyển đi Paris sắp tới của ông, dự kiến vào khoảng giữa tháng 11 mà ông cho là cần thiết, trong tình huống hiện tại, nhằm thăm dò các ý định và thái độ của Chính phủ cũng như của các đảng phái. Nhưng ông ta biết, từ đây, rằng chính sách Nam Kỳ của Paris đã thay đổi (mặc dù Pignon vẫn cố chối) và ông ta đành phải đi dần tới chỗ ban hành những “quyền tự do dân chủ” và cả tới việc mở rộng chính phủ Sài Gòn.

Nhưng cái quy mô rộng lớn của cuộc tấn công của Việt Minh đã gieo hoang mang dao động cho những phần tử “ly khai”: họ cảm thấy Chính phủ Pháp không ủng hộ họ nữa; một số người nghi ngờ Chính phủ Pháp đang hướng về phía Bảo Đại. Ngày 6/11, Hội đồng Nam Kỳ họp kín, chất vấn Chính phủ Nguyễn Văn Thinh. Người ta yêu cầu ông ta cải tổ Chính phủ; Bác sĩ Thinh đã tự tử ngày 9/11... Tình hình chính trị bỗng nhiên trở nên nghiêm trọng tại Nam Kỳ; những kẻ theo phái “thống nhất” giờ đây dường như đang đợi thời cơ của họ. Thường dân Pháp ở Sài Gòn cảm thấy nản lòng.

Vậy nhưng trái lại, trước mắt là một sự củng cố. Nỗi lo sợ về sự ổn định của Chính phủ Hà Nội đã tiêu tan. Ngày 28/10, Hồ Chí Minh đệ đơn xin từ chức với Quốc hội lập hiến. Được bầu lại ngay tức thời, ông đã đề nghị một ê kíp mới và ngày 3/11, danh sách chính phủ mới đó được Quốc hội thông qua. Nhưng Chính phủ thống nhất quốc gia tháng 3 đã được thay thế bằng một

Chính phủ đoàn kết dân tộc (Liên Việt), lần này hoàn toàn do Việt Minh thống trị.

Phái đối lập quốc gia chủ nghĩa, bị yếu đi rất nhiều, đành phải rút vào vòng bí mật. Một trong những lãnh tụ có tên tuổi hơn cả của họ là Phạm Gia Do, đại biểu VNQDD, bị công an Việt Nam coi như là “ứng cử viên” của Pháp, sắp sửa bị bắt giữ. Quốc hội Việt Nam, ngày 8/11, đã biểu quyết thông qua bản Hiến pháp soạn thảo từ mấy tháng trước; rồi Quốc hội hoãn họp, sau khi đã yêu cầu Chính phủ hành động rất cứng rắn nhằm buộc phía Pháp phải tôn trọng chủ quyền thuế quan của nước Việt Nam ĐCCH.

Ngay từ ngày 6/11, d’Argenlieu đã cho Paris biết cảm tưởng của ông ta về những sự kiện xảy ra tại Hà Nội. Ông nhấn mạnh rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai “xác định lập trường của mình là sự thực hiện Tam ước và sự cần thiết phải đổi mới và củng cố tình hữu nghị Pháp - Việt...”, sau đó, ông đô đốc thừa nhận:

“Cuộc tiếp đón Chủ tịch Hồ Chí Minh từ nước Pháp về, tại Bắc Kỳ, chứng tỏ Chủ tịch vẫn tuyệt đối làm chủ tình thế, mặc dầu có một sự phản đối càng ngày càng tăng, nhưng không có cách nào phát biểu công khai được vì đã bị “nhét giẻ vào miệng rồi”. Tuy nhiên, không thể chối cãi được rằng đảng Việt Minh, trở thành đảng cầm quyền, trong một năm qua đã bị suy yếu quyền hành. Vậy nhưng một mặt, bộ máy hành chánh chính trị của Việt Minh vẫn nguyên vẹn và mặt khác phe đối lập rõ ràng là không tài nào tổ chức được lực lượng của mình trước sự đàn áp của một cơ quan công an rất đông và rất đủ quyền lực. Những phần tử công giáo và VNQDD là những người hoạt động tích cực nhất và họ đã khôn khéo lợi dụng để chống lại Chính phủ những nhượng bộ bề ngoài bao gồm trong bản Tam ước. Vũ khí duy nhất của họ là sự thi đua bài ngoại. Tất cả những người đối lập đều hướng mắt về cựu quốc vương Bảo Đại và đều dựa thế, kẻ thì Mỹ, người thì Pháp, tìm cách cho Bảo Đại được trở về...”.

Phù hợp với những chỉ thị của Pignon vừa mới đây, từ đây Sài Gòn sẽ nhấn mạnh nhiều đến tính chất “độc tài chuyên chế” của Nhà nước Việt Minh. Vậy nên cuộc thương thuyết với chính quyền mới này của Hà Nội chắc chắn sẽ là gay go. Tiểu ban quân sự Pháp, một khi ra đến Hà Nội rồi, vẫn không làm sao thực hiện nổi cuộc tiếp xúc; sau đó là vấn đề lựa chọn địa điểm hội nghị: Việt Nam ĐCCH đề nghị Hà Nội và Sài Gòn, còn ông Cao ủy chỉ muốn chọn Đà Lạt và một phần nào đó muốn chọn Hà Nội.

• Kế hoạch Valluy - D’Argenlieu

Tại Sài Gòn, người ta đang đi đến thời điểm lựa chọn. Tại đây, người ta cho rằng Nam Kỳ, cái trục xoay và cơ sở của chính sách Pháp ở Đông Dương, đang gặp nguy cơ trầm trọng. Đúng là chiến sự đã chấm dứt, nhưng kẻ thù vẫn còn ở lại vị trí của nó. Tình hình chính trị mập mờ. Phe ly khai thì hết sức hoang mang, lòng tin ở nước Pháp bị xói mòn; chủ nghĩa dân tộc đang trên chiều hướng đi lên. Một lần nữa, các nhà lãnh đạo Sài Gòn lại đi đến kết luận: cần phải cứng rắn.

Trong tình huống đó, chuyến đi Paris của ông đô đốc mang một ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Nhất thiết Chính phủ Pháp, nếu có thể, ủng hộ ông trong cuộc thử thách sức mạnh với Hà Nội mà ông thấy không thể nào tránh khỏi trong một ngày không xa. Những mưu đồ tính toán của Việt Minh phải bị đảo lộn và “Nam Kỳ phải được nước Pháp cứu vãn”.

Để có đủ căn cứ nói chuyện với Paris một cách chủ động, d’Argenlieu đã yêu cầu Valluy làm cho ông một bản nhận xét tỉ mỉ về tình hình. Ngày 9/11, Valluy đã gửi cho d’Argenlieu bản báo cáo dưới đây:

“Theo đúng những chỉ thị mà Ngài đã truyền đạt, tôi hân hạnh gửi kèm theo đây cho Ngài một bản nghiên cứu tóm tắt, dưới dạng một bản sơ thảo dự án, về một hành động bạo lực sẽ thực hiện tại Bắc Kỳ.

“Bản nghiên cứu này bao gồm hai giải pháp: một giải pháp số một với việc duy trì chiếm đóng Hà Nội; một giải pháp số hai với việc rút khỏi Hà Nội. Những thuận lợi và bất lợi của mỗi giải pháp có thể tóm tắt lại trong bảng thống kê theo kiểu sơ đồ dưới đây (tiếp theo là một bảng thống kê).

“Những nhận xét này đều có một trọng lượng nhất định mà Ngài có trách nhiệm nên lựa chọn giải pháp nào. Dĩ nhiên là những giải pháp trên có thể được chuẩn bị trong từng chi tiết. Như vậy Ngài có thể lựa chọn không cần điều kiện tiên quyết mà tùy hoàn cảnh từng lúc”.

Trong lúc đó, các cuộc bầu cử tại Pháp đã kết thúc với sự thắng lợi của cánh tả. Đảng Cộng sản thay chỗ cho phong trào Cộng hòa bình dân với tư cách là “chính đảng số 1” của Pháp, ít ra là về số phiếu giành được và Đảng xã hội, tuy có bị thụt lùi so với trước, vẫn còn mạnh. Trong điều kiện ấy, phong trào Cộng hòa bình dân khó lòng mà giữ nổi quyền lãnh đạo chính phủ. Đô đốc d’Argenlieu và các cố vấn của ông ta không còn có thể nuôi dưỡng được bao nhiêu ảo tưởng nữa trong cái ngày 11/11 này: họ khó mà hy vọng sẽ được chính phủ sắp tới ủng hộ mình đến cùng chống lại với Chính phủ Hà Nội. “Vấn bài” đối với họ có thể bị lật ngược. Họ cùng một lúc phải làm sao chi phối được chính phủ mới, buộc chính phủ phải nhúng tay vào vấn đề Đông Dương và tránh được khỏi bị khiển trách, đồng thời phải hành động làm sao để tạo ra được ở Việt Nam một sự “căng thẳng tích cực”, có nghĩa là khai thác được một cách có lợi cho cái mà họ nghĩ là quyền lợi của nước Pháp.

Ngày 12/11, d’Argenlieu trả lời như sau cho bản báo cáo của Valluy:

“Nếu như bất chấp những cố gắng của Chính phủ Pháp nhằm đi đến một hiệp định phải chăng với Chính phủ Hà Nội, chiến sự vẫn cứ phải tái diễn tại một số địa bàn hành quân ở Đông Dương, thì điều quan trọng nhất là quân đội ta phải có đủ khả năng, không những để chịu đựng một cuộc tấn công bất thành công, mà còn phải trả đũa bằng một hành động mạnh quyết định...

“Những đợt cải tiến cách bố trí lực lượng quân sự ở miền Nam, dù có hiệu quả mấy đi nữa, cũng vẫn không đủ để ngăn chặn một chế độ khủng bố mà từ cơ quan lãnh đạo đến quân đội và các trung tâm quân sự đều được hưởng một sự an toàn tuyệt đối trong những vùng lãnh thổ gọi là của Việt Nam.

“Vậy chúng ta phải dự kiến trước cái giả thiết là sau khi đã vận dụng hết mọi khả năng hòa hoãn, Chính phủ Pháp thấy buộc lòng phải đối phó với tình hình chiến sự tái diễn bằng một hành động mạnh trực diện chống lại Chính phủ Hà Nội.

“Trong thực tế, sự bố trí lực lượng quân sự của chúng ta tại Bắc Kỳ hầu như không đủ để đối phó với một sự kiện bất trắc như vậy. Bị phân tán nhiều nơi, đường liên lạc quá rộng, quân số bị giảm dần tiếp theo những đợt hồi hương làm cho nó vừa dễ bị tổn thương trước hoạt động của quân du kích vừa không đủ sức mở những cuộc tấn công.

“Một sự tập hợp và phiên chế mới là cần thiết; nó cho phép:

— Cơ bản giữ vững căn cứ chiến lược Hải Phòng - Vịnh Ha Long, bao gồm vùng mỏ Bắc Kỳ;

— Giữ vững căn cứ không quân-lục quân Hà Nội làm căn cứ xuất phát tiền tiêu của những hành động vũ lực nhằm mục đích nếu có xung đột xảy ra thì vô hiệu hóa Chính phủ Hà Nội và tiêu diệt các trung tâm quân sự Hà Đông - Sơn Tây - Tông và nếu cần thì Hòa Bình;

— Bảo đảm ít ra là tạm thời sự tự do liên lạc giữa hai căn cứ đó;

“Sự bố trí lực lượng này cần được tiến hành dần mà không cần có những hành vi quân sự vô ích. Nó phải được hoàn thành vào cuối năm 1946...

“Nói tóm lại, không cần phải tiên đoán gì về diễn biến của cuộc điều đình với Chính phủ Việt

Nam, nhiệm vụ chính của lực lượng quân sự Pháp được xác định như sau:

— Tại Nam Kỳ và miền Nam Trung Kỳ: thực thi các điều khoản của Tạm ước đã được cụ thể hóa trong bức thư của tôi ngày 22/10/1946,

— Tại Bắc Kỳ: sau khi đã tập hợp và phiên chế lại lực lượng tập trung chủ yếu vào căn cứ chính Hải Phòng - Vịnh Hạ Long và căn cứ thứ yếu Hà Nội, chuẩn bị sẵn sàng để đối phó lại khi cần kể từ tháng giêng 1947, với một sự bùng nổ trở lại của chiến tranh, bằng một hành động vũ lực nhằm vô hiệu hóa Chính phủ Hà Nội về mặt chính trị cũng như quân sự và qua đó làm cho cuộc bình định miền Nam được dễ dàng.

X. HẢI PHÒNG: MỘT KHÚC NHẠC ĐẠO ĐẦU (8 - 30/11/1946)

Việc thiết lập sự kiểm soát thuế quan của Pháp tại vùng duyên hải Hải Phòng tiếp tục gây nhiều phản ứng quyết liệt tại Hà Nội, ở đây, sự ngờ vực đối với Sài Gòn đã lên tới mức độ tối đa, vì người ta nghĩ rằng, quân Pháp đang tìm cách thực hiện phong tỏa nước Việt Nam ĐCCH một cách có hệ thống. Do đó mà trong chính sách kinh tế của Chính phủ Việt Nam ĐCCH có một sự thay đổi đột xuất; người ta nhấn mạnh mục tiêu tự túc kinh tế. Ngày 8/11, Việt Minh tuyên bố tình trạng báo động ở miền duyên hải. Họ chuẩn bị công khai để đối phó với một cuộc thử thách vũ trang.

Tại miền duyên hải, tình hình chung đã thay đổi hầu như toàn bộ từ tháng 9. Thực vậy, đơn vị cuối cùng của quân đội Trung Quốc (Sư đoàn danh dự số 2) vừa rời cảng Hải Phòng ngày 18/9. Trong trường hợp có hành động bạo lực, người Pháp không còn lo sợ sự phản ứng của Trung Quốc, cũng như những chuyện phức tạp quốc tế xảy ra nữa. Ngoài ra, các thường dân người Hoa tại Đông Dương chỉ còn có thể hướng về người Pháp để người Pháp bảo vệ cho họ trước chính quyền Việt Nam luôn luôn “hoành hoệ” và kiểm soát họ. Tình thế này đã bùng nổ nhiều lần, như người ta đã chứng kiến, trong khi quân Pháp chiếm đóng cơ quan Thuế quan và trong những biến cố lớn hồi tháng bảy. Tại Hải Phòng cũng như tại Hà Nội, quân đội Pháp bị quân đội Việt Nam kiểm soát chặt chẽ và không dễ dãi tí nào. Các cơ quan đặc biệt của Pháp (nhất là cơ quan BEDOC - Bureau, Général de Documentation - Tổng nha Tư liệu) phải đấu tranh thường xuyên với cơ quan Công an Việt Nam.

Vì vậy được tự do “hít thở không khí” đã trở thành một nguyện vọng cơ bản của người Pháp ở miền bắc. Trạng thái tinh thần của quân đội (sĩ quan và binh lính) từ đây rất thù địch với Việt Minh; nguy cơ xảy ra những chuyện bất trắc đã thành thường xuyên. Kế hoạch hành động của d'Argenlieu - Valluy trong hoàn cảnh như vậy trên thực tế là được triệt để ủng hộ.

Trước tình hình ngày càng xấu đi ấy, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Việt Minh và cả nhân dân đều tỏ ra lo lắng. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi sự lo lắng này như một biểu hiện chính trị bèn gửi cho Paris một bức thư ngày 11/11, chính thức phản đối việc thiết lập sự kiểm soát thuế quan của Pháp, nhưng bức thư không quan trọng hóa vấn đề. Bức thư ấy, phải qua tay Sài Gòn, chỉ được tướng Valluy chuyển về Paris ngày 26, và là chuyển bằng máy bay. Phải đến ngày 2/12 nó mới đến tay người nhận. Trong lúc đó...

• Chính sách cứng rắn hơn

Ngày 16/11, Valluy, tạm quyền Cao ủy trong lúc ông đô đốc vắng mặt, đã điện về Paris:

“Việc thực hiện Tam ước đã bị phía Chính phủ Việt Nam làm chậm trễ lại một cách có hệ thống thông qua những thủ tục giả tạo, đặc biệt về việc ấn định địa điểm của các tiểu ban. Tôi thấy, vì lợi ích chung và để chứng tỏ thiện chí của chúng ta, cần phải làm một cử chỉ hòa hợp. Nhằm mục đích đó tôi phái ra Hà Nội; ông ủy viên Tư pháp Ladreit de Lacharrière, đã được tôi ủy nhiệm bên cạnh ông Hồ Chí Minh và giao cho nhiệm vụ tích cực xúc tiến việc họp các tiểu ban liên quan đến việc hoàn trả các tài sản Pháp và trường Viễn Đông Bác Cổ, mà việc hoạt động của các tiểu ban này không gây nên điều tranh chấp nào cả....

Ngày 18, tại Hà Nội, De Lacharrière đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh cho họp ngay các tiểu ban mà cả hai bên Pháp Việt chấp nhận cho đóng trụ sở ngay tại thủ đô của nước Việt Nam. Ít ra điều này cũng sẽ làm cho bầu không khí bớt căng thẳng và cho các cuộc đàm phán được bắt đầu. Hồ Chí Minh chấp nhận và giới thiệu De Lacharrière tiếp xúc với các cán bộ thân cận của mình. Nhưng rồi cuộc đàm phán đã không có thì giờ để thực hiện.

Ngày 19/11, tướng Valluy gửi cho Ủy ban Liên bộ Đông Dương một bản tổng kết về công việc của các tiểu ban tham mưu, kể từ 3/11, các tiểu ban này làm việc tại Hà Nội.

“Đúng với các chỉ thị Defnat, Tiểu ban tham mưu đã nhận trách nhiệm tìm cách giải pháp các quân phiến loạn gốc Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ và gửi trả về Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ những phần tử gốc gác ngoài đó.

“Các nhà đàm phán Việt Nam, viện lý do là để củng cố việc ngưng bắn quân sự - là biện pháp đã có từ ngày 30/10 - đã tìm cách đề cập đến điều cơ bản của vấn đề về mặt chính trị của nó vừa lẩn tránh thảo luận những vấn đề đã được lựa chọn thảo luận trước tiên, mà họ thừa biết là mục tiêu chính của chúng ta và có thể vì chúng mà cuộc đàm phán lâm vào bế tắc.

“Ý định của Việt Nam có thể tóm tắt lại như sau: - đạt được một giải pháp tạm thời cho tình thế, có tác dụng củng cố trạng thái ngưng bắn quân sự, đứng vững trong tình thế thuận lợi đó bằng cách kéo dài đến mức tối đa những công việc của tiểu ban theo chiều hướng đi đến một giải pháp dứt khoát; lợi dụng thời hạn ấy để cải thiện lại tình hình quân sự của họ bằng cách xoay quanh các điều khoản của hiệp định sơ bộ và nhất là để cải thiện địa vị chính trị của họ bằng cách cải tổ và mở rộng bộ máy hành chính - chính trị bí mật của họ, và bằng một chiến dịch tuyên truyền hoặc bí mật hoặc có thể được thì công khai”.

Valluy nó thêm rằng: ông ta đã gửi chỉ thị về việc “kéo dài các cuộc thương lượng sao cho cả khi nó có bị cắt ngang đi chẳng nữa thì người ta vẫn không có lý do để quy trách nhiệm cho chúng ta.

“Tuy nhiên, Chính phủ sẽ không thể không thấy rằng tình trạng đợi chờ này không thể kéo dài lâu hơn nữa mà không làm thiệt hại một cách vô phương cứu vãn đến tình hình của chúng ta tại Nam Kỳ và cũng từ đó, trên toàn cõi Đông Dương.

“Do những sự lẩn tránh không thể nào chấp nhận được của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ - họ đã trắng trợn rêu rao với dân chúng rằng họ là cơ quan hành chánh duy nhất hợp pháp - và do sự tiếp tục chính sách khủng bố theo một nhịp điệu như trước ngày 30/10, cho nên việc thi hành trung thực Tạm ước của một mình chúng ta đã gây trở lại cho chúng ta những sự thiệt thòi theo một nhịp độ ngày càng nhanh chóng.

“Hiện chúng tôi đang cương quyết cố gắng nhận lấy trách nhiệm một lần nữa về mình bằng cách huy động và liên kết mọi phương tiện sẵn có và chúng tôi có quyền chờ đợi một vài kết quả; nhưng rốt cuộc vấn đề tồn tại vẫn là: Tình hình có thay đổi thực sự có kết quả hay không là do lập trường của Chính phủ về quyền của Pháp ở Nam Kỳ, lập trường mà nhất thiết - tôi nói “nhất thiết” - Chính phủ phải công bố hết sức khẩn cấp bằng một quyết định rõ ràng và công khai”.

Bức điện này chỉ là một trong những bức điện gửi về Paris lúc đó, nhưng đều góp phần tác động đến những kẻ có quyền quyết định theo hướng quả quyết và có chiều cố đến tình hình chính trị đặc biệt lúc này đang thăng thế ở Paris, đã đến lúc cần phải làm nảy sinh những quyết định cơ bản đã được dự kiến trong những thư từ trao đổi giữa d'Argenlieu và Valluy ngày 9 và 12/11.

Ngày 20/11, trong một bức điện mới gửi Pariss và chủ yếu cho Ủy ban Liên bộ Đông Dương, ngày 23/11, ông quyền Cao ủy có đề trình những nhận xét khái quát về một hoặc hai vấn đề mà người ta chưa được thông báo trong chính phủ: việc kiểm soát thuế quan ở Hải Phòng và việc phát hành giấy bạc của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, cùng với những chuyện phiền nhiễu mà nạn nhân là những cơ sở thiết bị đã được quyết định trả lại cho người Pháp. Valluy kết luận bức điện bằng cách thông báo rằng: ông Davée (cố vấn kinh tế) đã “tin chắc rằng trong lĩnh vực này cũng như trong lĩnh vực chính trị, Chính phủ Việt Nam thực tình không muốn đồng tâm hợp lực và làm việc với nước Pháp chút nào”.

• Vụ rắc rối Hải Phòng

Chỉ tám giờ sau, bức điện đánh dấu khởi đầu của cuộc chiến tranh mới được đánh sang Paris một cách công khai, rõ ràng:

“Ưu tiên tuyệt đối. Số 1864F, 21/11, 12.40 Z. Trân trọng báo cáo một vụ rắc rối nghiêm trọng vừa xảy ra ở Hải Phòng ngày 20/11. Một toán quân Việt Nam nổ súng vào một LCI Pháp tuần tra đang kéo dắt một thuyền mành buôn lậu Trung Quốc. Tin đồn lan về khu phố người Hoa, lan ra chợ, ở đây có những người Pháp bị tấn công. Nổ súng khắp mọi phía, bắn súng cối vào chỗ đóng quân của Pháp ở khu vực nhà ga. Các chương ngại vật được dựng lên. Quân Pháp bắn trả, chiếm Nhà hát và Nhà bưu điện Việt Nam ở trong khu người Pháp. Được thông báo tin này, tướng Morlière gửi ngay thư phản đối tới Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Tình tiết trận Hải Phòng này đã được kể lại từ lâu nay qua nhiều tác phẩm có giá trị, và đây không phải là lúc kể lại sự diễn biến của nó. Tuy nhiên cũng nên chỉ rõ các giai đoạn để đặt nó vào đúng tình hình chính trị vừa được phân tích trên đây. Người ta sẽ điều đình và khó khăn lắm mới đạt tới được một quyết định ngưng bắn. Nhưng việc thi hành lệnh ngưng bắn tỏ ra khó lòng thực hiện do thái độ rất láo xược của viên sĩ quan chỉ huy căn cứ Hải Phòng, đại tá Dèbes; trên thực tế Dèbes đã triệt bỏ và ngầm phá hoại những công trình cố gắng của cấp trên ông ta, tướng Morlière và cố vấn chính trị của ông là Lami. Ông ta cảm thấy được sự che chở của Sài Gòn, tức của tướng Valluy.

Valluy đã lập tức bắt đầu tác động Paris. Trong bức điện ngày 22/11, ông ta chủ yếu đã viết:

“...Những tin tức thu thập được cũng như các tài liệu bắt được xác nhận rằng sự việc này đã được các nhà chức trách Việt Nam sắp đặt tỉ mỉ và trách nhiệm gây hấn rõ ràng không nghi ngờ gì nữa là thuộc về phía họ”...

Ông ta nói thêm:

“Người ta có đưa tin một cuộc mai phục nghiêm trọng đã được bố trí tại Lạng Sơn chống lại những người lính Pháp đi đào bới những hố chôn xác người Pháp và Việt Nam bị quân Nhật tàn sát. Vụ Lạng Sơn rọi một tia sáng sáng sủa lên những hậu quả của chính sách tuyên truyền chống Pháp dử dằn của Chính phủ Hà Nội và những mệnh lệnh tấn công truyền xuống cho quân đội họ... Sự phản công của quân Pháp đã dẫn tới kết quả là cuối ngày hôm đó, họ đánh chiếm luôn mấy điểm quan trọng ở Lạng Sơn và đuổi quân Việt Nam ra khỏi những điểm này...”

“Ngoài ra cũng nên thông báo rằng những tài liệu tìm được tại Sở chỉ huy quân Việt Nam tại Hải Phòng chứng tỏ rành rành rằng các nhà chức trách Việt Nam đã muốn tạo ra ở Hải Phòng một vụ đâm máu mà chính họ là những kẻ khởi xướng”.

Nhưng, tám tiếng đồng hồ trước đó, Valluy đã chỉ thị cho Morlière: “ông phải triệt để khai thác sự kiện nghiêm trọng này để củng cố thêm vị trí của chúng ta ở Hải Phòng”. Nghiêm trọng hơn nữa là Valluy qua mặt luôn cả Morlière, là người chịu trách nhiệm ở miền Bắc, Valluy đã điện thẳng tới hôm trước cho Dèbes:

“Tiếp theo sự kiện ngày 20, tôi thấy cần thiết phải lợi dụng vụ rắc rối đó để củng cố thêm vị trí Hai Phòng của chúng ta. Tôi đã gửi những chỉ thị dưới đây cho Morlière: những điều bảo đảm cần đạt được qua một cuộc điều tra nhanh chóng là: một, toàn bộ lực lượng chính quy và bán quân sự Việt Nam rút khỏi Hải Phòng; hai, quân đội ta hoàn toàn tự do về vấn đề đóng quân trong thành phố”.

Vậy là, đáp lại đề nghị của Hồ Chí Minh sẽ họp ngay tiểu ban hỗn hợp về vấn đề thuế quan và thương mại đối ngoại (mà Hồ Chí Minh cùng với Lacharrière đã thỏa thuận với nhau tối ngày

20/11), Valluy đã trả lời bằng cách chỉ thị cho Dèbes chỉ được chấp nhận với hai điều kiện là: rút hết mọi lực lượng vũ trang Việt Nam ra khỏi Hải Phòng và để cho quân Pháp hoàn toàn tự do đóng quân trong thành phố. Trong khi Lacharrière cho rằng nhiệm vụ của ông ta đã bị đình chỉ nên đã trở lại Sài Gòn, thì Morlière cố làm cho Valluy được sáng tỏ thêm những nguy cơ mà các đòi hỏi của ông ta có thể mang lại. Morlière viết:

“Đòi hỏi rút ra khỏi Hải Phòng toàn bộ lực lượng chính quy hoặc bán quân sự của Việt Nam rõ ràng đang chiếm giữ cả thành phố bản xứ, có nghĩa là quyết định một cách hoàn toàn chắc chắn - tôi nhắc lại: một cách hoàn toàn chắc chắn sự thôn tính thành phố, mà thôn tính thành phố thì trước hết, muốn tránh thiệt hại nặng nề, là phải dùng trọng pháo triệt hạ từng phần. Làm như vậy là đi đến chỗ hoàn toàn hủy bỏ hiệp định 6/3 và Tam ước (14/9) và mở rộng, gần như chắc chắn, chiến sự đến tất cả mọi đồn bót doanh trại của chúng ta trên đất Bắc Kỳ.

“Tôi thấy nhiệm vụ của tôi là phải chỉ rõ cho ngài biết về những hậu quả chắc chắn đó và yêu cầu ngài quyết định mục một 1897 có phải là mệnh lệnh bắt buộc phải thi hành ngay không”.

Bức điện của Valluy trả lời cho Morlière - có sao gửi Dèbes - đã từng “nổi tiếng”, nhưng vẫn cứ phải ghi lại ở đây:

“22 tháng 11 - 17.00 Z, 1903/3T

“Tôi nhận thấy rõ ràng là chúng ta đang đứng trước một cuộc tiến công có mưu tính trước và chuẩn bị hết sức cẩn thận của quân đội chính quy Việt Nam - dường như không còn tuân theo lệnh của chính phủ nữa. Như vậy những sáng kiến hòa hoãn đáng trân trọng và phiên chế lại các địa điểm trú quân, cũng như cuộc điều tra mà tôi đã yêu cầu tiến hành nay không còn có tác dụng nữa. Đã đến lúc cần phải dạy một bài học đích đáng cho những con người đã phản bội tấn công chúng ta. Bằng mọi điều kiện có trong tay ông phải hoàn toàn làm chủ Hải Phòng và buộc Chính phủ cũng như Quân đội Việt Nam phải hối cải trở lại. Đặc biệt ông phải cất giữ các kho xăng và súng đạn ở ngoài tầm phá hoại của quân thù, trên hai bên bờ sông. Ông sẽ đặt Chủ tịch Hồ trước những trách nhiệm nặng nề của mình và những hậu quả tai hại có thể gây ra với thái độ của ông ta đối với Chính phủ Pháp”.

Vậy là sau khi đã nói đến chữ “khiêu khích” ngày 21, ông quyền Cao ủy giờ đây lại nói đến chữ “tiến công có mưu tính trước”. Từ đây và suốt cả 35 năm về sau (cho đến khi các lưu trữ trữ Pháp chứng minh được sự mưu tính trước thuộc bên nào), thì đây vẫn là cái luận điệu chính thức của nước Pháp về cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

“Cuộc tiến công của Việt Nam” vậy thì “cuộc đánh trả” có thể mở rộng. Đại tá Dèbes phát động trận đánh Hải Phòng, nó sẽ kéo dài mấy ngày liền và sẽ bao gồm, ngày 23/11, cả cuộc oanh tạc nổi tiếng một cách đáng buồn vào thành phố người bản xứ của trọng pháo hải quân và lục quân. Trong thời gian trận chiến đấu này, quân Việt Nam khởi sự những cuộc phản công cho phép họ tạm thời chiếm được sân bay và nắm được bản chỉ thị “lùng lẩy” của Valluy ngày 10/4 ra lệnh chuyển việc “đối phó” thành một “cuộc đảo chính”[\[58\]](#), cùng với một số tài liệu khác, trong đó có lệnh của đại úy Dercourt ngày 30/10. Dĩ nhiên là từ đây mọi sự đối với họ - Việt Nam - sẽ được dần dần sáng tỏ.

Ngày 28/11, sau khi đã nắm chắc quyền kiểm soát toàn bộ Hải Phòng, Valluy trả lời một cách đầy tự tin những câu hỏi của Paris đòi ông giải thích, viện có những khó khăn đã gặp để quan trọng hóa tình hình và yêu cầu chính phủ cho phép đi xa hơn chút nữa. Nhưng Bộ chỉ huy quân đội Việt Nam, từ đây đã biết rõ những âm mưu thật của Pháp, bèn huy động bố phòng toàn bộ cả miền đồng bằng và nhất là đặt chướng ngại vật ngày càng lớn trên các con đường. Chính thành phố Hà Nội cũng lởm chởm hàng trăm ngàn vật cản như vậy nhằm mục đích làm trở ngại bằng mọi cách, sự đi lại và những cuộc vận động hành quân của Pháp, sẵn sàng đối phó với mọi điều bất trắc xảy ra. Tướng Valluy, chẳng thêm hỏi ý kiến chính phủ, đã lao mình vào cuộc phiêu lưu và lao cả nước Pháp theo mình.

- Một chính phủ bị đánh lừa và mất phương hướng

Tại Pháp, Chính phủ và dư luận công chúng hết sức bất ngờ trước sự diễn biến đột ngột của những sự kiện Đông Dương. Càng bất ngờ hơn khi mà, từ giữa tháng 10, với cuộc trưng cầu dân ý về bản Hiến pháp và về việc tuyển cử, người ta đang tập trung chú ý vào những vấn đề khác. Về chuyện dư luận đang mong muốn có hòa bình nhanh chóng tại Đông Dương, kể cả với một tạm ước chính trị tầm thường, chỉ cần xem lại những chỉ thị của chính phủ soạn thảo vào hồi cuối tháng 10 để gửi cho ông quyền Cao ủy Valluy đang chuẩn bị nhận chức ngay khi d'Argenlieu lên đường đi Paris. Rõ ràng là nước Pháp không thể và không muốn tăng cường cố gắng quân sự tại Đông Dương; nó còn muốn rút hẹp lại là đằng khác, như cuộc điều tra của tiểu ban Gayet ở Sài Gòn đã chứng minh. Chính là ở Nam Kỳ, và chỉ ở đây thôi, người ta mới muốn củng cố lại tình hình sao cho cái hiệp định mà sớm muộn sẽ phải ký kết có thể chấp nhận được về phía nước Pháp, và Chính phủ cần dẫn phải hành động bằng phương tiện chính trị, chứ không phải bằng phương tiện quân sự. Đó là vào cuối tháng 10!

Đô đốc d'Argenlieu về Paris từ ngày 15/11. Ông ta đã thực hiện những cuộc thăm viếng. Mục đích của ông ta giờ đây là che đậy về mặt chính trị, tại trung ương, cuộc hành quân mà ông ta đã thỏa thuận với Valluy sẽ tiến hành hôm nay đây, trước khi Chính phủ mới thành lập theo Hiến pháp 27/10, nhậm chức. Trước hết, ông ta phải tường trình với Chính phủ về tình hình, và chính là nhằm buổi tường trình trước Ủy ban Liên bộ Đông Dương được triệu tập vào ngày 23/11 đó, mà d'Argenlieu đã soạn một bản báo cáo khá dài. Đô đốc d'Argenlieu đã trình bày bản báo cáo đó với ủy ban, họp tại khách sạn Matignon. Ông đặc biệt nhấn mạnh về tình hình Nam Kỳ ngày càng trở nên nghiêm trọng; theo ông ta thì tại Nam Kỳ, việc Chính phủ Pháp do dự không chịu công khai và rõ ràng khẳng định chủ quyền của nước Pháp đối với Nam Kỳ đã khuyến khích kẻ thù hành động ngày càng táo bạo. Ông ta gợi ý chính phủ hãy quyết định, đình chỉ việc thi hành Tạm ước 14/9, dựa trên những “vụ rắc rối” vừa qua mà ông coi như là một sự thuận lợi cho hành động.

Một cuộc thảo luận đã diễn ra xung quanh bản báo cáo này; người ta nắm được nội dung của nó nhờ những ghi nhận của ông tổng thư ký Chính phủ, André Ségalat. Trong những lời ghi nhận đó, người ta đọc thấy:

“Sau khi bản báo cáo được đọc lên, ông Bidault có ý kiến nhận xét rằng chúng ta phải làm cho người đối thoại với chúng ta biết rằng:

1. Nước Pháp quyết tâm ở lại Đông Dương; 2. Nước Pháp muốn theo đuổi chính sách thỏa thuận; 3. Nhưng chính sách này chỉ được duy trì nếu những việc vi phạm điều đã cam kết chấm dứt; nếu không, nước Pháp sẽ bảo vệ các quyền của mình.

“Về vấn đề Nam Kỳ, ông Bidault nhắc lại rằng Nam Kỳ là một thuộc địa của Pháp và quy chế của nó chỉ có thể thay đổi bởi cơ quan đại diện của quốc dân. Chừng nào cơ quan đại diện quốc dân chưa có quyết định khác thì Chính phủ có nhiệm vụ làm cho mọi quyền của nước Pháp được tôn trọng bằng mọi biện pháp, kể cả sức mạnh”

Ủy ban Liên bộ Đông Dương, dưới chữ ký của Tổng thư ký Messmer, liền thông báo cho Sài Gòn, nói thêm rằng một cuộc họp mới của Ủy ban được dự kiến triệu tập vào ngày 29/11 “nhằm mục đích hiệu đính các quyết định và chỉ thị của Chính phủ”.

Tuy nhiên, cơ bản phải chú ý rằng; ở bước này, Valluy chỉ báo cáo về Paris những chỉ thị của ông ta gửi cho Morlière vào ngày hôm sau (điện 1906/3 T., 23 tháng 11, 15h 35 Z; Paris nhận được sau ngày 23 lúc 17h 25 và như vậy là đặt Chính phủ trước một sự việc đã rồi. Vì bức điện này ngày 24 mới được truyền thanh; cho nên Ủy ban Liên bộ Đông Dương họp ngày 23 đã bàn bạc về một tình hình đã thay đổi hoàn toàn mà Chính phủ chưa biết. Ngược lại, d'Argenlieu điện cho Valluy văn bản riêng của ông ta về các cuộc thảo luận của hội đồng và nhấn mạnh đến

sự cương quyết của Bidault và đến sự “cần thiết phải làm cho mọi người tôn trọng trật tự và luật pháp bằng tất cả mọi phương tiện”. Ông ta thêm vào sau bức điện ngày 24/11 (20/ĐC) ấy: “Tôi hoàn toàn tán thành... những chỉ thị ông đã gửi cho tướng Morlière sau khi xảy ra chuyện tấn công Hải Phòng”. Valluy hiểu ngay: “đèn xanh” đã bật.

Ngày 27, ông ta phản ứng bằng một bức điện mới gửi Paris trong đó ông thông báo trước tiên là mối nguy cơ nảy sinh từ sức mạnh và trạng thái tinh thần của “quân đội trẻ tuổi Việt Nam”

“ Binh lính Việt Nam... đã làm thành một lực lượng được huấn luyện và trang bị ngày càng tốt dần, thấm nhuần một tinh thần chiến đấu sâu sắc; hiển nhiên, họ có một ảnh hưởng không ai chối cãi được đối với những nghị quyết chính trị.

“Hiện nay, mọi ngóc ngách của vấn đề đều được đặt ra một cách khách quan..., không thể nào khẳng định được rằng ưu thế quân sự của chúng ta có thể duy trì được trong những tháng sắp tới với một cái thế trội hơn như vậy mãi, bởi hai lý do:

— Một: những mưu đồ của Chính phủ Hà Nội;

— Hai: những mối lệ thuộc mới của chúng ta tại Campuchia”...

Valluy bèn xin Chính phủ chấp nhận một “đợt tăng cường tạm thời nhưng mà công khai về thiết bị quân sự của chúng ta”, cùng “công bố lên rằng những đợt tăng viện đã được chuẩn bị cho Đông Dương và các đơn vị sẽ được đặt dưới quyền sử dụng của tôi không chậm trễ”.. Ngày 28/11, trong khi Paris nhận được một bức điện của Hồ Chí Minh trước (do Sài Gòn chuyển) khẩn thiết yêu cầu Bidault ra lệnh chấm dứt chiến sự tại Bắc Kỳ và sau đó là bức điện của Valluy xin viện binh, thì Chính phủ Bidault đưa đơn từ chức. Giờ đây, nước Pháp phải có một chính phủ đáp ứng một cách trọn vẹn hơn, do ở thành phần của nó, với tương quan lực lượng hình thành sau các cuộc bầu cử. Nội các Bidault từ đây chỉ là tạm quyền, “phụ trách những công việc thường ngày”.

• Bức thông tri Barjot và cái thẻ Humbert

Để đề phòng việc Ủy ban Liên bộ Đông Dương ngày 29/11 sẽ gửi những chỉ thị mới cho đô đốc d’Argenlieu, chuẩn đô đốc Barjot, phó tổng tham mưu trưởng Bộ Quốc phòng, đã soạn thảo một thông tri chi tiết, trong đó, sau khi đã căn cứ trên cơ sở tất cả những nguồn thông tin có được, để vẽ lại quá trình diễn biến của các sự kiện Hải Phòng và Lạng Sơn, ông lưu ý d’Argenlieu về những nguy cơ tai hại mà tình hình căng thẳng mới ở Bắc Kỳ có thể đưa lại. Theo Barjot, quyền lợi cơ bản của nước Pháp không nằm ở Bắc Kỳ. Nước Pháp đang có nguy cơ bị lôi cuốn vào một cuộc phiêu lưu rất tốn kém bao hàm cả việc gửi nhiều đợt viện binh sang. Không được bỏ trống miền Nam. “Chính là tại Nam Kỳ mà lực lượng quân sự của chúng ta phải ở lại”.

Trong bản dự thảo chỉ thị, đề ngày 28/11, đã được chuẩn bị để đệ lên Hội đồng ngày 29/11; cũng nhắc lại rằng các mục tiêu của Pháp tại Đông Dương đều hạn chế. Văn bản này, ngày nay chỉ còn giá trị lịch sử, bởi vì khi đó nó sẽ không được thực thi (nhưng nó sẽ được sử dụng lại một phần sau này, năm 1947). Nhưng nó đề cập theo một cách thức mới, vấn đề chính sách Nam Kỳ.

“Cần phải tìm cách thành lập một chính phủ Nam Kỳ mới bao gồm những nhân vật có chính kiến thống nhất ôn hòa, những phần tử quốc gia thuộc những xu hướng khác nhau không thuộc vào một tổ chức nào trong các tổ chức đã vận dụng một cách có hệ thống những phương pháp khủng bố bằng bạo lực...

“Mọi cố gắng... của Chính phủ đều phải hướng đến chỗ có những nhà chức trách đủ khả năng

diễn đạt chân thành nguyện vọng của nhân dân Nam Kỳ và khi cần, có thể bàn bạc về quyền lợi và chế độ tương lai của nó với nhà cầm quyền Hà Nội. Có thể nghĩ đến việc thống nhất ba kỳ dưới những hình thức tương đối chặt chẽ, bởi vì mục đích cuối cùng phải đạt tới là có trong nội bộ Việt Nam những đơn vị hành chính khác nhau cho mỗi xứ sát nhập...

Sau khi gợi ý rằng “những cuộc điều đình trực tiếp” giữa Sài Gòn và Hà Nội, trước mặt người đại diện của nước Pháp “có thể có khả năng hình thành và áp dụng một chế độ như thế nào đó khiến cho cuộc trưng cầu dân ý trở thành vô ích”. Bản dự án viết tiếp:

“Việc chiếm đóng các khu vực vùng biên giới Việt Trung phải được mở rộng, tới một mức độ phù hợp với những phương tiện chúng ta có, nhằm tạo ra một sự kiểm soát đối với các vùng này và mở rộng chế độ bảo hộ của chúng ta đối với các nhóm dân tộc thiểu số...”

Nhưng nói đến Tạm ước, bản báo cáo khẳng định rằng “những kết quả thu nhận được cho đến nay, cho dù nó có làm tiêu tan bao nhiêu hy vọng vài ba tuần trước đây, thì đó vẫn không phải lý do chính đáng để hoãn thi hành hoặc để tố cáo bản Tạm ước”. Ngược lại:

“Cần phải đặt Chính phủ nước Việt Nam DCCH trước trách nhiệm của họ về việc giữ gìn trật tự an ninh... Chính phủ Pháp không thể nào làm ngơ trước những vụ vi phạm lệnh ngưng bắn đã được hai bên tự nguyện chấp nhận với nhau...”

“Chính phủ xét thấy cần phải đi đến chỗ làm cho Chính phủ Việt Nam DCCH hiểu ra rằng một sự hợp tác trung thực với nhau là phù hợp với nhu cầu quyền lợi chung và sẽ mang lại kết quả là một sự mở rộng chế độ tự do cho đất nước họ. Phía chúng ta, phải hết sức giữ gìn, đừng làm một việc gì có thể bị coi như một vi phạm hiệp định...”

“Chính phủ tin chắc rằng việc áp dụng Tạm ước, được chỉ đạo một cách trung thực và kiên quyết, phải có tác dụng giải tỏa được tình trạng lộn xộn và vô tổ chức đang đè nặng lên Đông Dương”.

Như vậy là bản dự án đã được thảo ra với lời lẽ rất đúng mức và cho phép nhận định rằng, ngày hôm đó, Chính phủ Paris không quan trọng hóa chút nào những vụ rắc rối xảy ra tại Bắc Kỳ. Nó cũng không thỏa mãn yêu cầu của ông Cao ủy muốn hoãn việc thi hành Tạm ước. Trái lại, nó chỉ thị cho đô đốc d'Argenlieu phải nhanh chóng thi hành.

Về diễn biến của cuộc thảo luận tại Ủy ban, người ta chỉ còn tờ biên bản cuộc họp do A. Ségalat ghi. Người ta chú ý nhất là việc Bidault tuyên bố “Không nên thi hành ở Đông Dương bất cứ điều gì có thể làm tiền lệ, nhất là đối với Maroc và Tunisie, về phương diện những nhượng bộ hoặc về phương diện những sáng kiến... Toàn bộ vấn đề này không thể dùng bạo lực để giải quyết được... Dự luận công chúng thế giới sẽ không cho phép chúng ta được quyền tự do để làm như vậy và chúng ta cũng sẽ không được dự luận công chúng Pháp ủng hộ chút nào. Nhưng cần phải kiên quyết làm cho mọi người biết rằng nước Pháp sẽ không rời bỏ Đông Dương và nó sẽ bảo vệ cho sự hiện diện của nó bằng mọi phương tiện”.

Ủy ban quyết định đáp ứng yêu cầu của tướng Valluy và gửi viện quân sang Đông Dương. Nhưng người ta không thể hoàn toàn nhất trí với nhau về những chỉ thị cần gửi cho đô đốc d'Argenlieu và định giao việc này cho chính phủ tương lai, chính phủ này có khả năng căn cứ vào tình hình mới ở địa phương để làm việc đó hơn.

Bộ Quốc phòng rất dè dặt trước những yêu cầu của Valluy. Ngày 30/11, tướng Humbert, chủ nhiệm văn phòng quân sự của thủ tướng, trao lại cho Valluy một cái “phiếu” về vấn đề viện binh cần gửi sang cho Đông Dương. Người ta đọc thấy cái phiếu ghi:

“Ủy ban Đông Dương đã quyết định gửi viện binh sang Đông Dương. Chẳng có gì cản trở biện pháp này nếu nó có một giới hạn và chỉ nhằm biểu hiện một cử chỉ sau những vụ rắc rối Hải Phòng.

“Trái lại, nếu nó là bước “giáo đầu” cho một chính sách vũ lực ở Đông Dương, thì nó trở thành đặc biệt nguy hiểm đấy. Nước Pháp có thể phung phí quân số một cách vô ích. Sẽ là sự tái diễn của những sự kiện Rif[59] năm 1925 thôi. Đông Dương đối với quân đội Pháp sẽ như “chiếc thùng của các nàng Danaides”[60], bởi vì một chiến dịch vũ lực tại Đông Dương vượt ra ngoài khả năng của nó (quân đội Pháp)....

D’Argenlieu và Valluy thấy Paris do dự và không cả đồng tình với chính sách của hai người. Họ bèn quyết định “chờ thời” bằng cách sử dụng một chiến lược khác, lần này có tính chất chính trị hơn, bằng cách lôi cuốn J. Sainteny tham gia, làm cho uy tín Sainteny bị ảnh hưởng.

Sau cuộc đàm phán Fontainebleau và ngày Hồ Chí Minh lên đường về nước, Sainteny ngại ngừng nghĩ đến chuyện lại phải trở sang Hà Nội, tuy rằng về danh nghĩa ông ta vẫn là ủy viên nước Cộng hòa tại Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ. Tuy nhiên, ông đô đốc đã thăm dò ý kiến Sainteny từ hồi tháng bảy về khả năng một nhiệm kỳ mới và đến ngày 30 tháng 9 thì ông đô đốc đã chính thức hỏi Sainteny có nhận tiếp tục chức vụ của mình tại Hà Nội nữa hay không. Ngày 11/10, trong một bức thư gửi ông đô đốc, Sainteny đã nói “sẵn sàng trở lại nhiệm sở” và hy vọng có mặt tại Sài Gòn “trong nửa đầu tháng 11”. Nhưng rồi ngày đi của ông ta bị hoãn lại, và bị đặt mình trước việc ông Cao ủy chỉ một vài hôm nữa là đã bay sang Pháp, họ bèn thỏa thuận rằng Sainteny sẽ đợi d’Argenlieu tại Pariss và nhận chỉ thị của ông ta trước khi trở lại Việt Nam. Ông đô đốc đã gặp được Sainteny ngay khi ông vừa đến Paris; ông đã trao cho Sainteny những chỉ thị của ông vào ngày 16/11 và ngày 22, Sainteny đi Sài Gòn. Ông ta đến Sài Gòn ngày 25, đúng vào lúc mà ở miền Bắc diễn ra trận đánh Hải Phòng.

Hành động theo sự chỉ đạo của ông đô đốc, Valluy đã không muốn để Sainteny trở lại nhiệm sở của mình ở Hà Nội lúc này. Valluy nghĩ rằng: “tốt hơn là đừng làm ảnh hưởng đến uy tín của ông Ủy viên Cộng hòa trong việc giải quyết những vụ rắc rối mà nếu như giữ được trên một bình diện thuần túy quân sự thì dường như là có lợi hơn cả”. Nhưng, ngày 30/11, ông đột ngột thay đổi ý kiến, báo cho Paris biết rằng ông đã quyết định “cấp tốc phái ngay Sainteny trở về nhiệm sở. Thực tế cho thấy rằng chỉ một mình ông ta có khả năng tiếp tục khai thác tình hình về phương diện chính trị”.

XI. HỒ CHÍ MINH CHỜ THỜI (30/11 - 12/12/1946)

Trong bức điện gửi Paris để giải thích vì sao ông đã quyết định cử J. Sainteny ra Hà Nội ngay, Valluy trước hết nói rõ vì sao và bằng cách nào mà cuộc họp các tiểu ban hỗn hợp đã mang lại ít nhiều hòa dịu.

“Chúng tôi hy vọng, bằng cách cố gắng họp nhau xung quanh một chiếc bàn đàm phán, vô hiệu hóa những phần tử bạo hành và cực đoan. Những vụ rắc rối Hải Phòng và Lạng Sơn do Chính phủ Việt Nam âm mưu khiêu khích gây ra... đã không cho phép ông De Lacharrière đạt được kết quả trong nhiệm vụ làm hòa dịu tình hình của ông. Chúng tôi đỡ bị đặt trước cái mà người ta có thể gọi là một thử thách sức mạnh... Chính phủ Việt Nam... hoang mang trước sự căm phẫn ngày càng tăng của dân chúng,... đã tìm cơ hội nắm lại lòng tin của dân bằng cách biện bạch cho việc phải dùng hành động quân sự để thực hiện một số biện pháp nào đó và tìm cách phát động tinh thần yêu nước của nhân dân đang có chiều hướng suy giảm ở miền Bắc.

“Chúng ta không được phép chấp nhận sự khiêu khích đó, nếu không muốn làm nguy hại đến tương lai của nước Pháp tới Đông Dương, mà không phản ứng lại một cách thích đáng trên địa bàn quân sự. Sự phản ứng đó đã xảy ra, và chỉ tiếc là nó không được khai thác tại chỗ một cách kịp thời và kiên quyết hơn trên bình diện chính trị. Rõ ràng là lợi ích của chúng ta đòi hỏi chúng ta trong cơ hội này phải chiếm lấy ưu thế đối với Chính phủ Hà Nội, buộc Hà Nội phải đàm phán một cách thiện chí theo đúng tinh thần và văn bản của Tạm ước.

“Vây là tình hình Bắc Kỳ rất lập lờ... Tuy nhiên qua những nhận xét nghiêm túc thì các giới lãnh đạo Việt Nam đang có hai xu hướng khác biệt. Một nhóm trong đó có ông Giáp và Ủy ban Lãnh đạo của Đảng (tức Bộ chính trị - LND) tỏ ra cương quyết không nhân nhượng chút nào, chấp nhận một số hậu quả như sơ tán Chính phủ ra khỏi Hà Nội và rút lên miền núi, tại đó đã chuẩn bị sẵn một số căn cứ địa. Những người khác thì lo sợ trước khả năng mở rộng của cuộc xung đột và rất muốn nối lại các cuộc đàm phán dù có phải chịu đôi phần nhượng bộ...

“Theo đúng chỉ thị của Cao ủy, Sainteny phải ở Sài Gòn chờ lệnh trở về nhiệm sở. Tôi cũng có nghĩ đến rằng không nên làm ảnh hưởng đến uy tín của ông Ủy viên thực thụ trong việc giải quyết các vụ rắc rối mà nếu giữ gọn trên một bình diện thuần túy quân sự thì dường như là có lợi cho chúng ta hơn.

“Những diễn biến mới của tình hình đã buộc tôi phải phái ông ta trở về ngay nhiệm sở. Thực tế cũng nói lên rằng ông ta là người duy nhất có thể tiếp tục khai thác tình hình về mặt chính trị. Đây là những việc mà tôi thấy cần phải quyết định sau khi được xem những chỉ thị cuối cùng của Chính phủ”...

Trên thực tế, Hà Nội đã bắt đầu thi hành một chiến lược mới. Hoàng Minh Giám, được Hồ Chí Minh gọi về, đã rời Paris trên cùng một chuyến bay với Sainteny và đến Calcutta mới chia tay với Sainteny để bay thẳng về Hà Nội. Hình như ông ta đã chứng minh cho ông Hồ rằng những dữ kiện của vấn đề đã được sửa đổi sâu sắc do những chuyển biến chính trị đang diễn ra tại Paris. Bidault, đã đệ đơn từ chức, không thể ra những chỉ thị có hiệu lực cho d'Argenlieu nữa. Vây là từ đây phải nhất thiết chờ đợi thời cơ, cho đến khi một chính phủ mới được thành lập tại Paris; chính phủ mới này có nhiều cơ may nghiêng tả hơn chính phủ trước, do đó sẽ sẵn sàng có thiện ý với Việt Nam hơn. Thực tế, ngày 30/11, Ban Thường trực Quốc hội Việt Nam quyết định loan báo cho Quốc hội Pháp biết về cuộc xung đột xảy ra và yêu cầu Quốc hội Pháp cử một phái đoàn sang điều tra tại chỗ. Từ Hà Nội, tướng Morlière ngày 30/11 đã điện về cho Paris:

“Trước sự quyết tâm mãnh liệt và rõ ràng của Chính phủ Pháp và sự không thể bàn cãi gì trên văn bản các yêu sách của Pháp, dường như Chính phủ Việt Nam không nghĩ đến một hành động

tiến công mà cố tình kéo dài”.

Và, ngày 01/12, sau khi đã gặp Giám và Nam^[61], tướng Morlière đã ghi nhận: “Nguyên vọng của Việt Nam là không mở rộng cuộc xung đột Hà Nội và không tấn công” nhưng cũng “Quyết tâm tự vệ chống mọi khiêu khích mới”. Dù cách nào thì các nhà lãnh đạo Hà Nội dường như cũng đặt ít nhiều hy vọng vào việc trở lại Hà Nội của ông Sainteny, mà họ biết đang có mặt tại Sài Gòn.

• Chia rẽ Chính phủ Hà Nội

Bây giờ đây, nổi bật lên trên tất cả là những công việc bố phòng khẩn trương của người Việt Nam; họ đã thấy rõ hết mọi ý đồ của Pháp qua những tài liệu họ bắt được tại Hải Phòng; và họ đang dồn sức lực để đặt cả vùng châu thổ Bắc Kỳ trong tình thế phòng ngự, cách ly và làm tê liệt quân Pháp tại Hà Nội nhằm ngăn chặn không để cho họ gây ra một vụ bạo lực. Họ cắt đứt con đường quốc lộ Hà Nội - Hải Phòng, khiến cho mọi việc cứu trợ hoặc tiếp phẩm cho người Pháp ở Hà Nội trở thành rất khó khăn.

Phải chăng Valluy đã quyết định cấp tốc phái Sainteny ra Hà Nội chỉ để khai thác sự hoang mang và tình hình chính trị trên đây? Nhiều chỉ thị soạn thảo rất chi tiết rõ ràng, ký tên Valluy, được trao cho Sainteny ngày 2/12, lúc ông ta lên đường ra thủ đô nước Việt Nam ĐCCH, trong khi đó thì một bản báo cáo sơ lược về việc này được gửi sang cho ông đô đốc tại Paris. Những “chỉ thị bổ sung” này (chắc là bổ sung cho các chỉ thị mà ông đô đốc đã chuyển cho Sainteny ngày 16/11) đã được xem xét tại Hội đồng chính phủ. Nó đề ra chủ yếu những việc sau đây:

1. Nhiệm vụ cơ bản đầu tiên của ông sẽ là khai thác ở mọi lĩnh vực những ưu thế chúng ta vừa đạt được tại Bắc Kỳ sau những thắng lợi quân sự của chúng ta tại Hải Phòng và Lạng Sơn, nhưng với đường lối chỉ đạo là thực hiện một cuộc tiếp cận mới, một bước mới đi đến một hiệp định dứt khoát.

“Danh dự quân sự đã được nguyên vẹn, uy tín đã được khôi phục và tăng cường, nếu đặt những điều kiện hà khắc thì sẽ là một sai lầm chính trị”.

“Từ đây, vấn đề quan trọng là đừng đi đến tận cùng, đừng cưỡng bức Hồ Chí Minh và chính phủ của ông phải đi đến những giải pháp tuyệt vọng. Chính vì lý do ấy mà tôi nghĩ rằng việc ông đến ở phủ Toàn quyền là một việc làm quá sớm và không đúng lúc, người ta có thể coi đó như một sự khiêu khích có ý thức mang ý nghĩa trở lại dùng sức mạnh.

“Mục đích chúng ta - trong những điều kiện tốt hơn nhiều so với một tháng trước đây - luôn luôn vẫn là tạo ra một bầu không khí thuận lợi không những cho việc nối tiếp lại việc nghiên cứu chung về thể thức thi hành bản Tạm ước, mà còn cho việc cam kết mở những cuộc thương lượng tổng thể sắp sửa tới đây tại Paris. Vì ông trở lại nhiệm sở của mình với những định ý thuận lợi nên ông có một cơ hội lớn để giành một ưu thế vững vàng đối với Chính phủ Việt Nam.

2. Trước sự bất chính của cuộc tấn công Hải Phòng và Lạng Sơn..., chúng ta đã ở tình thế bất buộc cấp thiết phải có những sự bảo đảm.

“Những bảo đảm này không dự đoán gì về những quyết định sau này của Chính phủ Pháp, nhưng nó sẽ được duy trì cho đến khi nào Chính phủ Việt Nam chấm dứt tình thế mập mờ hiện nay, một tình thế nó ngăn cản không để cho thư thái lại tinh thần, không để cho việc tuyên truyền lắng dịu lại, có nghĩa là ngăn cản không cho lập lại cuộc sống bình yên.

“Vì vậy, nên củng cố chỗ đứng của những phần tử Việt Nam ôn hòa, tức là cho phép họ “giữ thể diện” và hạn chế những hành động cực đoan. Những kế hoạch vận động của họ hiện nay có thể

coi như là những kế hoạch vận động của chúng ta, bởi vì chúng ta chưa có được một chính phủ để thay thế. Hình như là Chủ tịch Hồ Chí Minh và những đồng chí trung thành của ông chẳng thích gì cái chuyện đi lại con đường du kích và lưu vong. Vậy là có thể có khả năng làm cho họ vừa hy vọng, vừa lo sợ và đưa họ dần dần đến chỗ chấp nhận các quan điểm của chúng ta mà một hệ luận chắc chắn sẽ là sự loại trừ, do chính Hồ Chí Minh đề xuất, những phần tử thù địch với sự hợp tác với Pháp ra.

“Việc ông đến Hà Nội, nếu không tạo ra được một sự bót căng thẳng, ít ra cũng là một thời gian lắng dịu, trong lúc đó ông có thể tìm biểu tình hình và bắt đầu cuộc vận động.

3. Ông sẽ khẳng định ý chí của chúng ta không nói lỏng gì cả: đừng dùng lối tối hậu thư, nó hạn chế tự do vận động mà nên dùng lối tuyên truyền, càng dữ dội càng hay, đồng thời thường xuyên hoạt động quân sự. Tôi sẽ duy trì thường xuyên một quân số đủ cho mọi tình huống. Trước tiên, ông hãy lo yêu sách cho kỳ được sự tự do đi lại tuyệt đối cho quân ta.

“Tổ chức những cuộc biểu dương lực lượng quy mô sẽ có tác dụng làm cho những phần tử đã được kích động thêm suy nghĩ, lôi cuốn được những phần tử do dự theo ta và trong một chừng mực nào đó, sẽ làm cho chính sách thỏa thuận hòa bình sắp tới của chúng ta được thêm thuận lợi.

“Ông sẽ tổ chức thật tốt cuộc sống ở những trung tâm do quân đội ta kiểm soát sao cho dân chúng các nơi đều nhìn đến với con mắt khâm phục và coi như đó là những ngôi nhà an toàn và những kho lương thực để phòng chống đói. Ông sẽ tách cái đám quần chúng rất ruột kia với những người đứng về phía chúng ta, rồi ông chờ đợi. Chắc chắn tình trạng lộn xộn vô chính phủ sẽ nảy sinh ngay từ những nhóm ngấp nghé lên cầm quyền thay thế chính phủ; với những phần tử này, ông chớ nên vội bắt tay với họ quá sớm. Các quyết định sẽ được ban hành đúng lúc và tùy theo khả năng phương tiện của chúng ta.

“Tuy vậy, tôi cũng loan báo ông biết - và ông sẽ nhận được nay mai những phương châm chỉ thị về vấn đề này - tính chất quan trọng đặc biệt của những chức vụ mà ông thi hành tại miền Trung Trung Bộ, là nơi rất có thể trở thành, thay cho Bắc Kỳ, một căn cứ hoạt động chính của chúng ta...

4. Ông đừng ngần ngại khẳng định rõ ràng với kẻ đối thoại của ông rằng: nếu những sự kiện tương tự như sự kiện Hải Phòng và Lạng Sơn sẽ còn xảy ra, thì sự phản ứng của chúng ta sẽ hết sức quyết liệt và sẽ được biểu thị trên một tầm cỡ rộng lớn hơn nhiều.

“Nếu Chủ tịch Hồ vẫn tỏ ra cố chấp, không chịu nhượng bộ, thì hãy để cho ông ấy chủ động cắt đứt; nhưng đồng thời, ông cần nhất trí với các nhà chức trách quân sự thi hành tất cả những biện pháp đề phòng để khỏi bị những sự kiện bất ngờ đổ xuống làm cho mình choáng váng, bất cứ bằng cách nào hoặc bất cứ trên lĩnh vực nào.

5. Những điểm đặc biệt mà chúng ta cũng có quyền đòi hỏi những biện pháp tức thời để làm cho tình hình bót căng thẳng là những điểm sau đây:

— Nam Kỳ: hồi hương những toán quân Bắc Kỳ và giải giáp những phần tử Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ (chỉ thị đã gửi cho tiểu ban Nyo); bảo đảm việc sản xuất lúa gạo; tuyệt đối loại bỏ chính sách khủng bố.

— Bắc Kỳ: kiểm soát những buổi phát thanh của Đài Bạch Mai; giải phóng các con tin; trở lại cuộc sống kinh tế nguyên vẹn như xưa.

“Đáp lại và không liên quan gì đến một đôi sự nhân nhượng hình thức mà tôi để ông tùy nghi quyết định, ông có thể chấp nhận:

— Về mặt tài chính: nguyên bắc những cuộc đàm phán về vấn đề thuế quan và thương mại đối

ngoại. - Về mặt quân sự: nguyên tắc quân Pháp rút khỏi các doanh trại Bắc Ninh và Phủ Lạng Thương.

6. Ông đừng quên tính chất quan trọng của ván bài đang chơi dở ở Nam Kỳ, nó vẫn là hòn đá góc của lâu đài Liên bang và là nền tảng ảnh hưởng của chúng ta. Không được vì một sự tiến bộ nào ở miền Bắc mà đồng ý hy sinh dù ít dù nhiều chỗ đứng của chúng ta ở Nam Kỳ.

7. Ông hẳn đã biết cái khác biệt trong cách nhìn hình thành rất nhanh chóng giữa Hà Nội và Sài Gòn. Vậy nên tôi rất coi trọng việc duy trì giữa chúng ta (tôi và ông) những mối liên hệ tốt đẹp, thường xuyên và đầy đủ đến mức tối đa.

8. Tôi rất biết nhiệm vụ của ông vô cùng nặng nề và khó khăn, nhưng tất cả chúng ta, ai cũng như nhau, đâu phải đến Đông Dương để đoạt được một thắng lợi cá nhân, mà là để đảm bảo thắng lợi cho một sự nghiệp mà chúng ta đều gắn bó: khôi phục lại nước Pháp dưới một bộ mặt mới và theo những phương thức mới, trong sự vĩ đại đầu tiên của nó”

• Phái bộ Sainteny

Ngày 2/12, vào buổi chiều, chiếc Dakota chở Sainteny, có sáu chiếc máy bay tiêm kích hộ vệ, hạ cánh tại Hà Nội. Đón tiếp Sainteny tại sân bay có các nhân vật tai mắt: Morlière, Lami, Giám, Nam, các lãnh sự Anh và Mỹ, v.v... Giám xin lỗi về sự vắng mặt của Hồ Chí Minh, đang bệnh. Buổi tối hôm đó, Morlière không che giấu nỗi hân hoan của ông ta được chấm dứt nhiệm vụ tạm quyền của mình và cuối cùng được trở về với nhiệm vụ thuần túy quân sự. Chiều ngày 3, Hồ Chí Minh, đang cơn sốt, phải nằm tiếp Sainteny, cùng với Giám và Nam. Theo báo cáo của Sainteny gửi Valluy, thì trong cuộc hội kiến chiều ngày 3 đó, Hồ Chí Minh đã đổ hoàn toàn trách nhiệm lên đầu người Pháp về những vụ rắc rối ở Hải Phòng và Lạng Sơn, đã tuyên bố giờ đây cần thiết phải trấn an tinh thần mọi người và ông đề nghị các tiểu ban hỗn hợp đã được thành lập tiếp tục công việc của mình; thành lập hai tiểu ban đặc biệt để giải quyết vấn đề Hải Phòng trên phương diện quân sự và thuế quan; và cuối cùng là hai bên quân đội Việt Nam và Pháp trở lại các vị trí của mình trước khi xảy ra những vụ rắc rối. Giám và Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề này. Sainteny đáp rằng: điểm thứ nhất chấp nhận được, còn điểm thứ hai thì các nhà chức trách Pháp dứt khoát không thừa nhận việc quân đội hai bên trở lại “nguyên vị trí trước kia” và người Pháp sẽ giáng trả mọi cuộc tấn công của Việt Nam bằng những biện pháp đối phó thích đáng. Ông ta kết thúc bản báo cáo gửi Valluy của mình như sau:

“Cảm giác của tôi là ông Hồ Chí Minh và những tay chân trung kiên của ông - tôi nhắc lại: những tay chân trung kiên của ông - sẽ làm tất cả để tránh sự tuyệt giao. Giờ đây tôi chưa thể nào biết được những tay chân đó là ai và họ có những quyền hành nào, không những bên cạnh Chủ tịch, mà nhất là đối với dư luận công chúng. Một điều chắc chắn, là họ cảm nhận sâu sắc chúng ta đang chơi lá bài cuối cùng trước lúc thi hành biện pháp sức mạnh toàn diện. Đó là điều mà tôi cố tình làm cho họ hiểu được, tuy bề ngoài tôi vẫn đóng vai trung kiên hòa giải”.

Hôm sau, 4/12, Sainteny làm một cuộc thăm viếng cấp tốc Hải Phòng cùng với Morlière. Ông ta nhận thấy rằng quân đội Pháp “đã hoàn toàn làm chủ tình hình”, nhưng khi máy bay bay là trên miền châu thổ thì ông ta lại có những suy nghĩ chua chát. Ngày 5, trong một bức điện gửi Pignon, ông ta thông báo:

“Tình hình vẫn luôn luôn căng thẳng. Công việc bố phòng tiếp tục. Việc sơ tán cũng tiến hành dồn dập, biểu hiện qua sự ngưng lại của một bộ phận buôn bán địa phương.

“Báo chí ngày 5/12 rất quyết liệt công bố lời kêu gọi nẩy lửa của Tổng bộ Việt Minh, trong đó có nói: Bọn phản động Pháp đã công khai gây chiến. Chúng ta yêu cầu Chính phủ có những biện pháp dứt khoát. Ý chí của toàn dân không cho phép có một sự nhân nhượng nhỏ nào... Nhất định họ sẽ chiến thắng quân thù...”

Vẫn ngày 5, Sainteny có một cuộc hội kiến rất lâu với Giám; sau đó ông ta báo cáo với Valluy:

“Tôi đã tuyên bố... rằng ngoài chuyện giải quyết bằng sức mạnh tổng hợp, tôi không thấy có biện pháp nào nữa cho tình hình hiện tại ngoài việc cải tổ lại hoàn toàn Chính phủ Hồ Chí Minh và thay thế một số bộ trưởng bằng những nhân vật thân Pháp. Sau khi thảo luận khá lâu, Giám tuyên bố sẵn sàng trao cho tôi danh sách các bộ trưởng để chuyển sang cho Chính phủ Pháp. Đáp lại, phải thi hành triệt để hiệp định 6/3... Vấn đề còn lại là tìm biết xem ông Giám có ảnh hưởng như thế nào. Về vấn đề ông ta, cũng như tất cả các nhà lãnh đạo Việt Nam khác, kể cả Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta hoàn toàn chẳng nắm được gì”.

Cùng ngày hôm ấy, Sainteny có gặp viên phó lãnh sự Mỹ tại Hà Nội, O’ Sullivan. Sainteny cho ông này biết rằng người Pháp đang sửa soạn một “hành động cảnh sát” nhằm loại trừ những phần tử bất hảo khỏi Chính phủ Việt Nam, nhưng mà Hồ Chí Minh vẫn làm Chủ tịch. Sainteny giải thích: Chính phủ Việt Nam chỉ còn là đại diện của một nhóm thiểu số trong nhân dân. Người Pháp sẽ để Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, nhưng những phần tử chống Pháp sẽ phải ra đi. Một khi cái chính phủ hiện tại đã bị chặt đứt ra từng mảnh rồi, nhân dân Việt Nam có thể tự do lựa chọn lấy một chính phủ theo sở thích, miễn chính phủ đó không chống Pháp là được. Sainteny không thừa nhận rằng sự việc đó nhất định sẽ dẫn tới chỗ thành lập một chính phủ bù nhìn, nhưng O’ Sullivan thì cho rằng sự việc sẽ phải như thế, mặc dù Sainteny ra chiều tin tưởng ở thắng lợi nhanh chóng của Pháp, nhưng O’ Sullivan thì ngược lại, tin chắc chắn rằng những cố gắng của Pháp nhằm loại trừ Việt Minh ra khỏi nước sẽ mất nhiều thì giờ hơn là Sainteny dự kiến.

Hơn nữa, hai hôm sau, tức ngày 7/12, viên phó lãnh sự Mỹ, “qua mặt” Sainteny, đã tìm cách bố trí được cho một công chức cao cấp của Bộ Ngoại giao (Mỹ), ông L.A. Moffat đang ở thăm Hà Nội, được tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh - một cuộc tiếp xúc mà người Pháp sẽ không bao giờ nắm được nội dung. Đi theo Moffat có nhiều nhà báo Mỹ mà sự hiện diện đã nhất thời có tác dụng răn đe đối với một số người Pháp đang sốt ruột nóng lòng. Hà Nội đã gửi một bức thông điệp nào cho Washington chẳng?

• Lời kêu gọi dư luận công chúng Pháp

Nhất quyết không nhượng bộ trước sức ép của Pháp, ngày 6/12, theo lời khuyên của Giám, Hồ Chí Minh đã qua đài phát thanh gửi một lời kêu gọi đến Quốc hội Pháp. Sau khi đã khẳng định thêm lần nữa “nguyện vọng chân thành của Chính phủ và nhân dân Việt Nam muốn hợp tác trên tình anh em với nhân dân Pháp”, và “nguyện vọng chân thành của Chính phủ và nhân dân Việt Nam muốn làm một thành viên của Liên hiệp Pháp”, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên tiếng chỉ trích “một số nào đó những người Pháp ở Đông Dương đang hành động trái hẳn với các hiệp định đã ký kết và tiếp tục thi hành một chính sách bạo lực đối với người Việt Nam”. Và ông kết luận:

“Tôi khẩn thiết kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp, để nhân danh những lợi ích tối cao của hai dân tộc Pháp và Việt, Quốc hội và Chính phủ Pháp ra lệnh cho các nhà chức trách Pháp ở Việt Nam phải khôi phục lại ở Hải Phòng và Lạng Sơn tình hình trước ngày 20/11, nhằm thi hành Tam ước 14 tháng 9 và với mục đích đặt nền móng cho một công cuộc hợp tác Pháp - Việt chân thành và bền vững... Chiến tranh đã làm đổ máu người Pháp và người Việt Nam quá nhiều và đã gây quá nhiều tai họa rồi. Một tình hình như thế không thể nào kéo dài “Tôi mong ông nói lên rằng đồng bào tôi và tôi thật thà mong muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Chúng tôi không muốn chiến tranh, và nhân dân Pháp, tôi biết họ vì chính bản thân tôi đã nhận thấy tại Pháp, vì tôi đã thu thập được nhiều bằng chứng tại Paris, nhân dân Pháp không muốn chiến tranh.

“Cuộc chiến tranh này, chúng tôi muốn tránh nó bằng mọi giá. Chúng tôi say mê với nền độc lập của chúng tôi, nhưng là một nền độc lập trong lòng Liên hiệp Pháp. Chiến tranh không có

lợi gì, sự nỗ lực khôi phục lại đất nước Việt Nam, cũng như đất nước Pháp, không cho phép những cuộc hiến tế hàng loạt mạng người ấy, những nỗi đau thương ấy.

“Cuộc chiến tranh này, nếu người ta áp đặt cho chúng tôi, chúng tôi đành phải làm. Chúng tôi không phải không biết những gì đang chờ đợi chúng tôi. Nước Pháp có những phương tiện khủng khiếp. Cuộc đấu tranh sẽ tàn bạo, nhưng dân tộc Việt Nam sẵn sàng chịu đựng tất cả chứ không chịu từ bỏ tự do của mình. Nhưng mà tôi hy vọng, tôi hết sức mong muốn chúng ta sẽ không đến nỗi phải làm theo giải pháp này.

“Ông không lạ lòng gì cái giá mà cuộc chiến tranh tái xâm lược sẽ đòi hỏi ở các ông. Tính mạng của hàng nghìn vạn thanh niên Pháp, cần xiết bao cho công cuộc tái thiết non sông; rồi hàng tỉ francs bị ngốn sạch trong khi nền kinh tế của các ông đang trong cơn bệnh hoạn, ốm o... Phải thực tế. Giữ lấy thể diện ư? Mất thể diện ư? Chỉ là những từ, những từ mà người ta đang phóng đại ý nghĩa nó lên quá mức độ ở trên lục địa này. Ông xem, những nhà tài chính của các ông, những nhà kinh doanh của các ông, những con người của các công ty độc quyền - để dùng cái từ thích hợp nhất - tất cả những hàng người đó thực tế hơn tất cả các công chức của các ông nhiều. Chính họ đã hiểu. Những mối quan hệ của chúng ta, tại Paris cũng như tại Hà Nội, giữa những giới kinh doanh Pháp, Việt với nhau, không cần phải đặc biệt nghĩa tình, vẫn là những mối quan hệ xây dựng. Những nhà kinh doanh của các ông là những người thực tế: đồng bạc, lúa gạo, cao su, chuyên vận tải hàng hóa, làm cho họ quan tâm hơn trong một đất nước hòa bình. Chúng ta thử làm chiến tranh xem, tất cả những khả năng mang tính chất xây dựng đó sẽ tan biến đi ngay trong làn khói đen của những đám cháy mà các ông và chúng tôi sẽ gây nên.

“Ông hãy tin tôi. Cả Việt Nam cũng như Pháp đều sẽ không thể nào trả giá nổi cho cái xa xỉ của một cuộc chiến tranh đẫm máu. Xây dựng trở lại trên những đổ nát hoang tàn là một điều thảm họa... Chúng tôi mong muốn hòa bình!”.

Cuộc phỏng vấn này chỉ được đăng báo tại Sài Gòn - và chỉ trích đăng từng phần - ngày 11/12. Nhưng, ở Paris, con người đã từng làm người đối thoại đặc cách của Hồ Chí Minh - tướng Leclerc, đã cảm thấy mỗi nguy cơ. Trong một bản nhận xét, ông ta đã ghi, ngày 5/12:

“... Vấn đề là làm thế nào để dung hòa tối đa lợi ích nước Pháp với lợi ích nước Việt Nam. Điều đó có thể làm được, nhờ sự tồn tại của Chính phủ Hồ Chí Minh.

“Dĩ nhiên chính phủ này trước tiên là thân Annam (tức người Kinh), nhiều người bản xứ chỉ tuân phục nửa vời. Dù sao, Hồ Chí Minh chắc chắn vẫn là hình tượng tiêu biểu cho một kiểu chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho độc lập, một chí sĩ yêu nước vĩ đại. Ngoài ra, người ta có thể có được nhiều cái lợi với chính phủ này nếu người ta biết giữ gìn một cách khéo léo những chuyện “thể diện” của họ. Nói tóm lại, không có phương tiện nào để bẻ gãy nổi tinh thần yêu nước của người Việt Nam bằng vũ khí, thì nước Pháp phải bằng mọi cách làm cho lợi ích của mình trùng hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam.

“Ông Sainteny trước hết, rồi đến đại tá Crépin đã hoàn toàn nắm được vấn đề này, nhờ thế mà đạt được nhiều thắng lợi lớn trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 8.

“Đành rằng còn nhiều vấn đề nghiêm trọng cần phải giải quyết; đặc biệt ông Hồ Chí Minh không thể quyết định từ bỏ hoàn toàn, không hơn không kém, miền đất Nam Kỳ, như ông đã cho biết tại hội nghị Fontainebleau. Nhưng dù sao thì những vấn đề này, với sự tế nhị và với thời gian, cũng sẽ tìm ra một cách giải quyết.

“Không may, hình như một phương pháp căn bản khác đã được vận dụng trong nhiều tháng nay. Người ta muốn dùng vũ lực để thủ tiêu cuộc kháng chiến Việt Nam, trở lại với những cách làm đã có từ ngày mới bắt đầu xâm lược ngoài ra, người ta không tin ở hiệu quả lãnh đạo của Hồ Chí Minh và “ê kíp của ông”.

Bản thông tin này, công bố ngay giữa lúc cuộc khủng hoảng chính trị đang trầm trọng, đã

không nhận được một hồi âm nào!

- Tiến tới giai đoạn 2 của “Kế hoạch Valluy”

Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đã nắm được quyền kiểm soát toàn bộ khu căn cứ Hải Phòng - Vịnh Hạ Long; nhưng hành động ấy đã dẫn kẻ thù đi đến chỗ đặt toàn bộ lãnh thổ còn lại của Bắc Kỳ trong tình trạng phòng ngự và khiến cho sự tiếp tục dễ dàng kế hoạch d'Argenlieu - Valluy trở thành bất bình. Ngay trong khi đi kiểm tra Hải Phòng ngày 4/12, Sainteny đã cảnh giác Valluy:

“Công việc cần nghĩ đến trước mắt là giải tỏa trục đường Hà Nội - Hải Phòng đã bị chiếm nhiều điểm. Nếu phát động một cuộc đụng độ tổng thể thì sẽ có nhiều nguy cơ. Trừ phi ông có ý kiến khác, tôi thấy cần thiết và bổ ích là nên chờ đợi để biết rõ lập trường cụ thể của Chính phủ Paris trước khi phát động chiến dịch đó”.

Ngày 5/12, Valluy đã hiểu ra rằng không tài nào thuyết phục nổi Hồ Chí Minh loại trừ được những “tay chân cực đoan” của ông và căn cứ vào công việc bố phòng ngày càng tăng của Hà Nội, nếu muốn duy trì được tự do hành động và đi lại thì ông ta phải đạt được những kết quả nhanh chóng. Nhắc lại những chỉ dẫn mới của Paris về sự cần thiết phải có thái độ cứng rắn, Valluy điện cho Sainteny:

... “Những chỉ thị đã trao cho ông khi ông rời Sài Gòn (ra Hà Nội) vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho ông trong hành động chính trị ở tình thế hiện nay. Tôi đặc biệt lưu ý ông rằng việc thi hành những mệnh lệnh đã được ban hành trên bình diện quân sự cần phải được tiếp tục. Tôi sẽ nói rõ thêm những điểm sau đây:

“Ông phải tiếp tục cố gắng làm cho Chủ tịch Hồ hiểu rằng sự hòa dịu cần thiết cho việc nối lại đàm phán đòi hỏi ông ta phải xóa bỏ đi những biện pháp phòng ngự cũng như tấn công đã được thiết lập trong thành phố Hà Nội, chẳng hạn việc xây dựng công sự, đặt mìn hay chướng ngại vật, thực ra là nó duy trì nguy cơ xung đột hơn là nó ngăn chặn và chắc chắn sẽ dẫn đến một sự can thiệp của chúng ta nếu như điều kiện an ninh của doanh trại cũng như của thường dân Pháp bị đe dọa. Ông hãy yêu cầu ông ta mở lại con đường và tự do buôn bán của chúng ta trên con đường Hà Nội - Hải Phòng bằng cách nói cho ông ta hiểu rằng chúng ta không thể nào chấp nhận việc kéo dài tình hình này được, bất kể ở trường hợp nào. Khi nào ông nhận được lệnh của Cao ủy tổng chỉ huy quân đội yêu cầu dùng vũ lực để giải tỏa trục đường quan trọng số một này, thì ông chỉ có thể làm theo mệnh lệnh”.

Giờ đây, công việc của Valluy là “đặt điều kiện” cho Paris để được Paris “bật đèn xanh” cần thiết cho chiến dịch tiến hành. Ngày 6/12, Valluy gửi cho Thủ tướng nội các, cho Ủy ban Đông Dương và cho đô đốc d'Argenlieu một bức điện quan trọng, bức điện số 1001/EMHC:

“1. Sau những trận mai phục ở Hòn Gai và Bắc Ninh, thì những vụ rắc rối ở Hải Phòng và Lạng Sơn đã làm nổi bật lên một tinh thần chống Pháp mãnh liệt của quân đội Việt Nam. Được huấn luyện trong tinh thần căm thù và khinh bỉ người Pháp, được chỉ huy theo các nguyên tắc của trường võ bị Nhật Bản Sơn Tây, bởi những sĩ quan trẻ, đầy tham vọng, cuồng nhiệt và mù quáng vì kiêu ngạo, những đội quân của một chính phủ độc tài chỉ có thể là đại diện thuần túy cho tình cảm cơ bản đang làm hăng say cả đảng Việt Minh và chỉ đạo đường lối và thái độ chính trị của Chính phủ Hà Nội: Đó là ý muốn tổng cổ ra khỏi Đông Dương càng sớm càng hay cái nước Pháp đang cố tình ngăn chặn chủ nghĩa bài ngoại của người An Nam này.

“2. Bằng chứng chúng ta sẽ vận dụng từ nay là hiệp định 6/3 ngay từ đầu bị Hà Nội bóp méo và sự chung sống của hai quân đội trong cùng một trung tâm trên thực tế đã trở nên hoàn toàn không thể được... Mặc cho những cố gắng của chúng ta, hai quân đội vẫn mặt đối mặt với nhau mà chẳng tìm cách gì để hiểu nhau....

“Từ hai tháng nay. Chính phủ Hà Nội đã có một sự phản ứng mãnh liệt ngày càng tăng với mỗi thiện cảm của dân thường đối với người Pháp mà chính phủ coi như một mối nguy cơ nghiêm trọng.

“3. Cái chiến dịch căm thù và nói xấu ấy đã có những tiếng dội sâu xa trong quân đội Việt Nam và những tổ chức bán quân sự của Đảng, và đã gây ra các vụ rắc rối ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Mấy ngày nay, tại ngay trung tâm Hà Nội các nhà chức trách Việt Nam đang khẩn trương thi hành những biện pháp quân sự, như xây lô cốt, chuẩn bị chướng ngại vật, đặt mìn. chĩa nòng súng cối vào những chỗ đóng quân của Pháp... Đây chỉ mới, theo ý tôi hiểu, là những biện pháp thận trọng. Tuy nhiên, sự kích động cuồng loạn của tuyên truyền Việt Nam có thể châm lửa vào thuốc súng, dễ dàng hơn cả ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Lúc đó thời quân đội ta sẽ khó lòng mà cứu nguy kịp thời cho các thường dân Pháp và có thể như ở Hải Phòng sẽ phải chịu nhiều thiệt hại ban đầu. Trong tình thế hiện nay, để bảo đảm việc tiếp tế cho Hà Nội, điều cốt yếu - tôi nói điều cốt yếu - là phải làm sao chỉ trong vài ngày mở thông con đường Hà Nội - Hải Phòng mà người Việt Nam đã cấm bằng cách đặt chướng ngại vật, phá hoại và cắt đứt nhiều đoạn giữa Hải Dương với Hải Phòng.

“4. Nỗi lo lắng sâu sắc của tướng Morlière, không muốn làm cho tình hình địa phương thêm căng thẳng do những biện pháp đối phó chính đáng, thậm chí cần thiết, từ đây không thể còn chấp nhận được nữa. Tôi ra lệnh cho các nhà chức trách Pháp ở Hà Nội phải chỉ trích phía Việt Nam tính chất khiêu khích của những việc bố phòng quân sự đó và sự cần thiết về phía chúng ta phải có những hành động đối phó thích đáng. Đặc biệt, trong trường hợp mà con đường bộ Hà Nội - Hải Phòng không được mở lại một cách tự nguyện thì tôi sẽ buộc lòng phải dùng sức mạnh. Trong giả thiết này, thì hành động của chúng ta sẽ khởi phát từ Hải Phòng, để cố gắng một lần cuối cùng giới hạn cuộc xung đột lại trong phạm vi một địa phương thôi.

“5. Những cơ may giới hạn cuộc xung đột lần này rất ít ỏi, và tôi có nhiệm vụ phải thông báo cho Chính phủ biết về tính tất yếu của sự tuyệt giao mà lòng căm thù và thiếu thiện chí của Chính phủ Hà Nội đem lại.

Với tư cách là chỉ huy tối cao của quân đội, tôi phải nhận định rằng bắt đầu từ tháng 2/1947 chúng ta sẽ bước vào một giai đoạn mà tình hình quân sự, do việc thay quân, sẽ diễn ra ngày một bất lợi hơn tình hình ngày hôm nay. Ở miền Bắc, chúng ta sẽ không có những đội quân thiện chiến nữa. Khí hậu cũng như địa hình không thuận tiện cho các cuộc hành quân. Quân đội Việt Nam vừa mới trải qua một thất bại thảm thía, đến lúc đó sẽ phục hồi tinh thần chiến đấu tiến công dưới tác động của sự tuyên truyền. Họ sẽ biết uốn nắn phương pháp chiến đấu trên đường phố thích nghi với những phương tiện mà chúng ta vừa đem ra sử dụng và không còn có tác dụng bất ngờ đối với họ nữa. Họ sẽ có đủ thời giờ tăng thêm vũ khí và thêm người.

“6. Trong tình huống mà Chính phủ Hà Nội hiện nay đang lâm phải do hành động quá sớm của các cấp chỉ huy quân đội, vẫn còn lại một cơ may để tránh xung đột. Cần phải làm cho những phần tử cực đoan mất hẳn mọi hy vọng dùng bạo lực và khủng bố để áp đặt chế độ độc tài của chúng lên Đông Dương và đuổi quân đội Pháp đi một khi sự quân bình lực lượng đã bị đảo lộn. Muốn vậy, nó đòi hỏi Chính phủ Pháp phải lớn tiếng và quả quyết khẳng định, thông qua một sự tăng cường cố gắng quân sự, ý chí rắn rỏi và bình tĩnh sẽ ở lại Đông Dương và coi việc lập lại nền hòa bình và trật tự cho nhân dân Liên hiệp Pháp như là điều kiện đầu tiên của quyền tự do chân chính của mình”.

Bức điện này đến Paris ngày 7/12, buổi tối thì được phát thanh. Nhưng Paris đang giữa cuộc khủng hoảng chính trị. Cuộc tranh giành quyền lực giờ đây đang diễn ra khá quyết liệt giữa các đảng phái; bởi vì người ta đang cần thay thế nội các Bidault bằng một nội các mới phản ánh đúng phe đa số mới trong Quốc hội... Sự bế tắc sẽ còn kéo dài vài ngày nữa.

Tại Hà Nội, các lãnh tụ Việt Nam vội vàng gửi một tín hiệu sang Paris. Ngày 7/12, Hồ Chí Minh gửi cho Vincent Auriol - vừa được tái cử Chủ tịch Quốc hội - một thông điệp chào mừng:

“Nhân danh Chính phủ và nhân dân Việt Nam, chúng tôi xin nhiệt liệt chúc mừng Ngài được tái cử, dấu hiệu sự thống nhất vững bền của nước Pháp. Chúng tôi hy vọng thiết tha rằng dưới sự che chở của nội các mới, phương pháp bạo lực hiện đang được sử dụng đối với Việt Nam sẽ chấm dứt và thực sự bắt đầu một chính sách hợp tác trung thực giữa nước Pháp và nước Việt Nam đang đoàn kết với nhau trong cùng một lý tưởng bình đẳng và thân ái. Chúc mừng chân thành. Hồ Chí Minh”.

- Lời cảnh cáo của đô đốc Barjot

Bằng bức điện 1001/EMHC nói trên đây, chắc là Valluy đã hy vọng sẽ nhận được làm hồi âm một “ngọn đèn xanh” cho cuộc hành quân dự định. Cục lưu trữ chưa để lộ cho công chúng bức thư trả lời của ông đô đốc, nhưng chắc chắn nó mang dấu hiệu của sự khôn ngoan: Georges Bidault, thực ra sẽ không còn đứng đầu Chính phủ nữa. Lập tức Valluy phản ứng. Bức điện ngày 8 gửi cho Sainteny là một bằng chứng:

“Bằng máy bay đặc biệt thứ hai 9/12, đại tá Le Puloch sẽ mang chỉ thị của tôi ra cho ông. Chờ thời”.

Trong một bản nhận định phương hướng ngày 8/12, Valluy bỗng dưng thú nhận:

“Quân số không cho phép chúng ta giải quyết tại Bắc Kỳ hiện nay những vấn đề nhân sự sẽ nảy sinh cùng một lúc nếu như một cuộc xung đột chung xảy ra. Chúng ta chỉ có thể giải quyết được sau khi đã nhận được phần nào những viện binh của chính quốc gửi sang, có nghĩa là vào khoảng 15/1/1947... Cho đến ngày mà viện binh đến, điều quan trọng là tránh đừng mở rộng cuộc xung đột”.

Xa hơn, ông ta gợi ý “đòi Chính phủ Việt Nam cho thông con đường Hà Nội - Hải Phòng, đáp lại, quân đội Pháp sẽ rời Phủ Lạng Thương, Bắc Ninh và Nam Định”. Ngoài ra, do sáng kiến tự động hoặc theo gợi ý của d’Argenlieu, Valluy thông báo cho d’Argenlieu rằng ông ta cử đại tá Le Puloch sang Paris gặp d’Argenlieu bằng chuyến máy bay ngày 11 [\[62\]](#).

Một sự trao đổi thư từ nào đó cho phép người ta nắm được một khía cạnh khá tế nhị của tình hình. Hôm trước, tức ngày 7/12, Pignon từ Sài Gòn đã điện cho Sainteny:

“Ưu tiên tuyệt đối. Chuyển bằng radio quân sự thành. Dành riêng tuyệt đối, của Pignon gửi Sainteny. Tôi được thông báo từ nguồn tin tuyệt đối đáng tin cậy rằng lệnh tổng khởi nghĩa ở miền Nam sẽ được ban ra trong một thời gian rất ngắn qua một lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ truyền đi trên làn sóng điện của Đài phát thanh Bạch Mai.

“Tự ông xét đoán lấy những hậu quả mà những biện pháp đối phó của chúng ta có thể mang lại; nhưng tôi nghĩ, về phần tôi, cái tình hình mà chúng ta đã chấp nhận tại Nam Kỳ để gửi tăng viện ra cho miền Bắc đòi hỏi phải dùng sự cố kỹ thuật để phá đài phát thanh Bạch Mai”.

Sainteny đã điện trả lời ngay ngày hôm sau:

“Tuyệt mật. Dành riêng tuyệt đối, của Sainteny gửi Pignon.

“Dự kiến vô hiệu hóa Đài phát thanh Bạch Mai đã được xem xét nhiều lần. Thấy rằng nếu dùng biện pháp sự cố kỹ thuật để phá thì cũng chỉ vô hiệu hóa được một thời gian rất ngắn thôi. Đang nghiên cứu lại vấn đề hết sức tỉ mỉ. Biện pháp duy nhất có hiệu quả trước mắt là chiếm đóng hoặc phá hủy “bằng hành động quân sự”.

“Trong tình thế hiện tại, tôi nghĩ rằng mọi sự can thiệp kiểu này sẽ dẫn đến một sự bùng nổ lớn mà trước mắt chúng ta đang cố tránh. Cảm giác của tôi vẫn là, vừa gây căng thẳng tinh thần,

Chính phủ Việt Nam vừa muốn tránh cái điều xấu nhất. Chắc là ông Hồ đã sẵn sàng bản tuyên bố tổng nổi dậy trong tay, nhưng chỉ công bố song song với việc mở rộng những cuộc hành quân trên miền Bắc. Không phủ nhận mỗi nguy hiểm mà lời kêu gọi được truyền đi qua làn sóng điện ấy sẽ đem lại, ông không nghĩ rằng để cho ông Hồ phương tiện tiến hành cái hành vi thù địch mà cả thế giới sẽ nghe thấy đó sẽ cung cấp cho chúng ta một lời biện hộ có giá trị về sự phản ứng mạnh mẽ và dứt khoát của chúng ta sao? Hơn nữa, chắc chắn là chúng ta có chiếm đoạt mất của ông ta cái đài Bạch Mai đi chăng nữa, thì ông Hồ vẫn luôn luôn nắm trong tay những phương tiện thông tin của quân đội Việt Nam để truyền đi mệnh lệnh của mình”.

Tuy nhiên, tại Paris, nơi mà cuộc khủng hoảng chính trị vẫn chưa được giải quyết, Ban tham mưu của Bộ Quốc phòng phân tích một cách lạnh lùng tình hình Đông Dương và phát đi, ngày 8/12, một bản “Thông báo nghiên cứu số 46” (mật) nhan đề “Tình hình đã dẫn đến cuộc hành quân bắt đầu ngày 20/11 tại Bắc Kỳ”, mà tác giả là đô đốc Barjot. Trong tài liệu, rất giàu dữ kiện và suy nghĩ này, Barjot nhấn mạnh rằng sau khi ký Tạm ước, những chỉ thị gửi cho d’Argenlieu là tập trung vào vấn đề Nam Kỳ bằng cách khai trương một đường lối chính trị mới và cố gắng ép buộc Hà Nội rút quân. Vậy mà, ông viết tiếp, “những chỉ thị cụ thể... đó đã không được áp dụng. Ngược lại, người ta thấy đô đốc d’Argenlieu ngày càng tập trung chú ý đến Bắc Kỳ”. Barjot ngoài ra còn ghi nhận rằng, ngay từ 19/10, d’Argenlieu đã cho rằng “không nên loại trừ cái giả thiết là Chính phủ Hà Nội sẽ tiến hành một hành động bạo lực”, đồng thời đã nêu lên sự cần thiết phải có “một cuộc trả đũa tức thời... tại Hà Nội và tại Trung Kỳ” [\[63\]](#) và xin khẩn trương chuẩn bị những viện quân để gửi sang.

“Cần chú ý rằng kế hoạch hành quân chống Hải Phòng - tài liệu mà bên Việt Nam đã nắm được, do đại úy Dercourt ký - được đề ngày 21 tháng 10, tức là hai ngày sau bức điện của đô đốc d’Argenlieu được nhắc lại trên đây, và nhấn mạnh sự cần thiết phải có một sự trả đũa ngay đối với Hà Nội”.

Barjot viết tiếp: Ngày 27/11, Valluy đã ra lệnh cho tướng Morlière buộc Chính phủ Hà Nội “phải rút hết quân đội Việt Nam ra khỏi vùng lân cận Hải Phòng trong một chu vi nhất định” - dòng chữ này đã được Barjot gạch chân; Barjot nhận xét rằng chính sự việc này dẫn đến kết quả là Hà Nội đã đặt toàn bộ khu vực châu thổ vào trạng thái phòng vệ. “Một cuộc tổng nổi dậy đang được chuẩn bị - Barjot viết. Ông còn nêu rõ lên là ngày 28/11, “thủ lĩnh quân nổi loạn Nam Kỳ” là Nguyễn Bình đã khuyên Giáp quyết liệt kháng chiến ở Bắc Kỳ và ngày 30, Giáp đã trả lời Bình rằng “tất cả các mặt trận Nam Bộ sẽ nhất tề tiến công cùng một lúc ngay khi nào Pháp tiến công Hà Nội”. Như vậy (Barjot nhấn mạnh) “chính là một cuộc tổng nổi dậy trên cả hai mặt trận đang sửa soạn, trên mặt trận Bắc Kỳ và trên mặt trận Nam Kỳ... Bởi người ta đang đi đến một cuộc thử thách bằng vũ lực, cho nên cần phải đánh giá đúng đắn lực lượng của kẻ thù.

Barjot miêu tả “những cố gắng phi thường và cái tài của Giáp chỉ trong vòng một năm thôi mà đã thành công trong việc xây dựng một công cụ (quân đội, LND) có khả năng làm chỗ dựa vững vàng cho một chính sách không nhân nhượng chút nào đối với nước Pháp”, và ông đặt vấn đề:

“Bộ chỉ huy Pháp có ý thức được sức mạnh của quân đội Việt Nam trước khi lao mình vào một cuộc thử thách vũ lực hay không? Ngoài ra, khi nhận chĩa mũi nhọn thử thách vũ lực này vào Bắc Kỳ, Bộ chỉ huy có thỏa thuận để lại ở Nam Kỳ những di căn của chiến tranh du kích hay không?

“Có lẽ không nên đánh giá quá sớm việc không thi hành mệnh lệnh của Paris bằng cách tước vũ khí những đạo quân gốc gác Bắc Kỳ trong chừng mực nào đó là một sai lầm phán đoán của các nhà đương cục Pháp tại Đông Dương. Thế nhưng bức điện ngày 1/10/1946 đã hết sức cụ thể. Ngược lại, bộ chỉ huy địa phương (Đông Dương, LND) lao mình vào một chính sách “đánh vào đầu não” lực lượng quân sự Việt Nam. Việc phong tỏa cảng Hải Phòng chắc chắn phải dẫn đến kết quả là tập trung và quy tụ mọi cố gắng quân sự của Việt Nam vào vùng châu thổ Bắc Kỳ”

Tại Paris, cuộc khủng hoảng chính trị vẫn chưa được mở nút; Georges Bidault vẫn tiếp tục giải quyết công việc thường ngày, bèn quyết định trao lại cho ông đồ đốc những chỉ thị chính trị chung chung đã dự kiến từ trước. Một cuộc họp đặc biệt của Ủy ban Liên bộ về Đông Dương ngày 10/12, đã thông qua văn bản những chỉ thị đó.

• Bidault và Moutet “hăm phanh”

Tuy nhiên, ngày 12/12, Bidault, vẫn là Thủ tướng nội các trực tiếp trả lời cho Valluy:

“Qua bức điện số 1001 ngày 6/12, ông đã báo cáo cho tôi biết về tình hình ngày càng trở nên căng thẳng hơn tại Bắc Kỳ. Chính phủ sẽ gửi cho ông trong một ngày rất gần những chỉ thị về vấn đề này. Những chỉ thị này đã được nghiên cứu cùng với ông Cao ủy chính thức. Tuy nhiên tôi muốn nhấn mạnh rằng tôi đã hết sức ngạc nhiên trước lời lẽ bức điện của ông nói trên, đề cập tới một tình thế bi đát mà trong các công văn thư từ trước của ông không hề gọi lên một nét nhỏ nào”.

Những chỉ thị được thông báo trên đây, do Moutet ký và đề ngày 11/12, đã được gửi đi ngay lập tức:

“Gửi Cao ủy Sài Gòn - tiếp theo điện 1001/EMHC của ông.

“Thứ nhất: Tình hình hiện tại của nước Pháp không cho phép nghĩ đến vấn đề tăng quân số. Chi phí bỏ vào việc này có thể sẽ là một trở ngại tuyệt đối cho việc phục hưng nền tài chính của đất nước, chưa nói đến những khó khăn khác thuộc phạm vi nội bộ và cả phạm vi quốc tế nữa. Tuy nhiên Chính phủ sẽ làm những gì có thể làm để giúp đỡ ông. Tuy rất hiểu rằng có được một đạo quân viễn chinh đông đảo hơn sẽ giúp ông tiến hành dễ dàng hơn một chính sách thỏa thuận, Chính phủ vẫn yêu cầu ông chỉ nên dựa trên quân số hiện tại sẵn có.

“Thứ hai: Như vậy, chính sách vẫn thi hành đối với Việt Nam không được lôi cuốn chúng ta vào những cuộc hành quân đòi hỏi phải có quân số tăng cường mới có thể đi đến kết quả.

“Thứ ba: Vả chăng, Chính phủ nắm được một cách rất chính xác cái hào hứng đầy hiểm nguy do Việt Minh phát động tại Hà Nội và tại xứ Bắc Kỳ. Nhưng Chính phủ bác bỏ bất cứ sáng kiến nào nhằm mục đích hoặc tác dụng đánh bật cá nhân Hồ Chí Minh ra khỏi mọi quyền hành. Bởi vì kết quả của việc “lật đổ” ấy sẽ là một thời kỳ tranh giành quyền bính tầm thường mà cuối cùng chỉ có lợi cho những con người không chờ đợi tương lai mình duy nhất từ tay nước Pháp. Chính phủ không thể lưu ý ông quá nhiều vào cái khía cạnh nguy hiểm này và vào sự hoán chuyển ảnh hưởng có thể phát sinh từ đó.

“Thứ tư: Tuy vậy, điều này không dẫn Chính phủ đến chỗ quan niệm rằng ông phải chịu đựng lâu hơn nữa cái tình hình đã bị tạo nên cho ông ở tại Bắc Kỳ. Việc tăng cường quân đội, việc mua lâu vũ khí và bao nhiêu sự kiện khác nữa là bấy nhiêu bằng chứng vi phạm hiệp định của phía Việt Nam và làm nên một mối nguy cơ trông thấy. Lòng tin cây lẩn nhau mà Hà Nội đòi hỏi cho họ chưa bao giờ tỏ ra hảo huyền như ngày hôm nay, và đó là do lỗi của họ.

“Thứ năm: điều đầu tiên phải làm là giao cho Sainteny trách nhiệm loan báo cho Hồ Chí Minh biết rằng tình hình không thể nào tồn tại như thế này mãi được. Nếu ông ta còn đủ uy tín để cải thiện tình hình thì ông ta hãy nên làm đi. Nếu ông ta không đủ điều kiện làm thì ông ta nên thừa nhận như vậy để chúng ta tìm cách giúp cho ông ta ra khỏi tình huống khó khăn. Nếu trong cả hai trường hợp, ông ta không xử lý đúng lời khuyên này thì ông ta nên biết rằng sự xúc động của phần đông dư luận Pháp sẽ gây ra những điều phản ứng nặng nề không thể nào tránh khỏi. Ông ta nên hiểu rằng trên thực tế chúng ta coi như điều cơ bản để cải thiện tình hình hiện nay là loại trừ những phần tử cực đoan ra khỏi chính phủ của ông ta và cái việc này đối với chúng ta không thể nào trì hoãn được nữa.

“Thứ sáu: Chính phủ nhất thiết phải nắm được kết quả cuộc vận động này trước khi quyết định trong điều kiện và chừng mực nào chúng ta có thể phải sử dụng đến một hành động quân sự. Vậy yêu cầu ông điện cho tôi ngay khi có thể hiện được. Trong mọi tình huống, lúc này hơn bất cứ lúc nào, chúng ta cần phải hoàn toàn chỉnh đốn lại đường lối chính sách của chúng ta tại Nam Kỳ^[64] theo phương hướng các chỉ thị đã ban hành và vừa được Chính phủ khẳng định bằng văn bản gửi cho ông Cao ủy...”

Người ta không biết Valluy có chuyển bản chỉ thị này cho Sainteny hay không, cũng chẳng biết ông ta có uốn nắn lại chính sách của ông ta hay không.

Tình cờ mà ngày hôm ấy, 12 tháng 12, cuộc khủng hoảng chính trị ở Pháp bỗng nhiên được cởi nút.

XII. ĐẢO CHÍNH HỤT TẠI HÀ NỘI (10 - 25/12/1946)

Đứng trước tình trạng không thể nào thành lập ngay được một chính phủ tay ba, Vincent Auriol đã quyết định thăm dò ý kiến Léon Blum về việc thành lập một chính phủ xã hội thuần nhất. Blum nhận lời ngay và ngày 12, ông được Quốc hội nhất trí tín nhiệm với 575 phiếu thuận trên 583 phiếu.

Thực ra, ông đã cho đăng trên tờ “Bình dân” ngày 10/12, lời kêu gọi Quốc hội Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lời bình luận sau đây:

“Tại Đông Dương, có lẽ chúng ta đang ở ngày hôm trước của những hoạt động quân sự thực thà... Chính phủ Pháp ngày hôm nay chỉ có thể lựa chọn giữa hai giải pháp: hoặc dùng vũ lực tái chiếm một phần hay toàn bộ Đông Dương, hoặc là đảm bảo hiệu lực, tính bền vững và thời gian cho những hiệp định đã được ký kết tháng 3 vừa qua với Việt Nam; hoặc là dùng cưỡng bức quân sự, hoặc là lập lại quan hệ thân ái và tin cậy lẫn nhau. Đây là sự lựa chọn duy nhất; và tôi nói thêm rằng tôi không quan niệm chúng ta có thể do dự trước cuộc lựa chọn này. Chỉ có một phương tiện và chỉ có một mà thôi, để bảo vệ uy tín của nền văn minh chúng ta tại Đông Dương, và cũng là của các quyền lợi vật chất rất chính đáng của chúng ta: đó là sự thỏa thuận chân tình trên cơ sở độc lập; là lòng tin cậy, là tình hữu nghị...

“Người ta sẽ phản đối tôi rằng đối tượng của chính sách Pháp chính là sự áp dụng những hiệp nghị đã được ký kết và nếu chúng tỏ ra một chút “cứng rắn” về phía chúng ta, thì các hiệp định đó sẽ có nguy cơ không được ai biết đến và sẽ bị vi phạm bởi chính những người đã ký kết với chúng ta. Nhưng hiểu “cứng rắn” như thế nào?... Đây tôi không thuyết giáo cho một sự uể oải buông trôi nào đó. Cái mà tôi thấy cần thiết là xác định một cách tuyệt đối rõ ràng đường lối chính sách của chúng ta sao cho tránh được mọi điều ngờ vực, sau đó là trong việc thực hiện chính sách này phải có một thái độ thẳng thắn và trung thực không cho phép hiểu lầm một chi tiết nhỏ nào. Cái “cứng rắn” thực sự là ở đó.

“Việc quyết định không thuộc về các nhà chức trách quân sự hay các nhà thực dân dân sự Đông Dương, mà thuộc về chính phủ đóng trụ sở tại Paris. Và khi tôi nói “chính phủ”, tôi không hiểu đó là một trong các Ủy ban Liên bộ đã không đạt được thành công gì hơn trong vấn đề Đông Dương so với vấn đề Đức, mà tôi hiểu đó là bản thân Nội các và vị Bộ trưởng đặc trách. Vấn đề sẽ được đưa ra thảo luận trước Hội đồng Chính phủ mới ngay từ những phút đầu tiên. Ngoài các lý do đòi hỏi phải nhanh chóng thành lập chính phủ mới, cần phải thêm vào lý do vừa nói”.

• Được Paris bật đèn xanh

Ngày 14/12, trong khi Léon Blum tìm cách lập Nội các mới, thì Ủy ban Liên bộ Đông Dương lại họp một phiên họp mới tại Paris nhằm nghiên cứu tình hình và nghe đại tá Le Puloch báo cáo; Le Puloch là phái viên của Valluy cử sang nhằm tìm hiểu thái độ của chính phủ như thế nào. Le Puloch sẽ biện bạch cho một hành động quân sự tức thời. Theo bản tổng kết cuộc họp, Le Puloch đã nhấn mạnh về sự cần thiết tuyệt đối phải thông đường Hà Nội - Hải Phòng và coi quân đội Việt Nam là thù địch:

“... Chúng ta có đủ phương tiện quân sự để áp đặt mệnh lệnh của chúng ta cho Hà Nội và Hải Phòng, để khôi phục đường giao thông giữa hai thành phố lớn ấy và để “đuổi” Chính phủ Việt Nam ra khỏi Hà Nội. Theo ý ông ta thì, chính phủ này sẽ không thể tồn tại một khi đã bị trục xuất ra khỏi Hà Nội; việc ra khỏi Hà Nội này sẽ làm cho nó mất hết phương tiện để trợ cấp tài chính cho chiến tranh du kích, ngoài những thiệt thòi khác. Vậy cho nên phải lợi dụng tình hình đó để đòi hỏi Hà Nội phải thi hành tại Bắc Kỳ những điều khoản quân sự tối thiểu mà tướng

Morlière yêu sách”...

Le Puloch bị Messmer chất vấn. Messmer nhấn mạnh rằng làm như vậy sẽ tạo ra một tình thế chính trị không thể nào có được nếu như có một sự cai trị gián tiếp được che giấu qua loa tại miền Nam, trong khi người ta muốn hạn chế sự hiện diện của Pháp tại miền Bắc trong phạm vi chỉ một vài thành phố lớn mà thôi. Giải pháp duy nhất cho vấn đề Nam Kỳ là một sự dàn xếp có Hà Nội tham gia.

Phải từ một nhãn quan chiến thuật mà tìm ra một thỏa thuận với Hồ Chí Minh... Kinh nghiệm đáng nản lòng của Nam Kỳ đã chỉ ra rằng cái ý nghĩa tìm cách làm cho ông Hồ biến khỏi vũ trường chính trị là một điều phi lý luận biết chừng nào.

Le Puloch đáp lại rằng: khó lòng thực hiện được kế hoạch dự kiến đó, bởi Giáp kiểm soát quân đội và cảnh sát. Messmer nêu lên vấn đề cảnh giác trước những phản ứng tiêu cực của dư luận công chúng Pháp và dư luận quốc tế. Bản báo cáo còn kể lại rằng Messmer nói thêm: “Điều hết sức quan trọng, đối với dư luận trong nước chúng ta, cũng như với dư luận quốc tế là, nếu những chuyện rắc rối mới xảy ra, phải là trong những trường hợp không cần phải thảo luận hay giải thích gì cả. Chẳng hạn khi có sự từ bỏ dứt khoát không thi hành Tạm ước. Nhất thiết không được để cho sai sót thuộc về phía chúng ta. Đại tá Le Puloch nhấn mạnh về chuyện tình hình Bắc Kỳ hiện nay thuận lợi cho chúng ta và một cố gắng tức thời, nếu như Chính phủ xác định quan điểm theo chiều hướng đó, sẽ có thể đem lại một sự giải quyết rất có lợi cho chúng ta trước mùa xuân tới. Le Puloch cũng nêu bật một điểm nữa là nếu chúng ta cần phải hành động thì nên hành động trước kỳ thay quân, để có thể sử dụng những số quân sẵn có tại Đông Dương, là những đội quân đã được huấn luyện sẵn sàng”.

Hình như không có một kết luận nào được rút ra từ cuộc thăm dò. Dù thế nào chăng nữa, các vị bộ trưởng “chịu trách nhiệm” thực tế đã không được báo cáo rõ tình hình. P. Messmer, tuy đã đọc qua “thông báo” của Barjot và những bức điện hàng ngày từ Đông Dương gửi sang, vẫn phải “hỏi tin tức” qua tướng Juin; mà tướng Juin thì từ khi ở Brésil về không thấy bản báo cáo của Barjot hợp với quan điểm riêng của mình, đã thông báo, ngày 13/12, cho Messmer biết điều đó. Messmer trả lời cho tướng Juin, ngày 16, rằng “ông ta thấy cũng như Ngài, rằng những cuộc bàn bạc, xem xét đó đã vượt quá xa quyền hạn bình thường của Bộ Tham mưu Quốc phòng và đã xử lý một vấn đề có tính chất hoàn toàn chính trị”. Ông kết luận: “Tôi tự nghĩ mình không được phép thông báo sự việc này cho bất cứ một bộ trưởng nào trong các bộ trưởng thành viên của Ủy ban Liên bộ Đông Dương”.

Vậy là các bộ trưởng thuộc chính phủ vừa từ chức đã không được thông báo về những “dữ kiện khách quan” của vụ rắc rối Hải Phòng và cũng không có trong tay bản tài liệu tốt nhất có thể có tại Paris trong thời điểm này. Có lẽ đối với các bộ trưởng của nội các sau cũng vậy.

Ngày 16/12, Léon Blum thành lập một Nội các xã hội thuần nhất. Blum kiêm luôn chức Bộ trưởng Ngoại giao, còn Marius Moutet thì làm Bộ trưởng Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Ngày 17, ông ra mắt Quốc hội và được Quốc hội tín nhiệm với một đa số áp đảo, 580 phiếu thuận trên tổng số 596 phiếu bầu.

Ngay sáng hôm sau, Messmer điện qua Sài Gòn:

“Sau khi đọc bản tuyên bố của Nội các mới trước Quốc hội, ngày 17/12 và theo yêu cầu của một diễn giả, thủ tướng Nội các đã loan báo một cuộc thảo luận mới nay mai về vấn đề Đông Dương. Tôi yêu cầu ông cung cấp cho tôi một nguồn tư liệu đầy đủ cho phép Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại có thể trả lời các câu chất vấn. Đặc biệt về vấn đề những mối quan hệ Pháp - Việt Nam. Cuộc thảo luận ngày giờ chưa ấn định, nhưng chắc chắn sẽ diễn ra khoảng đầu tháng giêng 1947.

• Giờ phải quyết định

Tin thành lập chính phủ mới Léon Blum đã dồn các nhà chức trách Pháp tại Sài Gòn vào chân tường và họ đã phản ứng ngay tức khắc. Đối với họ, giờ phải quyết định đã điểm rồi.

Tại Hà Nội, quyết định bất ngờ của tướng Valluy hoãn hành động quân sự lại giữa tháng giêng, để “chờ thời” (như ông ta nói trong bức điện ngày 8/12), đã mang đến một chút hòa dịu tạm thời, nhất là vào đúng lúc sắp sửa có những cuộc hội kiến và những cuộc đàm phán với Chính phủ Hà Nội về một số vấn đề (đặc biệt là vấn đề phát hành tiền tệ) và lúc các nhà đàm phán Pháp, có lẽ chưa biết gì về kế hoạch d’Argenlieu - Valluy, đang giữ một thái độ nghiêng về hòa giải.

Tuy nhiên, giờ đây thì không ai có thể nuôi ảo ảnh trong đầu óc nữa. Trước cái mà ông ta gọi là “sự điều chỉnh bất ngờ và những chỉ dẫn hết sức cụ thể về cái thời gian tối thiểu cần tranh thủ - cả khi mà cuộc xung đột địa phương không thể tránh khỏi biến thành cuộc xung đột toàn bộ và khi sự không thể nào tránh khỏi đi nữa”, thì tướng Morlière vẫn sẽ cố gắng làm cho bầu không khí bớt căng, vẫn sẽ “tiếp tục cho đến cùng đường lối hiệp định, tức là chính sách của Chính phủ”, nhưng đồng thời “cũng phải tìm mọi cách đề phòng để khi cuộc xung đột toàn bộ có nổi bùng ra tại Hà Nội, ít nhất chúng ta cũng không ra mặt là kẻ xâm lược và sử dụng mọi biện pháp mang tính chất quân sự để làm tròn sứ mệnh bảo vệ tính mạng và tài sản của người Pháp..., nhằm tránh sự bất ngờ...”.

Bộ chỉ huy quân đội Pháp có một vài lý do để cảnh giác. Sở Mật thám Liên bang tại Bắc Kỳ được biết là, ngày 7, Giáp đã chỉ thị rằng những việc “chuẩn bị cho cuộc tấn công vào các vị trí Pháp phải được hoàn tất ngày 12, nhưng báo cáo của họ không nói rõ trong trường hợp cụ thể nào thì những cuộc tấn công ấy sẽ được khởi đầu.

Người Pháp đã mất hết mọi hy vọng sẽ có được một sự cải tổ sâu sắc Chính phủ Hồ Chí Minh và đã tăng cường những cuộc tiếp xúc bí mật với cánh hữu đối lập. “Phòng chính trị” của phủ Cao ủy Cộng hòa tại Hà Nội giờ đây đang có những mối liên hệ mật thiết với phe đối lập bí mật ấy (trong đó dường như có một nhân vật “Jacob” nào đó là đầu não) đến nỗi phái nào đã trao cho một cố vấn của Sainteny và Montheart các báo cáo nói về những điều kiện trong đó họ sẽ ký kết với Pháp một khi người Pháp loại trừ được Việt Minh ra. Một trong các báo cáo này đề ngày 6/12. Nhóm bí mật này đòi thống nhất Việt Nam, nhưng sẵn sàng nhượng bộ nhiều quyền lợi và dành nhiều sự đảm bảo cho người Pháp. Ngoài ra, dường như nhóm này đã bàn bạc và hiệu chỉnh với các cơ quan của Pháp (Sở Mật thám, BEDOC - Phòng lưu trữ Liên bang, hay SEHAN - Sở Nghiên cứu lịch sử tại Hà Nội) từ mấy tuần nay rồi, những điều kiện trong đó họ có thể tham gia vào thắng lợi của “hành động bạo lực”. Bề ngoài Pháp tỏ ra tin chắc họ kiểm soát được những phần tử “quốc gia cánh hữu” ấy. Khi ở Paris, tên tuổi của Léon Blum được nổi bật lên như là vị thủ tướng chắc chắn của Chính phủ, thì vấn đề ở Hà Nội trở thành đơn giản; từ đây, chỉ cần lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh nhẹ nhàng và đơn giản thôi, bằng cách lợi dụng một tình huống quân sự cho phép người Pháp có cơ hội mở cuộc phản công theo dự tính.

Những biện pháp động viên, quân sự và kinh tế, mà các nhà chức trách Việt Nam đang tiến hành kích động Sainteny và Morlière nhận xét rằng mọi công chuyện trên thực tế đã hỏng cả rồi. Sainteny đã viết như sau, ngày 10/12:

“Đừng có ảo tưởng mà tin rằng việc chúng ta rút ra khỏi những khu vực kinh tế đặc biệt và những sự nhượng bộ hợp lý của chúng ta đã đủ để thỏa mãn những yêu sách của Việt Minh. Đây mới là bước đầu một cuộc tổng tấn công nhằm loại trừ hoàn toàn chúng ta ra khỏi nền kinh tế đất nước họ, là màn khai mạc sẽ dẫn đến sự loại trừ chúng ta trên mọi lãnh vực khác...”

Do đó, Sainteny kết luận rằng cuộc thử thách vũ trang không thể nào tránh khỏi phải xảy ra, nhưng không biết trước được là lúc nào. Dù cách nào thì cũng rõ ràng là từ đây không thể nào còn có sự phù hợp giữa những lợi ích của nước Pháp và sự duy trì Chính phủ Hà Nội được nữa rồi. Ông ta thừa nhận rằng, về mặt đối nội, hình như đảng Việt Minh đã thắng thế và đang nắm

trong tay số mệnh của kẻ thù. Nhưng, ông ta ghi chú “lâu đài Việt Minh còn non trẻ và cũng như mọi chế độ độc tài, nó sẽ dễ dàng sụp đổ đột ngột ngay trận thất bại đáng kể đầu tiên...”

Bị quan hơn và cũng dứt khoát hơn, tướng Morlière, trong một bản báo cáo đề ngày 12/12 (mà Sainteny tán thành phần kết luận) chỉ ra rằng tình hình đã trở nên không có lối thoát bởi Chính phủ Việt Nam không thể lùi bước và chấp nhận tình hình Hải Phòng và Lạng Sơn cùng những điều kiện của Pháp đưa ra. Phía mình, người Pháp không thể chấp nhận yêu sách của Việt Nam đòi Pháp rút về vị trí đã có trước ngày 20/11, một sự rút lui khiến cho Pháp không có cách nào tiếp tục được những hoạt động kinh tế của các xí nghiệp Pháp. Quả như vậy, ông ta viết:

“Người ta sẽ chỉ thấy các xí nghiệp của Pháp được xây dựng hoặc phát triển tại những nơi mà chính quyền Việt Nam cai trị dưới sự kiểm soát của Pháp... Mà người Việt Nam với Chính phủ hiện nay sẽ không chấp nhận điều đó, có nghĩa là họ sẽ kháng chiến đến cùng...”

“Vậy thì Chính phủ ấy, hoặc tự cải tổ lại, hoặc biến đi để nhường chỗ cho một chính phủ khác. Tôi không nghĩ - trừ phi ông Hồ có một sự chuyển biến đột ngột - là điều hay nhất - còn thì không có cách nào khác làm cho ông “biến” đi được ngoài một sự thất bại quân sự, sự thất bại đó sẽ kéo theo sự mỏi mệt của cả một dân tộc chắc chắn thích mùi bơ hơn tiếng đại bác. Cho nên đối với tôi, cuộc xung đột tỏ ra là không thể nào tránh được... Bị tác động trước sự mỏi mệt không tránh khỏi của cả một khối nhân dân mất gốc hoặc lo sợ, Chính phủ sẽ tự cải tổ lại, hoặc sẽ tự giải thể và cuối cùng rồi cũng phải nghe tiếng nói của lẽ phải. Sự khôn ngoan của chúng ta, lúc đó, sẽ phải tỏ ra rộng lượng...”

“Điều tôi tin chắc là chỉ có một thái độ nhất định của Chính phủ Pháp quyết định của nó chấp nhận và ủng hộ một sự cố gắng nghiêm túc và kéo dài là có thể cho phép cứu vãn được Đông Dương thuộc Pháp và cùng với nó: tất cả các lãnh thổ hải ngoại của chúng ta”.

• Hồ Chí Minh kêu gọi đến Blum

Ngày 11/12, các thành viên Chính phủ Hà Nội họp Hội đồng để nghiên cứu tình trạng các mối quan hệ với Pháp, dưới ánh sáng của các cuộc hội kiến vừa qua - được đánh giá là “thân mật” - giữa Giám và Nam với Sainteny. Người ta nhận xét rằng chẳng thực hiện được một thỏa thuận nào vì quan điểm hai bên Pháp và Việt Nam vẫn hoàn toàn trái ngược nhau. Hồ Chí Minh bèn quyết định kêu gọi đến Chính phủ Pháp.

Quả tình là Hà Nội nhìn chăm chú về Paris. Báo chí kể lại sự diễn biến của cuộc khủng hoảng chính trị ở Pháp, nhưng cái tin Bidault có tiếp đón d'Argenlieu và d'Argenlieu sắp sửa trở lại bất thần làm cho tình hình trở lại căng thẳng. Tuy nhiên, bài viết của Léon Blum trên báo

“Bình dân” rất được chú ý và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bình luận nó ngày 12/12 trước các nhà báo Việt Nam, làm cho Sainteny, ngày 14, có lời bình luận sau đây:... “Dường như Hồ Chí Minh tỏ ra rất ôn hòa và chẳng có gì cho phép chúng ta sợ Chính phủ Việt Nam sẵn sàng phát động cuộc chiến tranh toàn diện cả”.

Hà Nội phản ứng tức khắc khi được tin Léon Blum được bầu làm thủ tướng. Ngày 13, Ban Chấp hành của SFIO (Bộ phận Đảng quốc tế thợ thuyền Pháp) tại Hà Nội nhờ Sainteny chuyển một bức điện chúc mừng đầy nhiệt tình, do Giám ký, đến Ban Chấp hành SFIO tại Paris. Ngày 15, Hồ Chí Minh nhờ Sainteny chuyển một bức điện rất quan trọng đến Chính phủ Pháp.

Trong bức thông điệp này, Hồ Chí Minh đề nghị hai bên trao đổi: phía Việt Nam, sẽ yêu cầu những người sơ tán về trở lại các thành phố; người ta sẽ vận dụng những biện pháp thích hợp để đảm bảo đưa sinh hoạt các thành phố trở lại bình thường và lập lại sự giao thông trên các trục đường chính. Người ta cũng sẽ chấm dứt “những biện pháp phòng vệ do nhân dân các thành phố đã tự xây dựng lên”. Nhưng đáp lại, người ta yêu cầu quân Pháp trở lại vị trí trước

ngày 20/11, chấm dứt những cuộc hành quân truy quét và trừng phạt tại Nam Kỳ và miền Nam Trung Kỳ. Sau nữa, hai bên sẽ nhất trí xúc tiến cho các tiểu ban thi hành Tạm ước tại Hà Nội và tại Sài Gòn bắt tay vào hoạt động.

Sainteny chuyển đi, ngày 16, bức thông điệp cho Sài Gòn, nhưng đến ngày 18 Sài Gòn mới chuyển ra lại với những lời bình luận tiêu cực và chua chát của Valluy; ngày 20 nó mới được giải mã tại Paris. Nhưng ông Hồ chưa biết cái cách thức Sài Gòn đã dùng để xuyên tạc các thông điệp của ông.

• Gây đổ vỡ

Trong cuộc chạy đua chống chiến tranh đầy bi kịch, sự kiên nhẫn của Hồ Chí Minh dường như đã có lỗi. Cuộc khủng hoảng chính trị ở Paris đang được giải quyết theo chiều hướng thuận lợi nhất cho sự nối tiếp lại các cuộc đàm phán Pháp - Việt; tất cả mọi việc bố phòng quân sự đều đã được chu tất và sự kiểm soát của Chính phủ Việt Nam đối với quân đội cũng như các tổ chức chính trị của họ đều có vẻ vững vàng. Chỉ còn việc phải đợi, trong bình tĩnh, những quyết định của Chính phủ Léon Blum.

Chính sự diễn biến đó dường như lần này đang làm cho Valluy và các tay chân của ông ta suy nghĩ và đã thúc đẩy họ nhanh tay hành động. Khi mọi sự dường như đã sẵn sàng tại Bắc Kỳ (và cả ở Trung Kỳ, tuy các phương tiện vẫn có vẻ sơ sài), để thử làm liều một hành động vũ lực, thì theo ý ông ta, không cần nữa và có thể lại là nguy hiểm nếu cứ trì hoãn mãi, nếu cứ đợi đến giữa tháng giêng.

Một bản báo cáo Pháp, phân tích tình hình ngày 15/12, đã biểu thị “suy nghĩ cá nhân” của tác giả (Moret, giám đốc Sở An ninh Pháp tại Bắc Kỳ) như sau:

“Tôi không nghĩ rằng, Bộ chỉ huy các lực lượng Việt Nam có ý định mở cuộc xung đột, bởi vì họ đã có rất nhiều cơ hội, nhưng họ không lợi dụng những cơ hội đó. “Theo ý mọi người, chúng ta mà chủ động gây chiến trước thì chỉ có thể là thắng lợi”.

Việc Léon Blum lên nắm chức vụ thủ tướng quả tình có tăng lên gấp nhiều lần nguy cơ một cuộc điều tra của Paris về cái mà người ta có thể gọi là “cuộc âm mưu” của bộ ba d’Argenlieu - Valluy - Pignon. Bởi giờ đây không còn hy vọng gì được Paris bật đèn xanh cho họ hành động nữa, đành phải thúc nhanh mọi chuyện lên để cho “những điều kiện của một cuộc đối phó” (tức là một cuộc tấn công của Việt Nam) xảy ra càng sớm càng hay. Phải cấp thiết gây ra một sự đổ vỡ trong quan hệ giữa hai bên, nhưng bằng cách nào để có thể quy trách nhiệm gây ra cho phía Việt Minh. Bị dồn ép phải thực hiện khẩn trương hành động này, Valluy quyết định họp “Hội đồng chiến tranh” của ông ta. Ông ta đã triệu tập về Hải Phòng, nhằm kiểm điểm tình hình, Sainteny, Morlière, Dèbes và chỉ thị không được thông báo gì cũng không phải chúc mừng hoan nghênh gì cuộc họp này cả. Không có biên bản tổng kết gì về cuộc họp ngày 16/12 đó là các thành viên đã tham gia cuộc họp chẳng bao giờ nhắc nhở gì về nó cả. Nhưng kết quả thì ngay hôm sau, 17, sẽ được nói đến. Vấn đề bây giờ là thúc ép Việt Minh đến mức độ làm cho họ mất cả kiên nhẫn, lao vào một hành động bạo lực và như vậy cung cấp cho chúng ta cái duyên cớ đang mong muốn. Vấn đề cũng còn là chuẩn bị sự kiện về mặt chính trị bằng cách chứng minh rằng không còn có lối thoát nào khác nữa.

Trong một “báo cáo về tình hình nội trị của Đông Dương” do ông ta ký ngày 17/12, sau khi đã thúc ép Paris phải cứng rắn, Pignon đã tuyên bố rõ ràng:

“... Thái độ các nhà chức trách Pháp cho phép nghĩ đến một cách tin tưởng về tương lai của Đông Dương khi mà nhóm cầm quyền hiện nay ở Hà Nội đã biến đi. Không thể nào ký kết được một hiệp định chân thành với đảng Việt Minh; đó là một điều không quan niệm nổi...

“Theo nhận xét của tôi thì sẽ là ảo tưởng nếu đặt một hy vọng nào vào hành động cá nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông khôn khéo hơn một số đồng sự trẻ của ông; điềm đạm, ôn tồn hơn trong lời lẽ, cũng như trong những thái độ cử chỉ bên ngoài, chủ yếu do ông đã có tuổi; tuy nhiên mục tiêu của ông nhằm đạt được không khác mục tiêu của Trung ương Tổng bộ Việt Minh - mà ông là thành viên lõi lạc nhất, nếu không thì cũng là thành viên có uy tín nhất hiện nay. Bất cứ một cái tổ nào trong chính phủ của ông cũng chỉ có thể là một cái bầy...”

“Trái với những điều mà một số người lầm tưởng, cách giải quyết vấn đề Đông Dương không nằm ở Nam Kỳ: nó chỉ nằm tại Bắc Kỳ và chỉ tại Bắc Kỳ mà thôi, là nơi có sự hiện diện của Đảng Việt Minh trên sân khấu chính trị... Nhiều người Việt Nam thừa biết rằng đảng độc tài ấy là vật chướng ngại ngăn cản sự thực hiện nhanh chóng và hòa bình nguyện vọng yêu nước của họ: độc lập và thống nhất ba kỳ...”

“Sự loại trừ hoặc làm suy yếu Đảng Việt Minh đến mức độ nó bắt buộc phải điều đình... chính là điều kiện để duy trì nước Pháp ở vị trí ưu thế và nước lớn mà Pháp phải giữ vững đối với tất cả các nước Liên hiệp...”.

Trên bình diện quân sự, ngay từ 17/12, người ta quan sát được một sự căng thẳng đột xuất tại Hà Nội. Ngày 16, Valluy đã ra lệnh cho Morlière giải tỏa những chướng ngại vật tại Hà Nội.

“Việc xây dựng những chướng ngại vật của Việt Nam lấn sang cả khu người Pháp [\[65\]](#) đã buộc ban liên lạc Pháp phải cảnh cáo (ngày 15) phía liên lạc Việt Nam rằng bộ chỉ huy quân đội Pháp không thể nào chấp nhận việc xây dựng những vật chướng ngại như vậy ngăn cản giao thông ở khu người Pháp. Nếu những sự lạm dụng đó vẫn được duy trì thì chúng sẽ bị phá hủy bằng sức mạnh”.

Ngày 17/12, ban liên lạc Pháp báo trước rằng, do những lời phản đối của họ không đem lại kết quả gì đáng kể nên bộ chỉ huy sẽ ra lệnh dọn sạch những chướng ngại vật nói trên. Công việc dọn dẹp đã được tiến hành lập tức, lúc đầu chẳng có sự cố gì xảy ra. Nhưng, một nơi khác, một xe tải của Pháp bị tiến công và tất cả những người trên xe đều bị giết trong những điều kiện dã man. Trả đũa: một đồn tự vệ bị triệt hạ, “truy quét ở khu phố lân cận”, sau đó là một loạt những vụ xung đột xảy ra trong thành phố, có những người chết và bị thương ở cả hai bên.

Ngày 8, tình hình xấu đi: lúc 7 giờ, một toán quân nhảy dù đi thăm dò tìm kiếm xác một người bạn bị mất tích hôm 12, đã bị ném lựu đạn. Quân Pháp phản công lại, giết 30 người Việt Nam vừa chết vừa bị thương. Dỡ các chướng ngại vật đi, các quân Tự vệ bị kích thích ngày càng có thái độ tiến công. Báo cáo của ủy viên Cộng hòa gửi Sài Gòn lại nói rằng “những cơ quan liên lạc Việt Nam đã làm hết sức mình để tránh không cho các vụ rắc rối phát triển thêm”.

Trước sự phát triển của sự căng thẳng đó, nó trùng hợp hoàn toàn với việc bầu Léon Blum, Hồ Chí Minh nghi ngờ rằng bức thông điệp ngày 15 của ông có thể đã “bị thất lạc”, bèn gửi một bức thông điệp mới cho Blum. Trước là chúc mừng, sau ông nói:

“Chúng tôi nói lên niềm tin chắc chắn rằng dưới Chính phủ Ngài, cuối cùng chúng tôi sẽ được thấy thực hiện tại Việt Nam đường lối chính trị chân chính của nước Pháp đã được Đảng SFIO và bản thân Ngài công bố, xuất phát từ sự tôn trọng các hiệp định hợp tác chân thành và thân ái...”

Tới đây, ông Hồ nhắc lại bức thông điệp ngày 15 nhằm mục đích “chuẩn bị một bầu không khí thuận lợi cho những cuộc điều đình dứt khoát sắp tới ra được dự kiến. Tôi tin chắc rằng việc cử một phái đoàn Quốc hội Pháp qua Việt Nam để mang tình hữu nghị của dân tộc Pháp đến cho dân tộc Việt Nam và để chứng kiến tình hình tại chỗ sẽ đóng góp nhiều vào việc tạo ra bầu không khí tin cậy và hữu nghị đó...”

Bức điện ngày 18/12 chỉ được Sài Gòn chuyển cho Paris trong đêm 19 rạng ngày 20 và chỉ tới Paris (ngoại số) vào ngày 22 lúc 16 giờ! Việc Sài Gòn xuyên tạc các phương tiện giao tiếp đã

dẫn tới hậu quả chắc chắn là ngăn cản hết mọi cuộc đối thoại.

Ngày 18, Sainteny còn điện cho Sài Gòn:

“Đường như có sự phân vân hay sự rút thăm trong Chính phủ Việt Nam để xác định thái độ cần giữ lúc này. Dầu sao, cái quyết tâm không phát động một cuộc đổ vỡ toàn bộ vẫn được ghi nhận cho tới hôm nay. Thái độ của Nam trong những lần hội kiến riêng có thể là thăm chấp nhận chính phủ bị đau đầu vì một số phần tử cực đoan.

Chuyện đó không ngăn cản việc buổi chiều hôm đó, sau những phát súng bắn vào một chiếc xe đi sát xe của tướng Morlière, lệnh chiếm đóng bộ Tài chánh và bộ Giao thông mà hình như những phát súng đã từ đó bắn ra. Và bởi vì các chướng ngại vật vẫn còn dựng lên và vì không thể chịu để cho những trục đường chính của khu vực người Pháp bị tắc, Sainteny đã ra lệnh giải tỏa bằng máy ủi.

Lần này, các chỉ huy quân sự của Việt Nam nắm phần ưu thế. Phải chăng phần đầu của “màn kịch đảo chính” đã được chuẩn bị qua thông tri tháng tư của Valluy? Quân Pháp sắp sửa lặp lại sự kiện Hải Phòng! Phải đi trước họ! Đã đến lúc phải đánh. Những chỉ thị cuối cùng đã được chấp thuận ngày 18. Buổi sáng ngày 19, các lực lượng quân Việt Nam đã được tập trung trong và quanh thủ đô được thông báo rằng ngay đêm nay cuộc tấn công sẽ khởi sự. Nhưng giờ H chưa được ấn định. Các đội Tự vệ được giao trách nhiệm vô hiệu hóa các thường dân Pháp.

Chính phủ Việt Nam vẫn không hề nao núng. Hãy đợi chút nữa, sẽ thấy Paris muốn gì. Không nên tiến hành chuyện gì chống lại người Pháp khi chưa biết rõ ý định sâu sắc của họ. Vì vậy trong khi ban liên lạc Việt Nam tiếp tục phản kháng, một lần nữa họ lại giữ một thái độ trì hoãn, bất chấp yêu sách của người Pháp đòi dọn sạch chướng ngại vật.

Buổi sáng ngày 19, trước thái độ tấn công ngày càng tăng của các đội tự vệ, tướng Morlière yêu cầu Nam nghĩ cách tước bỏ vũ khí của họ đi như một bằng chứng của thiện chí hòa bình. Ông ta đề nghị với Nam một cuộc gặp gỡ nhằm nghiên cứu chung những biện pháp cần thực hiện về vấn đề này. Nam trả lời rằng những đề nghị ấy sẽ được đệ trình Hội đồng Chính phủ ngày 20. Nhưng hồi 9h30, Giám đã đề nghị gặp Sainteny vào buổi chiều. Sainteny, lấy có quá bận, cho trả lời ông ta sẽ gặp Giám hôm sau. Khoảng trưa thì Sainteny nhận được một bức thư rất ôn hòa của Hồ Chí Minh tỏ lòng hy vọng rằng Sainteny vùng với Giám sẽ tìm ra được một giải pháp.

• Giường máy

Tại Hà Nội, người ta vừa nhận được tin bộ trưởng Marius Moutet sắp tới. Hôm trước, Léon Blum đã yêu cầu ông ta sang ngay Đông Dương để phân tích tình hình. Chính phủ Việt Nam liền có ngay những quyết định thích hợp. Giáp đã yêu cầu Morlière đóng góp công sức nhằm làm giảm sự căng thẳng bằng cách cho quân đội thôi cấm trại. Morlière chấp nhận với một sự mạo hiểm có tính toán, nhưng có tác dụng chứng minh cho Giáp thấy lòng chân thành của mình và sự “chưa đến lúc xảy ra một cuộc đảo chính”...

Đầu buổi chiều, Tổng bộ Việt Minh họp với các bộ trưởng chính và quyết định, hình như là sau khi đã nhìn thấy lệnh của Morlière giải phóng cho quân đội khỏi phải cấm trại, và nhất là sau khi biết bộ trưởng Marius Moutet sắp đến, sẽ hủy lệnh tiến công dự định vào đêm hôm đó. Trước mắt không thấy phía Pháp sửa soạn một cuộc tấn công nào ngay lúc đó, cho nên chẳng cần phải đề phòng nữa. Khoảng 16 giờ, Giáp triệu tập các chỉ huy quân sự chủ chốt họp tại Bạch Mai và phổ biến quyết định. Các đơn vị được thông báo ngay trong giờ sau, với lời chú thích cụ thể: mệnh lệnh trước không được thi hành “dù bất cứ với duyên cớ nào” trừ khi có lệnh của cá nhân Giáp. Phải tránh mọi khiêu khích”.

Thế nhưng, lúc 17 giờ, một người Âu lai Á là Fernand Petit, nhân viên một cơ quan phản gián đặc biệt, từ nhiều tháng nay, đã tìm cách chui được vào hàng ngũ tự vệ, báo cáo cho ban Tham mưu của Morlière rằng vừa sáng hôm đó y đã nắm được tin quân Việt Nam sẽ tấn công vào lúc ban đêm, rằng tự vệ và ba sư đoàn đang ở trong thế bảo động và đã nhận được các mệnh lệnh. Trên cơ sở cái tin “lạc hậu” ấy, các đội quân vừa được thôi cấm trại đã cấp tốc được gọi trở về thành. Người ta bố trí trận thế; các thường dân Pháp tản mát được gọi trở về để tránh chuyện bất trắc. Sau đó Petit lại trở về với hàng ngũ tự vệ và hình như không nói lại gì với những ai khẳng định rằng “quân Pháp sẽ tấn công vào tối hôm nay”. Sự việc này có thể đã gây ra, ít nhất trong một vài đơn vị tự vệ, một mệnh lệnh khác: thực hiện một hành động hạn chế vào lúc 20 giờ, một kiểu “bắt con tin”, không phải một cuộc tấn công toàn diện...

Dù sao thì đúng 20 giờ, điện Hà Nội bị cúp, trong khi tự vệ tấn công các nhà ở của người Pháp tại nhiều điểm. Xe của Sainteny, trên đường rời nhà mình đến dinh Ủy viên Cộng hòa, bị trúng mìn; ông ta bị thương nặng, nhưng được đón chuyển đến nơi an toàn.

Trước cuộc tấn công “chờ đợi” (và có lẽ là đã được gây ra) ấy, lập tức quân Pháp phản công và mở rộng cuộc phản công tức khắc đến các cơ quan trung ương của Chính phủ Việt Nam, đồng thời tìm cách bảo vệ thường dân Pháp và những điểm xung yếu đến mức độ tối đa. Hồ Chí Minh suýt nữa bị các trung đội tấn công của Pháp đánh thẳng vào Bắc Bộ phủ bắt được. Đại tá Herkel, chỉ huy khu vực Hà Nội, kể lại:

“Trong lúc nơi ở của Hồ Chí Minh bị tấn công, những người bảo vệ đã vừa chiến đấu vừa hát cho đến người cuối cùng, và một trong bọn họ, trên sân thượng, vẫn đánh đàn măng đô lin cho đến khi người ta xông lên bắn thẳng vào ngực ngã xuống mới thôi. Tại trại lính người bản xứ, họ cũng chiến đấu quyết liệt như vậy. Bị bao vây, họ kiên quyết không chịu hàng và bị máy bay ném bom nghiền nát. Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông, bị bao vây, mãi đến gần sáng mới thoát được ra khỏi thành phố, và rút lui về đồng bằng dưới sự yểm trợ của những đơn vị ưu tú.

Và chỉ đến 22 giờ, Giáp mới truyền đi, khắp toàn cõi Việt Nam, mệnh lệnh động viên và tấn công các vị trí Pháp. Lần này, đúng là người ta đang chứng kiến một “cuộc chiến tranh tổng thể thật sự tái diễn”.

Quả vậy, chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt, trong đêm khuya, tại Hà Nội; mỗi bên đều nghĩ rất chính đáng rằng chính bên kia đã tấn công. Và, lần lượt mệnh lệnh của Giáp truyền đến đâu là nơi đó quân đội Việt Nam chuyển ngay sang tấn công quân Pháp: Phủ Lạng Thương, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương v.v..... Đây là cuộc mở rộng xung đột (từng chờ đợi và từng mong ước) ra phạm vi toàn quốc.

Ngày hôm sau, 20/12 lúc 2 giờ sáng, Sài Gòn điện sang cho Paris biết tin.

“Nơi nhận: Ủy ban Đông Dương.

Nơi gửi: Cao ủy Sài Gòn. Ưu tiên tuyệt đối.

“Cao ủy đưa tin: Đêm hôm qua, thông báo trước và mặc dầu có nhiều quan hệ xã giao và công tác được tiếp tục trong ngày giữa các nhà chức trách Việt Nam và Pháp, chiến sự đã xảy ra tại Hà Nội, do các lực lượng Việt Nam mở màn, chống lại quân đội và thường dân Pháp. Stop. Ngay từ lúc 19 giờ 55, việc cung cấp điện và nước của thành phố đã bị gián đoạn. Stop. Liên lạc điện thoại hình như bị cắt. Stop. Trong quá trình diễn ra những sự kiện này, ông Sainteny, Ủy viên Cộng hòa và là người đã ký kết các hiệp định Việt - Pháp ngày mùng 6 tháng 3 đã bị thương nhiều chỗ. Tình trạng của ông khá trầm trọng”.

Đã ký: Cao ủy”.

- Blum: “Hãy ngưng bắn”

Tại Paris, vấn đề Đông Dương là một trong những vấn đề mà Léon Blum coi như phải ưu tiên quan tâm. Ngay từ ngày 18/12, như đã nói, ông đã quyết định sẽ cử Moutet qua Đông Dương, đi công tác đặc biệt để tìm hiểu tình hình; và sáng 19, Moutet đã tiếp đô đốc d'Argenlieu và d'Argenlieu cầm trong tay chỉ thị của Moutet, đã lên máy bay hồi 7 giờ sáng ngày 20 để đi Sài Gòn.

Chính vào lúc gần trưa ngày 20, bản tin[\[66\]](#) về cuộc tấn công của quân đội Việt Nam được truyền đến Paris.

Ngay từ buổi chiều, Léon Blum gửi cho Hồ Chí Minh, qua tướng Valluy, bức điện sau đây:

“Gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hà Nội

“Trong khi Marius Moutet, phái viên của Chính phủ sửa soạn lên đường đi Đông Dương nhằm đánh tan những hiểu lầm và tìm cách trở lại trạng thái hòa bình, đáp ứng lời kêu gọi của Ngài trong bức công hàm ngày 16, chúng tôi được tin những hành động chiến tranh nghiêm trọng đã xảy ra và ông Ủy viên Sainteny đã bị trọng thương. Chúng tôi khẩn thiết yêu cầu Ngài ra lệnh tức khắc để ngăn chặn ngay chiến sự. Phái viên của Chính phủ chúng tôi sắp đến. Chúng tôi mong muốn duy trì hòa bình và thực hiện các hiệp định nếu là một nền hòa bình trung thực. Không thể chấp nhận bất cứ một sự vi phạm nào.

Ký tên: LÉON BLUM, MARIUS MOUTET”.

Nhưng lại là tướng Juin ký bức điện gửi Valluy:

“Gửi tướng Valluy. Chính phủ ra lệnh cho ông đi đến được một cuộc ngưng bắn nếu ông có khả năng, mà không phương hại gì đến tình hình quân đội và kiều dân Pháp. Phái viên Chính phủ lên đường ngay nhằm thử ngăn chặn một cuộc chiến tranh thật sự xảy ra. Yêu cầu giải thích rõ nguồn gốc các biến cố đã xảy ra. Sự kiện nào đã gây ra việc tái chiếm các cơ quan chính quyền Hà Nội và việc tái chiếm này đã đóng vai trò gì? Thủ tướng Blum đã gửi điện cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua ông, có văn bản kèm theo đây.

(Trích dẫn Văn bản)

Valluy trả lời rất khẩn trương:

“Gửi EMGDN[\[67\]](#) Paris - Cửa Cao ủy Sài Gòn, 21/12. 13 giờ 50:

“Thứ nhất - Tôi đã chuyển ngay bức điện của Thủ tướng Chính phủ cho tướng Morlière và yêu cầu ông ta bằng mọi cố gắng tìm gặp cho được Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã rời bỏ Hà Nội cùng với tất cả bộ trưởng chiều ngày 19/12 nhiều giờ trước khi cuộc tấn công bùng nổ và hiện nay chúng tôi không rõ chỗ ẩn của ông. Tướng Morlière được giao trách nhiệm kêu gọi sự hỗ trợ của các lãnh sự nước ngoài để chuyển giao bức điện.

“Thứ hai - Tôi nói rõ và ngắn gọn để trả lời câu hỏi của Ban Tham mưu về nguồn gốc các sự kiện. Chính phủ đã được báo động nhiều lần về những biểu hiện ngày càng nhiều về số lượng và tính chất công khai của những hành động thù địch của các nhà lãnh đạo Việt Nam và về tính chất nghiêm trọng của tình hình. Đại tá Le Puloch đã được đặc phái đi công tác để nhận định tình hình và làm sáng tỏ thêm những tin tức tôi đã có...

“Thứ ba - Tôi không thấy có cách nào giúp tôi trung thực đi đến một sự ngưng bắn. Chúng tôi đã mất hết mọi tiếp xúc với Chính phủ Việt Nam, mà tôi xin nhắc lại - trước con mắt mọi người quan sát Pháp và nước ngoài, chính họ là kẻ tiến công chúng ta. Để bảo vệ uy tín của nước Pháp, thì có lẽ yêu cầu ngưng chiến phải xuất phát từ chính phủ ấy.

“Tuy vậy, nếu những biện pháp mà tướng Morlière vận dụng để được tiếp xúc với Chủ tịch Hồ tỏ ra vô hiệu, tôi sẽ sẵn sàng phát đi qua đài Phát thanh Sài Gòn văn bản bức công hàm của Ngài Thủ tướng Léon Blum. Nhưng tôi thấy cần phải lưu ý Chính phủ về những điều nguy hại rất nghiêm trọng mà buổi phát thanh đó sẽ có thể gây nên đối với tinh thần của những đội quân đã dẫn thân vào cuộc”...

Guồng máy chiến tranh đã bắt đầu quay, một cách tàn nhẫn.

- Chuẩn bị chính trị

Trong lúc đó, Sainteny đã được chở đến bệnh viện. Người ta đã giải phẫu cấp tốc cho ông ta. Dưới đây người ta kể lại lời Sainteny.

“(Trích) Trước khi chịu một cuộc giải phẫu rất đau đớn, ông Ủy viên Sainteny đã nói: tôi là một trong những người đầu tiên trúng đạn trong một vụ phản bội thật là quá đáng trong khi tôi đã cống hiến cho Việt Nam trọn lòng trung thực của tôi”. Những lời ấy từ miệng người đã ký hiệp định sơ bộ 6/3/1946 nói ra có thể miễn mọi bình luận. Tôi nhấn mạnh cần phát thanh lại trên phạm vi quốc tế. Trích xong.

Ký tên: Cao ủy

Ngay từ hôm 20/12, từ Sài Gòn, Pignon và một trong các cộng tác viên của ông ta là Compain, đã viết cho Sainteny. Pignon:

“Tôi hết sức xúc động khi nghe tin vụ mưu sát mà Ngài là nạn nhân. Bức điện nói rõ rằng Ngài đã bị nhiều vết thương, may mà không nguy hại gì đến tính mạng của Ngài. Tôi hết lòng chúc cho Ngài chóng bình phục... Compain đã trình bày với tôi những cuộc tiếp xúc mà, với sự đồng ý của Ngài, ông ta đã thực hiện được với những thành viên phe đối lập. Tôi nghĩ đã đến lúc hành động rồi, không nên chậm trễ. Tôi chưa biết tình thế sẽ biến chuyển như thế nào, nhưng tôi nghĩ nên ngay từ bây giờ, xem xét có thể thành lập được một chính phủ (gạch bỏ: một Ủy ban L.P) nghiêm chỉnh với những người của Jacob...”

“T.B. (viết tay)

“Liệu chúng ta có thể bắt đầu từ những người như Trí trước khi đưa vào cuộc quá sớm những “ông to” khi mà chúng ta chưa nhìn thấy được thật rõ. Không nên có ngay một chính phủ mà chỉ nên có một ủy ban tạm thời có thể bị xóa đi một cách dễ dàng”.

Compain thì viết:

“Tôi đã thật sự rụng rời... khi nghe tin rằng Ngài đã bị trúng đạn một cách nghiêm trọng khi vừa ra khỏi nhà. Tôi hy vọng hết lòng ngài sẽ chóng bình phục...”

“Hôm qua, tôi đã gặp tay điệp viên ưu tú nhất của Jacob, rất huênh hoang, nhưng hấn cho rằng tình hình Bắc Kỳ và Trung Kỳ sáng sủa hơn nhiều so với Nam Kỳ; ở đây còn phải làm một công việc rất nặng nề”...

- Bác Hồ lại xuất hiện

Nhận được bức điện của Valluy, ngày 21/12, Morlière đã có thể rất nhanh chóng qua đường dây của một sĩ quan Việt Nam bị bắt (rồi được thả ra do như cầu này) mà gửi đến tận nơi bức điện của Léon Blum gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh; và từ ngày 23/12, người ta đã có được bức điện trả lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Gửi ngài Léon Blum, thủ tướng Chính phủ Pháp tại Paris.

“Tôi đã nhận được chiều hôm qua, 22/12. bức điện của Ngài. Tôi vui mừng được biết tin bộ trưởng Moutet, phái viên Chính phủ Pháp đã lên đường sang Việt Nam. Tôi đã thoát được, như nhờ có phép thần kỳ, những viên đạn của quân đội Pháp tiến công vào chỗ ở của tôi. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao chúng tôi bị thương.

“Chúng tôi rất lấy làm tiếc vì cuộc xung đột đã bắt đầu tại Hà Nội ngay từ ngày 17/12 bằng một vụ tàn sát những người đàn bà, trẻ em và các cụ già Việt Nam và triệt hạ cả một khu phố, rồi hôm qua thì chiếm đóng trụ sở hai bộ của chúng tôi; tiếp đó là tối hậu thư ngày 19/12 yêu cầu chúng tôi bàn giao công việc cảnh sát lại cho Sở Cảnh sát Pháp và giải giáp dân quân chúng tôi.

“Chúng tôi mong muốn tha thiết hòa bình cũng như Ngài và thi hành thẳng thắn những hiệp định đã ký, như tôi đã có dịp khẳng định trong rất nhiều lời kêu gọi của tôi gửi đến cho Ngài.

“Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ ra lệnh cho các nhà chức trách Pháp tại Hà Nội đưa quân đội Pháp trở về vị trí trước ngày 17 và chấm dứt mọi cuộc hành quân gọi là càn quét trước khi chấm dứt tức thời chiến sự”.

Hà Nội, ngày 23/12/1946

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Ký tên: Hồ Chí Minh”

Morlière chuyển bức điện này vào Sài Gòn. Nhưng, ngày 25, Sainteny đã đọc cho người ta gửi bức điện sau đây.

“Dành riêng cho Ngài đô đốc (vừa mới đến Sài Gòn).

“Tình trạng sức khỏe của tôi hồi phục rất nhanh. Tôi đã dờn đến phủ Toàn quyền cùng với những cộng tác viên chính của tôi và hy vọng sẽ trở lại hoạt động gần bình thường trong vòng bốn hoặc năm ngày nữa...

“Tuy rằng chỉ căn cứ trên những tài liệu không đầy đủ, tình hình quân sự, tất nhiên, nổi bật lên trên tất cả những việc khác, theo tôi là như thế này:

“a) Cuộc kháng chiến của Việt Minh - tôi nói Việt Minh - kiên trì và dẻo dai hơn nhiều so với mức độ dự kiến của chúng ta.

Chúng ta không phóng đại nếu chúng ta nói đến một tinh thần cuồng nhiệt thực sự ở mọi tầng lớp chiến sĩ (Việt Minh).

“b) Bộ chỉ huy Pháp tận dụng đến mức tối đa những phương tiện sẵn có trong tay và luôn luôn nắm được tình hình các địa phương, nhưng thời hạn dự tính để giải phóng Hà Nội và vùng phụ cận đã bị đánh giá quá thấp.

“c) Sau năm ngày chiến đấu mới đụng chạm đến được một vài mục tiêu mà đáng lẽ chỉ vài tiếng đồng hồ thôi cũng đủ để giải phóng.

“d) Các yếu tố vũ trang chính quy của Việt Minh đang được tập trung ở vòng ngoại vi, dường như chưa được tận dụng hết khả năng và vẫn để lại nguy cơ một cuộc phản công quy mô lớn khi mà quân đội Pháp tỏ ra dấu hiệu mệt mỏi.

“e) Con số rất đông các đội quân tự vệ tập trung ẩn náu trong khu phố người An Nam đặt ra một vấn đề vô cùng khủng khiếp.

“Tình hình này có nguy cơ cố định dần mà chúng ta không làm sao nói rộng được cái thông lộng Việt Minh; điều này sẽ hạn chế rất nhiều tầm cỡ và sự khai thác có thể có về cái thắng lợi mà việc đánh bại quân đội và Chính phủ Việt Minh ra khỏi Hà Nội có thể đưa lại cho chúng ta. Đặc biệt không thể nào khai thác được tình hình về mặt chính trị, các phần tử chống Việt Minh đã sẵn sàng liên kết lại để chờ đợi, không những là một sự giải tỏa Hà Nội và phái đoàn (của Pháp), mà còn cả sự tin chắc Việt Minh sẽ không trở lại...”

Tóm lại, “cuộc đảo chính” phát động theo phương hướng Valluy ngày 10/4 đã thất bại. Màn kịch đã quên không xét đến tài năng giá trị của tất cả các diễn viên. Nhưng phải chăng người ta đã phạm một điều vô phương cứu vãn thật?

XIII. CUỘC ĐOẠN GIAO VÀ HUYỀN THOẠI CỦA NÓ (20/12/1946 - 16/1/1947)

Ngay từ sáng sớm ngày 20/12, những bản thông điệp mà các nhà chức trách Pháp ở Đông Dương phát ra nước ngoài qua làn sóng điện đều có ý nghĩa phát giác. Những tài liệu đó, trong nhiều năm, sẽ xác định cái điều sẽ trở thành luận đề chính thức của Pháp và sẽ định hướng cho toàn bộ chính sách phương Tây tại Đông Dương suốt bốn thập niên đằng đằng.

Sự cấp thiết phải tạo nên tập hồ sơ này đối với Sài Gòn là do những cuộc tranh luận sắp tới của Quốc hội tại Paris, do việc Bộ trưởng (Moutet) sắp sửa đến Đông Dương và do cuộc điều tra mà hai sự kiện nói trên tất yếu sẽ khơi lên qua các phương tiện thông tin đại chúng ở chính quốc và cả ở nước ngoài, chi phối. Đặc biệt ba chủ đề sẽ được khai thác, đó là: sự mưu tính trước, sự xảo quyệt và tàn bạo của người Việt Nam và ý chí của họ quyết tâm quét sạch sự hiện diện của nước Pháp trên miền Bắc Đông Dương.

• “Mưu tính, xảo quyệt, ghê rợn”

Cần phải dẫn những văn bản chính đã được phát đi ngay từ những giờ phút đầu tiên của cuộc xung đột, dùng làm căn cứ cho văn bản chính thức của Paris.

Những bức điện đầu tiên chi tiết là những bức đã được gửi đi từ Sài Gòn ngày 20 tháng 12 giữa 4 và 5 giờ sáng (giờ Greenwich), cho Bộ Tổng tham mưu Bộ Quốc phòng (4g 15), rồi cho Ủy ban Liên bộ Đông Dương (5g00). Ủy ban này chuyển lại bức điện của Sở Thông tin Hà Nội:

Trích:

“Sainteny bị thương trên chiếc xe bọc sắt gắn liền thanh chở ông ta từ nhà đến Sở Chỉ huy của Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương (TFIN). Vết thương gây nên do nhiều mảnh lựu đạn ném vào xe. Nhấn mạnh với báo chí và đài phát thanh rằng Sainteny, người đã ký hiệp định 6/3, là một trong những nạn nhân đầu tiên của cuộc mai phục. Tướng Morlière tạm quyền Ủy viên Cộng hòa cho đến khi có lệnh mới, ủy quyền về dân sự cho Lami. Làm nổi bật sự chuẩn bị và mưu tính trước của vụ tấn công, vụ tấn công này càng có tính chất khả ố hơn nữa khi trước đó, lúc 18g30, có bức thư của Nam trả lời thư của Morlière sáng ngày 19... Thư trả lời viết cụ thể”. Trích” “Việt Nam cũng mong muốn tìm được một mảnh đất thỏa thuận. Rất xúc động vì bức thư của Ngài; nội dung bức thư sẽ được trình Hội đồng Bộ trưởng. (Hết phần trích)

“1. Trong thành phố Hà Nội, hai phút sau khi tắt điện, cuộc tấn công có vũ khí tự động và súng cối yểm trợ đã diễn ra khắp mọi khu vực; người ta đẩy cả toa tàu chắn ngang các ngã đường sắt, đặt mìn ở nhà máy điện.

“2. 22g30, trại lính (Pháp) Hải Dương bị tấn công trong trường hợp tương tự. 1g3 0 Phủ Lạng Thương bị tấn công. Bắc Ninh bị tấn công giữa 2 - 2g30; Cầu Ghềnh lúc 5 giờ.

“Tôi nhấn mạnh đến tính chất có mưu tính trước (của những cuộc tấn công này) nó có thể bộc lộ ra trước mọi dư luận và đòi hỏi những biện pháp đối phó nghiêm túc.

“Tại Hà Nội, cuộc chiến đấu đã trở nên rất ác liệt. Máy bay đã xuất hiện trên không sau đó ít lâu, vì sân bay Gia Lâm không bị tấn công lần nào trong đêm. Do sự phá hoại nhà máy điện, chắc chắn là thành phố sẽ thiếu điện và nước một thời gian. Các cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục trong lòng Hà Nội, nơi quân Pháp có tiến nhưng tình thế vẫn mập mờ. Chưa nắm được con số thương vong thiệt hại. Yêu cầu thông báo nội dung bức điện này cho Hãng báo chí Pháp tại Sài

Gòn (Hết phần trích).

“Bức điện này cung cấp cho chúng ta một cái nhìn khách quan về các sự kiện. Cũng nên nói thêm đơn giản rằng việc ông Marius Moutet sắp qua Đông Dương thì Hà Nội đã biết lúc cuộc xung đột mới xảy ra. Tôi không có tin gì nói thêm cả.

Đã ký: Cao ủy”

Ngày 21/12, Sài Gòn chuyển lại cho Ủy ban Liên bộ Đông Dương Paris một bức điện mới từ Hà Nội, đề ngày 20.

“Tổng tấn công (của quân đội) Việt Nam có âm mưu sắp đặt trước... Trong đêm và ngày (hôm nay) số dân thường bị giết mà người ta biết được lên đến 12 người. Không có tin tức gì về những số thường dân khác, đặc biệt là những người Âu lai Á. Hồi 15 giờ, tôi đã tiếp các lãnh sự nước ngoài và trao cho họ bản sao những bức thư của Hồ Chí Minh và của Nam ngày 19/12.

Các lãnh sự phần nộ không giới hạn, không ngần ngại coi cử chỉ của nhà chức trách Việt Nam là trò “điên khùng tội lỗi và thú vật”.

Đã ký: Cao ủy”

Một bức điện khác đề ngày 21 có nói thêm một vài chi tiết vào bức điện trước:

“Ngày 20/12, ở Hà Nội, những nhóm kháng chiến đơn độc vẫn còn tồn tại trong thành phố nhưng những cuộc hành quân càn quét vẫn tiếp tục. Mọi cơ quan công cộng đều nằm trong tay chúng ta, kể cả nhà máy điện, nhà máy nước nguyên vẹn, dinh thự Hồ Chí Minh..... Hồ Chí Minh đã rời Hà Nội chiều ngày 19 vùng vạy với Giám... Thương vong quân lính tính đến cuối ngày 20 là 30 người chết. Con số thường dân bị giết nằm được vào cuối ngày 20 là 12 người...

Trước đó, tại Paris, người ta đã nhận được điện của tướng Valluy trả lời tướng Juin:

“... Cuộc tấn công đồng loạt vào tất cả các trại lính Pháp chứng tỏ âm mưu từ trước của những kẻ tấn công; những cuộc tấn công đó đã được chuẩn bị một cách có hệ thống trong từng chi tiết nhỏ theo kiểu cuộc đảo chính Nhật ngày 9/3/1945.....Lòng kiên nhẫn mà chúng tôi đã nêu cao nhằm duy trì bằng mọi giá khả năng giải quyết hòa bình đã được trả giá bằng mạng sống của nhiều thường dân Pháp bị ám sát một cách hèn nhát trước khi những chương ngại vật tập trung rất nhiều đã phải lùi bước trước hành động của các đội cứu chữa. Chúng tôi chẳng hề chủ động tiến công trước bất cứ ở đâu. Ở đâu bất cứ đâu, chúng tôi cũng chỉ giữ thế tự vệ trước những cuộc tấn công xảy ra tàn bạo, cùng một lúc và đôi khi rất thú vật, vào tất cả các trại lính hoặc vào các dân thường ở Bắc Bộ và Trung Bộ”

Một bức điện khác của Cao ủy, đề ngày 23/12, tóm tắt đầy đủ tất cả luận cứ:

“Tất cả mọi thông tin xuất phát từ Hà Nội về nguồn gốc phát sinh các cuộc tấn công bất ngờ vào quân đội ta của lực lượng vũ trang Việt Nam đều góp phần khẳng định thêm ý nghĩ của chúng tôi về một âm mưu định trước của các nhà lãnh đạo Việt Nam. Quả tình là họ đã chuẩn bị mọi sự sẵn sàng để đưa đến một chuyện bất ngờ khả dĩ đưa đến một cái mục đích họ mơ tưởng là tiêu diệt các trại lính Pháp tại Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, y hệt vụ đảo chính Nhật ngày 9/3/1945, cả trong từng chi tiết. Việc tấn công đồng loạt và cùng một lúc mọi cứ điểm của chúng ta ở Bắc Bộ cũng đủ để chứng minh âm mưu định trước đó. Bên cạnh những việc chuẩn bị quân sự ấy, càng ngày lại càng có những cuộc vận động đi kèm nhằm lừa phỉnh bộ chỉ huy quân sự Pháp, làm cho họ tin rằng có một sự hòa dịu thật tình trong mối quan hệ Pháp - Việt... Lệnh cấm trại quân nhân ban ra ở giờ chót đã cho phép (chúng tôi) có ngay tức thời những biện pháp cần thiết và tránh được hậu quả trọn vẹn của cuộc tấn công bất ngờ mà các nhà chức trách Việt Nam lợi dụng để tiêu diệt bộ phận quân đội chúng ta lúc đó đang ở ngoài doanh trại.

“Những chi tiết nó trên cho phép khẳng định rằng Chính phủ Việt Nam quả có tìm cách tiêu diệt các trại lính Pháp thật và dường như không hề có chuyện một số thành viên Chính phủ ấy đã không nhất trí với nhau về những biện pháp này. Chúng ta đã chạm trán với một khối quyết tâm sẽ loại bỏ chúng ta ra bằng một hành động sức mạnh đúng là có táo bạo, nhưng phương pháp xảo quyết đi trước và những việc làm tàn bạo tiếp theo sau sẽ làm sáng tỏ một cách dứt khoát trước dư luận của nhân dân cũng như dư luận quốc tế.

Đã ký: Cao ủy”

Kể từ ngày 22/12, tất cả các nhà chức trách Pháp sẽ đưa nhau nhấn mạnh tới cái âm mưu tấn công định trước của Việt Nam và sự xảo quyết của Chính phủ Hà Nội.

- Ông đô đốc tự lột trần mặt nạ

Ông đô đốc d'Argenlieu từ Paris về đến Sài Gòn vào lúc tờ mờ sáng ngày 23/12. Ngay hôm sau, ông ta họp Hội đồng Liên bang và rút ra từ cuốn nhật ký của ông những câu tổng kết của cuộc họp.

“Sự khởi đầu và trách nhiệm của cuộc tấn công này rõ ràng và duy nhất là thuộc về Chính phủ Hà Nội. Vì vậy, sẽ trái với pháp luật, với lẽ công bằng và cả với danh dự của nước Pháp nếu chúng ta tiếp tục những cuộc hội đàm mà chúng ta biết chắc sẽ vô ích và hơn nữa có hại...

“Chính phủ liên bang nhất trí từ bỏ ý định nối lại những cuộc đàm phán với nhóm Hồ - Giáp hiện nay. Việc bỏ trốn của Chính phủ Hà Nội không phải do chúng ta tìm kiếm hay gây ra; nó đã giải phóng cho chúng ta khỏi nhiều trách nhiệm mà chính Ủy ban Đông Dương cũng thừa nhận và nhấn mạnh là đầy nguy hiểm, đặc biệt là ông Marius Moutet...

“Về cá nhân tôi, tôi đã thực hiện một cách trung thực chính sách thỏa thuận ở Đông Dương từ tháng 9/1945. Chính sách này đã mang lại kết quả thấp mọi nơi, ngoại trừ với Chính phủ Hà Nội - Thế là hết” [68].

Trong lúc chờ đợi, các nhà chức trách Pháp “khôi phục” lại, ở tất cả những nơi có thể, chủ quyền và Kỳ hiệu của Pháp. Từ ngày 23/12, thành phố người Âu ở Hà Nội, được “quét sạch”, đã có một đốc lý, một quan chức cai trị dân sự, ông Larivière. Ngoài ra, và trước hết, là ông Sainteny được trở về ở chỗ cũ như ông mong muốn, tại dinh Toàn quyền mà ông đã phải rời đi hồi đầu tháng 9/1945.

Về bình diện chính trị, ông đô đốc đã gửi cho chính ông Sainteny ngày 26, một bức điện đầu tiên trả lời bức điện mà ông đô đốc đã nhận ngày 25:

“Tôi hiểu những khó khăn mà Ngài đang gặp để có những cuộc tiếp xúc. Nên tiến hành một cách thận trọng và đừng làm hỏng mất một dịp may nào. Đồng ý thành lập những Ủy ban địa phương nhằm mục đích và với hình thức chính trị. Chúng ta nên tránh đừng khiêu khích ai quá sớm...”

Cùng ngày, ông ta điện sang Paris rằng “ông đã tiếp xúc với một vài nhân vật phe đối lập Việt Nam” nhưng “những cuộc tiếp xúc này vẫn không thoả mái do chưa có được an ninh” và “do nhiều người tự cảm thấy bị đe dọa đã về nông thôn, khiến cho những việc liên lạc trở thành khó khăn”.

Ngày 25/12, hồi 17 giờ 30 giờ địa phương, Marius Moutet cùng với với đoàn tháp tùng của ông, đi từ Paris đến Sài Gòn, được ông đô đốc đón tiếp. Trước tiên, Moutet đến thăm Chính phủ Nam Kỳ của Lê Văn Hoạch. Ngày 27, ông có một cuộc đối thoại công khai, bằng diễn văn, với ông đô đốc:

“D’Argenlieu: Những hành vi cực đoan cuối cùng và bỉ ổi mà các nhà lãnh đạo Chính phủ Hà Nội vừa mới phạm đã thay đổi tính chất ban đầu của chuyến đi công cán của Ngài. Trước vụ bạo lực ngày 19/12, chẳng phải Ngài đã dự định sẽ cố gắng, một lần nữa và trình trọng hơn, làm một cuộc vận động hòa dịu và hiểu biết lẫn nhau có tính chất khuyên họ đi đến một cái nhìn chính xác và bổ ích hơn về tình hình và về ý định của nước Pháp đối với nước Việt Nam sao?

“Moutet: Tôi đến đây với tư cách là một sứ giả của hòa bình, nhằm đánh tan mọi sự hiểu lầm, làm dễ dàng cho một sự thỏa thuận về những điểm cụ thể mà không nhượng bộ về một số yêu sách. Tôi đã vỡ mộng một cách cay đắng khi nghĩ rằng những hiệp định đã được ký kết không thể đi vào hiệu lực thi hành.

“D’Argenlieu: ở đây, không ai là không biết đến các cử chỉ biết bao cao thượng của chúng ta khi chúng ta tiến hành ngày 14/9 năm 1946 tại Paris, việc ký kết bản Tạm ước; bản Tạm ước đó được chúng ta thực hiện một cách hoàn toàn trung thực, chắc chắn đã mang lại những kết quả có ích với điều kiện chúng ta cũng tìm thấy ở những người ký kết bên kia một sự biết điều tối thiểu trong việc thi hành những văn bản ràng buộc chính bản thân họ thông qua cá nhân vị chủ tịch của mình. Trần mai phục Hải Phòng và kể đó là vụ bạo lực Hà Nội đã nói lên rõ ràng, những nhà lãnh đạo Việt Nam hoàn toàn không biết chút gì về những ý định của Chính phủ nước Cộng hòa (Pháp) và của những người được Chính phủ ủy quyền”.

Điều quan trọng, đối với Cao ủy, từ đây, là ông bộ trưởng và những người cộng sự đừng vội ra Bắc Bộ. Viện có nguy hiểm do những cuộc hành quân đang diễn ra và sự không an toàn của sân bay, người ta đề nghị ông bộ trưởng và đoàn tùy tùng trước hết hãy nên đi thăm Phnôm Pênh và Viên Chăn. Sau đó, khi cái cần thiết đã được chuẩn bị xong, họ sẽ tiến ra Hà Nội.

Trong lúc Moutet nghe lời bàn, đang lên đường đi Campuchia, ngày 29, thì ngay sáng hôm ấy, d’Argenlieu bay ra Hà Nội. Trước lúc khởi hành từ Sài Gòn, ông ta đã có thể điện được sang Paris bản phân tích tình hình chính trị của ông:

“Sau mấy ngày ở Sài Gòn, tôi đã cố gắng rút ra những nét lớn sau đây về tình hình đúng như nó hiện ra trước mắt tôi trên những lãnh vực khác nhau:

“1. Ở miền Bắc, về phương diện quân sự, hiện nay chúng ta ở trong tình trạng có khả năng củng cố các vị trí của chúng ta và giải tỏa một số điểm mấu chốt ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, ngoài những điểm thuộc khu vực Hải Phòng, Hòn Gai và Lạng Sơn,... sự cần thiết phải tiết kiệm mạng người và tránh những sự phá hoại nặng nề làm trì trệ công việc giải tỏa một trung tâm rộng lớn như Hà Nội...

“2. Về phương diện chính trị, tôi cho rằng những mối quan hệ với nước Pháp, Chính phủ Hà Nội, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhóm Việt Minh lãnh đạo, đã hết thời rồi. Nhóm lãnh đạo ấy đã chứng minh cuối cùng rằng họ muốn đuổi nước Pháp ra khỏi đất nước họ, vậy thôi; và nếu như họ đã vờ vĩnh đồng ý với chúng ta trên chữ nghĩa thì vẫn chẳng có một tư tưởng gì thật sự là chung đẳng sau cái chữ nghĩa đó. Sự nghiêm trọng của những hành động vừa qua làm cho người ta khó có thể còn có cái ảo tưởng rằng đó là một chính phủ mà chúng ta sẽ còn tìm cách tiếp xúc trở lại. Đi tìm tư tưởng cá nhân của Hồ Chí Minh là một chuyện hư ảo. Dù người ta có nghĩ rằng ông Hồ chơi một trò chơi khác với những phần tử tích cực và thù địch (với chúng ta) của Đảng ông ta như Võ Nguyên Giáp, hay cố cho rằng ông Hồ đã trở thành tù nhân của những phần tử nói trên và đã mất hết uy tín của mình do một thời gian quá lâu ở Pháp, thì kết quả vẫn là một mà thôi. Cái ý nghĩ rằng Bộ chỉ huy (của ta) đã có thể cách ly Hồ Chí Minh ra khỏi những kẻ thù sống chết của chúng ta và xây dựng lên xung quanh ông một chính phủ khả dĩ chấp nhận được [\[69\]](#) là một hy vọng đã phá sản. Điều ấy không hề có nghĩa là nước Pháp từ bỏ, đối với Việt Nam, cái chính sách tôn trọng quyền dân tộc tự quyết và phát triển những quyền tự do nội bộ. Nhưng mà nước Pháp phải thực hiện những điều đó với, trước mặt mình, là những con người khác đi theo những cách làm khác.

“3. Tại Nam Kỳ, những lời kêu gọi nổi dậy của Việt Minh từ Bắc Kỳ cho đến nay vẫn không biểu hiện ra bằng một sự thay đổi nào đáng kể của tình hình. Trái lại, dường như đã bắt đầu nảy sinh những sự đối lập giữa các tổ chức bí mật của Hà Nội dựng lên về thái độ họ cần phải có, do một sự đánh giá khác nhau về uy tín và về những cơ may còn lại của phe cánh Hà Nội cũ...

“Nói tóm lại, sau ngày xảy ra vụ bạo lực đã gây nên nhiều thương vong cay đắng và làm tiêu tan đi bao nhiêu điều ảo tưởng, tình hình đang có những yếu tố đáng phấn khởi. Tình hình buổi đầu chỉ có thể diễn biến chậm chậm, nhưng theo hướng ngày càng thuận lợi dần lên, nếu chúng ta cứ tiếp tục những cố gắng quân sự nhằm khôi phục lại quyền hành của chúng ta, nếu chúng ta duy trì một đường lối chính trị cứng rắn hơn và sau nữa là nếu chúng ta hướng dẫn được du luận công chúng trong một tinh thần kiên định dẻo dai.

Đã ký: D'ARGENLIEU”

Bức điện này gửi sáng ngày 29 với câu chú thích mở đầu như sau:

“Dành riêng tuyệt đối cho Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng Quốc phòng và Pháp quốc Hải ngoại (FOM) và tướng Juin”, trong khi Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại lúc này đang ở Campuchia. Vậy là d'Argenlieu tính chuyện đặt điều kiện cho các nhà lãnh đạo Paris trước khi Moutet đến Hà Nội và nhằm mục đích ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc “trượt chân” chính trị từ phía Moutet.

Tại Hà Nội, ông đô đốc hội ý với những nhà chức trách Pháp, cùng với họ “điểm qua một cách đại khái” tình hình quân sự và chính trị; nhưng trước hết ông ta đến thăm Sainteny tại dinh Toàn quyền. Trong thành phố bị bao vây thăm các cuộc chiến đấu vẫn đang tiếp tục, ông ta đã có thể đánh giá tầm quan trọng của bức điện Sainteny đã gửi cho ông ngày 25, rằng không thể nào khai thác tình hình về mặt chính trị “chừng nào mà những phần tử chống Việt Minh sẵn sàng theo phía Pháp chưa chắc chắn rằng Việt Minh sẽ không trở lại”. Sainteny kết luận:

“Vì vậy tôi nghĩ rằng, một khi cuộc thử thách quân sự cuối cùng đã diễn ra rồi, thì sẽ vô cùng nguy hiểm và có thể là vô hiệu lực nếu chúng ta bằng lòng với một vài thắng lợi đã đạt được mà không tìm cách chiếm lấy một ưu thế quyết định đối với quân đội Việt Minh, ưu thế có thể dẫn theo sự sụp đổ của Chính phủ Việt Minh hay ít ra cũng làm cho nó mất uy tín. Vậy là phải nghĩ đến một sự cố gắng lớn về người cũng như về phương tiện vật chất trong tình hình sự việc hiện nay mới có thể cho phép chúng ta khai thác tình hình đến mức độ tối đa được.

Ngày 30, tại Hà Nội, d'Argenlieu ghi vào nhật ký của ông ta:

“Hồi 22 giờ 30: Theo Pignon, có những triển vọng mở ra. Những triển vọng đó nhìn chung đều hướng về ý nghĩa phục hưng lại chế độ quân chủ. Khó lòng thực hiện lạng lẽ. Đương nhiên thôi: một sự phục hưng bao giờ cũng là điều khó khăn và tế nhị; nhưng nó giúp người ta thoát ra khỏi một tình thế hỗn độn.

“Theo ý tôi, cần phải làm như sau:

“1. Đừng để nảy sinh một sự thông đồng nào giữa Chính phủ Cách mạng Việt Nam và Bộ Pháp quốc Hải ngoại, dù là rất nhỏ.

“2. Trên những căn cứ chính xác, Chính phủ (Pháp) hãy tố cáo các thỏa ước và hiệp định, không phải để trở lại với thực chất nội dung của nó, mà là để tự giải thoát khỏi những bên cùng ký kết ác tâm và đáng ghét.

“3. Phải chuẩn bị và cuối cùng dựng lên được một chính phủ mới có khả năng tạo ra một “cú sốc”.

Trước mắt, cái cần thiết phải làm ngay là khuyên Moutet thôi đừng nghĩ chuyện tiếp xúc với

Hồ Chí Minh như đã gợi ý trong một công hàm của Moutet gửi đến Hà Nội. Trước khi rời Phnôm Pênh đi Viên Chăn ngày 29, Moutet đã để lộ ra rằng việc nối lại thương thuyết với Hồ Chí Minh không thể tiên thiên bị gạt bỏ đi được. Tuy nhiên cái công thức của ông ta hết sức thận trọng: “Nếu người ta có những đề nghị chuyển cho tôi, thì những đề nghị đó sẽ được tôi nghiên cứu cẩn thận”. Ông nói thêm:

“Chính phủ Pháp tin chắc rằng sẽ tìm ra được một biện pháp giải hòa. Bốn phần của chúng ta là phải đi đến một thỏa thuận hòa bình tại Đông Dương. Tôi muốn người ta hiểu cho rằng những biện pháp hòa giải có giá trị cao hơn những biện pháp sức mạnh; sức mạnh chỉ có thể đem lại tình trạng hỗn độn, cơ cực và điêu tàn. Lập trường của Chính phủ Pháp sẽ không thay đổi. Bao giờ an ninh của quân đội chúng ta được bảo đảm thì lập tức Chính phủ sẽ trở lại chính sách đã được xác định ngày 14/9, bởi vì nó là một bước đi đến tự do”.

• Blum xác định chính sách của mình

Ngày chủ nhật 22/12, Léon Blum triệu tập cấp tốc tướng Leclerc và ngay tối hôm đó, khi Marius Moutet lên máy bay đi Sài Gòn, Blum giao cho Leclerc một “nhiệm vụ thanh tra” tại Đông Dương, với tư cách là đại diện cá nhân của Thủ tướng Chính phủ. Leclerc nhận lời.

Ngày 23, Léon Blum loan báo tin này trước Quốc hội cùng với một bản tuyên bố chính trị quan trọng:

“Chúng ta đã bắt buộc phải đương đầu với bạo lực. Tôi tuyên bố rằng những người đang đánh nhau bên kia, những người Pháp ở Đông Dương, những dân cư bạn có thể dựa hoàn toàn vào sự cảnh giác và sự quyết định của Chính phủ.

“Tôi tuyên bố một cách cũng rõ ràng như vậy rằng những tất yếu nặng nề đè xuống trên lưng chúng ta sẽ không thay đổi chút gì về những nguyên tắc chỉ đạo đường lối chính trị của chúng ta. Chúng ta sẽ không bịt tai trước bất cứ một khả năng nào chấm dứt được tình thế hiện tại...

“Hệ thống thuộc địa cũ thiết lập quyền sở hữu bằng sự xâm lăng và duy trì nó bằng sự áp bức, theo xu hướng khai thác đất đai và các dân tộc bị chinh phục, ngày nay đã lỗi thời lắm rồi. Về vấn đề này, không có sự khác biệt quan điểm giữa Quốc hội với chúng tôi. Trong chủ nghĩa cộng hòa của chúng ta, sự chiếm hữu thuộc địa chỉ đạt tới mục đích cuối cùng và chỉ có thể biến họ được khi nào nó chấm dứt, tức là khi mà dân tộc bị chiếm làm thuộc địa đó đã có đầy đủ khả năng để sống tự lập và tự cai trị lấy mình. Cái phần thưởng của nước thực dân lúc đó sẽ là việc đã khơi gợi lên ở dân tộc thuộc địa những tình cảm biết ơn và yêu quý, đã tạo ra sự am hiểu và sự đoàn kết về tư tưởng, về văn hóa, về lợi ích, cho phép hai bên thống nhất với nhau trên tinh thần tự nguyện.

“Một khi cuộc khủng hoảng này đã được khắc phục, thì mục đích của chúng ta vẫn luôn luôn là một. Không phải vấn đề thỏa mãn các quyền lợi cá nhân, càng không phải vấn đề bàn trở lại những nguyên tắc và những lời cam kết của chúng ta.

“Mà vấn đề là bắt tay trở lại và tiếp tục sự nghiệp bị gián đoạn với tất cả tấm lòng trung thực của mình, có nghĩa là tổ chức một nước Việt Nam tự do (phản đối của cánh hữu) trong một Liên bang Đông Dương tự nguyện liên kết với Liên hiệp Pháp. Nhưng trước hết cần phải lập lại trật tự hòa bình là điều kiện cơ bản tất yếu cho việc thực hiện các điều thỏa thuận”.

Ngay khi vừa về đến Sài Gòn, đô đốc d'Argenlieu đã trình bày với Blum những sự phản đối của ông ta do chuyển công cán của tướng Leclerc làm nảy sinh, Leclerc mà ông đã biết rõ ý nghĩ. Vậy thôi, chứ ông ta không đi đến mức độ xin từ chức. Sau này, Léon Blum có nói rằng: nếu ông ta xin từ chức thì sẽ được chấp thuận ngay tức khắc.

Leclerc cùng với một vài sĩ quan tùy tùng đã rời Paris buổi sáng ngày lễ Noel. Vì máy bay bị trục trặc tại Ai Cập nên đến ngày 28 ông ta mới đến Sài Gòn và ngay hôm sau bay đi Hà Nội luôn; ông đến Hà Nội hầu như cùng một lúc với d'Argenlieu. Đi theo có các đại tá Massu và Crépin; ông đã xem xét mọi sự để có một ý kiến cụ thể về tình hình. Ông được xem công hàm của Hồ Chí Minh gửi cho Blum và Moutet và một bức điện cá nhân khác mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển cho ông. Về phần mình, Leclerc sẵn sàng đối thoại, nhưng ông không thể chủ động đi tiếp xúc với ông Hồ được nếu không có sự đồng ý của Moutet. Mà Moutet thì đang ở nơi khác. Leclerc sốt ruột: “Phải tìm gặp Hồ Chí Minh... Không thể bỏ lỡ cơ hội. Moutet đang làm gì? Ta chẳng thể làm gì được nếu không có sự đồng ý của ông ta”.

Cuộc gặp gỡ sẽ có hay không?

• Moutet ở Hà Nội

Ngay từ ngày 29/12, Đài phát thanh Việt Nam, hoạt động trở lại từ hôm 26, loan tin Hồ Chí Minh đã gửi cho Léon Blum một bức điện tỏ lòng hân hoan trước việc Moutet qua Đông Dương, đồng thời yêu cầu quân Pháp lui trở về vị trí trước ngày 17/12 và ngừng bắn. Ngày 1/1/1947, trong một bức thư gửi Moutet, d'Argenlieu chuyển một bức điện của Hồ Chí Minh gửi Chính phủ Pháp, mà Đài Phát thanh Việt Nam đã phát đi ngày 1/1 ấy lúc 9 giờ:

“Nhân danh Chính phủ và nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân cá nhân tôi, tôi xin gửi những lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất tới Chính phủ và nhân dân Pháp. Mong dân tộc Pháp vĩ đại biết rằng chúng tôi không hề có căm thù hờn giận gì dân tộc Pháp cả. Chúng tôi chỉ chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân phản động đang tìm cách xén đất đai và nô lệ hóa đất nước chúng tôi.

“Với những người đàn ông và những phụ nữ Pháp yêu công lý và tự do, hiểu biết và bảo vệ nguyện vọng của chúng tôi, với những người đàn ông và những phụ nữ Pháp đó, thật sự là những chiến sĩ ưu tú nhất bảo vệ lợi ích chân chính của nước Pháp và của Liên hiệp Pháp, tôi xin gửi lời cảm ơn nồng nhiệt chân thành. Tôi kêu gọi nhân dân Pháp hãy làm cho cuộc chiến tranh huynh đệ ấy sớm chấm dứt, cho năm mới 1947 mang lại hòa bình và hữu nghị giữa hai nước Pháp và Việt Nam.

“Tôi cũng xin gửi lời chúc mừng năm mới đến Ngài bộ trưởng Marius Moutet mà tôi mong muốn sẽ hân hạnh có được một cuộc gặp gỡ tại Hà Nội”.

Tiếp vào bức điện (của Hồ Chí Minh), đô đốc d'Argenlieu kèm theo lời bình luận sau đây:

“Vậy là, y như thể chẳng có chuyện gì xảy ra ở miền Bắc và cũng như thể vụ bạo lực được mưu tính trước một cách xấu xa và lan rộng khắp nơi ngày 19 và 20 tháng 12 ấy chỉ là một hiệu quả xác thực của tình hữu nghị chân thành của Hồ Chí Minh và Chính phủ ông ta đối với nhân dân Pháp. chúng tôi lại gặp lại cũng giọng điệu ấy trong lời lẽ bức điện này và cũng cái kỹ thuật ấy trong các sự kiện như trước kia.

“Sự xảo quyết tội lỗi phủ lên hành động bạo lực ngày 19/12 đã thất bại. Chúng ta đã làm chủ tình hình. Viện quân đã tới. Nhân dân Pháp đã xúc động một cách chính đáng. Việt Minh không thể chần chừ để thoát ra khỏi tình thế bi đát này. Vì vậy mà Hồ Chí Minh đề nghị chúng ta kéo dài cái mà thủ tướng Thinh, trước ngày ông tạ thế, đã gọi một cách âu sầu là một “trò hề”.

“Cái nguyện vọng bộc lộ sau cùng muốn có một cuộc hội kiến tại Hà Nội với Ngài bộ trưởng Marius Moutet trở thành một việc đã rồi và công khai hóa.

“Tôi xin phép được lưu ý Ngài về tính chất đặc biệt nghiêm trọng cho tình hình đang diễn biến ở Đông Dương của những cuộc tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với bất cứ một đại diện nào

của Chính phủ Hà Nội.

“Dựa vào tư liệu kèm theo, tôi xin phép được nhấn mạnh một điều là nếu Ngài vẫn có ý định thực hiện kế hoạch đi Hà Nội của Ngài, tôi đoán vậy, thì đáp lại mọi lời kêu gọi ấy, câu trả lời tốt nhất là sự im lặng...”

“Mọi cái đều làm cho tôi dự đoán trước một cách chính xác rằng: bất cứ một sự tiếp xúc nào với Chính phủ Hà Nội cũng sẽ mang tới hiệu quả tức thời là tái diễn một chiến dịch tấn công tại Nam Kỳ”.

Và d'Argenlieu, tiếp theo lời cảnh cáo “riêng” này, đã thực hiện một cuộc vận động “trực tiếp”. Một bức điện AFP được phát thanh từ Sài Gòn ngày 01/01:

“Trong các giới người Pháp có thẩm quyền tại Sài Gòn, người ta cho rằng nếu phái đoàn Moutet thăm Hà Nội, cũng chỉ là trong khuôn khổ một cuộc điều tra chứ không phải là bất chấp những lời cầu mong đăng trên một số báo Sài Gòn, để có những cuộc tiếp xúc tại Hà Nội, càng không phải đi mở những cuộc điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh”.

Để gói ghém lại tất cả, ngày 2/1, ông đô đốc đã trả lời phỏng vấn của đặc phái viên báo “Nước Pháp buổi chiều” (France-Soir) như sau:

“Kết luận của tôi rất cụ thể: Từ đây chúng ta không thể nào còn điều đình ký kết với Hồ Chí Minh được nữa. Chúng ta sẽ tìm ra, tại đất nước này, những nhân vật khác mà chúng ta có thể điều đình với, tất nhiên cũng là những người theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng những người kia (Việt Minh - LND) đã bị mất uy tín. Họ đã rơi xuống cả bên dưới sự nhục nhã”.

Cuối cùng, ngày 2/1/1947, Moutet và đoàn tùy tùng đã tới Hà Nội và cái cảnh tượng đập vào mắt họ trước tiên sẽ còn ám ảnh họ lâu dài: đâu đâu cũng có những vết tích mới toanh của cuộc chiến đấu đã qua và đang tiếp tục ngay gần kề, bởi vì khu phố Hoa - Việt, bị bao vây, đang bị quấy rối, còn ở ngoài thì chiến sự vẫn diễn ra, ngày cũng như đêm. Họ đi thăm những khu phố bị đổ nát, quanh quẽ, ở đó dấu vết bố phòng của quân đội Việt Nam vẫn còn thấy rõ. Nhìn thấy cảnh ấy, ông bộ trưởng chấp nhận ngay cái văn bản chính thức quy kết cho Việt Nam đã có âm mưu và chủ động gây hấn.

Những điệp viên đã cho Moutet biết rằng ông Hồ Chí Minh sẵn sàng gặp Moutet, tại một nơi sẽ thỏa thuận sau. Nhưng Moutet đã nắm được tầm quan trọng của lời đe dọa của d'Argenlieu và hiểu được cái nguy hiểm về chính trị cũng như quân sự của mọi sáng kiến lúc này. Những người thân cận của ông cũng có những quan điểm khác nhau “Ngăn chặn cuộc chiến tranh này ư? Boutbien đồng ý, Messmer thì phản đối: ngăn chặn có nghĩa là rút quân về, tức đầu hàng kẻ địch. Nghe được sao? Paris sẽ quyết định. Nhưng, với Moutet, chỉ còn việc là lên máy bay lại và ra đi. Nhiệm vụ đã hoàn thành, và thất bại”.

Moutet không gặp được Leclerc. Leclerc đã đi Lạng Sơn và Hải Phòng. Moutet quyết định không ở lại lâu hơn và sau ba mươi tiếng đồng hồ ở lại Hà Nội, ông đã từng chặng trở lại Sài Gòn. Trước khi rời Hà Nội, ông tuyên bố với báo chí:

“Những kẻ chịu trách nhiệm về tấn bi kịch này đã làm tiêu tan một cách có hệ thống niềm hy vọng của bao người và phá vỡ điều cố gắng trong đó chính tôi gửi gắm tất cả thiện chí của chúng tôi. Giờ đây, trước khi tiến hành bất cứ một cuộc điều đình nào, cần phải có một quyết định quân sự đã. Tôi rất tiếc. Nhưng người ta không bao giờ có thể phạm một cách vô tội và những chuyện diên rồ như Việt Minh đã phạm cả. Có ở thêm lâu ngày hơn nữa, tôi cũng chẳng biết thêm được gì hơn. Cái âm mưu đó dự định trước đã quá rõ ràng...”

Lúc đó, Moutet khẳng định trong thời gian ở Việt Nam không có tiếp xúc với Việt Minh một lần nào. “Và trước hết là để gặp đại diện Việt Minh, thì điều cần thiết là họ phải mời tôi... Chuyển đi Hà Nội của tôi ai cũng biết. Vậy mà họ không một lần nào ngỏ ý muốn tiếp xúc với tôi cả[70].

Ta nên nghĩ thế nào về việc này?... Chính phủ Pháp chưa bao giờ từ chối bất cứ một đề nghị nào hoặc một sự xem xét nào”.

Ông Bộ trưởng sau này mới biết rằng ngày 3/1, khi ông còn ở Hà Nội, một gói (công văn thư từ) của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho ông, đã được trao tận tay cho Ban Liên lạc Pháp - Việt, nhưng thực tế đã bị cơ quan (tình báo) của d'Argenlieu lập tức “chiếm đoạt” lấy, có nghĩa là không được trao cho ông Moutet. Gói thư từ đó gồm có một bức thư mới của Hồ Chí Minh, viết tay, đề nghị:

“a. Chấm dứt ngay chiến sự, quân đội hai bên trở về vị trí đã được quy định trong hiệp định ngày 3/4. Thả hết tù binh.

“b. Chấm dứt ngày mọi viện quân của Pháp.

“c. Gặp gỡ ngay giữa Hồ Chí Minh với Marius Moutet để thông qua, trên cơ sở các điều khoản của hiệp định 6/3, một dự thảo chi tiết của một hiệp ước vĩnh viễn.

“d. Dự án thông qua rồi thì họp hội nghị tại Paris để dự thảo hiệp ước chính thức”.

Ngoài bức thư của Hồ Chí Minh, còn có một bản giác thư dày về những mối quan hệ Việt - Pháp từ tháng 4/1946 (đến ngày hôm đó), gồm 76 văn bản tư liệu. Nhưng bức giác thư, đề ngày 31/12 ấy không phải chỉ nhằm mục đích gửi cho một mình Moutet. Cùng ngày, nó đã được chuyển qua các trung gian khác, tới tay viên phó lãnh sự Mỹ và Trung Quốc. Vài hôm sau đó, bức giác thư đã có mặt tại Washington, tại Bộ Ngoại giao Mỹ, cả trước khi nó đến Paris.

Trên đường trở lại Sài Gòn, Moutet ghé lại Nha Trang, ngày 5/12 và tại đây ông gặp Leclerc, vừa hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra. Ông được biết Leclerc yêu cầu gọi Morlière về, vì theo ông ta Morlière quá yếu mềm và không có bản lĩnh.

Gustave Moutet, chánh văn phòng của Bộ, nói rằng ông ta không còn tin ở sự chân thành của những đề nghị mà Hồ Chí Minh có thể đưa ra, vì theo ý ông ta (Gustave Moutet) thì ông Hồ đã bị “qua mặt” bởi những phần tử “cứng rắn” của chế độ Việt Minh.

• Trở về Sài Gòn, ngày 6, Moutet đã nói với giới báo chí những lời tuyên bố “vỡ mộng”.

“Cảm tưởng của tôi đối với Hà Nội hoàn toàn là bi đát. Tôi đã muốn tự mình tìm hiểu lấy tình hình. Tôi khẳng định với các ông rằng tôi đã có bằng chứng tuyệt đối về cái âm mưu định trước của Việt Nam trong cuộc tiến công được chuẩn bị lâu ngày này. Tôi nói thật với các ông là tôi hoàn toàn không thể ngờ có một sự việc như vậy.

“Quan điểm của tôi giờ đây rất minh bạch, cuộc tấn công ngày 19/12, bản chất của nó, âm mưu định trước và sự phát triển của nó cưỡng bách chúng tôi phải dùng biện pháp quân sự. Bao giờ trật tự được lập lại rồi, khi đó mới có khả năng bàn trở lại những vấn đề chính trị.

“Về Paris, tôi sẽ bênh vực cho Bộ Chỉ huy và các nhà chức trách, những người đã theo đúng chỉ thị của Chính phủ, đợi đến giới hạn cuối cùng mới chịu can thiệp”.

Còn đối với những đề nghị của Hồ Chí Minh, ông Bộ trưởng Moutet tỏ ra một thái độ hoài nghi tuyệt đối. Liên hệ đến những buổi phát thanh của đài Việt Nam, ông bình luận:

“Một lời kêu gọi như vậy không đáng được người ta chú ý một cách nghiêm túc. Đây chẳng qua là một hành động tuyên truyền... Chúng tôi không thể coi là vấn đề quan trọng, bởi vì toàn bộ những lời tuyên bố phát thanh qua các đài Việt Nam đều mang tính chất tùy tiện.

“... Tôi chắc chắn rằng những người hiện nay đang nắm thực quyền trong Chính phủ Việt Nam

không muốn có một sự thỏa thuận nào đâu”.

Tuy nhiên, ông bộ trưởng lại tuyên bố: ông không nghĩ rằng “ông Hồ Chí Minh đã giữ một phần quyết định trong những sự kiện xảy ra mà có lẽ là ông đã quá bận rộn”.

Ông Bộ trưởng Moutet, trong 30 tiếng đồng hồ lưu lại ở Hà Nội, đã được thông tin bằng cách nào và do ai? Dù sao: thì ngày 6/1, cũng trong ngày ông họp báo đó, tướng Morlière đã đến Sài Gòn, theo lệnh triệu tập cấp tốc. Được chính thức báo tin rằng tướng Leclerc sắp sửa yêu cầu triệu hồi ông về, Morlière xin được gặp ngay bộ trưởng Moutet, mà ở Hà Nội ông đã không gặp riêng được. Cuộc hội kiến diễn ra ngày 7/1. Morlière cố gắng chứng minh rằng ông luôn luôn tuân thủ các chỉ thị của Chính phủ, tìm cách ứng dụng một cách thực lòng chính sách thỏa thuận, nhưng sau sự kiện Hải Phòng ngày 20/11, các “mệnh lệnh đế quốc” của tướng Valluy, được đại tá Dèbes hỗ trợ một cách đặc lực, đã vô hiệu hóa những cố gắng của ông (Morlière) nhằm đi đến thỏa hiệp và đã tạo nên một tình hình chính trị và quân sự mà, như ông đã dự đoán, đưa tới chiến tranh. Moutet đòi ông ta viết một bản báo cáo chi tiết về tất cả các sự kiện nói trên và gửi qua Paris cho ông.

Vị trí của Moutet đã được củng cố, nhưng vị trí ấy đã bắt đầu có ảnh hưởng đến những lý lẽ của ông ta. Ngày 7/1, trước hôm lên đường, ông tuyên bố:

“Nước Pháp không muốn làm sai lời nói của mình, nhưng nó muốn điều đình một cách thoải mái với những đại diện chân chính của dân tộc Việt Nam, quyết tâm thi hành hết sức trung thực những hiệp định đã tự nguyện thỏa thuận với nhau. Tôi chưa bao giờ cho rằng một quyết định quân sự có thể thay thế cho những giải pháp chính trị. Tôi muốn hy vọng rằng thời điểm của những giải pháp chính trị sẽ đến trong một ngày không xa”.

Moutet lên đường về Pháp ngày 8/1. Ông muốn ghé lại những miền Ấn Độ thuộc Pháp, tại Pondichéry, vì trong những thời điểm trọng yếu này, ông có những chuyện lo lắng về tuyến cử ám ảnh; thực tế những lo lắng này đã khiến ông phải rút ngắn thời gian ở lại Hà Nội. Trong đợt tuyển cử tháng 11, ông đã bị thất bại, mất ghế đại biểu Quốc hội. Ông chỉ hy vọng được làm bộ trưởng trong chính phủ sắp đến nếu ông giành được một ghế nghị viện. Người ta có nói với ông rằng cơ may có thể đến với ông ở Pondichéry; tại đó ông phải tiếp xúc với các cử tri. Nhưng cần làm nhanh. Cuộc tiếp xúc này tuy thế vẫn thất bại. Moutet sẽ trở về Paris ngày 12/1. Leclerc đã về trước ông ta. Nhưng về phần d’Argenlieu thì ông ta đã thắng. Trong một bức thư gửi De Gaulle ngày 14/1, d’Argenlieu đã viết:

“Nhờ ơn Chúa, Moutet đã không có một cuộc tiếp xúc cá nhân nào với nhóm ông Hồ Chí Minh. Đó là một điểm thắng lợi đầu tiên.

“Cần thiết, ngày mai Chính phủ tuyên bố đã quyết định chấm dứt mọi quan hệ với nhóm ấy và trở lại hoàn toàn tự do. Cần phải nói thêm rằng ý đồ chính trị rộng rãi tự do cơ bản vẫn luôn luôn là một, không có gì thay đổi, nhưng sẽ được tiếp tục với những nhân vật khác thực sự tiêu biểu cho nhân dân Việt Nam. Đây sẽ là điểm thứ hai.

“Lực lượng vũ trang của chúng ta sẽ tiếp tục khôi phục lại trật tự công cộng trên mọi điểm mấu chốt của vùng châu thổ Bắc Kỳ và giải đất Trung Kỳ. Họ phải truy kích Chính phủ lưu vong và loại trừ nó đi.

“Đối với những ai vượt lên được trên những tình huống đau thương của một ngày, thì dường như cuộc bỏ chạy đáng xấu hổ của Chính phủ Hồ Chí Minh mở ra cho nước Pháp một thuận lợi vô song trong hành động nhằm tiếp tục và hoàn thành một cách xứng đáng sứ mệnh của nó tại Đông Dương”.

• Leclerc từ chối thay chân

Leclerc trở về Sài Gòn vội vàng bắt đầu viết báo cáo. Câu kết luận rất ngắn gọn, ông tiết lộ với đại tá Repiton Preneuf. “Chủ nghĩa chống cộng là một chiếc đòn bẩy không có điểm tựa chùng nào mà vấn đề dân tộc chưa được giải quyết”. Ngày 9, trong chiếc xe đưa ông tới Tân Sơn Nhất để đáp máy bay đi Paris, ông tâm sự với người sĩ quan tùy tùng G. de Valence: “Ở đây có quá nhiều người tưởng rằng cứ việc lấp đầy hồ những xác người là người ta có thể dựng lại nhịp cầu nối liền Việt Nam với Pháp”. Ngày 12/1, Leclerc đến Paris. Chiều hôm đó, ông báo cáo chuyển đi công tác của mình với Léon Blum. Hôm sau, ông trao văn bản.

Ông đề nghị một số biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho đạo quân viễn chinh. Ông tổng kết tình hình quân sự, xác nhận tính chất giới hạn của việc kiểm soát của Pháp tại Bắc Kỳ và làm sáng tỏ rằng “với những phương tiện đang có hiện nay..., Bộ Chỉ huy (Pháp) không thể đánh được một trận nào gọi là quyết định triển vọng duy nhất của nó, nếu hoạt động của nó được kết hợp chặt chẽ với hoạt động chính trị, là công tác để làm tiêu hao dần Chính phủ Hồ Chí Minh hiện nay. Với một sư đoàn phụ lực và với điều kiện là có một công tác chính trị thích nghi, thì công cuộc bình định Nam và Trung Kỳ có thể được bảo đảm thành công hơn... Còn ở Bắc Kỳ thì Bộ Chỉ huy có thể nuôi dưỡng lực lượng nhằm một chiến dịch hoạt động mạnh mẽ vào Đông-Xuân 1947 – 1948”.

“Đạo quân viễn chinh lúc đó sẽ ở trong một tình thế tương tự như tình thế tháng 3/1946 khi ký kết những hiệp định sơ bộ. Nhưng lần này cần thiết hoạt động chính trị, kết hợp chặt chẽ và tiếp nối vào hoạt động quân sự, phải mang lại kết quả thắng lợi, nếu không thì vấn đề sẽ không có câu giải đáp.

“Đây không cần thiết phải nhấn mạnh về tính chất nghiêm trọng của thời điểm hiện tại. Nước Pháp hôm nay phải quyết định chính sách của mình sẽ như thế nào... đồng thời cùng quyết định nó có thể và nó muốn cung cấp một cố gắng quân sự mới ở tầm cỡ nào...

“Đứng trước một tình hình như vậy, thì giải pháp dĩ nhiên sẽ phức hợp và chắc chắn là phải kéo dài, chỉ có thể là một giải pháp chính trị: năm 1947, Pháp sẽ không dùng nổi vũ khí để đè nén một tập hợp đông hàng 24 triệu người đang lớn mạnh lên, mang tư tưởng bài ngoại và có thể cả tư tưởng quốc gia chủ nghĩa nữa. Tuy nhiên, một sự cố gắng quân sự kèm theo hoạt động chính trị của chúng ta ngày càng mạnh mẽ thì giải pháp đó càng có khả năng và nhanh chóng thành công. Tất cả vấn đề là ở đây.

“Việc xem xét chính sách của chúng ta không thuộc trách nhiệm của tôi. Tuy vậy, tôi cũng xin phép được dự đoán rằng nội dung chính sách đó sẽ là đối lập với chủ nghĩa quốc gia hiện nay của Việt Minh bằng một hoặc nhiều chủ nghĩa quốc gia khác. Ở đâu? Bao giờ? Thỏa thuận với ai? Cái khó của vấn đề rõ ràng là ở những câu hỏi đó...

“Bộ Chỉ huy địa phương, sau khi đã cân nhắc về những phương tiện sẵn có trong tay, cũng cần phải cân nhắc thêm hai nhân tố sau đây:

“Một mặt: Vấn đề thời gian (có thể kéo dài) tức đòi hỏi tránh tiêu hao phương tiện quá sớm.

“Mặt khác: Tiến hành một hoạt động rộng rãi và rất tích cực trên những địa bàn đã chọn, nếu không chúng ta sẽ ngày càng trở thành tù nhân trong những thành phố và căn cứ mà chúng ta chiếm đóng. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ, vấn đề cơ bản vẫn là vấn đề chính trị. Đây là vấn đề điều đình với một chủ nghĩa quốc gia bài ngoại đang trỗi dậy, là khai thông nhằm bảo vệ lấy, ít nhất là một phần nào, những quyền lợi chính đáng của nước Pháp.

Ngày 8 tháng 1 năm 1947

Ký tên: LECLERC”

Léon Blum đề nghị Leclerc nhận lại chức Tổng chỉ huy quân đội tại Đông Dương. Chức vụ này thật ra chỉ là một giai đoạn. Sau đó, Leclerc sẽ thay chân d’Argenlieu làm Cao ủy, một lúc kiêm

hai chức vụ dân sự và quân sự. Blum khẩn khoản đề nghị; Leclerc xin 48 tiếng đồng hồ để suy nghĩ.

Rồi ông viết thư ngay cho De Gaulle, báo cho De Gaulle biết về đề nghị trên đây và hỏi ý kiến. De Gaulle trả lời, cũng khẩn thiết khuyên ông từ chối. Đô đốc d'Argenlieu đã làm đúng cái việc ông đã làm; phải ủng hộ ông ta chứ không phải thay thế. Chính là cái hệ thống, và các chính trị gia của nó phải chịu trách nhiệm về việc làm cho tình hình Đông Dương ngày càng căng thẳng. Không nên làm vật bảo chứng cho các hệ thống đó. Một số người nói rõ cho Leclerc biết rằng người ta đang tìm cách lợi dụng những bất đồng của ông đối với d'Argenlieu, cũng như trước đây người ta đã dùng Pétain để đẩy Lyautey ra khỏi Maroc. Đây là một luận cứ quyết định: Leclerc sẽ cho mang thư từ chối của ông đến cho Léon Blum.

Nhưng nền Đệ tứ Cộng hòa đã bắt đầu “nhậm chức”. Ngày 12/1, Vincent Auriol được bầu làm Tổng thống nước Cộng hòa. Chính phủ Blum từ chức. Một tuần lễ sau, Chính phủ đầu tiên của nền Đệ tứ Cộng hòa ấy được thành lập do Paul Ramadier làm thủ tướng. Nó thừa kế của “Chính phủ Lâm thời của nước Cộng hòa Pháp” - GPRF - một món gia tài: Cuộc chiến tranh Đông Dương.

Giữa lúc này, bản báo cáo mà Moutet yêu cầu Morlière gửi cho ông, đề ngày 10/1, đến Paris. Nó vạch ra rõ ràng, một cách không thể nào bác bỏ được, những trách nhiệm nặng nề của Valluy và của Dèbes. Nhưng Leclerc đã yêu cầu triệu hồi Morlière về rồi. Morlière được gọi về Paris: người ta biết tin này ở Hà Nội ngày 31/1. Morlière hiểu ra. Ông ta sẽ ở Sài Gòn ngày 3/2 (trao lại quyền chỉ huy các lực lượng Pháp tại Bắc Đông Dương - TFİN - cho đại tá Dèbes) và ngày 5 sang Paris. Ngày 10/2, ông ta lại gửi cho Chính phủ một bản báo cáo thứ hai. Mặc dầu khẳng định của ông và mặc dầu hoạt động của ông nằm trong đường lối của Léon Blum, ông ta vẫn cứ chính thức bị cách chức tại Đông Dương và “ngồi không” ngót một năm dài nữa [71]. Ông đã tạo ra cho mình những “kẻ thù quyền thế”. Điều người ta chê trách ở ông, đúng như vậy, chính là vì ông đã quá “như nhược”, hoặc “không có bản lĩnh vững vàng”, nhưng trước con mắt những nhà lãnh đạo, cái đáng chê trách ở ông là đã “làm cho cuộc đảo chính không thành”. Người ta sẽ không tha thứ cho ông về “cái tội” đã để cho người Việt Nam đặt đầy thành phố Hà Nội lờm chờm những chướng ngại vật ngăn cản xe bọc thép của quân đội Pháp không chiếm được thành phố trong ba tiếng đồng hồ như Valluy đã dự kiến trong kế hoạch của ông ta.

Trong một bức điện gửi Léon Blum ngày 01/1, d'Argenlieu đã nói thẳng không che đậy:

“Chắc chắn rằng một thái độ cứng rắn hơn của Bộ Chỉ huy Hà Nội, nếu không tránh được cuộc xung đột mà Việt Minh mong muốn, thì ít ra cũng đã cho phép chúng ta chấp nhận nó trong những điều kiện thuận lợi hơn, và cái vấn đề của chính thành phố Hà Nội ngày hôm nay cũng đã được giải quyết rồi”.

Bây giờ thì việc “cắt đứt quan hệ” đã hoàn thành và phủ Cao ủy tại Sài Gòn đã làm cho Chính phủ (Pháp) chấp nhận “bản thuyết minh” của nó, tức là những “huyền thoại và truyền thuyết” của nó tạo ra... nếu không muốn nói là những điều “phản - chân lý” của nó.

XIV. VIỆT NAM - TỪ CẤM (4/1 - 23/3/1947)

Ngay cả trước khi ông Bộ trưởng Moutet cùng đoàn tùy tùng của ông một bên và tướng Leclerc một bên rời Đông Dương trở lại Paris, Pignon - đầu não của vấn đề - đã xác định khái quát những nét lớn mà theo ý của ông ta sẽ là đường lối chính sách của Pháp tại Đông Dương.

Chính sách này được trình bày trong một văn kiện có tính chất lịch sử thực sự, có một tầm quan trọng hàng đầu tuy chỉ nhằm phổ biến trong “một giới hạn nhất định”, bản “Thông tư định hướng số 9” của ủy viên Liên bang phụ trách Các vấn đề chính trị Léon Pignon, đề ngày 4/1/1947.

Cuộc chiến tranh Đông Dương sẽ mãi mãi không thể nào hiểu được đối với ai không được biết đến, không được cân nhắc từng câu chữ của văn kiện “cá nhân và mật” dài 7 trang này. Dưới đây là những đoạn trích rộng rãi, tiêu biểu nhất.

• Thông tư định hướng số 9

Hầu như ngay từ đầu, Pignon đã định vị cho vấn đề:

“Một điểm tỏ ra chắc chắn: Không thể nào tiếp tục điều đình trở lại với Chính phủ của ông Hồ Chí Minh. Giờ đây chúng ta biết, một cách chắc chắn, sau khi đã cảm thấy và thông báo trước từ lâu, rằng Chính phủ đó bao giờ cũng chỉ theo đuổi một mục tiêu duy nhất: đảm bảo nền độc lập của Việt Nam bằng cách vận dụng mọi biện pháp ngăn cản không để cho Pháp trở lại - bất cứ với tư cách nào - chừng nào nền độc lập đó chưa được vĩnh viễn và hoàn toàn thừa nhận.

“Nước Pháp, do những quyền của nó, do những vị trí mà nó vẫn duy trì, là mối nguy hiểm chính cho nền độc lập của Việt Nam. Vậy thì dứt khoát phải loại trừ nó ra.

“Chính phủ Hồ Chí Minh đã không ngần ngại dùng biện pháp tiến công, với hy vọng bất ngờ gây cho chúng ta một sự thiệt hại lớn thực sự. Điều đình với họ giờ đây có nghĩa là đầu hàng, là tiêu tan mọi ảnh hưởng của Pháp một cách nhanh chóng, không những trong nước Việt Nam mà trong cả Đông Dương và cả vùng Viễn Đông nữa.

“Uy tín của nước Pháp sẽ không tồn tại nổi sau sự thoái từ này, và nếu chúng ta được phép bỏ tay trong lĩnh vực riêng của chúng ta, lĩnh vực mà chúng ta phải chịu trách nhiệm hết sức nặng nề, thì chúng ta sẽ chứng kiến ngay sự tan rã của Đế quốc Pháp.

Nếu chúng ta không điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh, thì buộc lòng chúng ta phải đánh lại, ít nhất trong một chừng mực cần thiết để bảo đảm an ninh của các vị trí và sự đi lại của chúng ta.

“Không thể nào xác định được cụ thể, trong văn kiện đơn giản này... giới hạn những cuộc hành quân mà chúng ta sẽ phải tổ chức...

“... Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần cố gắng làm hết sức mình để vừa bảo đảm được an ninh cho quân đội chúng ta vừa tránh được một chiến dịch tái chiếm lại Bắc Kỳ và Trung Kỳ...

“Rõ ràng lợi ích của chúng ta là, một mặt, đừng khơi sâu hơn nữa cái hố căm thù đã ngăn cách chúng ta với một số đông người Annam bằng cách đem quân về các vùng nông thôn triệt hạ làng mạc và thiêu hủy những túp lều đáng thương của các tên “nhà quê”, mặt khác, là đừng vội biến - nếu chưa quá muộn - lợi ích của đảng Việt Minh thành lợi ích quốc gia.

“Gần như chắc chắn là ông Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông muốn tìm trong sự xung đột đẫm máu một giải pháp để thoát ra khỏi những khó khăn mà họ vất vả lắm mới có thể vượt qua. Sự bất bình bao trùm cả Bắc Kỳ lẫn Trung Kỳ. Đã lâu rồi người ta nhận thấy rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Nam Kỳ yêu mến. Nhưng nếu quần chúng có bắt đầu bộc lộ một sự bất mãn đối với các cấp lãnh đạo của mình đi chăng nữa, chúng ta vẫn không được phép khẳng định rằng, trừ ở một vài địa phương nhất định, quần chúng đã hoàn toàn ly khai với đảng Việt Minh.

“Ngược lại, tư tưởng yêu nước vẫn sâu sắc ở mọi tầng lớp nhân dân Annam là một điều không ai chối cãi được, và buộc chúng ta phải lưu ý.

“Hiện nay, chúng ta chỉ hy vọng chia rẽ quần chúng với Việt Minh bằng cách chỉ rõ cho họ, bằng cả việc làm và lời nói của chúng ta, rằng tư tưởng quốc gia chẳng hề bị nguy cơ gì đe dọa từ phía chúng ta. Chắc chắn một ngày nào đây sẽ đến mà chúng ta cần có những quyết định cơ bản nhất liên quan đến những vấn đề lớn đang được dư luận theo dõi chú ý nhiều, tức là:

Trước hết vấn đề củng cố vững vàng nước Việt Nam về mặt lãnh thổ, hay nói cách khác, là vấn đề thống nhất ba kỳ; Thứ hai và thứ yếu, là vấn đề độc lập.

“Nhưng, ngay từ bây giờ, điều quan trọng là không được phủ nhận một lời hứa hẹn nào của chúng ta vì lẽ những người đã cùng với chúng ta ký kết những bản hiệp định trước đây đã tỏ ra thiếu sót và không xứng đáng. Bản Tam ước 14 tháng 9 là một biện pháp nhằm mục đích, như người ta vẫn thường hay nói, để gây một không khí thuận lợi cho những cuộc đàm phán dứt khoát cuối cùng. Ngược lại, đối với hiệp định 6 tháng 3, trong chừng mực nó đã thừa nhận Việt Nam là một Quốc gia tự do và thực sự có chủ quyền về mặt nội trị, thì chúng ta phải coi như luôn luôn có giá trị.

“Sẽ không gì đáng tiếc cho bằng chúng ta buông xuôi, dưới ảnh hưởng của thời cuộc, dưới ảnh hưởng cả của những người Pháp đã sinh cơ lập nghiệp tại Việt Nam, mà đi đến một sự phản ứng “có tính chất thực dân”. Trong tình trạng lộn xộn của những ngày đầu, tại Hà Nội, có thể quân đội và thường dân Pháp đã làm nhiều chuyện bạo hành.

“Nhưng dù là đáng tiếc, người ta vẫn có thể thông cảm và tha thứ cho những chuyện bạo hành đó trong cái không khí ngột thở kéo dài hàng mấy tháng liền tại Bắc Kỳ, trước cuộc tấn công phản bội và những hành vi tàn bạo đã diễn ra trong hoàn cảnh nói trên. Nhưng điều quan trọng là một mặt không được để tái diễn những chuyện bạo hành như vậy nữa; mặt khác thì các nhà chức trách (Pháp), mà dân địa phương coi như là những người chịu trách nhiệm, không được dính líu đến dù bất cứ bằng cách nào”.

• Việt Nam hóa chiến tranh

“Thái độ của chúng ta đối với người An Nam phải thật sự rộng rãi và thông cảm... Trước mắt, vấn đề cơ bản nhất là thận trọng việc làm và lời nói, là khẳng định sự thủy chung của chính sách chúng ta và luôn luôn chứng tỏ tấm lòng đại lượng của chúng ta đối với người Việt Nam trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt bằng cách cứu trợ họ trong mọi thiếu thốn vật chất cũng như tinh thần. Mục tiêu của chúng ta đã xác định rõ ràng: chuyển cuộc xung đột của chúng ta với Việt Minh thành cuộc xung đột nội bộ của người An Nam, và bản thân chúng ta thì hạn chế đến mức độ tối thiểu việc trực tiếp tham gia vào những chiến dịch và những cuộc càn quét, là công việc của người dân bản xứ thù địch của đảng Việt Minh”...

Trong một đoạn dài, Pignon nhấn mạnh đến tính chất lập lờ trong nội dung ý nghĩa của chữ “Việt Nam” - cái chữ mà người Pháp chấp nhận “chỉ vì phép lịch sự và vì họ không thể tìm được một chữ nào thay thế”. Xa hơn, Pignon nói đến chữ “Việt Nam”, một “từ không có độ bền địa lý” và nhấn mạnh rằng hai bên không thể nào thỏa thuận được với nhau, bởi vì Hà Nội luôn luôn

hành động như thể là nền độc lập của họ đã được nước Pháp hứa hẹn, trong khi về phía Pháp chưa bao giờ có vấn đề hứa hẹn đó. Ông ta kết thúc:

“Nước Pháp không hề có “ác ý” trong cuộc xung đột giờ đây đang đối lập chúng ta với một đảng phái mà, hồi tưởng lại những hiệp định đã ký kết với họ, chúng ta vẫn cứ muốn coi như chỉ là một “băng nhóm” mà thôi. Mỗi người chúng ta cần luôn luôn tâm niệm lấy điều này”.

- Việt Nam thế là xong!

Vài hôm sau, ngày 15 tháng 1, đô đốc d’Argenlieu chính thức thừa nhận một vài ý kiến của vị cố vấn của ông ta là đúng và ký một bản thông tư bất thường (số 215/CP.Cab): bản thông tư này đáng được trích dẫn gần như nguyên văn và đi vào lịch sử:

“Chính phủ Pháp đã ký kết với một chính quyền thực tế tự xưng là “Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước 14 tháng 9/1946.

“Cái chính quyền thực tế này, mà chúng ta sẽ gọi cho thuận lợi dễ dàng là “Chính phủ Hà Nội”, đã được chúng ta đối xử một cách đặc biệt ưu đãi.

“Thực thể và chẳng cần chú ý đến cái nguồn gốc bất hợp pháp của nó - không cần nhắc làm gì ở đây những trò hề bầu cử ngày 23/12/1945 và 6/1/1946, mà họ rêu rao “đó là nền tảng dân chủ” của họ - chúng ta đã chấp nhận, bằng những hiệp định nói trên đây, cho họ hưởng những đặc quyền quốc gia của một chính phủ hợp pháp.

“Chính phủ Hà Nội đã tự mình xé những hiệp định ấy đi trong những điều kiện tồi tệ đến nỗi chính họ đã tự hạ uy tín của họ trên cương vị là đại diện chân chính và đủ tư cách của nhân dân An Nam.

“Chúng ta sẽ xem xét sau một cách tổng quát những hậu quả chính trị và pháp lý của việc xé bỏ các hiệp định này: đây chưa phải điều chúng ta bàn đến hôm nay.

“Chúng ta sẽ chỉ nhận xét rằng không còn tồn tại cái Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nữa, mà chỉ còn là một bộ máy khủng bố mà chúng ta trả lại cho nó cái tên thật của nó, “Đảng Việt Minh”.

“Tôi thấy cần thiết phải xác định một cách không mập mờ ý nghĩa của những từ này, bởi vì hệ thống thuật ngữ đã đóng một vai trò rất lớn trong cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương, mà giờ đây đang được giải quyết bằng một cuộc xung đột vũ trang, ngoài ý muốn của chúng ta.

“Sự phục sinh của cái danh từ cũ “Việt Nam” đã là một phát hiện tài tình. Quả thực, cái danh từ ấy đã ngay lập tức trở thành, đối với Việt Nam, cái biểu tượng của mọi khát vọng giành chủ quyền trên toàn bộ đất nước An Nam và cuối cùng là cụ thể hóa các quyền lợi của Việt Minh trước dư luận Pháp và quốc tế còn thiếu những thông tin chính xác.

“Chính phủ Hà Nội đã lợi dụng một cách khôn khéo và một cách thành công không ai chối cãi được về cái điều lập lờ do chính họ đã tạo ra như vậy đó.

“Phủ Cao ủy đã phòng bị lừa bịp trước thủ đoạn này và ngay phiên họp đầu tiên ở Đà Lạt, đã gửi cho Nguyễn Tường Tam, trưởng phái đoàn Việt Nam, một công hàm miêng trình bày rõ quan điểm của Pháp đối với vấn đề này.

“Bức công hàm đó trình bày chủ yếu rằng các nhà đàm phán hiệp định 6 tháng 3 của Pháp đã chấp nhận dùng trong văn bản hiệp định đó cái từ ngữ “Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” chẳng qua vì phép lịch sự và vì không muốn gây thêm phức tạp, vì những lý do “thể diện”, cho những cuộc đàm phán đặc biệt khó khăn.

“Nhưng họ đã nói rõ ràng rằng những từ ngữ mà họ dùng trong hiệp định (Chính phủ nước Việt Nam DCH) không bao hàm ý nghĩa thừa nhận về mặt lãnh thổ. Tính chất bền vững của nước Cộng hòa mới, mà chúng ta vừa ký giấy khai sinh này, chẳng hề được xác định cụ thể. Hơn nữa, chỉ cần xem lại chính văn bản hiệp định là sẽ thấy: bản hiệp định chỉ rõ rằng phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa đó sẽ do một cuộc trưng cầu dân ý trong những vùng liên quan quyết định kia mà.

“Mặc dù bức công hàm này hết sức rõ ràng và cụ thể, giấy trắng mực đen, nó vẫn đông đủ để bắt buộc một bên ký kết thiếu thiện ý phải tôn trọng các hiệp ước hai bên đã ký với nhau. Và mấy tháng sau chúng ta đã chứng kiến một sự khai thác thông minh cái từ “Việt Nam” cùng với nội dung của nó, sự khai thác ấy càng có sức mạnh lôi cuốn và khả năng biểu hiện khi mà, trừ một vài nhà thông thái, chẳng có ai trong dư luận thường ngày có thể phản đối cái nội dung lịch sử, địa dư và pháp lý của nó.

“Đã đến lúc cần phải làm tiêu tan cái tình hình lập lờ hai mặt đó. Cái từ “Việt Nam” cần phải được loại bỏ đi trong tất cả các văn kiện chính thức và nếu được, cả trong báo chí và giao tiếp hàng ngày. Không nên xác định một cách độc đoán quan điểm về vấn đề sát nhập hay chia cắt ba nước nói tiếng An Nam.

“Chúng ta đã cam kết tôn trọng ý chí của nhân dân khi nhân dân có khả năng phát biểu ý chí đó của mình một cách tự do, phòng bị ép buộc bằng bất cứ cách nào. Nhưng chúng ta có nhiệm vụ phải giữ lập trường chống lại cái chủ nghĩa đế quốc tài của một đảng phái hoặc một bộ phận đang mưu toan tước bỏ của nhân dân chính cái quyền tự do phát biểu ý kiến của mình ấy.

“Ngoài ra, nếu để kéo dài tình trạng lẫn lộn trắng đen, để cho Việt Minh cái “độc quyền” tư tưởng dân tộc, thì sẽ là điều dại dột. Cho nên, chúng ta cần phải dùng trở lại những từ ngữ cũ, chính đáng và không mập mờ chút nào: Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

“Đúng là vẫn còn tồn tại một khó khăn: chúng ta chưa bao giờ nghĩ chuyên phủ nhận một sự thực là, mặc dù có những sự khác biệt rất rõ nét có thể giải thích bằng lịch sử và dân tộc học, vẫn tồn tại một cộng đồng ngôn ngữ và truyền thống giữa Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

“Mỗi lần cần nói đến ba xứ ấy, không nói riêng mà nói chung, chúng ta nên vận dụng những từ ngữ như là “các nước An Nam” hoặc “các nước nói tiếng An Nam”.

“Tôi khẩn thiết yêu cầu mọi người phải hiểu đúng tinh thần bản thông tư này và áp dụng nó đúng từng câu từng chữ”.

Ký tên: Georges d'Argenlieu”

• Phục hưng chế độ quân chủ ư?

Tuy nhiên, ngày hôm trước, 14 tháng 1, ông đô đốc còn đi xa hơn nữa. Trong một bức giác thư mà một lần nữa, ông ta đặt cho cái tựa đề “Bước ngoặt chính trị ở Đông Dương”, gửi Thủ tướng Chính phủ Léon Blum cùng mấy nhân vật khác, lần này ông đề xuất một phương hướng chỉ đạo, một chính sách cụ thể. Ở đây nữa, tính chất quan trọng của văn kiện đòi hỏi phải công bố cho mọi người những đoạn trích quan trọng:

“Chắc chắn là đã đến lúc phải xem xét lại chính sách của nước Pháp đối với những quốc gia An Nam tại Đông Dương và có một quyết định dứt khoát...

“Cho đến nay, chúng ta đã theo đuổi một đường lối chính trị khá linh động, xuất phát, một mặt, từ bản tuyên bố ngày 24/3/1945, đánh dấu ý định của Chính phủ Pháp muốn từ bỏ quy chế thuộc địa cũ; mặt khác, từ nhiệm vụ cụ thể giao phó cho người đại diện của nước Pháp: khôi

phục lại dưới những hình thức mới chủ quyền của chúng ta đối với toàn bộ Liên bang Đông Dương.

“Mặc dù gặp nhiều khó khăn, cho tới ngày 19/12/1946, chúng ta chưa bao giờ đi vào một cuộc xung đột vũ trang toàn cõi. Từ ngày 19/12, chúng ta đi vào một giai đoạn mới, một cuộc đấu tranh công khai với một chính quyền thực tế tự cho mình là đại diện của cái thực tế chính trị gọi là Việt Nam rồi thông qua các ủy ban bí mật của nó và dựa vào chính sách khủng bố, để cố những phương tiện bắt buộc dân chúng phải thừa nhận mình.

“Ngày hôm nay, chúng ta phải miễn cưỡng mà thừa nhận mọi lối thoát, mọi biện pháp trì hoãn đều bị cấm đối với chúng ta. Chúng ta đành phải buộc lòng tấn công vào cái văn bản của vấn đề những quan hệ Pháp - Việt”.

Đến đây, ông đô đốc xem xét “một vài dữ kiện”:

“a. Sự tồn tại trong đám quần chúng An Nam của một số rất quan trọng những kẻ bất mãn luôn luôn khao khát trật tự và hòa bình; sự kinh tởm của những đám đông này đối với cái chủ thuyết cách mạng cực đoan, tuy rằng đám đông đó đã “bị tiêm nhiễm tư tưởng quốc gia hết sức sâu sắc” và “những ý niệm độc lập và thống nhất Tổ quốc là những ý niệm chủ lực của họ.

“b. Sự chống đối của các dân tộc thiểu số “đối với ách thống trị của người An Nam”, khiến cho họ dễ tán thành trở lại chế độ bảo hộ của nước Pháp.

Ông đô đốc bèn đi đến hai dữ kiện cơ bản sau đây:

“c. Rõ ràng là, sau khi họ đã vi phạm một cách tội lỗi tất cả các thỏa thuận đã được ký kết, chúng ta không còn có thể nào điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh được nữa và chúng ta phải lớn tiếng công bố lên điều này.

“Điều đình với Chính phủ này sẽ là một sự đầu hàng được thừa nhận như vậy bởi mọi người dân Đông Dương dù họ thuộc nước nào hay dân tộc nào. Khi đó chúng ta chỉ còn có việc là giải thể các vị trí Pháp đi một cách tốt nhất, chuẩn bị sự hồi hương của tất cả những người thuộc quốc tịch chúng ta, tức không riêng những người Pháp chính quốc mà cả những người lai Pháp, những công dân Pháp gốc Đông Dương và những người Đông Dương thỏa hiệp với chúng ta.

“d. Chắc chắn rằng một nước Việt Nam thống nhất, không phân biệt đặc điểm địa phương, sẽ tạo nên những mối nguy cơ nghiêm trọng cho việc điều hành và cả cho việc thành lập Liên bang Đông Dương. Nó sẽ dùng cái khối lượng to lớn của nó để đè bẹp cả Lào lẫn Campuchia; hai nước này sẽ phải đi tìm những nơi nương dựa bên ngoài. Việt Nam đối với Đông Dương chỉ có thể như Phổ đối với Đức trước kia... Không thể nào hình dung rằng chúng ta sẽ tìm được một giải pháp thuần chính trị hoặc thuần quân sự cho vấn đề đang làm chúng ta đau đầu này. Mục tiêu trước hết của chúng ta là đánh bại lực lượng vũ trang của đảng Việt Minh, và nếu được thì triệt hạ nó đi. Cơ hội tốt có thể đến với chúng ta nếu các lực lượng vũ trang Việt Nam^[72] tập trung về vùng Tông - Sơn Tây...

Ông đô đốc phủ nhận rằng đây là vấn đề tái chiếm xứ Bắc Kỳ. Vả chăng, theo ông ta thì “tình hình năm 1947 không thể hoàn toàn so sánh với tình hình năm 1884 được”...

“Tình hình hiện nay, về những mặt nào đó, đang có lợi cho chúng ta hơn: một mặt, chúng ta đang có thuận lợi để cách ly Việt Minh ra khỏi Trung Quốc; mặt khác, trừ phi có những chuyện rắc rối quốc tế ngoài vấn đề đang nghiên cứu này, chúng ta có thể dựa vào một sự trung lập nào đó của Chính phủ Trung Quốc.

“Trái lại ngày nay, chúng ta đang đứng trước một đám quần chúng mà chúng ta có đủ lý do để tin rằng họ đã bị tiêm nhiễm sự tuyên truyền của chủ nghĩa quốc gia.

“Vấn đề là làm sao tránh đừng để cho chúng ta bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh chống lại nhân dân An Nam một cuộc chiến tranh như thế sẽ có tác dụng đoàn kết nhân dân An Nam với đang Việt Minh chống lại chúng ta: chúng ta phải tránh đừng để cho đảng Việt Minh xuất hiện như là kẻ cầm giữ và là người chiến sĩ chân chính đấu tranh cho vận mạng dân tộc An Nam.

“Từ nhận xét đó, người ta có thể suy ra rằng hệ luận đầu tiên là chúng ta bắt buộc phải giới hạn những hoạt động quân sự của chúng ta tại vùng đồng bằng mà đông đảo dân cư là người An Nam, ở việc giải tỏa Hà Nội, giải tỏa các tỉnh miền Nam đồng bằng, tỉnh Thanh Hóa, và nếu được thì ở những cuộc hành quân cần thiết nhằm truy quét quân đội Việt Nam ra khỏi những vùng đó.

“... Hoạt động quân sự cần đi đôi với một hoạt động tuyên truyền mạnh mẽ nhằm chứng minh cho những người “nhà quê” thấy được rằng sự nghiệp của họ không phải là sự nghiệp của Việt Minh, những người đã gây cho họ bao nhiêu đau khổ đè nặng lên cuộc đời.

“Mục tiêu quân sự đạt rồi, thì điều quan trọng nhất và cũng là điều khó nhất là đề xuất và xúc tiến một giải pháp chính trị.

“Các nhà chức trách chính quốc đã nhấn mạnh rằng cần phải tránh việc thiết lập một chính phủ “bù nhìn” tại Hà Nội. Phủ cao ủy chưa bao giờ có những ý định này; từ ngày bắt đầu cuộc khủng hoảng, phủ cao ủy vẫn luôn luôn yêu cầu các nhân viên của mình rất thận trọng trong việc tiến hành một sự chỉ định theo kiểu đó. Thực vậy, rõ ràng rằng tâm tư tình cảm của quần chúng còn rất hoang mang do dự, rằng ý thức của những người mà chúng ta có thể coi như là tầng lớp lãnh đạo ưu tú, chưa đến độ chín muồi đủ cho chúng ta nghĩ đến một giải pháp phiêu lưu.

“Tình hình của chúng ta chưa được khôi phục vững vàng trên bình diện quân sự, ý đồ của chúng ta đối với đảng Việt Minh cũng chưa được xác định cụ thể để cho phép chúng ta, ngay từ bây giờ, điểm lại xem chúng ta còn có được bao nhiêu người đầy đủ thiện chí. Nhưng, sẽ là nguy hiểm nếu chúng ta để cho tâm trí bị chi phối bởi cái tình cảm mang tính chất học thuyết Aristote “sợ cái trống rỗng” hình như đã trở thành nỗi băn khoăn của nhiều người; cũng sẽ là nguy hiểm nếu chúng ta nhắm mắt trước tương lai, chỉ giới hạn hoạt động của chúng ta ở chỗ khẳng định rằng chúng ta đang ở giai đoạn quân sự và chúng ta sẽ biết nên làm gì một khi các nòng đại bác đã bắt đầu lên tiếng. Với một quan niệm như vậy, chúng ta nhất định sẽ bị lôi cuốn không thể nào tránh khỏi vào cuộc tái vũ trang chính phục mà chúng ta đang muốn tránh này, vì chính quốc không cho kinh phí, vì dư luận quốc tế sẽ lên án và vì cuối cùng nó sẽ không giải quyết được cái gì.

“Chúng ta thừa biết rằng, năm 1947, tái lập chế độ thuộc địa của 1939 là điều bất khả. Sức mạnh của vũ khí, dù có sử dụng không giới hạn, cũng không sao đạt tới mục đích nói trên. Vậy thì, ngay từ bây giờ, chúng ta cần phải chuẩn bị cho cái chế độ chính trị tương lai của các nước An Nam và để chuẩn bị cho chế độ đó, quyết định dứt khoát rõ ràng những ý đồ của chúng ta.

“Chúng ta đã ghi vào sổ những phương châm chỉ đạo việc nghiên cứu này sự tồn tại của hai ý niệm chủ lực: ý niệm độc lập và ý niệm thống nhất đất nước.

“Chúng ta không thể hy vọng nhìn thấy hình thành trên đất nước An Nam một phong trào chính trị hùng mạnh, hoặc thiết lập một chính phủ vững vàng và được quần chúng ủng hộ mà không đặt lên đầu chương trình hành động của nó những yêu sách cơ bản ấy của chủ nghĩa quốc gia An Nam.

“Vả lại hình như cái yêu sách thống nhất đất nước có thể kèm theo một vài điểm chiếu cố đến những quyền lợi cá biệt của địa phương Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, bắt đầu từ khi nào mà những kẻ liên quan đã chắc chắn rằng, trên địa bàn ấy, chúng ta không muốn thực hiện chính sách “chia để trị” [\[73\]](#).

“Vậy đường lối chính trị của chúng ta phải thể hiện theo cách thức dưới đây:

“Trước hết chúng ta cần phải làm sáng tỏ mình hình bằng cách đánh tan những mối lo sợ của những kẻ không thích gì sự thống trị của Việt Minh nhưng hiện nay chưa dám liều lĩnh đứng về phía chúng ta mà hành động, nếu mai đây chúng ta lại phải đàm phán với Việt Minh. Do đó, Chính phủ Pháp cần phải chính thức công bố sẽ không còn đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh nữa.

“Đồng thời chúng ta phải cung cấp, cũng dưới hình thức công bố, những bảo đảm cần thiết rằng lập trường đó không thay đổi tư tưởng chính trị của nước Pháp và do vậy:

“a. Những lời cam kết đó sẽ được tôn trọng một cách thực chất, dù có một bên ký kết nào thất hứa.

“b. Nước Pháp chưa bao giờ xác định lập trường một cách tùy tiện về vấn đề thống nhất hay chia cắt ba kỳ; vấn đề nay sẽ do dân cư những vùng hữu quan quyết định, nhưng nước Pháp đã và đang luôn luôn cho rằng nhiệm vụ của mình là làm sao cho nhân dân những vùng liên quan đó được phát biểu ý kiến của mình một cách tự do, là điều mà dưới chế độ độc tài của Việt Minh không có được.

“c. Liên bang Đông Dương là một tất yếu địa lý, nhưng sẽ không được xây dựng tự do bởi những kẻ đương sự và những người này có trách nhiệm làm sao cho họ khỏi phải lo sợ sự tái lập một Chính phủ toàn quyền như cũ.

“d. Việc gia nhập liên hiệp Pháp là một nguyên lý bất khả xâm phạm và đem theo một số hậu quả, sẽ được nêu lên một cách hạn chế, những hậu quả này cũng chính là những yêu sách duy nhất của nước Pháp ở Đông Dương.

“Một khi bản tường trình về các nguyên tắc này đã được thực hiện với tất cả sự trịnh trọng cùng tất cả các chi tiết cụ thể và công khai cần thiết, thì tin chắc rằng chúng ta sẽ dễ dàng tìm được tại Đông Dương những con người đủ tư cách thành lập chính phủ. Chúng ta đã có tại Hà Nội một số người làm “đầu tàu”, tôi muốn nói “có thể làm bộ trưởng”.

“Theo tôi nghĩ thì sẽ là điều có ý nghĩa và rất khích lệ nếu có những nhân vật tai mắt, trong đó một số từng cam kết với Việt Minh, đã từ chối lời mời ra đi (sơ tán) và lẩn trốn để được ở lại dưới sự bảo vệ của chúng ta, nhưng cái đang cần cho những nhân vật đó, chính là sự hợp pháp hóa. Tất cả họ đều có ý thức về chuyện này^[74].

Mặc dù Quốc hội Việt Nam đã được bầu ra một cách gian trá, cuối cùng nó vẫn gây được cho bên ngoài cái ý niệm rằng Chính phủ Hồ Chí Minh có một nền tảng dân chủ.

“Ngoài ra, tình hình quân sự chưa cho phép, có lẽ trong một thời gian rất lâu nữa, tổ chức những cuộc trưng cầu dân ý.

“Nếu nghiên cứu vấn đề đến nơi đến chốn, chúng ta sẽ phải tự đặt cho mình câu hỏi: Cái hình thức chính trị có khả năng được hưởng thế đặc quyền của sự hợp pháp, phải chăng chính là chế độ quân chủ truyền thống, cái chế độ trước ngày Nhật đầu hàng ấy?

“Thêm vào, tại nước An Nam còn tồn tại nhiều điều ngoài cái “vẻ đẹp quyến rũ ngàn đời của chế độ quân chủ” kia nữa như Jean Jaurès đã nói đến. Toàn bộ cuộc sống xã hội và tôn giáo trước đây đều dựa trên nhà Vua, mà hơn nữa, nhà Vua mới rời bỏ ngai vàng của mình có 18 tháng. Bằng chứng là Chính phủ Hà Nội, ra đời từ cuộc tổng thời nghĩa, mà trong những lần cải tổ liên tiếp, đã luôn luôn giao phó cho Bảo Đại chức vụ quan trọng bậc nhất là cố vấn tối cao. Như vậy, sự trở lại của nhà Vua chắc chắn sẽ có tác dụng làm yên lòng những kẻ đứng về phe chống đối Việt Minh và sợ bị lên án là những con người phản bội.

“Cuối cùng, người ta có thể tự vấn lòng: một nền quân chủ lập hiến sẽ có điều kiện dễ dàng hơn để xây dựng một chế độ thật sự dân chủ trong các nước An Nam chăng? Nó sẽ cho phép củng

cố chế độ đại nghị mà Chính phủ Hà Nội trong thực tế đã thủ tiêu để đi vào chế độ phát xít.

“Nhiệm vụ người đại diện chính phủ là phải làm sao cho Chính phủ được sáng tỏ về vấn đề này. Nội dung bức giác thư này đáp ứng cho điều lo lắng khẩn khoản đó và nó nhằm vừa phục vụ cho các dân tộc trong Liên bang Đông Dương vừa phục vụ cho Liên hiệp Pháp”.

Ký tên G. D'ARGENLIEU

Cùng ngày, d'Argenlieu gửi thư cho De Gaulle yêu cầu vận động giúp ông làm cho chính sách Đông Dương thẳng thắn ở Paris. Trong thư ông đã gửi gắm cái chính sách đó cho De Gaulle và tóm tắt cho ông ta “những nét lớn” (như ông đã trình bày trong bức giác thư trên đây), rồi ông kết thúc:

“Tôi xin thực tình thưa với Ngài rằng, nếu không may Chính phủ sắp tới hướng theo con đường tiếp xúc trở lại với ông Hồ Chí Minh cùng với cái ê kíp của ông ta, thì tôi sẽ xin từ chức ngay tức thời.

“Tôi vẫn thích hy vọng rằng Chính phủ sẽ từ chối không đếm xỉa gì đến những con người đã từng rơi xuống tận dưới cả sự vô sỉ tại Hải Phòng và Hà Nội. Quân đội của chúng ta, là phát ngôn nhân của những người chết vĩ đại của chúng ta, tôi tin chắc họ sẽ chối từ cộng tác với một sự phản bội lớn lao như vậy”.

Bức giác thư ngày 14/1 đến tay Léon Blum vào lúc ông này sống những giờ phút cuối cùng làm Thủ tướng “Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp”. Nhưng Léon Blum vẫn kiên quyết báo trước ngay tức thời cho ông đô đốc biết rằng, dù ông ta không chấp nhận những kết luận của bức giác thư, ông vẫn cứ chuyển lại văn kiện này cho kẻ sẽ thay chân ông.

• Nền đệ tứ Cộng hòa

Quả nhiên nước Pháp ra khỏi tình trạng chính trị tam thời vào đúng thời điểm này. Hiến pháp 27 tháng 10 năm 1946 bắt đầu có hiệu lực. Ngày 16/1/1947, Vincent Auriol, Chủ tịch Quốc hội được bầu làm Tổng thống nước Cộng hòa. Ngày hôm sau, ông giao trách nhiệm cho Paul Ramadier, đảng viên xã hội, thành lập chính phủ đầu tiên của nền Đệ tứ Cộng hòa. Ngày 21, Ramadier được Quốc hội trao quyền và sắp sửa thành lập vào ngày 22 chính phủ của ông ta.

Trong bản tuyên bố của ông, ngày 21, ông có nói về Đông Dương như sau:

“Cuộc chiến tranh này, người ta đã áp đặt cho chúng tôi, chúng tôi đã không muốn nó trước đây, không muốn nó hôm nay. Chúng tôi đã làm tất cả, nhưng bộ tất cả những gì hợp lý Chúng tôi biết nó sẽ không giải quyết được vấn đề gì. Chúng tôi sẽ chấm dứt nó ngay khi nào trật tự và an ninh được bảo đảm.

“Chắc chắn, một ngày gần đây, nước Pháp lại mặt đối mặt với những người đại diện của dân tộc An Nam và nói với họ lời nói của chính nghĩa. Lúc đó, nó sẽ không còn lo sợ trước việc thực hiện, nếu đây là ý kiến của nhân dân, sự thống nhất của ba nước An Nam; cũng như nó sẽ không từ chối thừa nhận nền độc lập của Việt Nam trong khuôn khổ của Liên hiệp Pháp và Liên bang Đông Dương”.

Ngay từ ngày 23/1, Moutet đã phản ứng đối với bức giác thư của ông đô đốc:

“Tham khảo: Giác thư tuyệt mật của ông ngày 14/1 vừa qua:

Tôi không đồng ý. Không được quyết định gì trước khi chính phủ mới cho phương hướng”.

Không thấy có gì đến, ngày 28, d'Argenlieu lại tiếp tục bằng những bức thư gửi nhiều nhân vật

khác nhau. Một trong những bức thư ấy, ông ta nói “đã báo cáo những ý kiến chứa đựng trong giác thư của ông với các thành viên Hội đồng chính phủ Liên bang” và “tất cả đều hoàn toàn nhất trí với cách nhìn đó”. Tuy vậy, ông “đã quyết định không tiến hành bất cứ việc gì trước khi Chính phủ có khả năng bàn định về vấn đề”. Nhưng ông sửa soạn sẵn sàng trao cho Chính phủ Nam Kỳ những quyền hạn rõ ràng rộng rãi hơn. Nhưng dự án của ông đã sớm được biết đến ở Paris và Moutet phản ứng ngay bằng một bức điện gửi cho Cao ủy:

“Tôi đã nắm được vấn đề quyền hạn của Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ. Yêu cầu gửi khẩn cấp báo cáo về tình trạng hiện nay của vấn đề mà Chính phủ coi như cực kỳ quan trọng đó”.

Ông đô đốc tỏ vẻ không để ý gì đến bức điện của Moutet. Ngày 1/2, ông ta ban hành một quyết định liên bang nói rộng rất nhiều những quyền hạn của Chính phủ Sài Gòn Lê Văn Hoạch và chủ yếu là thừa nhận nước Cộng hòa tự trị Nam Kỳ như “Quốc gia tự do trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp”.

Cơn thịnh nộ nổi lên tại đường Oudinot, trong Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Lần này, tiếng đồn về một cuộc thay thế Cao ủy càng dậy lên kiên quyết hơn, trong khi một chiến dịch báo chí chống ông ta (d’Argenlieu - LND) tại Paris ngày càng sâu rộng.

Giờ đây, Ramadier đã có thì giờ đọc kỹ bức giác thư ngày 14/1 và ngày 5/2; ông điện cho d’Argenlieu những điều ông suy nghĩ:

“Tôi đã tìm hiểu bức giác thư của ông gửi cho Thủ tướng Léon Blum với một sự quan tâm đặc biệt; bức giác thư có nhiều đoạn tôi cảm thấy nó diễn đạt một thực tế được quan sát một cách tế nhị và đánh giá một cách tinh vi”.

Nhưng ông ta “thấy cần giới hạn đôi điều...” trước hết về các cơ sở pháp lý mà d’Argenlieu đã dùng làm luận cứ. Bản tuyên bố ngày 24/3 nay chỉ là một văn bản như bao nhiêu văn bản khác. Bây giờ đã có Hiệp pháp mới ngày 27/10/1946 và một bản Quy chế các nước hợp tác rồi.

Vậy thì “chính sách Đông Dương của chúng ta cần phải xuất phát từ toàn bộ các văn kiện đó”.

Mặt khác, tôi sợ rằng việc gợi ý khôi phục Bảo Đại hoặc một người nào khác trong dòng họ ông ta sẽ làm cho chúng ta đi quá xa cái mục đích chúng ta theo đuổi và cách giải quyết một cuộc chiến tranh mà chúng ta không thể kéo dài quá mức độ cần thiết.

“Không thể nào chối cãi được rằng tính siêu nhiên của đảng Thiên tử giữ lại cho chế độ quân chủ một uy tín lớn lao trong mọi môi trường truyền thống, nhưng những ký ức về triều đình Huế và có lẽ đặc biệt hơn cả là của vị cựu hoàng [\[75\]](#) lại gắn liền với chế độ trực trị của những công chức người Pháp mà cả Đông Dương nói tiếng An Nam đã nổi lên chống lại và những người Pháp biết tôn trọng thực tế thì đều coi như đã hết thời. Một số gắng phục hưng chẳng những có nguy cơ làm cho Việt Minh thêm quả quyết và tăng cường trong nội bộ của nó lực lượng của các phần tử cực đoan, mà còn có thể ly khai với chúng ta tất cả những phần tử tiến bộ không ưa thích gì chế độ độc tài của Việt Minh và đang yên tâm tin tưởng trước những thắng lợi quân sự của chúng ta mặc dù họ không đồng ý từ bỏ lý tưởng quốc gia của mình.

“Kết quả có thể sẽ bắt buộc chúng ta phải tiếp tục vô tận một cuộc chiến tranh với chính nhân dân chứ không phải chỉ với một chính phủ, một cuộc chiến tranh mà sự kéo dài sẽ mang lại bao nhiêu là tai họa.

“Chính phủ chưa nhìn thấy gì rõ ràng trong những viễn cảnh đó để có thể có một quyết định trước khi nghe ông trình bày. Vậy tôi sẽ rất chú ý và đánh giá cao việc ông sẽ về Paris trình bày quan điểm của ông trong một thời hạn khẩn trương nhất”...

Bức điện này đã gặp nhau dọc đường với bức điện mà d’Argenlieu, quá sốt ruột, đã gửi cho Paris ngày 4/2 và trong đó sau khi tuyên bố đã khôi phục chủ quyền của nước Pháp trên Đông

Dương, ông nói rằng ông vẫn chưa nhận được một “câu trả lời rõ ràng và rắn rỏi về vấn đề mà trước mắt phải coi như là điều kiện cơ sở của chính sách chúng ta, tức là: sự khẳng định của Chính phủ sẽ không điều đình với chính phủ Hồ Chí Minh nữa”.

Ông đô đốc đau xót nhận xét rằng tên tuổi của ông bị ném tung ra làm mồi cho dư luận công chúng; rằng “việc cách chức ông luôn luôn được đề cập tới ở cấp cao”, rằng nếu các chính phủ De Gaulle, Gouin và Bidault tín nhiệm ông, thì “ngày nay không còn như vậy nữa” và uy tín của ông đã bị đập đổ “một cách mờ ám”.

“Ngài không thể nào lại không nhìn thấy rằng sứ mệnh của tôi, muốn được hoàn thành một cách tốt đẹp, đòi hỏi ở Chính phủ phải có sự tín nhiệm, một đường lối chính trị rõ ràng và sau nữa là phải có những phương tiện thực hiện.

“Thiếu những sự bảo đảm đó, thì đô đốc d’Argenlieu, Huân chương giải phóng đệ nhất hạng, Huân chương Bắc Đẩu bội tinh đệ nhất hạng, chỉ còn việc từ chức Cao ủy Pháp tại Đông Dương nữa mà thôi” ...

Bức thư này đến Paris hồi 11 giờ sáng ngày 6. Ramadier và Moutet tới Élysée báo cho Auriol biết về việc ông đô đốc xin từ chức. Nhưng, ông Tổng thống nước Cộng hòa nói với họ, “đây không phải một lá đơn từ chức, mà chỉ là một sự báo trước và một lời đe dọa”. Auriol nhắc lại rằng Blum và Ramadier nên nói cho ông đô đốc biết là “người ta không thể chấp nhận tiền đề cũng như kết luận ở bản tường trình của ông ta... Trong điều kiện như vậy, Chính phủ chính thức chấp nhận bức thư và đề nghị từ chức của ông ta chứa đựng trong bức thư đó, thay vào những bảo đảm mà người ta không thể nào cung cấp được cho ông ta... Phải thảo một bức thư theo ý nghĩa đó” ...

Lần này, việc thay thế d’Argenlieu đã được quyết định và Messmer thông báo cho ông đô đốc tin đó.

- Những kế hoạch hành quân rộng lớn. Tình hình quân sự ở Đông Dương được d’Argenlieu coi như “của đã cầm tay”

Tất cả những doanh trại bị bao vây đã được giải tỏa. Huế cũng vừa được giải vây. Và, tại Hà Nội, trận chiến đấu đánh vào thành trì cuối cùng của Việt Minh - khu phố người Việt và người Hoa - hết sức gay go quyết liệt, đang chấm dứt. Các chỉ huy quân sự bắt đầu nghĩ đến công việc tiếp theo. Nhưng triển vọng chung sẽ như thế nào đây?

Đối với những người này, thì việc “trừng phạt quân sự cần thiết” đã được tiến hành rồi và tiến hành thích đáng; nhưng nó “cần phải vừa nhanh gọn vừa lấy lòng”. Một “cuộc hành quân chinh phạt”, đồng ý, một sự cố gắng tối đa, nhanh gọn, “khoanh vùng”, cũng đồng ý; nhưng “một chiến dịch thuộc địa nhỏ xinh” thì không, bởi nước Pháp vừa không cần nó vừa không có phương tiện. Một người khác, theo phương hướng thứ hai này, viết: “Phải hoàn thành nhanh chóng và thắng lợi những cuộc hành quân được tiến hành với những quân số tương đối hạn chế, rồi sau đó thì điều đình”. Một vài người có ý muốn nối lại các cuộc đàm phán với một chính phủ Hồ Chí Minh đã được thanh lọc; một số lại có ý muốn điều đình với những đối phương khác, sau khi Chính phủ Hồ Chí Minh đã sụp đổ hoặc đã bị thu hẹp hoặc vô hiệu hóa “trong vòng ba tháng, bằng cách đánh vào đầu não”, chẳng hạn tìm cách bắt sống ông Hồ Chí Minh tại Bắc Kỳ.

Ngày 10/2/1947, Valluy nhấn mạnh rằng trước khi điều đình cần phải đánh gục Việt Minh đi đã, bắt đầu bằng cách cách ly Việt Minh khỏi dân chúng An Nam, dần dần làm cho dân tình mỗi một, chán nản, để rồi làm cho “Mặt trận Việt Minh tan rã” và loại trừ những phần tử cực đoan ra khỏi Việt Minh. Vậy phải duy trì được quân số của Đội quân viễn chinh ở mức 115.000 người, trước tiên là bình định Nam Kỳ, rồi đợi sang thu thì mở một cuộc tấn công quy mô vào

Bắc Kỳ và kéo dài cho đến mùa xuân 1948. “Khi đó, và chỉ đến khi đó thôi, thì mới đúng lúc để mở cuộc điều đình”.

Ngày 12/2, quả nhiên d’Argenlieu đề nghị Chính phủ cho phép ông ta bắt sống “Chính phủ Việt Minh” mà người ta đã phát hiện được ra nơi ẩn nấp. Hình như Moutet đã phản ứng mạnh mẽ: Chính phủ Pháp - dường như Moutet đã trả lời như vậy - không hành động theo kiểu bọn cướp đường và bọn gangsters.

Thực ra thì Chính phủ Ramadier cũng chưa biết nên theo đường lối chính trị nào. Ông ta không nói từ chối mọi ý định nổi lại đàm phán với những người đã gây ra vụ tiến công ngày 19 tháng 12; nhưng ông chỉ nói rằng ông sẽ chờ đợi được thấy từ nhân dân An Nam xuất hiện “những phần tử tiêu biểu” mà ông có thể ngồi lại điều đình.

Trong lúc chờ đợi, ông phải tìm một người thay đô đốc d’Argenlieu làm Cao ủy, vì d’Argenlieu đã trở thành một “vật quấy rầy” quá rồi. Ramadier đã quyết định thăm dò tướng Leclerc một lần nữa. Ramadier đã tiếp Leclerc hôm 7/2 và Auriol cũng đã gặp ông ta hôm mùng 8. Leclerc nghe chừng đã xiêu xiêu; ông ta nêu ra những điều kiện, đòi hỏi những cam kết vững chắc. Nhưng De Gaulle lại một lần nữa, trong một cuộc thảo luận sôi nổi, tìm cách khuyên ông ta dừng. (Leclerc sẽ không ngần ngại nói cho De Gaulle hay rằng ông ta chẳng biết gì về Đông Dương ngoài những gì d’Argenlieu đã nói với ông). Cuối cùng, Leclerc từ chối. Ramadier bèn đến gặp tướng Juin; tướng Juin đến lượt mình cũng từ chối luôn lời đề nghị hôm 17/2.

Người ta đành phải đi tìm một nhân vật dân sự. Một cố vấn Cộng hòa cấp tiến, cựu thành viên của Hội đồng kháng chiến dân tộc, Émile Billaert, người tỏ ra ưng ý.

Ngày 24/2, d’Argenlieu đến Paris và tại đây ông ta nhận được một bức thư của De Gaulle. Theo lời khuyên của De Gaulle (và theo xu hướng của chính ông ta), d’Argenlieu từ chối không đưa đơn từ chức nữa. Ông ta không muốn tạo cho Chính phủ một cơ hội để loại trừ mình khi ông ta nghĩ rằng sứ mệnh của ông chưa hoàn tất. Ông muốn cưỡng bách Chính phủ phải chịu lấy trách nhiệm cách chức ông. Ông ta sẽ được Ramadier tiếp ngày 25, Moutet, Bidault và De Gaulle ngày 26, và Auriol ngày 28. Những cuộc hội kiến mà trước con mắt một đôi người, đã diễn ra một cách lúng túng rõ rệt.

Ngày 01/3, được Ramadier tiếp, d’Argenlieu đã tiến hành với ông ta một cuộc hội kiến quyết định. Ông thủ tướng nêu lên rằng d’Argenlieu yêu cầu Chính phủ tuyên bố từ đây sẽ không đàm phán với ông Hồ Chí Minh nữa. “Yêu cầu này, Chính phủ không thể nào chấp thuận. Nó tuyệt đối quá. Chúng tôi không dự kiến diễn biến của sự việc. Tự khép cánh cửa lại là điều sai lầm”... Sau khi yêu cầu ông đô đốc khẳng định (hoặc không) những quan điểm đã được trình bày trong bức giắc thư và trước câu trả lời khẳng định của d’Argenlieu, Ramadier tuyên bố với ông ta: “Tôi nghĩ rằng, trong điều kiện đó, ông không thể nào trở lại Đông Dương được nữa”.

Ông đô đốc đáp: “Những lời Ngài nói đó hẳn là báo cho tôi biết tôi đã bị cách chức”.

Ngày 5/3, Hội đồng nội các xem xét vấn đề cử người thay thế ông đô đốc. Moutet trình bày:

“Chính sách thỏa hiệp bỗng nhiên bị gián đoạn do thái độ của Việt Minh đã phát động, ngày 19/12, tại Hà Nội, một cuộc nổi dậy thực sự nhằm mục đích đuổi người Pháp ra khỏi Đông Dương. Mọi sự đều chứng tỏ cuộc nổi dậy này đã được chuẩn bị từ lâu và là trách nhiệm của phía Việt Minh, dù cho các nhà chức trách Pháp có phạm những lỗi lầm nào đi chăng nữa...”

“Nước Pháp phải ở lại Đông Dương. Chắc chắn là kết quả ấy sẽ không thể đạt được bằng sức mạnh của vũ khí - là cái điều nó đòi hỏi một cuộc viễn chinh thuộc địa thực sự mà đất nước không muốn có - hoặc bằng một cuộc thỏa thuận với Chính phủ Việt Minh mà hiện nay đã có nhiều bằng chứng tỏ ra những muốn đi đến một cuộc thỏa hiệp trung thực. Điều này không có nghĩa là chúng ta sẽ không đàm phán với một người này hay người kia trong số các thành viên của chính phủ đó, nhưng chúng ta sẽ chỉ đàm phán với những người đại diện thực sự cho nhân

dân An Nam và được tín nhiệm về tinh thần trung thực...

“Ramadier: “Từ ngày 19 tháng 12, đã có một cuộc chiến tranh tổ chức chống lại chúng ta nhằm đuổi chúng ta ra khỏi Đông Dương. Chúng ta đã phản ứng lại và đã gửi viện quân sang. Nhưng chúng ta biết rằng sự cố gắng của chúng ta phải giới hạn trong thời gian và sự giải quyết không thể nào đến được từ một mình hoạt động quân sự...”

Chính sách của nước Pháp chỉ có thể là một chính sách xuất phát từ sự tôn trọng ý chí của nhân dân... Cái định hướng mới trong chính sách của nước Pháp tại Đông Dương, Ramadier kết luận, khích lệ chúng ta đề nghị với Hội đồng nội các thay thế Cao ủy. Thủ tướng, cảm phục các đức tính của đô đốc d'Argenlieu, nhưng nhận định rằng ông đô đốc không còn đủ tư cách để lãnh đạo chính sách hợp tác với các nước Đông Dương đó của chúng ta nữa. Cần phải thay người khác. Đề nghị ông Bollaert”...

Sau một cuộc thảo luận ngắn, Hội đồng Nội các quyết định cử Bollaert làm Cao ủy. Bollaert sẽ lên đường, mang theo những chỉ thị được thảo ra trên cơ sở những điều Moutet cùng với Teitgen và Thorez xem lại.

Auriol nói rằng ông sẽ rất sung sướng nếu một ngày kia ông được cùng với Hồ Chí Minh thảo luận. Sau buổi họp Nội các chút ít, lúc 16 giờ, Blum gọi điện thoại cho Auriol: “Đến lượt ông ta, ông ta bộc lộ với tôi niềm hy vọng rằng với việc chỉ định Bollaert làm Cao ủy Đông Dương, những cuộc đàm phán với ông Hồ Chí Minh có thể sẽ được nối lại. Tôi nói với ông ta: Đó cũng là ý nghĩ và hy vọng của tôi”.

Lúc này, đô đốc d'Argenlieu, đã viết xong một bản báo cáo cuối ngày, nhận được tin từ “các hãng báo chí” rằng ông ta đã có một người thay thế.

Ngày 01 tháng 4, Bollaert đến Sài Gòn.

XV. VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH (23/3/1947 - 4/1956)

Nền Đệ tứ cộng hòa có lẽ đã không chọn chiến tranh, nhưng chắc chắn nó đã không chọn hòa bình, cũng không đi con đường có thể tìm lại hòa bình. Nó dẫn thân, gần như một cách vụng trộm, trên cơ sở những thông tin không đầy đủ, tệ hơn nữa là những thông tin giả mạo, vào một cuộc phiêu lưu hứa hẹn kéo dài, tước đoạt và tốn kém. Cho đến năm 1952, dư luận không bao giờ nắm được những dữ kiện cơ bản của vấn đề; và chỉ 30 năm sau người ta mới bắt đầu đoán ra rằng d'Argenlieu và cả phe cánh ông ta đã thất bại trong âm mưu của họ, nhưng vẫn che giấu được sự thất bại đó và cuộc chiến tranh Đông Dương thực tế là một cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp.

• Chính phủ Ramadier

Là chính phủ đầu tiên của nền Đệ tứ Cộng hòa, Nội các Ramadier, ngay từ ngày 21/3/1947, đã được ông Hồ Chí Minh cho biết để cảnh giác:

“Nếu Chính phủ Pháp công khai và thẳng thắn tuyên bố thừa nhận sự thống nhất và nền độc lập của Việt Nam và cam kết thi hành đường lối chính trị đó, thì mọi vấn đề khác đều sẽ dễ dàng giải quyết... Một lần nữa, chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng dân tộc Việt Nam chỉ mong muốn một điều là thống nhất và độc lập trong Liên hiệp Pháp, và chúng tôi cam kết tôn trọng những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp tại Việt Nam.

“Chỉ cần nước Pháp tuyên bố một lời là chiến sự lập tức chấm dứt, là bao nhiêu tính mạng và tài sản được cứu vớt, là tình hữu nghị và tin tưởng lẫn nhau trở lại bình thường. Nếu như, bất chấp nguyện vọng hòa bình chân thực của chúng tôi, người Pháp vẫn muốn tiếp tục chiến tranh, thì họ sẽ mất hết mà lợi chẳng được gì, bởi vì chiến tranh chỉ đưa đến hận thù và căm ghét giữa hai dân tộc chúng ta.

“Chúng tôi yêu cầu Chính phủ Pháp cho chúng tôi biết rõ chính sách của mình đối với Việt Nam. Chúng tôi yêu cầu nhân dân Pháp cho biết dư luận của mình đối với cuộc chiến tranh đẫm máu và ngu xuẩn này”.

Ngày 19/4, Chính phủ Việt Nam đề nghị cụ thể với Paris hãy ngưng chiến và ngồi trở lại vào bàn đàm phán.

“Nước Việt Nam đấu tranh cho thống nhất và độc lập của mình. Thủ tướng Ramadier đã tuyên bố: nước Pháp không chống lại nền thống nhất và độc lập ấy. Lợi ích của hai dân tộc là hợp tác thân ái với nhau trong lòng Liên hiệp Pháp, là hiệp hội của những dân tộc tự do hiểu biết nhau, thương yêu nhau. Chiến tranh kéo dài chỉ tăng thêm hận thù, kéo theo nhiều hy sinh mới về mạng người, làm cho tình hình thêm trầm trọng trong các xí nghiệp của Pháp và trong nền kinh tế Việt Nam, mà không giải quyết được vấn đề quan hệ Việt - Pháp.

“Qua việc bổ nhiệm ông Cao ủy mới của Pháp tại Đông Dương, Chính phủ Pháp dường như tỏ ra có ý muốn hướng chính sách của mình đối với dân tộc Việt Nam vào một con đường mới, xứng đáng với nước Pháp mới. Tôi tin tưởng rằng bản kiến nghị của Hội đồng Quốc gia Đảng Xã hội ngày 21/3/1947, quyết định sẽ không bỏ qua một cơ hội nào để tiếp tục nối lại những cuộc thương thuyết với Việt Nam, đã diễn đạt không những tâm tư tình cảm của các đảng viên Xã hội Pháp, mà của cả toàn thể nhân dân Pháp.

“Để chứng minh sự gắn bó chân thành của Việt Nam đối với hòa bình và tình hữu nghị của nó đối với nhân dân Pháp, Chính phủ Việt Nam đề nghị với Chính phủ Pháp chấm dứt ngay tức

thời mọi hành vi chiến tranh và mở ngay những cuộc đàm phán nhằm đi đến một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột”.

Ramadier đã tìm cách che giấu được bản đề nghị này không những trước dư luận công chúng, mà ngay cả đối với các vị bộ trưởng cộng sản của ông... đã “bị đổ bộ” ra khỏi Chính phủ vì một lý do khác ngay từ ngày 4/5. Ông ta đồng ý cho Cao ủy mới Bollaert và tướng Valluy^[76] đặt ra cho cuộc ngưng chiến do Chính phủ Việt Nam đề nghị những điều kiện hết sức hà khắc. Đây là nhiệm vụ thăm dò của giáo sư Paul Mus đã biến thành một việc trao tối hậu thư, để rồi được nhận một câu trả lời đã trở thành lịch sử của Hồ Chí Minh (ngày 12/5):

“Nếu chúng tôi chấp nhận những điều kiện đó, chúng tôi sẽ là những kẻ hèn nhát. Trong liên hiệp Pháp, không có chỗ cho những tên hèn nhát!”.

Nhưng trên thực tế, chính là người ta lợi dụng câu từ chối bao chờ đợi này để đi tới theo cái hướng kia, là tìm kiếm những “tay chân”, những “người bạn của nước Pháp” và thành lập với họ cái “chính phủ thay thế” mà người ta từng đã ước mơ từ tháng 8/1946 đến bây giờ.

Chính phủ Ramadier còn không biết, một cách rất “tuyệt vời”, một đề nghị khác nữa, vào tháng 8/1947, nghiêm túc và nhất quán của Chính phủ Hồ Chí Minh vừa được mở rộng thêm đồng thời loại bỏ một số phần tử “cực đoan” đáng kể. Bức công hàm do ông Gilbert, đại sứ Pháp tại Bangkok chuyển, lần này đã bị giấu biến đi không đến tay đích thân Tổng thống nước Cộng hòa Pháp, đúng vào cái thời điểm quyết định phải lựa chọn nên theo chiến lược nào.

Sau nữa, vào mùa thu 1947, Valluy vừa trình bày với Ramadier sự cần thiết phải “gây ra một thứ nội chiến giữa người Việt Nam với nhau”, vừa phát động một cuộc “tấn công đại quy mô” nhằm vô hiệu hóa, thậm chí bắt sống cả Chính phủ Hồ Chí Minh để có thể điều đình ở thế mạnh với Bảo Đại và “tiến hành thành lập, dưới sự che chở của ông ta, một Chính phủ Việt Nam được chúng ta công nhận và chống lại các lãnh tụ Việt Minh đã trở thành phản loạn”.

Hồ Chí Minh thoát được cuộc vây bắt gần Bắc Cạn, nhưng đành phải giữ im lặng một thời gian. Bộ Tham mưu đã “ghi điểm”, có đạt được một thắng lợi chiến thuật: làm tan rã lực lượng quân thù mà giờ đây coi như mất khả năng chiến đấu. Một bản báo cáo quân sự gửi cho Thủ tướng Chính phủ đề ngày 20/12, khẳng định:

“Các cuộc hành quân ở Bắc Kỳ đã cho phép chúng ta cắt đứt hết các con đường buôn lậu qua Trung Quốc và cụ thể hóa trên bình diện quốc tế sự hiện diện của chúng ta tại biên giới Trung Hoa bằng việc chiếm đóng Cao Bằng và Lào Cai; nó cho phép chúng ta làm tan rã bộ máy quân sự và chính trị của Việt Minh, chủ yếu do chiếm được một lượng thiết bị hết sức quan trọng, trên bình diện chính trị, nó cho phép chúng ta đạt được những kết quả thiết thực, mở đầu cho một trào lưu tập hợp lại với nhau những dân tộc ít người ở vùng biên giới cũng như giữa những phần tử thuần túy An Nam. Hơn nữa, tác động nhà nước Việt Nam giờ đây hầu như không còn nữa, do sự tan vỡ rối loạn của hệ thống điều khiển và do sự bất ổn định của những cơ quan chính thức hoặc bí mật đã bị phân tán...”

“Sau những cuộc hành quân đang diễn ra này, quân đội Việt Minh sẽ không còn được coi là một phương tiện áp lực trên bình diện chính trị nữa, vì trên bình diện quân sự nó sẽ lâm vào tình thế phải sống cảnh nay đây mai đó của những tên du kích hoặc những phường cướp biển...”

“Đảng Việt Minh, thực chất là cộng sản,...ngày càng có vẻ muốn rút lui vào bí mật bằng cách giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc chiến đấu cho một nhóm người sành sỏi về phương pháp hoạt động cách mạng. Mục đích của họ là quấy rối chúng ta trong công việc bình định, bằng cách luôn luôn duy trì một tình trạng loạn lạc và bất an ninh... Phương tiện hoạt động của họ là ám sát, phá hoại và chiến tranh du kích được tiến hành do những toán quân mà tính chất chủ yếu là sự phân tán...”

“Tóm lại, những cuộc hành quân hiện tại đã đạt được những thành công không ai có thể phủ

nhận, nó đòi hỏi phải được khai thác triệt để trên bình diện chính trị”...

- Đưa Bảo Đại Vào tròn

Từ mùa xuân 1947, cựu hoàng đế Bảo Đại, cư trú tại Hồng Kông, là đối tượng của những áp lực và kêu gọi, do các nhà đương cục Pháp khuyến khích hoặc khiêu khích, mời ông ta trở lại sân khấu chính trị và cầm đầu phong trào quốc gia. Ngày 18/9, Bảo Đại tuyên bố sẵn sàng thăm dò những con đường hòa bình và bàn bạc với nước Pháp. Đầu tháng 11, Bollaert đề nghị một cuộc gặp gỡ với ông ta.

Ngày 19/11, Ramadier từ chức và Robert Schuman, một người của phong trào Cộng hòa bình dân (MRP), thay ông, ngày 22, đứng đầu Chính phủ. Phong trào Cộng hòa bình dân đồng thời cũng cầm đầu đường lối chính trị Đông Dương, và trong một thời gian dài. Paul Coste-Floret, quả nhiên, thay thế Marius Moutet tại Bộ Pháp quốc Hải ngoại. Coste-Floret hoàn toàn chống lại mọi ý đồ nổi lại đàm phán với Hồ Chí Minh.

Cuối cùng, Bollaert đã có thể gặp Bảo Đại tại vịnh Hạ Long (ngày 6-7/12). Bảo Đại vẫn thận trọng, nhưng ông ta yêu cầu nước Pháp dừng bao giờ điều đình với ông Hồ nữa. Tuy nhiên, ông cũng nhận ký tắt vào một bản tuyên bố chung và một nghị định thư nêu lên những nguyên tắc của quan hệ Việt-Pháp sau này.

Phong trào Cộng hòa bình dân bèn lao ngay vào cuộc chiến tranh. Ngày 23/12/1947, Nội các ủy nhiệm cho Bollaert được quyền “tiếp tục bên ngoài Chính phủ Hồ Chí Minh mọi hoạt động và mọi cuộc đàm phán cần thiết cho việc lập lại hòa bình và tự do trên các nước Việt Nam”. Những lý do nêu lên để loại trừ ông Hồ Chí Minh ra là vì ông đã khước từ những điều kiện mà Pháp đưa ra ngày 10/9 (điều này không đúng) và vì ông đã tham gia Quốc tế cộng sản (cũng không đúng nốt).

Vậy là bắt đầu một cuộc điều đình dài dòng và chán ngấy với Bảo Đại, tại đất Pháp trước, sau thì tại Hồng Kông. Đúng như thế, Bảo Đại ý thức được mình đã bị đưa vào tròn ở vịnh Hạ Long, nhất định không chịu nhượng bộ bất cứ một điều gì chừng nào nước Pháp chưa chấp nhận cho Việt Nam được thống nhất và độc lập - hai điều mà Bidault cùng với cả đảng của ông ta luôn luôn phản đối. Đối với phong trào CHBD, cũng như, nói chung, đối với tất cả cánh hữu, Liên hiệp Pháp (tức là nước Pháp) phải là người chủ của nền ngoại giao, của nền quốc phòng, mà cũng là người chủ của kế hoạch kinh tế và cả kế hoạch văn hóa của toàn bộ Đông Dương.

Cuối cùng thì người ta đã tìm được sự thỏa thuận với những phần tử quốc gia Việt Nam chống cộng cũng như với những người Nam Kỳ chủ trương tự trị, vì chính là cùng với và bằng những người miền Nam mà Bảo Đại định thống nhất đất nước. Tháng 5/1948, nước Pháp chấp nhận đề nghị của Bảo Đại là thành lập một “Chính phủ trung ương lâm thời của Việt Nam”. Chính phủ này lúc đầu định giao cho Ngô Đình Diệm, nhưng cuối cùng lại là một người Nam Kỳ, tướng Nguyễn Văn Xuân, làm thủ tướng, bởi vì, về phía ông ta, Nguyễn Văn Xuân nhận ký bản nghị định thư bí mật mà Bảo Đại đã ký tắt tại vịnh Hạ Long hồi tháng 12/1947 và sau đó lại phủ nhận như là “rõ ràng không đầy đủ”. Sứ mệnh của Chính phủ trung ương lâm thời này là ký kết với Pháp một tam ước “ở tầm cỡ hạn chế nhưng có hiệu lực tức thời”; điều này, đối với Bảo Đại, sẽ cho phép kiểm nghiệm sự thành thực - và cả ý đồ - của nước Pháp.

Vậy là ngày 5/6/1948, tại vịnh Hạ Long, Nguyễn Văn Xuân đã ký trước sự hiện diện của Bảo Đại, bản “tuyên bố” sau đây, mà sau khi công bố, đã bắt đầu ràng buộc với nhau hai nước Pháp và Việt Nam.

“1. Nước Pháp trình trọng công nhận nền độc lập của nước Việt Nam; và nước Việt Nam có quyền tự do thực hiện thống nhất đất nước. Về phía mình, nước Việt Nam tuyên bố gia nhập Liên hiệp Pháp với tư cách là Quốc gia hợp tác với Pháp. Nền độc lập của Việt Nam không có

hạn chế nào ngoài những hạn chế do việc nó tham gia vào Liên hiệp Pháp quy định.

“2. Nước Việt Nam cam kết tôn trọng những quyền và những lợi ích của các quốc dân Pháp, tôn trọng về mặt hiến pháp những nguyên tắc dân chủ và ưu tiên kêu gọi sự giúp đỡ của các cảnh sát cố vấn và kỹ thuật viên Pháp trong các nhu cầu tổ chức nội trị và kinh tế.

“3. Ngay khi đã thành lập được một chính phủ lâm thời, các đại biểu Việt Nam sẽ trao đổi với các đại diện của nước Cộng hòa Pháp những sự dàn xếp hợp lý về các lĩnh vực văn hóa, ngoại giao, quân sự, kinh tế, tài chính và kỹ thuật”.

Bản nghị định thư ngày 7/12/1947, giờ đây do Nguyễn Văn Xuân ký, tuy vậy vẫn là bí mật.

Nhưng Chính phủ Pháp không muốn chuyển giao một quyền hành thực tế nào, một chủ quyền nào cho Xuân cả. Nó chỉ muốn Bảo Đại và một mình Bảo Đại thôi, đứng đầu “nước vệ sinh” Việt Nam. Nó tưởng lầm vị cựu vương này dễ sai khiến, sinh ra để sống “dưới ảnh hưởng” của kẻ khác. Nó không để cho Nguyễn Văn Xuân thực hiện thống nhất, có nghĩa là thanh toán cái chế độ Nam Kỳ tự trị đi. Việc phê chuẩn thỏa ước vịnh Hạ Long tỏ ra khó khăn và cuối cùng đạt được là do một cuộc bỏ phiếu lập lờ (8/1948).

Thất vọng và hết nhiệm kỳ, tháng 10/1948 Bollaert đành nhường chỗ cho Léon Pignon, mà người ta đã thấy rõ vai trò trong toàn bộ vấn đề này từ năm 1945. Được Chính phủ Queuille cử làm Cao ủy, Pignon nối lại cuộc đàm phán với Bảo Đại trên những cơ sở khác, vì Bảo Đại tuyên bố mãi mãi chỉ là một “tư nhân”. Chính phủ Hồ Chí Minh, suy yếu đi rất nhiều và bắt buộc phải phân tán ra, lúc này giữ một thái độ dè dặt, vừa lo tổ chức lại lực lượng.

Cuối cùng hai bên đã đi đến được một hiệp định sẽ ký vào ngày 8/3/1949, tại Élysée, giữa Vincent Auriol, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp và Liên hiệp Pháp và Hoàng đế Bảo Đại. Về thực chất, nó chẳng khác gì mấy so với cái mà người ta đã sắp sửa ký được với Hồ Chí Minh sau hội nghị Fontainebleau vào hồi đầu tháng 9 năm 1946. Gần 3 năm đã bị mất đi, và nhất là chiến tranh đã xảy ra và đã phá hoại đi một phần rất lớn cái mà đã từng muốn cứu lấy năm 1946. Nhưng Bảo Đại nói rõ rằng ông sẽ không trở về Việt Nam để đứng đầu “Chính phủ lâm thời” chừng nào Nam Kỳ chưa được trả lại cho Việt Nam. Nước Pháp, lần này, buộc lòng phải chuyển sang hành động.

Trong vòng hai tháng, mọi việc đều được thực hiện một cách vội vã: biểu quyết một đạo luật của Pháp thành lập một Quốc hội cho lãnh thổ Nam Kỳ, bầu cử đại biểu của Quốc hội này; biểu quyết của Quốc hội theo yêu cầu của “Quốc gia đại sự”, và cuối cùng là chuyển Nam Kỳ cho Việt Nam.

Bảo Đại bèn quyết định trở về Việt Nam (ngày 28/4/1949). Ông cư trú tại Đà Lạt, xác định Xuân là Thủ tướng Chính phủ lâm thời. Ông nhận cho mình chức vị Quốc trưởng của một “Quốc gia Việt Nam” lúc đó vừa được công bố.

• Nước Việt Nam, chiến trường giữa phương Tây và phương Đông

Vậy là một Quốc gia Việt Nam thứ hai ra đời, lần này do người Pháp đẻ ra, nhưng nó lại muốn thực hiện quyền lực của mình trên cùng một lãnh thổ với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trên thực tế và trên những nét đại khái, thì quân đội Pháp chiếm đóng các thành phố, còn nông thôn thì nằm dưới quyền của các lực lượng dân quân của Hồ Chí Minh.

Chẳng phải một nước quân chủ, cũng chẳng phải một nước cộng hòa, cái “Quốc gia Việt Nam” này không có cơ sở nhân dân, không có Quốc hội, ngay một Quốc hội tư vấn cũng không có, không có Hiến pháp và trong nhiều năm, không có cả ngân sách. Một vài cái gọi là Đảng chính trị của nó chỉ là những đoàn thể, những bè phái lộng quyền, những môn khách của các nhân vật

tai mắt. Nó hoàn toàn phụ thuộc vào quân đội, cảnh sát và ngân khố của nước Pháp. Nó sắp sửa phát triển thành một chế độ cung đình, trong đó những âm mưu sẽ được kết cấu ngay trong lòng, hoặc xung quanh, “nội các hoàng gia”, thực chất là một “phòng chính trị”. Nhà vua ở đây gọi cái ấn tượng mình hầu như chỉ còn là một biểu tượng mà thôi. Ở đằng sau là những cuộc đi săn, những sông bạc, những người đàn bà, những địa vị, đồng bạc. Đối với chế độ đó, Hồ Chí Minh chỉ còn là “một kẻ phiền loạn”, cần phải tiêu diệt, cần phải triệt hạ hoặc cưỡng bức đầu hàng. Người ta đang đi đúng “quỹ đạo” của những công hàm định hướng của Pignon hồi đầu năm 1947.

Trong mùa hè 1949, Trung Quốc ngả về thế giới cộng sản. Thượng Hải thất thủ cuối tháng Tư. Ngày 01/10, Mao Trạch Đông tuyên bố tại Bắc Kinh “Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” ra đời, và tháng 12, quân đội của nó đã đến biên giới Việt Nam. Đây là lúc, sau bao nhiêu tháng thương lượng với trên 50 thỏa ước và hiệp định, cuối cùng nước Pháp mới chuyển giao cho Việt Nam chủ quyền của nó (30/12/1949). Nó yêu cầu các nước Đồng minh ở Đại Tây Dương và các nước khác trên thế giới công nhận “Quốc gia Bảo Đại” ấy là “Quốc gia Liên hiệp”, hoàn toàn giống như Lào và Campuchia - hai nước này cũng đã được chuyển chủ quyền như vậy. Washington và Luân Đôn đã thận trọng, hoãn lại mọi quyết định cho đến khi các hiệp định Pháp - Việt được Quốc hội Pháp phê chuẩn.

Nhưng Chính phủ Hồ Chí Minh, từ trong vùng núi non sâu thẳm của Bắc Kỳ mà họ rút về ẩn lánh, đã lên tiếng tuyên bố với thế giới rằng họ nhận sự chuyển giao chủ quyền Pháp sang cho Việt Nam, nhưng chính họ mới là Chính phủ duy nhất hợp pháp của nước Việt Nam đó. Vậy nên họ yêu cầu tất cả các chính phủ trên thế giới công nhận họ đúng với tư cách nói trên. Ngày 16/1/1950, nước Trung Hoa của ông Mao công nhận Việt Nam; tiếp theo, ngày 31/1, là Liên bang Xô viết rồi dần dần, là các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu. Mạc Tư Khoa đặt quyết định của mình trên cơ sở hiệp định mong 6/3/1946 mà Pháp đã ký với nước Việt Nam ĐCCH và rõ ràng là nước Cộng hòa ấy được nhân dân ủng hộ và đang thực thi quyền lực của mình trên phần lớn lãnh thổ đất nước. Hồ Chí Minh đã đích thân đi Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa điều đình các chương trình viện trợ tiếp theo sự công nhận này và ông Hồ đã được gặp trực tiếp Staline (tháng 4/1950).

Washington và Luân Đôn lúc này phải công nhận Bảo Đại (tháng 2/1950), trong khi Paris, từ đây, không còn có thể đặt quan hệ ngoại giao với Bắc Kinh (như họ đã có ý định) nữa.

Vậy là Việt Nam, tháng 2/1950, trở thành sân khấu của một sự đương đầu giữa hai khối mà Pháp và Việt Nam ĐCCH đứng ở vị trí trung gian, Hoa Kỳ sẽ giúp Pháp áp đặt Bảo Đại; Trung Hoa thì sắp sửa giúp cho ông Hồ Chí Minh những phương tiện để đảo ngược tình hình có lợi cho Trung Hoa. Việc Hoa Kỳ nhảy vào trường đấu sẽ làm lóa mắt phe hữu Việt Nam, đến mức độ nước Pháp, giờ đây, chỉ còn hiện lên như một trạm nghỉ chân - vẫn bổ ích, nhưng chỉ là nhất thời - của Washington mà họ mong muốn được quan hệ trực tiếp. Pignon hốt hoảng trước sự xoay chiều ấy, ngay từ tháng 3 năm 1950 đã tự vấn mình về ý nghĩa của cuộc đấu tranh này. Tiếp tục cuộc chiến tranh để làm gì? Hy sinh bao nhiêu sinh mạng, bao nhiêu nghị lực và tài sản của người Pháp, để làm gì?. Đây là bước đầu của chủ nghĩa hoài nghi, của lòng ngờ vực, của sự tuyệt vọng.

Với việc phát động cuộc chiến tranh Triều Tiên, tháng 6/1950, vấn đề đương đầu trực tiếp với Trung Quốc ngày càng rõ nét. Quân đội nhân dân Việt Nam (ĐCCH) được Trung Quốc trang bị, tháng 9/1950, đã đâm một quả đấm đầu tiên ra trò. Việc Pháp rút khỏi Cao Bằng đã trở thành một tai họa lớn, buộc người Pháp phải bỏ luôn cả Lạng Sơn và toàn bộ biên giới. Việt Nam và Trung Quốc giờ đây đã có một biên giới chung rất dài. Vũ khí và tiếp phẩm của Trung Quốc sắp sửa đổ sang cho ông Hồ Chí Minh. Tướng Juin, được Chính phủ Plevin giao trách nhiệm kiểm tra lại tình hình, cũng tự hỏi, trong bản báo cáo ngày 31/10/1950, có nên chẳng tiếp tục chiến tranh.

“Còn lại một điều nữa là tìm hiểu xem nước Pháp có còn cho rằng những con số tiêu phí to lớn

về tiền bạc và mạng người mà chúng ta đã phải chịu đựng từ năm nay, trong khi nó gây tai hại cho nền an ninh của chúng ta ở phương Tây, có được đền bù qua những lợi ích do việc sát nhập Đông Dương vào Liên hiệp Pháp mang lại cho chúng ta hay không. Nếu đất nước không nghĩ như vậy nữa, thì phải đặt nó đối diện với hai giải pháp khả dĩ chấp nhận lúc đó là:

“1. Điều đình với Hồ Chí Minh... Đây sẽ là một lời thú nhận bất lực chắc chắn sẽ gây một tiếng vang lớn trên toàn bộ nước Pháp hải ngoại, chưa nói đến những hậu quả chính trị của sự bỏ cuộc như vậy và những suối máu có thể sẽ chảy trên đất Đông Dương.

“2. Đưa vấn đề lên bình diện quốc tế, tức Liên Hiệp Quốc. Giải pháp này sẽ cho phép rút dần phần lớn lực lượng của chúng ta ra qua các kỳ thay thế quân ta bằng quân các nước thường trực khác của LHQ. Vẫn sẽ là một sự bỏ cuộc tinh thần và chắc chắn sẽ cần nhiều thời gian Hội đồng Bảo An mới chịu phát biểu ý kiến của mình về một hành vi xâm lược khó phân tích đặc tính.

- Cái đó tùy nước Pháp lựa chọn.

Lần này, Pignon sẽ không còn “sống” nổi sau tai họa. Đơn từ chức của ông ta được chấp nhận, trong khi một cử chỉ thăm dò hòa bình khác của Hồ Chí Minh, vừa mới hình thành, đã vội vàng bị chính Vincent Auriol gạt đi (tháng 11/ 1950).

Tướng De Lattre de Tassigny được cử làm Cao ủy kiêm tổng tư lệnh (6/12/1950). Để cứu vãn tình hình, Chính phủ thấy cần thiết phải thực hiện sự thống nhất lãnh đạo quân sự và dân chính. Bằng một hành động kiên quyết và tức thời, De Lattre củng cố lại tinh thần quân đội, khích lệ binh lính, giáng cho tướng Giáp những tổn thất nặng nề. Ông ta sẽ tạo ra được một thời gian nghỉ ngơi 13 tháng, cho đến ngày ông ta tạ thế, tháng giêng năm 1952, ngày hôm sau của trận Hòa Bình không phân thắng bại. Ông đã áp dụng quyết định của Chính phủ, lần này, là tạo ra một “quân đội quốc gia Việt Nam”. Vậy đây chính là bước đầu: “Việt Nam hóa chiến tranh”, là sự phát động cuộc nội chiến mà Valluy và Pignon đã từng cầu mong và dấn dò gửi gắm, vẫn luôn luôn nhằm một mục đích: “đề bẹp cuộc phiến loạn Việt Minh” (theo nguyên văn). Do Bảo Đại tuyển, do người Pháp huấn luyện, do Hoa Kỳ vũ trang, thiết bị và tài trợ rộng rãi, cái “quân đội quốc gia Việt Nam” đông đến 200.000 người vào cuối năm 1952 ấy, được sử dụng để thay thế quân đội Pháp trong cuộc chiến đấu chống Việt Minh cộng sản. Từ đó, Mỹ cũng nhúng tay vào cuộc, bởi vì trước con mắt họ, Hồ Chí Minh như là một đồng minh của Mao Trạch Đông; mà Mao Trạch Đông giờ đây đã tiến công quân Đồng minh tại Triều Tiên (tháng 10/1950). Triều Tiên hay Đông Dương, vẫn là cuộc chiến đấu ấy cả.

Ít lâu sau khi Staline mất (1953), và chiến sự Triều Tiên đã chấm dứt rồi, ở châu Á, chỉ còn lại một mình nước Pháp theo đuổi một cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh chống lại kẻ thù do chính nó tạo ra cho mình: Hồ Chí Minh và quân đội của ông, mà thế mạnh quân sự cũng như chính trị ngày một phát triển, trong khi chế độ Bảo Đại ngày càng mất uy tín và tỏ ra bất lực. Chắc chắn đây không phải là con ngựa tốt nhất mà cánh hữu của nước Pháp đã chọn nhằm chứng minh cho Việt Nam thấy như thế nào là tự do và dân chủ rộng rãi. Còn Trung Quốc thì đã có được Việt Nam ĐCCH với Đảng Cộng sản hoạt động bí mật từ 1945, nay trở lại hoạt động công khai. Đảng Lao động Việt Nam đã tiếp tục, tháng 2 năm 1951, sự nghiệp của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ghi nhận việc nước Pháp chính thức giải thể Liên bang Đông Dương (tháng 11/1950), những người cộng sản Việt Nam, Khome và Lào đã quyết định mỗi nước sẽ có một đảng (cộng sản) quốc gia, nhưng họ sẽ tiến hành chung cuộc đấu tranh “chống bọn thực dân và đế quốc”.

Các tướng lĩnh Pháp từ đó muốn “tiêu diệt Việt Nam”, hòng có thể, một ngày kia, đàm phán ở thế mạnh. Họ tưởng có thể giới hạn sự bành trướng và sự cơ động của các lực lượng của Giáp, chẳng hạn khóa cửa nước Lào bằng cách cho một đạo quân con con đóng ở đất của người Thái, trong thung lũng Điện Biên Phủ (tháng 11/1953). Chẳng bao lâu sau, tướng Giáp sẽ mang quân

bao vây Điện Biên Phủ, trong lúc ông Hồ Chí Minh, một lần nữa, đưa tin sẵn sàng đàm phán với Pháp nếu Pháp chịu chấm dứt chiến sự, công nhận nền độc lập thực tế của Việt Nam và rút quân đội về. Giờ đây, chiến tranh lan rộng sang Campuchia và Lào. Ở miền Nam, chiến tranh du kích hoạt động dữ dội từ sáu năm nay.

Lần này, nước Pháp nghiêm túc nghĩ tới việc đàm phán. Nó đã chọn “giải pháp quốc tế”. Nó tưởng có thể, nhờ sự tiếp tay của các đồng minh, đòi được từ phe cộng sản, từ Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh, bề ngoài đang có vẻ sốt ruột muốn hòa dịu, chịu bỏ rơi Hồ Chí Minh để đổi lấy một số nhượng bộ về kinh tế. Chẳng phải là Mạc Tư Khoa đã từng có lúc buông rơi Markos tại Hy Lạp đó sao? Một cuộc hội nghị quốc tế, nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh Triều Tiên và Đông Dương, được 4 cường quốc (Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc) họp tại Berlin tháng 1/1954 quyết định. Cuộc hội nghị này khai mạc tại Genève đúng vào lúc tướng Giáp, ngày 7/5/1954, chiếm được Điện Biên Phủ.

• Genève và sự trở lại “ô xuất phát”

Để tiến hành được cuộc hội nghị và những cuộc đàm phán, bắt buộc nước Pháp lần này phải chấp nhận, không phải “đảng Việt Minh phiến loạn”, mà là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Liên Xô cùng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công nhận và ủng hộ. Nhưng Paris vẫn tìm cách che giấu được thất bại chính trị nặng nề này. Chính phủ Laniel - Bidault tuyên bố: đến Genève chỉ để đi tìm một cuộc ngưng bắn, chứ không phải một giải pháp chính trị; giải pháp chính trị là việc mà Quốc gia Việt Nam sẽ bàn định sau này. Vì vậy Bidault đề nghị một cuộc ngưng bắn tại chỗ (giải pháp gọi là “da báo”), như vậy sẽ cho phép cách ly quân đội nhân dân và quân đội du kích của ông Giáp ra để sau này điều đình về sự “sắt nhập” hoặc sự “đầu hàng” của Việt Minh đối với chế độ Sài Gòn. Nhưng đối phương sẽ nói cho ông ta hiểu rằng một cuộc ngưng bắn chỉ có thể quan niệm được khi có một thỏa thuận tối thiểu về chính trị kèm theo và tình hình quân sự không còn thuận lợi cho Pháp nữa.

Do Bidault quyết liệt bảo vệ quan điểm của ông ta, lại còn đe dọa, nếu Việt Minh cố chấp, thì ông ta sẽ để cho Hoa Kỳ can thiệp vào Đông Dương, Chính phủ Laniel bị Quốc hội đánh đổ hôm 12/6/1954.

Nước Việt Nam DCH, qua Phạm Văn Đồng, đã đưa ra một kế hoạch đề nghị, ngoài việc chấm dứt chiến sự, việc rút mọi quân đội nước ngoài ra khỏi Việt Nam, sau đó là tổng tuyển cử và một sự hợp tác kinh tế và văn hóa với nước Pháp.

Ngày 10 tháng 6, phái đoàn Phạm Văn Đồng đề nghị bí mật với Pháp một sự phân chia quân sự tạm thời có tính chất khơi mào cho một sự hợp tác sau này giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Pháp, cho phép Pháp vẫn giữ lại những vị trí cơ bản của mình tại Đông Dương mà không cần đến sự giúp đỡ của Mỹ.

Lúc này, Pierre Mendès France đã thay thế Laniel, và ông ta đã nhận ngay tức thời phải giải quyết những vấn đề chính trị với quân sự. Tuy nhiên, cả ông ta nữa cũng tỏ ra không hiểu gì hơn Bidault về ý nghĩa sâu xa của bức công hàm ngày 10 tháng 6 (của phái đoàn Việt Nam) cả.

Hiệp định Genève, do ông ký kết, ngày 20/7/1954, qua mặt Bảo Đại - lúc này rất dè dặt - và bất chấp cả sự phản đối của thủ tướng mới của Chính phủ Sài Gòn Ngô Đình Diệm, đã đánh dấu sự kết thúc chiến tranh tại Đông Dương và sự thất bại cuối cùng của một chiến dịch 7 năm trời ròn rã, hoàn toàn vô ích.

Căn bản mà nói, hiệp định Genève dự kiến một sự phân chia tạm thời nước Việt Nam thành hai miền để tập kết các lực lượng quân sự của hai bên, trong lúc chờ đợi cuộc tổng tuyển cử tự do, dưới sự kiểm soát quốc tế, cho phép nước này tự trang bị cho mình một chính phủ quốc gia duy nhất và được bầu ra theo nguyên tắc dân chủ. Các nhà đương cục hai miền sẽ gặp nhau bàn

bạc kể từ 1955 để chuẩn bị tổ chức những cuộc tuyển cử đó, chậm nhất vào tháng 7/1956.

Đường ranh giới tạm thời giữa hai miền là vĩ tuyến 17. Từng đợt một, các lực lượng của Liên hiệp Pháp sẽ lui về phía Nam đường ranh giới ấy, còn lực lượng của Việt Nam DCCH thì sẽ tập kết ra phía Bắc.

Nước Pháp vẫn rất mạnh ở miền Nam, với tất cả những lợi ích chính trị về kinh tế, văn hóa và chiến lược, nhưng ngay từ ngày 21/7/1954, Pháp đã thỏa thuận với Chính phủ Ngô Đình Diệm (mà Pháp thừa nhận là chính phủ duy nhất hợp pháp) sẽ rút quân đội Pháp khỏi miền Nam khi nào Sài Gòn yêu cầu. Nhưng được sự ủng hộ của Mỹ, Diệm từ chối những điều khoản chính trị trong bản thỏa hiệp đó; vậy là cơ may tổ chức các cuộc tuyển cử, cái giá của cuộc ngưng chiến, chỉ còn rất mong manh và Pháp đã tự mình tước mất đi của mình những phương tiện để bảo đảm sự thi hành các hiệp định mà nó đã ký kết.

- “Chính người Mỹ mới là lãnh tụ...”

Ngay từ bây giờ, “phương Tây” sắp sửa mất miền Bắc Việt Nam và Washington muốn bịt ngay lỗ hổng càng sớm càng hay, lập lại ở vĩ tuyến 17 cái pháo đài tiền tiêu ngăn chặn Trung Hoa và cộng sản. Mỹ phải trang bị cho Đông Nam Á một bản hiệp ước, tương tự bản hiệp ước Bắc Đại Tây Dương, để thực hiện cả ở đây nữa mặt trận các cường quốc phương Tây và các Đồng minh tại chỗ của nó. Người ta quyết định ký bản hiệp ước đó tại Manila vào ngày 8/9/1954. Ngày 5, Mendès France chỉ thị cho Guy la Chambre, bộ trưởng đại diện cho nước Pháp tại buổi ký kết này, như sau:

“Tôi gạt đi hết mọi ý định toan hướng đường lối chính trị ở Việt Nam dẫn đến kết quả cuối cùng là một sự cố gắng hòa hợp với Bắc Việt... Chúng ta đã từng mong muốn được đại diện một cách có hiệu lực ở Hà Nội như thế nào thì chúng ta cũng cần thiết bảo vệ sự độc lập của đường lối chính trị mà chúng ta thực hiện ở Nam Việt như thế ấy. Điều này không được dẫn tới bất cứ một sự mơ hồ lầm lẫn nào.

“Phương hướng chính trị của chúng ta ở miền Nam Việt Nam phải được nghiên cứu thỏa thuận với Hoa Kỳ. Chúng ta đã gặp nhiều khó khăn với họ ở những vấn đề khác rồi. Không được có thêm những duyên cớ phụ để đối lập với họ tại Việt Nam nữa. Vậy là nhất thiết phải lợi dụng hội nghị Manila để cùng với họ nghiên cứu những nghị quyết cần phải có và thực hiện một hiệp định chính trị không thể thiếu được tại Sài Gòn”.

Ngày 29/9, trong khi Mỹ nhận sẽ tài trợ trong một thời gian nữa cho sự hiện diện quân sự của Pháp tại miền Nam Việt Nam, một nghị định thư được ký tại Washington giữa La Chambre và phó Quốc vụ khanh Bedell-Smith: hai nước sẽ lựa chọn tại Việt Nam một đường lối chính trị chung nhằm “bảo vệ nền độc lập của các nước Liên hiệp”. Hai chính phủ thỏa thuận với nhau “để chống lại một cách kiên quyết sự phát triển ảnh hưởng hoặc sự kiểm soát của phong trào Việt Minh”, được coi như “một lực lượng cộng sản xâm lược trái với ý niệm và quyền lợi của nhân dân tự do các nước Liên hiệp, của Pháp và Hoa Kỳ”. Hai chính phủ sẽ ủng hộ Diệm “trong việc xây dựng và duy trì một chính phủ mạnh chống cộng và quốc gia” và sẽ hoạt động nhằm “lôi cuốn mọi phần tử chống cộng ở Việt Nam... cộng tác triệt để với Chính phủ Ngô Đình Diệm, mục đích là để phản ứng mạnh mẽ đối với Việt Minh và xây dựng một nước Việt Nam tự do và hùng cường”.

Trở về Paris, La Chambre báo cáo lại rằng trong các cuộc hội kiến với Washington, ông ta “luôn luôn bám sát phương châm mà thủ tướng Mendès France đã vạch ra, tức: tại vùng Đông Nam Á, chính người Mỹ là lãnh tụ của Liên minh”. Như vậy, về tinh thần, nước Pháp đã hoàn toàn tự xếp mình vào hàng ngũ của Washington và đi theo đường lối chính trị của Dulles. Mạnh thêm vây cánh, Eisenhower, trong một bức thư riêng, bèn cam đoan với Ngô Đình Diệm sẽ ủng hộ ông ta hoàn toàn về phương diện vật chất với điều kiện thực hiện một vài cải cách. Từ ngày

8/11, một đại sứ của Nhà trắng đến Sài Gòn; sau đó chẳng bao lâu là một phái đoàn quân sự Mỹ. Cái phối cảnh của cuộc chiến tranh Việt Nam thứ hai đã được dựng lên.

- Hồ Chí Minh và Sainteny: những giờ phút tái ngộ

Kẻ thù hôm qua (và cả hôm nay nữa) vẫn luôn luôn còn kia. Phải làm gì đây? Có nên chẳng chỉ “để nó ở bên ngoài” hệ thống, như d’Argenlieu đã chấp nhận ngày 2/8/1946? Được Mendès France thăm dò ý kiến từ đầu tháng 7 để trao trách nhiệm làm Tổng đại diện Pháp tại miền Bắc Việt Nam, Sainteny lúc đầu có do dự. Sau khi đã hỏi ý kiến De Gaulle, cuối cùng ông ta đã chấp nhận.

Trên thực tế, việc cử Sainteny, ngày 7/8, làm Tổng đại diện Pháp tại Bắc Việt đã gây lo ngại cho cả Sài Gòn lẫn Washington: họ tự hỏi phải chăng Paris lại sắp sửa “tán tỉnh” ông Hồ Chí Minh? Người ta van nài Mendès France hãy giới hạn đến mức tối đa về nội dung nhiệm vụ của Sainteny.

Ngày 10/10/1954, gần 8 năm phải rời bỏ nó ra đi, Chính phủ Hồ Chí Minh trở về với thủ đô Hà Nội của mình, sau khi quân Pháp vừa rút khỏi. Trừ một vùng rộng xung quanh Hải Phòng - Hòn Gai (mà quân Pháp sẽ phải rút khỏi trong thời hạn 300 ngày), toàn bộ khu vực ở phía Bắc vĩ tuyến 17 sẽ được quân đội Pháp trả lại cho sự kiểm soát của Chính phủ Hồ Chí Minh trong vòng tháng 10 năm đó.

Liền sau khi vừa trở về đóng tại Hà Nội, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã biểu lộ một sự quan tâm tích cực trước tình hình diễn biến của tình hình miền Nam. Ngay từ những cuộc gặp gỡ đầu tiên với Sainteny, Chủ tịch Hồ Chí Minh và bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng đã tìm cách xác định rõ cái chính sách mà cuối cùng nước Pháp mong muốn thực hiện tại Việt Nam.

Trong một bức điện gửi bộ trưởng Guy La Chambre ngày 21/10, Sainteny kể lại như sau cuộc “tiếp xúc trở lại” với Hồ Chí Minh:

“... Đúng là con người của năm 1945-1946 đang đứng trước mắt tôi và sau một giây do dự khá nặng nề, đã lao đến ôm chầm lấy tôi.

“Vẫn giản dị, vẫn coi thường chuyện nghi thức và danh vọng như xưa, ông thể hiện tư cách là người chủ. Sức khỏe của ông hình như đã được hồi phục, và sự vắng mặt những dấu ấn của sự già nua là những biểu lộ bên ngoài của một con người hoàn toàn tự chủ... Không thể nào chối cãi được rằng toàn dân kính mến ông ngoài mọi suy nghĩ chính trị...

“Trong cuộc hội kiến của chúng ta ngày 18/10, ông rất chú ý loại trừ hết tất cả những gì có thể gợi lại hình ảnh cuộc chiến tranh đẫm máu mà người Pháp cũng như Việt vừa mới tức thời thoát khỏi. Ông muốn tiếp tục cuộc đối thoại ở phần mà chúng tôi đã phải tạm ngưng năm 1946 và sẽ không oán trách gì chúng ta về chuyện đã tiến hành cuộc chiến tranh đến cùng suốt 8 năm cũng chẳng oán trách gì riêng tôi vì đã coi tôi như kẻ chết rồi tại đường Paul - Bert ngày 19/12/1946. Vẫn như vậy đó, con đường mà chúng ta còn đang đối diện ngày hôm nay và đang nắm trong tay mình số phận của các vị trí Pháp tại Việt Nam và châu Á... Tuy nhiên, tất cả những điều này chỉ mới được ghi nhận trên một bình diện hoàn toàn cá nhân, và chính là ở đây và bây giờ... mà quan điểm của chúng ta cần được làm sáng tỏ.

“Nước Việt Nam dân chủ tuyên bố sẵn sàng nói chuyện, sẵn sàng đàm phán, sẵn sàng dành cho chúng ta một địa vị rất đáng chấp nhận, nói tóm lại là tôn trọng hiệp định Genève và nghiêm túc thi hành.

“Cho nên cần phải chớp lấy lời tuyên bố đó và buộc ông ta phải “hạ ván bài”, đừng để ông ta có

thời gian nghỉ lại. Hôm nay tôi tin... có thể làm được cái điều vừa nói, nhưng... tôi chỉ làm một cách hoàn toàn thẳng thắn.

“Chúng ta đã nhiều lần thất bại trong khi cố gắng tìm cách giải quyết vấn đề Việt Nam khủng khiếp này, bởi vì ý đồ của chúng ta không minh bạch. Tại nước này, đã quá nhiều lần chúng ta cho tay kia nhưng lại tìm cách lấy lại tay này. Sự ngờ vực mà Thủ tướng Mendès France đã tố cáo một cách có căn cứ tại Genève, đã đầu độc mọi quan hệ của chúng ta và làm cho mọi sáng kiến của chúng ta thất bại, chính là xuất phát từ xu hướng sai lầm đó.

“Vây nhưng, nhưng ý đồ của chúng ta, một lần nữa, vẫn tỏ ra không minh bạch cho lắm trước con mắt của kẻ thù hôm qua của chúng ta. Ngay theo nhận xét của tôi, tôi cũng xin vì tôn trọng sự thực mà thú nhận rằng những ý đồ đó chẳng minh bạch hơn chút nào.

“Bởi vậy một lần nữa, thưa Ngài Bộ trưởng, trước khi tiến lên xa hơn và khai thác cái vị trí thuận lợi tôi vừa khôi phục lại được ở đây, tôi yêu cầu Ngài Bộ trưởng vui lòng vì quý trọng và vì tình bạn mà xác định rõ cho tôi biết cái điều mà Chính phủ đang chờ đợi tôi thực hiện là điều gì.

“Cũng với tinh thần thẳng thắn mà tôi đã tự cho phép mình bộc lộ với Ngài, tôi yêu cầu Ngài đề nghị với Thủ tướng Mendès France đừng để tôi trong tình trạng lập lờ này lâu hơn nữa... Nhất thiết tôi phải được biết có thể dẫn bước vào con đường của hiệp định Genève, với tất cả những hậu quả kéo theo (đặc biệt là việc giữ lại các đồng bào của ta) hay là tôi chỉ ở đây để lừa gạt và, bằng sự hiện diện của tôi trấn an những kẻ đối thoại của chúng ta, trong khi một chính sách cứng rắn rõ ràng đang được thực hiện ở nơi khác. Đây chính là cái thủ đoạn mà tôi không thể nào chấp nhận tiếp tay...

“Tôi đã nhận nhiệm vụ này với điều kiện là tôi sẽ có thể từ chức nếu ở đây tôi đứng trước một công cuộc Xô Viết hóa toàn bộ. Tôi chẳng bao giờ muốn dính líu đến một công cuộc như vậy.

“Cũng trong tinh thần ấy, tôi khước từ việc lấy sự hiện diện của tôi để bảo lãnh cho bất cứ một chính sách tái chinh phục nào, nó sẽ không khỏi làm tiêu tan nốt những phương tiện ít ỏi mà chúng ta còn giữ được nếu không phải là nó sẽ dẫn đến cho chúng ta một sự tái diễn chiến tranh đầy thảm họa.

“Tôi không nghĩ rằng giờ đây chúng ta phải lo sợ gì về con đường thứ nhất. Đúng là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước cộng sản; nhưng nó tỏ ra muốn giữ một sự độc lập nào đó về mặt này. Chính là bằng cách gần gũi nó mà chúng ta vừa tránh cho nó trở thành hoàn toàn là một vệ tinh của Mạc Tư Khoa, vừa tạo cho nó những cơ hội tiếp xúc không thể nào thiếu được đối với phương Tây.

“Con đường này không mở ra cho chúng ta nhiều hy vọng lắm; nó đẩy đẩy những chướng ngại vật đủ loại; nó đòi hỏi chúng ta phải có một đức tính kiên trì siêu phàm. Tuy vậy nó vẫn là con đường duy nhất có thể mang lại cho chúng ta cái may mắn thấy mình được giữ lại ở một vị trí quan sát đặc biệt tại khu vực Đông Nam châu Á nơi mà sự nghiệp của nước Pháp chưa phải đã đến lúc bị xóa bỏ.

“Giờ đây, chắc rằng Ngài đã thấy rõ giá trị của những con bài đã được thử nghiệm ở miền Nam... Vậy thì chỉ duy nhất con bài chúng ta có thể chơi ở đây tỏ ra sẽ không đưa chúng ta đến chỗ bị hoàn toàn hất cẳng. Chính đó là con bài mà chúng ta phải chơi thử, nhưng không được đánh dấu...”

Bên lề bức điện, phó văn phòng của Thủ tướng Pierre Mendès France kiêm cố vấn về các vấn đề chính trị Đông Dương của Thủ tướng, Claude Cheysson, đã ghi, ngày 2/11:

“... Hiện nay, chúng ta yêu cầu ông Sainteny bảo vệ đến mức tối đa lợi ích của nước Pháp và duy trì với các nhà chức trách Việt Nam những mối quan hệ cho phép chúng ta, nếu có cơ hội,

tiền xa hơn nữa một khi chính sách của chúng ta đối với Trung Quốc cũng đến lượt chuyển biến. Không thể nào thúc ép sự kiện đi nhanh hơn. Cũng không thể nào từ bỏ việc củng cố miền Nam Việt Nam chừng nào còn có cơ may củng cố được...

“Ông Sainteny... trong mọi trường hợp, sẽ phải cảnh giác chống lại một sự hấp tấp quá vội vàng và cái xu hướng rất đậm nét muốn đơn giản hóa quá mức các vấn đề”.

- Nước Pháp bỏ cuộc

Tại Genève, Mendès France đã biểu lộ lòng mong muốn cùng với Việt Nam ĐCCH nghiên cứu những biện pháp nhằm đi đến một giải pháp chính trị thích đáng và công bằng phù hợp với những nguyên tắc đã được nêu lên tại Genève. Trong một bức thư gửi cho ông Phạm Văn Đồng ngày 22/7, ông ta còn dự kiến cả một chuyện hợp tác kinh tế. Mặc dù có những cam kết bảo đảm chung được ghi rõ trong một hiệp định ký ngày 11/12/1954, hầu như toàn bộ các xí nghiệp Pháp đang hoạt động tại miền Bắc có ý muốn dọn đi hơn là ở lại dưới chế độ Hà Nội.

Ngày 30/12/1954, trước vài nhà báo phương Tây, Phạm Văn Đồng nói một cách khẩn khoản:

“Chính phủ nhân dân chân thành mong muốn thiết lập với Pháp những quan hệ kinh tế vì những lý do vừa kinh tế vừa chính trị. Đó là vấn đề lợi ích của chúng tôi cũng như của nước Pháp. Điều này không ngăn trở chúng tôi thiết lập quan hệ với các nước bạn khác như Trung Quốc, nhưng chúng tôi đã quen làm việc với người Pháp và chúng tôi có thể tiếp tục trên cơ sở bình đẳng và đôi bên cùng có lợi”.

Phạm Văn Đồng phàn nàn về việc Chính phủ Mendès France không tiếp tục chính sách của mình đã được khơi mào tại Genève.

“Nước Pháp phải lựa chọn giữa Washington và Hà Nội, và chỉ có chính sách thứ hai (chọn Hà Nội) này mới cho phép nước Pháp duy trì được những vị trí chính trị và kinh tế ở khu vực Thái Bình Dương. Vậy nhưng nước Pháp lại đi theo hướng Washington. Nó đã đi Manila để ký một hiệp ước xâm lược. Nước Pháp do dự. Đáng lý thì một chính sách phải được xây dựng trên những cơ sở vững chắc. Người ta không thể làm xiếc hoài... Hẳn là sẽ có những khó khăn trong việc lập những quan hệ giữa hai nước chúng ta, nhưng những khó khăn đó không phải không khắc phục được nếu chúng ta cố gắng chân thành để giải quyết. Chúng tôi cần bạn và chúng tôi muốn coi người Pháp là bạn. Lợi ích của nước Pháp là nên thỏa thuận với chúng tôi”.

Được hỏi về những tin đồn Chính phủ Sài Gòn đang chuẩn bị một bản tuyên bố thông báo họ từ chối không tiến hành những cuộc tuyển cử vào năm 1956, Phạm Văn Đồng tuyên bố:

“Đó sẽ là một quyết định rất nghiêm trọng, nhưng chính người Pháp các người phải chịu trách nhiệm, bởi vì chúng tôi đã ký hiệp định Genève với các người và chính các người có trách nhiệm phải làm cho nó được tôn trọng...”

“Sự thống nhất của Việt Nam bằng cách nào rồi cũng sẽ được thực hiện, với nước Pháp hoặc chống lại nước Pháp. Nhưng nếu nước Pháp cố tình chống lại, nó sẽ bị đánh bại, bởi người ta không thể nào ngăn cản bước đi của lịch sử”.

Nhưng đường lối chính trị của nước Pháp càng ngày càng hướng tới một sự hợp tác với Washington và Luân Đôn. Ngày 29/11, dưới áp lực cấu kết của Paris và Washington, Bảo Đại vẫn ở Cannes và Mỹ yêu cầu Mendès France đừng để ông ta trở lại Việt Nam, cách chức tướng Hình, tổng tham mưu trưởng quân đội là người đối lập với Ngô Đình Diệm. Tướng Ely, Cao ủy Pháp và là Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, bảo vệ cho một sự thỏa thuận chặt chẽ với Hoa Kỳ. Tại Sài Gòn, các tướng Ely và Collins đã ký tắt với nhau, ngày 13/12, “một hiệp định thành lập và huấn luyện những lực lượng vũ trang Việt Nam tự trị”: Nước Pháp, chậm

nhất là ngày 01/7/1955, sẽ trao quyền tự trị hoàn toàn cho lực lượng vũ trang Việt Nam. Nhưng ngay từ ngày 01/01, toàn bộ trách nhiệm tổ chức và huấn luyện những lực lượng đó sẽ do trưởng phái đoàn quân sự Mỹ đảm nhiệm; phái đoàn này sẽ cung cấp cả huấn luyện viên và cố vấn.

Bản hiệp định được Mendès France và Dulles bàn cãi ở Paris, ngày 18/12, đã được hai chính phủ phê chuẩn. Quân đội Việt Nam từ đây sẽ do Hoa Kỳ trực tiếp tài trợ, huấn luyện và trang bị. Vì nền độc lập chính trị và kinh tế trọn vẹn cuối cùng sẽ được Pháp thừa nhận cho Việt Nam ngày 30/12/1954, cho nên viện trợ của Mỹ sẽ có thể đến thẳng với Chính phủ Sài Gòn không cần qua trung gian của Pháp.

Thực tế, nước Pháp đã bỏ cuộc[\[77\]](#).

• Kết thúc

Tại Hà Nội, những người mà sau hiệp định Genève, từng lưu ý Chủ tịch Hồ Chí Minh nên cảnh giác, đã nhấn mạnh rằng không thể nào tin vào người Pháp, bởi vì cũng vẫn những lực lượng của những năm 1946-1948 ấy đang nắm quyền hành ở Paris, đang thắng lợi và đang yêu cầu rút ra những kết luận từ sự xáo trá nói trên.

Ngày 22/1/1955, tướng Ély báo cáo về Paris về một cuộc hội kiến khá dài tại Sài Gòn giữa ông ta với ông Desai, người Ấn Độ, Chủ tịch Ủy ban Quốc tế Kiểm soát hiệp định Genève.

Desai thừa nhận với Ély, quả có một sự cương quyết rắn rỏi hơn trong thái độ của Hà Nội.

“Ông Desai có nói rằng Trung Quốc và nhất là Liên bang Xô Viết đang tác động rất mạnh đến những nhà lãnh đạo của Hà Nội; họ nhấn mạnh rằng thật không còn gì để mà chờ đợi ở hiệp định Genève nữa, bởi vì các điều khoản quân sự thì còn được Bộ Chỉ huy các lực lượng Liên hiệp Pháp tôn trọng, nhưng các điều khoản chính trị, được phác thảo trong điều 14 và phát triển trong bản tuyên bố cuối cùng, sẽ bị Chính phủ Sài Gòn, được sự ủng hộ của người Mỹ, bỏ rơi một cách có ý thức. Pháp sẽ không đủ khả năng chống lại định hướng mới này. Vậy là Việt Nam chỉ còn có một giải pháp, là hoàn toàn dựa vào các bạn đồng minh lớn của mình; mà chỉ có những đồng minh lớn ấy mới có thể hoạt động để tạo ra trên tầm cỡ thế giới một hoàn cảnh thuận lợi cho việc thực hiện những mục tiêu của Việt Minh đối với toàn bộ đất nước Việt Nam, vì nó mà Việt Minh phải sẵn sàng chiến đấu nếu cần...”

“Ông Desai đã phát biểu ý kiến rằng sẽ là điều đáng mong chờ nếu đến một lúc nào đó rất thuận lợi, một nhân vật rất cao cấp của Pháp tuyên bố chính thức và rõ ràng ý định của Chính phủ Pháp sẽ tôn trọng toàn bộ những điều khoản chính trị đã được ghi rõ trong việc tiến hành tuyến cử...”

Cái kết luận mà những nhà quan sát khác rút ra cùng trong thời kỳ đó là nước Pháp giờ đây không quan tâm gì tới Bắc Việt cả.

Việc đó có ý nghĩa là phó mặc Bắc Việt cho ảnh hưởng của Trung Quốc, điều mà Paris đã hoàn toàn khước từ không chấp nhận hồi đầu năm 1946, “Sic transit”... (...qua đi như vậy)[\[78\]](#)

Nước Việt Nam DCCH nhận rõ rằng nước Pháp ở miền Nam sẽ không thi hành một chính sách độc lập đối với chính sách của Hoa Kỳ và cuộc đàm phán Genève đối với nó, rốt cuộc, chỉ còn gần như là một trò bịp. Việc quân Pháp rút khỏi Hải Phòng hồi tháng 5 năm 1955 không chỉ mang ý nghĩa là chấm dứt sự hiện diện quân sự của Pháp tại miền Bắc Việt Nam. Nó còn chấm dứt cả mọi hy vọng hợp tác. Paris không làm gì, vì có lẽ người ta cũng chẳng có thể làm gì được nữa, để làm cho hiệp định Genève được thực hiện một cách dễ dàng.

Đáp ứng yêu cầu của Ngô Đình Diệm, trong tháng 4 năm 1956, Chính phủ Guy Mollet sẽ rút những đội quân cuối cùng của Pháp ra khỏi miền Nam Việt Nam và bằng sự kiện đó, chấm dứt một sự hiện diện quân sự đã kéo dài 97 năm trường. Lần này, nước Việt Nam đã ra khỏi và vĩnh viễn ra khỏi Liên hiệp Pháp và quỹ đạo của Pháp.

- “Kể cũng đáng công...”

Cuốn lịch sử “cuối cùng” của cuộc chiến tranh Đông Dương còn phải viết. Nhưng lịch sử “xác thực” về những mối quan hệ của nước Pháp với Hồ Chí Minh thì giờ đây đã được biết “trong những nét cơ bản của nó”. Nó là một cuốn lịch sử mẫu mực một cách đáng buồn.

Dù người ta có thể còn có những ước tính như thế nào đi nữa về lòng trung thực hay về sự giả dối của ông Hồ Chí Minh và về điều đã có thể xảy đến như người ta đã biết nghiêm túc tin vào lòng trung thực của ông, thì thực tế vấn đề cũng chỉ cô đọng lại trong hai câu nói của tướng Leclerc:

Câu thứ nhất: “Bởi rõ ràng là người ta không thể nào dùng sức mạnh để phá tan tinh thần quốc gia của Việt Nam, thì phải làm cho lợi ích của hai bên dung hòa với nhau và Hồ Chí Minh là con người xứng hợp với việc này hơn cả”.

Câu thứ hai: “Chủ nghĩa chống cộng vẫn chỉ là một chiếc đòn bẩy thiếu điểm tựa chừng nào mà vấn đề quốc gia chưa được giải quyết”.

Đây là điều ghi nhận thứ nhất, mà sự lùi lại về thời gian cho phép chúng tôi được nói lên: nước Pháp đã thất bại trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Nó đã tự gấp lại mình năm 1954 tại Việt Nam, ở cùng một chỗ với hồi tháng 2 năm 1946, cộng thêm những người chết, những người bị thương, những đổ nát và hận thù. Cuối cùng nước Pháp đã bị ông bạn đồng minh là nước Mỹ hất văng ra khỏi Việt Nam. Tóm lại, là một tai họa về người và thiết bị và một kết quả thảm hại.

Tại Đông Dương, vào tháng 3/1946, nước Pháp đã khôi phục lại một cách mỹ mãn địa vị tinh thần và chiến lược của mình, và chỉ một gang tay nữa là đã có thể đi tới một hiệp ước lâu dài bền vững với chủ nghĩa quốc gia Việt Nam. Đúng lúc ấy, nó đã vấp ngã vì húc đầu vào những “quyền” mà nó nghĩ rằng nó “có” đối với Nam Kỳ, những cái “quyền” mà thực ra nó đã chiếm đoạt bằng sức mạnh, bằng sắt thép và khói lửa. Hơn thế nữa, để bảo vệ những “quyền” đó, nó đã dựa vào những viên quan cai trị, binh lính và cảnh sát. Thực ra nó không còn phương tiện nữa để duy trì, ở một nơi cách xa chính quốc 10 ngàn kilômét, nền thống trị của nó trên một dân tộc không những đã hoàn toàn thức tỉnh, mà từ đây đã nổi dậy. Đáng lẽ ra nó phải điều đình thì nó lại ngạo mạn từ chối. Và tất cả đã đổ nhào, trong không đầy sáu tháng, vào cuộc chiến tranh.

Một điều không thể không đập vào nhận thức của tất cả những sử gia còn nghiêng đầu nghiên cứu sự kiện này, là sự vắng mặt, ở Paris cũng như ở Sài Gòn, không phải chỉ của mọi tấm lòng “quảng đại”, mà chủ yếu là sự vắng mặt của mọi quan điểm lịch sử, của mọi cái nhìn hiện thực về tương lai. Ở cạnh một nước Trung Hoa và một nước Ấn Độ, mà đi khước từ mọi diễn biến của tinh thần quốc gia đối với nước Việt Nam chỉ có mong muốn thống nhất Tổ quốc và giành lại độc lập cho mình, như vậy thì quả là điều vô nghĩa lý?

Tư tưởng chống cộng về căn bản chỉ là một cái duyên cớ như người ta sẽ thấy với Bảo Đại. Thực chất vấn đề chẳng qua là sự từ chối của một giai cấp lãnh đạo (gồm các bọn quan cai trị) và bọn thực dân không chịu trả lại cho một dân tộc lệ thuộc cái quyền lực mà chúng đã tước

mất của họ. Nhất là khi giai cấp lãnh đạo đó hiểu rằng quyền lực này có nguy cơ sẽ chuyển vào tay Nguyễn Ái Quốc - “Người của Mạc Tư Khoa”, con người đáng ghét nhất của cảnh sát Pháp từ hai mươi năm nay... đơn giản là người ta không muốn buông rơi quyền lực, nhất là buông rơi một cách có lợi cho Hồ Chí Minh, mặc dù đó là con người mà Leclerc đã nhận định là “xứng hợp” hơn cả để thực hiện dung hòa những lợi ích của Việt Nam và của Pháp.

Một sự “tính toán sai lầm” khác: tưởng rằng “chơi trò chống cộng” thì nước Pháp cứu vãn được thể diện của mình. Dĩ nhiên là khi Pháp chơi lá bài này, tại nơi này, thì nó cũng sẽ không cân bằng nổi với Hoa Kỳ được bao lâu, và một ngày kia sẽ đến rất nhanh nơi mà những phái quốc gia chống cộng của Việt Nam, vốn rất khát vọng tiền tài và chẳng có quan hệ văn hóa, hay chính trị gì với Pháp, sẽ quay đầu sang phía Hoa Kỳ.

Nước Pháp chỉ có thể duy trì địa vị của mình ở Việt Nam bằng cách liên minh với những người Việt Nam tiến bộ mà chính Pháp đã ít nhiều góp phần đào tạo nên và cảnh giác đối với Hoa Kỳ cũng như với Trung Quốc. Những người này họ cần đến nước Pháp để chống lại những tham vọng của Trung Quốc và Mỹ. Và, điều cơ bản hàng đầu là họ có dân chúng ủng hộ. Thực tế, họ chính là “đảng của nhân dân”. Người ta phản đối, người ta nhắc lại những hành động quá khích, thô bạo và ghê rợn của Cách mạng Tháng Tám. Nhưng mà cái đảng Việt Minh bị bêu diếu quá nhiều đó, chỉ có thể là trước sau gì rồi cũng phải loại bỏ những phần tử cực đoan của nó đi. Đây là một chuyện đánh cược mà Leclerc cùng Sainteny đã làm và bị bọn dèm pha và phá hoại phê phán, trong khi d’Argenlieu rút cuộc đã liên kết với những kẻ trước kia từng bị thôi miên vì những “vụ tàn sát tháng 9” và vì bản tuyên ngôn của nước Dân chủ Cộng hòa do những “tên tù khổ sai” công bố. Cái chính đảng thực dân của những tên quan cai trị và bạn bè của chúng tưởng có thể, như năm 1885, lại đặt lên trên đầu trên cổ nước Việt Nam vừa bị “tái chinh phục”, những tên “bù nhìn”. Như thế đó, cái huyền thoại của nước Pháp khai hóa văn minh - và cách mạng - được người bản xứ và các dân tộc miền yếu nhưng bị những phần tử ưu tú căm ghét, một lần nữa lại bị phá sản. Dù là thuộc cánh hữu hay cánh tả người Pháp luôn luôn tưởng có thể đối lập dân chúng với những kẻ lãnh đạo họ và tưởng mình có quyền can thiệp ở mọi nơi để “bảo vệ dân lành”.

Đó là điều chưa bao giờ chấm dứt, từ những phái Jacobins và Girondins xưa kia cho đến ngày nay. Với cái huyền thoại một nước Pháp đi “khai hóa văn minh” ấy, người Bỉ, người Phổ, người Tây Ban Nha, người Nga, người Italia và người Mêhicô những thời đại trước đã biết cách đối phó, y hệt như người Việt Nam và người Algérie trong thế kỷ này.

Cuộc chiến tranh tai hại đó đã sớm hủy hoại đi tất cả những di sản và quyền lợi của Pháp tại Đông Dương, tức là tất cả những cái gì đáng cho người ta tiếp tục cuộc chiến tranh. Vậy nhưng người ta vẫn tiếp tục. Tóm lại là một cuộc chiến tranh hoàn toàn vô ích. Như Lecoq đã từng nói trong cái thời của ông ta: “Dĩ nhiên là không cần (bis) phải thay đổi Chính phủ...” ấy thế mà ngày hôm nay, những chính trị gia đã từng ủng hộ và những người đã từng làm cuộc chiến tranh này, đang tìm cách biện hộ cho nó.

Nhân dân Pháp và các chính đảng của nó có thể đã không biết, nhưng họ đã buông xuôi, không có mấy thắc mắc, y hệt như nhân dân Đức anh em của họ từ năm 1933 đến 1945. Trách nhiệm đúng là của tập thể, và nước Pháp, “Nước Cộng hòa và quân đội của nó”, sẽ không bao giờ đối diện với Việt Nam mà còn có thể có “lương tâm trong sáng” được nữa.

Sau 40 năm bị che giấu, kể cũng đáng để cho người Pháp, và cả những người khác nữa, biết được ai là người chịu trách nhiệm về cái thảm họa lớn lao này lắm chứ!...

LỜI BẠT CỦA DỊCH GIẢ

“Paris - Saigon - Hanoi, một cuốn sách quý, nên đọc và cần đọc.”

Năm 1991, tôi sang Pháp làm công tác nghiên cứu dịch thuật văn học bên cạnh Viện Quốc gia Văn minh và Ngôn ngữ học phương Đông Paris (INALCO). Tôi hân hạnh được Tiến sĩ Thu Trang giới thiệu tôi với nhà sử học lớn của Pháp, Philippe Devillers, Giám đốc Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu khoa học (CNRS), chuyên theo dõi viết về Lịch sử cận đại và hiện đại Việt Nam.

Đồng cảm sâu sắc, ông đã tin tưởng giao phó cho tôi dịch và xuất bản cuốn sách của ông, Paris - Saigon - Hanoi, tài liệu mật của các Bộ Quốc phòng, Ngoại giao và Pháp quốc hải ngoại của nước Pháp liên quan đến cuộc chiến tranh Pháp-Việt giai đoạn 1944-1947. Nó phản ánh một tấn bi kịch lớn đã diễn ra trong thực tế khách quan của lịch sử, với một ngòi bút cố gắng khách quan nhưng không giấu nổi tấn bi kịch thứ hai cũng tồn tại mãnh liệt trong tâm hồn và ý thức của người viết. Phải dũng cảm lắm, phải cao thượng lắm mới dung hoà nổi trong cùng một cuốn sách tấm lòng yêu nước của một công dân luôn luôn thúc đẩy phải đồng tâm nhất trí với đồng bào mình và ý thức tôn trọng sự thực của một nhà viết sử. Philippe Devillers đã dung hoà được hai mặt đó. Cuốn Paris - Saigon - Hanoi là trí tuệ, là nghị lực là tâm huyết của tác giả. Nó đòi hỏi người dịch cũng phải mang tất cả tâm huyết và lòng dũng cảm của mình ra để chuyển nguyên vẹn đến tận tay bạn đọc Việt Nam, dân tộc Việt Nam, món quà hữu nghị vô giá của nhà sử học Pháp, cuốn “Paris - Saigon - Hanoi cho mọi người được đọc.

Trong lần xuất bản đầu tiên, năm 1993, ba nghìn bản đã được tiêu thụ hết chỉ trong vòng vài tháng. Nhiều bạn đọc, nhất là ở miền Bắc, kể cả Hà Nội, Hải Phòng, không mua được, đã đề nghị tái bản. Bởi đây là món quà của tình hữu nghị chân thành cho tất cả bạn đọc Việt Nam, cho nên ai cũng muốn có phần của mình, cùng chia sẻ niềm tự hào được thấy hiện lên qua cuốn sách cái dũng khí của dân tộc Việt Nam mà Bác Hồ là một tiêu biểu sáng ngời.

Trước một kẻ thù giả dối, xảo quyệt, mạnh gấp trăm lần về vũ khí; Bác vẫn khẳng định lập trường yêu nước sắt thép của mình bằng những lời lẽ, lạ thay, luôn luôn mặn nồng tình nghĩa, chân thực, thiết tha:

“Với những người đàn ông và những phụ nữ Pháp yêu công lý và tự do, hiểu biết và bảo vệ nguyện vọng của chúng tôi, với những người đàn ông và phụ nữ đó, thật sự là những chiến sĩ ưu tú nhất bảo vệ lợi ích chân chính của nước Pháp và của Liên hiệp Pháp, tôi xin gửi lời cảm ơn nồng nhiệt chân thành. Tôi kêu gọi nhân dân Pháp hãy làm cho cuộc chiến tranh huynh đệ ấy sớm chấm dứt, cho Năm Mới 1947 mang lại hoà bình và hữu nghị giữa hai nước Pháp và Việt Nam... Tôi cũng xin gửi lời Chúc mừng Năm Mới đến Ngài Bộ trưởng Marius Moutet mà tôi mong muốn sẽ được hân hạnh có một cuộc gặp gỡ tại Hà Nội...”

(Thư Hồ Chủ tịch gửi Marius Moutet ngày 1/1/1947)

“Một lần nữa, chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng dân tộc Việt Nam chỉ mong muốn một điều là thống nhất và độc lập trong Liên hiệp Pháp và chúng tôi cam kết tôn trọng những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp tại Việt Nam...”

(Trích thư Hồ Chủ tịch gửi Thủ tướng Ramadier, ngày 21/3/1947)

Ngày 19/4 Bác Hồ lại viết thư cho Chính phủ Pháp:

“... Để chứng minh sự gắn bó chân thành của Việt Nam đối với hoà bình và tình hữu nghị của nó đối với nhân dân Pháp, Chính phủ Việt Nam đề nghị với Chính phủ Pháp chấm dứt ngay tức thời mọi hành vi chiến tranh và mở ngay những cuộc đàm phán nhằm đi đến một giải pháp

hoà bình cho cuộc xung đột...”

(Paul Mus: Tôi đã gặp Hồ Chí Minh (J'ai rencontré Hồ Chí Minh), báo Người Bình Dân (Le Populaire) số ra ngày 9-6-1947)

Tướng Hồ Chủ tịch đã có phần xuôi chiều, “Cao ủy mới Bollaert - tác giả viết tiếp - và tướng Valluy đặt ra cho cuộc ngưng chiến do Chính phủ Việt Nam đề nghị những điều kiện hết sức hà khắc. Vậy là nhiệm vụ thăm dò của giáo sư Paul Mus đã biến thành một cuộc trao đổi tối hậu thư để rồi nhận một câu trả lời đã trở thành lịch sử của Hồ Chí Minh (ngày 12/5):

“Nếu chúng tôi chấp nhận những điều kiện đó, chúng tôi sẽ là những kẻ hèn nhất. Trong Liên hiệp Pháp không có chỗ cho những tên hèn nhất”.

(Paul Mus: Tôi đã gặp Hồ Chí Minh (J'ai rencontré Hồ Chí Minh), báo Le Populaire, số ra ngày 29-6-1947)

Và bao nhiêu đoạn trích khác để lại một ấn tượng đẹp tươi về cái trí tuệ thông minh tuyệt vời, về cái chí khí và cái nghị lực sắt thép phi thường được diễn đạt qua một ngôn ngữ bình dị, trong sáng và thân mật, và đẹp nhất là tấm lòng của Bác luôn luôn thiết tha gần bó thịt xương với nước với dân mình cũng như với bè bạn năm châu.

Cảm ơn biết bao Nhà sử học Philippe Devillers đã để lại trong lòng người dân Việt Nam, bên cạnh những hình ảnh xấu xí đáng kinh tởm của chủ nghĩa thực dân hỗn xược, xảo quyệt, lừa thời, là những hình ảnh đẹp tươi không bao giờ quên được của một dân tộc anh hùng, nhân nghĩa, trung thực, thủy chung, mấy ngàn năm không ngừng đấu tranh cho độc lập, thống nhất đất nước, cho hạnh phúc và tiến bộ của nhân dân, cho dân chủ, hòa bình và hữu nghị, trong đó hình ảnh trung tâm đẹp nhất là hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, người con vĩ đại của dân tộc anh hùng...

Một lần nữa, tôi chân thành cảm tạ Nhà sử học Philippe Devillers, Tiến sĩ sử học Thu Trang, Nhà xuất bản Gallimard, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, Tổng lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh, cùng Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và ông Vũ Hùng, đã giúp đỡ vật chất và tinh thần cho cuốn Paris - Saigon - Hanoi đến được tận tay đông đảo bạn đọc xa gần, trong nước cũng như ngoài nước, với tư cách là món quà hữu nghị rất đáng trân trọng của Tác giả.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2003

Dịch giả: Hoàng Hữu Đản

NGUỒN TƯ LIỆU GỐC VÀ THƯ MỤC

A. Tài liệu gốc chưa xuất bản:

Những tài liệu gốc của tác phẩm này thuộc những kho lưu trữ sau đây:

1. Lưu trữ của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Hồ sơ Đông Dương) đặt tại Lưu trữ Quốc gia (phần hiện đại) được tham khảo nhờ sự cho phép đặc biệt của ông Jean Favier, Tổng Giám đốc lưu trữ (thư ngày 10/5/1983 và ngày 7/2/1985).
2. Lưu trữ của bộ Pháp quốc Hải ngoại (Đông Dương), đã được tham khảo tại Lưu trữ Quốc gia (phần Hải ngoại) Paris, đường Oudinot, trước khi nó được chuyển về Aix-en-Provence tháng 7/1986.
3. Lưu trữ của bộ Ngoại giao (chủ yếu các kho lưu trữ Các nước Liên hiệp 1945 - 1957) tại Paris. Quai d'Orsay (Bộ Ngoại giao Pháp - LND).
4. Lưu trữ của Vụ Lịch sử Lục quân (lâu đài Vinceunes).
5. Lưu trữ tư nhân (có giấy phép đặc biệt):
 - Lưu trữ G. Bidault và H. Laurentie, đặt tại Lưu trữ Quốc gia (phần hiện đại).
 - Công văn giấy tờ Moutet và Monguillot, đặt tại Lưu trữ Quốc gia (phần Hải ngoại). –
 - Lưu trữ J. Sainteny, đặt tại Tổ chức khoa học chính trị quốc gia (Cục Lưu trữ lịch sử hiện đại).

B. Tài liệu gốc đã xuất bản: Cơ bản nhất vẫn là những tác phẩm dưới đây:

Thierry D'ARGENLIEU: Niên giám Đông Dương 1945 - 1947, Albain Michel, Paris, 1985.

Georges CHAFFARD: Hai cuộc chiến tranh Việt Nam, La Table Ronde, Paris, 1969.

King CHEN: Việt Nam và Trung Quốc, 1938 - 1953, Princeton University Press, Princeton, 1969.

Philippe DEVILLERS: Lịch sử Việt Nam từ 1940 đến 1952, Seuil, Paris, 1952.

Jean Julien FONDE: Điều đình bằng mọi giá, Laffont, Paris, 1971.

Paul ISOART (nxb): Đông Dương thuộc Pháp 1940 - 1945, PUF, Paris, 1983 (bài của P. Isoart và M. Shirashi).

Archimèdes PATTI: Tại sao Việt Nam? University of California Press, Los Angeles, 1980.

Jean SAINTENY: Lịch sử một nền hòa bình bị bỏ lỡ, Fayard, Paris, 1967.

Raoul SALAN: Hồi ký (quyển I: Kết thúc của một Đế quốc), Presses de la Cité, Paris, 1970.

Stein TONNESSON: The Outbreak of the War in Indochine 1946, PRIO, Oslo, 1983; dịch năm 1946: Sự bùng nổ của chiến tranh Đông Dương, L'Harmattan, Paris, 1987.

Và cuối cùng là

G. PILLEUL (nxb): De Gaulle và Đông Dương, Plon, Paris, 1982 (văn bản cuộc hội thảo của Viện Charles de Gaulle, Paris, 2/1981).

C. Sau nữa, có thể kể một vài tác phẩm bổ ích:

Henri AZEAU: Hồ Chí Minh, cơ may cuối cùng. Flammarion, Paris, 1968.

Claude de BOISANGER: Người ta có thể tránh cuộc chiến tranh Đông Dương, Hồi ký 1941 - 1945. A. Maisonnneuve, Paris, 1977 Georges CATROUX: Hai hồi của tấn bi kịch Đông Dương, Plon, Paris, 1969.

Jean DECOUX: Cầm tay lái Đông Dương, Plon, Paris, 1949.

Peter M. DUNN: Cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất, C. Hurst & Co, Londres 1985.

Paul MUS: Việt Nam - Xã hội học của một cuộc chiến tranh, Seuil, Paris, 1952.

NGÔ VĂN CHIÊU: Nhật ký của một chiến sĩ Việt Minh, Seuil, Paris, 1955.

Alain RUSCIO: Những người Cộng sản Pháp với cuộc chiến tranh Đông Dương, L'Harmattan, Paris, 1985.

Gabriel SABATTIER: Số phận của Đông Dương, Plon, Paris, 1952.

Và sau cùng là

Gilbert BODINIER (nxb): 1945 - 1946, Nước Pháp trở lại Đông Dương, SHAT, Vincennes, 1987.

Bốn mươi năm chiến tranh không ngừng, một trong những tấn bi kịch lớn của thế kỷ XX, mà nguồn gốc cụ thể trong những năm 1945 - 1946, vẫn luôn luôn nằm trong bóng tối.

Paris và Sài Gòn đã rêu rao cái luận đề “Việt Minh tấn công”.

Trong cuốn “Lịch sử Việt Nam” (1952), Philippe DEVILLERS đã quét bay hết những câu chuyện hoang đường và những lời giả dối trắng trợn. Việc mở cửa các kho lưu trữ công cộng và những tư liệu cá nhân đã cho phép ông, 35 năm sau, ghép trở lại cái trò chơi ghép hình cũ và đi đến những kết luận dứt khoát. Những kết luận này chứng minh cái điều mà lâu nay người ta dè dặt lắm mới dám đưa vào giả thiết: cái xấu xa, tồi tệ nhất!

Lưu trữ a Gallimand Julliard.

HẾT

Chú Thích

[1]

Philippe Devillers đến Sài Gòn cùng với tướng Leclerc tổng chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, đã làm việc tại cơ quan báo chí của Bộ Tham mưu, đồng thời là phóng viên các báo Caravelle, Paris - Sài Gòn và thông tin viên bí mật của báo Le Monde, Paris.

[2]

Những năm trước đây, khi quyển sách ra đời, Ban Khoa học xã hội của những người Việt Nam tại Pháp cũng đã dự định dịch và phổ biến.

[3]

Vào khoảng tháng 10/1990 trong cuộc hội thảo quốc tế: “Tướng Leclerc và Đông Dương 1945-1947”, tại Paris, quan điểm này đã được nhiều người nhấn mạnh.

[4]

Theo lời của tác giả gửi tặng nhà khảo cứu văn học Hoàng Hữu Đản đề ngày 17/7/1991.

[5]

Trụ sở Chính phủ Pháp.

[6]

Ở đây, tác giả xin tỏ lòng biết ơn các bà Bidault và Sainteny đã vui lòng cho phép tác giả được tham khảo các tư liệu lưu trữ của chồng, và bà Irigin, quản đốc Lưu trữ Quốc gia, đã hướng dẫn rất bổ ích cho tác giả trong việc tìm hiểu những kho sách và tư liệu mà bà có trách nhiệm bảo quản.

[7]

Trong nguyên bản là “Jacqueries” - tức những cuộc nổi dậy của nông dân Pháp.

[8]

Charles de Gaulle: Hồi ký chiến tranh, tập I: L’Apple – Paris, 1954 - page 137.

[9]

Epinal, một thành phố của Pháp, nổi tiếng về sản xuất tranh ảnh, thảm... (ND).

[10]

Hoàng đế La Mã (trị vì từ 211-217) lên ngôi sau khi đã giết anh là Géta. Triều đại ông ta là một loạt những tội ác và hành động điên cuồng. Ông ta đã giết trên 20.000 người và cuối cùng bị ám sát theo lệnh của Tổng trấn Pháp đình Macrin. Macrin giết Caracalla xong lên ngôi hoàng đế - (LND).

[11]

Thực ra là Phạm Viết Tư, tổng bí thư Mặt trận.

[12]

[\[13\]](#)

Xem công hàm của tướng Pechkoff, đại sứ Pháp tại Trùng Khánh, số 482 ngày 23/4/1945 (AN, AP 457, C. 127) được các thông điệp của Pháp và Mỹ xác minh.

[\[14\]](#)

Phương hướng chỉ đạo của tướng De Gaulle ngày 21/4/1945.

[\[15\]](#)

Cuộc tiếp xúc diễn ra tại chiến khu 2 (Cao Bằng), chủ yếu do thiếu tá Reul.

[\[16\]](#)

OSS có liên hệ với Việt Minh từ một thời gian gần đây. Người cầm đầu mới của OSS tại Côn Minh là Đại úy Patti, ngày 27/4 đã có dịp gặp ông Hồ Chí Minh. Ông Hồ Chí Minh trước đó, ngày 29/3, đã được tướng Chennault, chỉ huy không quân Mỹ tại Hoa Nam (14 e Air Force) đón tiếp. Patti gặp Sainteny lần đầu tiên ngày 18/5.

[\[17\]](#)

AGAS = Air Ground Air Service: cơ quan quân sự Mỹ chịu trách nhiệm đi thu hồi, trong khu vực đối phương, những phi công “mất tích” do súng đạn phòng không Nhật bắn rơi.

[\[18\]](#)

Jupiter là bí danh của De Gaulle trong những cuộc liên lạc của DGER tại Viễn Đông.

[\[19\]](#)

Trung Hoa Dân Quốc.

[\[20\]](#)

Tức ngày mà chính phủ Trùng Khánh tuyên bố thông báo quyết định của Đồng minh giao cho Trung quốc trách nhiệm quân sự về miền Bắc Đông Dương.

[\[21\]](#)

Ngày 11/8, một bức điện của đại sứ quán Pháp tại Trùng Khánh thông báo cho Paris biết bản tuyên bố này, tức là biết quân Trung Quốc sắp sửa kéo vào Đông Dương ngay tức thời.

[\[22\]](#)

Ngày 25/8, De Gaulle có đọc tại Washington một bản tuyên bố liên quan đến Đông Dương:

“Trong giờ phút quyết định này, Nước Mẹ gửi tới những đứa con của mình tại liên bang Đông Dương bằng chứng của niềm vui sướng, chăm sóc và biết ơn của mình”.

Bản tuyên bố ngày 19/8 không mấy thích hợp với tình hình thực tế lúc đó: “Qua thái độ của họ trước kẻ xâm lăng, qua lòng trung thành của họ đối với nước Pháp, những người con của Đông Dương đã tỏ ra xứng đáng với một cuộc sống dân tộc phóng khoáng, tự do hơn”.

[\[23\]](#)

Đoạn này cho thấy ông đô đốc đã nắm được những đề nghị của Việt Minh.

[24]

Trong một công văn ngày 29/8/1945, Laurentie đã nhận định tình hình An Nam và Đông Dương một cách nói đầy đủ và sáng suốt.

[25]

D'Argenlieu chỉ nhận được thư này vào ngày 3/10.

[26]

Từ đây chúng tôi sẽ dịch GRA là “Chính phủ Cách mạng Việt Nam” - LND

[27]

Tướng Alessandri và L. Pignon cùng từ Côn Minh đến Hà Nội ngày 19/9. Nhưng Alessandri từ chối không dự lễ “đầu hàng” của quân Nhật ngày 27/9 vì lá cờ Pháp không có mặt trong buổi lễ đã dành mà bản thân ông ta cũng bị đặt vào một vị trí mờ nhạt (giấy mời số 106). Những người Pháp ở Bắc Kỳ, đứng trước ngày quân Trung Quốc đến Hà Nội, đã bị tước đoạt nhiều của cải, mà Sainteny vẫn không có quyền hành gì, đành chịu không thể phản đối một cách có hiệu quả và sôi giận trước tình hình này qua bức điện ngày 13/9 gửi Calcutta.

[28]

Ngày 26, ông Giáp, Bộ trưởng Nội vụ ra một “bản thông cáo cho kiều dân Pháp tại Hà Nội” khuyên họ tránh mọi khiêu khích nguy hiểm, nhưng đồng thời bảo đảm cho họ về thiện chí của người Việt Nam (Sainteny - Sách đã dẫn).

[29]

Hoàng Minh Giám, Tổng thư ký Chính phủ.

[30]

Bí danh của d'Argenlieu.

[31]

Từ ngày 9 đến 13/10 d'Argenlieu đi Trùng Khánh gặp các nhà lãnh đạo cao cấp nhất Trung Quốc, được họ vỗ về xoa dịu. Mặt khác, cuối tháng 9, De Gaulle tại Paris tiếp T.V. Xoong, chủ tịch chính phủ Trung Quốc.

[32]

Quân Trung Quốc yêu cầu Pháp chi cho việc bảo dưỡng quân Trung Quốc một trợ cấp hằng tháng 210 triệu đồng bạc. Pháp chỉ đồng ý 96 triệu. Ngày 17/11, Sài Gòn ra lệnh hủy các giấy bạc 500\$. Quân Trung quốc điên lên vì họ tích trữ loại giấy này khá nhiều.

[33]

Trưởng phái đoàn Mỹ ở Hà Nội bên cạnh tư lệnh trưởng quân đội Trung Quốc tại Bắc Đông Dương.

[34]

Bí thư khu Bắc Kỳ của đảng xã hội Pháp (SFIO).

[35]

Đây nói đến ông hoàng Vĩnh San - tức cựu Hoàng đế Duy Tân bị chính phủ thuộc địa truất ngôi năm 1916 và đày đi La Réunion - tham gia “Nước Pháp tự do” năm 1942. Tháng 6/1945 ông được đưa sang Pháp, được phiên chế vào DIC (Sư đoàn Đông Dương) trú quân tại Đức. Được thiếu tá De Boissieu giới thiệu, Duy Tân được tướng De Gaulle tiếp ngày 14/12. Ông tán thành nước Việt Nam độc lập và thống nhất, đồng minh của nước Pháp. Hình như De Gaulle có nói đến việc đưa ông trở lại ngôi vua vào mùa xuân. Dù thế nào thì cũng được thực hiện một chuyến thăm dò về Việt Nam. Nhưng trước khi đi Sài Gòn, ông muốn về thăm gia đình ông La Réunion. De Gaulle thì không nói gì cho d’Argenlieu biết về việc này. D’Argenlieu được biết về sự kiện này nhờ đó De Langlade (D’Argenlieu: Thời sự biên niên Đông Dương, trang 113)

[36]

Thiếu tá Mus từ tháng 8/1945 là cố vấn chính trị của tướng Leclerc.

[37]

Tướng Boissieu có kể rằng De Gaulle đã tuyên bố: “Nước Pháp quả là không may” và sự kiện đó càng làm cho ông thêm thất vọng trong cuộc thử thách sức mạnh với các đảng phái.

[38]

Trong một bài diễn văn đọc tại Huế ngày 4/2, ông Giáp có nói: “Hồ Chủ tịch được toàn dân hoàn toàn ủng hộ, nhưng nếu ngày mai Người điều đình với Pháp trên những nền tảng khác ngoài độc lập thì lập tức Người sẽ bị lật đổ ngay”. (Báo quyết chiến, Huế, 5/2/1946).

[39]

Thực ra, phía Trung Quốc sợ rằng sau hiệp định Pháp - Trung, người Việt Nam sẽ nổi lên chống những người hoa kiều trong khắp cả nước. Họ yêu cầu Pháp bảo đảm sẽ giữ trật tự, nhưng vì không tin ở sự bảo đảm ấy, họ bèn yêu cầu có một hiệp định Pháp - Việt bảo vệ cho quyền lực của chính phủ Hà Nội.

[40]

Những dấu gạch chân dưới một số câu, dòng là của tác giả muốn nhấn mạnh - LND.

[41]

Ông Hồ Chí Minh sẽ tự nói với mình “rất hài lòng về những cuộc tiếp xúc của ông với tướng Leclerc”: “Ông ta là một con người thẳng thắn, trung thực, thật thà, “un chic type” - một con người tử tế - như các ông nói trong ngôn ngữ Pháp. Chính với những người như thế mà người ta thường mong muốn được bàn bạc”. (Ông Hồ Chí Minh trả lời ông P.M. Dessinges, phóng viên đặc nhiệm báo Paris-Sài Gòn, số 11 ngày 3/4/1946, trang 6).

[42]

Trong nhật ký của mình, ông đô đốc có ghi rằng “sở dĩ Hồ Chủ tịch muốn đi Paris là vì ông có thể, cùng với phái đoàn của mình, tác động mạnh mẽ đến các chính khách phe tả và như vậy có thể gây áp lực đối với Chính phủ Lâm thời. Trước sau, vẫn là một lãnh tụ đảng đi vận động chính trị”. (Niên sử, tr. 240).

[43]

Một cuộc biểu tình tại Sài Gòn đòi lập một chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa.

[44]

Ở đây, ông đô đốc nói rằng sáng kiến của ông phù hợp với các chỉ thị của bộ trưởng Hải ngoại Pháp.

[45]

Tiếng La tin trong nguyên văn: ultima ratio.

[46]

Tác giả gạch chân - LND.

[47]

Ngày 27/5, D'Argenlieu vừa ký một quyết định thiết lập chức vụ “Ủy viên phụ trách các dân tộc miền Núi Việt Nam (PMSI)”.

[48]

Tại đây trong thời gian Paris bị chiếm đóng (Chiến tranh thế giới thứ 2), phát xít Đức đã bắn trên 4500 người Pháp - (1944) - LND.

[49]

Trong bức thư 24/Cab, ngày 7/7, ông đô đốc nhấn mạnh là chẳng cần phải nể nang gì những con người đó, cũng đừng để họ “lên giọng”... “Cho phép tôi lần nữa khẳng định rằng quyền lực của chúng ta đã được lập lại ở Đông Dương... vững vàng đến mức ta có thể tùy ý đồ của chúng ta mà làm cho chính sách tự do và sáng suốt của Chính phủ Cộng hòa chúng ta thắng thế tại Đông Dương”.

[50]

Tác giả gạch chân – LND.

[51]

Tư liệu do Sở Mật thám của Decoux cung cấp.

[52]

Chủ yếu là những sự kiện đã xảy ra tại Hòn Gai (7/7) và tại Bắc Ninh (3/8).

[53]

Tổng thư ký Ủy ban Labrouquère đã phải nhường chỗ cho Messmer, theo sắc lệnh ngày 8/8/1946.

[54]

Max André đã có nói với Phạm Văn Đồng: “Ngài hãy nên biết điều một chút, nếu ngài không biết điều thì ngài nên biết rằng chúng tôi có thể quét sạch các ngài đi trong hai ngày”.

[55]

Tiếng Latin trong nguyên văn: Ultima ratio.

[56]

Kết quả cuộc trưng cầu dân ý Pháp ngày 13/10 đã được biết.

[57]

Trong một bức thư ngày 25/10 gửi thống đốc Laurentie, Pignon viết: “Chống lại Hồ Chí Minh và Việt Minh chỉ có thể là một nền quân chủ thống nhất và dân chủ. Chính quốc có cho phép chúng ta chơi con bài này chăng?”. Ngay ngày 24/8, d’Argenlieu đã yêu cầu Chính phủ gọi Bảo Đại sang Pháp.

[58]

Xem “Chương VII: Sài Gòn, điểm nút của vấn đề - Sửa soạn một cuộc đảo chính”.

[59]

Rif là dãy núi sát bờ biển phía bắc nước Maroc. Đầu thế kỷ XX, người dân bản xứ, chủ yếu là người Berbères đã quyết liệt chống lại sự xâm nhập của thực dân châu Âu; thắng quân Tây Ban Nha năm 1921, nhưng cuối cùng thất bại năm 1925-26 trước liên quân Tây Ban Nha - Pháp. Lãnh tụ của họ là Abd-Elkarim đầu hàng. Đó là cuộc chiến tranh vùng RIF - Chú thích của người dịch.

[60]

Danaos, vị vua huyền thoại của xứ Lybie, rồi của xứ Argos, nơi mà ông ta trốn sang để tránh cuộc hôn nhân của 50 con gái ông - tức các nàng Danaïdes - với 50 con trai của anh ông là Egyptos. 50 chàng trai này sang Argos theo đuổi cho kỳ được. Các cô gái đành phải nhận lấy, nhưng theo mưu mô của Danaos, họ đã giết chồng mới cưới ngay đêm tân hôn, chỉ sót một chàng trai là Lyncée, chồng của nàng Hypermnestre. Lyncée bèn giết Danaos, còn 49 nàng Danaïdes bị xuống địa ngục Tartare và bị hình phạt: muôn thuở cứ phải đổ nước vào một chiếc thùng không đáy. LND.

[61]

Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng Bộ Nội vụ - LND.

[62]

Ngày 1/1/1947, Valluy sẽ viết rằng: ngày 9/12 ông ta đã trực tiếp gặp tướng Morlière để khuyên Morlière đổi lại với những biện pháp khiêu khích của Chính phủ Hà Nội nên có một thái độ cứng rắn hơn và không được để cho họ lợi dụng sự bị động của mình mà tăng cường những công việc càng ngày càng đe dọa an ninh của thường dân và quân đội Pháp. Tiếng Latin trong nguyên văn: “manu militari” bằng hành động quân sự.

[63]

Barjot gạch chân để nhấn mạnh.

[64]

Cuộc khủng hoảng nội các cũng vừa chấm dứt tại Sài Gòn, khi một nhân vật tai mắt của đạo Cao Đài, Lê Văn Hoạch, ngày 6/12 được bầu làm thủ tướng chính phủ thay Nguyễn Văn Xuân.

[65]

Trong báo cáo ngày 10/1/1947, Morlière có viết rằng: “Tại Hà Nội, những chương ngại vật ấy - trừ những cái mới dựng lên ngày 17 và 18/2 - căn bản đều nằm trong phạm vi khu người bản xứ và không trở ngại gì đến việc đi lại trong thành phố người Pháp” (do tác giả gạch chân -

LND).

[66]

D'Argenlieu sẽ nhận được bản tin đó khi ghé Tunis.

[67]

Ban Tổng Tham mưu Bộ quốc phòng (Pháp).

[68]

Gạch chân trong nguyên bản tổng kết.

[69]

Có những dấu hiệu đáng chú ý về sự khác biệt quan điểm giữa một bên là phủ Cao ủy (với Sở Mật thám và BEDOC - phòng lưu trữ Liên bang) và một bên là bộ chỉ huy (với SEHAN - Sở nghiên cứu lịch sử Hà Nội) về cách thức vô hiệu hóa Chính phủ Hà Nội.

[70]

Ông có biết đâu rằng người ta đã tìm mọi cách để ngăn trở cuộc tiếp xúc đó, kể cả việc chiếm đoạt những thư từ tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho chính ông ta, như cả “gói bưu kiện” ngày 3/12 nói dưới đây - LND.

[71]

Tướng Valluy thì sẽ được lên chức tướng ba sao (tư lệnh quân đoàn) “kể từ 20/2/1947”, theo đề nghị của Bộ trưởng Quốc phòng P. Coste-Floret. Đại tá Dèbes nhận chức chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương và được thưởng Bắc Đẩu Bội tinh.

[72]

Nói gì thì nói, ông đô đốc d'Argenlieu vẫn cứ phải dùng đến cái từ “Việt Nam” - LND.

[73]

Trong nguyên văn bằng tiếng Latin “divide ut imperes”.

[74]

Ông đô đốc nhấn mạnh.

[75]

Bảo Đại - LND.

[76]

Valluy đã cho tịch thu của những công chức hoặc quân nhân Pháp rời khỏi Việt Nam tất cả những tài liệu gì có thể phản ánh sự thực về những sự kiện mới xảy ra tháng 11-12 năm 1946.

[77]

Sau khi Chính phủ Diệm đã phê chuẩn hiệp định Ély-Collins, hiệp định này được chính phủ Edgar Faure xác nhận ngày 11/2/1955. Hôm trước, Bộ chỉ huy các lực lượng Liên hiệp Pháp tại miền Nam đã được chuyển cho Việt Nam, trong khi đó phái đoàn quân sự Mỹ phụ trách

huấn luyện quân đội Sài Gòn được thành lập.

[\[78\]](#)

Tiếng Latin trong nguyên văn (“Sic transit gloria mundi - danh vọng thế gian qua đi như vậy đó”) - lời đọc trong lễ tấn phong Giáo hoàng. - LND.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>